

# VIÊN GIÁC



SỐ - NR.

TẠP CHÍ CỦA KIỀU BÀO VÀ PHẬT TỬ VIỆT NAM TỶ NẠN TẠI CỘNG HÒA LIÊN BANG ĐỨC

**108**

*Zeitschrift der Vietnamesen und Buddhistischen Vietnamflüchtlinge in der Bundesrepublik Deutschland*

PL. 2542 ■ NĂM THỨ 20 ■ THÁNG 12 ■ JAHRGANG 20. ■ DEZEMBER 1998 ■ AUSGABE IN VIETNAMESSISCHE & DEUTSCH





**T**hế giới đang chuyển động. Tất cả đều hướng về thiên niên kỷ thứ 3 của quả địa cầu này. Ai nấy cũng đều nô nức đón chờ kỷ nguyên đầy trong sáng ấy và đồng thời cũng đầy thử thách cho hơn 6 tỷ người trên trái đất này.

Tại Hannover Đức Quốc sẽ có Hội Chợ Expo thế giới vào năm 2000 và ngay từ bây giờ mọi chuẩn bị cho đời sống vật chất cũng như tâm linh đã dàn trải ra mọi nơi ở thành phố nhỏ bé vốn có 850 năm lịch sử này. Ngày nay và ngày mai bộ mặt của thành phố cũng như của nhân dân ở đây sẽ có nhiều thay đổi.

Tại Sydney, Úc Đại Lợi, năm 2000 cũng có Thế Vận Hội Thế Giới tổ chức tại đây. Thành phố này bây giờ cũng đang nhận nhíp hẳn lên với muôn màu muôn sắc, nhằm giới thiệu văn hóa cũng như nếp sống của dân tộc mình cho những người đến tham dự Thế Vận Hội trong năm 2000. Tất cả đều nô nức và mọi người ai ai cũng hân hoan ra mặt; nhưng đồng thời cũng có lời tiên đoán rằng ngôi nhà Opera nổi tiếng của Úc làm trên mặt biển tại Sydney cũng vào năm 2000 ấy sẽ có những trận sóng thần từ biển thổi vào, sẽ cuốn đi biết bao nhiêu nhà cửa, sinh mạng, trong ấy có ngôi nhà hình con sò nổi tiếng ấy. Nếu điều này đúng quả là một tin đáng buồn. Vì sự chết chóc, nhiều nhướng sẽ xảy ra. Nếu không đúng, quả là sự tiên đoán sai; nhưng dẫu sai hay đúng điều ấy chứng tỏ rằng mọi vật chất trên thế gian này đều phải bị chịu sự vô thường chi phối như Đức Phật đã dạy.

Rồi Tòa Thánh Vatican năm 2000 cũng làm lễ kỷ niệm qua 2 thiên niên kỷ đạo Chúa đã có mặt nơi trần gian này. Cũng giống như cách đây 42 năm các xứ Phật Giáo Nam Tông đã kỷ niệm 2.500 năm sự hiện thị của Đức Phật. Tất cả đều thể hiện một niềm tin, một sự sống liên tục với giáo lý qua Đức Tin của mỗi người theo tôn giáo của mình.

Sau năm 2000 có lẽ thế giới loài người sẽ thay đổi. Cũng có thể vẫn minh hơn, mà cũng có thể tối tân hơn. Vì con đường phát triển cơ giới đã đi vào mê lộ. Nhưng dẫu sao đi nữa, năm 2010 cũng là năm đáng ghi nhớ đối với lịch sử Việt Nam, đặc biệt là với lịch sử Phật Giáo. Vì năm này sẽ là năm kỷ niệm 1000 năm Vua Lý Công Uẩn lên ngôi mở mang một triều Lý thịnh trị thái bình hơn 200 năm trong lịch sử. Người đã đưa vận mệnh của nước ta qua khỏi hố thẳm của lịch sử. Ngoài Vua Lý Công Uẩn ra, Thiền Sư Vạn Hạnh cũng là người đã có công rất lớn trong việc này. Chiếu dời đô về Thăng Long là do Vạn Hạnh Thiền Sư soạn; Lý Công Uẩn là học trò, nên đã chấp hành một cách nghiêm chỉnh và do vậy mà vận nước mới hanh thông. Chắc chắn rằng đến năm đó chúng ta phải làm lễ kỷ niệm thật trọng thể để ghi ơn hai bậc anh hùng của dân tộc vào lòng dạ của con dân, dầu sống ở nơi đâu, hay đang tồn tại dưới một hình thức nào đó.

Từ ngày 26 tháng 10 đến ngày 1 tháng 11 năm 1998 vừa qua tại Schneverdingen, một làng nhỏ tại miền Bắc nước Đức gần Hannover đã xảy ra một sự kiện quan trọng. Đó là Đức Đạt Lai Lạt Ma thứ 14 đã thăm viếng và giảng pháp nơi đây cho hơn một vạn người trong suốt một tuần lễ. Nơi này trước đây là một trại lính của Anh. Sau khi nước Đức thống nhất vào năm 1989 tất cả quân đội đồng minh đã ra đi. Bây giờ thay vào nơi đây là một niềm tin Tôn Giáo. Đó là Phật Giáo. Đã có không biết bao nhiêu triệu con tim qua báo chí, truyền hình, sách vở hướng về vị Bồ Tát hóa thân của Đức Quán Thế Âm, tượng trưng cho Từ Bi này. Cũng có không biết bao nhiêu tấm lòng và tâm thức mở rộng ra để đón mời một niềm tin tôn giáo mới, được hòa nhập vào nội tại để triển khai tâm thức của 57 dân tộc và qua 10 ngôn ngữ chuyển dịch để tạo thành một thế đứng vững vàng trong cuộc sống tâm linh cho mọi người. Họ là những người trí thức, công chức, quan quyền, dân dã v.v... họ đã đến đây và nguồn giáo lý vi diệu ấy đã tuôn xối xả vào lòng của những kẻ đã khát khao giác ngộ và giải thoát. Khiến cho ai nấy cũng hoan hỷ không có bút mực nào diễn tả cho cùng. Do vậy chúng ta có thể đoán chắc rằng thế kỷ thứ 21 của người Âu Mỹ là thế kỷ của Phật Giáo. Vì trong hiện tại ở xứ Đức này đã có hơn 400 Trung Tâm Tu Học Phật Giáo theo nhiều truyền thống khác nhau rồi.

Mong rằng giáo lý cao thâm vi diệu ấy sẽ là một chất liệu dưỡng sinh thiết thực và cao quý nhất để dẫn nhập chúng ta vào, không phân biệt chủng tộc, ngôn ngữ, văn hóa v.v... để làm tươi nhuận truyền thống văn hóa và tôn giáo tại xứ này. Mong rằng hoa giác ngộ sẽ nở rộ khắp trời Tây. Mong lắm thay!

● Ban Biên Tập Báo Viên Giác



## ● ĐOÀN VĂN THÔNG

# Bí ẩn về

# Tiền Kiếp và Hậu Kiếp

(Tiếp theo VG 107)

### ● Trường hợp người đàn bà Diane Strom

Bà Diane Strom có chồng, gia đình sung túc nhưng luôn luôn bà bị một nỗi lo âu dần vật trong lòng về vấn đề tiền bạc. Mỗi khi có điều gì liên quan đến tiền là bà sợ sệt lo lắng mất ăn mất ngủ nhất là phải nợ ai dù số tiền nhỏ mọn bà cũng vẫn canh cánh bên lòng vì bà linh cảm như mắc nợ ai thì rồi sẽ có một sự khủng khiếp ghê rợn xảy đến cho bà. Nỗi lo lắng lạ lùng ấy cứ xảy ra mãi làm bà Diane Strom trở nên một con người luôn luôn suy nghĩ, sợ hãi, hồi hộp như một người bị bệnh về giáp trạng tuyến bị tổn thương. Nhưng khi đến bác sĩ khám nghiệm thì kết quả bà chẳng có bệnh gì cả. Cuối cùng người bạn mách cho bà đến bác sĩ Morris Netherton người đã từng áp dụng phương pháp khơi dậy ký ức xa xăm hay nói khác đi là tiền kiếp của những người bị khủng hoảng tinh thần vô căn cứ. Khi truy nguyên được nguyên nhân thì sự khủng hoảng ấy sẽ mất dần đi.

Nghe lời bạn, bà Diane đến gặp bác sĩ Morris Netherton bà kể hết những gì ẩn khuất trong lòng cho bác sĩ nghe. Bác sĩ Netherton thuyết phục và khuyên dụ bà Diane thử nghĩ sâu xa về cuộc đời mình ngược về quá khứ để xem nguyên nhân nào đã gây nên sự lo sợ lạ lùng trong cuộc sống hiện nay của bà. Nhiều tuần lễ trôi qua. Nhờ phương pháp dẫn dụ ấy của bác sĩ Morris mà bà Diane có thể tập trung được tư tưởng mình và phát hiện được những cảm giác và hình ảnh lạ mà từ lâu bà chưa từng biết tới. Bà thấy mình là một bé gái ngây thơ tên là Rita. Rita là một đứa con rơi vì bị mẹ là một nữ kịch sĩ ở New York bỏ rơi khi vừa 2 tuổi. Lúc ấy Rita được một cặp vợ chồng ở Pennsylvania nhận về nuôi. Năm lên 13 tuổi, Rita lại bỏ vợ lần nữa vì cha mẹ nuôi bị tai nạn xe hơi qua đời. Bé Rita sống lạc loài không nơi nương tựa đến 6 năm trời và đến năm 20 tuổi Rita gặp một người đàn ông tên là Keith Mc Culluw, họ yêu nhau và cưới

nhau. Rita sinh hạ một trai, nàng cảm thấy hạnh phúc về mọi mặt vào lúc này, nàng lại có công ăn việc làm đáng hoàng. Rita chuyên vẽ kiểu thời trang và tự cắt may lấy ở một tiệm may mặc tại đại lộ thứ bảy ở New York. Nhưng cuộc sống sung sướng hạnh phúc không kéo dài được bao lâu. Mùa đông năm 1928 chồng Rita qua đời rồi năm sau đứa con nàng cũng bị bệnh rồi mất. Trong khi đó khắp Hoa Kỳ, tình trạng khủng hoảng kinh tế gia tăng trầm trọng. Rita bị vỡ nợ, số nợ quá lớn khiến phải phá sản và Rita tuyệt vọng đến độ phải tìm cái chết để giải quyết vấn đề. Nàng thất cổ tự vẫn ngay trong phòng làm việc hôm đó là ngày 11 tháng 6 năm 1933, lúc ấy Rita vừa đúng 30 tuổi...

Sau khi biết rõ chi tiết về cuộc đời mình, tự nhiên bà Diane Strom cảm thấy thoải mái trong lòng. Giống như một người đau khổ uất ức được khóc òa lên rồi sau cơn nức nở ấy bỗng cảm thấy được với đi phần nào đau khổ.

Nhờ các sự kiện xảy ra rất gần và các chi tiết rất rõ ràng nên bác sĩ Morris đã nhờ các nhân viên ở văn phòng lưu trữ hồ sơ, các sổ bộ ở New York kiểm chứng lại xem về những gì mà bà Diane đã cho biết như cửa tiệm may mặc ở đường số 7 tại New York, tên của người đàn ông Keith Mc Culluw, cái chết của nữ chủ tiệm may mặc tên là Rita v.v... Tất cả những gì được trả lời đều phù hợp với những điều mà bác sĩ Morris đã ghi nhận được từ bà Diane sau mỗi lần dùng phép dẫn dụ để ký ức bà trở về đời sống quá khứ hay nói khác đi là quay về những sự kiện xảy ra từ kiếp trước. Theo bác sĩ Morris Netherton thì tái sinh là câu giải đáp của vấn đề và Rita là tiền thân của bà Diane Strom.

### ● Trường hợp của Dolores Jay

Hai vợ chồng Carroll và Dolores Jay sống yên vui hạnh phúc trong một căn nhà lớn ở Hoa Kỳ. Ông Carroll là một mục sư có khả năng thôi miên và thường giúp nhiều người bị bệnh nhức đầu nhờ phương pháp thôi miên này. Riêng bà Dolores Jay,

vợ ông, thì có nhiều lần nằm ngủ và mở mắt thấy nhiều chuyện lạ lùng và bà thường la, hét, rên rĩ nói năng qua giấc mơ.

Ông Carroll quyết định áp dụng phương pháp thôi miên để tìm nguyên nhân sự việc đã khiến vợ ông nói mê sảng trong giấc ngủ. Qua nhiều lần thực hiện phương pháp thôi miên, bà Dolores Jay đã được đưa vào giấc ngủ và trả lời những câu hỏi của chồng rất có mạch lạc. Bà Dolores cho biết rằng trước đây bà là một cô gái Đức tên là Gretchen Gottlieb. Lúc 16 tuổi Gretchen cùng người cậu ruột cưỡi ngựa đi dạo thì bất thần bị một bọn cướp giết chết. Giờ đây, bà là Dolores nhưng hình ảnh về cuộc giết chóc khủng khiếp ấy cứ xuất hiện ngày càng rõ nét trong mộng tưởng. Điều kỳ lạ là phần lớn khi hỏi về hoàn cảnh, thời gian, địa điểm xảy ra sự kiện thì bà Dolores đều trả lời qua giấc ngủ thôi miên bằng tiếng Đức mà thôi. Ông Carroll đã mời một số chuyên viên biết tiếng Đức tới dự những buổi thôi miên của mình cho vợ là Dolores. Chính những người này đã nêu những câu hỏi mà họ tin chắc là bình thường bà Dolores không biết, không thấy, không nghe được vì nó thuộc về lịch sử, về những gì liên quan đến nước Đức cũng như sự sinh hoạt, phong tục, tập quán, nghĩa là đời sống hàng ngày tại Đức khoảng thời gian mà bà đã bảo mình là cô gái Gretchen. Tuy nhiên những câu trả lời của bà Dolores qua giấc ngủ thôi miên đều rất phù hợp với những sự thật vào hoàn cảnh đó ở Đức, mặc dầu bà Dolores sống ở Mỹ và chưa bao giờ học tiếng Đức hay đặt chân tới nước Đức.

Để được chắc chắn hơn, hai vợ chồng Carroll và Dolores đến gặp chủ tịch Hội Kiểm Nghiệm, dò xét người nói dối (Scientific Lie Detection Inc. ở New York vào năm 1974. Sau những câu hỏi hóc búa và đầy tính cách kiểm chứng của những nhân viên trong hội tập chú vào bà Dolores, với sự hỗ trợ của máy dò thì kết luận được đưa ra là bà Dolores hoàn toàn trung thực, tự nhiên và quả quyết trong các câu trả lời và đó là sự thật. Sự thật rõ ràng nhất cho thấy là chưa bao giờ bà Dolores nói tiếng Đức vì bà đã chưa bao giờ học tiếng Đức cả, bà cũng chưa bao giờ sống ở Đức. Vậy mà trong giấc ngủ thôi miên bà lại nói tiếng Đức và nói đúng giọng (các cuộn băng ghi âm được thu trực tiếp). Vậy phải chăng bà Dolores Jay là hậu kiếp của cô gái Đức này?

Mặc dù ông Carroll là một mục sư chuyên phục vụ ở nhà thờ Methodist và cũng là một nhà giáo nhưng ông tin rằng: Sở dĩ vợ ông là bà Dolores nói tiếng Đức một cách kỳ diệu như thế là do bà đã từng là một cô gái Đức ở tiền kiếp.

## • Trường hợp bé Dorothy eady

Dorothy Eady là một cháu bé được báo chí ở Anh một dạo bàn cãi sôi nổi về cuộc đời cô bé có nhiều vấn đề huyền bí lạ lùng. Năm 1903, bé Dorothy Eady chào đời và sống trong nhung lụa vì bé là con cưng của một dòng dõi quý tộc Anh quốc. Nhưng không may, năm lên 3 tuổi bé Dorothy Eady bị ngã từ cầu thang tòa nhà và tắt thở. Các bác sĩ tài giỏi đã thúc thời đến chữa chạy nhưng bé vẫn không lay tỉnh. Trong khi gia đình đang chuẩn bị làm lễ an táng thì hải贝 bỗng nhiên bé cựa mình và mở mắt, mọi người vô cùng kinh ngạc. Tuy nhiên bé Dorothy lúc bấy giờ có nhiều cử chỉ và lời nói rất khác lạ. Bé thường lấy tay tự che mặt mình như không muốn ai thấy và rất hiếm khi khóc. Trái lại Dorothy lại trở nên nghiêm nghị như người lớn. Khi người mẹ ăm hỏi "con muốn gì" thì bé Dorothy chỉ nói độc nhất một câu: "con muốn về nhà của con thôi!".

Mọi người trong nhà ai cũng cho là chuyện quái gở và các bác sĩ đã kết luận rằng bé đã bị chấn thương sọ não, các dây thần kinh bị tổn thương dễ gây nên điên loạn sau này. Có người lại bảo rằng bé Dorothy bị ma quỷ nhập vào hồn.

Tuy nhiên Dorothy càng ngày càng trở nên điềm đạm, chẳng chặc không có dấu hiệu gì là điên loạn, khờ khạo hay bị quỷ ám cả. Điều đặc biệt là bé rất thích đồ cổ nhất là các đồ của Ai Cập. Những thứ gì liên quan tới Ai Cập có trong nhà, Dorothy đều mang về phòng riêng trưng bày theo thú vị và nói rõ thời gian xuất hiện của mọi thứ. Vừa ngạc nhiên vừa muốn tìm hiểu, người cha của Dorothy đã đề nghị gia đình cùng đi với cháu bé đến Bảo tàng Viện nổi tiếng của Anh quốc, nơi lưu trữ những bảo vật quý giá của xứ Ai Cập cổ đại.

Mọi người trong gia đình đã lưu ý cử chỉ và thái độ của Dorothy khi cháu bước vào khu trưng bày những cổ vật Ai Cập. Cô bé sững sờ, hai mắt rục lên niềm phấn khởi khi cô thấy những hình ảnh về Kim Tự Tháp, những khối đá, những hình tượng và nhất là những xác ướp vua chúa Ai Cập.

Điều kỳ nhất là khi nhìn những ảnh chụp đền thờ thần Osiris, Dorothy bỗng nhiên lấy tay che ngực như cố nén cảm xúc và vui mừng, cô nói với mọi người bằng tất cả hân hoan của mình:

- Ô! Đây chính là nơi tôi từng lui tới và từng sống ở đó.

Trong khi mọi người đang còn ngỡ ngàng thì Dorothy nói một cách tự nhiên:

- Ngôi đền này chính là do vua Dorothy Seti Đệ I ra lệnh xây cất, con sông chảy bên ngôi đền chính là sông Nile.

Rồi xoay qua phía mẹ, Dorothy vui vẻ nói:

- Ba má tự nhiên đặt tên con là Dorothy Eady, đó không phải là sự ngẫu nhiên mà là một "Thiên mệnh" vì có chữ Dorothy, trùng hợp với danh hiệu vua Dorothy Seti Đệ Nhất. Tương lai con có chồng, chồng con sẽ là người Ai Cập và con trai của con có tên là Seti.

Lời nói của Dorothy đã có hiệu nghiệm sau đó. Ấy là vào năm 1930, Dorothy đính hôn với một người đàn ông Ai Cập, họ cùng về sinh sống tại Ai Cập và có một người con trai tên là Seti.

## • Trường hợp bé Imad Elawar

Đây là trường hợp mà nhà nghiên cứu về hiện tượng luân hồi Ian Stevenson xem như bằng chứng rõ rệt nhất chứng minh sự tái sinh là có thật.

Sự kiện xảy ra tại một ngôi làng nhỏ ở nước Liban. Tại đây có một cháu bé trai tên là Imad Elawar. Bé Imad rất thông minh, mau biết đi và biết nói. Nhưng khi nói câu đầu tiên rõ ràng thì đó là chữ Jamileh.

Trong nhà không hiểu bé Imad nói chữ đó nghĩa là gì. Bé Imad bảo đó là tên của một đứa con gái trẻ đẹp. Bé còn bảo rằng nó có hai người em tên là Amin và Huda nhưng những người em này hiện nay không còn nữa. Imad cho biết nó là con của gia đình Bouhamzy ở Khriby. Trong đời nó trước đây nó trải qua một kiếp sống với nhiều sự kiện đáng sợ. Nó đã chứng kiến cảnh rừng rợn chết chóc khi một người láng giềng bị xe vận tải cán chết một cách khủng khiếp, rồi khi nó làm tài xế lái xe buýt, có lần ngừng xe lại vừa nháy xuống xe thì bất ngờ chiếc xe vẫn tiếp tục chạy làm bị thương nhiều người, nó còn kể mình thường đi săn, có lần cãi lẫy với một người, và tức giận dùng súng bắn người ấy... Nó nhớ đủ chuyện và tự nhiên kể cho mọi người trong nhà nghe khiến ai cũng ngạc nhiên cứ tưởng rằng thằng bé Imad bị nhiều loạn thần kinh.

Một hôm bé Imad đi dạo với bà nó, lúc đó bé vừa lên bốn. Giữa đường nó gặp một người đàn ông đi ngược chiều nó chạy lại và kêu lên có vẻ vui mừng:

- A! Đây là người láng giềng ngày xưa của tôi.

Người đàn ông kia ngỡ ngàng chẳng hiểu gì cứ tưởng đứa bé nói đùa. Câu chuyện được bà của Imad kể lại cho gia đình nghe, về sau cha của Imad mới biết được rằng người đàn ông này ở làng Khriby, nhà ông ở gần nhà của gia đình Bouhamzy sống. Chính nhà nghiên cứu Ian Stevenson đã tìm hiểu kỹ chuyện lạ về

bé Imad. Ông cho biết ngôi làng hiện nay bé Imad đang ở cách xa Khriby khoảng 30 cây số. Bác sĩ Stevenson đã đề nghị kiểm chứng sự kiện bằng cách cùng đi với bé Imad và cha của cháu đến Khriby. Mặc dầu là nơi xa lạ nhưng Imad cá về quen thuộc đường sá trong chuyến đi ấy. Tại đây có gia đình Bouhamzy. Bác sĩ Stevenson tìm hiểu và biết rằng trong gia đình này có một người bị chết vì tai nạn xe hơi thật rùng rợn giống như điều bé Imad đã kể trước đó. Người cha trong gia đình này là Hafez Bouhamzy cho biết họ có một người anh em họ tên là Ibrahim Bouhamzy. Khi đến căn nhà của Ibrahim, vừa vào trước sân, Imad đã dừng lại chỉ tay vào cuối sân rồi nói:

- Đây là chỗ con chó ở. Chỗ kia là chỗ nuôi dê. Nơi đây có một căn nhà nhỏ để lưu trữ các dụng cụ. Khi bước lên lầu tới căn phòng của Ibrahim, bé Imad chỉ một cái giường và nói:

- Cái giường này xưa kia tôi nằm ngủ. Imad còn cho biết là giường đã đổi chỗ vì ngày xưa giường này để chỗ khác. Bà Bouhamzy hỏi thủ bé Imad một điều mà bà nghĩ rằng chỉ khi nó ở đây trong tiền kiếp thì nó mới biết được thôi. Bà hỏi như sau:

- Này! Cháu có nhớ là tại đây cháu đã thường xuyên trò với bạn bè bằng cách nào không?

Imad chỉ cái cửa sổ và trả lời một cách tự nhiên khiến bà Bouhamzy kinh ngạc:

- Qua cái cửa sổ ấy.

Theo lời bà Bouhamzy thì trước khi Ibrahim qua đời, bệnh tình ngày càng nặng không ai có thể đến thăm. Ibrahim lúc bấy giờ chỉ nằm trên giường và nói chuyện với bạn bè qua cửa sổ ấy mà thôi.

Người nhà thường nghe Imad nhắc đến cây súng săn nên sẵn dịp hỏi Imad thủ cây súng cất ở đâu. Imad cho biết cây súng giấu sau tủ. Điều này hoàn toàn đúng. Lúc đó người em gái của Ibrahim là Huda bước đến hỏi Imad một câu:

- Có biết tôi không?

Imad cười nói:

- ! Huda em tôi đây mà.

Huda da ngạc nhiên vô cùng chỉ bực hình vẽ treo trên tường và hỏi:

- Hình của ai đấy?

Imad trả lời:

- Đó là hình của em trai tôi, Fuad đó!

Huda lại đi lấy một tấm hình chụp của Ibrahim hỏi Imad:

- Còn đây là hình của ai?

Imad nhìn kỹ rồi nói:

- Đây là hình của tôi trước đây!

Bỗng Huda như chợt nhớ ra điều gì, đến gần Imad và nói:

- Nếu quả là Ibrahim thì trước khi chết, Ibrahim nói câu gì?

Imad trả lời với giọng buồn buồn:

- Huda ơi! hãy kêu Fuad đi!

Nghe Imad trả lời như thế, Huda nổi gai ốc khắp người. Quả thật lúc đó, trước khi tắt hơi, Ibrahim đã kêu lên như thế. Như vậy, mọi người có mặt, kể cả bác sĩ Stevenson cũng đều thừa nhận rằng Imad chính là Ibrahim tái sinh.

Trong cuốn *Bạn Tin có Tái Sanh*, tác giả Minh Tuệ (1974) đã viết lại một số trường hợp có thật về tái sinh (tài liệu được cung cấp bởi Đại Đức Narada Maha Thera, ông Francis Story và Amarasiri Weeraratna) xin tóm lược như sau:

#### • Trường hợp nam tài tử nổi danh Glenn Ford

Giới điện ảnh quốc tế và giới mộ điệu phim ảnh không ai là không biết đến nam tài tử gạo cội Glenn Ford của màn bạc Hoa Kỳ. Cuộc sống sôi động qua các vai của Glenn Ford trong cuộc đời hiện tại cũng tương tự như trong "Những Cuộc Đời Tiền Kiếp" của ông. Glenn Ford nói: "*Tôi không mê tin dị đoan, tôi không tin những điều mù quáng vô vấn, nhưng tôi tin vào cái gọi là đầu thai*".

Glenn Ford ngoài say mê đóng phim, ông còn một say mê khác là tìm hiểu những vấn đề có tính cách huyền bí nhưng đầy tính khoa học. Ông say mê lý thuyết về Thiền học, và đồng ý với phương pháp yên tĩnh tâm hồn qua thuật thôi miên. Chính nhờ sự giúp đỡ của một chuyên gia tài giỏi về khoa thôi miên Glenn Ford đã ghi lại qua băng ghi âm lời thuật về chính tiền kiếp của mình như sau:

"Năm 1774 tôi chào đời tại Egin (thuộc xứ Scotland). Tên tôi lúc ấy là Charles Stewart, là một nhạc sĩ, tôi thường dạy nhạc cho nhiều người. Về sau tôi bị bệnh phổi và qua đời năm 1812".

Tôi còn biết là tôi cũng đã trải qua một kiếp làm người nũa vào thời đại vua Louis thứ 14 của nước Pháp nghĩa là khoảng những năm 1643 đến 1715.

Lúc bây giờ là một sĩ quan kỵ binh bảo vệ hoàng cung tên tôi là Launvaux. Trong thời gian bảo vệ điện Versailles, tôi đã để ý và yêu tha thiết một phụ nữ quý tộc đã có chồng. Không may là câu chuyện yêu đương tuy chưa thành sự thật, nhưng lại bị chồng người đàn bà này biết và thách thức đấu súng. Kết quả là tôi bị bắn trọng thương và tôi phải trải qua một thời gian dài đau đớn quần quai trước khi chết..."

Điều kỳ lạ sau này khi nam tài tử Glenn Ford còn sống, ông thường hay bị

đau nhức trong người, chỗ đau này chính Glenn Ford cảm nhận rõ ràng và ông thường than vãn bác sĩ riêng của mình về vết đau kỳ lạ ấy. Chính Glenn Ford đã viết trong tập hồi ký đời mình về vấn đề này như sau:

"Vết thương phát sinh từ cuộc đấu súng tay đôi từ "kiếp trước" ấy vẫn thỉnh thoảng làm tôi đau đớn ngay ở "đời hiện tại" và chỉ có mình tôi cảm nhận được điều đó thôi".

#### • Trường hợp cậu bé Michael Croston

Michael Croston sanh tại Liverpool (nước Anh). Năm Michael được 11 tuổi tự nhiên cậu bé có phong thái của một người lớn chững chạc và cậu cảm nhận được rằng mình chính là ông ngoại của cậu đã qua đời trước khi Michael chào đời. Chính mọi người trong gia đình của Michael cũng thấy rõ điều đó. Cậu bé thuộc nằm lòng các con đường lớn, nhỏ, đường mòn, đường tắt ở vùng hoang dã.

Yorkshire nơi quê nhà của cậu, nhưng cậu chưa bao giờ đặt chân tới. Vậy mà cậu dẫn người nhà đến đó và chỉ những ngả tắt, cửa sau, đường băng như một người đã sống ở đó lâu đời. Chỉ có ông ngoại của cậu mới có khả năng ấy mà thôi.

Một điều lạ lùng đã xảy ra là có một đêm, Michael trần trọc không ngủ được nơi căn trại khi chiếc đồng hồ quả lắc to lớn cứ tíc-tắc như nhắc nhở cậu điều gì. Rồi khi đồng hồ điểm 2 giờ khuya, cậu cảm thấy như có cái gì đó thôi thúc khiến phải vùng dậy chạy nhanh xuống dưới cầu thang và lần tay vào chiếc đồng hồ, cậu gặp một cái nút và kéo ra. Trong một cái hốc, tay cậu chạm vào những tờ giấy bạc để trong chiếc hộp kim loại. Về sau hiện tượng lạ lùng này được biết rõ nguyên nhân hơn về sự khám phá món tiền mà ngày xưa ông ngoại cậu đã cất giấu. Nguyên nhân kêu gọi quá khứ chính là tiếng đồng hồ kêu và khi đồng hồ vang lên 2 tiếng thì đó là giờ mà xưa kia ông ngoại cậu đã chết.

#### • Trường hợp Edith Oliver (người Anh)

Bà Edith Oliver là nữ ký giả Anh đã có lần viếng ngôi làng Avenbury. Khi đến địa điểm này bà bỗng nhiên nhớ lại rằng nơi đây có chợ búa với những khối đá to lớn. Tuy rằng dân làng bảo rằng ở Avenbury không có như vậy nhưng cuối cùng các tài liệu địa phương chỉ lại cho thấy vào những năm 1800 đến 1850 quả thật ở đây có những điều mà bà Edith Oliver đã mô tả.

Như vậy chỉ có một kết luận là kiếp trước bà Edith Oliver sống tại đó?

#### • Trường hợp cô bé Gnanatillaka

Gnanatillaka sinh năm 1956 tại Kotamale (Tích Lan) khi gần 5 tuổi cô bé này đòi cha mẹ dẫn đi tìm cha mẹ ruột chính thức của mình. Lời yêu cầu ấy cứ mãi lập đi lập lại nhiều lần nhưng cha mẹ cô bé vẫn cho là con mình nói cho vui miệng hoặc nghĩ rằng người trong xóm làng bày vẽ nó nói mà thôi. Tuy nhiên càng lớn đứa bé càng van nài khẩn thiết được gặp mặt cha mẹ nó. Sự lạ lùng này đến tai một số các nhà khoa học, nhà tâm lý và tôn giáo trong vùng. Cuối cùng, lời yêu cầu của bé Gnanatillaka được thực hiện. Phái đoàn đi chung với cô bé đến vùng Talawakele. Cô bé dẫn đường rất rành rẽ. Họ bước vào một căn nhà mà cô bé gọi là nhà cha mẹ mình. Bé giới thiệu hai vợ chồng trong ngôi nhà này là cha mẹ kiếp trước của mình. Lúc ấy có một giáo viên trong vùng nghe chuyện đến xem thì cô bé bảo đó là thầy cô. Cô bé cho biết kiếp trước cô là con trai tên là Tilakaratra. Cô còn chỉ nghĩa trang và mộ chí của mình tức là của bé trai Tilakaratra cho mọi người thấy. Khi kiểm tra lại mọi chi tiết mà bé Gnanatillaka đã trình bày về kiếp trước, các nhà nghiên cứu đã khẳng định rằng trước khi cô bé Gnanatillaka ra đời, ở vùng Talawakele có cậu bé tên là Tilakaratra và cậu bé này chính là con của hai ông bà mà cô bé nhận là cha tiền kiếp. Cậu bé Tilakaratra chết yếu vào ngày 9 tháng 11 năm 1945 chôn tại nghĩa trang mà bé Gnanatillaka đã dẫn mọi người đến chỉ đúng mộ chí và bảo đó là mộ chí của mình ngày xưa (ý nói tiền kiếp).

Điều kỳ lạ là hai gia đình không liên lạc quen biết nhau và ở rất xa nhau vậy mà tất cả những gì cô bé đã mô tả về gia đình mà cô bé đòi đến đều hoàn toàn đúng.

Chính bác sĩ Stevenson cũng đã đích thân đến Tích Lan để theo dõi và tìm hiểu vấn đề này và bác sĩ đã bảo rằng, đây là một trường hợp đặc biệt trong các trường hợp lạ lùng về hiện tượng tái sinh.

Nhà nghiên cứu về sự chết và những hiện tượng tiếp diễn sau khi chết là Jeffrey Iverson đã thu thập nhiều tài liệu liên quan đến vấn đề, trong đó có vấn đề Luân Hồi và Tái Sinh. Trong cuốn *In Search of the Death* xuất bản năm 1992, Jeffrey Iverson đã đưa ra một số trường hợp tái sinh xảy ra ở nhiều nơi trên thế giới. Đó là những chuyện có thật và được xem như là những bằng chứng rõ ràng nhất về hiện tượng luân hồi.

• **Câu chuyện về sự tái sinh của bé Thusitha**

Bác sĩ Ian Stevenson cũng đã nhắc đến một trường hợp lạ lùng khác thuộc hiện tượng tái sinh, luân hồi. Theo đó thì vào năm 1984, tại Tích Lan, có một cháu bé tên là Thusitha, con gái trong một gia đình chuyên nghề may mặc. Năm lên 3 tuổi, bé Thusitha thường nhắc đến một địa danh có tên là Katara gama và bé nói: "Nơi đây con thường sống". Mặc dầu còn rất bé và ngay cả những người trong gia đình cũng chẳng có ai sống ở đó cả. Vì thế, cả nhà vô cùng kinh ngạc khi nghe bé nói điều lạ lùng. Sau đó Thusitha còn bảo với cha mẹ cháu rằng gia đình cha mẹ cháu trước đây (nghĩa là kiếp trước của cháu) chuyên bán bông hoa chỗ không phải làm nghề may mặc như cha mẹ cháu hiện nay (tức kiếp hiện tại của cháu). Cháu kể như sau:

"Lúc đó bố mẹ của con có một gian hàng bán hoa nhỏ. Nhà ở gần những đền chùa Phật giáo. Có một con sông chảy qua trước mặt nhà. Gia đình có 3 anh em, con là con gái, còn hai người anh trai thì một bị câm từ lúc mới sanh.

Một hôm con đang nô đùa với hai anh bên bờ sông, trong khi người mẹ cầm cũi giặt quần áo thì bất thình lình người anh trai bị câm lỡ tay xô ngã con xuống sông. Khi vớt được con lên thì con đã tắt thở. Trong nhà nghĩ là con bị trượt chân té xuống sông nên chết. Cha mẹ con vô cùng đau đớn. Anh con thì rầu rĩ, còn người anh bị câm thì lúc nào cũng cúi đầu im lặng nét mặt u buồn. Giờ đây con tái sinh làm con của ba má sống ở đây nhưng con vẫn không quên ba má và hai anh con ở Kataragama".

Bố mẹ Thusitha nghe con gái mình nói những điều kinh dị như thế thì vô cùng kinh ngạc và sợ hãi. Lúc bấy giờ, các giới khoa học nhất là nhóm nghiên cứu về tiền kiếp của giáo sư bác sĩ Stevenson đang còn điều tra tìm biểu những hiện tượng này ở Tích Lan nên nghe được báo cáo về sự kiện bé Thusitha liền phái người đến tìm hiểu. Khi các nhân viên điều tra hỏi bé Thusitha về danh tánh của bé lúc tiền kiếp thì Thusitha trả lời không ngập ngừng:

- Lúc đó con tên là Nimalkanthi.

Nhân viên điều tra tìm đến sờ cảnh sát địa phương và yêu cầu được sự giúp đỡ tìm tông tích gia đình của Thusitha lúc tiền kiếp. Dĩ nhiên những người này nếu có thật như lời kể của bé Thusitha thì vẫn còn sống. Họ lý luận rằng nếu hỏi hết gia đình những người chuyên bán bông hoa thì thế

nào cũng có gia đình có người con trai bị câm. (Theo lời Thusitha).



Bé Thusitha 9 tuổi, con gái của người thợ may ở Sri Lanka kể lại kiếp trước của mình là đã bị một đứa con trai xô ngã xuống sông đến chết. Bé còn cho biết là người mẹ tiền kiếp của bé là bà Dharmadasa sống bằng nghề bán hoa.

May mắn sau đó, họ được dân địa phương chỉ cho một người đàn bà bán hoa có con gái tên là Nimalkanthi, bà này kể lại rằng vào năm 1974, con gái bà bị ngã xuống sông và đã chết, lúc đó bé mới 2 tuổi.

Khi được dẫn đến gian hàng bán hoa của bà, các nhân viên nghiên cứu hiện tượng tái sinh thuộc nhóm bác sĩ Stevenson thấy một người con trai lớn ngồi yên lặng sắp xếp các bông hoa. Về mặt anh ta đầy vẻ u buồn. Đó là một thanh niên bị câm từ lúc mới chào đời. Người đàn bà chỉ con sông trước mặt và kể:

- Lúc đó tôi mài lo giặt quần áo, trong khi con gái tôi nô đùa với hai anh nó. Không ngờ con tôi ngã xuống sông lúc nào tôi cũng chẳng biết. Mãi đến khi nghe nhiều người la lớn cầu cứu và khi vớt được cháu lên thì cháu đã chết.

Bà và chồng đã khóc lóc thảm thiết vì đứa con gái độc nhất bị chết oan uổng.

Từ đó bà thường thờ thần ra đứng bên bờ sông nhìn dòng nước chảy mà đau xót không nguôi. Tuy nhiên không hiểu do đâu mà trong thâm tâm bà bỗng có ý nghĩ rằng con gái bà sẽ tái sinh trở lại. Bà là một tín đồ Phật giáo, lại là người Ấn Độ. Thường ngày đến bán hoa nơi các đền chùa, bà luôn nghĩ đến con gái mình và vững tin là con bà sẽ lại đầu thai. Bà thường nói với chồng và con trai rằng: Nimalkanthi đã đầu thai rồi và nó đang sống với một gia đình nào đó cũng ở Sri Lanka. Không ngờ trong khi bà có sự tin tưởng như thế thì tại gia đình chuyên nghề may mặc ấy lại có cháu bé tên là Thusitha có những lời nói và ý tưởng trùng hợp lạ lùng như đã kể.

Khi đó bé Thusitha (lúc đó đã 9 tuổi) được đưa đến gặp bố mẹ và hai anh của tiền kiếp thì Thusitha ôm mẹ khóc rống và nói rằng:

- Con không oán hận gì anh con, lúc đó vì ham vui mà anh con lỡ tay xô ngã con xuống sông mà thôi chớ anh không có ác ý.



Trong khi đó bà Dharmadasa ngày ngày ra đứng ở bờ sông, nơi mà con gái bà đã bị xô xuống đến chết. Bà tin là con bà đã đầu thai vào một ai đó và hiện đang sống tại một ngôi làng ở Sri Lanka.

Thế là trong khoảng mười mấy năm sau, kể từ ngày xảy ra thảm kịch, gia đình của cái chết của con gái mình. Đây chính là lời giải đáp cho hai câu hỏi tại sao người con trai câm kia càng ngày càng buồn bã ủ rũ và thường ngồi một mình thui thui không còn nô giỡn hay hé môi cười sau cái chết của người em gái mình.

(Còn tiếp)



# KÈ CẬN TỪ QUANG

- Nguyên-tác: Closer to the Light
- Tác-giả: Dr. Melvin Morse and Paul Perry
- Người dịch: Hoàng-Phi Lưu  
Hoàng-Nguyên

## Chương II.

### KHẢO CỨU Ở SEATTLE

(Tiếp theo)

#### 5. Bệnh nhân thứ Tư:

##### "Cái gì cũng trắng"

Kurt, bảy tuổi, bị loạn dưỡng cơ (muscular dystrophy), nên không thể thở bình thường mà phải xài bình dưỡng khí.

Càng ngày cháu càng yếu, để rồi bị sưng phổi, một bệnh thường kết liễu mạng sống người bị loạn-dưỡng-cơ.

Gần cuối cuộc đời, cháu được chăm sóc tăng cường, nhưng rồi tim cháu ngừng đập. Các bác sĩ xoa bóp tim Kurt, dùng tay ấn vào ngực cháu làm tim nó đập trở lại. Tuy vậy tim nó đã hoàn toàn ngừng đập trong ba phút.

Mấy giờ sau khi Kurt hồi sinh, tôi trò chuyện với cháu, thấy nó rất bình thản. Nó biết nó sắp chết và dường như nhẹ nhõm khi hay rằng nỗi đau khổ thể xác sẽ chấm dứt. Kurt nói kinh nghiệm vừa trải qua cho nó thấy một thế giới không còn sự đau đớn. Lúc tim ngừng đập, Kurt bỗng thấy hồn lìa khỏi xác, nhìn các bác sĩ, y tá lo cúi nó sống lại. Nó kể:

"Cháu thấy cô y tá tên Bonnie. Cháu nói: Chào cô. Rồi mọi thứ đều tối sầm, cho đến khi cháu thấy các thiên thần. Cháu đến một nơi xinh đẹp. Có nhiều hoa và móng trời, cái gì cũng màu trắng tựa hồ chúng có ánh sáng riêng của chúng. Cháu nói chuyện với nhiều người, kể cả Đức Ki-tô. Cháu muốn cháu ở lại bên Chúa. Cháu cũng muốn ở lại, nhưng rồi cả hai quyết định là cháu phải về gặp lại ba mẹ. Cháu không sợ nếu phải trở lại chốn ấy".

Tôi muốn Kurt vẽ ra những gì đã thấy, nhưng cháu quá yếu không thể cầm nổi bút chì. Vài tuần sau thì cháu lìa đời.

Uớc gì gia đình Kurt có mặt lúc tôi phỏng vấn để nghe cháu kể chuyện xảy ra cho nó. Cuộc trò chuyện diễn ra ở phòng cấp cứu bệnh viện nhi đồng. Tôi không thấy thoải mái để nói với cha mẹ Kurt về kinh nghiệm này. Và tôi biết các y tá có mặt cũng chẳng muốn kể cho gia đình Kurt nghe. Tôi khổ tâm nhiều về vụ này. Tôi nghĩ là nên chia sẻ những gì mình biết với gia đình Kurt. Nhưng tôi và các nhân viên trong bệnh viện từng có mặt đều cho rằng bệnh viện không phải là nơi thích hợp để bàn mấy chuyện này. Một bác sĩ nói: "Nếu tôi báo cho một gia đình biết con của họ nghĩ rằng nó đã lên thiên đàng trong thời gian cấp cứu, chắc tôi giống như thằng khùng. Trường thuốc đâu có dạy tôi các thứ đó".

Dù sao bệnh loạn-dưỡng-cơ làm cho bệnh nhân và gia đình đều mòn mỏi. Có lẽ họ nên được phép hiện diện lúc con họ được cứu sống. Nếu biết con họ có được một kinh nghiệm mạnh mẽ như vậy trước khi chết, ít ra họ cũng được an ủi lúc nhìn con ra đi.

#### 6.- Bệnh nhân thứ năm :

##### "Chắc con sẽ không trở lại"

June, một bé gái tám tuổi, suýt chết đuối ở hồ bơi khi tóc cháu vướng trong ống thoát nước. Cha mẹ cháu, toán cấp cứu và sau hết là quý vị bác sĩ thuộc phòng cấp cứu đã áp dụng phương pháp hồi sinh tim phổi (CPR, cardio-pulmonary resuscitation) trên 45 phút thì tim cháu mới đập lại. Cháu hoàn toàn bình phục tâm trí sau gần sáu tuần lễ.

Câu chuyện có lẽ kết thúc ở đó nếu chẳng xảy ra chuyện cuối xe đạp. Hôn ấy June đạp xe từ trong nhà ra lộ, bỗng nghe mẹ tử trong nhà la vọng ra là con phải cẩn thận. Vì mãi chăm chú nghe, June chạy thẳng ra đường, suýt tí nữa bị xe hơi đụng.

Ồ bên kia đường, June la vọng về: "Bố mẹ muốn con chết nữa hay sao? Chắc kỳ sau con sẽ không trở về đâu!"

Rồi June kể mẹ nghe chuyện gì xảy ra khi cháu suýt chết chìm trong hồ bơi. Nghe xong mẹ nó hoảng quá, nhờ bác sĩ gia đình giới thiệu cháu đi gặp một bác sĩ chuyên trị bệnh tâm thần. Biết tôi thích những chuyện này, ông bèn giới thiệu June đến gặp tôi. Và đây là những gì June kể:

"Cháu chỉ nhớ là tóc cháu bị kẹt trong ống thoát nước, rồi thì bất tỉnh. Kế đó thấy mình thoát ra khỏi xác. Có thể thấy thầy chính mình dưới nước, nhưng cháu đâu có sợ. Bỗng nhiên cháu bay lên ở trong một đường hầm, và trước khi kịp suy nghĩ về chuyện này, cháu thấy mình đã ở trên thiên đàng. Biết đó là thiên đàng vì mọi vật đều sáng và ai ai cũng vui tươi".

"Một người đàn ông rất tốt hỏi cháu có muốn ở lại trên đó không. Cháu muốn ở. Và thực sự cháu đã ở. Nhưng không hiểu sao cháu lại thưa: "Cháu muốn về với gia đình". Thế là cháu phải trở lại".

Bệnh nhân nay nhớ hết mọi chuyện. Chẳng những nhớ các chuyện tâm linh mà cả việc cấp cứu, từ lúc các nhân viên ý tế vớt cháu

khỏi hồ bơi đằng sau nhà cho đến cách hồi sinh ở phòng cấp cứu.

#### 7. Bệnh nhân thứ Sáu:

##### "Ấn nút thế là sai"

Michelle, tám tuổi, được mẹ đưa vào phòng cấp cứu vì cháu bệnh và tỏ ra mất định hướng. Sau khi cho y tá một mẫu nước tiểu, Michelle tỏ ra mất hết phản ứng rồi bất tỉnh. Qua mẫu nước tiểu và những thí nghiệm khác, bác sĩ xác định Michelle bị tiểu đường. Nặng nhất trong số bệnh nhân ở đây.

Cháu bất tỉnh suốt nhiều ngày trước khi tỉnh lại, kể rằng đã bay khỏi thân xác, được cho phép tự quyết định số phận bằng cách ấn nút.

Khi tôi nói chuyện với Michelle ở phòng mạch của tôi trong bệnh viện nhi đồng nhiều tuần lễ sau khi cháu bình phục, cháu không muốn nói về kinh nghiệm lúc hôn mê. Cháu né tránh chuyện này, rùn vai khi tôi hỏi cháu còn nhớ gì đặc biệt khi nằm bệnh viện. Mãi đến khi tôi đưa Michell một tờ giấy và các bút chì màu để vẽ những gì đã xảy ra, cháu mới bắt đầu còi mồm, nói những điều nhỏ được nơi ngưỡng cửa tử sinh. Cháu cho biết khi bất tỉnh, thấy chóng mặt và buồn nôn kinh khủng:

"Thình lình cháu thấy mình trôi nổi bên trên thân thể và nhìn xuống xác mình. Có hai bác sĩ khiêng cháu trên băng-ca vào một căn phòng. Họ đều là nữ bác sĩ. Thấy ngộ lắm. Hồi được mẹ đưa vào, cháu buồn nôn và nhức đầu, nhưng khi bay lơ lửng thì hết đau, mà lại thấy khỏe".

Mẹ Michelle cũng có mặt, cho tôi biết câu chuyện còn dài, mà Michelle lại không chịu nói. Tôi đưa thêm cho cháu một tờ giấy nữa và bảo cháu vẽ lại những gì đã xảy ra thì cứ tự nhiên. Và nó làm. Với các bút chì màu Michelle vẽ những người mặc áo trắng và nói về phần hai của kinh nghiệm cận tử. Xúc cảm dâng lên Michelle. Cháu kể chuyện chậm rãi, mắt chẳng rời tờ giấy.:

"Cháu thấy mình nằm ở đâu đó. Đằng sau có rất nhiều người mặt đỏ trắng. Họ nói chuyện với nhau. Trước mặt cháu có hai cái nút, một đỏ, một xanh lá cây. Họ củ bảo cháu hãy ấn nút đó. Nhưng cháu biết nên ấn nút xanh, vì nút đỏ có nghĩa là không thể trở về. Cháu ấn nút xanh và thức dậy sau cơn mê. Cháu cũng chẳng rõ vì sao lại biết nút đỏ rất xấu. Và quả thực nó xấu, vì cháu còn sống đây mà".

Sự việc này hàm chứa nhiều yếu tố của kinh nghiệm cận tử. Một là Michelle đã xuất hồn. Cháu có thể cung cấp nhiều chi tiết chính xác những việc xảy ra lúc cấp cứu. Chi tiết về vị trí các dụng cụ, máy móc, về số người có mặt trong phòng.

Cháu còn tự quyết định nhập vô xác, một yếu tố quan trọng của kinh nghiệm cận tử. Thực ra có đến 50% trẻ em được tôi khảo cứu đã quyết định trở về thân. Về phần Michelle, đó là việc ấn nút. Còn đối với các trẻ khác, chúng được hỏi có muốn trở về. Một bé gái cho biết sau khi được mổ tim, cháu thấy một thiếu nữ mặc y phục trắng

trêu chọc nó, dụ nó đi dọc theo một lối đi bộ dài. Trong tất cả các trường hợp, đều có quyết định một cách có ý thức là muốn trở về. Khảo cứu về người lớn cho thấy chỉ có 20% bệnh nhân quyết định như vậy.

Điểm đáng chú ý nữa là Michelle thấy những người mặc đồ trắng. Cháu bảo đó là các bác sĩ, thay vì những "sinh-thể ánh-sáng". Khi tôi hỏi tại sao nghĩ rằng họ là bác sĩ, Michelle đáp vì họ cao lớn, mặc đồ trắng và cháu sợ họ".

Dù giải thích có hơi khác, song Michelle hội đủ các yếu tố của kinh nghiệm cận tử.

## 8.- Bệnh nhân thứ bảy :

### "Con bò lên đường hầm"

Câu chuyện của Mark nằm trong số những kinh nghiệm cận tử hấp dẫn nhất vì tuổi của cháu khi xảy ra chuyện này, lúc mới chào đời có 9 tháng. Cho mãi đến năm lên ba Mark mới kể cha mẹ nghe kinh nghiệm kỳ lạ đó. Ký ức này lý thú ở hai điểm. Thứ nhất, ở tuổi đó đa số đều chẳng nhớ chi. Thứ nhì, Mark chưa hề nghe cha mẹ nói về chuyện nó từng bị đứng tim.

Sau khi chào đời mới có 9 tháng, Mark bị viêm phế-quản nặng. Đang ở phòng cấp cứu, nó bị đứng tim. Bác sĩ phải mất đến 40 phút mới làm nó hồi sinh. Đa số bệnh nhân bị như vậy sau này thường bị chậm trí (tức thiếu-năng tinh-thần, mental retardation), trí óc chậm phát triển, vậy mà Mark thì không. Nó bình phục hẳn, tỏ ra phát triển bình thường từ khi bước qua ngưỡng cửa tử sinh. Lần đầu tiên nhắc đến kinh nghiệm cận tử là lúc nó lên ba tuổi. Khi theo dõi đám rước xe hoa Giáng Sinh, nó bảo Chúa đâu có giống con người đóng kịch mà họ vừa xem. Cha nó hỏi: "Con muốn nói gì?". Mark bèn kể chuyện xảy ra trong đêm kinh hoàng hai năm trước đó:

"Con thấy các y tá, bác sĩ vây quanh lo lay tinh con đây. Con bay ra khỏi phòng và qua phòng chờ đợi, thấy ông bà của con đang khóc và ôm nhau. Con nghĩ họ tưởng con sắp chết".

Rồi nó cho biết đã thấy một đường hầm dài, đen tối. Nó bò lên đường hầm đó. Nó nói khó bò lắm nếu không có người giúp, nhưng nó không thể bảo rằng ai đã giúp nó. Cuối đường hầm là ánh sáng rực rỡ khiến nó tiếp tục bò.

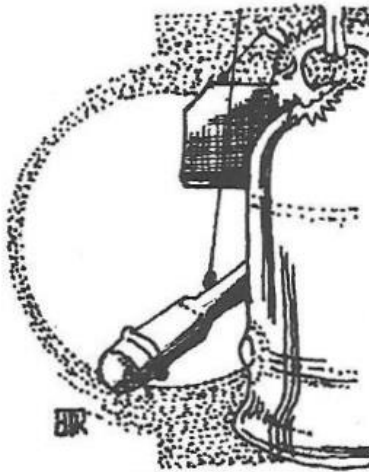
Ra khỏi đường hầm, nó thấy "một nơi sáng sủa" và "nó chạy băng qua các cánh đồng với Chúa". Nó khoa tay múa chân tả cảnh chạy nhảy với Chúa. Nó nói: "Ồ thiên đàng, ta có thể nhảy gấp đôi" (một nhận xét mà sau này tình cô tôi cũng nghe được từ một bệnh nhân khác) và chạy rất dễ dàng. Rồi Chúa hỏi nó có muốn "về nhà". Mark đáp: "Không". Nhưng Chúa bảo một ngày nào đó con sẽ lại lên đây.

Mark còn nhớ rõ kinh nghiệm này cho đến khi cháu lên năm, lúc bác sĩ rút ống khí quản trước kia đã nhét vào để chữa bệnh khí quản mềm nhũn (tracheomalacia). Sau đó ký ức về kinh nghiệm cận tử dần đã phai nhạt đi. Tôi đoán có lẽ việc rút ống khí quản báo cho tiềm thức của nó biết rằng từ

nay khỏi còn lo sợ chết, và nó bắt đầu quên đi. Giờ thì Mark là một thiếu niên rất hội nhập, nhiều triển vọng trở thành một nhà vật lý trị liệu hay một huấn luyện viên điền kinh.

Thoạt tiên thiên hạ nghi ngờ câu chuyện này. Một đồng nghiệp của tôi nói: "Một bé con 9 tháng bò lên thiên đàng? Thôi, bỏ đi Tám!". Nhưng một đứa bé 9 tháng có thể nào nhỏ được kinh nghiệm cận tử? Câu trả lời là CÓ.

Các cuộc khảo cứu gần đây cho thấy việc học hỏi và ghi nhớ bắt đầu sớm hơn trước kia người ta tưởng. Trong một cuộc nghiên cứu, người ta chiếu cho những đứa bé mới lên 7 tháng xem băng Video dạy cách ráp một món đồ chơi. Sau đó chúng được giao các mảnh thật. Chúng có thể ráp được, đó là kết quả những gì học hỏi từ cuộn băng. Trong "nhóm kiểm soát", trẻ em được trao các mảnh đồ chơi mà không cho xem băng Video, chúng chẳng thể ráp thành đồ chơi được.



## 9.- Bệnh nhân thứ tám:

### "Những đốm sáng lấp lóe trên không"

Cindi là một câu chuyện của thập niên 80. Cháu 17 tuổi nhưng đã bị đuổi ra khỏi nhà từ năm 15 tuổi và sau đó sống với một bạn trai. Cindi thỉnh thoảng chơi ma túy. Một đêm cháu hút crack (cocaine dưới dạng tinh thể) rồi than tức ngục. Người bạn trai chở Cindi vào nhà thương, đang trên đường đi thì tìm cháu ngừng đập.

Các bác sĩ phải mất nhiều thì giờ mới cứu sống, mổ banh lồng ngực rồi xoa bóp tim. Tim cháu đập lại, song Cindi còn hôn mê trong nhiều tiếng đồng hồ sau đó. Cuối cùng thì vị bác sĩ gia đình của cháu là Vern Cherewatenko đến, bảo: "Cháu không thể bỏ cuộc, cháu phải phấn đấu. Chúng tôi đã làm mọi cách. Và giờ chỉ tùy ở cháu". Ông bảo Cindi hãy mở mắt, trò chuyện với ông. Sau vài giây, cháu chớp mắt và hồi tỉnh.

Vài tuần sau tôi nói chuyện với Cindi. Cháu thuật lại cuộc hành trình tâm linh đã đưa cháu gặp lại ông nội quá cố:

"Con bất tỉnh ở trên xe. Kế đó con nhỏ là đã bay bên trên xác của chính mình, nhìn các bác sĩ đang đè nén ngực con. Rồi con lại biết là họ mổ ngực con, nhưng lúc đó con đâu thấy chuyện này. Con chỉ biết họ đang cứu con, và con không thấy được chi tiết".

"Rồi con qua một cái phòng đầy nhóc bạn bè. Phòng thật lớn và bên trên chẳng có nóc. Giống như nhìn thấy được bầu trời. Những đốm sáng lấp lóe trên không và những vệt sáng từ dưới đất xẹt lên, vỡ ra thành các cầu vồng. Con rất muốn là một đốm sáng, nhưng chẳng biết làm sao bay lên và trở thành một đốm sáng".

"Con muốn ra khỏi phòng nhưng cửa bị đóng. Con biết nếu mở cửa, con sẽ chẳng thể về. Con sợ cánh cửa làm, nhưng lại muốn đi qua nó. Ông có hiểu con muốn nói gì?"

"Rồi con thấy ông nội đã chết của con đến giúp đỡ. Ông rất sùng đạo. Ông nắm tay con, bảo: "Hãy nhập trở vào xác. Cháu còn nhiều việc phải làm". Đoạn ông dắt con ra khỏi phòng và trở lại bên thân con. Kế đó con tỉnh lại".

Kinh nghiệm của Cindi có nội dung rất cổ điển. Cháu thấy một phòng đầy người, tiếp xúc với ông nội quá cố. Cháu thấy một hàng rào ngăn cách dưới dạng một cánh cửa. Và biết nếu mở ra, sẽ không thể nhập vô xác.

Người ta có thể thắc mắc về việc trở lại trong kinh nghiệm cận tử này. Khi vị bác sĩ gia đình thì thăm bên tai cháu rằng quyết định trở về tùy thuộc nơi Cindi, phải chăng câu nói đó lẫn lộn với lời nói của ông nội trong tâm trí Cindi? Cũng có thể, dù sao chẳng nữa, cháu đã làm đúng.

## 10.- Bệnh nhân thứ chín :

### "Cháu bay lơ lửng trên thân của chính cháu"

Khi được 13 tuổi, Linda lên cơn suyễn nặng khiến tim, phổi đều ngưng hoạt động. Trước đó một ngày, Linda uống nhiều thuốc và củ nửa giờ lại bơm thuốc vào mũi vì bị khó khê.

Nửa đêm cháu thức giấc, đòi cha mẹ cho uống thuốc. Mấy giờ sau cháu lại thức và la hét. Cha mẹ chạy vào phòng thì thấy con đã tắt thở, thân thể tím bầm vì thiếu dưỡng khí. Cha cháu liền hà hơi thổi ngạt, chờ nhân viên cấp cứu đến tiêm cho cháu một mũi epinerphrine làm cháu thở được. Linda được chở vào bệnh viện.

Cháu chẳng ngại ngưng gì khi kể lại kinh nghiệm đó. Lúc tôi hỏi còn nhớ chi, cháu nhanh nhẩu đáp:

"Cảm giác ngộ lắm. Trước khi bất tỉnh cháu đau đớn quá xá. Thình lình cháu thấy mình nhìn xuống xác của chính mình! Nhưng đồng thời cũng không giống như là cháu đã lìa khỏi xác và nhìn xuống. Cháu vừa ở trong lại vừa ở ngoài thân".

"Cháu chẳng thấy chi về việc cấp cứu. Cũng không thấy các người và vật trong phòng. Chỉ thấy thấy mình nằm trên sàn nhà. Đồng thời có cảm giác thật an lành,



như đầu có chuyện chi xảy ra cho bản thân".

Sau cuộc thoát xác ngắn ngủi, Linda không nhớ chi thêm cho đến khi vào bệnh viện.

Cháu thấy kinh nghiệm này đáng chú ý, song không có ý nghĩa đặc biệt. Nhiều lần trong cuộc phỏng vấn, Linda cho biết cảm thấy may mắn có được kinh nghiệm này và đã sống lại.

## 11.- Bệnh nhân thủ muỗi :

### "Cháu trông khiếp quá"

Bé Daniel, sáu tuổi, đi xe đạp bị ô-tô tông vỡ đầu. Cháu mê man suốt hai tuần lễ. Không còn nhớ nhiều về tai nạn hay chuyện xảy ra trước đó. Chỉ nhớ đã đẩy xe đạp ra khỏi ga-ra và chạy trên đường từ nhà ra cổng. Cháu nhớ rõ những gì xảy ra sau khi bị đụng:

"Cháu đứng đó xem các bác sĩ đưa cháu lên xe cứu thương, cháu thấy mình đã lia khỏi xác. Mẹ cháu khóc và ai ai cũng vội vã".

"Ở bệnh viện, cháu xem các bác sĩ nhét mấy cái ống vào người cháu. Cháu trông kinh khiếp quá vì bầm dập, máu me tùm lum".

"Rồi cháu đi xuống một đường hầm đen tối. Cuối đường hầm có ánh sáng chói. Cháu không buồn cũng chẳng vui, nhưng cháu muốn đến bên Ánh-Sáng. Khi tôi nổi, cháu thấy ba người đàn ông. Một người rất cao lớn, hai người kia thấp hơn. Sau lưng họ là một cầu vồng vắt ngang bầu trời. Họ có vẻ tử tế, nhưng con thấy sợ".

"Thình lình con nhập trở vô xác. Con nhìn xuống hai chân và thấy ba người này vẫn còn đó. Rồi họ biến mất và con đã trở về hẳn".

Kinh nghiệm này khiến Daniel tin là có thể giới bên kia. Nó cũng làm cháu sợ vì nghĩ rằng mấy người này sẽ đưa cháu đến một nơi xa lìa cha mẹ. Daniel nói: "Họ có vẻ tử tế. Nhưng cháu đâu muốn xa cha mẹ".

## 12.- Đăng bài và tiêu tùm

Bài khảo cứu của tôi được đăng trên "Tạp Chí Hoa Kỳ về Bệnh Trẻ Em" (American Journal of Diseases of Children) của Hội Y-sĩ Hoa Kỳ, số tháng 11 năm 1986. Nó chứng minh (chưa có cuộc khảo cứu nào nói như vậy) rằng một người phải gần chết mới có được các triệu chứng của kinh nghiệm cận tử. Những gì tôi tìm thấy đã loại bỏ giả thuyết cho rằng kinh nghiệm cận tử là kết quả của thuốc men, của việc mất ngủ hay chỉ là ác mộng hoặc tiềm thức đang ý thức về sự giải phẫu.

Xin hãy suy nghĩ. Trong số 121 bệnh nhân tôi phỏng vấn, họ đều sống sót sau cơn bệnh nặng *song chẳng có ai gần chết*, thì 118 người không thấy chi hết. Ba người còn lại thì mộng thấy các quái vật hoặc áo trắng. Trong khi đó 8 trong số 12 em sống sót sau cơn ngừng tim đều thấy hồn lìa khỏi xác và đi sang cảnh giới khác. Như vậy gần 70%, một tỷ lệ khá cao đủ để loại bỏ chuyện tình cờ hoặc thống kê sai lầm. Hơn

nữa tôi không cho phép người ta tình nguyện kể. Trong trên mười năm nghiên cứu, tôi chỉ phỏng vấn những người sống sót sau khi bị ngừng tim. Làm như vậy cốt ngăn ngừa các trẻ em thích bịa chuyện muốn gia nhập vào nhóm khảo cứu.

Tôi cũng xem xét cẩn thận hồ sơ y tế lưu trữ của các bệnh nhân tôi khảo cứu, ghi chú đầy đủ các loại dược chất, thuốc mê đã dùng, lượng dưỡng khí trong máu cũng như kết quả các thử nghiệm. Tôi cẩn thận so chiếu các bệnh nhân trong "nhóm kiểm soát" với "nhóm khảo cứu" để chắc chắn rằng chúng cùng một tuổi. Tôi còn kiểm soát lại cho chắc rằng cả hai nhóm đều được luồn ống vào khí quản (intubation) hoặc thở với phổi nhân tạo.

So chiếu cốt để xem kinh nghiệm cận tử có phải là ảo giác do dược chất hay máu thiếu dưỡng khí như nhiều bác sĩ tin tưởng. Câu trả lời là KHÔNG. Nhiều bệnh nhân có kinh nghiệm cận tử đầy đủ là những người chưa từng được chữa trị với các thuốc gây ảo giác. "Nhóm kiểm soát" không có kinh nghiệm nào giống như kinh nghiệm cận tử dù chúng được chữa trị với các thuốc như morphine, Valium, Thorazine và các chất gây mê, gây tê như Dilantin, Phenobarbital, Mannitol, Codeine. Các bệnh nhân còn bị giảm ô-xy mô (hypoxia), thể quân binh về axit-bazơ bị xáo trộn, có mức carbon đioxyt (CO<sub>2</sub>) cao và nhiều thứ nữa. Thế nhưng chúng không có yếu tố nào có thể gọi là kinh nghiệm cận tử.

Để biết chắc rằng chẳng bỏ sót điều chi, tôi có một toán sinh viên y khoa nghiên cứu kỹ các sách tâm lý và y học để tìm những thuốc men, tình trạng tâm lý, tình trạng thiếu dưỡng khí có thể gây ảo giác tương tự như kinh nghiệm cận tử. Ketamine và LSD là các chất gần nhất, nhưng hai chất này không được dùng cho các bệnh nhân, cũng như đầu có dùng cho hai nhóm kiểm soát và nhóm khảo cứu của tôi.

Nhiều nhà nghiên cứu lâm vào cảnh "đăng bài hay là tiêu tùm". Trường hợp của tôi là đăng bài và tiêu tùm. Ba bài báo về cuộc nghiên cứu ở Seattle đăng trên tạp chí Nhi-Khoa có uy tín của Hội Y-Sĩ Hoa Kỳ. Các nhà khoa học và bác sĩ phê bình bản dự thảo của tôi đều ngợi khen kế hoạch khảo cứu và giá trị khoa học của kết quả.

Tôi không nêu kết quả một cách giật gân. Dù biết việc dùng cho các bệnh nhân, cũng rất chú ý, tôi cảm thấy bất cứ một sự quảng cáo nào cũng có thể khiến tôi bị tố là muốn thủ lợi cá nhân nhờ công trình nghiên cứu. Tôi cho rằng giới bác sĩ sẽ rất chú tâm đến các kết quả này. Và quả thực như vậy. Tôi nhận được nhiều lời yêu cầu tái bản từ khắp nơi trên thế giới cũng như các cú điện thoại của các đồng nghiệp rất kích-động khi đọc kết quả nghiên cứu và cũng từng gặp nhiều trường hợp tương tự trong lúc hành nghề. Cuộc khảo cứu cho kinh nghiệm cận tử có ở đa số các trẻ em bị bệnh nặng và rõ ràng liên hệ với sự hấp hối. Khảo cứu cũng khám phá rằng các kinh nghiệm này đều phải vì thuốc men, mà là một tiến trình tâm lý tự nhiên liên hệ với sự hấp hối.

Các kết quả này đã không được các cuộc khảo cứu kinh nghiệm cận tử của bác sĩ

Raymond Moody và của những người khác trải nghiệm.

Tôi may mắn nhờ quý vị chủ bút Tạp chí Hoa Kỳ về Bệnh Trẻ Em có tâm hồn phóng khoáng nên mới cho đăng các bài khảo cứu của chúng tôi. Ở phần kết luận tôi nhấn mạnh rằng các kinh nghiệm này có lẽ là một phần tự nhiên của tiến trình hấp hối, cho nên đáng được khảo cứu. Tôi chờ hề khảng định đó là bằng cớ của sự sống sau khi chết cũng như cảm thấy bệnh viện là nơi thích hợp để nghiên cứu về tôn giáo và siêu hình. Tôi chỉ nói vì người ta chết ở bệnh viện, do đó tiến trình hấp hối nên được khảo sát ở bệnh viện.

Rủi thay Ủy Ban Tái Xét Đề Tài Con Người của bệnh viện lại không đồng ý với tôi. Một cách đột ngột và đầy bí ẩn, Ủy Ban không khứng cho tôi tiếp tục khảo cứu, dù ba năm trước chính họ đã chấp thuận với lời tuyên bố rằng cuộc khảo cứu của tôi là "Chương trình Nghiên cứu đáng chú ý nhất mà Ủy Ban cửu xét trong một thời gian dài".

Tôi bị đề bẹp. Tôi trở lại Ủy Ban xin 3.000 Mỹ kim để tiếp tục cuộc khảo cứu ở Seattle giai đoạn hai. Chương trình nhằm nghiên cứu các di dân Á Châu đến Seattle, để xem trẻ em thuộc các nền văn hóa khác biệt có những kinh nghiệm gì ở ngưỡng cửa tử sinh.

Lần này thì Ủy Ban bảo khảo cứu như vậy có thể xâm phạm các quyền của bệnh nhân: Bằng cách gọi lại những biến cố gây đau buồn, tôi làm họ đau khổ một cách không cần thiết.

Tôi chứng minh ngược lại. Thực ra các bệnh nhân rất thích được bác sĩ chú ý đến những kinh nghiệm của họ. Và lại sự tham dự có tính cách tự nguyện. Các đối tượng nghiên cứu được cho biết là họ không bị bắt buộc phải nói, trừ phi họ muốn.

Ủy Ban trả lời "Không". Tôi cũng chẳng được phép khảo cứu các bệnh nhân này một cách không chính thức.

Tôi cảm thấy việc xâm phạm các quyền của bệnh nhân đâu có liên quan chi đến quyết định. Tôi nghĩ lý do chính là các bác sĩ không thích khảo cứu về cái chết. Dù phần đông thiên hạ chết ở bệnh viện, đề tài tử vong hầu như bị cấm kỵ ở bệnh viện.

Tôi nhờ vị trưởng chương trình khảo cứu của tôi đã hỏi tại sao tôi khảo cứu về kinh nghiệm cận tử. Tôi đáp dù chúng ta biết nhiều về bệnh đau bụng dữ dội của trẻ em hoặc việc tập cho chúng đi cầu, nhưng ta tưởng đối ít biết về tiến trình của hấp hối. Tôi chỉ muốn biết chuyện gì xảy ra ở phút lâm chung.

Nghe vậy ông lắc đầu: "Nhưng thực ra anh muốn làm gì?"

Đón xem kỳ tới:

Chương III.- Những khái-tượng trước khi chết.



# AN LẠC VÀ HẠNH PHÚC

**A**n lạc và hạnh phúc là niềm ao ước của tất cả mọi người trên khắp thế gian này, không phân biệt màu da, sắc tộc hay tôn giáo.

Theo bất cứ tôn giáo nào trên thế giới cũng đều muốn có được một cuộc sống an lạc và hạnh phúc ngay hiện tại, trước khi tử giả cõi đời này ra đi về niết bàn hay thiên đàng.

Cuộc sống an lạc và hạnh phúc không phân biệt, không dành riêng cho người giàu-nghèo, già-trẻ, lớn-bé, học thức, địa vị hay nam phụ lão ấu và chỉ có với những ai "biết" cách sống an lạc và hạnh phúc mà thôi.

Nhiều khi chúng ta nghĩ an lạc và hạnh phúc do tạo hóa ban cho, do cầu nguyện Trời Phật hay thần linh mà được. Bởi vậy cho nên, khi gặp khổ đau và phiền não, con người thường tìm kiếm bình an trong sự cầu nguyện hay mong đợi sự ban ơn cứu rỗi của thần linh hay thượng đế. Chúng ta thử hỏi có mấy ai được bình yên, được an lạc và hạnh phúc qua sự cầu nguyện suông như thế?

Thí dụ có một người bệnh chỉ biết cầu khẩn, van xin bác sĩ chữa bệnh cho mình không thôi thì chưa đủ. Người đó phải chịu nghe lời dặn, phải chịu uống thuốc, phải chịu tập thể dục, phải chịu kiêng cử thì mới có nhiều hy vọng khỏi bệnh được.

\*

Trong quá khứ xa xưa, việc tin tưởng thần linh chỉ để an ủi những người quá khổ đau chưa tìm được lối thoát. Ngày nay, nếu con người không chịu tích cực chữa bệnh cho chính mình mà chỉ biết cầu khẩn, van xin, chỉ biết đem toa thuốc đọc tụng hằng trăm ngàn lần thì bác sĩ hay thần linh cũng bó tay mà thôi.

Có người còn mê tín hơn, khi gặp cảnh ngộ khổ đau và phiền não, bèn đi coi bói, xem tướng, đoán vận mạng ở những ông bà không còn phương kế sinh nhai nào khác, ngoài chuyện tán dóc để gạt người khổ đau nhẹ dạ. Họ bảo người đó về nhà đổi cái cửa, sửa cái giường, phá cái tường, xoay cái bếp, dán bùa cùng khắp cửa lớn, cửa sổ, cầu tiêu, nhà bếp với hy vọng được bình yên, được tai qua nạn khỏi, được an lạc và hạnh phúc!

Muốn có được an lạc và hạnh phúc, chúng ta hãy tích cực tìm hiểu thế nào là an lạc, thế nào là hạnh phúc, hạnh phúc từ đâu tới, an lạc từ đâu có, để rồi chúng ta cố gắng thực hiện cho bằng được cuộc sống an lạc và hạnh phúc ngay hiện tại, trên thế gian này bằng chính nỗ lực của chúng ta.

\*

Người ta ở đời thường quan niệm hạnh phúc qua hình ảnh của một cuộc sống đầy đủ vật chất và tinh thần. Người ta thấy một người có nhà cao cửa rộng, có vợ chồng con cái đàn ông, có công ăn việc làm tốt, có địa vị trong xã hội, thì liền cho đó là hạnh phúc và mơ ước có được một cuộc đời như thế.

Quan niệm như vậy có nghĩa là người ta chỉ biết cái hạnh phúc bên ngoài, cái hạnh phúc trước mắt của ngày hôm nay; chứ chưa phải là hạnh phúc "thực sự và vĩnh cửu".

Chúng ta hãy chuẩn bị tư tưởng, tìm hiểu thế nào là an lạc và hạnh phúc thực sự và vĩnh cửu. Nếu không, dù có được cái hạnh phúc vật chất như hằng mơ ước, chúng ta cũng không thực sự có được an lạc và hạnh phúc lâu dài. Tại sao vậy?

Người có hạnh phúc vật chất chưa chắc có an lạc tinh thần. Thí dụ như chúng ta trúng số độc đắc kỳ này, chúng ta có thừa khả năng để sắm xe hơi, xây nhà lầu, tạo dựng một cuộc sống vật chất giàu sang, sung sướng. Nhưng thử hỏi, như vậy, chúng ta có an lạc và hạnh phúc hay không?

Một cuộc sống đầy đủ về vật chất của ngày hôm nay chưa chắc đã tồn tại vĩnh viễn cho đến ngày mai. Cuộc đời biến đổi không cùng, không ai có thể biết được ngày mai của mình sẽ ra sao. Trước đây, có ai ngờ được rằng ngày nay người dân Việt sống lưu lạc khắp nơi trên quả địa cầu này hay không.

Những cái chúng ta có hôm nay, ngày mai có thể bị biến đổi, hư hoại hay mất đi. Lúc đó chúng ta sẽ nghĩ sao, lòng tiếc nuối tiền tài, của cải, tài sản đâu làm cho cuộc sống của chúng ta được an lạc và hạnh phúc.

Những công ăn việc làm khấm khá hôm nay, có thể thất bại ngày mai. Lúc đó, chúng ta sẽ nghĩ sao, lòng tiếc nuối công

ăn việc làm hôm qua đâu làm cho cuộc sống hôm nay được an lạc và hạnh phúc.

Những quan hệ bạn bè tốt đẹp hôm nay có thể sẽ biến đổi ngày mai, có thể trở nên thù nghịch tai hại không thể lường trước được. Vì là bạn bè chí thân chí thiết với nhau hôm qua, chúng ta đã trót dại tâm sự quá nhiều điều thầm kín riêng tư, để rồi hôm nay quan hệ đó không còn tốt đẹp nữa, họ đem những chuyện đó công khai trước dư luận, trước mọi người, thì chúng ta nghĩ sao?

Lòng bức tức, oán thù, giận dữ đâu làm cho cuộc sống hôm nay được an lạc và hạnh phúc.

Những người thân thích, quyến thuộc như cha mẹ, anh chị em, vợ chồng, con cái của chúng ta đâu phải vĩnh viễn tồn tại trên thế gian này. Đến lúc những người thân thuộc đó có mệnh hệ nào, hoặc tử giả chúng ta ra đi, chúng ta nghĩ sao?

Lòng yêu thương, triu mến, tiếc thương đâu làm cho cuộc sống hôm nay của chúng ta được an lạc và hạnh phúc.

\*

Tất cả những vật chất, những thú có hình tướng mà chúng ta có thể dùng cặp mắt thường để nhìn thấy, dùng tay xúc chạm được trên thế gian này, đều phải trải qua bốn giai đoạn: "sinh, trụ, di, diệt".

Nghĩa là mọi thứ vật chất, có hình tướng, nhỏ như cái bàn, cái ghế, nhà cửa, cây cối, lớn như dãy núi, quả địa cầu đều được hình thành bằng cách này hay cách khác gọi là "sinh", hiện diện trên thế gian này một khoảng thời gian nào đó gọi là "trụ", tồn tại được vài năm hay chục năm, vài trăm năm hay ngàn năm, thậm chí vài triệu năm, cũng phải đến giai đoạn biến đổi, hư hoại gọi là "di" và cuối cùng cũng tan rã, biến mất gọi là "diệt".

Chúng ta nên biết rằng các thú vật chất, có hình tướng nói trên đây, bao gồm cả cái thân thể nặng mấy chục kí-lô của chúng ta, gọi là "thân-tử-đại", gồm có địa, thủy, hỏa, phong, hay nói cách khác, cái thân bằng đất sét nhồi với nước rồi phủ hơi nóng vào mà thành này, cũng phải trải qua bốn giai đoạn: "sinh, trụ, di, diệt" không thể khác được!

Chúng ta được cha mẹ "sinh ra", lớn lên, trưởng thành, "trụ thế" được vài chục năm, rồi đến thời kỳ có thể "biến dị", trở nên già nua, da dẻ nhăn nhúm, lưng còm, má hóp và cuối cùng rồi cũng bị "hủy diệt".

Được trải qua đủ bốn giai đoạn "sinh, trụ, di, diệt" như thế là chúng ta có nhiều phước báu, sống được trăm tuổi, do tích lũy phước thiện nhiều đời trước và đời này.

Cũng có biết bao nhiêu người trên thế gian này không trải qua đủ bốn giai đoạn như thế. Có người chỉ có "sinh" mà không đến được các giai đoạn: "trụ, dị và diệt"!

Có người chỉ có "sinh" và "trụ" một thời gian ngắn, có thể chưa được "dị" thì đã bị "diệt" rồi!

Đó là những người đã ít tu hơn tích phúc, lại còn tạo nhiều nghiệp báo!

\*

Thông thường, chúng ta chỉ thấy người khác qua đời mà không bao giờ dám nghĩ tới có lúc nào đó, chúng ta cũng phải từ giã cõi đời này như bao nhiêu người khác. Nếu lúc nào cũng luôn luôn nhỏ nghĩ được như vậy, chúng ta sẽ không còn phiền não vì những chuyện *dù lớn dù nhỏ* trên thế gian này nữa.

Có ai biết ngày mai mình chết mà hôm nay vẫn còn hôn thua, vẫn còn muốn thua kiện người khác ra tòa, vẫn còn tranh đấu như trâu-bị-đánh hay không?

Chắc là không, vì không ai muốn khi mình nằm xuống, người ta đến khạc nhổ trên quan tài của mình chứ. Nhưng vì tánh nóng giận, sân hận, tự ái quá cao, ta đây là ngon nhất trong thiên hạ, cho nên không dần được, hơn nữa vì thường nghĩ rằng: "đời còn dài", cho nên con người khó nhìn được những điều *bất như ý* đây đây trên cõi đời này.

Có người khi thấy một người khác chết thì liền nghĩ ngay rằng mình cũng có ngày phải chết, cho nên lập tức suy nghĩ, tìm đường thoát khỏi sanh tử luân hồi. Họ cố gắng tìm hiểu để khám phá ra "con người chân thật" của chính mình, ngoài cái thân xác đang mang và sẽ bỏ lại khi ra đi về bên kia thế giới. Đó là hạng người có trí tuệ cao.

Đạt được "con người chân thật" thì chúng ta không còn bị phiền não khổ đau chi phối, chắc chắn sẽ tìm được cuộc sống an lạc và hạnh phúc ngay trên cõi đời này, trên thế gian này. Tại sao vậy?

Vì sống được với "con người chân thật" của chính mình thì chúng ta đã "giác ngộ và giải thoát", đã bước ra khỏi những khổ lụy của cuộc đời.

Nhưng làm sao đạt được, làm sao sống được với "con người chân thật" là vấn đề chúng ta cần nghiên cứu, cần tìm hiểu cho thấu đáo, cho tường tận.

Có người thấy người khác chết chỉ xúc động một lúc, nhưng khi thấy người thân qua đời liền tỉnh ngộ, nhận biết cuộc đời là vô thường, không có gì tồn tại vĩnh viễn, kể cả thân xác này, cho nên không còn tham đắm chuyện tranh danh đoạt lợi nữa, quay về suy tư, tìm hiểu sự thật của con người,

sự thật của cuộc đời. Từ đó họ cũng tìm được sự sống an lạc và hạnh phúc.

Có người thấy người khác chết, thấy người thân qua đời cũng không ảnh hưởng gì, cho đến lúc chính bản thân suýt chết vì một tai nạn nào đó, hay thoát một cơn bệnh hiểm nghèo, thập tử nhất sanh, liền thức tỉnh, nhận biết rõ ràng rằng cuộc đời là "khổ nhiều vui ít", mọi vật chất là "vô thường", cuối cùng không có gì trường tồn, liền mạnh mẽ dứt bỏ mọi thủ đoạn khổ phiền não trên đời và bắt đầu sống cuộc đời còn lại trong an lạc và hạnh phúc.

\*

Đại đa số còn lại thì không như vậy. Con người mãi lẩn lộn trong cuộc sống của thế gian, không có đủ thời giờ để ăn uống, nghỉ ngơi, lo cho chính mình, thấy người khác chết thì mặc kệ, mình thì *còn lâu mới chết*, đời mình còn dài mà, hãy lo làm ăn tranh đấu, kiếm tí danh gì với bà con cho rạng rỡ tông môn, cho sáng mặt đẹp mày và kiếm cho thiệt nhiều tiền để hưởng thụ, các việc khác để người khác lo, không phải chuyện của mình.

Đến lúc lâm chung, sắp lìa đời, họ thỉnh sư, thỉnh cha, mời ông, mời bà, đến cầu nguyện cho mình được vãng sanh tây phương cực lạc cho được sung sướng, cầu nguyện cho mình được lên thiên đàng để hưởng phúc đời đời trên đó.

Đem tiền hối lộ các sư, các cha như vậy được như ý nguyện hay sao. Trên các cõi lành đó, chỉ có các bậc "thượng thiện nhân" mà thôi. Đầu phải có tiền nhiều, đem nhờ người khác cầu nguyện cho mình mà được đầu. Khi còn sống trên thế gian này chỉ biết có mình, gia đình mình, chỉ biết có *mình và mình, tiền và tiền*, không biết tu tâm dưỡng tánh, cho nên không được an lạc và hạnh phúc; đến khi chết, họ chỉ được tiêu điều nói miên cực lạc, được thăng về cõi thiên đàng qua các phần ưu trên báo chí mà thôi.

\*

Hiểu được cuộc sống là *vô thường*, thay đổi không dừng, tâm ý cũng biến đổi từng giây từng phút thì chúng ta đã được phần nửa cuộc sống an lạc và hạnh phúc. Tại sao vậy?

Bởi vì hiểu được như vậy, khi gặp tai biến của cuộc đời, nay còn mai mất, nay thịnh mai suy, nay vui mai buồn, nay khen mai chê, nay thân mai thù, nay thương mai ghét, nay bốc mai bôi, nay lên mai xuống, nay làm vua mai làm giặc, nay là thiên đàng mai thành địa ngục; chúng ta liền cho đó là "thập như thị", tức là "mười điều đương nhiên", là những lẽ thế gian thường

như vậy đó trên cõi đời mà thôi. Do đó, chúng ta không còn khổ đau và phiền não nữa.

\*

Thế gian bát phong gồm có: "lợi suy, hủy dự, xung cơ, khổ lạc".

Đó là tám ngọn gió của thế gian, lúc nào cũng không ngừng thổi, hết cơn gió này đến cơn gió khác, có lúc gió thổi hiu-hiu, có lúc gió thổi mãnh liệt, tàn khốc trong các cơn giông bão.

Lúc gặp ngọn gió "lợi lộc" thổi đến, như trúng số chẳng hạn, thì tâm của chúng ta sẽ nổi sóng ngay, có người mừng quá đứng tim hết thở.

Lúc gặp thời cuộc làm tán gia bại sản, sự nghiệp "suy sụp", thì tâm của chúng ta sẽ nổi sóng ngay, có người tiếc của quá nên tự vận chết.

Lúc gặp ngọn gió "hủy báng" thổi đến, bị chê bai, bị bôi lọ, bị nói xấu thì tâm của chúng ta sẽ nổi sóng ngay.

Lúc gặp ngọn gió "danh dự" thổi đến, được viết sách đề cao, khen tặng, vui vẻ, thì tâm của chúng ta sẽ nổi sóng ngay.

Lúc gặp ngọn gió "xung tán" thổi đến, được tăng bốc, nêu tên ngợi khen, thì tâm của chúng ta sẽ nổi sóng ngay.

Lúc gặp ngọn gió "cơ bả" thổi đến, bị chỉ trích, bài bác, địch danh phê bình, thì tâm của chúng ta sẽ nổi sóng ngay.

Lúc gặp ngọn gió "khổ đau" thổi đến, chẳng hạn như người thân qua đời, thì tâm của chúng ta sẽ nổi sóng ngay.

Lúc gặp ngọn gió "hoan lạc" thổi đến, được sự hi hà mừng vui, thì tâm của chúng ta sẽ nổi sóng ngay.

Người nào có công phu tu tập, có bản lãnh chịu đựng được tám ngọn gió độc này thổi đến mà "thuộc-ca-ra-tâm" vẫn "như như", vẫn "vô động chuyển", được gọi là "bát phong xuy bất động", người đó có cuộc sống "an lạc và hạnh phúc" vậy.

\*

Ngoài biển khơi lúc nào cũng có gió thổi, tùy theo sức gió, mặt biển sẽ có sóng nhỏ, sóng to tương ứng.

Tâm của chúng ta ví như mặt biển, khi có chuyện xảy ra, ví như tâm gió thổi đến, thì lập tức nổi sóng ngay.

Thí dụ thấy người oán thù, nghe lời chửi mắng, nhỏ chuyện thua thiệt, thì tâm của chúng ta lập tức nổi sân ngay. Chúng ta muốn có cuộc sống an lạc và hạnh phúc thì nội tâm không nên nổi sóng "tham, sân si" mỗi khi "tám ngọn gió" thổi đến. Còn nếu có "lở" nổi sóng thì hãy "giác ngộ" ngay, "biết" ngay là chúng ta đang nổi

sóng, cho nên sóng lặng ngay và hây mím một nụ cười cho thật tươi!

Sóng lặng nhanh hay chậm là do công phu quán chiếu mỗi ngày, mỗi giờ, mỗi khắc của chúng ta. Cũng như chiếc xe có thắng ăn hay không vậy thôi. Thông thường thì chúng ta "tôi luôn bác tài" cho hà tiện, không thể dùng được, mỗi khi có gió thổi đến.

\*

Trong gia đình, nếu người vợ có lỗ tay đập bể một món đồ bình thường, hoặc quan trọng và quý giá như cái bình cổ đôi Khang Hy đi nữa, đức lang quân cũng không vì thế mà nặng lời tiếc của, làm cho gia đạo bất an, huống gì những chuyện lật vật nhỏ mọn khác, thì cặp vợ chồng này khỏi cần phải đi coi bói xem chũng nào hết tiểu hạn, hết đại hạn, chũng nào tai qua nạn khỏi, chũng nào mới được bình yên. Thực ra đại hạn hay tiểu hạn là tùy ở mình hết tròn, bao lâu mình còn lâu bầu tiếc của thì bấy lâu mình còn phải xúc đầu cù là cho bắt nhúc đầu, cho bắt đau bụng. An lạc và hạnh phúc ở ngay trong gia đạo của họ rồi, khỏi phải tìm kiếm nhọc công, mệt sức.

Cũng vậy, khi ông chồng có thất bại trong công việc hùn hạp làm ăn, thua lỗ, thậm chí có đứt vốn, vỡ nợ đi chẳng nữa, vị phu nhân cũng không vì thế mà nặng lời tiếc của, không đay nghiến phải chi ông để tiền cho tôi mua hột xoàn vừa chũng diện được đẹp đẽ, vừa để dành làm của sau này. Được như vậy, gia đạo sẽ bình yên, cuộc sống được an lạc và hạnh phúc chắc chắn, không nghi ngờ gì cả.

Những cặp vợ chồng như vậy không cần đến gặp bác sĩ tâm thần, tâm lý gì cả. Bởi lẽ, dù có than trời trách đất, la lối om sòm chẳng nữa thì cũng không có cách nào bù lại những sự mất mát vật chất cũng như tinh thần, chuyện gì đã qua hãy để cho nó qua đi, đừng tiếc nuối, đừng than van, đừng nhớ tưởng.

Có câu "quá khứ tâm bất khả đắc" là nghĩa như vậy.

\*

Người ta thường tự hỏi: tại sao *tự nhiên* tôi khổ quá vậy, tại sao *tự nhiên* tôi bị bệnh vậy, tại sao *tự nhiên* tôi bị người khác mắng vậy, tại sao *tự nhiên* có đứa bé mới sanh ra đã bị tật nguyền, lục căn khiếm khuyết.

Con người không giải thích được những câu hỏi "tại sao *tự nhiên*" trên đây, bèn đổ hết lên đầu một nhân vật do chính con người tưởng tượng tạo ra, rồi gọi đó là "Ông Trời" hay "Thượng Đế". Nhờ "Trời" thương nên tôi giàu có, sung sướng. Tại

"Trời" không thương, muốn trừng phạt nên tôi khổ quá, nên tôi bị bệnh hoạn.

"Ông Trời" nếu là đáng có quyền năng tuyệt đỉnh, là đáng chí công vô tư, là đáng có lòng bác ái bao la, tại sao ban phúc giáng họa bừa bãi như thế, tại sao không ban cho tất cả con người một cuộc sống an lạc và hạnh phúc ngay trên thế gian này, tại sao không dẹp hết loài yêu ma quỷ quái cho cuộc đời tươi vui, đẹp đẽ; lại hứa hẹn rằng người nào thờ phượng "Trời" thì mới được cho lên thiên đàng hưởng phúc đời đời, còn tất cả mọi người khác không tin như vậy, không thờ phượng thì bị cho xuống hỏa ngục hết tròn! Cái cõi thiên đàng phe đảng, ích kỷ như vậy đâu khác gì thế gian này?

Cái niềm tin vô căn cứ nơi trời đất qui thần linh thiêng ma quái, không luận lý được như vậy, đang dần dần bị đẩy lui theo đà phát triển của khoa học trên thế gian hôm nay. Số người tin tưởng nơi trời đất qui thần linh thiêng ma quái càng ngày càng sáng mắt ra, nhờ học hiểu chân lý, càng giảm dần, họ không để cho những người lợi dụng đức tin tôn giáo lừa gạt nữa.

Những người này bày ra những câu chuyện huyền hoặc, linh thiêng giả tạo, nào là tượng đá biết khóc, nào là bức tranh chảy nước mắt, nào là ngày tận thế sắp đến, nào là thánh thần cứu người chết sống lại, nào là trời đất qui thần linh thiêng ma quái hiện ra, dạy điều này, bảo điều kia, điều nào cũng có lợi cho nhóm người ít ỏi của họ mà thôi.

\*

Thực ra, trên thế gian này không việc gì "tự nhiên" mà có, mà sinh ra đâu, cũng không có "Trời" nào ban phúc giáng họa bừa bãi như vậy cả.

"Tất cả mọi sự việc đều do nhân duyên sanh ra và tất cả mọi sự việc đều do nhân duyên diệt đi".

Thí dụ cái cây không phải tự nhiên mọc lên được, mà phải do nguyên nhân là hạt giống gieo xuống đất, rồi nước, ánh sáng và nhiều yếu tố khác trợ duyên mới có được. Gieo nhân là hạt giống cam thì được cây cam và gặt hái quả cam.

"Nhân nào quả nấy" là định luật. Khoa học cũng thừa nhận như vậy. ăn uống không vệ sinh, không điều độ là nguyên nhân, hậu quả là bị bệnh. Thời nay, người bị bệnh thì đi bác sĩ khám và cho thuốc uống, chủ cầu nguyện thượng đế, tụng kinh thì làm sao khỏi bệnh cho được. Nếu cầu nguyện thượng đế, tụng kinh mà khỏi bệnh, thì bác sĩ giải nghệ, bệnh viện đóng cửa hết rồi. Bị bệnh không do trời phạt, hết bệnh không do trời thưởng.

Hút sách, cờ bạc là nguyên nhân, hậu quả là tán gia bại sản, vợ bỏ con chê. Chơi xấu, dâm bị thốc thọc bị gạo, lường gạt là nguyên nhân, hậu quả là bị chửi mắng, khinh khi. Lười biếng làm việc là nguyên nhân, hậu quả là nghèo khó. Lười biếng học hành là nguyên nhân, hậu quả là dốt nát. Siêng năng làm việc, biết tiết kiệm là nguyên nhân, hậu quả là giàu có. Chăm chỉ học hành là nguyên nhân, kết quả là đỗ đạt. Tốt bụng giúp người là nguyên nhân, kết quả là được mến chuộng.

Tâm hồn khoáng đạt thoải mái, không chứa chấp hận thù, không chứa chấp chuyện nhỏ mọn, không ganh tị, không đố kỵ, không tị hiềm, không hơn thua, không kỳ thị, không so đo, không suy lường, không tinh toán, không cố chấp, không quan trọng hóa mọi việc lớn nhỏ, không phân biệt phe phái, không thị phi nhón ngà là nguyên nhân, kết quả là cuộc sống an lạc và hạnh phúc vậy.

\*

Thường thì chúng ta thấy quả báo nhân tiền, sinh sự thì sự sinh, gieo gió thì gặt bão, ở hiền thì gặp lành, làm thiện thì hưởng phúc.

Tuy nhiên, cũng có nhiều người thắc mắc: tại sao có người ăn hiền ở lành, biết tu tâm dưỡng tánh, thường xuyên đi chùa, đi nhà thờ, không làm việc gì bất nhơn ác đức, mà sao họ cứ bị tai họa, bệnh hoạn, họa vô đơn chí, xui xẻo dồn dập.

Trái lại, có người thật điều ngoa, hung tợn, lừa thầy phản bạn, làm đủ mọi chuyện tồi tệ, ném đá giấu tay, không chứa bất cứ thủ đoạn, phương tiện gian manh nào để đoạt cho bằng được mục đích cứu cánh vị kỷ của họ, mà sao họ vẫn cứ phây phây, nhơn nhó, ăn nên làm ra, tậu nhà sắm xe, dường như công lý không có trên quả địa cầu này vậy.

Thượng đế là đáng toàn năng, có phép lạ siêu việt, cầu gì cho nấy, sao không dẹp trừ sạch hạng người như vậy cho thế gian này biến thành thiên đàng, có phải là tốt đẹp vẹn toàn hay không?

Trong lúc khoa học còn quá phôi thai chưa giải thích được các hiện tượng vật lý, thiên văn, cho nên con người bèn tưởng tượng, bèn nặn ra "thượng đế", để chính con người nương tựa vào đó, cầu nguyện tìm sự bình an tâm hồn tạm thời trong lúc sợ hãi, khổ đau mà thôi.

"Luật nhân quả" giải thích được các việc đó trong ba thời: quá khứ, hiện tại và vị lai. Có những nguyên nhân được tạo ra trong hiện tại, kết quả hay hậu quả nhận được trong vị lai.

Đức Phật dạy:

"Muốn biết kiếp trước mình đã làm gì thì hãy nhìn cuộc sống hiện tại.

"Muốn biết kiếp sau mình sẽ ra sao thì hãy nhìn việc mình đang làm hiện tại như thế nào".

Nghĩa là: Nếu hôm nay mình dốt nát nghèo khổ, thì đó là quả của cái nhân không biết làm việc phúc thiện trước đây, chủ không có chuyện thương ghét tùy tiện của thượng đế nào cả.

Nếu hôm nay mình thông minh, đủ ăn đủ mặc, thì đó là quả của cái nhân tu tâm dưỡng tánh, tích phúc tích đức trước đây nhiều đời và đời này.

Hôm nay mình được bình an là quả của cái nhân mình không tạo sự bất an cho kẻ khác.

Hôm nay mình được hạnh phúc là quả của cái nhân mình không phá hoại hạnh phúc kẻ khác.

Tùy theo "cái nhân" là hạt giống loại nào, sau khi được gieo xuống đất, phải chờ đủ "thời tiết nhân duyên", mỗi hạt hái "cái quả" của nó, có khi sớm, cũng có khi muộn.

Cũng có khi gặt phải quả chanh chua, có thể đem bán đi, mua quả cam ngọt. Đó là trường hợp chúng ta đã lỡ gieo "nhân xấu", nhưng nhờ "thiện tri thức" nhắc nhở, chúng ta biết phục thiện, quay trở về chánh đạo, chuyển ba nghiệp xấu thành ba nghiệp thiện, làm nhiều việc phúc đức, tu tâm dưỡng tánh, con người có thể gặt "quả tốt" hay ít ra cũng giảm bớt được "quả xấu". Chuyện lớn hóa nhỏ, chuyện nhỏ hóa không.

Cũng ví như gieo nhân biết tiết kiệm, con người có thể gặt quả giàu có hay giảm bớt được nợ xưa đó vậy.

\*

Đức Phật có dạy: "Nhứt thiết duy tâm tạo".

Nghĩa là: Tâm của chúng ta tạo ra tất cả. Muốn có quả thiên đàng trong tâm, chúng ta hãy gieo nhân tử bi hỷ xả, bác ái vị tha.

Gieo nhân ích kỷ, hận thù, tham lam, sân hận, si mê, thì nhứt định gặt quả địa ngục trong tâm, chắc chắn không sai, chỉ có sớm hay muộn mà thôi.

Thiên đàng địa ngục hai bên. Ai ngộ thì nhờ, ai mê thì sa. Thiên đàng chẳng chứa qui ma. Ai người thánh thiện tìm ra thiên đàng.

\*

Chúng ta đã thấu hiểu lý lẽ chân thật của cuộc đời là vô thường, không có gì tồn tại vĩnh viễn, không có gì là tự nhiên sanh, luật nhân quả đứng trong ba thời quá khứ, hiện tại, vị lai.

Sinh sự thì sự sinh, nhân nào quả nấy. Gieo gió gặt bão. Cầu nguyện chỉ đem lại sự bình an tạm thời. Bình an thực sự chỉ có cho người thiện tâm mà thôi.

Thiên đàng, địa ngục tuy là hai tâm trạng khác nhau, nhưng chỉ là trạng thái ở trong tâm của tất cả chúng ta.

\*

Ngày xưa, có người đến hỏi Đức Phật: Ngài có kinh điển nào có thể đọc tụng để cầu nguyện cho đệ tử được niết bàn hay không? Đức Phật đáp: KHÔNG! Tại sao vậy?

Thí dụ như quặng hòn đá xuống nước, hòn đá nặng tất nhiên chìm lìm, không có kinh điển nào đọc tụng có thể cầu nguyện cho cục đá nổi lên được.

Thí dụ như đem dầu đổ xuống nước, dầu nhẹ tất nhiên nổi trên mặt nước, không có kinh điển nào đọc tụng có thể cầu nguyện cho dầu chìm được.

Nghĩa là: Khi con người tạo nghiệp ác thì bị đọa, làm việc xấu thì tâm trạng bất an, không thể cầu an mà được bình an, yên ổn, không thể nhờ cầu hồn, cầu siêu mà người thân thăng lên niết bàn hay thiên đàng được.

cũng vậy, khi con người biết làm việc phúc thiện, biết tu tâm dưỡng tánh, biết quán chiếu, biết suy tư lẽ vô thường, lý nhân duyên của cuộc đời, thì nhứt định khi sống được an lạc và hạnh phúc, khi ra đi được an lành, siêu thoát; không ai có thể đem kinh điển nào đọc tụng, hay rủa xả, hoặc không thể vì người đó không theo tôn giáo này, không theo tôn giáo kia, hoặc vì bất cứ lý do gì, mà người đó có thể đọa địa ngục được.

Tâm của họ trong sáng, thanh tịnh, tự tại, nhẹ nhàng, thánh thiện hiện đời thì nhứt định khi ra đi, được siêu thăng cõi lành, cõi thiện mà thôi, không có gì nghi ngờ cả.

\*

Tóm lại, cuộc sống an lạc và hạnh phúc không do cầu nguyện sông mà được, không có một nguyên tắc nào, một phương pháp nào mà tạo ra.

Cuộc sống an lạc và hạnh phúc không là độc quyền của bất cứ ai theo một tôn giáo nào, bất cứ ai thuộc một dân tộc nào hoặc bất cứ ai thuộc một giới nào.

Người quá khôn ngoan, lanh lợi ở đời không thể có cuộc sống an lạc và hạnh phúc. Người quá khờ dại, u mê, ngu muội cũng không thể có cuộc sống an lạc và hạnh phúc.

Cuộc sống an lạc và hạnh phúc chỉ có nơi tất cả những ai biết tu tâm dưỡng tánh, biết quên mình vì người, biết làm việc phúc

thiện, biết quán chiếu, suy tư lẽ vô thường, lý nhân duyên của cuộc đời. Tức là cuộc sống an lạc và hạnh phúc chỉ có nơi những người "biết" sống an lạc và hạnh phúc mà thôi.

Chí công vô tư là ở chỗ đó vậy.

(Toronto - Canada)

● Ý Nga

## Nghĩ đến quê hương



Tôi vẫn viết lời bi ai thống thiết  
Van những hiền tài nghĩ đến  
quê hương

Súc yếu, tài hèn nhắc những bi  
thương

Gông cùm, xiềng xích bao nhiêu  
số phận

Tôi vẫn viết những bài thơ cảm  
hận

Gom lời ai oán của những lương  
dân

Gom lòng căm phẫn, cuồng  
quyền bất nhân

Gói những máu xương tù nhân  
vô tội

Bén những trác, bằng vết  
thương nhức nhối

Trải mộng vẫn thơ góp sức vun  
bồi

Cho hoa tự do sớm được phục  
hồi

Cho Việt Nam mau có ngày  
vinh hiển!

# AUF DEUTSCH

● Thich Nhu Dien

## DER BUDDHISMUS UND DIE MENSCHEN

Aus dem Vietnamesischen ins Deutsche übertragen von  
DUC THU - LOC HO

### Vorwort

Das Innenministerium der Bundesrepublik Deutschland gewährt der Klosterpagode „Vien Giac“ jährlich eine finanzielle Unterstützung. Mit diesem Betrag bestreiten wir die Kosten für die Herausgabe der Zeitschrift „Vien Giac“, der Festveranstaltungen und für andere klösterliche Ausgaben, darunter auch den Aufwand für die Publikation unserer Bücher. Mit meinen Veröffentlichungen möchte ich unter anderem auch dem Informationsbedürfnis des Innenministeriums über den Einsatz der von ihm gewährten Mittel entgegenkommen.

Vor kurzem besuchte der Bundestagsabgeordnete, Herr Dammermann, das Kloster, der sich nach fünfzehnjähriger Unterstützung selbst ein Bild von der Arbeit der Klosterpagode machen wollte. Er wollte mit mir die Förderungsmodalitäten erörtern, und besonders den möglichen Beitrag des Klosters und der Religion zur kommenden Weltausstellung „Expo 2000“ besprechen. Die Stadt Hannover rechnet während der fünf Veranstaltungsmonate vom Juni bis zum Oktober im Jahr 2000 mit 35 Millionen Besuchern aus Deutschland und der ganzen Welt.

Das Interesse der Initiatoren und der vielen indirekt beteiligten Menschen richtet sich nicht nur auf die Bewältigung der Besucherströme, sondern auch auf das Motto der Expo: „Mensch, Natur und Technik“. Wie auch immer die Zusammenarbeit zwischen den Stellen, welche die Expo ausrichten, und dem Kloster *Vien Giac* ausfallen wird, das Kloster wird in jedem Falle von diesem Ereignis betroffen werden, da es kaum 10 Minuten (zu Fuß) vom Ausstellungsort entfernt liegt.

Aber bis zum Beginn dieser Ausstellung in vier Jahren wird noch sehr viel geredet und diskutiert werden und auch der vietnamesische Buddhismus wird seinen geistigen Beitrag zur technologischen Entwicklung der Welt und der heutigen Menschheit leisten.

Während der dreimonatigen Meditationsklausur steht mir der größte Teil der Zeit für mich selbst zur Verfügung. Ich nutze diese Zeit, um zu meditieren und mich intensiv mit der Buddha-Lehre zu beschäftigen, aber auch um zu schreiben. Mein Tagesablauf gestaltet sich in dieser Zeitspanne etwa so:

6 <sup>00</sup> -7 <sup>00</sup>	Morgengebet, Sitz- und Gehmeditation
7 <sup>00</sup> -8 <sup>00</sup>	Zeit zum Schreiben
8 <sup>00</sup> -9 <sup>00</sup>	Frühstück mit anderen Mönchen und Nonnen in Achtsamkeit
9 <sup>00</sup> -10 <sup>00</sup>	Zeit zum Schreiben
11 <sup>00</sup> -12 <sup>00</sup>	Mittagessen, Rezitation und Gehmeditation
12 <sup>00</sup> -14 <sup>00</sup>	Mittagspause
14.30-6.15	Seminare für die Ordinierten sowie deutsche Besucher
17 <sup>00</sup> -18 <sup>00</sup>	Zeit zum Lesen
18.30	Abendsuppe in Achtsamkeit
20 <sup>00</sup> -21 <sup>00</sup>	Niederwerfungsritual des Maha-Paranibana-Sutra in der Gebetshalle. Jedes Wort des Sutra wird mit einer Niederwerfung geehrt.

Ab 21<sup>00</sup> können wir alle dann unsere Zeit ganz nach den persönlichen Belangen einteilen.

Das *Mahaparinirvana-Sutra* gehört zu den bedeutendsten Sutren des buddhistischen Kanons, das der Buddha acht Jahre vor seinem Tod neben dem *Saddharma-Pundarika-Sutra* am Linh Son Berg bei Rajagriha gepredigt hat. In den ersten Jahren habe ich zur Zeit der Meditationsklausur die Ordinierten und Laien über die Grundlagen der Lehre des Buddhismus unterrichtet und jedes Wochenende mit ihnen die *Athanga-Sila-Klausur* (24 Stunden) geübt. Danach habe ich mir das Gelübde auferlegt, Niederwerfungen auszuführen. Zuerst habe ich das Sutra der 500 Buddhanamen mit 500 Niederwerfungen ausgeführt, dann das Sutra der 3000 Buddhanamen mit 3000 Niederwerfungen und schließlich das Sutra der 10.000 Buddhanamen mit 11.000 Niederwerfungen. Weil ich fühlte, daß meine innere Energie noch nicht stark genug war, suchte ich mir das *Saddharma-Pundarika-Sutra* aus, um jedes Wort auch von diesem Sutra mit einer Niederwerfung zu ehren.

1990 haben wir im Kloster mit dem *Saddharma-Pundarika-Sutra* begonnen und 14.213 Niederwerfungen ausgeführt. Auch 1991 erlahmte der Eifer der Ordinierten und Laien nicht, die trotz der Einweihungsfeierlichkeiten des Klosters immerhin noch 13.767 Niederwerfungen absolvieren konnten. 1992 haben wir unsere Exerzitien mit 13.409 und 1993 mit 12.393 Niederwerfungen abgeschlossen. 1994 aber haben wir die meisten Niederwerfungen ausgeführt. An 55 Abenden haben wir 17.090 Niederwerfungen praktiziert. Jeden Abend vollführten wir im Durchschnitt 310 Niederwerfungen. Die verbliebenen 5.130 Niederwerfungen für den letzten Teil des Sutras haben wir 1995 an 18 Abenden absolviert. So haben wir das erwähnte Sutra also mit 76.002 Niederwerfungen geehrt, die wir über die bereits genannten Jahre hindurch ausgeführt haben.

Der Anfang des *Saddharma-Pundarika-Sutras* zählt 60.000 Wörter, die der Buddha gesprochen hat. Die Zählung bezieht sich entweder auf das Sanskrit oder auf das Pali; denn in der vietnamesischen Übersetzung zählt das Sutra über 76.000 Wörter. Die rituelle Verehrung des Sutras stellt eine der Pflichten dar, die wir, die Ordinierten, die Laien und ich, im Laufe der letzten Jahre erfüllt haben.

Das Streben nach Glück gleicht einer brennenden Kerze. Das Streben nach Weisheit aber dem Licht der Flamme, das nie erlischt. Geben wir die Flamme, die wir angezündet haben, an die Nebenkerzen weiter, dann steigert

sich die Leuchtdichte um die Helligkeit der angezündeten Kerzen. So lehrt uns dieses Gleichnis, daß das Streben nach Glück ohne Weisheit erlischt, aber zusammen mit der Weisheit wird die Flamme der Glückseligkeit nicht verlöschen.

Nur wenige vertrauen auf die eigene Willenskraft, die meisten hoffen auf Hilfe von außen. So wird der schon schwache Mensch noch schwächer. Um dieser Schwäche zu begegnen, ist es heilsam für die Ordinierten wie für die Laien, jeden Tag die Buddha-Lehre zu praktizieren.

Nachdem wir die Verehrung des *Saddharma-Pundarika-Sutras* abgeschlossen hatten, machte ich ein neues Gelübde, in dem ich versprach, das *Mahaparinirvana-Sutra* mit Niederwerfungen zu ehren. Dieses Sutra umfaßt zwei Bände. Jeder Band beinhaltet über 500 Seiten. Diese sind dazu noch mit kleineren Lettern gedruckt als das *Saddharma-Pundarika-Sutra*, so daß wir wahrscheinlich noch zehn Perioden der Meditationsklausur brauchen werden, um die Verehrung dieses Sutras abschließen zu können.

Die tägliche Praxis der Buddha-Lehre besteht nicht nur aus dem Vollzug ritueller Formen, allein schon deshalb nicht, weil ja alle Formen vergänglich sind. Aber wir brauchen besonders am Anfang unseres Übungsweges auch die Formen, wenn wir die Buddha-Natur (unveränderlich) erreichen wollen, d.h. die Formen, welche die verschiedenen Übungen kanonisieren.

Es gibt natürlich auch unter den Buddhisten Leute, welche die äußeren (rituellen und liturgischen) Formen ablehnen und deshalb auch die Praxis der Niederwerfungen verneinen. Aber in diesem Punkte bin ich ganz anderer Meinung als sie; denn jeder Mensch trägt als Ausdruck seines Karmas auch seine ureigene Krankheit. Diese Krankheit manifestiert sich allein schon in der Erscheinung des veränderlichen Körpers. Das Karma kann man aber verändern, und zwar mit der täglichen Praxis der Buddha-Lehre. Zur Praxis der Buddha-Lehre gehören aber auch die Niederwerfungen, die Rezitation der Sutren, die Rituale und die Buße. Wenn alle Menschen so handeln würden, dann würde diese Welt sich in ein „Reines Land“ verwandeln. Alle Schwierigkeiten wären überwunden und wir hätten das Ziel unserer Reise erreicht.

In jener Zeit, als der Buddha noch unter den Sterblichen weilte, hatte er im Winter, d.h. in Indien zur Regenzeit, die Mönche zur Meditationsklausur versammelt. Noch im Herbst ist es dort sehr trocken. Um die Kleinstlebewesen zu schonen, die besonders zahlreich während der Regenzeit in Erscheinung treten, wurde um diese Zeit der Almosengang eingeschränkt. Der Buddha und seine Anhänger blieben also zuhause, sie meditierten und studierten dafür sehr intensiv den Dharma.

So zeugt diese Einrichtung der Regenzeitklausur besonders auch von der Liebe zu allen Lebewesen. In Vietnam und China wird die Meditationsklausurzeit deshalb in den Sommer gelegt, so daß in den Ländern der nördlichen Schulen des Buddhismus, die dreimonatige Meditationsklausur zwischen *Vesak* und *Ullambana* fällt. Die Ordinierten der nördlichen Schulen des Buddhismus haben deshalb also ihre Meditationsklausurzeit in der warmen Jahreszeit.

Die südlichen Schulen des Buddhismus feiern das *Ullambana-Fest* nicht und sind auch nicht an die Periode der drei Sommermonate gebunden. In Vietnam und auch in einigen anderen Ländern gibt es heute mittlerweile auch schon die Tradition, die Meditationsklausur in den Winter zu legen. Das ist dort allerdings eher unpraktisch, da in dieser Zeit nur wenige Ordinierte daran teilnehmen können, weil sie genau zu dieser Zeit zur Schule gehen müssen. Im Ausland und in Vietnam hat man drei Monate Sommerferien und nur einen Monat Winterpause. Deshalb ist es dort also viel schwerer, im Winter an der Meditationsklausur teilzunehmen.

In Europa und also auch in Deutschland gibt es vier deutlich unterscheidbare Jahreszeiten. Der Winter beginnt im Januar und endet im März, der Frühling dauert von April bis Juni, Sommer ist von Juli bis September und der Herbst fällt zwischen Oktober bis Anfang Dezember. In diesem Rhythmus ändert sich hier auch das Klima. Die Pflanzen wachsen und welken im Turnus des Klimas. Aber auch in dieser Jahreszeitengliederung gibt es, und zwar in letzter Zeit immer häufiger, abrupte Wetterumschwünge und Saisonverschiebungen. Manchmal gibt es gar keinen Frühling, wenn der Winter gleich überwechselt in den Sommer. Und mancher Sommer verdient hier gar nicht seinen Namen. Die längerfristigen Klimaveränderungen gehen aller Wahrscheinlichkeit nach auf das Konto des Menschen, der seine Umwelt nicht mehr schont, sondern unbedacht verschmutzt, und dafür nun mit diesen klimatischen Veränderungen bestraft wird. Vor einigen hundert Jahren lebten die Menschen noch in Harmonie mit der Natur und ihr Geist war offensichtlich freier als heute. Sie mußten nicht gegen die Natur ankämpfen wie die Gesellschaft heute. Gegenwärtig ist man zwar stolz auf den Fortschritt der Technik, aber die Intelligenz der Menschen ist eindimensional geworden. Tatsächlich hat der Fortschritt der Technik, darin die Chemie eingeschlossen, dem Menschen erheblich geschadet. Er leidet heute unter Krankheiten an Körper und Seele, die es vor ihrem Erscheinen gar nicht gegeben hat. In der buddhistischen Lehre hat der Schutz der Umwelt einen sehr großen Stellenwert, ja er gilt als Pflicht eines jeden einzelnen Menschen. Jeder soll bewußt und mit Verantwortungsgefühl handeln, bevor er die anderen zur Tat auffordert oder sie dazu nötigt nach seinen Anordnungen zu handeln. Nur wohl überlegtes und verantwortungsbewußtes Planen kann ein gutes Ergebnis herbeiführen. Solange der Geist friedlich ist, wird es auch Frieden in der Welt geben.

Das Klima des Sommers 1996 war sehr launisch. Es war wirklich schwer, das Wetter vorauszusagen. Manchmal stieg die Temperatur bis auf 32° und dann sank sie auf 20° ab. Man konnte sich in letzter Zeit auch nicht mehr auf die Prognosen der Meteorologen verlassen.

Das *Vesak-Fest* wurde in diesem Jahr vom 31. Mai bis zum 2. Juni 1996 gefeiert. 5000 Leute besuchten aus diesem Anlaß die Kloster-Pagode. Wie so oft hat auch in diesem Jahr das Wetter nicht mitgespielt. Es regnete während des Festes ununterbrochen. Obwohl am Freitag noch das Sommerwetter vorherrschte, änderte es sich schlagartig am nächsten Tag.

Meine eigenen Erfahrungen mit dem Wetter machten es mir verständlich, warum man in Europa, wenn man sich begegnet, gleich nachdem man sich begrüßt und die Höflichkeiten ausgetauscht hat, über das Wetter redet. Gesundheit, Wohlbefinden und die Stimmung stehen in einem engen Zusammenhang mit dem Wetter. Deswegen kommt der Wahl des richtigen Zeitraums für die Meditationsklausur eine so große Bedeutung zu, für den Buddha damals genauso wie für die Mönche heute.

Jeder Mensch strebt nach Freiheit, er hat das Bedürfnis, unabhängig zu sein. Das ist auch das Motiv für die eigene Praxis: völlige Freiheit zu erlangen. Freisein bedeutet, daß man sich von allem, d.h. von allen materiellen wie geistigen Fesseln, löst. Diese Freiheit kann nur verwirklicht werden, wenn jeder seinen eigenen Weg aussuchen und gehen kann. Die Freiheit, die wir suchen, ist der Beseitigung des Leidens gewidmet und der Befreiung von den schlechten Taten und ihren Folgen. Aus diesem Grund habe ich für mich selbst einen Weg ausgesucht, der nicht nur mir, sondern auch anderen Nutzen bringt.

Jedes Jahr habe ich also drei Monate Zeit, um in mich zu gehen. Der schwerste Kampf des Menschen ist der Kampf mit sich selbst, d.h. mit seinem Geist. Dieser Kampf ist voller Fallen. Aber nur diesen Kampf lohnt es sich deshalb auch wirklich bis zum Ende zu kämpfen.

Auch dieses Buch erscheint wieder zweisprachig. Sein Titel lautet: „Der Buddhismus und die Menschen“. In diesem Buch möchte ich den Versuch unternehmen, Vietnamesen wie Deutschen den Buddhismus vorzustellen, seine Theorie und Praxis, seine schwerer verständlichen Seiten wie seine unmittelbar eingängigen Vorzüge. Nach einem einführenden Teil über den Buddhismus werde ich die Einwände und Mißverständnisse erörtern. Ich werde auf die Problematik des Buddhismus für Asiaten, für Vietnamesen und für die Menschen des Abendlandes eingehen und viele Aspekte des Buddhismus berühren, aus denen man Nutzen ziehen kann, welche auch Lebenshilfe im Alltag bieten.

Eine derart komplexe Themenstellung setzt natürlich eine gründliche Untersuchung voraus, auf die hier wiederum nur selektiv zurückgegriffen werden kann. Aber mein Ziel ist es, so gut wie möglich die Religion dem Leben näher zu bringen; und so hoffe ich mit dieser Schrift einen kleinen Beitrag zur Bereicherung des geistigen Lebens leisten zu können.

So nutze ich diese Gelegenheit auch, die Buddhisten an die Grundlagen des Buddhismus zu erinnern, die dank des Segens der drei Juwelen, der Erziehung der Eltern, der Lehren der Patriarchen und Lehrer den Mitmenschen zugänglich gemacht worden sind. Mögen alle guten Verdienste auch allen Lebewesen und allen oben erwähnten Wesen und Persönlichkeiten zugute kommen.

Ich bitte den geneigten Leser, mich über alle eventuellen Ungereimtheiten im Text, auf die er bei seiner Lektüre stoßen sollte, in Kenntnis zu setzen, und auch nicht mit seinem Rat zurückzuhalten, für den ich mich bei ihm schon an dieser Stelle im voraus bedanke.

Außerdem möchte ich mich bei allen Mitarbeitern in der Pagode, besonders bei jenen, welche das Typoskript erstellt, welche die Übersetzung besorgt, den Druck durch-

geführt und die Herstellung des Buches beaufsichtigt haben, bedanken. Vielen Dank auch an alle, die ihr großes Herz, ihre Arbeit und ihre Zeit in den Dienst des Glaubens gestellt haben. Ich wünsche ihnen, daß sie auch in Zukunft weiterhin ihre Kraft für diese Welt einsetzen werden.

Endlich, aber nicht zuletzt, möchte ich auch für sie alle beten, daß sie genug Kraft und Weisheit haben, ihren geistigen Weg zu gehen. Möge sich ihnen der Weg weiterhin öffnen, der die Menschen, die zum Ufer der Erlösung zurückgekehrt sind, aufnimmt.

Pagode Vien Giac im Sommer 1996  
*Thich Nhu Dien*

## Kapitel I

# Grundzüge des Buddhismus

## Im Rückblick

Die Religion des Buddhismus besteht schon mehr als 2500 Jahre. Der Buddhismus repräsentiert also eine der ältesten Hoch-Religionen, die ihren Ursprung in Asien haben. Buddhas Lehre ist mittlerweile Weltreligion geworden. Man begegnet ihr überall auf der Welt, bei den Menschen auf dem Lande wie in den Städten, überall auf Erdkreis, auf allen fünf Kontinenten der Erde.

Religionen haben ihre historischen Ursprünge, sie entstehen in bestimmten Epochen zum Wohle der Menschen und bewahren daher auch viel von dem Gepräge ihrer Entstehungszeit über die Zeit. Aber nur Religionen, welche den grundlegenden Bedürfnissen des Menschen hinreichend gerecht werden, und deshalb auch die geistige und sittliche Entwicklung der Menschheit fördern, behaupten sich länger als andere provinzielle Religionen, denen diese Tugenden fehlen.

Der Buddhismus gleicht einem Welt-Baum, dessen Wurzeln sich in Indien vor mehr als 2500 Jahren eingegraben haben und dessen Äste und Früchte heute in die ganze Welt hinausgewachsen sind. Schon dieser Missionserfolg spricht für seine Wahrheit und seine Vereinbarkeit mit der Wissenschaft, denn dieser enorme Missionserfolg der Lehre wäre im Widerspruch mit der menschlichen Vernunft nicht möglich gewesen.

In jener Zeit also, vor mehr als 2500 Jahren, wurde der Buddha als Prinz Siddhartha im Lumbini-Hain, nahe bei Benares in Nord-Indien, geboren, auf den sich alle Strömungen des Buddhismus berufen. Auch in Zukunft werden auf diesem Subkontinent weitere *Buddhas* auf die Welt kommen, so wie ihre Vorgänger, die *Buddhas der Vergangenheit*, die gleichfalls in dieser Weltgegend gewirkt haben.

Warum sind die Buddhas dort, d.h. in Indien, und nicht woanders auf die Welt gekommen? Sollte es dafür keinen anderen Grund gegeben haben, als den, die Menschen auf den rechten Weg zu leiten? Mit dieser Frage setzt sich unter anderem auch das Saddharma-Pundarika-Sutra auseinander,



das zu den zentralen Sutren des *Mahayana*, des *Großen Weges*, gehört.

### Warum Indien?

Indien ist ein geographisch reich differenzierter Subkontinent. Sein geomorphologisches Profil zeichnet sich aus durch hohe Gebirgszüge, große Ströme, weite Ebenen, seine Klimata durch alpine, subtropische und tropische Zonen, die Flora verteilt sich auf Urwälder, Steppenzonen und fruchtbare wie unfruchtbare Flachlandareale. Dementsprechend arten- und variantenreich sind Indiens Fauna und Flora sowie das rassistische, ethnische und kulturelle Auftreten der Spezies Mensch. Schon deshalb ist Indien auch gesegnet mit großen Weisheitslehrern aller ethnischen Substrate und Bevölkerungsschichten, mit Weistum, das den unterschiedlichsten menschlichen Lebensweisen gerecht wird. Außerdem zeichnen sich die Inder gegenüber den Völkern ihrer Nachbarschaft durch ihre Sanftmut aus. Die meisten Inder ernähren sich vegetarisch und haben eine eingeborene Liebe zu den anderen Lebewesen. Die geographische und biologische Vielfalt, besonders die hohen Bergzüge und großen Ströme bieten dem Aufkommen der Buddhas in diesem Subkontinent daher auch günstige Bedingungen.

Der Heilige meidet die Städte, wo alle Erscheinungen der Wurzelübel oder Geistesgifte in hoher Konzentration versammelt sind. Hier wird man dem Wechselbad der Gefühle von Gier, Haß und Verblendung, von Lust, Ärger und Frust, von Freude, Trauer und Langeweile ausgesetzt, den Irritationen, welche die Seele und den Geist beflecken. Ruhmsucht, Luxusleben, die Jagd nach Reichtum, der Wille zur Macht und die Verschwendungssucht feiern in den Großstädten ihre, morbiden Feste. Aus diesem Grunde wandte sich Prinz Siddhartha auch von dem Luxusleben seines väterlichen Palastes und von der Lebensführung seines Vaters ab, um in einem einsamen Wald und zunächst mit der Hilfe eines Lehrers seine Befreiung zu finden.

Wer endlich seine Ruhe gefunden hat und den Ort, wo er sie pflegen kann, der wird kaum in das Getümmel der Großstädte zurückkehren und sich dem Streß und der Erregung aussetzen. Um aber diese Ruhe schätzen zu können, muß man Hektik und Hast eines geschäftigen Lebens, die scheinbaren Vorzüge der urbanen Gesellschaft und die Versprechungen ihrer Lockmittel erlebt und genossen haben.

### Warum die hohe Geburt?

Die Erfahrung eines wohlhabenden und mit den Gütern und Machtmitteln der Welt großzügig ausgestatteten Lebens erklärt, warum der Buddha als Prinz Siddhartha als Sproß königlichen Blutes geboren wurde und als Thronprätendent aufgewachsen ist. Nur unter ähnlichen Bedingungen lernt man mit den Mächten der Welt und mit den begehrtesten Gütern umzugehen, man lernt die Gründe und Methoden ihrer Verwendung kennen. In jener Zeit hatte Buddha also nur als Adliger die Möglichkeit über Nutzen und Nachteil der Güter und Machtmittel nachzudenken, über ihre Rolle für das Heil oder Unheil der Lebewesen. Von diesen Gütern und ihrer Verwendung wird auch im

Saddharma-Pundarika-Sutra und in den anderen Sutren häufiger gesprochen.

Wäre der Buddha beispielsweise in arme Verhältnisse hineingeboren worden und als armer Junge aufgewachsen und hätte er dann irgendwann seine Familie verlassen, um in die Hauslosigkeit zu ziehen, dann hätte das ganz andere Konsequenzen gehabt, für ihn selbst und für sein Wirken auf andere. Ihm hätte das Wissen um die Wirkung der mannigfaltigen Güter auf Sitten und Charakter gefehlt, das Wissen um ihre Kraft der Verführung und Ablenkung von sich selbst. Nachdem er aber unter den günstigsten Umständen im höchsten sozialen Stande seiner Gesellschaft aufgewachsen war, wußte der Prinz Siddhartha, was er alles aufgegeben hatte, als er in die Hauslosigkeit zog, um das Leben eines Wandermönchs zu führen. Besitz und Reichtum, Wohlleben und Kurzweil, standen in grellem Kontrast zu Alter, Krankheit und Armut, und nicht zuletzt der Thronverlust so mancher Dynastie in seiner Nachbarschaft ließen ihn deutlich erkennen, daß alles auf dieser Welt der Vergänglichkeit unterworfen ist.

Aber bis heute neigt die Mehrheit der Menschen dazu, Besitz und Macht, Ruhm und Reichtum festzuhalten. Sicher wurde auch vielen Menschen die Entscheidung des Prinzen Siddhartha zum Vorbild, nämlich sich selbst auf den Weg der Erlösung zu begeben, und sich von der Unwissenheit zu befreien. Zu diesen Menschen gehörten zur Lebenszeit des Buddha auch Vertreter seiner Verwandtschaft aus der Königsfamilie wie z.B. Mahaprajapati, die Schwester der Mutter, Prinzessin Yashodhara, die Gattin, Ananda, der Vetter, Nanda, der Halbbruder, oder Rahula, der eigene Sohn.

Nachdem Buddha seine Verpflichtungen gegenüber seinen Angehörigen erfüllt hatte und auch sie auf den rechten Weg geführt hatte, wappnete er sich und bereitete sich darauf vor, seinen Kampf gegen das Böse zu führen. Auf diesem geistlichen Kriegszug konnte er auch Kashyapa, Maudgalyayana und Shariputra als seine Schüler gewinnen.

Die Anhänger Buddhas stammten aus allen Kasten, auch aus den niedersten Kasten wie z.B. Upali, der Barbier, Angulimala, der Räuber, oder Svati, der Fischer. Aus solchen und auch aus anderen Gründen dürfen wir also schließen, daß auch der Geburtsstand von Buddha für sein Werk von entscheidender Bedeutung war.

(Fortsetzung folgt)

### Impressum

Congr. d. Verein Vietn. Buddh. Kirche  
Abteilung in der BRD (gemeinnütziger e.V.)  
Die Zeitschrift der Vietnamesen und Buddhistischen  
Vietnamflüchtlinge in der Bundesrepublik Deutschland  
Verlag  
c/o Viengiac Pagode, Karlsruher Str.6, 30519 Hannover  
Tel. (0511) 879630 - Fax. (0511) 8790963

Herausgeber :

Congr. d. Verein Vietn. Buddh. Kirch e.V

Redaktion :

Vietnamesische-Buddhistisches Sozio-Kulturzentrum  
in der BRD (VIBUS)

Erscheinungsweise : 6 mal Jährlich

Diese Zeitschrift wird kostenlos verschickt. Nach druck nur mit  
schriftlicher Genehmigung der Redaktion erlaubt.



# Trang hoa phượng

## ● Hồng Nhiên phụ trách

**C**ác em Hoa Phượng thân mến, Thời gian đi, chẳng mấy chốc mà nay các em đã thấy đường sá phố phường, giảng đên, kết hoa, mọi người xông xáo, rộn ràng đi mua sắm để đón mừng một mùa Giáng Sinh và Tết Tây lịch đến. Dù rằng mùa đông đang có tuyết rơi và giá lạnh.

Ý nghĩa việc làm đó không ngoài kỷ niệm ngày Chúa Jê-sus ra đời đem niềm vui và hạnh phúc đến cho nhân loại, đồng thời năm mới đến sẽ đổi thay bước đường đời của mình, trút bỏ những phiền muộn. lo âu đã vướng trong năm cũ, đổi lại sự tươi sáng hoặc thịnh vượng hơn.

Hoa Phượng đến với các em trong ý nghĩa đó trên trang báo này. Nhấn nhủ với các em, dù là dân tộc nào tuổi học trò vẫn là quý giá. Bởi vì tuổi học trò là tuổi vô tư nằm trong thời gian cần bản trau dồi đức hạnh, đào luyện chuyên môn để mai sau xã hội có được những nhân lực đủ khả năng, kiến thức dồi dào.

Các em chắc nhìn thấy được rằng, giống Lạc Hồng của mình đã vô cùng hãnh diện kể từ ngày quê hương bị tao loạn, do nhóm người cùng dòng máu chạy theo Cộng Sản đàn anh Nga, Tàu tác động nên mỗi có những đứa con phải tê Mẹ ra đi, nhưng không những đã hội nhập mà còn chứng tỏ được sự thông minh và ưu tú không kém dân bản xứ nước người.

Hoa Phượng thân mến chúc các em mùa Giáng Sinh vui vẻ và năm 1999 đạt nhiều thắng lợi.

■ Hoa Phượng

## Chuyện kể

### • CON CHÓ, CON MÈO VÀ ANH CHÀNG NGHÈO KHỔ

Ngày xưa có hai mẹ con anh chàng nghèo rớt mồng tơi. Anh chàng lang thang đi kiếm việc làm nhưng chả có ai thuê cả. Mãi sau, có một chủ thuyền buôn thấy anh khỏe mạnh, lại biết bơi lội mới thuê anh làm thủy thủ. Hứa trả cho anh ngày ba bữa ăn và một năm bốn mươi quan tiền trả trước. Anh chàng tưởng không có gì mừng hơn, vội cầm ba mươi quan tiền về cho mẹ, còn mười quan anh mang theo.

Thuyền cất hàng, vượt biển luôn năm ngày đến một thị trấn lớn. Trên bến kẻ mua người bán chen chúc nhau. Bọn thủy thủ bỏ chèo:

- Ở đây thú gì cũng buồn đượ, củ mua một ít đưa về quê bán là tức khắc có lãi (lời).

Anh chàng xưa nay không quen buôn bán nên cầm mười quan tiền trong tay, chưa biết nên mua thú hàng gì. Bỗng chốc, anh thấy một người mang ra bến một con chó bị trói, toan vứt xuống sông. Lấy làm thương, anh vội ngăn lại và hỏi duyên cớ. Người ấy cho biết chó này là của chủ mình. Hôm nay chủ đi chợ mua thịt về làm tiệc, không rõ cất đặt thế nào để chó ăn vụng. Chủ tức giận trói chó lại và đánh gần chết rồi sai tôi đem đi liệng xuống sông. Nghe kể thế, anh chàng xin mua lại con chó. Người kia cười mà rằng:

- Nó chỉ chuyên ăn vụng, anh mua về làm gì?

Chàng đáp:

- Thấy kệ, củ bán cho tôi đi!

Cuối cùng anh chàng xia ra ba quan mua lấy con chó. Cởi trói nó ra; đoạn, xích lại bên chỗ mình.

Sau đó một chốc, anh lại trông thấy có một người đàn bà mang một con mèo toan vứt xuống sông. Anh chàng ngăn lại và hỏi duyên cớ. Khi biết tội trạng của mèo cũng chỉ là ăn vụng, anh nài nỉ để con vật lại cho mình. Người đàn bà khuyên anh không nên mua thú mèo xấu nét. Anh không nghe và nói:

- Thấy kệ! Củ bán cho tôi đi!

Thế là con mèo thoát chết. Và người chủ mới của nó đã trả ba quan để mua. Xong, đem buộc lại gần bên con chó.

Ngồi một mình trên thuyền, thấy buồn, anh chàng bèn bỏ thuyền lên bờ đi dạo. Bỗng anh thấy có ba đứa chăn trâu bắt được con rắn nước, toan dùng roi đánh đập. Anh vội chạy lại ngăn cản:

- Các em đừng đánh nó, nó là rắn nước, củ làm hại ai đâu?

- "Mặc kệ chúng tôi", bọn trẻ đáp. "Chúng tôi bắt được nó, chúng tôi đánh, ông cần làm gì?"

Thấy bọn chúng khăng khăng cố tình giết rắn, anh chàng lại dùng tiền để cứu con vật vô tội. Chúng đòi năm quan. Mãi sau mới bắt được một. Thế là tất cả số tiền mang theo đều lần lượt với đi hết. Mua được con rắn, anh vội thả xuống sông cho nó trở về xứ sở. Bọn thủy thủ khi nghe anh kể lại đều cười ngất, cho là một người khờ dại ít có.

Anh chỉ ngồi lặng yên, không nói gì cả.

Khi thuyền bắt đầu trở về, vào khoảng nửa đêm, anh đang chèo bỗng thấy con rắn nước từ dưới sông bơi lên trao cho anh một viên ngọc và nói:

- Cha tôi là Long Vương cảm ơn anh cứu mạng tôi, cha tôi biểu đem biểu anh một viên ngọc "băng xuyên" để mời anh xuống chơi. Mang ngọc vào mình, anh có thể đi được dưới nước cũng dễ dàng như đi trên bộ.

Anh nghe vậy nên vội buông chèo đi theo con rắn xuống Thủy Phủ. Quả nhiên, anh được Long Vương tiếp đãi rất hậu, tổng tiền vàng bạc châu báu rất nhiều. Sau đó, anh được người của Long Vương đưa về đến tận nhà.

Chủ thuyền thấy mất hút anh, tưởng anh đã rơi xuống nước. Bèn đổ thuyền lại, lên bờ trình với xã sà tại. Nhưng khi mọi người về đến quê hương thì họ rất lấy làm ngạc nhiên vì anh thủy thủ trẻ đã về đến nhà ba ngày trước rồi.

Từ đó anh trở nên giàu có. Nhưng anh vẫn sống một cuộc đời bình thường với người mẹ già. Con chó, con mèo được anh cứu vẫn theo anh không rời. Về sau, anh lấy vợ. Vợ anh là một cô gái rất đẹp. Nàng thích đeo nữ trang. Thấy viên ngọc "băng xuyên" chiếu sáng một góc tủ, nàng thích lắm, nên một hôm lấy trộm mang đến cho người thợ kim hoàn bảo làm cho mình một chiếc nhẫn. Không ngờ, người thợ kim hoàn biết là ngọc quý, ít có trong thế gian, bèn đi kiếm một viên khác tương tự như thế để đánh tráo mà cướp lấy bảo vật.

Khi biết rõ chuyện thì anh thủy thủ trở nên buồn bã. Hàng ngày anh ra bờ sông, mong tìm lại con rắn nước nhưng chả làm sao gặp được. Chó và mèo thấy chủ không vui, một hôm nói với chủ xin đi tìm viên ngọc.

Đường đi đến nhà người thợ kim hoàn phải qua một con sông rộng. Không có cách gì để vượt cá, hai con vật củ loay quanh ở trên bờ. Về sau chúng nó tìm được vào nhà nhờ một con rái cá. Chúng kể lại sự tình cho rái cá nghe và nhờ rái cá đưa qua sông.

Khi đến nhà người thợ kim hoàn, mèo bảo chó:

- Để tao trèo lên nóc nhà kêu lên mấy tiếng cho những con chó trong nhà xúm lại sủa. Thế là mầy củ đáng hoàng theo cống mà vào, không ai biết.

Quả nhiên, bày chó nhà người thợ kim hoàn nghe mấy tiếng mèo kêu vội xông ra đuổi. Mèo dẫn chúng nó đi thật xa nên chó ta lên vào và núp dưới một cái hầm, vô sự.

Khi hai con vật gặp lại nhau, chúng tìm tòi khắp trong nhà. Tất cả cửa cái của lão kim hoàn đều bỏ trong cái rương xe, luôn luôn khóa kín, không để gì lọt vào được. Mèo cố tìm tòi, chụp bắt được một con chuột. Chuột van lạy xin tha. Mèo bảo nó dẫn mình đến gặp chuột chúa đàn. Mèo nói rõ cho chuột chúa biết việc mình nhờ; đổi lại, mèo hứa sẽ không chạm đến tôn tộc nhà hắn. Chuột chúa đàn vâng dạ:

- Để tôi bảo lũ con cháu, tôi tổ trong nhà khoét rường của nó tìm cho các ông.

Nhưng đến khi lọt được vào rường, lũ chuột tìm mãi vẫn không thấy viên ngọc. Chuột chúa đàn ra báo lại cho mèo biết và nói:

- Trong rường này có một cái hộp bằng bạc. Có lẽ nó giấu trong đó, cái hộp đó khó lòng mà gặm được.

- Vậy làm thế nào? Mèo hỏi.

- Chỉ có cách là chúng tôi nhờ xóm giềng hộp sức cùng chúng tôi khoét lỗ rộng làm sao đưa lọt cái hộp ấy ra đây cho các ông tìm.

- Thế là làm gấp đi!

Chỉ trong một đêm, cả xóm nhà chuột đã lấy được cái hộp đưa cho mèo. Hai con vật tìm cách phá hộp ra, quả thấy viên ngọc của chủ. Chúng vô cùng mừng rỡ.

Sau khi ra khỏi nhà người thợ kim hoàn, chó tranh mèo mang ngọc. Nhưng đến lúc sắp sửa sang sông, vì mắng nhau với một con chó khác, nên chó đã để viên ngọc văng xuống nước. Một con cá trông thấy ngọc sáng vội bơi tới dớp và nuốt ngay.

Thấy chó để mất ngọc, mèo giận quá, mắng chó một trận. Chó biết lỗi, lặng thinh, cuối cùng meo máo:

- Biết làm sao bây giờ?

Suy nghĩ một lát, mèo tìm được kế bảo chó:

- Chúng ta sẽ tìm đến nhà thuyền chài ở vùng này xin ở với họ. Thế rồi chờ họ câu được con cá đã nuốt viên ngọc thì sẽ kiếm cách cướp lấy đem về.

Chó khen mưu kế hay, bèn cùng mèo tìm đến một gia đình ông chài đang đỗ thuyền lại ở bờ sông phôi lười. Hai con vật tỏ ra rất khôn ngoan, hiền lành nên được cả nhà đối đãi tử tế.

Mấy hôm sau, ông chài đánh mẻ lưới được một con cá rất lớn, mổ ruột ra, thấy có viên ngọc. Chó và mèo khắp khối mừng thầm. Trong khi cả nhà trao ngọc cho nhau để xem của lạ, thì mèo tiến lại cọ vào người chủ. Nhân khi chủ vô ý, nó nhảy lên ngoạm lấy viên ngọc rồi cong đuôi nhảy lên bờ chạy mất. Thấy thế, con chó cũng ba chân bốn cẳng chạy theo trước con mắt ngó ngác của mấy cha con ông chài.

Lần này mèo tranh chó mang ngọc. Mèo lên mặt khôn, bảo chó:

- Lần trước ngậm bị rơi, lần này có cách hay là đội lên đầu. Sắp đến nhà rồi chớ sợ gì nữa.

Nào ngờ mới đi được một quãng đường, bầy giờ có một con quạ đang bay trên không, nhác thấy cái gì lấp lánh trên đầu mèo, nó thỉnh linh sà xuống dớp lấy rồi bay đậu trên cành cây.

Thấy ngọc lại mất, chó đến mắng chửi mèo, rồi nói:

- Ngọc rơi xuống nước còn có thể lấy được, chủ bay lên trời thì đừng có hòng.

Mèo buồn rầu, nhưng ngẫm nghĩ một lát, nó bảo chó:

- Đúng rồi. Tao đã nghĩ ra một kế.

- Kế gì? Chó hỏi.

- Giã chết bắt quạ. Mèo đáp.

Nói xong, mèo chạy đến bờ sông uống một bụng đầy nước. Đoạn trở về bảo chó trốn đi một chỗ, còn mình thì tôi nằm dưới gốc cây phối bụng trắng hếu giả vở chết.

Quạ đang ngậm ngọc, đậu trên cây cao nhìn xuống thoáng thấy có bóng một con vật chết, vội vàng bay xuống toan rìa thịt.

Nhưng khi quạ vừa xáp lại thì mèo đã nhảy xổ lên vỗ lấy quạ. Quạ van lạy xin trả viên ngọc cho mèo để được tha mạng. Mèo chỉ đợi có thể ngoạm lấy viên ngọc, ra đi.

Lần này, cả hai con vật đùa ngọc về nhà an toàn. Anh chàng thủy thủ tìm lại được món tặng vật của Long Vương, hết sức vui mừng. Anh càng thêm quý mến hai con vật có tình, có nghĩa.

■ Hồng Nhiên sưu tầm

## Vùng Hạ

■ Ban Mê

Buổi sáng mùa Hè nào đó, tôi đang chạy về hướng Wiesenaus (tôi thường gọi đùa với bạn bè là Cánh Đờng Xanh). Lúc ấy nó chưa bị san bằng bởi chi nhánh Telecom về đây án ngữ. Wiesenaus lúc đó trong tôi đẹp cách hiền hòa, yêu thương, với ngôi trường Đại Học ở trên đồi nhìn xuống, với hàng cây thông. Cây ăn trái vây quanh, với những con đường khúc khuỷu quanh co chạy ra tới Kalbach, sông Nidola uốn khúc bao quanh. Với những dãy đồi lặng thinh, mờ ảo trong những chiều mưa ở Taunus.

Tôi quên thế nào được, buổi sáng mùa Hè năm ấy. Không khí trong mát làm sao, mặt trời màu hồng nhạt lửng lửng vươn lên từ từ trong những làn mây xám vây quanh. Sương mù giăng lằng đằng trên lối cò. Tôi đang chạy, bỗng đâu đó trong lùm cây, hay lối cò nào, có tiếng đế kêu vang lên. Không, tôi không thể nào làm được, bật đi một thời gian, hình ảnh con đế thân yêu, bay đi rồi về trong tâm tưởng tôi, sống động vô cùng... Tôi vẫn chạy tiếp tục, nhưng trong tôi bùng lên niềm xao xuyến khôn tả. Trời ơi, ngày ấy...

Phải, nói theo kiểu nhà văn Tường Năng Tiến, ngày nay tôi đang bị dòng sông gần như muốn nhận chìm tôi. Thình thoảng tôi nhảy lên bờ nghĩ một chút, và nhìn cái tuổi thơ tôi là coi được nhất. Tuổi thơ tôi ở Ban Mê Thuật thần tiên ghê, với bao trò chơi thân yêu: bắn nã, đá cầu, đánh giặc, bắn bi, chơi u, tạc hình, đá cá... và chỉ có đá đế là tôi mê nhất. Lúc ấy học tiểu học, đến mùa đế, nói tiếng đi học, lúc ấy tôi chả học gì cả. Lúc nào cũng thủ sẵn mấy cái hộp: Đế hạng nhất, hạng nhì, hạng ba, rình đến giờ ra chơi, rủ mấy thằng bạn đem đế ra đá.

Bắt đế mới là khoái, chủ mua đế là tầm thường rồi. Trong lãnh vực này, chỉ có mấy thằng bạn là nhà nghề, chỉ có tôi là "xà bát" thôi. Nghe tiếng đế kêu vu vớ ở đâu đó, thằng bạn tôi có thể phăng đến ngay chóc, chủ không như tôi xạc bên này, xạc bên kia, làm cho con đế thấy động, lúi đi mất. Khi tìm ra hang ở của chàng, chỉ vài nhát cuốc, bịt ngả trước, ngả sau, đổ mấy ca nước xuống, là anh chàng nhào ra liền. Nghề thật.

Tôi còn nhớ sau cổng trường tiểu học, đến giờ ra chơi, ôi thôi bao nhiêu gánh hàng

rong ủa tôi "dụ khị" mấy em học trò nhỏ. Trong đám đông ồn ào đó, có vài ông già Ba Tri, mặc áo lính, miệng bập bập điệu thuốc rê, đứng ngang tàng riêng biệt góc trời. Vai quàng ngang lồng đố, ôi bao nhiêu là đế trong đó. Nếu là khách quen, chịu chi cho ngon, lúc ấy ông già mới lấy dưới đáy lồng, thường là cái hộp quẹt, nhìn qua nhìn lại, dòn dác như sợ bán xi ke không bằng. Lúc ấy ông già, mỗi khều thẳng nhóc lại, nhích cái hộp quẹt từ từ lên cho coi. Cả đám đông bọn tôi, vây quanh xuýt xoa, ò lên tán thưởng. Kia là hàng chiến lược, đế đó quả thật chiến. Nhưng lúc ấy tôi có kinh nghiệm, loại đế này ngon thì có ngon thật. Nhưng ác nỗi một cái, nó chỉ đá quyết tử trong cái hộp quẹt thôi, giống như kiểu "giặc đến nhà, đàn bà phải đánh". Chỉ thấy bốn chân, tấn qua, tấn lại coi chán chết. Bỏ hộp quẹt ra, là cu cậu ngớ ngẩn, ngác ngác, như mất phương hướng, lóng cồng, vụng về, đá chà ra làm sao cả, có khi thua trước đối phương, đôi khi chỉ là đế ốc tiêu. Mua về, phải tập bỏ dần hộp quẹt ra cho quen, chủ đi đem đá liền là thua cái chắc.

Có thời tôi nghe đồn có đế hang rắn. Tinh cở đế và rắn hai con này sống chung với nhau. Lâu ngày, con đế quen dần với chất độc của con rắn như rắn tằm lâu ngày trong cò. Lúc ấy con đế đó, trở thành thủ thần khốc, không có đế nào địch lại nó. Nghe đồn vậy thôi, chủ chưa thấy lần nào, mà có thấy cũng không dám bắt, lỡ quỏ mò tay vào hang rắn, nó mổ cho một cái, là chi có nước xuống Tuyệt Tinh Cốc ồm ồm hận ngàn thu... Chủ chuyện gà đá, cựa tằm nọc rắn tôi đã nghe cụ Vương Hồng Sển thuật lại trong cuốn "Phong Lưu Cựu Mỡ" rồi.

Đế bắt về, phải loại ra một số như đế mái, đế mọi, đế côm, phóng sanh hết làm phuộc. Đế lửa phải lựa tuyển ra, vì đế lửa ít có con hay, mà một khi đã hay rồi, thì hay độc địa vô cùng, thần sầu quý khốc, nói chung toàn là xà bát không, phần đông mắc chứng bệnh quái đàn, đang đá ngon tròn, gáy ngon lành, bỗng dưng quay lưng lại, lúi lại, như bình thần tuyên bố "nghỉ chơi, tuần tới đá tiếp, bóc lột sức lao động vừa vừa thôi mấy cha nội".

Đế phải là đế than, than ngẫu thật là ngẫu, bóng loáng. Hai râu dài, hàm mép còn đỏ. Hai chân gân guốc, hai cẳng be ra cho ngon, sát đất, húc bằng bằng... Nghĩa là nhìn thôi, đối phương thấy muốn "rét" rồi, là đao chưa nhích động, con người đã mê mẩn rồi.

Đế bắt về nuôi trong hộp sứa bò là tốt nhất, bỏ đất xộp xộp vào (đất trước đó đã rây, sàng kỹ lưỡng lắm rồi), nhận mấy hòn cuội sát xuống, làm hồ nước nhỏ cho đế, Bò cò non cho đế ăn, chủ đứng cho ăn ba cái vỏ vắn như giá, ruột bánh mì..., lâu lâu tắm bổ cho đế ăn xà-lách. Đêm đêm tôi để hộp đế trên đầu giường, nghe tiếng nó gáy, hạnh phúc lắm sao. Tuổi thơ tôi tự hào, mình đã ngủ say trong khúc nhạc quê hương thân yêu này...

Và tôi vẫn chạy tiếp, thì thầm "... thôi tạm biệt đi, giờ đây trong tâm hồn tao, không còn có chỗ trống nào dành cho mày cả, đi đi...", tiếng đế vẫn vang lên trong tâm tưởng như lời ru đứa, như lời con đế rót vào tai tôi

"... tạm biệt bạn đi, dù sao gì chúng ta cũng có một thời rục rở bên nhau..." Nắng đã lên cao rồi....●



*Tuổi thơ ngày ấy vui đùa  
Nhảy dây, cút bắt, chạy đua, nhảy nhà  
Ra vườn bắt bướm hái hoa  
Lại còn phụ má pha trà, nấu cơm*

*Thả gà, thả vịt, giũ rơm  
Giặt quần, giặt áo, trông nom trâu cày  
Tuổi thơ nào biết u hoài  
Hồn nhiên trong trắng như lài ngát  
hương...*

● **Hồng Lan**



**Phật Tử nếm  
thử lục hòa**

*Ta chưa có duyên xuất gia  
Nhưng ta tự giữ Lục Hòa với nhau  
Thân Hòa Đồng Trú làm đầu  
Sống luôn hòa thuận trước sau đạo  
đồng*

*Khẩu Hòa Vô Tranh thanh trong  
Nên giữ hòa khí miệng không nhiều lời  
Ý Hòa Đồng Duyệt sáng ngời  
Tứ tưởng cõi mở với người đồng môn  
Giới Hòa Đồng Tu làm tròn  
Tuân theo giới luật, pháp môn Phật  
truyền*

*Kiến Hòa Đồng Giải thường xuyên  
Giúp nhau học hỏi đạo, thiền, tử bi  
Lợi Hòa Đồng Quân khắc ghi  
Chia nhau phẩm vật mỗi khi được  
phần*

*Đạo đời ta nguyện tu thân  
Niết Bàn an lạc, cõi trần thanh thới.*

● **Nguyễn Văn Cường**



## GIA ĐÌNH PHẬT TỬ

**Thiện Căn Phạm Hồng Sáu  
phụ trách**

**C**ác em Đoàn Sinh thân ái,  
Hôm nay đến với các em trên trang báo này thì đã vào mùa lễ Giáng Sinh và Tết Tây lịch đến. Đền, hoa giăng mắc khắp nơi, người người xôn xao lo đi mua sắm để đón mừng ngày vui, sum họp và hy vọng năm mới gặp may mắn nhiều hơn.

Các em là những Đoàn Sinh (ĐS) trong Gia Đình Phật Tử, các em có đạo, có tập thể sinh hoạt theo lý tưởng của mình, ngoài ra nếu đem việc đời so sánh với các em cũng như Hoa Phượng, vẫn tuổi trẻ ham vui, hồn nhiên và vô tư ấy. Nhìn các em trong bộ đồng phục màu Lam hiền hòa, tự nhiên người chung quanh sẽ có cảm tình đối với các em.

Chúng ta theo đạo Phật, theo lý thuyết của Phật để giải đoán mọi sự việc xảy ra tại cõi đời này và ngay cả cho bản thân mình nữa. Có vui thì cũng có buồn, đừng vui thì ít, đừng buồn thì nhiều. Như các em đã thấy trên truyền hình và qua báo chí, vào những tuần lễ cuối tháng 10 và đầu tháng 11 vừa qua, trên thế giới đã xảy ra không biết bao nhiêu chuyện. Nào là đất sụp, lửa dậy, tro phun, tàu chìm, gió mưa, bão lụt v.v... đã gây chết chóc, tai ương cho nhiều người và sinh vật, đồng thời sự thiệt hại họa lây luôn cho cả đường sá, cỏ cây. Riêng tại Đức quốc, nhiều nơi trên Liên Bang đã bị gió mạnh, mưa nhiều làm lũ lụt, gây cho nhà cửa bị sập, xe cộ bị hư, cây cối ngã đổ. Bò, heo, dê, ngựa v.v... bị nước cuốn trôi. Người ta ra sức ngăn chặn và đề phòng ngay từ đầu nhưng không ngăn cản nổi, do đó đã đem đến sự tổn thất cao cho nhiều người. Và lại đang mùa đông, cái lạnh lẽo của đất trời, cho dù người ta có nơi tạm trú ngụ, nhưng không làm sao đầy đủ tiện nghi hay thoải mái bằng chính cái nhà của mình, vì thế năm nay Giáng Sinh hay Tết có đến, niềm vui của họ không được trọn vẹn.

Nếu xét về Vô Thường thì đó là Vô Thường, bởi vì mọi sự vật còn, mất không chừng, kể cả mạng sống của con người cũng không chắc là thường được.

Còn nếu xét về Nhân Quả thì chính đó là Nhân Quả mà thế gian đã gieo ra trước, do sự tham vọng quá nhiều, cố đạt cho được kết quả tuyệt đỉnh về mặt khoa học, kỹ thuật để làm vãn mình và tiện nghi cho con người sử dụng hoặc là chủ tâm tranh quyền, đạt lợi với kẻ khác.

Khi đạt được cái này rồi, thì muốn đạt được cái kia, cho nên đã lạm dụng và phạm mỗi sinh, đưa vật liệu nguyên tử và các chất hóa học ra thử nghiệm quá nhiều, khiến cho lòng đất bị sụp lún và bầu khí quyển đang trong lạnh bị ô nhiễm, do đó mà tai trời, ách nước đã xảy ra. Phải chăng

cái quả do con người gây ra, thì tự con người phải hứng chịu. Nhưng đừng tưởng thảm trạng tang thương ấy không ai khỏi mũi lòng.

Các em Đoàn Sinh thân ái,  
Trong tờ báo Viên Giác số 107, tôi đã nói với các em biết về nguyên nhân nào mà vua A-Dục là một ông vua rất bạo ác đã trở về với Phật Giáo.

Trong báo Viên Giác này ở trang ĐOPT, các em nghe tôi kể cho các em một chuyện tiền thân của đức Phật Thích-Ca do chính Ngài đã kể lại. Nhưng trước khi vào chuyện tôi có vài chú thích để cho các em hiểu rõ:

- A-Nan là một đệ tử được đức Phật yêu quý và truyền dạy lại Giáo pháp trong nhóm các ông Nan-Đà, Ưu-Bà-Ly và A-Nan-Luật-Đà và Ngài cũng là vị Tổ sư thứ 2 nối tiếp đức Ca-Diếp.

- Đề-Bà-Đạt-Đa là người em họ của đức Phật Thích-Ca, thấy đức Phật đi đầu cùng có nhiều đệ tử, ai ai cũng tỏ lòng cung kính, đâm ra ganh ghét và muốn hại Phật.

- Trưởng Thọ vương ở kinh thành Ba-Diếp ngày xưa là tiền thân của đức Phật Thích-Ca.

**Vào chuyện:**

### Tình thương và cứu hận

**T**rưởng Thọ vương ngược nhìn ra trời đêm mù mịt. Kinh thành Ba Diệp đang ngập trong bóng tối nặng nề. Ngoài xa, có le lói ánh lửa chắc quân thù đã hạ trại khi chiều, ở đời bên kia.

Ngày mai... Vâng, ngày mai nếu cử tình trạng này thì cũng đến đánh nhau to. Không lẽ thành kia vậy máu, hồ kia ngập xác người, máu thấm đất cây đã hút nhiều mồ hôi lao động? Ai thích nghe chỉ những tiếng gầm gào say máu, tiếng khóc than rên trên trận địa?

Càng nghĩ Vương càng thấy ruột rối bời. Lời khuyên nhủ của vị trung thần còn văng vảng:

- Bệ hạ không lý do chậm trễ. Giờ phút hứng vong của nước nhà là đây. Chúng ta không thiếu người tài giỏi. Đội ngũ đã sẵn sàng, xin Ngài mau ra lệnh tiến binh.

Wương thấy ngao ngán vô cùng. Suốt đời làm vua, Trưởng Thọ vương không bao giờ dùng thanh gươm nhọn để trị nước. Bằng đức độ và tình thương, Vương đã đem đến cho nhân dân cuộc sống yên lành. Nhưng cũng vì thế mà binh không hùng, tướng không mạnh. Vương có bao giờ nghĩ đến việc chinh phạt ai? Nhược điểm đó đã bị Phiến vương, một chủ hòa dòm ngó, rồi này ra ý tranh đoạt ngai vàng.

Bây giờ biết tình làm sao? Xuất binh ư? Chắc gì đã thắng? Mà nếu thắng cũng chỉ là người giết người có gì vui sướng. Gây chiến tranh thì làm sao tránh được cảnh mẹ già khóc con, vợ trẻ mất mắt chờ chồng và những em bé ngây thơ, ôi chúng có tội tình gì đâu mà bắt chúng phải mồ côi, phải

sống cuộc đời không tình thương và đời lạnh.

Mà để làm chi nếu không phải bảo vệ một ngai vàng vô nghĩa lý? Vương lắc đầu chán ngán: Không thể được, ta không tham cái phủ hủ đó. Các người cử việc giành nhau. Ta sẽ đi tìm một cái gì nhân loại hơn, đạo đức hơn.

Wương đứng dậy mắt sáng ngời quyết định. Ngai bước lên về phía hậu cung, phòng Thái Tử vẫn còn ánh sáng. Qua những phòng cung nga Vương khẽ thở dài, khi nhìn họ đang mê mết ngủ. Họ đâu biết ngày mai sẽ có sự đổi chủ thay thay.

Đây là phòng Thái Tử Trường Sanh. Thái Tử gục đầu xuống bàn, một ngọn nến lập lờ bên cạnh. Đứa con nhỏ hiếu học ấy là nguồn hy vọng và vui sống độc nhất của nhà vua từ ngày Hoàng Hậu chết giữa tuổi xuân. Vương sờ nhẹ trán con bằng một củ chỉ vô cùng thương mến. Thái Tử chợt tỉnh, ngơ ngàng trong cái qui lạy đón chào. Vương nói với con:

- Con ơi, Phiên vương kéo quân đến cướp ngôi báu. Cha không muốn chỉ vì một ngai vàng nhỏ mọn mà nhân dân hai nước phải khổ đau. Hãy nhường ngai vàng cho họ, cha con ta lên rừng tìm Đạo.

Thái Tử chợt hiểu. Đôi mắt xanh biếc bỗng xoe tròn bằng hai hàng lệ ngọc. Chàng nắm lấy tay cha như tìm nguồn an ủi. Thái tử nay vĩnh biệt hoàng cung!...

Đêm ấy, theo hướng sao đêm có hai người đất nhau vào núi.

\*

Thế rồi dưới gốc cây già. Trường Thọ vương cùng con tu luyện. Ôn ào của nhân thế chỉ còn vắng vắng phía bên kia đồi. Bụi đời mờ mặt nhân gian đã lắng yên trong người tu ẩn. Thái Tử thường vào rừng hái hoa quả cùng dưỡng cha.

Hôm ấy chàng đi vắng. Trường Thọ vương thiên định một mình. Bỗng vương giật mình vì một tiếng reo vui: A! Chính vua đây rồi!... Một người ốm o hiện từ lùm đũa lại. Y nói:

- Kinh thành đã bị chiếm. Một số trung thần tử tiết. Phần lớn trở về vui thú điền viên. Phiên vương ra lệnh tằm nã Ngai rất dữ. Nhân dân rất nhọc nhằn không hiểu cái họa ấy đến bao giờ mới hết. Ngài thấy không, tôi đã đi khắp nơi trong nước. Hôm nay tình cờ được gặp, còn chi vui sướng bằng.

Wương hỏi, vì rên lên đau đớn:

-Vi ta trốn, dân phải nhọc nhằn đày đọa?

- Vâng, Phiên vương đã đánh đập, tra khảo biết bao nhiêu người vì họ nghi chúa Ngai. Phiên vương còn treo giải cho ai bắt được.

Y nắm lấy tay Trường Thọ:

- Ngài hãy theo tôi về triều để tôi nạp lấy thưởng.

Wương rầy mạnh, tên tay sai của Phiên vương gần ngã dụi. Nhưng Vương nghĩ: Không lẽ ta để cho dân chúng phải đọa đày? Ta sẽ nguyện hy sinh tất cả để cứu đời. Mà thân mạng này rồi cũng có ngày tan rã. Phải cứu lấy nhân dân! Vương đến để hai tay xuống vai người định bắt mình:

- Người ạ, nếu người bắt ta, nhân dân đồ lo sợ, người có thể sung sướng ta nào tiếc chi.

Nhỏ đến con, Vương khắc lên thân cây già một dòng chữ: "Cha đã bị bắt đưa về kinh đô. Con ở lại tiếp tục tìm Đạo". Rồi nắm lấy tay y, Vương thúc giục: thôi ta đi.

Hắn làm sao hiểu được tâm trạng của nhà vua khi hẳn chưa quan niệm nội những con người xa thân cứu thế. Những con chim rừng thường hót líu lo chúc tụng đời giáng ngộ nay reo gọi nào nề...

\*

Trường Sanh ôm giò hoa quả trở về thì còn đầu tử phụ! Chàng nhìn khắp nơi, gọi đến vang rừng cũng không một lời đáp lại. Tiếng tù quí buồn hiu. Tĩnh cở đọc dòng chữ cha để lại, chàng ôm mặt khóc. Ôi đời có thể tàn bạo đến thế kia ư? Dù ở rừng sâu, núi thẳm con người vẫn không được sống yên lành?

Theo đường cũ chàng lần về kinh thành Ba Diệp. Chính hôm đó Trường Thọ bị đưa lên đàn hỏa. Phiên vương đã đoạn tình khi xử tử một đấng vua hiền. Dân chúng bao ngạt lấy đàn hỏa, có những đôi mắt rờm lệ. Họ đã khóc, thương một mạng sống lia đời, tiếc một người cầm quyền đôn hậu.

Thái Tử len lỏi đến tận đàn hỏa. Chàng lấy tay làm hiệu để cha biết đang có mình ở đây. Vừa lúc ấy, lính châm lửa vào đàn. Lửa bùng bùng bốc. Những ngòi lửa đỏ lờm lập lò liếm quanh người Trường Thọ vương như đang còn nếm thử. Thái Tử bỗng giật mình: Phụ vương đã thấy mặt con. Mặt Thái Tử như đổ đồng tử. Những tia lửa trên đàn hỏa kia liệu có rục rỏ bằng những tia lửa cấm hờn trong mắt chàng thiếu niên ấy? Mỗi chàng mím lại, lúng búng, một tiếng hét bị dẫn vào trong: Cha ơi! Con sẽ trả thù! Con phải trả thù! Trả thù cho cha!

Lửa bắt đầu cháy mạnh. Trường Thọ vương muốn nói với con đôi lời trần trối. Người ngửa mặt lên trời để tránh sự nghi kỵ của đám tay sai Phiên vương. Ngai kêu lớn:

- Trường Sanh con! Hãy tuổi tình thương và đức độ xuống hận cứu. ĐỪNG bao giờ dùng gươm giáo để trả lời gươm giáo. Hãy sống cuộc đời chú Phật, hỷ xả, tử bi...

Dàn lửa rừng rực, rừng rực. Lửa như reo hát, múa men. Những lời cuối cùng ấy bị tiếng lửa át mất. Thái Tử nhìn trần trối và đau đớn vô cùng. Mắt cha hiền nhìn chàng rồi nhắm lại. Mùi khét đã bắt đầu lan xa...

\*

Thái Tử đã ngắt đi trong đau thương cùng tận. Chàng đã thổ huyết đến 5 lần. Tuổi mười bốn ấy sớm chứng kiến những đau khổ của đời nên trở thành già dặn. Chàng bỏ vào rừng để người ngoại tâm sự. Nhưng cứ một bước đi, một cái nhìn, hình ảnh cha hiện trên đàn hỏa rừng rực cháy củ hiện ra như thúc giục, tăng trưởng ý chí phục thù. Chàng nghĩ: Nó đã giết cha ta. Nó đã cướp giang sơn ta. Phải lấy máu kẻ thù rửa hận. Giết! Giết!...

Sương nắng của núi rừng rèn luyện thêm lòng chàng. Đói rét của cuộc đời lang thang thử thách con người chí khí. Thái tử đã quyết bảo phụ thù. Chàng lại lần mò về

kinh thành Ba Diệp. Chàng tìm mọi cách để được gần Phiên vương.

Một Đại thần thấy chàng có sức lực, nuôi và cho chàng trồng rau. Vốn bất thiệp và thông minh, chàng lần hồi được mọi người mến phục. Những việc khó giải quyết trong nhà viên đại thần, chàng đều giải quyết được cả. Vì thế chàng trở thành kẻ tâm phúc của ông ta. Nhưng ông không hề biết đó là Trường Sanh Thái Tử vì chàng cài trang rất khéo.

Một hôm ông hỏi Thái Tử:

- Nay, nhà người có tài gì đặc sắc nữa không?

- Thưa đại quan, tôi có tài làm bếp. Quả đúng như lời, Trường Sanh nấu ăn còn giỏi gấp mấy anh bếp trong nhà. Viên quan rất thích. Muốn khoe người bếp giỏi, ông ta mời vua đến dự tiệc tại tư dinh.

Thái Tử cố gắng nấu ăn thật ngon để thái phu lòng ham thích của Phiên vương. Quả nhiên, Phiên vương nài ni viên đại thần trao cho mình người đầu bếp. Và Thái Tử nghiêm nhiên trở thành người đầu bếp riêng của nhà vua.

Chàng tìm cách mua chuộc lòng tin yêu của vua và đã nhiều lần chàng tỏ ra sự thông minh uyên bác của mình. Phiên vương rất mến phục và cho làm kẻ hộ vệ tâm phúc của mình. Hơn nữa làm việc gì vua cũng hỏi ý kiến của chàng. Đi đâu, vua cũng cho chàng đi theo.

Ngày mong đợi đã đến. Hôm ấy chàng phò vua đi săn, vua cùng chàng tiến sâu vào trong rừng thẳm. Kể ra thì Trường Sanh cũng biết lối ra, nhưng chàng cố ý đưa vua đi lạc.

Mặt trời đã lặn mà hai người còn lẫn quẩn trong rừng. Đoàn hầu cận không có một ai. Những tán cây u ám giăng bóng tối che khuất ánh sao đêm leo lét phía chân trời. Vua buộc lòng phải ngủ dưới một gốc cây. Thái Tử đeo gươm hầu bên cạnh.

Cớ hội tốt đã đến. Trường Sanh cứ nhìn kẻ thù đang mê mết dưới chân mình. Tâm tư chàng thúc giục: Nó đã giết cha mày, chiếm giang sơn của mày! Còn chờ chi nữa mà không ra tay?... Chàng rút gươm ra khỏi vỏ. Bỗng nhiên chàng như thấy đôi mắt dịu hiền của Trường Thọ vương trên đàn hỏa.

Tiếng nói của người như đang dội lại trong lòng chàng: Con đi hãy tuổi tình thương và đức độ xuống hận cứu. ĐỪNG bao giờ dùng gươm giáo để trả lời gươm giáo. Hãy sống cuộc đời chú Phật, hỷ xả, tử bi... Ôi lời cha còn đó, Thái Tử có thể quên chăng? Chàng run tay, thanh gươm bên lại hiền lành chui vào vỏ. Vừa lúc Phiên vương thàng thốt thúc dậy:

- Nay khanh, Trẫm vừa mới thấy một người muốn giết Trẫm.

Muôn tâu bệ hạ, có lẽ hơi lạnh thấm vào người sanh ra mộng寐. Có hạ thần đây thì ai dám bén mảng.

Phiên vương yên tâm nằm xuống.

Hình ảnh cha mình bị thảm sát hiện lên trước mắt Thái Tử. Tâm tư chàng lại thúc giục: Còn chờ gì nữa mà không lấy máu kẻ thù tế cho linh hồn cha... Trường Sanh cương quyết tuốt gươm. Nhưng cũng vẫn đôi mắt dịu hiền, vẫn câu nói ngày xưa vắng vắng: ... hãy sống cuộc đời chú Phật,

hỷ xả, tử bi... trong tâm hồn Trường Sanh hai dòng nước ngược đang ào ạt chảy: một dòng hận cứu đố máu, một dòng đức độ thắm ngọt sửa hiền. Giữa ngã ba đường ấy biết về đâu?

Đã ba lần chàng rút gươm toan hạ thủ nhưng nghĩ đến lời cha dặn, chàng lại thôi. Cuối cùng không chịu nổi sự dày dạn của lòng, chàng hét lên bực tức:

- Hỡi kẻ thù tàn ác, vì danh giá nhà ta, vì lời dặn cha ta, ta sẵn sàng tha cho ngươi.

Tử bi đã thắng hận cứu. Thanh gươm bấy giờ không còn chui ra khỏi vỏ.

Phiên vương tỉnh dậy ngỡ ngàng:

- Khanh ơi! Trẫm vừa chiêm bao thấy con của tiên vương tha Trẫm mà không trả thù. Khanh coi biết là điềm gì không?

Trường Sanh trả lời trong nước mắt:

- Thưa Ngài, con của vua nước trước này chính là ta đây. Khi cha tôi bị Ngài thiêu trên đàn hỏa có căn dặn tôi không nên buộc chặt oán thù, hãy noi gương chú Phật sống đời hỷ xả, tử bi. Vì thế đã ba lần tôi rút gươm muốn giết Ngài nhưng lại thôi.

Phiên vương vô cùng hối hận. Vua ôm chầm lấy Thái Tử mà nức nở:

- Thôi khanh hãy giết Trẫm để báo phụ thù. Trẫm không muốn khanh phải khổ tâm hơn nữa.

Trường Sanh cảm xúc đáp:

- Không, hạ thần xin chịu tội. Bệ hạ hãy xử cho rồi.

Và cả hai yên lặng. Đêm tối đã bắt đầu lui bóng. Phía chân trời ánh bình minh le lói như ánh sáng tử bi vừa lóe sáng trong lòng người. Ôi Tử quang! Tử quang! Tử quang đã dập tắt hận thù, chiếu sáng tâm hồn người đọa lạc. Tử quang ôi, hãy tuôn chảy như suối thác, như sóng biển dạt dào xuống lòng nhân loại si mê.

Phiên vương ôm đầu suy nghĩ. Vua thấy tội mình mỗi lớn làm sao. Gương sáng của Trường Thọ vương làm Ngài thấy hổ thẹn. Một ý so sánh chợt đến trong óc Ngài. Vua nói:

- Khanh ơi, đêm nay ta bắt gặp những gì cao đẹp nhất của đời. Chiến tranh và hận cứu đều là tội lỗi. Không gì quý bằng tình thương.

Trời đã sáng hẳn, Thái Tử dắt vua ra khỏi rừng. Các quan đang nóng lòng chờ đợi. Đêm rồi nào ai biết vua ở đâu? Vua hỏi hết bá quan:

- Các khanh có biết Thái Tử con vua cũ nước này ở đâu không?

Rồi không đợi trả lời, Người nắm lấy tay Thái Tử, cao giọng:

- Đây là ân nhân của ta, Trường Sanh Thái Tử con vua cũ, người đã vì hiếu quên thù. Nay các khanh, không có cao cả nào bằng đức độ của tiên vương. Hãy nghe theo lời Người... Tuổi tình thương và đức độ xuống hận cứu...

Ngày hôm sau, Phiên vương trả nước lại cho Thái Tử. Công đức Trường Thọ vương được tán tụng khắp nơi. Thái Tử nối chí cha, gieo rắc tử bi trong lòng nhân loại. Cuộc đời vì thế bớt đau thương (\*)

(\*)

- Dựa theo Huyền Thanh trong Truyện cổ Phật giáo.

- Trường Thọ vương là tiền thân của đức Phật Thích Ca

- Thái tử Trường Sanh là tiền thân của Ngài A-Nan.

- Phiên vương là tiền thân của Đề-Bà-Đạt-Đa.

\*

## TRẢ LỜI CÂU HỎI

Trong Đại Lễ Vu Lan vừa qua có một số các em Đoàn Sinh đã hỏi anh:

**Hỏi:** Thưa anh, Phật giáo khởi điểm từ đâu du nhập đến Việt Nam? Đi theo con đường nào? Do các vị Tổ sư nào truyền bá và vào thời nào?

**Đáp:** Phật giáo khởi điểm từ Ấn Độ rồi truyền rộng ra các nước lân cận, do hai đường thủy, bộ:

- Về đường bộ thì qua miền Trung-Á-Tế-Á như Tây Tạng, Mông Cổ, Trung Hoa, rồi từ Trung Hoa truyền qua các nước Cao Ly (Đại Hàn), Nhật Bản và Việt Nam..

- Về đường thủy thì qua đảo Tích Lan, Mã Lai, Nam Dương, Đông Dương và Trung Hoa.

Những sử liệu cũng đã ghi rõ: Phật Giáo Việt Nam không phải có từ đời nhà Đinh mà đã có từ đời nhà Hán bên Tàu ở cuối thế kỷ thứ II và đầu thế kỷ thứ III. Và những vị truyền giáo đầu tiên ở nước Việt Nam ta là Ngài Ma-Ha-Kỳ-Vực, Khương-Tăng-Hội, Chi-Cương-Lương và Mậu Bác. Trong số bốn vị này chỉ có Ngài Mậu Bác là người Tàu, còn ba Ngài kia đều là người Ấn Độ. Ngài Mậu Bác là người truyền giáo đầu tiên ở đất Giao Châu vào năm 189 sau Tây lịch. Vậy ta có thể kết luận rằng: Phật giáo du nhập ở nước Việt Nam vào khoảng thế kỷ thứ II vậy. (\*)

**Hỏi:** Thưa anh, cách đặt tượng Phật để thờ tự tại các Chùa thì sao? Theo thủ cấp hay muốn đặt chỗ nào cũng được?

**Đáp:** Thông thường Chánh Điện ở các Chùa, cách đặt tượng Phật để thờ như thế này:

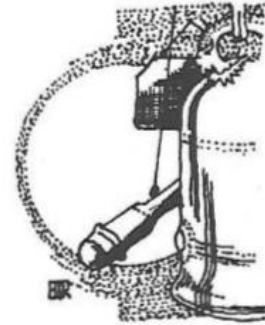
- Mặt trước, căn giữa và bàn thờ cao hơn hết là thờ ba vị Tam Thế Phật: Đức Thích Ca Mâu Ni (ngồi giữa), Đức A-Di-Đà (ngồi bên tay trái Đức Thích Ca) và Đức Di-Lặc (ngồi bên tay phải). Ngoài ra tại các Chùa còn có thờ các vị Bồ-Tát hoặc các vị Tổ sư, như Đức Quán Thế Âm Bồ-Tát (bên tay phải tử trong nhìn ra) và Đức Đại Thế Chí Bồ-Tát (bên tay trái) hoặc là các Ngài khác v.v... Chùa Viên Giác của chúng ta tại Hannover cách đặt các tượng thờ cũng tương tự như thế.

Thân ái chào các em.

(\*) - Tham khảo Phật Pháp do Phật Học Viện Quốc Tế xuất bản)

## Tiếng vọng hồng chung

Phải chuông từ Vệ La thành  
Nhiệm màu đồng vọng chuông lành  
Giác Minh



Âm vang tiếng vọng hồng chung  
Gợi người thức tỉnh thoát vòng u mê  
Hồng chung ngất ý Bồ Đề  
Chuông ngân thanh thoát đường về bến  
hoa

Tiếng chuông vang dội Sa Bà  
Huyền vi lắng tịnh phong ba biển đời  
Hồng Chung tiếng vọng tuyệt vời  
Hồng Chung Đại Nguyên nơi nơi vang  
rền

Từ trong tâm thức êm đềm  
Hồng Chung mỗi sớm ngân lên nhẹ  
nhàng

Nhiệm huyền như ánh Từ quang  
Nhiệm huyền là tiếng chuông vang sớm  
chiều

Kiếp đời nghiệp chướng đã nhiều  
Hồi chuông An Lạc tịnh siêu tâm lành  
Chuông vang, vang thấu trời xanh  
Hồi Chuông Đại Nguyên tươi nhành  
Liên Hoa

Giúp hồn vượt ải Nại Hà  
Giúp người thức tỉnh tâm hoa kiên trì  
Khai tâm mở trí Đại Bi  
Hồng chung tiếng vọng huyền vi vào  
đời

Tâm thành Kính Tạ Phật Trời  
Đã cho con được kiếp người để tu  
Đại Hồng Chung xóa sương mù  
Giúp người tinh tiến đường tu viên  
thành

Phải chuông từ Vệ La Thành  
Nhiệm màu đồng vọng Chuông Lành  
Giác Minh

Nguyện Cầu đời hết điều linh  
Đại Hồng Chung Tiếng An Bình Ngân  
Vang...

• Tuệ Nga

# Vườn thơ Viên Giác

Phù Vân phụ trách

## NHỮNG DÒNG THƠ MỚI

Cùng với số báo này, xin các bạn đọc bài biên khảo về "Phong Trào Thơ Mới, cuộc cách mạng thi ca đầu thế kỷ XX" của Võ Thu Tịnh để có thêm nhận thức về thơ mới.

Đồng thời với Nguyễn Văn Vĩnh (1882-1936), người đã khởi xướng phong trào thơ mới bằng chữ quốc ngữ qua loạt bài dịch từ thơ ngụ ngôn của thi hào La Fontaine (Pháp) vào năm 1915, và Tân Đà Nguyễn Khắc Hiếu (1889-1939) nhà thơ nổi tiếng đã nối liền hai thế hệ thi văn cũ và mới của Việt Nam vào đầu thế kỷ XX.

Từ những nét duyên chuyển nhẹ nhàng qua tình yêu thiên nhiên trong thơ cũ:

*Trận gió thu phong rụng lá vàng  
Lá rơi hàng xóm lá bay sang  
Vàng bay mấy lá năm già nữa  
Hờ hững ai xuôi thiếp phụ chàng*

(Gió Thu)

Tân Đà xoay qua thơ mới với bao nhiêu ngậm ngùi uất ức khi hay tin nàng Đỗ thị, cô hàng sách xinh đẹp ở Hàng Bờ mà thi nhân đã thầm yêu trộm nhớ, lại kết duyên với một người không xứng đáng, chẳng khác chi chú Cuội ở cung trăng, con Cú đậu ở cành mai:

*Chị Hằng ơi! Chú Cuội!  
Con Cú nọ! Cành Mai!  
Thường ai mà lại tiếc cho ai!*

Hoặc:

*Sách vở thuộc lòng  
Văn chương dùng mực  
Thi thể mà bay  
Thời ai không tức  
Khoa này lại hỏng, thôi thực nằm co  
Trăm lạy Thiên Đế xin Ngài xét cho!*

(Khối Tinh Con)

Từ đó khuôn vàng thước ngọc vẫn dĩ tài đạo của Nho Giáo bị lung lay, vần điệu niêm luật thi ca của thơ Đường- thơ cũ bị rung chuyển. Thi nhân để cho nguồn cảm hứng phong phú của mình tuôn tràn theo những rung cảm chân thành. Thơ không còn bị gò bó về thể điệu, không bị hạn chế về số chữ, không bị vướng víu vào số câu như trong lối thơ cũ nữa. Từ đó mỗi phát sinh ra phong trào thơ mới.

Tuy có phong trào thơ mới, nhưng thi nhân vẫn làm thơ mới lẫn thơ cũ. Thơ có thể làm theo thể cũ: Đường luật, thất ngôn tứ tuyệt, cổ phong, lục bát, song thất lục bát, nhưng lời mới, ý mới nhằm chuyển đạt nhịp rung cảm của mình theo từng hoàn cảnh. Những thi phẩm được xuất bản sau này ở hải ngoại là minh chứng về sự kết hợp hài hòa giữa mới và cũ.

Với chủ đề của số báo này, tôi xin trang trọng giới thiệu một số bài thơ mới biểu trưng của một số thi nhân.

Một đôi lần thư từ, một vài dòng đề tặng ghi trong các tác phẩm, không thể nói là quen biết. Trường hợp của nhà thơ Lê Mỹ Như Ý Trần Kim Vy và tôi là vậy. Hầu như tôi chẳng biết gì về người thơ. Tôi chỉ cảm nhận qua thơ để viết về người. Viết những xúc cảm về thân phận của người lưu vong, về nỗi xót xa thao thức của lòng hoài hương, về nỗi đắng cay khổ lụy của thân bằng, quyến thuộc, bạn hữu, đồng đội còn ở Việt Nam, về tình yêu, hạnh phúc hay khổ đau... Cái thực, cái hư, cái duyên dáng hay làm dáng; nỗi dằn vặt tâm thức hay sự lẫn lộn giữa tiểu ngã và đại ngã, cái người và cái ta...

Với Trần Thị Kim Vy, trong văn, đã mang chở những đàn vật dai dẳng, những khắc khoải đờn đau. Với Lê Mỹ Như Ý, trong thơ, chất chứa những hoài nghi, những ý niệm siêu linh, ngọt ngào tình cảm, lãng mạn thăng hoa từ thi tập Người Yêu Dấu cho đến Tiếng Yêu. Yêu- ngày cho tình yêu Valentine, 14 tháng 2, mở đầu cho thi tập, tác giả viết:

*"Rồi thì trận mưa Valentine cũng đổ xuống.  
Những trống vắng đã tan theo một ngày  
mưa. Những phần bội, buồn tủi, đau  
thương- nếu có- thế nào cũng được dòng  
Valentine xóa sạch. Âm thanh tình yêu từ  
đó dội vào tâm não. Những phù du đạo  
khúc, tưởng tượng, hoang phế, quạnh hiu... cũ  
chập chờn ẩn hiện trên khóe mắt bờ mi của  
những kẻ yêu nhau. Những tình cảm thầm  
thiết hay mong manh biến thành triết lý  
lãng mạn mờ hồ, lúc ẩn lúc hiện, những  
dường như rất cần thiết trong đời sống hàng  
ngày của những người đã từng sống hết  
lòng cho tình yêu và sẵn sàng chết cho tình  
yêu..."*

Mưa, mưa, mưa. Trong Mưa Valentine, thi nhân đã viết những đoàn văn cho người tình xa. Chàng "cũng đã ra đi sau những ngày tháng thường yêu dai dẳng như cơn mưa kéo dài ngày này qua ngày nọ giữ chặt đôi cánh chim nằm trong tổ ấm":

...

*Như vậy là đã qua một mùa mưa*

*Những trận mưa dài đã giữ lại nơi đây mùi vị ngọt ngào của mối tình thơ mộng. Giữ lại cho em trái tim của anh. Và dẫu bây giờ em đã tiễn anh ra khỏi mảnh đất nhỏ hiền hòa, nói anh đã một lần đến và bỗng đứng lại muốn ra đi. Tiễn anh đi để có một lần nào đó nhất định anh phải cúi đầu thăm hỏi anh có muốn xa em?*

*Như vậy là đã qua một mùa mưa.*

*Em sẽ không còn dịp bước những bước lạnh căm ngoài ngõ để nhờ lại nụ cười bao dung của anh và giọng nói rộn ràng bảo rằng con nhỏ thật dại để anh lại có dịp hong khô mái tóc em bằng hơi ấm của những môi hôn.*

*Bây giờ đã là tháng Hai. Người ta đặt một ngày trong tháng này là ngày Valentine. Ngày lễ của những người yêu nhau. Tại sao chỉ có một ngày anh nhỉ? Đối với em thì ngày nào cũng là ngày Valentine cả. Và nhất là những ngày mưa nước từ muôn nơi tràn về đọng từng vũng ngoài ngõ là những ngày hạnh phúc nhất của chúng ta.*

*Bây giờ và mãi mãi em chỉ mong mùa mưa...*

Và mùa mưa của đất trời đã mang hạnh phúc tuyệt vời đến cho người thơ, qua buổi hạnh ngộ ban sơ như là một phép nhiệm màu linh diệu mà thi nhân cứ ngỡ mình là viên sỏi lăn lóc từ triền núi và "người yêu dấu" là giọt nước cành dương từ một phương trời xa lạ. Viên sỏi chẳng biết buồn biết nhớ, chợt một chiều, nghe ray rứt biết mình đang khổ. Khổ vì yêu. Khổ vì thương. Khổ vì mong ngóng. Khổ vì tưởng tượng. Khổ vì mối tình si! Cho đến một ngày khi trái tim rướm máu, chủ hạnh phúc tưởng chừng như lạc lõng giữa trăng sao, thì chàng lại đến. Nụ hôn trên đá. Đá nở thành hoa. Ôi, có đúng hay không?:

*Em viên sỏi rời nhanh từ thân núi  
Anh giọt nước rớt mau từ trời lạ  
Rời tình cũ một tối lặng trôi qua  
Đời diệu linh gặp nhau trong bản ngã!*

*Em đừng đứng bởi mình là đá  
Chẳng biết buồn biết nhớ giống như hoa  
Rời bỗng đúng có một buổi chiều tà  
Nghe ray rứt chùng như mình đang khổ!*

*Viên sỏi nhỏ ngóng trông hoài người lạ  
Bằng cỡi lòng thương nhớ rất thiết tha  
Tiếng thời gian đang trôi qua dẫu nhẹ  
Cũng còn đây âm hưởng lúc ban đầu!*

*Trái tim đá cũ vẫn xoay tảo máu  
Tưởng tử người ôm trọn mãi niềm đau  
Chữ hạnh phúc chắc sẽ không có thể  
Khi hồn em lạc lõng giữa trăng sao!*

*Đá khô khắc trông chờ mưa tháng hạ  
Tình cuồng si dội mãi gió phông xa  
Nắng lẫn lộn đốt vàng thân cỏ úa  
Em hững hờ để mặc nắng thiếp tha!*

...

*Anh cúi xuống sỏi rên nghe rất lạ  
Môi chạm môi ngọc đá nở thành hoa  
Nhã nhạc yêu từng đợt sóng dứa qua  
Xin dấu ấn dấu tình yêu là sa đọa!*

(Tiếng Yêu)

Tình yêu có hẳn là dấu ấn sa đọa bởi những cuồng si ngầy ngất trong mắt, những đắm say dịu ngọt môi hôn? Hay tình yêu là chúng tích của những cay đắng mặn nồng của thực thể hạnh phúc? Tình yêu, có phải như là đứa trẻ mê cuồng đuổi mỗi bất bóng, như buồng tim của người đàn bà chứa đầy chất nổ yêu đương. Tình yêu, một chất nổ muộn, sẽ nở hoa hạnh phúc hay vỡ òa khổ đau, bởi tình yêu là:

*Rượu tràn đầy trong đôi mắt em  
Những tia bọt sủi màu đỏ  
Anh cúi xuống  
Đắm say ngầy ngất  
Quên tất cả!*

*Đứa nhỏ bạc đầu  
Vừa thức giấc  
Đuổi chạy theo em,  
Chiếc bóng chứa đựng linh hồn cuồng si!  
Người đàn bà ngầy ngất  
Buồng tim chứa đầy chất nổ,  
Yêu đường.*

*Em ngước mặt, tia mắt phóng quang  
Hàm răng cắn chặt môi mình, bật máu.  
Đứa nhỏ đau đớn, xót thương quần quai  
Như con thú dữ ghi chặt đôi môi  
Bằng chiếc lưỡi mềm mại,  
Của mình.*

*Rượu tràn khỏi chiếc bóng  
Đứa nhỏ chạy theo uống từng giọt  
Mặn, cay, đắng, nồng.  
Hạnh phúc hiện diện  
Đấu tích mê man đọng trên chân gối  
Mùa hè cuộn khói từng vòng trong đôi tay  
Đứa nhỏ ngụp lặn một môi,  
hồn nhiên ngủ quên  
trên đôi ngực chập chùng thuốc nổ.*  
(Đâu Tích)

Đấu tích tình yêu là sự trống vắng vào một buổi chiều khi không có em. Chìm có đôi nháy nhót, trời mù mây giăng khung cửa, anh trở về. Trống vắng vì không có em. Buổi chiều xuống thấp, ánh sáng khuất lấp, anh vào phòng tắm. Trống vắng buồn tênh vì không có em. Rồi cơn mưa chiều trút xuống, nổi bằng khung theo gió về, len lỏi vào hồn. Anh đứng tựa cửa mong chờ. U uẩn, trống vắng vì thiếu em. Thiếu em là thiếu tất cả! Chao ôi, tình yêu đến mức độ keo sơn như vậy thì mỗi đúng là "Người Yêu Đấu" của người thơ Lê Mỹ Như Ý:

*Buổi chiều lặng lẽ  
Mặt trời vẫn còn trên cao  
Đôi chim nháy nhót bên bờ rào  
Đám mây che khung cửa  
Minh anh bước vào phòng  
Nghe trống vắng vì không có em!*

*Buổi chiều cô đơn  
Mặt trời bắt đầu xuống thấp  
Từng cụm mây kéo ngang che lấp  
Ánh sáng chợt tối buồn,  
Minh anh bước vào phòng tắm  
Nghe buồn tênh vì không có em!*

*Buổi chiều trống vắng  
Cơn mưa ò ạt trút xuống sân  
Gió mang đến một nỗi bằng khuâng  
Len lỏi và ở lại*

*Minh anh đứng tựa cửa nhìn  
Lòng u uẩn vì thiếu em!*

...  
*Không thể nào sống xa em  
Dù chỉ một ngày!  
Hôm nay anh mới biết  
Em là chất ghiền không thể thiếu!*

...  
(Trống Vắng)

"Em là chất ghiền", thiếu em là trống vắng. Một ngày thiếu em là một ngày buồn. Chiều đến rồi chiều đi. Ngày qua ngày lại. Nắng mưa, vui buồn. Đời vô thường huyền mộng, tinh chan chứa đầy vơi. Chút Thiền triết nhà Phật thấp thoáng trong thơ. Thi nhân hẳn muốn mang Đạo vào Đời. Nhưng làm thế nào thấp sáng nguồn Đạo trong Đời để chuyển hóa Đời thành cõi bình yên an lạc, giác ngộ Người thành những tín hữu tràn đầy Tâm Đạo để đem Đời về với Đạo! Mong thay:  
*một ngày buồn sẽ qua,  
như buổi chiều dù dài cũng có giờ chấm dứt  
như giọt nắng dù nồng cũng có lúc biến đi  
như cuộc tình dù vui cũng xen nỗi buồn  
phiền  
như hạnh phúc trong tay cũng có khi đau khổ  
như thân thể trẻ trung cũng có ngày hư hại  
như mặt trời rực rỡ đôi lúc cũng tối tăm  
như ngày buồn hôm nay  
ngày mai vui trở lại!*

*một đời người sẽ qua  
đầu không muốn rời xa thì ngày buồn cũng tới  
đầu không muốn chấp nhận cũng chẳng  
chuyển được mệnh trời  
đầu nghe lòng xót xa cũng cúi đầu bất lực  
đầu tình yêu còn đấy nhưng rồi cũng phải xa  
đầu cuộc đời là hoa thì đông bão cũng tới  
đầu ôm em hôm nay  
ngày mai mình cũng mất!*

*đời mình như vệt nắng  
sau một ngày vui chơi nắng cũng cần phải  
nghỉ ngơi  
sau một ngày ban phát nắng cũng cần  
nguồn hơi  
sau một ngày tận lực nắng tiêu dần sinh khí  
sau một ngày thiên lý nắng rút ngắn giờ vui!*  
(Ngày Hấp Hối)

Ngày thiên lý, những ngày hấp hối, ngày không dài nhất là những ngày nghỉ hè ở những vùng nắng ấm. Niềm vui qua mau, ngày chóng tàn. Anh đưa em trở về trên con đường khuya. Mùi hôi người lạ còn dằm trên mái tóc em. Em đã được rất nhiều ân huệ của trời ban sau những năm dài lưu lạc, nhưng tại sao em lại buồn? Nỗi buồn tự nhiên, vô cớ hay lại là nỗi buồn làm dáng, hay là nỗi buồn vì em chưa tìm ra câu trả lời cụ thể về ưu tú thối mác: có nỗi buồn nào giống nhau, có hạnh phúc nào khác nhau? Bao nhiêu năm lưu lạc có lúc nào ta thao thức nghĩ nhỏ về quê hương đang chìm ngập trong vòng kim kẹp của cộng sản? Có lúc nào ta buồn cho thân phận của những người còn ở lại, còn bị tù đày? Có

lúc nào ta buồn cho ta, tấm thân tầm gửi trên xứ người? Có lúc nào ta thấy ta đóng góp quá nhỏ nhoi trong cuộc tranh đấu về tự do-dân chủ-nhân quyền cho quê hương? Tại sao em lại ưu tú, lại muốn hỏi: "Ai đang nghĩ cách tiêu tiền ngày mai? Ai đang lo kiếm tiền đêm nay?". Thật khó hiểu:

*Trên con đường khuya  
Anh đưa em về  
Một nơi chốn tạm bộ sang trọng  
Cho qua những ngày nghỉ hè chộp nhoáng  
Gió thổi hiu hiu  
Tóc em dằm mùi mồ hôi người lạ!*

...  
*Trên con đường khuya  
Thoát khỏi hơi người trong chiếc xe buýt  
chật chội  
Em cảm thấy buồn  
Đầu trời đã ban phát cho mình ân huệ  
Lấy lại khổ đau của bao năm đời lưu lạc.  
Vậy mà em vẫn nghĩ:  
Có nỗi khổ nào giống nhau?  
Có hạnh phúc nào khác nhau?  
Câu trả lời đúng đắn nào  
Không ẩn chứa niềm xót đau!*

...  
*Đêm ngoài phố đang trời chập chùng  
Thăm thấu vào đầu óc mỗi người  
Những điều chính em muốn hỏi:  
Ai đang nghĩ cách tiêu tiền ngày mai?  
Ai đang lo kiếm tiền đêm nay?*

...  
(Thỏ Dài)

Tôi chỉ chọn một số bài tiêu biểu về thơ mới của Lê Mỹ Như Ý trong Tiếng Yêu, nên tôi không nêu lên những nét chính của thi tập. Tuy nhiên, cũng như vẫn, tác giả muốn diễn đạt những dần vật tâm thức, những thao thức trong tận cùng tâm tưởng về tình yêu, cuộc sống, thân phận, tấm lòng hoài hướng... mà rung động của trái tim, rung cảm của tâm hồn người đọc cũng còn tùy thuộc vào kỹ thuật và nghệ thuật sử dụng ngôn từ, văn điệu và cung bậc âm thanh để đạt thành "nhạc trong thơ, thơ trong nhạc".

Ngoài ra, những bài thơ, thơ mới, của Dương Tử, trong Văn Lâm Xã Canada cũng gây nhiều xúc động bởi những hình tượng sống thực, những lời thơ phát xuất từ tấm lòng, từ tâm cảm, từ trái tim. Thơ vơi những vẻ vơi không thực, những chạy đuổi theo thời thường rất khó lỏi cuốn người đọc.

Năm 1968, tại Phong Dinh, Dương Tử làm bài thơ tặng các Thượng Phế Binh, lên án tội ác chiến tranh. Ôi chiến tranh là hung thần, là ác quỷ. Trong cuộc chiến, những anh hùng liệt nữ đã hy sinh hẳn đã mờ yên mà đẹp, chẳng thấy đồn đau. Còn lại những người bị thương tật phải sống trong những kỷ niệm dày vò, trong nỗi đau thể xác mà mới uất hận chiến tranh còn đeo đẳng mãi cho đến cuối đời! Nhà thơ Dương Tử đã diễn đạt tâm trạng bi thiết thể lúng của người thương binh cụt chân, dẫn vật trong đêm, sờ soạn tìm bàn chân cụt để "nghe từng khúc xuống khổ cọ vào nhau rờn rợn", hoặc "nghe trong xương từng vụn kiến bò". Từ đó ta mới thấy nỗi khổ đau thống thiết, mới hiểu mối hận thù chiến tranh và chủ



nghĩa vô nhân của cộng sản. Đòi, họ phải đòi:

Trả cho ta, trả chân ta  
Hồi chiến tranh  
Mi là quỷ hay ma?  
Là yêu tinh đỏ mở  
Hay hình bóng tử thần  
Đã phủ phàng cướp giật  
Một bàn chân, ôi chua xót một bàn chân!  
Ta mất đi  
Của cha sinh mẹ đẻ  
Hai mươi năm đảng đảng dưỡng nuôi  
Ta lớn lên  
Trong binh đao, máu lệ  
Trong hồn căm đất Mẹ nát tôi bởi  
Rời một chiều  
Máu đỏ thịt rời  
Giữa tiếng hò man dại.  
Ta ngất đi sau tiếng nổ long trời  
Khi tỉnh lại  
Một hình hài tàn phế!  
Ôi công cha nghĩa mẹ  
Hai mươi năm đảng đảng đã ra tro!  
Ta tự hỏi  
Ta còn là ta nữa?  
Khi đêm đêm thức ngủ dật dờ  
Nghe từng khúc xuống khó  
Cọ vào nhau rồn rợn  
Bay chập chồn muôn bóng quỷ hồn ma.  
Tay sờ soạn đi tìm bàn chân cụt  
Nghe trong xuống nghìn vạn kiến đang bò.

Trả cho ta, trả chân ta  
Lũ người gây chinh chiến  
Trên đất Mẹ hiền hòa  
Đã hai mươi năm lẻ  
Đất Mẹ hoang tàn như bãi tha ma  
Vi chủ nghĩa chủ thuyết  
Vi vĩ đại Trung Sô  
Lũ chúng bây đang trắng tráo bày trò  
Trả cho ta, trả chân cho ta!  
(Bài Ca Đòi Chân)

Thế là đời anh còn lại những gì? Hẹn em, gặp em cho lòng thêm se thắt, dạ càng héo hon! Phố vẫn đông người mà anh lại thấy mình bơ vó. Thôi nhé em, anh đành lỗi hẹn. Em ở đó mà sao với anh lại xa với vội. Em ở đó mà sao anh mãi nhỏ mãi tim. Em ở đó, lệ tuì hồn mận đắng bờ môi. Không dám đến, anh không dám đến với em bởi đời anh còn lại gì cho em? Thôi nhé em, anh ra đi muộn phiền như con sóng vỗ bờ xa. Về đi em, về đi em con phố nhỏ hiu hắt ánh đèn khuya và cơn gió ray rứt không còn đóm hoa lối mộng.  
Thôi em nhé, mai này đời muôn hưởng, đời ngã chia ly, nhưng miền trường trong trí tưởng anh vẫn nhớ em:  
Em đứng chờ anh ngã tử đường tối  
Sát se lòng, gặp chẳng nói nên câu  
Phố đêm nay toàn những ngã đường sâu  
Như mở đón tâm tử người lỗi hẹn

Danh không thành, lòng không trọn vẹn  
Em không xa mà mãi nhỏ mãi tim  
Lòng đại dương hay lòng ta trống lạnh  
Biệt tâm hồn, thăm thẳm chiếc xe đêm.

Em đứng lại nghe bờ môi mận đắng  
Lệ tuì hồn động ứt ở trong tim  
Anh bước đi nhỏ thường dang với vội  
Như bờ xa sóng vỗ mạn thuyền.

Hồi sống lạnh thấm vào lòng ngõ hẹp  
Nẻo em về hiu hắt ánh đèn khuya  
Gió ray rứt than dài theo lối mộng  
Đường anh đi hoa cỏ gục bên lề.

Dù mai đây đường đời muôn vạn hưởng  
Anh và em đời ngã có chia tay  
Thì mãi mãi vẫn còn trong tâm tưởng  
Hình ảnh em hồn giổ một đêm này!  
(Lỗi Hẹn)

Thôi thế cũng đành lỗi hẹn "mai sau dù có hẹn hò, cây đa bến cũ con đò khác đũa". Anh vẫn thăm trách, quen nhau làm chi cho cuộc đời thêm dở dang. Nhờ nhau làm chi cho hình ảnh em vẫn thường về trong giấc chiêm bao. Tình đã không tròn vẹn thì còn mong gặp nhau chi. Thôi cũng đừng giữ thương giữ nhớ, cũng đừng lưu niệm lưu hường, chỉ làm thêm quyến luyến, thêm khổ đau! Xin nguyện cầu cho em mọi an lành, xin nguyện cầu cho ta, tình mãi đẹp với thời gian. Thế thì:  
Đếm từng đêm ướp mộng  
Gặp em về chiêm bao  
Nghe tiếng lòng thổn thức  
Cho gối lạnh, thờ sầu.  
Em ơi chờ đến kiếp nào  
Cho tình ta nở ướp vào hưởng duyên  
Anh và em  
Ước thề không trọn vẹn  
Vi duyên hay vì kiếp  
Quen làm chi cho để dở dang nhau?  
Nhỏ buổi ban đầu  
Gặp nhau không hò hẹn  
Em cúi đầu e thẹn  
Mái tóc buông lối, má ửng hồng  
Anh về thưở nhỏ bằng khuông  
Bước chân mặc khách, chiều dâng lạnh  
chiều.  
Em, giờ bụi đường theo  
Anh, hình hài quyến rũ  
Nghe chàng em linh hồn anh nức nở  
Gọi tên em trong những giấc mở dài.  
Có ai tát cạn bể khơi  
Làm ôn tạt hộ tình tôi yêu nàng!  
Em ơi, dù trọn kiếp thưởng  
Cũng đành ngăn cách đôi đường cách  
ngăn.  
Địa cầu muôn thuở xoay vần  
Mong gì hai cực một lần gặp nhau  
Thấp hường anh sẽ nguyện cầu  
Tình ta đẹp mãi với màu thời gian.

(Nguyễn Cầu)

Đã lâu lắm không có dịp liên lạc với nhà thơ Hà Huyền Chi, nhưng thơ của anh vẫn tạo cho tôi những xúc cảm tuyệt vời. Thơ của anh, thơ của hồn vong quốc, của hận lưu vong. Thơ của những mất mát to lớn. Thơ ước mong thấy được sự sụp đổ của chế độ cộng sản. Thơ mong mọi có ngày trở về sống yên bình trên quê hương. Thơ anh rất thực khi chào mừng những người mới tìm được bến bờ tự do:  
Mừng người đến bến tự do  
Bao năm tù ngục bây giờ lưu vong

Và trong niềm vui đó, anh vẫn cảm thấy chút hổ thẹn:  
Bến vui lòng có thẹn lòng  
Như ta tử bỏ kiếm cung tỵ đào!  
(Bến Vui)

Về phương diện nào, về trường phái nào, về thể thơ nào, thơ của Hà Huyền Chi cũng gây chấn động trái tim người đọc. Thơ đi thẳng vào lòng tử ngôn tử, vần điệu cho đến cung bậc âm thanh. Trong chủ đề của số báo này, tôi chỉ xin giới thiệu thơ mới của nhà thơ Hà Huyền Chi trong thi tập "Một Tủ Bình Sinh Một Tủ Thơ". Xót cho thân phận mình làm kiếp lưu dân. Đòi chẳng còn ý nghĩa khi cuộc chiến bùng nổ "rã ngũ, tan hàng" làm thân bại tướng và "đời bỗng đứng thừa" khi khăn gói lên chuyến tàu di tản! Sống lưu vong nhưng tưởng như mình đã chết- chết giữa biển sâu, vậy xin em đừng nứ mấn khăn tang khóc thương. Một mai nếu có thể về thăm quê cũ- xóm nghèo dưới con đê Yên Phụ, em nhỏ cho anh gọi lời thăm xóm giềng xưa. Chẳng hiểu còn ai nhớ đến anh, bởi anh đã một lần phải từ bỏ nơi chôn nhau cắt rốn để di cư vào Nam lánh họa cộng sản. Có buồn không, có tủi không khi lần nữa nước mất nhà tan phải rời bỏ quê hương làm kiếp lưu vong! Phải chăng lần đi này là miền viễn không có ngày trở lại? Không, không thể như thế được! Thi nhân, dù biết mình đã già, nhưng vẫn nuôi chí phục quốc mong một ngày hoan ca trong lửa ầm tị do:

Mai mốt, ta vui thấy dưới tuyết  
Em đừng mũ mấn khóc thương nhau  
Đời ta nhiều lúc đau hơn chết  
Tủi phút lênh đênh giữa biển sâu

Mai mốt, em về thăm đất cũ  
Thăm giùm ta nhé xóm giềng xưa  
Xóm nghèo nép dưới đê Yên Phụ  
Mệnh nước làm than mãi đầy đũa

Chạy giặc tử khi học vỡ lòng  
Vào Nam làm lính giữ non sông  
Nào hay nước mất, thân lưu lạc  
Hỏi có buồn không, có tủi không?

Bạc tóc còn mở ngày phục quốc  
Thân già vẫn thẹn kiếp lưu vong  
Hãy dành lệ khóc mừng dân tộc  
Khi lửa tị do cháy bập bùng!

(Biển Sầu)

Thế nhưng đời làm sao vui khi những trần trở vẫn còn cuốn xoáy trong hồn. Ôi những chiều trầm mặc gió mây, ta tưởng như nổi muộn phiền vẫn đọng đũa trên nhánh cây khô; như con chim ngõ nghệch không thấy những bất trắc hiểm nguy; tưởng cuộc tình mình phẳng lặng như dòng sông mà không nghĩ đến một ngày tình sẽ cuốn xoáy ra khơi, hay tình hồ hải chia lìa. nhĩ cuộc đời là thế. Điều thuốc vẫn thơm trong chiều viễn xứ, nụ cười trông vẫn vô ưu. Mà thôi, buông thả hết khúc mắc xuống dòng sông đang trôi vào quên lãng. Ta ngồi đây, hồn tận phương nao. Là triết nhân, là ngư phủ, ngất ngưỡng soi bóng mình dưới nước. Thu vàng hết kiếp tâm tở. Kén đang tở. Sầu không buồn hóa bướm. Lòng cứ tưởng đêm đêm nâng vãn nhịp thoi đũa, và ta sẽ trao cho nàng trọn niềm mơ ước. Nhưng trở trêu thay trên bước phong trần phiêu bạt, ta chỉ cầu được mấy cuộc đời lỡ vận:  
Mấy chỗ gió lướt ngang chiều tình mạc

Buồn ai phổi trên từng nhánh cây khô  
Chim ngỡ nghếch đậu trên cành bất trắc  
Tình như sóng, tình cuốn xoáy chẳng ngờ

Thấp điệu thuốc cho thơm chiều lừ lử  
Cuối vó ứ bên vực thẳm đam mê  
Giấu trong ngực vết son nồng ngái ngủ  
Dù mai sau tình hồ hải chia lia

Thả khúc mắc xuống dòng sông chảy miết  
Xác ngồi đây mà hồn giạt phưởng nào  
Sợ cuộc thăng như hồn ta minh triết  
Có hề chi tôm tép rìa đuôi phao!

Soi bóng nước, ta vôi chiều ngất ngưỡng  
Thu vàng ươm như nếp kén giăng tơ  
Thả tâm huyết, sâu không màng hóa bướm  
Tuồng đêm nằng nỏ nả nhịp thoi đưa

Giật hăm hồ mấy lần đều hụt hẫng  
Lại đợi chờ, lại trắc nghiệm lòng kiên  
Ta câu được dăm mảnh đời lữ vận  
Như ngày đầu từng bên lén trao em.  
(Câu Trong Chiều Tĩnh Mặc)

Trong chiều tĩnh mặc đó, có lần thi nhân đã  
nhỏ lại những bạn bè, đồng đội trong trại  
Pavie Lamothe từ những ngày đầu biệt xứ.  
Hai người một phòng mà anh gọi là chuồng  
cu- chuồng cu Pavie. Bằng hữu của anh  
nào là nhà giáo, chính trị, lính chiến đủ loại  
binh chủng đã một đời hiến thân bảo vệ  
quê hương. Có người đã hy sinh, có người  
đang tù đầy cải tạo.

"Bây giờ bút nhọn thay gươm", bằng hữu ơi  
hãy tiếp tục đấu tranh cho thế hệ con cháu  
mai sau, cho thêm lửa ấm tình nhân ái, cho  
vòng tay thấm thiết tình người, cho từng  
buổi họp mặt đầm đìa lệ nhỏ... Và thi nhân  
chẳng bao giờ quên ly nước đá lạnh ngày  
xưa "còn mắt rụi suốt chiều đời gai lửa":

...  
Từ những chuồng cu Pavie  
Bầy chim nhỏ bay đi  
Đứa dạy học, đứa chính trường bão tố  
Đứa khoác áo chiến y bảo vệ non sông  
Biệt Động, Nhảy Dù, Cọp Biển, Thần  
Phong...

Ném tuổi trẻ vào vòng tay binh lửa  
Đứa Poncho mỏng tay da ngựa  
Đứa vẫn cười đau nát ngực tù  
Bút nhọn thay gươm điểm mặt quân thù  
Đạn nổ từng dòng chữ máu  
Vì thế hệ mai sau, ta không ngừng phấn  
đấu

Cho những đời măng ngọt nghề vẫy trời  
Những bằng hữu ta ơi!  
Thêm chút lửa cho ấm tình nhân ái.

Từ những chuồng cu Pavie  
Chim bỏ xứ giạt về trăm hướng lạ  
Đứa Sydney, Toronto, Cali, Texas, Paris  
Đứa vui thấy biển cả  
Cánh xác xô bay, tìm vãn mặt trời  
Vẫn nối vòng tay thấm thiết tình người  
Những họp mặt vẫn đầm đìa lệ nhỏ

...  
Trên xứ người dăm ba thằng bán chủ  
Vẫn trông vu vớ những hạt Nguyễn Du  
Nhịp trống Tây Sơn  
Tiếng hịch Bình Ngô  
Vẫn hát ầu ở trăm con một mẹ  
(Tiên sư chúng mày làm ông ủa lệ!)

Mỗi lần gặp nhau dù rất tinh cở  
Pavie ơi!  
Ly đá nhận ngày xưa  
Còn mắt rụi suốt chiều đời gai lửa.  
(Chuồng Cu Pavie)

Chữ nghĩa của Hà Huyền Chi sử dụng rất tự  
nhiên, rất dễ thương nữa là đàng khác,  
ngay khi anh chửi đồng với bằng hữu "tiền  
sư chúng mày làm ông ủa lệ!". Ngôn từ  
của Hà Huyền Chi rất trau chuốt, rất chọn  
lọc cho đẹp từng đoạn từng câu. Anh trân  
quí lời thơ, trân quý bạn đọc. Nhưng với bản  
thân mình ở xứ người "để gì quên được  
nhục lưu vong", mài kiếm gầy, ôm chí phục  
quốc dù sức tàn lực tận nhưng lửa hận vẫn  
âm ỉ cháy bỏng tâm can.

Tháng năm qua dần trong môi mơn nấng  
mưa, dù lòng đã chai lì như sỏi đá lăn lóc  
mà vẫn không khỏi ngậm ngùi bi thương. Ôi  
những chiêm bao mộng mị, những giao  
cảm riêng tư, những xót xa nỗi một dòng  
riêng, một niềm vui nói một mặt bến chung nào  
đó, ủ ấp tình nhà, nặng nợ núi sông.  
Mớ màng giữa hư và thực, giữa bào ảnh và  
chơn như, giữa phiêu bồng và hoang tưởng,  
giữa lá nhỏ và cành mong để vắn mường  
tượng rằng, ta đã trao gửi yêu thương nồng  
mặn đến thiên thu?

Ta ở quê người mài kiếm gầy  
Tuổi mọn, sức kiệt đời rêu phong  
Bao năm lửa hận âm thầm cháy  
Còn bóng hồn ta em biết không?

Những tháng mùa mưa trời đất khóc  
Lòng trần ướt nhẹp, suối thành sông  
Ta như sỏi đá từng lăn lóc  
Mà vẫn bi thương, vẫn náo nùng

...  
Ta níu cành mong hồn lá nhỏ  
Đu đầy hoang tưởng giữa phiêu bồng  
Những ngày trao gửi yêu thương đó  
Tuồng đến thiên thu vẫn mặn nồng

Ta ở quê người như côi tằm  
Hồn đau còn ở vôi non sông  
Có em chia sẻ niềm tâm cảm  
Là có đây thêm một cái chung

...  
Em ơi, có em là có những dịu hiền an ủi, có  
những cảm thông chia sẻ, có lửa sưởi ấm  
nỗi quạnh hiu. Em ơi, thương em, bởi:  
Em đã vì ta cùng chấp cánh  
Vì đời hứng chịu mọi cuồng phong.

...  
Ôi những trận cuồng phong cuốn xoáy tâm  
hồn. "Ta ở quê người" mà hồn xót đau đeo  
đằng vôi núi sông. Buồn vui cớm áo hàng  
ngày mà thao thức về dặm ngàn quê cũ  
vẫn mãi mãi hằng đêm. Em có biết chăng,  
nơi đây có nhiều người cùng ta chung bước  
mà chắc gì đã cùng ta chung lòng!

"Ta ở quê người" vẫn mãi không quên cái  
nhục vong quốc, khắc trong tâm mối thù  
chung để chờ một ngày trở về quang phục  
quê hương. Năm ngàn năm lịch sử, tiền  
nhân đã dày công dựng nước, đã hy sinh  
xương máu cho tổ quốc, thì hẳn thế hệ  
chúng ta phải có người tiếp nối.

"Ta ở quê người" như nước lợ đầu sông-  
nửa mặn nửa ngọt, chẳng có ích gì khi tuổi  
lên liếp cây đã héo úa.

"Ta ở quê người" như phế vật, nhờ có em  
hiểu tấm lòng ta thương tật mà an ủi khích  
lệ, cảm thông ta sống giữa tình giữa say,  
giữa quên giữa nhớ. Ta chưa đủ khả năng  
thức ngộ, bởi ta "cuối đời vẫn chưa hết  
quên đời lính":

Ta ở quê người nuôi nhục nước  
Khắc trong tâm phế mối thù chung  
Năm ngàn năm trước, bao người trước  
Anh đừng liều thân há uống cống?

...  
Ta ở quê người như phế vật  
Có em như một tấm gương trong  
Soi nhìn thân thế ta thương tật  
Khi đứng ngơ ngẩn giữa cộng đồng

...  
Say chữa đủ quên, say giữa tình  
Tài chưa đến độ, ngộ chưa thông  
Cuối đời chưa hết thương đời lính  
Ta vẫn dở thành, vẫn dở ông!

...  
(Khoái Phong)

Khoái Phong và Chuồng Cu Pavie là hai  
bài thơ dài ngoài khổ của nhà thơ Hà  
Huyền Chi, diễn đạt tâm thức của người ly  
xử với hồn vong quốc, hận lưu vong. Sau  
hơn 20 năm lưu lạc, vẫn mãi lặng lẽ bên  
phố người, tuồng như chẳng còn nhớ đến  
họ tên. Sài Gòn - Huế - Hà Nội thân quen,  
quê hương thường tích vết đạn bom, hẳn  
còn trong trí tưởng hay đã lãng quên theo  
thời gian miệt mài? Thế rồi bỗng nhiên tình  
quê hương trời dậy, giạt mình tức giận. Lũ  
sài lang đã cấu kết với đám yêu ma làm  
cuộc bang giao bất nghĩa. Danh nghĩa đồng  
minh từ đây đem chôn vào nghĩa sào. Con  
phố buồn nơi ta lưu trú cũng ngỡ ngàng  
chiều dục hồn ta. Ôi xin người hãy nói với ta,  
dù đó chỉ là lời gian dối để ta còn mang  
chút hy vọng thấy quê hương chuyển mình  
thoát khỏi gông cùm chủ nghĩa cộng sản,  
trước khi ta trở về với cát bụi phù du:  
Chiều một mình đi xuống đi lên  
Vẫn vĩa phố người lặng lẽ  
Ta tưởng chừng quên mất họ tên  
Sau hai mươi năm sầu quạnh quê.

Ở Saigon, Hà Nội  
Ở dĩ vắng đạn mìn  
Đã chìm dần vào vũng tối  
Lãng quên

Bỗng hồi chuông bang giao bất nghĩa  
Vang vọng lời yêu ma  
Con phố buồn như nghĩa địa  
Xin hãy đừng chiều dục hồn ta!

Hãy nói với ta lời giả dối chân thành  
Rằng ta vẫn còn hy vọng  
Thấy non sông chuyển mình  
Trước khi ta dứt bóng.

(Hy Vọng)

Thế nhưng nào ta được yên, được có thời  
gian thanh thản để nuôi hy vọng khi mà ở  
xứ người còn có bầy dã thú mang lối người  
tru tréo hòa hợp hòa giải, hay chỉ vì miếng  
lợi danh của sài lang cộng sản mà chủ

trường giao lưu văn hóa. Ôi chủ nghĩa nọc độc, ý tưởng đầu hàng của loài bò sát! Hào kiệt ngày xưa, anh hùng thuở nọ có còn là đáng dấp đại bàng hùng vĩ, hay cũng đã khô chồi dân chủ biến thành bóng cú hình ma? Cờ quốc gia vẫn còn đó, còn vương vấn oai linh của những anh hùng tử sĩ và bóng dáng núi sông thiêng liêng của bốn ngàn năm văn hiến. Xin đừng quên:

*Trên cánh rừng dã thú  
Bầy chó hoang tru khúc hòa đồng  
Dụ đám nai hiền giao du cùng cọp dữ  
Vòi giun sán đầy lòng*

*Trên cánh rừng chủ nghĩa  
Cùng loài bò sát ẩn tàng  
Chữ nọc độc, chữ hai vôi như đĩa  
Mang nhốt dài đầu hàng*

*Trên rừng gươm súng cũ  
Sét ri đã trở hoa  
Cây hào kiệt đã khô chồi dân chủ  
Thân đại bàng mà bóng cú hình ma*

*Trên màu cờ vàng chính khí  
Ba dòng máu đỏ ngậm ngùi  
Còn phảng phất những anh hồn tử sĩ  
Bốn ngàn xưa sông núi cũng nghẹn lời*

(Giao Động)

Hà Huyền Chi, nhà thơ đã thành danh từ trong nước, sinh năm 1935 và trưởng thành tại Hà Nội, năm 1954 đi cư vào Nam, nhập ngũ khóa 14 Võ Bị Quốc Gia Việt Nam, năm 1975 đào thoát sang Hoa Kỳ, đã in 8 truyện dài và 13 thi phẩm.

Mỗi người dù trong tình huống nào, trong hoàn cảnh nào cũng có nỗi khổ. Nỗi khổ miên trường. Ai cũng muốn diệt khổ. Có thể mỗi tìm được cho chính mình thân tâm thường an lạc. Tôi muốn giới thiệu nhà thơ Đặng Quân Đặng Đông Mỹ ở Canada qua những bài thơ ẩn chứa Thiền ý của nhà Phật, bởi đạo Phật chủ trương diệt khổ, tự mình tu niệm để tìm giải thoát, để đạt được an nhiên tự tại.

Đời vô thường, Sắc Không, chẳng có gì cả. Kính chiều, tiếng chuông thu không. Cơn đau, cúi mặt niệm thầm. Đặng Quân đã diễn đạt nhẹ nhàng, thanh thản mà lại thiết tha với màu đạo:

*Kính chiều như tha thiết  
Thả hồn vôi tiếng chuông  
Cơn đau, con cúi mặt  
Niệm thầm mãi chữ Không*

(Tha Thiết)

Rồi thì nhân khao khát xin được một ngày tĩnh lặng ngồi bên hồ sen, mong hoa với người cùng giao cảm để tìm những khuấy quên:

*Xin cho ta một ngày thanh tịnh  
Trong vát mặt hồ, một đóa sen  
Hoa với người, như cùng tĩnh lặng  
Như cùng giao cảm, phút giây quên  
(Khao Khát)*

Hay nghe lòng trống rỗng trong cõi hư vô của đất trời:

*Thinh không lặng, nụ hồng thanh thân  
Đóa cúc vàng nghiêng bóng vô tư  
Trời đất hư vô lòng cũng rỗng  
Nắng chiều trên áo thoáng trời đầu.  
(Thoảng Mây Bay)*

Ngoài những bài thơ ngắn nêu trên, Đặng Quân còn viết những bài thơ dài hơn, lồng màu Thiền vào trong tình cảm thiên tính tự nhiên.

Đối với thi nhân, khi người tình đã ra đi, thì đời mình chỉ còn lại nỗi trống vắng không thể bù đắp. Thế cho nên khi người đi rồi, hồn như đã mất. Chẳng còn gì nữa. Bơ phở mùa hạ. Lá úa rừng thu. Tuyết trắng mênh mông. Người đã đi rồi. Trống vắng, Năm tháng ngân ngó. Chim lẻ bóng... Ta cô đơn, biết tâm sự cùng ai. Vòi rừng, vòi gió, vòi hư vô chẳng? Người đã đi rồi. Hồn hoang. Khói sương hiu hắt. Chỉ còn bóng tà đường âm thầm soi lối cũ:

*Người đi rồi, cả hồn tôi mất  
Nắng hạ bơ phờ, những giấc trưa  
Lá rụng rừng thu, ngăn cách biệt  
Mênh mông tuyết trắng, xóa ngày xưa.*

*Người đi rồi, cả hồn ngọc ngấn  
Ngày tháng dài, mưa sớm nắng trưa  
Bến vắng, bờ xa, chim lạc bóng  
Gọi nắng, gọi gió, gọi hư vô*

*Người đi rồi, cả hồn hoang phế  
Khoảng trống đời, hiu hắt khói sương  
Vắng lặng tháng ngày, mưa gió rét  
Âm thầm lối cũ, bóng tà đường  
(Người Đi Rồi)*

Người đi rồi cũng chẳng khác gì ngày đến rồi ngày lại đi. Tất cả sẽ trở thành quá khứ. Quá khứ trong quá khứ. Quá khứ của quá khứ. Hầu hết đều chìm ngập giữa trùng khơi. Chỉ còn ta với hư vô và xin được lãng quên:

*một ngày nào đó  
rồi cũng sẽ đến  
một ngày nào đó  
rồi cũng sẽ qua  
người bị xô về phía trước  
đi vắng sẽ mất hút đằng sau  
tất cả  
sẽ thành quá khứ  
và quá khứ  
sẽ đứt lìa xa  
ta hốt hoảng  
bởi ngập giữa trùng khơi  
...còn gì nữa?  
hay chỉ còn  
hư vô ta với ta  
vội sự thật  
vội mọi điều day dứt  
ôi xin được lãng quên  
(Một Ngày Nào Đó)*

hoặc:

*tháng ngày vui đẹp  
rồi cũng qua đi*

*buồn này sao xác  
rồi cũng qua đi*

*dòng sông biên biệt  
thao thức làm chi  
ừ nhỉ  
và rồi mai ấy  
ta cũng qua đi*

(Rồi Cũng Qua Đi)

Lạc loài nơi xứ lạ, mùa đông tuyết giá, gió bắc lạnh lùng, thi nhân ngơ ngẩn nhìn bóng mình trong gương. Người có nhận ra mình hay không. Có thực là mình đó chẳng? Hỏi cây, cây không biết. Hỏi trời, trời không hay. Hỏi người, người chẳng nói. Hỏi mình, mình là ai?

Không gian, thời gian là bào ảnh, phủ du cả. Chao ôi:

*Tháng ngày trên đất khách  
Một trời giá tuyết băng  
Phố xa, xa mờ tấp  
Lạnh lùng gió mênh mông*

*Hỏi cây, cây không biết  
Hỏi trời, trời gió sương*

*Hỏi người, người qua vội  
Hỏi mình, bóng cô đơn  
Thời gian như không thực  
Không gian không vẫn không*

*Phù du hay hư ảo*

*Hỏi mình, phải bóng mây?*

(Hỏi Minh, Phải Bóng Mây)

Với một số thơ mới của một vài nhà thơ nêu trên bắt nguồn từ lối thơ tự do hoặc xuất nhập ở các lối thi ca từ khúc cũ. Thơ tám chữ chẳng qua cũng chỉ là biến thể của lối hát a đào. Vậy cái chữ "mới" mà người ta tặng cho thơ bây giờ có lẽ cũng để ám chỉ đến những ý thơ và từ thơ rất mới được diễn tả một cách sâu sắc, thiết tha và rộng rãi vượt ra ngoài lề lối cũ. Đó là những nhà thơ thuộc phái "lời mới, ý mới".

Nhưng trong nhóm thơ mới này còn có thi nhân mượn hẳn lối thơ cũ, hay lối thơ cân đối và bó buộc trong niêm luật để diễn tả những ý mới. Đó là những nhà thơ thuộc phái "lời xưa, ý mới".

Ngoài ra còn có những nhà thơ thuộc phái trung dung ở giữa hai phái "lời xưa, ý mới" và "ý mới, lời mới", nửa mới, nửa cũ cả ý lẫn lời.

Tuy nhiên, chỉ có những gì gây xúc cảm hay rung động thực sự cho nhân gian thì dễ được chấp nhận và tồn tại, những gì thiếu nhịp rung cảm thì sẽ bị đào thải hay mai một với thời gian.

(Thiên Sơn, 18.11.98)

**Tài liệu tham khảo:**

- Nhà Văn Hiện Đại của Vũ Ngọc Phan.  
- Thành Ngữ - Điển Tích - Danh Nhân Tự Điển của Trịnh Lâm Thanh.



# PHONG TRÀO THƠ MỚI cuộc cách mệnh thi ca đầu thế kỷ XX

Vào đầu thế kỷ 20, tiếp xúc với văn hóa Tây phương, với sự xuất hiện của chữ quốc ngữ, bao nhiêu nền tảng kiên cố về xã hội, về chính trị, về văn học của nước ta đều bị rung rinh, đổ vỡ. Đời sống hình thức và tư tưởng cũng bắt đầu biến dạng và làm thay đổi nhịp rung cảm của dân gian. Các văn nhân, thi sĩ bỗng nhận thấy cần phải thoát ra khỏi lề lối "văn dĩ tải đạo" chật hẹp của Nho giáo, những qui luật khó khăn về thi ca, nhất là Đường luật, để cho những rung cảm mới ấy của mình được diễn tả hào hùng, chân thành, phong phú hơn. Do đó phát sinh ra "phong trào thơ mới".

Khởi đầu, năm 1914, Đông Dương tạp chí số 40, đăng một bài thơ quốc ngữ "Con Ve Sầu và Con Kiến" của Nguyễn Văn Vĩnh, dịch từ một ngụ ngôn của La Fontaine, mà người đương thời gọi đó là "thơ mới" vì bài thơ này không làm theo thể cách nào của các lối thơ cũ cả. Và một số thức giả lợi dụng chữ quốc ngữ để làm những bài thơ *khuyñ hưởñg thời sự* có tính cách chống đối bạo quyền như thơ *trào phúng* cười cợt thế tình, mỉa mai xã hội và thơ *quốc sự* nhắc nhở đồng bào về hiện tình đau khổ của đất nước. Tản Đà đã mượn lời cô Chu Kiều Oanh, một nhân vật trong *Giấc Mộng Con*, để hô hào, khuyến khích lối thơ quốc sự này: "*Cố nhân nên biết văn chương có trọng giá, không phải là một sự chơi riêng trong lý thú, không phải là sự đùa vui trong phẩm bình, mà phải có bóng mây hơi nước đến dân xã. Một tấm thân nam nhi, không phải là của riêng của một mình mình, mà của nước tổ Hồng Lạc hơn bốn ngàn năm, của nhà nước bảo hộ đã 50 năm (a), của xã hội 25 triệu người, của giang sơn 34 vạn lý*". Nhưng Nguyễn Văn Vĩnh lại lên tiếng chỉ trích lối thơ thiên về quốc sự ấy trên tờ Annam Nouveau, cho rằng báo chí không phải là nơi để các nhà thơ kêu gọi hồn nước, hoặc đá kích, chế giễu quan lại, nhà thơ không làm chính trị, chỉ làm văn hóa, giáo dục mà thôi. Bị áp lực của nhà cầm quyền thuộc địa, thơ phúng thế, quốc sự phải dần dần rút lui vào bóng tối. Tuy vậy, Trần Tuấn Khải, và một số nhà thơ khác, vẫn tiếp tục mượn lời bóng gió để gián tiếp

vận động cho tinh thần yêu nước, như ở bài "*Gánh Nước Đem*" dưới đây:

*Em bước chân ra  
Con đường xa tít.  
Bên kia kìa kịt  
Nặng gánh em trở về,  
Em ngoảnh cổ trông sông rộng trời khuya  
Vi chúng nước cạn, nặng nề em dám kêu ai.  
Em những tiếc công bà Nữ Oa (b) đội đá vá trời,  
Con dã tràng (c) lấp biển biết đời nào xong.  
Bước đêm khuya thân gái ngại ngừng,  
Nước non gánh nặng, đức ông chồng hay hồi có hay.*

Tản Đà, trong các ký sự *Giấc Mộng Con* (1917), *Khối Tinh Con* (1920) và những bài thơ *Thề Non Nước*, *Vịnh Bức Dũ Đờ Rách*..., một cách công khai hợp pháp, cũng tiếp tục nhắc nhở đồng bào:

*Nước non nặng một lời thề  
Nước đi đi mãi không về cùng non.  
Nhờ lời "nguyện nước thề non"  
Nước đi chưa lại, non còn đứng trông...*

Trên văn đàn thi ca lúc đó, chỉ còn bày ra bề mặt, hai khuyñ hưởñg mà nhà cầm quyền thuộc địa cố tình dung túng, khuyến khích:

- *Khuyñ hưởñg đạo lý* chủ trương "không làm chính trị, chỉ làm văn hóa giáo dục". Người ta làm thơ thuật lịch sử, vịnh sử, giáo huấn con trẻ (như Tản Đà) với sách *Lên Sáu*, *Lên Tám*, làm thơ ngụ ngôn dạy luân lý (như Nguyễn Trọng Thuật...) để nhắc nhở nhau về dĩ vãng oai hùng của đất nước, nhằm bảo tồn phẩm cách con người Việt Nam.

- *Khuyñ hưởñg lãng mạn* than khóc những cái sầu đủ loại: sầu kiếp người trước định mệnh, sầu con người Việt đang bị áp bức bóc lột, và sầu đất nước đang bị chà đạp, xâm lăng. Cả một thành sầu bao vây tâm tư các nhà thơ, một thủ *sầu lãng mạn* bằng bạc trong các bài thơ của bà Tường Phở, Trần Tuấn Khải, Đông Hồ, Tản Đà... trên Hữu Thanh Annam tạp chí, Phụ Nữ Tân Văn, Nam Phong.

Đến năm 1932, Phan Khôi mới thật sự khởi xướng lên vấn đề "thơ mới" và đăng trong Phụ Nữ Tân Văn một bài thơ mới nhan đề "Tinh Giã". Các báo Nam Phong, Phong Hóa cũng đăng và cổ vũ cho các bài thơ mới. Nhiều báo khác như Loa, Nhật Tân, Bạn Trẻ cũng đua nhau đăng những bài thơ bất chấp các qui luật cổ điển của lối thơ xưa. Nguyễn Thị Khiêm ở Sài Gòn, Lưu Trọng Lư ở Hà Nội, đứng lên tán dương thơ mới. Trong khoảng thời gian 1933-1934, các nhà văn học nhóm Tự Lực Văn Đoàn cũng lên tiếng phê bình và lý luận thêm về loại thơ này. Phản đối không thành, phái cũ dần dần ngã sang luận điệu "không có thơ cũ thơ mới, chỉ có thơ hay với thơ dở" mà thôi.

Nhiều bài thơ mới của Thế Lữ, Lưu Trọng Lư, Vũ Đình Liên, Xuân Diệu... lần lượt xuất hiện. Mười năm sau, 1942, trong *Thi nhân Việt Nam*, Hoài Thanh thăng hoa 40 nhà thơ đặc sắc của làng thơ mới sau 1932. Thơ mới và các tác giả thơ mới công nhiên bước vào Văn Học Sử Việt Nam từ đây.

Phong Hóa tháng 3 năm 1932 hô hào: "*thơ ta phải mới, mới văn thể, mới ý tưởng*".

**Mới văn thể** - Văn thể thơ mới khác với văn thể thơ cũ. Thơ cũ làm theo các văn thể cố định. Thơ mới văn thể hoàn toàn tự do: mỗi bài thơ mới có mấy câu, mấy đoạn cũng được, mỗi đoạn có bao nhiêu chữ cũng được:

*Sáng nay tiếng chim thanh (5 chữ)  
Trong gió xanh (3 chữ)  
Diu xuống hưởng ấm thoả xuân tình. (7 chữ)  
Ngàn xưa không lạnh nữa, Tân phi. (7 chữ)  
Ta lặng dâng nâng (4 chữ)  
Trời mây phẳng phất nhuộm thời gian... (7 chữ)*

(Đoàn Phú Tú)

Văn loại nào cũng tốt, không bị gò bó theo một qui luật nào, nhưng số khởi thường theo các lối gieo vần thơ Pháp, như *vần ôm* (rimes embrassées):

*Chính hôm nay gió đại đến trên đồi  
Cây không hện để ngày mai sẽ mát  
Trời đã thắm, lẽ đâu vườn cũ nhạt?  
Đến do gì cho lỗ mộng song đôi!*

(Xuân Diệu)

*Vần chéo* (rimes croisées):

*Của ong bướm này đây tuần tháng mật;  
Này đây hoa của đồng nội xanh rì;  
Này đây lá của cành tơ phở phất;  
Của yến anh này đây khúc tình sì.*

(Xuân Diệu)

Nhạc điệu câu thơ cũng khác xưa, đặc biệt như lối "chữ rời" (enjambement) chẳng hạn: *Hôm nay tôi đã chết trong người Xưa hện nghìn năm yêu mến tôi.*

(Xuân Diệu)

Phong trào thơ mới đã bỏ đi nhiều khuôn phép xưa, song cũng có một số khuôn phép, như "vần điệu" chẳng hạn, do đó được thêm bền vững. Năm 1942, bản về vần điệu thơ mới, Hoài Thanh nhận thấy có "*luật đối thanh rất tự nhiên trong thơ Việt vẫn chi phối hết thấy các thể thơ*". (...) *Hệ câu thơ chia làm hai, ba hay bốn đoạn, những chữ cuối các đoạn phải lần lượt bằng rời trắc, hay trắc rời bằng" (d) (...B/ ...T/ ...B/ ...T/... v.v...)*. Ví dụ:

*Gặm một mối (T) căm hồn (B) trong cũi sáng (T),*

*Ta nằm dài (B), trông ngày tháng (T) dần qua (B)*

*Khinh lữ người kia (B) ngạo mạn (T), ngẩn ngơ (B),*

*Giường mắt bé (T) giấu oai linh (B) rưng thắm (T).*

(Nhớ Rừng - Thế Lữ)

*Em không nghe mùa thu*

*Dưới trăng mờ (B) thốn thức (T)*

*Em không nghe (B) rạo rức (T)*

*Hình ảnh (T) kẻ chinh phu (B)*

*Trong lòng (B) người cô phụ (T)*

(Tiếng Thu - Lưu Trọng Lư)

*Lá đào (B) rơi rắc (T) lối Thiên Thai (B)*

*Suối tiến (T) oanh đùa (B) những ngậm ngùi (B)*

*Nửa năm (B) tiên cảnh (T)*

*Một bước (T) trần ai (B)*

*Uớc cũ (T) duyên thừa (B) có thể thôi (T)*

(Tản Đà)

Đôi khi chỉ **đổi thanh** cũng đủ, không cần vần:

*Duyên trăm năm* (B) *dứt đoạn* (T)  
*Tình muôn thuở* (T) *còn vương* (B).  
*Hưởng thời gian thanh thanh* (B)  
*Màu thời gian tím ngắt* (T)  
(Đoàn Phú Tú)

Nhất Linh, trong bài "*Sự cân nhắc chữ nghĩa trong thơ cũ và thơ mới*" (Phong Hóa số 63, tháng 10-1933), cho rằng các "nhà thơ cũ cân nhắc từng chữ cốt ý để câu văn được chỉnh, đọc lên nghe cho kêu, có những chữ đối chọi một cách tài tình khéo léo. nhà thơ mới cân nhắc từng chữ, để dẫn đo xem chữ nào điển đạt được cái cảm của mình đúng hơn cả, xem phải cần chữ nào, câu thơ mới có cái điệu khả dĩ diễn được sự rung động của linh hồn mình một cách rõ rệt". Song, sự đối mới ở đây, lúc đầu chỉ là rời bỏ cách thức của thơ xưa, để mô phỏng theo thơ Pháp như vừa thấy trên, hay có khi lại dịch thẳng từ những câu thơ Pháp, như "Partir c'est mourir en peu" (Edmond Haraucourt) > "Yêu là chết trong lòng một ít" (Xuân Diệu); "Offrir beaucoup et recevoir bien peu de choses" (Arvers) > "Cho rất nhiều, song nhận chẳng bao nhiêu" (Xuân Diệu)...

Các chữ dùng ở thơ mới, đối với người đọc 1932-1945, nghe trái với sự hợp lý thông thường, như: mặt trời đi ngủ, cắn vào mùa xuân, một chùm mong nhỏ, khóm yêu đương, tiếng tung hô của ánh sáng:

*Đêm nay lạnh mặt trời đi ngủ sớm...* (Xuân Diệu)

*Hỡi xuân hồng, ta muốn cắn vào người.* (Xuân Diệu)

*Đáy chùm mong nhỏ, khóm yêu đương*  
*Đáy em cánh thẹn lẩn cánh thương.*

... *Những tiếng tung hô bằng ánh sáng* (Xuân Diệu)

Những đối với thời nay, lối lẫn lộn các chất loại, cảm xúc khác nhau tạo thành những vần ảnh giàu tính dẫn khởi, mà theo André Breton, "là một sáng tạo của trí óc thuần túy. Văn ảnh không thể phát sinh từ một sự so sánh giữa hai sự vật tương tự, mà từ một sự đưa hai thực tại xa cách nhau đến gần sát lại với nhau. Mỗi liên hệ giữa hai thực tại càng xa cách, càng chính xác, thì văn ảnh càng mãnh liệt... càng có nhiều cường lực xúc cảm, càng có nhiều thực chất thi vị hơn". (e)

Đặc biệt văn ảnh trong *Ca Tung* của Xuân Diệu:

*Trăng vú mộng của muôn đời thi sĩ.*  
*Giờ hai tay mơn trớn về trần đây.*

đã thoát thai từ bài *Le Balcon* của Baudelaire (f). Và chính Xuân Diệu cũng xác nhận:

*Tôi nhớ Rimbaud với Verlaine*  
*hai chàng thi sĩ chói sáng hỡi men*  
*Say thơ xa lạ, mê tình bạn*  
*Khinh rẽ khuôn mòn, bỏ lối quen.*  
(Xuân Diệu)

**Mỗi ý tưởng:** Như Paul Mus đã nhận xét, "ngay từ khi khai quốc, tất cả then chốt của lịch sử Việt Nam là tinh thần chống đối luôn luôn hòa hợp một cách kỳ lạ với khả năng đồng hóa những gì từ nước ngoài du nhập

vào, tạo thành một tiềm năng quật khởi quốc gia, nhất định không chịu khuất phục mặc dù phải bị thua trận, bị phân chia, bị chinh phục". (g)

Vào đầu thế kỷ 20 này, nhất đán tiếp xúc với Tây phương, các nhà thơ vẫn ta tuy luôn luôn tìm cách chống đối thực dân Pháp, chống đối các qui luật thơ cũ ảnh hưởng Trung Hoa, nhưng đồng thời cũng tiếp nhận những tư tưởng tự do dân chủ, gián tiếp qua các tân thư Trung Hoa của Khang Hữu Vy, Lương Khải Siêu, hay trực tiếp qua các văn thơ Pháp, để mưu cầu công việc **canh tân xã hội**, và riêng trong lãnh vực văn học, để hình thành một loại thi-ca gọi là "thơ mới". Trong việc **canh tân xã hội**, một phong trào gọi là "sống vui, sống trẻ" được phát động lan tràn ở các đô thị lớn. Đây là phản ứng của lớp trẻ vươn lên chống lại phách cũ, phách già. Nguyên lúc bấy giờ, các nhà tân học đã hăm hở, phấn khởi trước những hành vi tân tiến của Bảo Đại, một vị vua trẻ tuổi du học ở Pháp về (8.9.1932), tự do kết hôn với một nữ du học sinh đạo Thiên Chúa, Nguyễn Thị Lan, con gái một phú hào miền



Nam. Ngày 10.9.1932, nhà vua tuyên bố "từ nay tôi ngự trị với sự hợp tác của thần dân, dưới hình thức một nền quân chủ lập hiến và sẽ cải cách những điều cần thiết: quan lại, học chính và tư pháp". Ngày 2.5.1933 lại ban Dụ thành lập Nội Các mới, Ngô Đình Diệm (31 tuổi) được cử làm Thượng Thư Bộ Lại, kiêm "thư ký" Ủy Ban Hỗn Hợp Pháp-Nam để nghiên cứu những cải cách đã loan báo. Nhưng 4 tháng sau, tháng 11.1933, Ngô Đình Diệm xin từ chức, nói lý do tại người Pháp nhất định "giữ hết quyền hành để cai trị trực tiếp nước Nam...". Từ đó, Bảo Đại để cho Phạm Quỳnh (41 tuổi) giữ mặt tiền sân khấu. Do lối người Pháp, mọi cải cách bị ngăn chặn, nhà vua chỉ còn quyền bảo thủ nghĩ lẽ mà thôi. (h)

Hơn nữa, những biến động chống thực dân Pháp trong thập niên 30 của Việt Nam Quốc Dân Đảng bị thất bại, 37 liệt sĩ bị xử tử (chỗ không phải chỉ 13 vị ở Yên Bái mà thôi) đã gây nhiều xao xuyến trong nước,

sự đàn áp thẳng tay của Pháp lại gieo một không khí hoang mang, kinh sợ hay buồn bã, hoài nghi khắp nơi. Để trấn an, Pháp một mặt lồng vào phong trào "vui vẻ trẻ trung" trên đây để tổ chức những hội hè khuyến khích nam nữ thanh niên ăn chơi vui nhộn để đánh lạc hướng tinh thần đấu tranh của dân ta, một mặt ráo riết kiểm duyệt các thơ văn quốc sự. Tất cả hy vọng đặt vào nhà vua trẻ tuổi tân tiến bỗng bị tan tành theo mây khói. Người ta chỉ còn biết thờ than với những lời thơ "bóng gió", sầu mơ để giải bày nỗi niềm u uất của tâm tư:

*Rồi cả thời gian tan tác đó*  
*Dấu oai linh hùng vĩ thấy gì đâu?*  
*Thời gian chảy, đá mòn, sông núi lở*  
*Lòng ta luôn còn mãi vết đau thương.*  
(Chế Lan Viên)

Tình hình chính trị bế tắc ấy đã xua đẩy văn thơ đi dần vào con đường lãng mạn, một lối thoát cho phần đông các nhà thơ đương thời. Một thủ lãng mạn đầy tuyệt vọng, buồn đau:

*Trăm năm theo dõi áng mây trời* (Thế Lữ)  
*Mơ theo trăng và vỏ vẫn cùng mây* (Xuân Diệu)

*Lạc giữa sao trời tôi vẫn mê* (Chế Lan Viên)  
*Năm gắng đá không thành mộng được*  
*Ngâm tràn cho đỡ chút buồn thôi.* (Hàn Mặc Tử)

*Say đi em, say đi em,*  
*Say cho lối là ánh đèn,*  
*Cho cung bức ngã nghiêng, diên rờ xác thịt.*  
*Rượu, rượu nữa, và quên quên hết...*

... *Đất trời nghiêng ngửa*  
*Thành sầu không sụp đổ, em ơi!* (Vũ Hoàng Chương)

Theo dõi áng mây, mơ theo trăng, lạc giữa sao trời, ngâm tràn cho đỡ buồn, say cho quên, quên hết, thành sầu không sụp đổ... Ngọt ngọt trong môi trường đen bạc, thì nhân khao khát thoát ly. Đi đâu?

*Đi, đi... đi mãi nơi vô định,*  
*Tim cái phi thường, cái ước mơ.* (Hàn Mặc Tử)

*Đi cùng anh tôi Có Tô thành cũ,*  
*Chờ trăng lên mở những giấc mơ xưa.* (Huy Thông)

*Thủ hồ bế quyển mồi du tử,*  
*Niềm thế nhi không giữ được lời!*  
*Biết sao trái với tình trời,*  
*Giang hồ kiếp ấy trọn đời phiêu lưu.* (Lưu Trọng Lư)

Dẫu có đi đâu cũng không thể quên được nỗi khổ đau của người dân mất nước, của con người điêu linh vì định mệnh. Và đau khổ, điêu linh là những dịp để thi nhân quay lại với chính bản thân, với "tâm hồn" của mình, trong mọi khía cạnh sâu thẳm, u uẩn của "cái tôi", một cái tôi sâu thẳm cổ, nghĩ ngó đến cả cái hiện hữu của mình, một "cái tôi" không dám nhìn rõ vào mình, ngó ngác cô đơn, lạc hướng:

*Một linh hồn nhỏ*  
*Mang mang thiên cổ sầu.* (Huy Cận)  
*Ai bảo dùm: Ta có, có Ta không?* (Chế Lan Viên)  
*Chỗ để niêng em phải gặp lòng em!* (Xuân Diệu)  
*Thò vụng quá, sấm vai gì trên sân khấu?*

Hồn cô đốn, trông ngó gác chợ trời. (Phan Khắc Khoan)  
Mênh mông đầu đó ngoài vô tận  
Một cánh thuyền say lạc hồng đêm! (Vũ Hoàng Chương)

Và cũng là một "cái tôi" bất lực đến không thể hiểu được những ứng xử, cảm xúc của chính mình:  
Rồi một ngày mai tôi sẽ đi  
Vi sao? Ai nỗ hỏi làm chi  
Tôi khờ khạo lắm, ngu ngốc quá,  
Chỉ biết yêu thôi chẳng hiểu gì! (Xuân Diệu)  
Ai đem phân chất một mùi hương  
Hay bản cầm ca. Tôi chỉ thường  
Chỉ lặng cúi theo dòng cảm xúc  
Như thuyền ngủ phủ lạc trong sông (Xuân Diệu)  
Hôm nay trời lạnh lên cao  
Tôi buồn không hiểu vì sao tôi buồn (Xuân Diệu)

Người ta thường cho rằng các nhà thơ tiền chiến chỉ lẩn quẩn với tình yêu, chỉ than khóc cho "cái tôi" lãnh mạn khổ đau của họ mà thôi. Nhưng chính "đau khổ là ân sư của chúng sinh", thảm kịch của tình yêu là trợ lực giúp cho tâm trí con người biết suy nghĩ cao hơn về ý nghĩa cuộc sống, và thấy có nhu cầu thể hiện như u ẩn của tâm tình vào lãnh vực văn thơ, đưa nguồn thi hứng đi dần đến khuynh hướng lãnh mạn, trữ tình cá nhân.

Cũng như có nhu cầu thể hiện tình trạng đốn khổ của dân gian chẳng hạn:

Trời hồi! Nhờ ai cho khỏi đời  
Gió trăng có sẵn làm sao ăn? (Hàn Mặc Tử)  
Nỗi đời có cực đang gió vượt  
Cơm áo không đùa với khách thơ (Xuân Diệu)  
Mỗi lần cầm bút nói văn chương,  
Nhìn đàn chó đói gặm tro xuống,  
Và nhìn chúng mình hi hục viết,  
Suốt mấy năm trời kiết vẫn kiết,  
Mà thưởng cho tôi, thưởng cho anh,  
Đã rụng bao nhiêu mỡ tóc xanh. (Nguyễn Vỹ)

Và nhà thơ nào cũng thấy có nhu cầu nói lên nỗi lòng đau khổ của người dân bị mất nước vào thi ca, tất nhiên cũng chỉ có thể nói xa gần bóng gió, để khỏi bị chính quyền thực dân khủng bố, tù đày:

Nén đau thường, vướng ngậm ngùi để kể  
Niềm ngao ngán vô biên như trời bể  
Ôi! Tắm gan bần chặt như Thái Sơn  
Bao nhiêu thu cay đắng chẳng hề sờn!  
Ôi! Những trận mạc khiến trời long đất lở  
Những chiến thắng tung bùng!  
Những vinh quang rực rỡ!  
Ôi! Những võ công oanh liệt chốn sa trường!  
Những buổi tung hoành lãn lộn trong rừng thẳm.  
Những tưởng dưng bị đầu văng trước trận...!  
Vạn trời khi đã tận  
Sức lay thành nhỏ núi mà làm chi? (Huy Thông)

Về chức năng thẩm mỹ của thi ca, Thế Lữ đã có lời tuyên ngôn bất hủ trong **Cây Đàn Muôn Điệu**:

Tôi chỉ là một khách tình si  
Ham cái Đẹp có muôn hình muôn vẻ.  
Mượn lấy bút nàng Ly Tao, tôi vẽ,  
Mượn cây đàn ngàn phím, tôi ca  
Về đẹp u trầm, đắm đuối hay ngây thơ,  
Cũng như về đẹp cao siêu hùng tráng  
Của non nước, của thi văn, tư tưởng...

Theo Thế Lữ, đối tượng của thơ là cái Đẹp. Thơ là nơi gặp gỡ giữa *hội họa* và *âm nhạc* trong vẻ đẹp mà thi nhân ca tụng: từ vẻ đẹp u trầm, ngây thơ của tâm tình đến vẻ đẹp cao siêu hùng tráng của thiên nhiên, của ngôn ngữ, triết lý...

Rồi, thơ bản tính vốn mộng mơ, lơ lửng trên không, mà tài liệu để sáng tác lại bắt nguồn từ cuộc sống trần gian hiện hữu:  
Vội nàng Thơ tôi có đàn muôn điệu  
Vội nàng Thơ tôi có bút muôn màu  
Tôi muốn làm nhà nghệ sĩ nhiệm màu  
Lấy thanh sắc trần gian làm tài liệu  
Một quan niệm về thi ca cô đọng trong mấy dòng súc tích, ngày nay vẫn còn nhiều giá trị hiện đại.

Một cách công khai hợp pháp, các nhà thơ mới, qua nhóm Xuân Thu Nhã Tập (1941), đã đề xướng quan niệm **tự do tuyệt đối... trong sáng tác**. Thơ mới đã đòi "tự do", đòi giải thoát "cái tôi" ở thi ca.

Từ ngày xưa, các nhà thơ Việt đã từng đem "cái tôi" ra thờ than, thường khóc: *Nghĩ mình, mình lại thêm thương nỗi mình!* (Cung Oán). *Giật mình, mình lại thương mình xót xa!* (Kiều). *Tôi ngồi tôi nghĩ cái thằng tôi!* (Tú Xương): Cái "mình", cái "tôi" thủ nhất là cái "tôi toàn thể", cái "mình", cái "tôi" thủ nhì là "cái tôi khách quan" đứng ra ngoài để quay lại nhìn cái "mình" và cái "tôi" thủ ba là "cái tôi chủ quan". Hoặc để mình định vị trí hiên ngang của "cái tôi" giữa vũ trụ này, Nguyễn Công Trứ có câu: Ngã kim nhật tại tọa chi địa! Cổ chi nhân tăng tiền ngã tọa chi. Ngàn muôn năm ầu cũng thế ni, (Chỗ ngày nay ta ngồi, trước đây người xưa cũng đã ngồi tại đó, nghìn năm ầu cũng như thế cả: giữa quả khứ và tương lai, trong thời gian = vũ); Không Phật, không Tiên, không nhuộm tục. (Con người ở giữa Tiên Phật và Quỉ Ma, trong không gian = trụ) ...

"Cái tôi" của nhà thơ ngày xưa trực diện với số kiếp huyền ảo, với không gian và thời gian mênh mông vô tận. Tâm hồn họ có bị đất hay hiên ngang cũng chỉ vữa thu trong khuôn khổ chữ tối ẩn nấp, hòa tan trong đoàn thể, gia đình, quốc gia... Còn "cái tôi" của các nhà thơ mới mất bề rộng để tìm về bề sâu. Thi nhân ngày nay lắng vào nội tâm mình để khám phá, tìm hiểu, phân tích, phổ bày thêm về tâm trạng thâm kín u uất trong "cái tôi" của mình. Và phơi bày tâm trạng của một thi nhân, cũng là phơi bày tâm trạng chung của độc giả, của quần chúng, như thi hào Victor Hugo đã nhận xét: "Khi tôi nói về tôi, là tôi nói về anh với anh. Thế nào mà anh không cảm thấy được?" và như Paul Valéry gần đây đã nhắc lại: "Diễn rõ sao mà tưởng tôi không phải là anh?" (i)

Tâm trạng chung của quần chúng Việt Nam lúc bấy giờ là **tâm trạng uất hận, bất mãn của những người dân bị mất nước**. Mà dưới chế độ thuộc địa, các nhà thơ vẫn đâu có thể trực tiếp đề cập tới tình hình xã hội và chính trị được, họ chỉ tìm cách **trình bày xa gần** về những cảnh đời khổ của nhân dân, cũng như về "những võ công oanh liệt chốn sa trường... (mà) dấu oai linh hùng vĩ thấy gì đâu?"

Trong hoàn cảnh lịch sử có sự xung đột giữa xã hội và cá nhân, khi ý thức được về "cái tôi" của mình, về cuộc sống xã hội, thi "nhà thơ đồng nhất hóa thi ca với sự nổi loạn". (j)

Vậy phong trào thơ mới phải chăng là một cuộc nổi loạn, một cuộc cách mệnh. Và cuộc **cách mệnh về thi ca** ấy đã gián tiếp góp phần không nhỏ trong công cuộc vận động giải phóng con người Việt Nam? Để rồi về sau, từ lãnh vực văn thơ, phong trào vận động đòi tự do, cách mệnh giải phóng "cái tôi", lần lượt được lan rộng ra cho đến các lãnh vực xã hội và chính trị.

#### Ghi Chú :

- (a) Tân Đà thêm đoạn này để che mắt chính quyền thuộc địa.
- (b) *Nữ Oa*: Em gái một vị vua đời thượng cổ bên Tàu, luyện đá ngũ sắc để vá trời. Chi người có chí lớn, làm việc phi thường.
- (c) *Dã tràng*: Một loại cua nhỏ sống trên bãi biển, lấy càng đào lỗ trên cát để ở, nhưng vừa đào xong, sóng đánh mạnh vào cát lấp mất ổ, Dã tràng phải đào lại. Vì thế, các từ "công dã tràng" dùng để chỉ công uổng, không ích lợi gì.
- (d) Hoài Thanh, *Thi nhân Việt Nam*, Hà Nội 1942, trang 41.
- (e) Jean-Louis Joubert, *La poésie*, Paris Armand Colin, 1988, trang 45-46: André Breton (*Premier manifeste*) "L'image est une création pure de l'esprit. Elle ne peut naître d'une comparaison mais du rapprochement de deux réalités éloignées. Plus le rapport de deux réalités seront lointaines et justes, plus l'image sera forte... -plus elle aura de puissance émotive et de réalité poétique".
- (f) Thụy Khê, *Cấu trúc thơ*, Văn Nghệ 1995, trang 87.
- (g) Paul MUS, Vietnam Sociologie d'une guerre: Dès que commence le Vietnam, le maitre-mot de ses problèmes historiques paraît justement se trouver sans cet esprit de résistance qui associe, de façon paradoxale, à d'étonnantes facultés d'assimilation, une irréductibilité nationale à l'épreuve des défaites, des démembrements et des conquêtes".
- (h) Bảo Đại, *Le Dragon d'Annam*, Paris Plon, 1980, trang 33-61.
- (i) Victor Hugo, *Contemplations*, Préface: "Quand je parle de moi, je vous parle de vous. Comment ne le sentez-vous pas?"- Paul Valéry: "Insensé qui crois que je ne suis pas toi".
- (j) Henri Lemaitre, *La poésie deouis Baudelaire- La poésie en conflit*, armand Colin, Paris 1993, trang 9: "En conflit avec la société, le poètes identifie poésie et révolte...". ●



● Phan Nam Giang

# Đường thi tuyển dịch

**T**hơ là một bộ phận của văn học, văn hóa, nó phản ánh trình độ văn minh tinh thần và thực trạng xã hội. Người đi học ai cũng phải đọc thơ, học thơ.  
 Đối với những người yêu thơ tất phải quý trọng những tác phẩm giá trị được lưu truyền. Đối với người sáng tác thì công việc nghiên cứu không thể bỏ qua!  
 Nói về thơ ca cổ đại Đông Phương, ta không thể xem nhẹ thơ Đường vì chỉ có thời đại đó thơ mới phát triển rực rỡ... Thời Khang Hy đã sưu tập phần lớn các bài thơ Đường (Toàn Đường lúc bấy giờ còn khắc ván in chữ lớn số lượng 900 cuốn. Nay in chữ nhỏ 13 cuốn gần 2 vạn trang) tổng cộng trên 2.200 nhà thơ, và số lượng xấp xỉ năm vạn bài với đủ mọi thành phần tác giả; từ vua đến quan tướng, tu sĩ, cư sĩ, ẩn giả, ca nữ, vô danh. Đề tài: lãng mạn, hiện thực, chiến tranh, tâng biệt, xuống họa, hoài cảm, khuê oán, diễm tình, v.v... Thơ thể hiện bằng nhiều thể loại: cổ phong, tứ ngôn, lục ngôn, thất ngôn, ngũ ngôn, luật tuyệt, ca hành, nhạc phủ... Chỉ riêng với số lượng thơ trong thời Đường cũng đủ làm cho người đọc suốt đời không tham khảo hết!

Hành Đường thoái sĩ tên thực là Tôn Chu (1712-1778) tên chữ là Lâm Tây người huyện Vô Tích, tỉnh Giang Tô. Ông sinh ra trong thời Khang Hy, thời văn hóa rất được coi trọng. Càn Long 29 đậu tiến sĩ đệ rồi làm giáo thụ nhiều nơi, có kinh nghiệm dạy học và yêu mến văn chương. Vợ mất, ông tục huyền với Tử Lan Anh nữ sử, phu nhân là người văn hay chữ tốt, bà tận tụy giúp chồng để trích lục từ số lượng thơ đồ sộ để chọn ra trên 300 làm đại biểu, lấy tựa là "Đường thi tam bách thủ" hoàn tất vào năm Càn Long 29 (1764). Công phu của Hành Đường thoái sĩ, nhưng thực tế hai vợ chồng cùng soạn. Đến năm Đạo Quang 14 (1835) lại xuất hiện thêm một vị nữ tác giả quê ở Thượng Nguyên tên là Trần Uyển Lăng viết bổ chú. Xem đó, ta biết rằng thời ấy giới nữ lưu rất am hiểu văn chương điển tích. Họ xuất thân từ những thế gia vọng

tộc, hoặc dòng dõi thu hương, Học, lấy chồng, dạy con, đọc sách... Trong khi đó chồng chỉ đi học thời trẻ rồi vội đầu vào việc quan... có khi kiến thức không bằng vợ cũng phải! Nếu không thông sách sử thật chẳng ai dám chú giải Đường Thi!

Hành Đường thoái sĩ viết lời tựa trong Đường Thi tam bách thủ:

Thế tục nhi đồng tựu học, tức thụ "Thiên gia thi", thụ kỳ dị ư thành tụng, cố lưu truyền bất phế. Đản kỳ thi tùy thụ xuyên thập, công chuyết mạc hiện, thả chỉ Ngũ, Thất luật tuyệt nhị thể, nhi Đường, Tống nhân hựu tạp xuất kỳ gian, thụ quái thể chế. Nhân chuyên tựu Đường thi trung quái chá nhân khẩu chi tác. Trạch kỳ vũu yếu già, mỗi thể đắc số thập thủ, cộng tam bách dư thủ, lục thành nhất biên, vi gia thực khóa bản, tỷ đồng nhi tập chi, bạch thủ diệp mạc năng phế, giáo "Thiên gia thi", bất viễn thảng da? Ngạn viết: "Thực độc Đường thi tam bách thủ, Bất hội ngâm thi già hội ngâm". Thịnh dĩ thị biên nghiệm chi. (Hành Đường thoái sĩ nguyên tự).

Dịch: "Trẻ trong thiên hạ đến trường, được học "Thiên gia thi" lấy dễ đọc thành quen, lưu truyền từ lâu chưa bỏ". Nhưng thơ chỉ tùy tiện chọn lựa, khéo vụng chẳng bàn. Và, chỉ có hai thể Ngũ ngôn luật và Thất ngôn luật, rồi người Đường kẻ Tống xen nhau, cách xếp đặt lộn xộn. Nhân lấy những bài sáng tác trong thơ Đường như nem, chả, lựa ra, chọn số nhà khá giả, mỗi thể chọn được khoảng chục bài, tổng cộng hơn ba trăm bài, chép thành một cuốn, để trong nhà dạy khảo cho con trẻ, mà đến kẻ bạc đầu cũng không thể bỏ được. So với "Thiên gia thi" chẳng vượt xa ư? Xin lấy cuốn này nghiệm xem. (Lời tựa của Hành Đường thoái sĩ).

Đọc lời tựa của Hành Đường thoái sĩ, ta thấy ông bất mãn với cuốn Thiên Gia Thi nên soạn Đường Thi tam bách thủ. Đối tượng phục vụ là nhi đồng (trẻ con, học trò), sau thêm chữ: "Người đầu bạc cũng khó bỏ qua được". Trẻ con theo nghĩa của Tôn Chu ta phải hiểu là các em học sinh, sinh viên đang dùi mài kinh sử để lên kinh dự thi tiến sĩ chứ không phải là nhi đồng

(6-12 tuổi). Cuốn sách xưa có giá trị cho khoa cử.

Kể từ Trần Uyển Lăng nữ sử đến nay, biết bao nhiêu học giả, nhà thơ, nhà phê bình nghiên cứu văn học, cũng như bao giáo sư văn chương, địa lý, lịch sử, chính trị v.v... lựa chọn, bổ túc, chú thích thêm cho hoàn chỉnh hơn, thực tế công khởi đầu chính là Tôn Chu vậy. Thời Đường chưa có thơ đăng báo, hoặc ngâm trên đài, hay vô tuyến truyền hình. Thơ chép tay, đề ở quán ăn, danh lam thắng cảnh, đình xá v.v... Nay có sách vở biên soạn để thưởng thức, tham khảo...

## ● Đường - Trương Cửu Linh

Trương Cửu Linh (678-740) tên chữ là Tử Thọ, còn gọi là Bác Vật. Quê tại Thiều Châu Khúc Giang, Việt Đông (Quảng Đông), giỏi văn chương, đỗ tiến sĩ thời Thần Công, làm trong Viện Thập Hiền, chức Hữu thập di (bổ khuyết, gián quan), thuộc Trung thư tỉnh (Bộ Chính Trị), năm khai nguyên thứ 21 (Tây lịch 733) làm Trung thư lệnh, giữ chức Hữu Thừa Tướng (Tể Tướng = Thủ Tướng). Ông bị bọn Lý Lâm Phủ gièm pha.

Khai Nguyên thứ 24 Đường Huyền Tông muốn đưa Lý Lâm Phủ lên chức Tướng, hỏi ý kiến Trương Cửu Linh, ông đáp: "Vậy là rước họa cho tông miếu xã tắc!". Đường Huyền Tông giận biếm chức (giáng chức quan, chuyển công tác xuống hoặc đi ra khỏi kinh thành) làm Kinh Châu Trường Sử.

Trương Cửu Linh từ quan đi ẩn cư, năm Khai Nguyên thứ 26 tạ thế, thọ 68 tuổi. Người sau gọi ông là "Khúc giang công" có tác phẩm "Khúc giang tiên sinh văn tập".

Từ năm Khai Nguyên thứ 24 Lý Lâm Phủ lên nắm quyền, chính trị bắt đầu rạn nứt. Người sau bình luận về thơ của Trương Cửu Linh tất nói đến phẩm tiết và đức độ của ông. Mạnh Hạo Nhiên và Vương Duy có chịu ảnh hưởng về sự thanh đạm đơn hậu của thơ Tử Thọ.



**Cảm Ngộ**  
(Ngũ ngôn cổ thi - Trương Cửu Linh)

*Lan điệp xuân uy nhụy,  
Quê hoa thu hạo khiết.  
Hân hân thú sinh ý,  
Tự nhi vi giai tiết.  
Thùy tri lâm thế giả,  
Vân phong tọa tướng duyệt.  
"Thảo thụ hữu bản tâm,  
Hà cầu mỹ nhân chiết?"*

**Ý Thơ :** Lá lan xuân về xanh mơn mớn. Hoa quế mùa thu sáng tinh khiết. Cây cỏ hớn hờ sinh ý tốt tươi. Tự nhiên là thời tiết đẹp. Ai biết người ở lại rừng (ẩn cú). Ngồi nghe gió thổi với cảnh vật mà vui. Cây (quế) cỏ (lan) kia còn có bản sắc kiên trính thay. Nó đâu có mong người đẹp đến bẻ dùng!

**Chú Thích.-** Lan điệp: là lan thảo (Arethusa japonica) thuộc loại lan. Trạch lan màu trắng pha tím nhạt thuộc họ cúc. Uy nhụy: tươi tốt. Quế (Cinnamomum Cassia). Quế hoa: hoa quế nở. Giai tiết: thời tiết tốt, đẹp. Hân hân: hớn hờ vui mừng. Bản tâm: tính gốc, thiên tính. Bài thơ viết vào khoảng thời Khai Nguyên năm thứ 25 (737) trong lúc tác giả bị biếm đi làm Kinh Châu Trường Sứ, Cảm Ngộ (cảm những gì gặp được). Tổng cộng có 12 bài. Lúc này ông biết Lý Lâm Phủ chưa chịu buông tha. Lấy hương thảo (cỏ thơm lan, quế, để dụ ý như kẻ quân tử mà Khuất Nguyên dùng trong thơ Ly Tao). Mỹ nhân: người đẹp (chỉ Lý Lâm Phủ) tôi giờ như bông cỏ ở rừng đâu cần người bẻ?

**Cảm Ngộ**

*Lan điệp xuân mơn mớn,  
Quế hoa thu trắng trong.  
Hân hoan sinh ý đẹp,  
Khi tiết tự nhiên nồng.  
Ai hay khách rừng núi,  
Ngồi nghe gió reo lòng.  
Cỏ cây còn trinh tiết,  
Người đẹp bẻ chẳng mong!*

Thơ độc vận (một vần): khiết, tiết, duyệt, chiết. Bản dịch chuyển ra vần bằng: trong, nồng, lòng, mong; thí dụ cho thơ Ngũ ngôn. Bản dịch chính ra thể Lục bát ở dưới:

*Xuân về mơn mớn lá lan,  
Sáng ngàn hoa quế dưới làn thu trong;  
Tốt tươi phơi phơi ý lòng,  
Tự nhiên trời đẹp tiết lồng cảnh thơ.  
Ẩn cú mà có ai ngờ,  
Reo vui cảnh vật cũng nhờ gió thanh;*

**"Cỏ cây còn có lòng thành,  
Nào mong người đẹp bẻ cành làm chi?"**

Từ nghìn xưa con người rất trọng đạo đức, khí tiết; giữa quân tử và tiểu nhân khác nhau xa! Trương Cửu Linh được xếp đầu tiên trong thơ Đường không phải vì thơ hay mà vì triết lý cùng nhân cách của tác giả!

\*

**Nguyệt dạ**

*Canh thâm nguyệt sắc bán nhân gia,  
Bắc đầu lan can Nam đầu tà.  
Kim dạ thiên tri xuân khí ôn,  
Trùng thanh tân thấu lục song sa.*

**Nguyệt dạ:** Trăng khuya chiếu soi một nửa phần nhà. Sao Bắc đầu, Nam đầu đã vắt ngang bầu trời. Đêm vừa cảm giác được khí xuân ấm áp. Tiếng côn trùng xuyên qua tấm the xanh bên cửa sổ.

**Đêm Trăng**

*Nửa đêm trăng sáng chiếu nhân gia,  
Bắc đầu vắt ngang Nam đầu tà.  
Chợt hiểu đêm nay xuân khí ấm,  
Rèm xanh tiếng dế mồi xuyên qua...*

\*

**Xuân Oán**

*Sa song nhật lạc tiệm hoàng hôn,  
Khí ốc vô nhân kiến lệ ngân.  
Tịch tịch không đình xuân lục vân,  
Lê hoa mãn địa bất khai môn.*

**Xuân Oán :** Bên màn cửa sổ nhìn ra thấy mặt trời lặn dần. Trong lầu vàng không ai hay biết người nước mắt lưng tròng. Cảnh yên lặng ngoài sân vắng, trời xuân sắp tàn. Hoa lê rơi ngập đất buồn không nở nhìn nên cài cửa lại.

Bài thơ này mỗi nhà chú giải bàn một cách! Theo tôi thì ông viết cho một cô tiểu thư khuê các nào đó vì chưa tìm được hôn nhân mà chảy nước mắt than thân. Vì ông không làm quan, không địa vị nên chỉ còn nước mắt... nhìn em khóc để anh buồn viết thơ! Điều kỳ lạ nhất không xóa nổi trong lịch sử tình yêu là: thi nhân thường thất tình! Hay nói khác hơn: những bài thơ hay thường được viết trong nỗi chia ly.

**Oán Xuân**

*Rèm song bóng ác xế hoàng hôn,  
Điện ngọc ai hay nước mắt buồn.  
Lặng lẽ mùa xuân tàn trước ngõ.*

**Hoa lê ngập đất cửa cài luôn.**

Thơ : Lưu Sinh .  
Dịch & chú : Nam Giang

**Lưu Phương Bình :** Người ở Lạc Dương (nay là Hà Nam) sống khoảng thời Thiên Bảo (niên hiệu Đường Huyền Tông: 742) đồng thời với Lý Bạch & Đỗ Phủ, Trương Nhược Hư. Lưu Phương Bình suốt đời chẳng ra làm quan. Trong Đường tài tử truyện gọi là Lưu tiên sinh, ông sở trường về tranh sơn thủy. Ngày nay còn lưu lại hơn hai chục bài thơ. Thực ra không cần phải giới thiệu ông giỏi hội họa! Nhìn vào lối diễn tả qua thơ, ta cũng biết tác giả quan sát rất tinh tường cảnh vật... tất nhiên phải là họa gia!

• **Đường - Liễu Tông Nguyên**

Liễu Tông Nguyên (773-819) tự là Tử Hậu. Quê tại Hà Đông (nay là huyện Vĩnh Tế tỉnh Sơn Tây). Liễu là một người kiến thức rất uyên bác, một tú tướng gia, chính trị gia, văn gia xuất sắc trong thời Đường, ông là một trong tám đại văn gia của Đường, Tống. Thơ Liễu Tông Nguyên thường miêu tả khắc họa về phong cảnh thiên nhiên. Văn đặc sắc về sơn thủy du ký và truyện ngụ ngôn.

Ông đỗ Tiến sĩ năm Đức Tông Trinh Nguyên. 21 tuổi đăng "Bác học hồng tử". 30 tuổi lĩnh "Giám sát ngự sử". Thuận Tông nguyên niên (805) Vương Thúc Văn chấp chính, thăng "Lễ bộ viên ngoại lang". Vài tháng sau Thuận Tông băng hà, Hiến Tông lên ngôi, tập đoàn Vương Thúc Văn bị đả kích thất thế. Liễu và đồng đảng bị biếm chức, ông bị đày đi làm Thiệu Châu thứ sử. Trên đường đi lại nhận được lệnh phải chuyển đi làm Vĩnh Châu tứ mã (nay là huyện Linh Lăng tỉnh Hồ Nam). Ông sống tại đó từ năm 34 tuổi đến 41. Vĩnh Châu hoang tịch nhưng phong cảnh tú lệ. Thời gian này ông sáng tác rất nhiều, đặc biệt là bài "Bộ xà giả thuyết" (Lời người bắt rắn) ngọn bút lời văn châm biếm chế độ chính trị hà khắc đương thời.

Nguyên Hòa thứ 9 bị triệu hồi kinh, năm sau (815) mùa hè lại bị biếm ra làm Liễu Châu thứ sử. Ở Liễu Châu 5 năm và chết vì bệnh ở đó. Nhân dân tưởng nhớ ơn đức chính trị nên lập miếu thờ. Hàn Dũ có bài văn đề bia mộ. Lưu Vũ Tích có văn tế rất thống thiết. Lưu Vũ Tích thu thập di cảo của Liễu thành 45 cuốn, đề "Liễu tiên sinh văn tập".

So sánh giữa tàn văn (văn xuôi) và vận văn (văn vần) thì thơ ông không theo kịp các thi bá như Bạch Cư Dị, Nguyên Chấn, Lưu Vũ Tích. Nhưng về văn của ông thì xuất sắc, quan điểm chính trị nhân bản,



thấu hiểu sâu sắc nỗi thống khổ của quần chúng nhân dân. Đọc thơ văn của người xưa chỉ để "ôn cố tri tân". Người ít đọc sách, học sinh thì chẳng có thời gian đâu đọc từng chi tiết. Bởi vậy những người soạn dịch sách cũng nên chú thích qua về sự nghiệp của các danh nhân, tiền nhân, được sách sử lưu truyền. Nếu ta chỉ lấy thơ văn của họ rồi để thêm ông: A B C là tiến sĩ, quan chức: A B C... kèm theo đây là tác phẩm mấy dòng... Đơn giản thường thức nghệ thuật thì thiếu hẳn tính văn học của nó.

**Kê Cú**

(Ngũ ngôn cổ thi)

*Cửu vi trâm tổ thúc,  
Hạnh thủ nam di trích.  
Nhân y nông phố lân,  
Ngẫu tự sơn lâm khách.  
Hiếu canh phiên lộ thảo,  
Dạ bàng hưởng khe thạch,  
Lai vãng bất phùng nhân,  
Trường ca Sở thiên bích.*

**Ý thơ :** Lâu ngày bị công việc quan bó buộc. Nay hạnh vận được lưu trích đến phương Nam. Nhân nhả có vườn ruộng ở cạnh những người quê. Ngẫu nhiên giống cảnh khách ẩn cư núi rừng. Sớm cây lật xuống từng phiến cỏ đầm sương. Đêm chèo thuyền nghe sóng vỗ đá bên khe. Đi về thường chẳng gặp ai. Tự mình nghèo ngao hát dưới trời xanh đất Sở.

**Chú thích.-** Khê cú: Liễu Tông Nguyên ở Linh Lăng phía đông nam Ngũ Khê (tại Vĩnh Châu). Trâm tổ: trâm anh (quan lại xưa dùng dây buộc ấn và mũ. Có nghĩa là cảnh làm quan). Thúc: trôi buộc. Có bản chép là "lự" (bó buộc, hệ lụy). Nam di trích (biếm chúc đến Vĩnh Châu). Trích: bị lưu phóng đi xa. Bàng: mái chèo thuyền. Nông, phố: người làm ruộng, vườn. Sở thiên: Vĩnh Châu xưa là địa phận nước Sở.

**Sống bên suối**

*Việc quan từng trôi buộc,  
Đầy xuống Nam thật may.  
Nhân như dân bên xóm,  
Giống khách ẩn cư này.  
Sớm cây lật sương cỏ,  
Đêm chèo suối reo hay.  
Đến đi người chẳng gặp.  
Hát dưới trời xanh mây.*

Thơ : Liễu Tử Hậu.  
Dịch: Nam Giang

**Thần nghệ siêu sư viện đọc thiên kinh**

*Cấp tỉnh thấu hàn xỉ,  
Thanh tâm phát trần phục.  
Nhân tri bối điệp thủ,  
Xuất bộ đồng trai độc.  
Chân nguyên liễu vô thủ.  
Vọng tích thế sở trực.  
Di ngôn ký khả minh,  
Thiện tính hà do thực.  
Đạo nhân đỉnh vũ tịnh,  
Đài sắc liên thâm trúc.  
Nhật xuất vụ lộ dũ,  
Thanh tùng như cao mộc.  
Đạm nhiên ly ngôn thuyết,  
Ngộ duyệt tâm tự túc.*

**Ý thơ :** Múc nước giếng súc miệng lạnh rãng. Cởi bỏ áo nhỏ bụi, trong ngoài đều sạch sẽ mới thanh tâm. Nhân hạ cầm cuốn Phật kinh (Liên Hoa kinh). Bước tới phía đông trai phòng đọc. Minh bạch được chân nguyên thì mới có thể gần đạo. Thế nhân chẳng thấu đáo, chỉ đuổi theo hoang đường quái đản mê tín dị đoan. Lời di ngôn của Phật sâu kinh, ý nghĩa bao la, mong muốn đạt đến cảnh giới. Làm sao có thể sửa trị bản tính đến chốn hoàn mỹ đó? Chỗ ở của Siêu Sư thanh tịnh quá. Rêu cỏ xanh rì tiếp với rừng trúc. Mặt trời bùng lên, sương khói chưa tan hết. Cây tùng xanh bóng như gội một lớp dầu. Trước cảnh vật làm tâm thanh tịnh chẳng cần phải nói lời chi. Tâm lĩnh thần ngộ cảm đạo an lạc mãn túc.

**Sớm đến siêu sư viện đọc kinh Phật**

(Ngũ ngôn cổ thi)

*Múc giếng súc răng lạnh,  
Lòng sạch bỏ áo nhỏ.  
Nhân cầm kinh Bối Diệp,  
Sang đông trai đọc thư.  
Chân nguyên lại chẳng giữ,  
Đời đuổi theo hư phù.  
Lời Phật ý sâu kín,  
Hoàn mỹ sao khó tu.  
Viện Siêu Sư yên tịnh,  
Màu rêu trúc thâm u.  
Trời mọc sương phảng phất,  
Thông xanh tóc tiểu thủ.  
Thần nhiên không cần nói,  
Ngộ đạo đây tâm như.*

Thơ: Liễu Tử Hậu.  
Dịch: Nam Giang

**Nghệ :** đến. Siêu Sư thầy tăng vượt trội. Sư: thầy (tên gọi tôn trọng với tăng nhân). Thiên kinh: Phật kinh. Cấp tỉnh thấu: mức nước giếng súc miệng (vì tẩy sạch lòng). Bối điệp thư: cũng gọi là bối điệp kinh. "Thời cổ ở Ấn Độ chưa phát minh ra giấy, phải dùng lá bối đa la để chép kinh (lá đa,

hoặc đề: Ficus elastica). Chân nguyên: nguồn gốc chính đạo của người. Vọng tích: các hiện tượng hoang hủ quái đản kỳ tích. Di ngôn: lời truyền lại của thánh hiền (lời vi diệu huyền bí). Thiện tính: sửa trị lại chân tính. Thực: thành thực hoàn mỹ. Đài: rêu. Có bản chép là thượng. Cao mộc: phụ nữ dùng cao, sắp làm mượt tóc. Đạm nhiên: lãnh đạm, thần nhiên. Tác giả viết bài thơ trên phùng ngôn thác ý nói thế nhân chỉ xu phụ nịnh bợ uy linh của Phật, còn chân nguyên thì không hiểu tới nên khó lòng theo vì siêu thoát quá! Phật học dùng để "trang trí tư duy" dành cho các cao tăng, cử sĩ, học giả...

Nhà Phật có câu: "Kiến tánh thành Phật". Mạnh Tử đề cao tính thiện. Tuân Tử biện chứng về tính ác; cả hai nhà đều có sở trường lý luận của mình. Sách Trung Dung viết: "Thiên mệnh chi vị tính, suất tính chi vị đạo, tu đạo chi vị giáo". Cái chất bẩm thụ gọi là tính, bảo toàn được tính gọi là đạo, tu sửa thái quá, bất cập, gọi là giáo). Mạnh Tử viết: "Nhân chi sở dĩ dị ư cầm thú giả, cơ hỷ!" (Người và cầm thú khác nhau mong manh chỉ một lần ranh). Cái hơn thú của người chỉ là trí thức và nhân bản! Chất thiên bẩm của con người khác nhau, trí thức giác quan cảm xúc bất đồng. Kề đa sầu cảm không chịu nổi cảnh tàn nhẫn. Kề vô lương thần nhiên sống trên thống khổ nhân quần! Bất trí thức giác quan cảm xúc của con người như nhau... là việc khoa học hiện đại chưa làm nổi! Nâng cao trí thức phổ thông để đạt đến công lý... chuyển thiên vị có ngay tử trong trường học! Trí thức giai cấp chênh lệch! Lương tâm, cảm xúc bất đồng! Chân Lý... Công Đạo... còn là tử "hình dung" nói chơi... cho vui!

**Ngũ Ông**

(Thất ngôn cổ thi)

*Ngũ ông dạ bạng tây nham túc,  
Hiếu cấp thanh tương nhiên Sở trúc.  
Yên tiêu nhật xuất bất kiến nhân,  
Ái nãi nhất thanh sơn thủy lục.  
Hồi khan thiên tế há trung lưu,  
Nham thượng vô tâm vân tương trực.*

Thơ: Liễu Tử Hậu.  
Dịch: Nam Giang

**Ý Thơ :** Ông đánh cá đêm ngủ nhờ phía tây núi. Sáng dậy mức nước sông Tương trong vắt, dùng tre nước Sở để nấu (phong lưu). Khói đã tiêu tan, mặt trời mọc vẫn chưa thấy bóng người. Chỉ nghe một tiếng chèo khua sóng: lung linh cảnh nước biếc, núi xanh... Quay đầu nhìn lại thấy chân trời thấp xuống tiếp giáp với trung lưu (sông).

Trên núi hiểm sừng sững, mây củ vô tâm từng cụm nổi nhau đi...

### Ông đánh cá

*Sườn tây ngư ông đem tá túc,  
Sáng mức sông Tương đùn Sở trúc.  
Khói tan trời hừng không bóng người,  
Chèo khua một tiếng núi sông biếc.  
Quay nhìn trời nước tiếp giao nhau,  
Đỉnh núi mây trôi không lướt tiếc!...*

Thơ: Liễu Tử Hậu.  
Dịch: Nam Giang

Tác giả đi ăn tiệc qua Tây sơn, tại huyện Linh Lăng tỉnh Hồ Nam bên tường giang, đêm đậu thuyền ngủ bên sườn tây. Sáng ngủ dậy mức nước sông nấu trà, trước phong cảnh vắng lặng hùng vĩ của đất trời; tưởng tượng mình là lão chài, cảm tác.

### GIANG TUYẾT

(Ngũ ngôn áo tuyết)

*Thiên sơn điệu phi tuyết,  
Vạn kính nhân trung diệt.  
Cô chu thoa lập ông,  
Độc điệu hàn giang tuyết.*

Thơ: Liễu Tử Hậu.  
Dịch: Nam Giang

Ý thơ : Nghìn trùng núi không một bóng chim bay. Muôn nẻo đường không một dấu chân người. Chỉ một chiếc thuyền nhỏ với một ông nón lá áo tơi. Một mình buông câu trên sông tuyết lạnh.

Bài thơ viết sau khi bị biếm trích đến Vĩnh Châu. Phong cách "thi trung hữu họa" của Liễu Tử Hạnh và Vương Duy có nét tương cận.

### Sông Tuyết

*Nghìn núi chim bay biệt,  
Vạn đường không dấu chân giày.  
Riêng thuyền áo tơi khách,  
Buông câu trong tuyết bay.*

Đăng liễu châu thành lâu ký:  
chương, đỉnh, phong, liên, tử châu thủ sù

*Thành thượng cao lâu tiếp đại hoang,  
Hải thiên sàu tử chính mang mang.  
Kinh phong loạn chiếm phủ dung thủy,  
Mật vũ tà xâm bệ lệ tường.  
Linh thụ trùng già thiên lý mục,  
Giang lưu khúc tự cứu hồi trường.  
Cộng lai Bách Việt văn thân địa,  
Do tự âm thư trệ nhất hương.*

Thơ: Liễu Tử Hậu.  
Dịch Nam Giang

**Liễu Châu** : nay thuộc tỉnh Quảng Tây (Liễu Tông Nguyên làm thủ sù). Chương Châu: nay thuộc Phúc Kiến (lúc đó Hàn Thái làm thủ sù). Đỉnh Châu: nay thuộc Phúc Kiến, huyện Trường Đỉnh (lúc đó Hàn Hoa là thủ sù). Liên Châu: nay là huyện Liên, tỉnh Quảng Đông (lúc đó Lưu Vũ Tích làm thủ sù). Phong Châu: nay là huyện Phong, tỉnh Quảng Đông (lúc đó Trần Giám làm thủ sù). Thủ sù: quan đứng đầu trong cơ quan hành chính một địa phương (quận, huyện, tỉnh, châu) hoặc một nước nhỏ bị bảo hộ. Liễu Tông Nguyên cùng 4 người tham gia tập đoàn Vương Thúc Văn nên đều bị biếm chức. Năm Nguyên Hòa thứ 10 (815) năm người được triệu nhập kinh, sau bị gièm pha lại phải thuyền chuyển ra ngoài. Tuy năm người đều ở Hoa Nam (Bách Việt) nhưng thư từ cho nhau cũng khó vì chính trị áp chế.

**Đại hoang**: hoang dã bao la. Kinh phong: cuồng phong. Phù dung (Nelumbo nucifera (hoa sen)). Bệ lệ: (Ficus pumila). Biệt danh là "mộc liên" (một loại hướng thảo). Mộc liên còn là tên của Mộc phù dung (Hibiscus mutabilis). Mộc lan hoa (Magnolia obovata). Không rõ tác giả chỉ loại cây nào! Bách Việt: chỉ chung miền Hoa Nam (thời Đường, miền Hoa Nam chưa phát triển còn bị gọi là dân man di). Văn thân: tục xăm mình của dân man di. Sách Trang Tử, thiên Tiêu Dao Du viết: "Người Việt cắt tóc xăm mình".

Ý thơ : Trên Liễu Châu thành lâu nhìn ra chỉ là vùng hoang dã. Ở đó như biển trời mênh mang sàu cảm. Gió lay động đầm sen trên nước. Mưa rào hắt vào đám mộc liên bên tường. Cây trên núi trùng trùng chen kín nghìn dặm mắt. Song nước quanh co như chín khúc ruột vòng. Cùng nhau đến đất Bách Việt ở với dân xăm mình. Bởi tại tin tức thư từ nơi đây cũng cách trở.

Lên lầu thành liễu châu, gửi thủ sù bốn châu:  
Chương, đỉnh, phong, liên.

*Trên gác thành cao ngắm cảnh hoang,  
Trời sàu biển khổ tử mênh mang.  
Cuồng phong lay động hồ sen nước,  
Mưa nặng xuyên xiên cỏ trước tường.*

*Cây lấp non ngàn nghìn dặm mắt,  
Lòng tử sông lự chín vòng ngang.  
Cùng sang Bách Việt nơi xăm trổ,  
Thư tín bởi chi cũng cách đường!*

Thơ: Liễu Tử Hậu.  
Dịch: Nam Giang

Thời nhà Đại Đường (618-907) nước ta còn bị lệ thuộc phương Bắc, thơ Đường chưa ảnh hưởng tới thơ ca Việt Nam. Riêng Phật học có phần hưng thịnh hơn Trung Hoa, vì thế mà các nhà Sư đất Việt cũng thường sang phương Bắc giảng đạo. Phái Thiền Tông này nở do các vua chúa nhà Đường yêu mến Phật học. Tứ tượng Lão Trang, Khổng Mạnh, cùng Phật giáo có ảnh hưởng qua lại, các thi nhân thời đó ít nhiều cũng từng tham khảo Phật kinh. Vương Duy, Bùi Địch thường xướng họa về thơ Thiền. Phái Nho gia như các nhà thơ: Hàn Dũ (768-824), Lưu Vũ Tích (772-842), Bạch Cư Dị (772-846), Liễu Tông Nguyên (773-819), Nguyên Chấn (779-831) là những nhà thơ sống cùng một thời đại và cũng là bạn bè nên thơ của họ có cùng khuynh hướng tư tưởng...

Đọc qua thơ Liễu Tông Nguyên, ta đã thấy màu sắc Phật, Lão, phảng phất trong thơ ông...

Trái qua thăng trầm của thời đại, chỉ có sử ký là những sự kiện trải qua buộc phải ghi lại! Ngoài ra chỉ còn lại những áng thơ văn lưu cho hậu thế làm di sản văn hóa mà thôi!

### HƯƠNG TRẮNG Bên dòng A Nhì Hà

*Trời không yêu sao củ rài mưa xuân,  
Làm con nước đêm dâng đầy suối mộng...  
Lòng ta cạn sao tình kia dấy động,  
Phải sóng buồn đang giận lấy yêu  
đường?...*

*Đêm mơ màng trăng sáng với ngàn hương,  
Cả núi tuyết đổ xuống làm nước ngọt;  
Cánh hoa mỏng hạt sương đêm nhẹ rớt,  
Gió vô tình thơm động cõi băng khuâng...*

*Mây trắng bay thao thức cả một vùng,  
Củ ẩn hiện một vầng trăng e ấp...  
Ôi, mắt đẹp - củ chơi trò ẩn nấp...  
Hương của lòng hay "hương ấy" còn  
xao?...*

*Một vầng trăng ru hoa lá ngọt ngào,  
Tôi trở giấc mộng hồn chưa khép cửa;  
Em có biết dòng sông kia chan chứa,  
Bởi trời thương vừa gọi chút thiên ân...*

*Sóng xô về như tâm sự thi nhân...  
Mình gặp gỡ vội vàng cơn mưa ấy!  
Hoa củ nở cho hương lòng thức dậy  
Để ân tình choáng vầng nửa trời yêu...*

*Gió đi đâu ta gửi mộng diêm kiều...  
Đừng thơ thế với người đêm mất ngủ!  
Đừng nói chuyện với hoa vừa này nọ,*

Cánh chưa tròn... chẳng hé chút hương say!

Ánh sao khuya gieo bóng ười bàn tay,  
Ta trốn nợ văn chương mà chẳng được!  
Giấc mơ đẹp em có còn mơ ước...  
Lỡ yêu thầm... người ấy trách tôi không?

Ai xui hoa củ ừng nét son hồng,  
Tàn nhẫn thế bắt người ta mộng tưởng...  
Đêm mưa tạnh mà sầu dâng muôn trượng,  
Sóng trập trùng khơi động bóng trăng  
xanh...

Hương đêm bên sông Aare Nam Giang



Độc tiểu thanh ký  
(Nguyễn Du: 1765-1820)

Tây hồ hoa yến tẩn thành khu  
Độc điệu song tiền nhất chỉ thư.  
Chi phần hữu thần liên tử hậu,  
Văn chương vô mệnh lụy phần dư.  
Cổ kim hận sự thiên nan vấn,  
Phong vận kỳ oan ngã tự cư.  
Bất tri tam bách dư niên hậu,  
Thiên hạ hà nhân khấp Tố Như?

Ý thơ : Bên Tây Hồ, vườn hoa đã rụng hết, cánh hoa chất lại thành đồng. Một tờ điệu văn đến viếng trước song cửa. Phần sấp có thần đến lúc chết rồi còn để lại thương tiếc. Văn chương vô duyên bạc phận đã đem đốt đi còn di lụy về sau. Xưa nay bao mối hận không hồi được trời. Phong lưu oan lạ vay trả, tự ta phải biết cư xử. Không biết hơn ba trăm năm sau. Thiên hạ còn có ai khóc cho Tố Như (tức: Nguyễn Du) chăng?

Tác pháp : Bài thơ viết theo "Luật Bằng" 5 vần bằng. Câu thứ 6 và 7 lặp lại câu 4 & 5,

tính là "áo luật" (ngắt, hoán vị). Bản dịch theo đúng luật thường dùng.

**Tiểu Thanh** : tên một người đẹp thời Minh. Không rõ Nguyễn Du đọc trong kịch khúc "Xuân ba cảnh" của Tù Sĩ Tuấn soạn, hay từ cuốn "Phong tình cổ lục" nào! Phùng Tiểu Thanh tên là Huyền Huyền, làm vợ nhỏ cho Phùng Sinh tại Hàng Châu, vì vợ lẽ cùng họ nên kiêng chỉ gọi tên Tiểu Thanh, nàng xinh đẹp, giỏi nữ công, thi tử, âm luật. Vợ cả ghen phải ra ở riêng bên Cô Sơn (Tây Hồ) uất hận buồn khổ rồi chết năm 18 tuổi, để lại một tập di cao. Vợ cả sợ chồng đọc được sinh ra thường nhỏ nên sai người đốt đi. Có lẽ Tù Hối (Sĩ Tuấn) mua chuộc gia nhân rút ra được từ đồng lúa một phần di cao, trong còn số văn thơ của nàng. Các văn nhân đời sau đọc truyện đó thường rơi lệ. "Ái tình danh cú lục" có chép lại một bài thơ nàng viết khi đọc truyện Mẫu Đón Đình: "Lãnh vũ xao song bất khả thính, Khiêu đăng nhân độc Mẫu đón đình; Nhân gian diệc hữu si tình ngã, Khởi độc thương tâm tự Tiểu Thanh!" (Mùa lạnh khuya song củ lặng thính, Khêu đèn nhân đọc Mẫu Đón Đình; Người si ta lắm càng thêm khổ! Há biết lòng đau của Tiểu Thanh? (Đề Mẫu đón đình) Phùng Tiểu Thanh).

Nguyễn Du (1765-1820) tên chữ là Tố Như, hiệu là Thanh Hiên, biệt hiệu là Hồng Sơn liệp hộ (vì ông từng ẩn cư đi săn ở Hồng Sơn. Nguyên quán: xã Tiên Điền, huyện Nghi Sơn, tỉnh Hà Tĩnh. Ấn cứ không chịu ra làm quan cho nhà Tây Sơn. Đến khi Nguyễn Ánh diệt xong Tây Sơn, nhiều lần mời làm quan ông từ chối, sau phải ra.

Năm 1813 phong Cầm Chánh Điện học sĩ để đi sứ Trung Hoa. Nguyễn triều cần người đi sứ, giữ thể diện nên mới dùng ông chủ thực tế không trọng tài! Về thẳng Lễ Bộ Hữu tham tri. Sau lại phải đi sứ lần nữa nhưng chưa kịp khởi hành thì tạ thế. Ông để lại "Bách hành thi tập" ghi lại khi đi sứ. Đặc biệt là truyện "Kim Vân Kiều" và "Văn Tế Thập Loại Chúng Sinh" đã đưa tên tuổi ông đứng vào hàng thi hào số một của Việt Nam. Đọc thơ của cổ nhân để biết tư tưởng của họ thế nào trước xã hội, nhân sinh, vũ trụ v.v... vì sao họ rung cảm?... Chủ không phải chỉ đón thuận thường thức văn chương

Độc tiểu thanh ký

Hồ Tây hoa rụng đắp mờ cao,  
Một bức ngoài song điệu má đào.  
Phần sấp hữu thần thương kẻ khuất,  
Văn chương bạc mệnh lụy còn trao.

Xưa nay mối hận trời không thấu,  
Oan nghiệp phong lưu tự rước vào.  
Chẳng biết ba trăm năm lẻ nữa,  
Thương ta trần khóc có là bao?

Nguyên tác: Nguyễn Du.  
Dịch & Thơ: Nam Giang

(Trích: Nam Giang - Đường Thi.Tuyển Dịch)

THỎ QUANG TUẤN

Về quê cũ

Mang thương nhớ một chiều về quê cũ  
Đời tha hương khôn lãng kỷ niệm đây  
Ven đường làng: hoa sen, hoa súng nở  
Đón người xưa xa vắng đã lâu ngày.

Trống thu không đổ hồi rung nắng xế  
Giục xe trâu lội cộc chỗ trắng về  
Chim vịt gọi chiều rơi trên nhánh khế  
Cùng chuông chùa tấu khúc nhạc đồng quê.

Đầu xóm vắng lữ tre pha ráng đỏ  
Cuối đồng xa heo hút mái tranh nghèo  
Me nghiêng bóng trên dòng sông tuổi nhỏ  
Mút cánh cò diêm trắng khoảng đầu hiu!

Nghe đâu đây mùi hoa cau, hoa bưởi  
Thoảng dứa theo hương lúa mỗi thềm nồng  
Mùi gió biển lẫn hoa đồng, cỏ nội  
Hợp thành mùi quê Mẹ ta nhớ mong.

Vẫn còn đây tóc dừa phỏ phất gió,  
Gốc phượng già đứng gác cổng trường xưa  
Đẹp biết mấy là quê hương ta đó:  
Trời làm thỏ, sông núi dệt gấm tó!

Này ngô công, này đình làng, phố chợ  
Kìa bờ ao, lối bắt bươm hái hoa  
Âm thầm bước lắng nghe hồn quê thổ  
Trở về hồn non dại tuổi ấu thơ.

Mừng anh về cô em tròn mắt biếc  
Đêm chưa đen nhà đã vội dò đèn  
Vui chòm xóm bao người ra đón tiếp  
Quê hương ơi! muốn thuở vẫn êm đềm.

(San Jose Thu 98)



● Nhất Uyên Phạm Trọng Chánh

# MỐI TÌNH HỒ XUÂN HƯƠNG VÀ NGUYỄN DU

**N**ổi ám ảnh lớn nhất trong thơ Nguyễn Du là hình ảnh một người đàn bà tài sắc vẹn toàn mà phải chịu nhiều cảnh gian truân:

*Trăm năm trong cõi người ta  
Chữ tài chữ mệnh khéo mà ghét nhau  
hay  
Ma đưa lối quỷ đưa đường  
Củ tìm những chốn đoạn trường mà đi.*

Nếu không gặp những người hồng nhan đa truân cụ thể trong cuộc đời thì Nguyễn Du chắc khó lòng mà đem một nàng Kiều trong tiểu thuyết Kim Vân Kiều Truyện của Thanh Tâm Tài Nhân, một tác giả Trung Quốc, phổ thành thơ lục bát với tất cả tấm lòng.

Nguyễn Du đã gặp lại trên đường đi Sứ, lúc ghé qua Thăng Long nhân bữa tiệc tiễn Sứ tại Nha Tuyên Vũ, người nhạc nữ cung Vua Lê cũ đánh đàn Nguyệt Cầm, hai mươi năm xưa nhan sắc rực rỡ, tiếng đàn làm say đắm lòng người, nay đã phong trần, tàn tạ... (bài Long Thành Cầm giả ca). Nguyễn Du đã cảm xúc vô hạn khi đi ngang qua quê hương Dương Quý Phi, chỉ vì cả triều đình đều như phỗng đứng, mà nghìn năm củ đổ oan cho sắc đẹp nghiêng thành (bài Dương Phi cố lý).

Nhưng nào ai biết, Nguyễn Du còn có một nỗi đau da diết từ khi nhận được bài thơ của người tình cũ, bài thơ chữ nôm tựa: Cảm Cựu Khiêm trình Cầm Chánh Học Sĩ Nguyễn Hầu (Hầu, Nghi Xuân, Tiên Điền nhân)

*Dặm khách muôn nghìn nỗi nhớ nhưng  
Mượn ai tôi đấy gửi cho cùng  
Chữ tình chốc đã ba năm vẹn  
Giác mộng rồi ra nửa khắc không  
Xe ngựa trộm mừng duyên tấp nập  
Phấn son càng tủi phận long đong  
Biết còn mấy chút sương siu mấy  
Lầu Nguyệt nắm canh chiếc bóng chong.  
Người viết ký tên là Hồ Xuân Hương*

Phải hai thế kỷ sau, khi tìm lại được Lưu Hương Ký thơ của Hồ Xuân Hương chúng ta lại bất ngờ: Nguyễn Du là người tình đầu tiên của Hồ Xuân Hương và tâm sự tài mệnh tương đố mà Nguyễn Du gửi gắm khi viết truyện Kiều, chính là lòng chàng xót xa cho người tình hồng nhan đa truân Hồ Xuân Hương.

Năm 1971, khi hai cụ Lê Thuộc và Trương Chính trình dẫn đầu tiên trên báo Văn Nghệ số 428 ngày 24.12.1971 bài thơ Hồ Xuân Hương gửi Nguyễn Du, thi hào Xuân Diệu cũng chỉ dám nghĩ "Hồ Xuân Hương phục người có tài hơn mình Nguyễn Du" (Xuân Diệu, stk. tr. 90).

Nhưng đọc bài thơ, thì GS Hoàng Xuân Hãn đã quả quyết "Một tài tử cũng đa tài, đa tình như Nguyễn Du cũng đã vướng vào mạng lưới hấp trường của tài danh nữ sĩ" (HXH, stk tr. 119).

Thật vậy, nếu không từng là người yêu nhau thì làm sao viết "muôn nghìn nỗi nhớ nhưng". Và mối tình đó trong ba năm, và vì một biến cố lịch sử hay gia đình nào đó chàng đã dứt áo ra đi và tình tan vỡ như giấc mộng.

Bài thơ này làm sau tháng 2 năm Quý Dậu 1813, năm Nguyễn Du được thăng Cầm Chánh Học Sĩ, tước Hầu; được chọn làm Chánh Sứ đi tuế cống Triều Thanh. Có lẽ tin này đồn ra đến Thăng Long đã nhắc cho Xuân Hương nhớ đến chàng, đã cùng yêu nhau trong ba năm. Trong bảng so sánh năm tháng những biến cố lịch sử và những biến cố hai cuộc đời Hồ Xuân Hương và Nguyễn Du, chúng mình mối tình này nằm trong khoảng thời gian 1790-1793. Thời gian ấy Hồ Xuân Hương 18 đến 20 tuổi và Nguyễn Du từ 25 đến 28 tuổi. Năm ấy Nguyễn Du ở tại nhà anh cùng mẹ là Nguyễn Nễ, tại Giám Hồ đang làm quan cho Tây sơn và chấm dứt lúc Nguyễn Du lên đường về Hồng Lĩnh.

Thời gian này nằm trong quãng đời Nguyễn Du gọi là "10 năm gió bụi" (1786-1796). Thời gian đó Nguyễn Du hình như

chỉ một thân một mình, ăn nhờ ở đậu nay đầu sông, mai cuối biển.

Cũng nên nhắc lại tình cảnh gia đình Nguyễn Du. Theo gia phả do cụ Nghệ Nguyễn Mai, cháu 10 đời Nguyễn Du tục biên. Lê Thuộc và Trương Chính trích dẫn trong thơ chữ Hán Nguyễn Du, nxb Văn Học Hà Nội 1965.

Quan Tư Đồ (Tể Tướng) Nguyễn Nghiễm cha Nguyễn Du có 8 người vợ và 21 người con, trong đó có 12 người con trai. Ba bà quê quán tại Hà Tĩnh. Bà Đặng Thị Dương sinh mẫu Nguyễn Khả, bà Đặng Thị Thuyết em bà cả, sinh mẫu Nguyễn Điền, bà Hồ Thị Ngạn sinh mẫu Nguyễn Nhung. Các bà khác như bà Nguyễn Thị Xuân sinh mẫu Nguyễn Trứ, Nguyễn Nghi quê Bắc Ninh. Riêng bà thân mẫu Nguyễn Du tên Trần Thị Tần vợ thứ ba quê Bắc Ninh con một thuộc hạ làm chức Câu Kế (kế toán), có 4 người con trai và một người con gái:

- Nguyễn Trụ tức Dao sinh năm 1757, chết lúc 18 tuổi.

- Nguyễn Nễ tức Đề sinh năm 1761 làm quan Tây Sơn.

- Nguyễn Du sinh năm 1765.

- Nguyễn Úc sinh năm 1767 là Kiến Trúc Sư xây dựng đình đài cung điện kinh thành Huế thời Gia Long, Minh Mạng,

- Và một người chị là Nguyễn Thị Diên lấy chồng là Võ Trinh một vị đại khoa, đại thần đời Lê.

Tháng 11 năm Ất Mùi 1775, Nguyễn Nghiễm mất lúc đó Nguyễn Du mới 10 tuổi. Ba năm sau bà Trần Thị Tần mất. Mỗi 13 tuổi Nguyễn Du đã mồ côi cha lẫn mẹ, do đó ông ở với người anh cả Nguyễn Khả hơn ông 31 tuổi, đời sống ông anh này có ảnh hưởng rất lớn trên cuộc đời Nguyễn Du. Đỗ Tiến Sĩ năm 1760 làm quan to, Tả Thị Lang kiêm Hiệp Trấn Sơn Tây, lại là một người phong lưu rất mực, ông thích hát xướng, thường sai ca kỹ ngâm thơ nôm.

Năm 1780 Nguyễn Du 15 tuổi xảy ra vụ án mật Canh Tý. Trịnh Tùng lập con nhỏ là Cán thay con lớn là Trịnh Tông làm Thế Tử. Nguyễn Khả định giúp Tông, việc bại lộ Nguyễn Khả bị giam. Đến khi Trịnh Tùng mất, Tông lên ngôi, Khả được nhắc lên làm Thượng Thư Bộ Lại và Tham Tụng, em là Nguyễn Điền làm Hiệp Trấn Sơn Tây. Sau đó có loạn kiêu binh nổi lên kéo đến phá dinh cố Nguyễn Khả. Nguyễn Khả cùng toàn gia trốn lên Sơn Tây với Nguyễn Điền dự tính đem quân

bốn trấn về dẹp kiêu binh, kiêu binh tự tan. Nguyễn Khánh bỏ về quê Hà Tĩnh.

Năm 1784 Nguyễn Du 19 tuổi thi Hương trường Sơn Nam đỗ Tam Trường. Bước chân vào đời Nguyễn Du kế chân ông bố nuôi họ Hà giữ một chức quan võ nhỏ.

Năm 1786 quân Tây Sơn ra Bắc Hà, các danh tướng của Vua Lê, Chúa Trịnh theo nhau bỏ chạy. Nguyễn Khánh từ Hà Tĩnh vượt ghe mảnh ra Bắc toan giúp Chúa, phò Vua, nhưng chưa làm được gì thì cảm bệnh mà mất.

Năm 1787 Nguyễn Quỳnh anh thứ tư Nguyễn Du đỗ Tam Trường làm chức Trấn Tả Đội nổi lên chống Tây Sơn tại Hà Tĩnh làng Tiên Điền cùng gia trang Nguyễn Nghiễm đều bị Tây Sơn đốt sạch, Nguyễn Quỳnh bị bắt không chịu khuất phục và bị giết năm 1791 tròn 30 tuổi.

Năm 1788 Nguyễn Nễ anh cùng mẹ Nguyễn Du, Đoàn Nguyễn Tuấn anh vợ, ra làm quan Tây Sơn.

Khi Nguyễn Huệ đại phá quân Thanh, Sầm Nghi Đống treo cổ tự tử. Tôn Sĩ Nghị chạy về ai Nam Quan. Vua Lê Chiêu Thống và các quan chạy theo. Nguyễn Du theo không kịp, về nhà anh vợ là Đoàn Nguyễn Tuấn xã Quỳnh Côi, huyện Hải An, Thái Bình ẩn náu.

Năm 1790 Nguyễn Du về ở với Nguyễn Nễ tại Giám Hồ thành Thăng Long.

Do đó, từ năm 1786 từ khi Nguyễn Khánh mất, gia đình Nguyễn Du đã suy sụp, tan tác, anh em mỗi người mỗi ngả về quê mẹ hoặc quê vợ, ở Hà Tĩnh chỉ còn một mình Nguyễn Nhung.

Gia phá không ghi chép Nguyễn Du cưới em Đoàn Nguyễn Tuấn năm nào, trong 10 năm gió bụi 1786-1796 qua thơ văn chỉ thấy Nguyễn Du một thân một mình, ăn nhờ ở đậu nay đầu sông mai góc biển, đau bệnh... Nguyễn Khánh từ năm 1784 đã trải qua bao hoạn nạn liên miên thì còn lúc nào đâu để cưới vợ cho em. Có lẽ việc hôn nhân Nguyễn Du do Nguyễn Nễ lo liệu chăng? Nguyễn Nễ hơn Nguyễn Du bốn tuổi và bạn thân với Đoàn Nguyễn Tuấn, hai người cùng ra làm quan Tây Sơn năm 1788 và có nhiều thơ văn cùng xướng họa với nhau.

Cho đến khi Nguyễn Du ra làm quan nhà Nguyễn năm 1802, mới thấy trong thơ văn Nguyễn Du nhắc đến vợ con. Gia phá chép Nguyễn Du có ba vợ; vợ cả là con thứ sáu của Đoàn Nguyễn Thục, đậu Hoàng Giáp, làm chức Phó Đô Ngự Sử đời Lê, em Đoàn Nguyễn Tuấn sanh một trai tên Nguyễn Tử, năm 1813 có theo cha đi sứ về nước được vài năm thì mất, vợ kế sanh một trai tên Nguyễn Ngũ và vợ thiếp sanh 10 trai 6 gái.

Chữ tình chốc đã ba năm vẹn, ba năm ấy Nguyễn Du gặp gỡ Hồ Xuân Hương chỉ có thể là năm 1790 đến 1793. Năm 1793 Nguyễn Du về Hồng Lĩnh cùng Nguyễn Úc, lý do có lẽ được Nguyễn Nễ giao phó cho việc mang tiền bạc về xây dựng lại Từ Đường họ Nguyễn, xây lại chùa, đình, cầu Tiên, nhà cửa làng Tiên Điền bị đốt sạch sau vụ khởi nghĩa của Nguyễn Quýnh, mà Nguyễn Nễ vì bận việc quan, không thể trực tiếp trông coi. Các công trình xây dựng đều do Nguyễn Úc vẽ kiểu và trông coi, có lẽ từ đó Nguyễn Úc nổi tiếng là người có tài kiến trúc. Năm 1793 Nguyễn Nễ sau khi làm việc Hàn Lâm Viện thi thủ, làm Phó Sứ tuế cống sang Trung Quốc, trở về nước được thưởng, thăng Đông Các Học Sĩ, gia thăng Thái Sứ, Thự Tả Nghi Lang, Nghi Thành Hầu coi việc văn thư ở Cơ Mật Viện tại Phú Xuân. Năm 1794 Nguyễn Nễ được thăng Tả Phụng Nghị Bộ Binh và vào thành Qui Nhơn giữ chức Hiệp Tán Nhung Vụ.

"Giác mộng rồi ra nửa khắc không". Mỗi tình Nguyễn Du & Hồ Xuân Hương ba năm mặn nồng đành chấm dứt.

Nguyễn Du trở về Hồng Lĩnh đi săn với con chó vàng, trong thơ ông tự xưng là Hồng Sơn liệt hộ, và đi câu cá biển Nam Hải xưng hiệu Nam Hải điều đồ. Thời gian này Nguyễn Du giao du với nhà sư Huyền Hủ Tử nghiên cứu kinh Phật, đọc kinh Lăng Nghiêm hơn ngàn lần, nhưng tâm đắc với Thiền Tông của Ngài Huệ Năng hơn. Thời gian này ông viết Văn Tế Chiêu Hồn Thập Loại Chúng Sinh (Bài thơ Phân kinh Thạch đài. stk bài 126 Bắc Hành Tập Lục, trang 424). Nguyễn Du còn một toan tính khác là tìm đường vượt biển vào Gia Định giúp Nguyễn Ánh. Năm 1795 việc bại lộ Nguyễn Du bị Quận Công Nguyễn Thận tướng Tây Sơn bắt, nể tình bạn thân là Nguyễn Nễ và nể tài thơ văn Nguyễn Du nên chỉ giam ba tháng.

Những ngày tại Hồng Lĩnh, Nguyễn Du có viết bài thơ Ký Mộng, ghi lại giấc mộng, chép trong Thanh Hiên Thi Tập bài số 30. Nguyễn Du nhớ ai? tôi ngờ rằng Nguyễn Du nhớ người tình vừa xa. Tôi dịch bài thơ này như sau:

### Ghi lại giấc mộng

*Dòng nước ngày đêm chảy  
Người đi mãi tha phương  
Bao năm không gặp mặt  
Làm sao hết nhớ thương?  
Trong mộng rành rành thấy  
Tìm ta nơi bến sông  
Dung nhan vẫn như trước  
Áo quần buồn biếng chải.*

*trước kể nỗi đau ốm  
Rồi than những ngày xa  
Nghẹn ngào không nói hết  
Dường cách bức màn sa.  
Binh sinh không thuộc lối  
Mộng hồn biết thật chăng?  
Núi Đập đầy hổ báo  
Sông Lam lắm thường luồng  
Đường đi thật hiểm trở  
Phận gái nhờ ai không?  
Mộng đến ngọn đèn sáng  
Mộng tan gió lạnh lùng  
Người đẹp nào thấy nữa  
Lòng ta rồi tờ vương  
Nhà trống vắng trăng xế  
Sợi manh áo cô đơn.*

Nguyên tác phiên âm Hán Việt, bài số 30 Thanh Hiên Thi Tập như sau:

### Ký mộng

*Thệ thủy nhật dạ lưu  
Du tử hành vị quy,  
Kính niên bất tương kiến,  
Hà dĩ úy tướng tử.  
Mộng trung phân minh kiến,  
Tâm ngã giang chi mi,  
Nhan sắc thị trừ tích,  
Y sức địa sâm si.  
Thị ngôn khổ bệnh hoạn,  
Kế ngôn cửu biệt ly,  
Đái khớp bất chung ngữ,  
Phản phát như cách duy.  
Binh sinh bất thức lộ,  
Mộng hồn hoàn thị phi?  
Điệp sơn địa hổ trĩ,  
Lam thủy địa giao ly.  
Đạo lộ hiểm thã ác,  
Nhuộc chất tương hà y?  
Mộng lai cô đăng thanh,  
Mộng khứ hàn phong xuy.  
Mỹ nhân bất tương kiến,  
Như tình loạn như tí,  
Không ốc lậu tà nguyệt  
Chiếu ngã đan thường y.*

Trong bài thơ trên có điển tích cách duy, cách bức màn. Tích vợ Vua Hán Vũ Đế là Lý Phu Nhân, sắc đẹp và giỏi múa, chết sớm, Vua rất thương tiếc, có người phương sĩ nói có thể chiêu hồn Lý Phu Nhân về, Vua bằng lòng. Ban đêm người ấy bên giường màn, đốt nến để Vua ngồi trong màn, nhìn sang một bức màn khác, thấy bóng một người đàn bà giống Lý Phu Nhân. Trong bài thơ trên Nguyễn Du gọi mỹ nhân là người đẹp chứ không gọi là vợ. Có lẽ Nguyễn Du nằm mơ thấy Hồ Xuân Hương đã chết rồi hiện hồn tìm về quê

quán Hoan Châu báo mộng cho Nguyễn Du. Hai người từng hẹn hò nhau bên bến sông, bên Hồ Tây, nay trong mộng cũng gặp nhau trên bến sông, tình dậy Nguyễn Du lo lắng không biết giấc mộng có đúng không?

Cụ Đào Duy Anh trong khảo luận về Truyện Thúy Kiều cho rằng bài thơ này Nguyễn Du nhờ đến vua Chiêu Thống. Cụ Lê Thuộc, Trưởng Chính trong Thơ chữ Hán Nguyễn Du Văn Học. 1965 tr. 89 cho rằng Nguyễn Du nhờ đến vợ, em Đoàn Nguyễn Tuấn. Tôi cho rằng bài thơ Ký Mộng rất phù hợp với câu thơ Giấc Mộng rồi ra nửa khắc không của Hồ Xuân Hương và với bài thơ Độc Tiểu Thanh Ký Nguyễn Du làm sau đó.

*Xe ngựa trộm mừng duyên tấp tểp  
Phấn son càng tui phận long đong.*

Năm 1813, Nguyễn Du đã làm quan Chánh Sứ, một thế, hai thiệp và không thiếu kẻ hầu hạ. Hồ Xuân Hương đã trên 40 vẫn còn số phận long đong.

*Biết còn mày chút sướng siu mẩy  
Lầu Nguyệt nắm canh chiếc bóng chong.*

Nàng mừng và ước thắm Nguyễn Du trên bước đường Sứ lòng có bịn rịn nhỏ thúng người tình cũ mà ghé thăm Cổ Nguyệt Đường nàng vẫn còn chiếc bóng.

Sướng siu theo GS Hoàng Xuân Hãn một danh từ cổ có nghĩa là bịn rịn thúng gặp trong các tác phẩm thế kỷ 18, 19.

Nguyễn Du đã trở lại thăm Cổ Nguyệt Đường từ những năm 1802-1804. Khi theo Gia Long ra Bắc Hà làm Tri huyện Phủ Dung trấn Sơn Nam và sau đó làm Tri phủ Thường Tín, gần Thăng Long và được giao phó cho việc soạn thảo thơ văn tiếp sứ Tàu sang phong Vương cho Gia Long tại Thăng Long. Nguyễn Du đã bao lần thăm lại chốn xưa. Nhưng cảnh vườn Tây Hồ đã hoang vu, hỏi thăm gia cảnh nàng, trong cơn loạn lạc, nàng đã nhận lời lấy lẽ Cai Tổng Cóc ở tận Vĩnh Yên, nghe đâu vợ cả ghen tuông lắm. Nguyễn Du lo sợ số phận Hồ Xuân Hương rồi sẽ như nàng Tiểu Thanh họ Phùng, một người con gái tài sắc, sống vào đầu thời Minh cách năm 1804 ba trăm năm. Nàng lấy lẽ một người tên Phùng vì tránh tên chồng nên gọi là Tiểu Thanh. Vợ cả ghen, bắt ở một ngôi nhà trên núi Cô Sơn cạnh Tây Hồ, chẳng bao lâu buồn mà chết, bấy giờ mới mười tám tuổi. Nay ở Cô Sơn tỉnh Triết Giang hầy còn mộ. Tiểu Thanh có một tập thơ nói tâm sự của mình, lúc nàng chết rồi, vợ cả ghen lấy đốt đi, còn sót lại một số bài, người ta chép lại gọi là Phần Dư Cáo.

Nguyễn Du tự coi mình cùng hội với kẻ mắc nỗi oan lạ lùng vì nét phong lưu, và tự hỏi rằng không biết ba trăm năm sau, thiên hạ ai người sẽ khóc một người thiếu nữ tài sắc như thế, ám chỉ Hồ Xuân Hương và lo ngại Xuân Hương số phận sẽ giống như nàng Tiểu Thanh. Bài thơ Độc Tiểu Thanh Ký ghi số 78, bài thơ cuối cùng trong tập Thanh Hiên Thi Tập thời gian viết năm 1804. Nằm trong các bài thơ Nguyễn Du viết lúc làm quan Tri huyện, Tri phủ tại Bắc Hà 1802-1804. Lúc này Nguyễn Du được 37-39 tuổi, đường hoạn lộ bắt đầu, chưa viết Truyện Kiều, chưa làm Chánh Sứ, tuổi thanh niên đang sung sức thì không thể nào có thể tự hỏi một câu: "ba trăm năm nữa ai người khóc mình".

Việc khám phá mối tình Nguyễn Du và Hồ Xuân Hương đã phản bác bút hiệu Tố Như mà người đời sau gán cho Nguyễn Du, Tố Như chỉ có nghĩa là người đẹp tài sắc



giống như thế. Vì không hiểu được việc Nguyễn Du mượn chuyện Tiểu Thanh để nói đến tâm sự lo âu cho Hồ Xuân Hương, nên mới cho rằng Tố Như là bút hiệu Nguyễn Du khiến cho bài Độc Tiểu Thanh Ký ý tứ trở nên sai lệch.

Sáu câu đầu Nguyễn Du nói chuyện về nàng Tiểu Thanh, mượn cảnh Tây Hồ ở Triết Giang để nói lên cảnh Tây Hồ thành Thăng Long vườn cảnh đã hoang vu vì thiếu Xuân Hương Hồ Phi Mai. Thăm viếng này qua một tập sách đọc trước của số.

Hai câu cuối bỗng dừng Nguyễn Du tự hỏi ai khóc mình?:

*Chẳng biết ba trăm năm lẻ nữa  
Người đời ai khóc Nguyễn Du chăng?*  
thì quả là chẳng ăn nhập gì với sáu câu trước.  
Nguyễn Du hiệu là Thanh Hiên có lẽ ý Nguyễn Du muốn viết tác phẩm để đời như Tây Sướng Ký:

*Mái Tây còn để tiếng đời. Noi giường kim  
cổ cho người soi chung.*

Nguyễn Du muốn viết truyện Mái Lầu Xanh như truyện Mái Tây chăng?

Bút hiệu Thanh Hiên, Nguyễn Du ghi rõ ràng trên tập thơ Thanh Hiên thi tập, nhưng Tố Như chỉ thấy trên bài Độc Tiểu Thanh Ký. Hiện nay không có một bút tích nào chứng tỏ Tố Như là bút hiệu Nguyễn Du?

Thật ra hai câu:

*Bất tri tam bách dư niên hậu  
Thiên hạ hà nhân khấp tố như.*

Cụ Lê Thuộc, Phan Sĩ Bằng trong Truyện cụ Nguyễn Du soạn năm 1924 dựa theo lời cụ Nghè Nguyễn Mai nói rằng đó là hai câu khẩu chiếm, cụ Nguyễn Du trần trời trước khi mất. Nhưng khi cụ Đào Duy Anh năm 1943 khám phá ra đó chỉ là hai câu cuối trong bài Độc Tiểu Thanh Ký viết khoảng năm 1804, thì hào Nguyễn Du mới 39 tuổi, mới hồ nghi vẫn chưa được ai giải đáp.

Bài thơ Độc Tiểu Thanh Ký tôi dịch lại như sau:

*Tây Hồ vườn cảnh đã hoang vu  
Bên cửa viếng nàng một áng thơ  
Son phấn có thần chôn vẫn hận,  
Văn chương vô mệnh cháy còn dư  
Mỗi hồn kim cổ trời khôn hỏi  
Cái án phong lưu khách lụy sâu  
Ba trăm năm nữa trong thiên hạ,  
Còn Nàng, ai nhớ một niềm đau ?*

Nguyên tác phiên âm Hán Việt bài cuối số 78 Thanh Hiên Thi Tập, như sau:

### Độc Tiểu Thanh Ký

*Tây Hồ hoa uyển tẫn thành khư  
Độc điếu song tiền nhất chỉ thư,  
Chi phấn hữu thần liên tử hậu,  
Văn chương vô mệnh lụy phần dư,  
Cổ kim hận sự thiên nan vấn,  
Phong vận kỳ oan ngã tự cư,  
Bất tri tam bách dư niên hậu  
Thiên hạ hà nhân khấp tố như.*

Nhưng rồi Xuân Hương không đau buồn và mất như nàng Tiểu Thanh, Cai Tổng Cóc cũng không chết sớm vì gò má lũng quyền sát phu như các thầy bói rửa tiên đoán. Nàng đã dứt tình với Tổng Cóc bằng bài thơ gọi cả họ hàng nhà Cóc, chàng, bển, nòng nọc... thiệp bển duyên chàng chi thế thôi, vì anh chàng Cóc chẳng làm cho nàng hạnh phúc, một tháng đôi lần có như không, chịu đấm ăn xôi xôi lại hồng... Sự kiện này có thể truy tìm được năm mất

của Tống Cốc tại nhà thờ tự ông tại Vĩnh Yên? Xuân Hương trở lại Cổ Nguyệt Đường với mẹ. Không biết rằng Nguyễn Du có để lại tặng nàng tập thơ phần dư cáo của Tiểu Thanh và bài thơ Độc Tiểu Thanh Ký trước khi từ chức Tri phủ Thường Tín xin về quê nghỉ bệnh một tháng mùa thu năm 1804, hình như có, trong bài "Chơi Tây Hồ Nhỏ Bạn" của Hồ Xuân Hương chép trong Quốc Âm thi tuyển bản khắc chữ Nôm năm 1914 hiện lưu trữ tại Thư viện Hoàng Xuân Hãn, Xuân Hương dường như trả lời Nguyễn Du câu: Tây Hồ vườn cảnh đã hoang vu. Bài thơ như sau:  
*Phong cảnh Tây Hồ chẳng khác xưa  
 Người đồng châu trước biết bao giờ  
 Nhật Tân đề lộ những còn lối  
 Trấn Bắc rêu phong vẫn giấu thơ  
 Nợ vục Trâu Vàng trăng lạt bóng  
 Kia non Phượng đất khói tuôn mờ  
 Hồ kia thăm thẳm sâu dường mấy  
 So dạ hoài nhân để chửa vữa.*

Phi Mai đã trở về, em không chết như nàng Tiểu Thanh đâu? Phong cảnh Tây Hồ chẳng khác xưa, Nguyễn Du chàng ơi, người cùng quê Hoan Châu của em biết bao giờ gặp lại. Đề Nhật Tân dù lộ như duyên em lộ làng vẫn còn lối vào. Đền Trấn Bắc rêu phong nơi ta từng đề thơ bài thơ em vẫn nhỏ. Nợ vục Trâu Vàng chàng từng kể em nghe chuyện tích con Trâu Vàng từ bên Tàu nghe tiếng chuông Sư Minh Không tưởng là mẹ gọi đã chạy sang và biến mất nơi vục này, vục Trâu Vàng bóng trăng đã nhạt, Non Phượng đất khói lên mờ. Hồ kia dù sâu thăm thẳm, nhưng làm sao bằng lòng em nhỏ chàng.

Nguyễn Du về quê được một tháng thì được triệu vào kinh đô Huế thăng chức Đông Các Học Sĩ và sau đó được cử làm Quan Bố Chánh Quảng Bình. Về Huế, nhìn những hồ sen kinh đô lòng Nguyễn Du không khỏi nhớ đến ngày xưa đã cùng Xuân Hương Hồ Phi Mai chèo thuyền hái sen Tây Hồ, năm ấy nàng vừa mười tám, đẹp rực rỡ như một đóa sen. Bài thơ được chép thứ hai trong Nam Trung tạp ngâm sau bài buổi sáng sớm trên đường qua núi Phượng Hoàng, nghĩa là vừa đến kinh đô Nguyễn Du đã nằm mơ thấy hái sen. Bài thơ chữ Hán: Mộng Đắc Thái Liên, tôi dịch thơ như sau:

#### Mơ thấy hái sen

1. *Xán gọn quần cánh bướm  
 Chèo thuyền nan hái sen  
 Nước hồ dâng lai láng  
 Bóng người soi nước trong*

2. *Tây Hồ hái hái sen  
 Hoa, gương chất mạn thuyền  
 Hoa tặng người mình kính  
 Gương tặng người mình thương*

3. *Sáng nay đi hái sen  
 Hẹn nàng bên đi với  
 Nàng đến tự bao giờ  
 Cách hoa nghe cười nói ?*

4. *Hoa sen ai cũng yêu  
 Cọng sen nào ai thích  
 Trong cuống có tơ bện  
 Vấn vương hoài không đứt*

5. *Lá sen màu xanh xanh  
 Hoa sen đẹp xinh xinh  
 Hái chớ làm lia ngó  
 Năm sau sen chẳng sinh.*

Nguyên tác thơ chữ Hán: Mộng Đắc Thái Liên bài số 2 Nam Trung tạp ngâm phiên âm Hán Việt như sau:

#### Mộng đắc thái liên

1. *Khẩn thúc giap điệp quần  
 Thái liên trạo tiểu đình  
 Hồ thủy hà xung xung,  
 Thủy trung hữu nhân ảnh...*

2. *Thái thái Tây Hồ liên,  
 Hoa thực câu thưởng thuyền  
 Hoa dĩ tặng sở úy,  
 Thực dĩ tặng sở liên.*

3. *Kim thần khứ thái liên  
 Nãi ước đông lân nữ  
 Bất tri lai bất tri,  
 Cách hoa vẫn tiểu ngữ.*

4. *Cộng tri liên liên hoa  
 Thủy giả liên liên cán  
 Kỳ trung hữu chân ty,  
 Khiên liên bất khả đoạn*

5. *Liên điệp hà thanh thanh  
 Liên hoa kiều doanh doanh  
 Thái chi vật thưởng ngẫu  
 Minh niên bất phục sinh.*

Mượn chuyện hái sen Nguyễn Du ghi lại mối tình mình, như cọng sen có tơ bện, vấn vương hoài không đứt  
*Tiếc thay chút nghĩa cũ càng  
 Dẫu là ngó ý còn vương tơ lòng*  
 Kiều gốc vẽ 2241-2242

Mối tình Nguyễn Du & Hồ Xuân Hương tạm dứt ở đây từ năm 1804 đến năm 1813

Nguyễn Du làm Đông Các Học Sĩ, làm quan Bố Chánh Quảng Bình cho đến ngày được thăng Cản Chánh Học Sĩ, làm Chánh Sứ đi triều cống nhà Thanh. Cuộc đời mỗi người đi mỗi ngã, Nguyễn Du vui duyên mới, một thê, hai thiếp và Hồ Xuân Hương sau ba lần dang dở nàng vẫn số phận long đong: Lầu Nguyệt năm canh chiếc bóng chong.

Năm 1819. Khi chồng cuối cùng của Hồ Xuân Hương, viên quan Tham Hiệp Trấn Yên Quảng Trần Phúc Hiến bị xử tử, từ kinh đô Huế chắc Nguyễn Du cũng hay biết, nhưng nào ai cản được cái án đã phê bởi Vua Gia Long.

Năm sau Nguyễn Du được cử đi sứ một lần nữa, nhưng ông bị bệnh nặng, ông không chịu uống thuốc, trước khi mất, ông hỏi người nhà xem tay chân đã lạnh chưa, người thiếp nói lạnh, ông nói: được rồi lạnh lẽ ra đi.

Nguyễn Du để lại cõi đời Truyện Kiều giọt nước mắt khóc thương những người đàn bà tài sắc mà mệnh bạc:

*Đau đớn thay phận đàn bà  
 Lỗi rằng bạc mệnh cũng là lời chung.*

Nếu Nguyễn Du trí óc có bùng sáng nhắc lại hai câu:

*Bất tri tam bách dư niên hậu  
 Thiên hạ hà nhân khấp tố như.*

như cụ Nghè Nguyễn Mai cháu 10 đời kế lại, thì mỗi đau ấy cũng không phải vì lo cho ba trăm năm sau ai sẽ khóc mình, mà lo cho ba trăm năm sau ai sẽ khóc cho Xuân Hương Hồ Phi Mai người tài sắc vẹn toàn những mệnh bạc, mong manh như một cánh mai trước gió xuân.

Paris 4.1998  
 Tiến Sĩ Khoa Học Giáo Dục.  
 Viện Đại Học Paris V. Sorbonne, Nhà thơ.

#### Tài liệu tham khảo:

Thơ chữ Hán Nguyễn Du. Văn Học 1965  
 Hoàng Xuân Hãn  
 Tình sử và Văn thơ Hồ Xuân Hương  
 TC Khoa Học Xã Hội số 10-11 Paris 1983  
 Thơ Hồ Xuân Hương. Minh Phúc biên soạn. Nxb Đồng Nai 1996  
 Xuân Diệu - Các nhà thơ cổ điển Việt Nam, tập II. Hồ Xuân Hương.  
 Nxb Văn Học. Hà Nội 1982.



# QUA NHỮNG MÙA ĐÔNG

C háng biết có phải vì bị ảnh hưởng nhà kính (screen house effect) hay không mà trong mấy năm qua, vùng trung đông xứ Mỹ này đã không có một mùa đông nào được coi là mùa đông thực sự. Toàn là những mùa đông nhẹ (mild winter), nhiệt độ chỉ xuống thấp ở mức độ trên dưới nhiệt độ đông đặc của nước đá. Tức khoảng 32 độ F hoặc zero độ C. Cái lạnh đã không đủ lạnh để làm chết những loại côn trùng cần phải chết trong mùa đông như sâu bọ, ruồi muỗi. Để rồi khi mùa hè trở lại, mọi người cứ phải than vãn rằng năm này sao mà bugs ra nhiều quá. Đặc biệt với Tần, chàng không thể nào ưa nổi những con bọ mắt, gnats, cắn cái nào cái nấy đau điếng.

Cũng lâu lắm rồi dân chúng ở xứ thuốc lá đã không thấy tuyết rơi và hình như mọi người đang thầm mong rằng Giáng Sinh năm nay sẽ là một mùa Giáng Sinh trắng (white christmas). Nhứt là đám con nít! Let's snow, man! Hãy để cho tuyết rơi, ông ơi! "Ông" ở đây còn có ngụ ý là "Ông tuyết", với chữ kép snow-man! Chính thực ra, đó là câu nói đi kèm theo một bức tranh, nguệch ngoạc những hoa tuyết trắng dưới nhiều hình dạng vuông, tròn, ngôi sao mà một em bé lớp năm đã vẽ trên tấm giấy bồi màu xám nhạt. Qua cô giáo, em đã gửi thẳng đến chuyên viên tiên đoán thời tiết để bày tỏ ý muốn của mình. Báo hại, người chuyên viên phải lục lại các hồ sơ thống kê, đúc kết các dữ kiện rồi tiên đoán là một mùa Giáng Sinh trắng cho năm nay có thể xảy ra với tỷ số rất cao, đến những sáu mươi lăm phần trăm. Sáu mươi lăm phần trăm? Cộng thêm với mức độ chính xác thực hiện bởi người phụ trách mục thời tiết, bày lần đoán đã bốn năm lần sai như mình thường biết, thì cái tỷ số tuyết rơi trong ngày Giáng Sinh năm nay chắc chắn phải dưới năm mươi phần trăm, Tần nhủ thầm! Đối với chuyện nắng mưa, đất trời mà nua có, nua không thì kể như trời quớt!

Tuy nhiên, cho dù có tuyết rơi hay không, những ngày mùa đông thường vẫn là những ngày buồn. Cây cối run rẩy, trở cảnh! Mây mù giăng giăng khắp lối, không gian tím ngắt một màu! Đòi người như cánh chết, nếu suốt ngày cứ ngồi tựa cửa trông ra! Rồi trong thời gian này mặc dầu có nhiều ngày nghỉ lễ như ngày Tạ Ơn, Giáng Sinh, Tết Tây, và đặc biệt hơn hết là Tết Ta, nhưng đối với những kẻ ly hương, xa nhà, những ngày vui thường mang lại những

cái... không vui. Nhứt là đối với những ai còn nặng lòng đến đất nước, quê hương, nghĩ đến bảy chục triệu dân lành đang oằn oại, nghèo đói dưới gông cùm Cộng Sản. Mùa đông! Xin hãy dừng về! Để cho những người thiếu ăn, thiếu mặc kia được thoát qua cơn rét buốt cắt da, thấu thịt, thấm xương!

Trên ghế phở-tối phòng khách, Tần đang liếc sơ qua các mục thời sự, tin tức hàng tháng trên một tờ báo Việt ngữ thì bỗng có chuông điện thoại reo vang. Chàng vội tay cầm lấy ống nghe, lên tiếng:

- Hello.

- Allo... Allo, xin lỗi có thằng Tần ở nhà không vậy anh?

- Hello, Tần nghe đây.

- Mày đó hả Tần? Tao, Thắng đây! Sao tiếng mày nghe lạ quá, tao nhận không ra!

- Thắng? Nguyễn Phước Thắng? Ờ, mày đang ở đâu vậy, mậy?

- Tao đang ở Saint Louis, tiểu bang Missouri, mậy!

- Ờ, nhự vậy mày đi ODP được rồi hả? Mừng mày đến bờ bến tự do!

- Con khi khô chỗ ở đó mà ODP. Tao đi điện H.O., tụi nó chuyển hồ sơ của tao qua hồi năm 89 lận và nhò vậy mỗi đi sớm hơn được.

- Mà mày đến Mỹ bao lâu rồi?

- Mới có hai tuần thôi. Tao đang ở nhà Chị Tú ngày trước ở Cú Xá Lũ Gia mày nhỏ không? Ờ, chỗ mầy qua tao bao xa mậy?

Khỏi phải tính, Tần trả lời ngay:

- Cũng cả ngàn dặm à mầy, mười mấy hai mươi tiếng lái xe chó không gần đâu.

- Tao tưởng gần thì mày chạy đến đây chơi. Tao định ở đây thêm vài ngày nữa rồi đi một vòng xứ Mỹ thăm bà con...

Thiệt là bất ngờ! Rốt cuộc rồi Thắng, đứa sau cùng của bộ ba Sinh viên Sĩ quan Hải Quân "hào hoa phong nhã" Thành-Tần-Thắng của đạo nào, cũng đã hân hoan dang tay chấp nhận bản án "lưu đày". Ờ, mừng vui cho bạn! Một thời xa xưa đột nhiên bùng sống dậy trong Tần. Ngày nào từng chinh nhập ngũ, trại Bạch Đằng II. Ngày nào bỗng bành trên Dương vận hạm Cam Ranh, HQ 500, để đến trường Hải Quân Nha Trang. Ngày nào gian khổ, chịu đựng, trải qua các giai đoạn huấn nhục, thực tập, hải hành, thi cử. Ngày nào ra trường tung bay khắp bốn phương trời, đem hết tài năng thi thố, diệt thù, ngăn giặc, chống xâm lăng. Ngày nào tan hàng, rã ngũ, kẻ ra đi phấn đấu, người ở lại tội tù... Ờ, dĩ vãng vàng son và đau thương đó nay còn đâu!

Tần chạnh lòng hỏi bạn:

- Rồi bây giờ với chồng mày có dự tính sẽ về sống ở đâu và làm nghề gì chưa?

- Chưa! Tụi tao định sẽ xuống Houston thăm anh chị Bảy, vòng qua San Diego thăm anh chị Năm, thẳng lên San Jose thăm anh chị Ba và vợ chồng con Thúy, bay qua Minnneapolis thăm anh chị Sáu, ghé Washington D.C. thăm anh chị Tám, rồi nếu không có gì trở ngại thì tao cũng sẽ tạt qua mầy chơi vài ngày trước khi tìm một chỗ định cư chắc chắn.

Anh chị Ba trại gà của xứ Bình Dương, anh chị Tú cú xá Lũ Gia, anh Năm và con Thúy cú xá

Bệnh viện Hùng Vương, anh chị Sáu nhà giữ trẻ đường Minh Mạng, anh chị Bảy trại gà Phú Lâm, anh chị Tám nhà thuốc tây thị xã Cần Thơ... Tần nhớ rõ từng nơi, từng người, từng cảnh sống. Hình như tất cả đều đã vượt thoát được nanh vuốt Cộng Sản từ 75, duy chỉ có Thắng là bị kẹt lại! Kẹt lại! Với ngàn ấy phước tiện trong tay? Kề ra cũng không đúng hẳn. mà thực sự, chỉ vì không muốn ra đi. Tâm trạng chung và cũng là một kinh nghiệm đáng suy ngẫm của những người đã từng sống ở Mỹ, du học dài hạn ở Mỹ. Chỉ một phút sai lầm mà phải trả một cái giá rất đắt, bằng bao nhiêu năm tù tội. Tần định nói như vậy nhưng sợ bạn mặc cảm, hiểu lầm nên thôi. Chàng chỉ nhắc chùng đến chuyện tương lai:

- Theo tao biết số số thì dân tỵ nạn Việt Nam của mình ở bên Mỹ này hiện thời có đến bảy tám trăm ngàn người. Tuy nhiên khoảng phân nửa, tức ba bốn trăm ngàn đã dồn về tiểu bang California. Hai trung tâm lớn xưa nay vẫn là Los Angeles và San Jose. Kế đó Houston, đầu cũng khoảng bảy chục ngàn người, rồi đến Washington D.C., bốn năm chục ngàn thì phải. Ở mấy chỗ đông người Việt thì làm điều rắc rối, nhưng bù lại là vui vẻ, ồn ào, không cảm thấy cô đơn nơi xứ lạ quê xa. Lẽ dĩ nhiên đời sống vật chất thì có phần nào chật vật, bon chen và căng thẳng hơn các nơi khác. Ở đâu cũng vậy, những nơi đất rộng người thưa thì bao giờ cũng ít bị cạnh tranh, dóm góc. Nhưng nếu qua muộn như mầy thì tao nghĩ cũng nên dọn về chốn phần hoa đô hội cho rồi để đỡ phải tính toán tính lui. Bạn bè cùng khóa của mình cũng có mấy chục thằng đang đông đô dài hạn ở Little Saigon hoặc là Trung tâm Điện tử, Thung lũng Hoa vàng, hoa bạc gì gì đó. Có đứa ăn nên làm ra mà cũng có đứa suốt đời chạy đôn chạy đáo. Ờ, mà nói nhự vậy chỗ mầy ở đây độ vài tháng thì nghề dạy nghề, mầy sẽ rành rẽ ngọn ngành liền hà. Cũng bấy nhiêu thủ lĩnh kính ấy thôi như hồi nào mầy đi du học...

Thắng xen vào, cắt ngang:

- Giỗ hoài mậy, đi du học khác xa với đi ăn nhò ở đầu chó mậy. Mầy biết, mặc dầu đời sống của tao ở Việt Nam cũng không đến nỗi nào vì anh chị tao ở bên này thường xuyên tiếp tế. Tao ra đi chỉ vì tương lai con cái, với lại không ở nổi với bọn ruồi muỗi cán gổ vậy thôi, chó tao biết buổi ban đầu làm lại cuộc đời ở bên này cũng phải cam go khổ cực, không phải chuyện dễ. Tao đêch có tin mấy lời đồn nhảm, rằng qua đây sẽ có Mỹ nuôi nhự nhiều người đã làm thành.

Tần thành thật:

- Tao nghe mầy nói vậy tao cũng mừng. Chuẩn bị tinh thần trước nhự vậy là hay. Vừa rồi có người võ lã ra đã chịu đựng không nổi đến phải tự tử đó mầy. Rồi sao, mầy còn giữ ý định sẽ lập hãng làm sơn mài nhự đạo mầy nói trong thư với tao không?

- Ha ha ha... cái thằng nhỏ dai dũ ta! Sơn mài thì làm có tính cách nghệ thuật vui chơi vậy thôi chó làm sao mà sống được? Cục lảm! Bây giờ tao thích làm chủ tiệm vàng hơn. Mai một mầy qua Cali, mười tiệm vàng bên đó thì có của tao một tiệm nghen mậy.



Tần cũng đùa vui với bạn:

- Ủi chà, lấy chồng chủ tiệm vàng đeo vàng đỏ chân hả? Rồi sao, vợ con mầy giờ thế nào?

- Vẫn hạnh phúc tràn đầy như hồi mới cưới, mậy! Còn phần mầy thì sao, học hành thi cử, công ăn việc làm đã đi tới đâu rồi?

Tần khiêm nhượng:

- Ối, phần tao bây giờ thì chỉ an phận với đời công chức, sáng xách xe đi chiều xách về. Vợ tao cũng vậy. Làm công chức thì kể như tàng tàng cù lủ, không giàu sang hơn ai nhưng cũng không đến đói đói dãi.

Theo kinh nghiệm của dân "Bắc Kỳ di cư" lúc chạy vô miền Nam, một là học thiệt cao, đồ đạt ra làm ông làm cha người ta, hai là mở tiệm buôn bán móc túi thiên hạ, do thời thế đẩy đưa Tần đã vô tình chọn cái thứ nhất. Nhưng ở cái xứ vẫn minh tân tiến này, không ai làm ông làm cha ai hết cho dù có cấp bằng thiệt lớn. Không có chuyện con sai ở chùa, con tiểu quét lá đa. Cũng không có chuyện cha truyền con nối hay con ông cháu cha làm nên sự nghiệp. Chuyện công thành danh toại, đồ đạt thành tài ở bên này họa chăng chỉ có thể đem lại cho mình cái lấp lùm qua ngày, Tần thấy vậy.

Chàng định thật lòng khuyên bạn nên chọn con đường thứ hai thì Thắng đã nói:

- Tao bây giờ sang đây có hơi muộn màng thì kể như đã lỡ thầy lỡ thợ. Học hành trở lại coi bộ không xong mà nghề ngỗng chuyên môn diệt Cộng cứu nước của mình thì cũng không còn áp dụng được nữa. Thôi thì phen này chắc tao đánh phải bắt chước nhà thơ..., nhà thơ gì mậy, Nguyễn Khuyến hà, ông quyết đi buôn! Nhưng buôn thúng hay buôn mẹt đây thì cũng chưa biết được!

Tần phụ họa theo:

- Đúng đó, *phi thường bất phú* mầy ơi. Mầy qua trẻ thì cần phải đốt giai đoạn. Có làm chủ lấy mình mới thấy sướng, chỗ suốt đời làm công cho thiên hạ hoài chán thấy mẹ. Ê, đời sống bên Việt Nam mình hiện thời ra sao, mậy? Nghe nói ở bên đó dạo này ăn chơi, đảng điểm dũ lăm mà, phải hôn?

Thắng giải thích một mạch:

- Cũng dễ thờ hơn một chút kể từ ngày nhà nước bãi bỏ chế độ hộ khẩu, kiểm soát và kèm kẹp nhân dân bằng cái bao tử. Nhưng nhìn chung thì nghèo đói, xác xơ vẫn còn dài dài, chẳng biết đến bao giờ mới hết được. Nạn quyền thế, tham nhũng và băng đảng trộm cướp của con cái cán bộ càng ngày càng lộng hành, hơn cả thời trước nữa mầy ơi. Còn đi điểm, bia ôm, cà-phê ôm thì lênh khênh, tràn ngập thành phố Sài Gòn. Tiền bạc thì ôi thôi, phải kiếm từ đồng tử cắc, mà mỗi ngày một khó. Dạo này ai có tiền mở phòng ngủ mini, đón Việt kiều về nước thăm nhà, vớt vát đô-la thì chắc là hốt bạc. Tao hổng biết đất nước mình rồi sẽ đi tới đâu. Mầy có ở lại mới thấy được cái cảnh tang thương này, tao có nói mầy thì mầy cũng không thể hiểu nổi.

Tần nghĩ Thắng nói cũng không quá đáng! Trong mười mấy năm qua, đối với một thời gian dài đau thương của dân tộc, hình như những người chạy vượt vào thời 75 chỉ là những kẻ đứng bên lề? Những ai chưa từng sống với

Cộng Sản sau ngày "giải phóng", chưa từng xếp hàng cả ngày dưới chế độ xã hội chủ nghĩa để mua nhu yếu phẩm theo tem phiếu, chưa từng "làm việc" với "bò vàng, cán gỗ" một thời là sâu bọ đã lên làm thầy chúng sinh, chưa từng đóng góp không công cho các hợp tác xã nông nghiệp ngay trên ruộng đất của ông cha mình để lại, chưa từng nếm mùi "hoan hô Hồ Chí Minh, cây đình mua cũng phải xin giấy", chưa từng "cải thiện" bằng cách ăn độn với cao lương và khoai sắn, chưa từng... nhiều thứ nữa, thì có nghe nói mầy cũng bằng không! Ngay như Tần, một trong những người thường xuyên theo dõi rất sát tình hình thời cuộc qua báo chí, cũng không làm sao hình dung ra được những cái nghịch lý khó lòng diễn tả bằng các từ ngữ thông thường đó. Chàng thở dài:

- Nghe nản quá hả? Các nước Đông Nam Á như Thái Lan, Mã Lai, Nam Dương, Tân Gia Ba đều lên vũ vũ, kinh tế phát triển mỗi ngày một mạnh, trong khi Việt Nam mình bỗng dưng bị tuột dốc kinh khủng, xuống đến tận cùng. Bác đảng ta và những tên đầu sỏ cộng sản, công an "yêu nước" cái kiểu này thì lúc chết xuống suối vàng chắc sẽ không nhắm mắt và chẳng dám nhìn mặt tổ tiên, khỏi phải đi đầu thai kiếp khác. Thắng phân bua:

- Ối, yêu nước gì cái bọn đó mậy? Yêu tiền, yêu đô-la thì có! Việt Minh, Việt Cộng, Việt Kiều, trong ba Việt ấy đảng chỉ yêu có mỗi Việt kiều mà thôi. Việt kiều bây giờ sáng giá lắm mầy ơi, không còn bị gọi là thành phần "phản động, trốn ra nước ngoài" nữa.

Tần muốn biết thêm chuyện trong nước:

- Ê, còn mấy thằng khóa mình ở bên thì sao mậy?

- Phần lớn tán lạch về các tỉnh hoặc đi kinh tế mới. Ở ngay Sài Gòn cũng chẳng bao nhiêu, đếm trên đầu ngón tay. Mấy thằng khá giả thì có thằng Công làm chủ tiệm bán và sửa xe đạp ở Ngã Bảy, thằng Hiệp một thời chạy áp-phe cho dân vượt biên, bây giờ làm xếp sòng hai ba cái quán bia ôm ở Đa Kao, còn phần lớn thì lảng nhàng, dù ăn đủ mặc. Kể cả thằng Đổng này ra chuyên nghề đập xích-lô, đập xích-lô thiệt nghen mậy. Tội cho thằng Bích ngày xưa cũng thân thân với bộ ba mình, vừa rồi trượt té sau nhà ở vùng Khánh Hội và bị bán thân bắt toại, coi như nằm một chỗ. , thêm cái thằng Bá trở về trên tàu Việt Nam Thương Tín, ở tù mút chi mới được thả ra khoảng hơn một năm qua. Khóa mình coi như có nó là bị tù lâu nhứt, mười bốn mười lăm năm gì lặn. Dân tình báo thì mầy phải biết, tội Cộng Sản nó thù tận xương tủy. Còn bọn mình ở bên này thì thế nào, đầu mầy báo cáo sơ sơ cho tao nghe coi.

- Ủi chà, đám tội mình bây giờ cũng đến hơn nửa khóa chạy vượt được ra xứ ngoài và đang ở rải rác khắp năm châu bốn biển. Vẫn liên lạc thường xuyên với nhau qua bản tin "Ái Hữu 17" và liên tục đóng niêm liếm để có tiền mua quà cáp gửi về mầy thằng còn kẹt bên nhà như mầy đã thấy và đã nhận được trong mấy năm qua. Không chừng ít bữa nữa tội nó giao cho mầy cái chức Hội Trưởng Hội "Ái Hữu 17" đó. Đứa nào mới qua cũng còn chút hăng hái chó cón bọn ở đây lâu tội nó làm biếng nhốt thây mầy ơi. Công

việc làm ăn thì có thằng đã thành triệu phú, nhưng cũng có thằng phải đi cày hai ba job. Cày đến bá thổ nhứt thằng Lộc "nghịen" ở Dallas, bá thổ thiệt đó mầy, một ngày mười sáu hai mươi tiếng để rồi một sáng đi làm bỗng đúng tim, ngã lăn đùng ra chết ngay trước cửa nhà. Thêm thằng Nguyễn chẳng hiểu có phải uống rượu giải sầu như hũ chim hay không mà bị chai gan, đứa vô nhà thương độ vài tuần thì hết thuốc chữa. Bệnh "cản-xe", "ét-iết" gì không biết, chỗ ở bên này chết vì bệnh đùng tim, chai gan, lũng bao tử, áp huyết cao thì hầu như xảy ra hằng ngày đó mầy. Có lẽ lại đồ ăn Mỹ có nhiều chất béo béo...

Tần định còn kéo lê thêm chuyện dài quốc ngoại nữa cho bạn biết, nhưng Thắng đã lên tiếng:

- Ê, như vậy thôi nghen Tần. Để tù tù rồi có ngày tao với mầy sẽ gặp lại. Tao có nhiều chuyện để nói với mầy lắm nhưng nói bây giờ không tiện.

Tần cũng thấy đã quá đủ cho một cú điện đàm do bạn gọi tới:

- Ủa, nãy giờ tội mình nói cũng lâu rồi, ngưng đi là vừa. Nè, bao giờ mầy ổn định tình thế thì nhỏ viết thư hoặc gọi cho tao biết liền nghen. Đặng tao gọi mầy nói chuyện tiếp. Tội mình có biết bao nhiêu chuyện để nói cho nhau nghe, mậy. Để rồi tội tao cũng sẽ sắp xếp công việc đặng đi thăm vợ chồng mầy một chuyến. Cho tao gửi lời thăm các anh chị và vợ chồng con Thúy nghen mầy. Chẳng biết con Thúy và mấy anh chị mầy có còn nhớ tao hay không nữa đây?

- Để tao nhắc giùm cho! Bye mầy!

- Bye..

Tần gác ống nói mà tâm thần tự nhiên đắm ra ngẩn ngơ. Bạn bè thân thiết đó nhưng không gian đã cách trở, đất Mỹ sao mà mình mong rộng lớn quá, một tiểu bang đã bằng cả nước Việt Nam. Và lại, ở bên này đâu phải muốn đi lúc nào là đi, mặc dầu xử tội do không có cấm trại, giới nghiêm. Công ăn việc làm ở đây không cho phép và không mấy thích hợp với những chữ "dù, vọt" của ngày trước. *Nhập giang tùy khúc, nhập gia tùy tục*, thôi thì hăng đành phải chò có hội thuận tiện vậy. Tần thở dài, lòng buồn rười rượi...

Lại một lần nữa, mùa đông đã trở về. Cùng với áo ni khăn len khoe sắc màu, cơn buốt giá cũng đã làm tăng thêm đáng co ro cho những cánh vai gầy guộc và không quen kẻ rộng thêm đường nứt nẻ cho những đôi môi đang hồi run rẩy. Liên tiếp mấy ngày qua, những đám mây chùng nặng nước đã u ám phủ kín khắp cả bầu trời. Bão tuyết đang hoành hành ở miền Tây và Trung Tây, hai bên rặng Rocky Mountain, thì phải? Nói đây, phía bên này chắn gió của rặng Smokey Mountain, vùng cao nguyên đồi thung lũng thấp thường được gọi là khu tiếp giáp với chân núi, Piedmont, Tần chỉ thấy mưa rơi tầm tã.

Để rồi, sau cùng, đổi thành mưa đông lạnh, *freezing-rain*. Tuyết chẳng ra tuyết mà mưa đá chẳng ra mưa đá, từ trên mấy tầng không mịt mù san đã những hạt nho nhỏ, tròn tròn, trong vắt như hạt bột bán đã được nấu chín thay

phiên nhau gõ tí tách, lệt đẹt trên mái nhà, nóc xe. Độ chùng đời ba giờ sau, một lớp băng vài phân tây sẽ đóng dày trên mặt lộ. Không ai dám bước ra ngoài đường, cho dù bốn bánh xe có niềng dây xích đi nữa. Vì ngay chính những người lái xe đi rải muối làm sạch phố phường, nếu không cẩn thận vẫn bị trượt như thường. Trên xa lộ, mặc dù đường sá phần lớn cũng còn thông thường vì có nhiều xe chạy liên tục, nhưng tai nạn dây chuyền hàng chục xe tông vào nhau vẫn cứ xảy ra ở khúc này khoảng 90, từng phút từng giây.

Qua khung cửa sổ, mái hiên trước nhà giờ như đã buông rũ một màn thạch nhũ bằng thủy tinh, sợi vẫn sợi dài. Ngoài kia, xa hơn một chút, những cành cây trơ lá cũng đã được bao bọc bằng một lớp pha-lê lóng lánh. Rồi xa hơn nữa, dưới triển đồi chạy xuống lưng sâu, tua tua một rừng guôm dát bạc, nạm kim cương lấp lánh, dong dứa theo từng cơn gió nhẹ. Cảnh trí ngoạn mục tuyệt vời này, chỉ xuất hiện bất tinh linh ở những xứ có mùa đông thật sự, như chỉ được tạo thành bởi một bàn tay điêu khắc nghệ thuật, huyền diệu trên cao.

Năm nay, một năm mà những ngày Giáng Sinh, Tết Tây rồi Tết Ta chỉ cách nhau trong vòng vài ba tuần lễ, mặc dầu có lời dặn dò của bạn bè phải gấp rút tập dợt cho đêm văn nghệ văn gừng mừng năm mới, Tần lại cảm thấy tâm trí mình bỗng đứng cô đơn trống trải hơn là hân hoan chào đón chúa Xuân. Nhứt là trong những lúc phải bó gối tại nhà, không đi đâu được như lúc này. Chẳng chợt nghĩ đến Thắng, đến những người H.O. vừa qua sau tới muộn, đang định cử ở cái xứ Hoa Kỳ có tiếng tự do và văn minh tốt đỉnh. Liệu họ có thể dễ dàng hội nhập và nhanh chóng tiến bước như những người đã qua đây vào năm 75 không? Ngày trước, quả thật rất khác nếu đem so sánh với tình trạng hiện thời, vì ngày ấy nhìn chung quanh mình, những người đồng hương ai cũng như ai đều cùng chung một số phận là phải bắt đầu từ một mức thấp hèn, tận cùng bằng số như nhau. Ngày nay, nhìn qua nhìn lại, thấy toàn là những người đã nắm bắt được cơ hội và thời thế để ăn nên làm ra thì làm sao mà không so đo, mặc cảm cho được.

Với ý định tìm hiểu, và an ủi nếu có thể, Tần xả lại ghế phô-tôi đặt cạnh chiếc bàn con tim số phôn quay ngay cho bạn. Đầu dây trả lời:

- Hello.

- Mày hả Thắng? Tao, Tần đây! Sao, dạo này làm ăn ra sao mậy?

- Cũng thường thôi!

Không thỏa mãn được với câu trả lời ngắn ngủn đó, với cử chỉ chăm sóc bạn hiền Tần hỏi tiếp:

- Thường thôi là thế nào? Mày vẫn còn làm cho thằng Đinh "bà già" hay đã đổi đi chỗ khác?

Có tiếng Thắng cười nhẹ:

- Hừ, tao nghĩ đóng thùng và làm công quả cho nó đã lâu rồi. Hiện thời tao đang làm ăn chia trong một tiệm kim hoàn ở đây. Mỗi tháng vô được một ngàn hơn phụ vào tiền trợ cấp nên cũng sống đấp đổi qua ngày!

Tần cười theo, giả là:

- Ê, như vậy là mày chưa mò và chưa làm chủ tiệm vàng à?

Thắng vui vẻ:

- Ha ha ha..., chưa được mầy! Công việc làm ăn bên này coi bộ rắc rối, cái gì cũng phải có bằng cấp, giấy tờ chứng minh chỗ không phải như bên mình, muốn làm thì cứ nhảy ra làm. Tao đang đi học thêm ban đêm về ngành đá, đang trong tương lai có thể mở luôn tiệm hột xoàn và tiệm vàng cùng một lượt mầy.

Tần thành thật đùa ý kiến:

- Well, nghe mầy ổn định được công ăn việc làm như vậy tao cũng mừng. Chỗ tao có ông anh bà con mới đi điện H.O., danh sách 18 hay 19 gì đó, qua đây được vài tháng thì ảnh đã thấy chán và muốn về lại Việt Nam. Đám con về ảnh cũng đòi về như giặc.

Chẳng biết Tần nói có trúng tâm lý chung của H.O. hay không mà bỗng nhiên, Thắng trút bầu tâm sự:

- Cũng ngán ngẩm lắm mầy ơi! Mày không biết chỗ hồi mới qua Cali được vài tháng, tao tìm hiểu cách thức bảo trợ nên đã đứng ra lo giấy tờ, thủ tục cho tụi bạn của mình và luôn cả ông Kim đại đội trưởng đại đội sinh viên sĩ quan 17 cũ của mình nữa, mầy còn nhớ chớ? Nhờ vậy tụi nó mới được đi nhanh hơn, đã có thằng Biên "làm biếng", thằng Từ "giữ đỉnh", thằng Điệp "nước mắt", thằng Minh "chuoít", và mới đây tới phiên thằng Long "chòn", thằng nào cũng tá túc với tao vài ba tuần, một tháng trước khi ra riêng đi muốn nhà khác. Tao thấy tình đời như đã đổi thay, chỉ có H.O. nùm nủ, đùm bọc H.O. mầy à. Ngay cả đám bạn cũ của mình, mấy thằng đi trước vào thời 75, cũng đôi khi làm mặt lạ. Rủ tụi nó hội họp, nhậu nhẹt, bàn thảo việc gì tụi nó cũng "bạn, bạn" hết. Riết rồi tao cũng nản. Hên cho tao là vì có con còn nhỏ nên còn được trợ cấp xã hội, chỗ còn có con trên 18 tuổi hà, phải tự túc tự cường. Thằng Biên "làm biếng" vừa mới gởi thằng con của nó qua Colorado cho thằng Cầm "Bùi Kiệm" lo giữ vì ở bên đó dễ kiếm job. Cha con, chồng vợ gì gì đôi lúc rồi cũng phải tách bầy, chia tay để tìm đường sống. Với trình độ Anh văn của tao ngày trước thì còn đó, tụi bạn mình đi sau ù ù ọ ọ ọ quá làm sao mà kiếm được công việc đàng hoàng ở các hãng xưởng Mỹ. Không có bảo hiểm sức khỏe thì kể như mệt cầm canh. Còn làm việc cho Việt Nam mình thì bị bóc lột sức lao động dữ quá. Thằng Minh "chuoít" làm tại cơ sở đóng đồ mộc của thằng Lâm "nhông", thằng Long "chòn" làm cho thằng Đinh "bà già", dẫn dắt suốt cả ngày mà chỉ được có 25 đồng thôi nghen mầy. 25 đồng tiền mặt, lẽ dĩ nhiên. Vậy mà phải nói "có còn hơn không", vì với tuổi đời sắp si trên dưới 50 như tụi mình thì thủ hồi có mấy ai thèm muốn. Thằng nào cũng than hết, "ở Việt Nam sao tao không lo mà qua bên này tao lo quá". Lo đến nỗi thằng Minh "chuoít" té xỉu luôn tại sở làm mậy. Tao chở nó đi nhà thương, thằng cha bác sĩ hỏi "anh là thân nhân, con của bác", tao giục mình, trả lời "không, nó là bạn tui". Giả nói thêm "xin lỗi anh", tao tiếp "không, xin lỗi nó á". Thiệt là bất túc cười. Mà cũng tội, nó già lắm mầy ơi, tóc bạc phớt, rưng rưng không còn một cái làm thuốc. Rồi, có nhiều điều bất nhần, mầy nghĩ coi thằng Long "chòn" xưa nay nó hay xem bói toán, tử hồi còn

ở trong trường lặn mầy nhỏ không, vậy mà bị thằng Đinh "bà già" bây giờ là chủ của nó đùa giai một câu nhúc nhối, "đầu mầy bó coi chừng nào mầy giàu bằng tao", thiệt, tao nghe tao muốn động cho nó một đập hết sức...

Tần nghe Thắng phân trần mà lòng bỗng ngậm ngùi, đau thương cho phần số H.O., những kẻ đã ra đi nhờ vào lòng nhân đạo. Nhưng, có phải tình đời đã thật sự đổi thay? Thông thường, con người ta qua lại, gắn bó với nhau phần lớn là do cùng một chí hướng, hoặc giả, ngang hàng và trong cùng một hoàn cảnh. Bạn bè cùng khóa sống chết có nhau ngày xưa là vì cùng chung một nghiệp linh và cùng một hướng đi, giết giặc Cộng. Cho đến lúc có gia đình thì đời sống và nghĩ suy của mỗi đứa cũng đã từ từ rẽ sang hướng khác. Bây giờ, sau mười mấy hai mươi năm trường, gần như một thế hệ đã đi qua, thủ hồi cái gì còn lại là của chung? Họa chăng chỉ còn là dĩ vãng và kỷ niệm! Những ai nặng lòng với dĩ vãng và kỷ niệm như Thắng với Tần thì đều bắt buộc phải cảm thấy đau thương, tiếc nuối, ngậm ngùi. Nhưng, phải quên đi những gì vãng son và hãy nhìn thẳng vào thực tế, để hiểu rằng H.O. vẫn còn sướng chán!

Tần nhìn nhủ với bạn:

- Nghe mầy nói sao mà nản quá hả? Không ngờ có nhiều thằng cà chớn, đối xử tệ bạc với bạn bè như thế! Mà rồi vài ba năm nữa mầy coi, không chừng trong bọn qua sau của mầy cũng có thằng sẽ hành xử giống như vậy thôi, tao nghĩ. Rất có thể cũng "bạn, bạn" suốt cả ngày như đám đi trước. Đời là thế. Mà nói cho cùng, số phận H.O. tuy sang đây lao đao lận đận ở giai đoạn đầu, nhưng có rất nhiều người muốn được như vậy lắm mà không được đó mầy. Nhứt là so với những người còn kẹt trong trại cải tạo, những tù nhân chính trị mà các hội đoàn, liên minh, mặt trận đang lo tranh đấu với quốc tế, làm áp lực để bọn Cộng Sản sớm thả họ ra. Theo danh sách đợt 1 rồi đợt 2 đã phổ biến trên báo chí thì cũng còn đến 5, 6 trăm người chờ ít ỏi gì đâu.

- Úa, mầy nói cũng đúng đó, thành phần ở tù dài hạn cho đến ngày này chưa thấy ánh mặt trời mới thật sự đáng thương hơn. Tao nói ra để mầy thấy là tụi tao làm lại cuộc đời cũng gian nan không thua gì tụi mầy dạo trước đâu. Có phần khó khăn hơn bởi vì tại tao giờ đã già rồi, còn lúc đó tụi mầy coi vậy chỗ còn trẻ. Tuổi 50 so với tuổi 30 nó khác nhau nhiều. Và lại, sức khỏe của tụi tao cũng không được nguyên vẹn như xưa sau những năm đói khổ, rách rưới trong trại cải tạo. Ê, mà chừng nào mầy mới bay qua đây thăm tao? Hay là mầy định học sách bọn nhà giàu?

- Vừa phải thôi Thắng, mầy biết tánh tao quá mà! Có lẽ hè này tao sẽ bay qua đó chơi một chuyến, mầy chuẩn bị tiếp đón đi là vừa! , mầy vẫn thường thủ từ liên lạc với thằng Thành ở bên Úc hả?

- Cũng thỉnh thoảng thôi, tao vừa mới được thư của nó đây. Viết ngắn xin có mấy hàng, đại khái hỏi thăm công việc làm ăn và chúc mừng năm mới. Chẳng biết nó có phải là một trong những thằng "bạn, bạn" suốt ngày hay không nữa đây?

- Ôi, cái thằng Thành làm biếng thú tù đó mà mầy trách phiền nó làm chi cho mệt. Ngày xưa ở trong trường nó là thằng làm biếng biếng thú nhứt của bộ ba mình mà mầy không nhớ sao? Đó là nói đến viết thú cho đào chỗ đũng nói viết thú cho bạn. Ê, có khi nào mầy nghĩ tới chuyện về lại Việt Nam không, Thắng? Tao đi lâu quá nhỏ quê hương, nhỏ nhà lắm.

Thắng gạt ngang:

- Giỡn hoài, Tàn! Hồi nào tao khăn gói ôm ra phi trường Tân Sơn Nhứt, nói thiệt nghe nghen, tao không dám hé môi cười cho đến lúc máy bay đáp xuống phi trường Bangkok. Tao sợ tụi cán ngố, bỏ vàng nó giữ lại bắt tù. Chính lũ đó đã biến mình thành những tên hèn hạ, nhứt nhất mầy ơi. Thành thú mầy bàn chuyện về Việt Nam với tao bây giờ coi bộ hơi sớm. Có lẽ tao phải chờ đến khi Cộng Sản sụp đổ, cán ngố, bỏ vàng chết tiệt thì hăng hay! Hê, ở bên mầy đã chuẩn bị Tết nhứt gì chưa?

Tàn than thân, trách phận:

- Ở đây mà Tết nhứt cái gì, mầy! Ở bên mầy đông người Việt họa may còn vui vẻ, có tổ chức Hội Chợ Tết, có ủy lạo Cây Mùa Xuân, có dự lễ cúng Giao Thừa và đi Chùa chiêm hái lộc, chỗ còn chỗ của tao khi ho cò gáy, tụ họp lại ăn bữa cơm Tất Niên rồi ca hát, nhạc nhiech cho đám trẻ nhảy đầm là xong. Không lân không pháo, không mai không đào, không câu đối đỏ, không màu với tui. Rồi nếu không rơi vào ngày cuối tuần thì hầu hết đám con Rồng cháu Tiên ta lại cú phải tà tà đi làm. Đồi tha hương là vậy đó!

Có tiếng Thắng viện lễ:

- Ê, thôi nghen Tàn, tao phải chở bà xã đi đàng này có chút việc!

- Ở kê, rành rồi tao sẽ gọi mầy nữa. Tụi mình nói hoài cũng không bao giờ hết chuyện, chỉ tổ làm giàu cho hãng điện thoại. , nếu có gặp bạn bè thì cho tao gửi lời thăm còn có nhậu với thằng nào thì uống giùm tao một ly nghen mầy.

- Ủa, bye mầy.

- Bye...

Tàn bồng tính nhẩm, với 25 đồng một ngày đem chia cho 8 thì vị chỉ chỉ hơn 3 đồng một giờ, khoảng bảy mươi phần trăm so với mức ấn định tối thiểu của chính phủ hiện thời là 4 đồng 25 xu. Đúng là bóc lột sức lao động thiệt. Rồi 25 nhón 5 bằng 125 đồng một tuần, 125 nhón 4, chỉ có 500 đồng một tháng. Chưa đủ trả tiền muốn nhà thì làm sao mà chi dụng cho tiền ăn, tiền xăng, tiền điện, tiền nước? Thời buổi kinh tế xuống dốc, mọi thứ đều trở thành gạo châu củi quế thì kể ra cũng gay go thiệt đó chứ! Nhưng mà làm gì thì làm, phải quơ quào, đào xới, bới móc ở đâu đó mà kiếm cho ra. Tiền! Có tiền mới có sống! Nói thì nghe khốn khổ, dữ dằn, ghê gớm như vậy nhưng lịch sử tỵ nạn Mỹ chưa từng ghi nhận một tên tỵ nạn Việt Nam nào chết vì đói cả! Bởi thế cho nên Tàn tin tưởng rằng những thằng bạn lính cùng khóa qua sau chạy muộn của mình, trong đó có Thắng, sẽ thừa khả năng và nghị lực để tham dự cuộc hành quân chốt, cuộc hành quân nhón đạo, cùng diu nhau H.O. qua những mùa đông của quãng nửa đời còn sót lại này.

Tàn thờ dài khi bắt chợt nhìn ra bên ngoài, cả bầu trời vẫn còn xám xịt mây đen... ●



## ĐỌC THƠ HUY GIANG

### Vùng Thảo Nguyên

**T**ự dưng mà tôi nhớ hai câu thơ của Đông Hồ:

*Đã thấy lằng lằng hồn giản dị  
Hồn tan theo nước, ý theo mây...*

tôi đem hai câu thơ đó đặt lên phần mở đầu cho bài viết "nhận định" tập thơ của Huy Giang.

Huy Giang gửi tặng tôi tập thơ "**Vùng Thảo Nguyên**" của anh, lâu rồi. Một tập thơ mỏng, trang nhã, giản dị, in tại Đức - nơi anh cư ngụ từ ngày rời bỏ Quê Hương đi tìm Tự Do.

*Vùng Thảo Nguyên* có hai ưu điểm: Hình thức: đẹp và Nội dung: súc tích. Về hình thức thì theo cái nhìn của tôi nó không phản bội tôi và chắc ai cũng đồng ý với tôi. Còn về nội dung thì mỗi người hẳn nhiên thẩm định một cách theo tâm cảm riêng của mình. Các ông Dương Huệ Anh và Yên Sơn viết Tựa và viết Bạt như một lời phê bình, tôi thấy là đầy đủ và nếu tôi có nói thêm điều gì thì sẽ trùng lặp thôi!

Tôi nhắc hai câu thơ Đông Hồ khi nhập đề là tôi có lý do: Huy Giang cùng quê với Đông Hồ - Rạch Giá-Hà Tiên, Kiên Giang. Ai ai cũng biết Đông Hồ nổi tiếng nhờ tài Thơ-Văn-Bích-Họa trong Thế Kỷ Hai Mươi, là một niềm hãnh diện của Việt Nam nói chung, của người sống ở Đồng Bằng Sông Cửu Long nói riêng. Người ta thường nói: Con nhà tông không giống lông cũng giống cánh. Huy Giang không phải là con của Đông Hồ nhưng Huy Giang cùng quê và thuộc Thế Hệ Tiếp Nối. Có thể Huy Giang chưa đậm đà, sâu lắng trong lời thơ, ý thơ nhưng tập thơ *Vùng Thảo Nguyên* của Huy Giang là một triển vọng.

Điều tôi thấy chung: Người sinh trưởng ở vùng đồng bằng thường ai cũng giản dị gần như thông dong trong mọi cách sống, cách nghĩ. Nhiều người bảo ông Đông Hồ cầu kỳ trong cách giao tế với bằng hữu,

nghĩ cho cùng tại ông có thời kỳ sống ở Bắc và viết báo Nam Phong, đương nhiên là ông nhiễm Bắc... Cũng thế, Huy Giang đã bắt đầu lai vì anh sống ở Châu Âu nhiều năm nay... Nhưng cái nguồn cội, cái bản chất Nam Bộ hầu như là người Miền Nam ai cũng giản dị!

Trong thơ Đông Hồ thiếu tính Anh Hùng, vì Đông Hồ không dẫn thân vào cuộc chiến bao giờ... chỉ có tản cư tìm chốn an thân. Còn Huy Giang thì lớn lên tới tuổi thanh niên phải nhập ngũ, phải xa nhà, phải xông pha tên đạn. Huy Giang muốn sống hồn nhiên, không đượ, ngay cả lúc chiến tranh chấm dứt, cuộc chiến ý thức hệ lại bùng lên khốc liệt gấp ngàn lần cuộc chiến tranh giành đất cướp dân! Tuy nhiên Huy Giang có vẫy vùng cách nào trong thơ của anh, anh vẫn không rời được bản chất Nam Bộ!

Trong thời trước Huy Giang, chúng ta thấy có Kiên Giang. Kiên Giang nổi tiếng nhờ những bài thơ làm trong chiến tranh kháng Pháp, thêm phần Kiên Giang từng sống chung, bảo bọc cho một thi tài trác tuyệt là Nguyễn Bình, ảnh hưởng có qua lại. Tiếp theo Kiên Giang, tôi đang nghĩ tới Huy Giang...

Mở đầu thế nào thì Kết thúc, tôi cũng giữ nguyên ý cảm ban đầu:

*Đã thấy lằng lằng hồn giản dị  
Hồn tan theo nước, ý theo mây...*

Trong mộng tượng tôi thấy Huy Giang đang bước tới. Chúng ta có quyền chờ đợi người về với Quê Hương dù trong dáng điệu thông dong nhưng cũng mệnh mang hùng khí.

● Ngô Thị Hải Vân

San Jose, California - Hoa Kỳ  
Tháng Chín 1998.

# Bốn năm với trường trung học Thủ Khoa Nghĩa

(Tiếp theo VG 106)

Niên khóa 1954-55, Trung học có 4 lớp Đệ Thất, 3 lớp Đệ Lục, 2 lớp Đệ Ngũ và 1 lớp Đệ Tứ. Lớp 7A (Thất A) gồm toàn Nữ sinh, lớp 7B Nam sinh giỏi, 7C trung bình, 7D đậu vớt.

Ngày khai trường (học sinh 7C và 7D còn mượn cơ sở trường Nam Tiểu học), kéo quá trường Trung học mới cất dở, sắp hàng chào cờ, không khí thật nghiêm trang, im phăng phắc. Tân Hiệu Trưởng là ông Ngô Văn Du. Sau bản Quốc Ca, tôi đứng sau nghe tiếng ông đốc Thái Văn Thân (Surveillant général - Tổng Giám thị) cất tiếng "Trường Trung Học Thủ Khoa Nghĩa xin chào", rồi ông bỏ lửng, im luôn.

Trước khi bắt đầu viết về Trường Trung Học Thủ Khoa Nghĩa, tôi xếp 26 tấm ảnh cũ chụp từ 1952 - 1958 theo thứ tự thời gian ghi trên ảnh. Nhìn những gương mặt, y phục, cảnh vật trong ảnh rồi vận động trí nhớ ghi lại các chi tiết, song song có gì thắc mắc, điện thoại hỏi bạn bè thêm. Biết bao nhiêu, viết bấy nhiêu, không dám múa dậm gây vướn hoang, người tôi may mắn liên lạc được là anh Dương Văn Chung hiện ở Sydney, học trên tôi 3 lớp, anh kể nhiều chi tiết thời anh học, trước khi tôi vào Trung Học.

Đầu tiên Trường Trung Học tỉnh Châu Đốc có tên "**Collège de Châu Đốc**" năm thành lập là 1948 hoặc trước đó, vì năm 1952-53, đã có một lớp Đệ Tứ (lớp 9).

Năm 1950 đổi tên thành **Trung Học Châu Đốc**.

Năm 1954 đổi thành **Trung Học Thủ Khoa Nghĩa** đến nay vẫn còn tên này.

Để khỏi lẫn lộn, tôi xin ghi tên cấp lớp tương đương ngày nay.

Tên cấp lớp theo thời gian:

<u>Trước 1950</u>	<u>Sau 1950</u>	<u>Sau 1971</u>
-Cours Enfantin	Lớp Năm	Lớp 1
-Cours Préparatoire	Lớp Tư	Lớp 2
-Cours Élémentaire	Lớp Ba	Lớp 3
-Cours Moyen un )	Lớp Nhì	Lớp 4
-Cours Moyen deux)		
-Cours Supérieur	Lớp Nhứt	Lớp 5
<b>Trung Học</b>		
-Premier année	Đệ Thất 7è	Lớp 6
-Deuxième année	Đệ Lục 6è	Lớp 7
-Troisième année	Đệ Ngũ 5è	Lớp 8
-Quatrième année	Đệ Tứ 4è	Lớp 9
Seconde	Đệ Tam	Lớp 10

Năm 1952, việc đổi tên cấp lớp đã gây lưỡng cống. Lớp Premier Année đổi thành Đệ Thất hay 7ème. Trước đếm từ lớp Năm tới lớp Nhứt, sau đếm ngược từ lớp 7 (Đệ Thất). Rồi sau 1970, lại đổi theo hệ thống Mỹ, lớp Năm (năm đầu Tiểu Học) thành lớp 5 (năm cuối Tiểu Học). Lộn xộn quá.

Châu Đốc là một trong những tỉnh có Trung Học sau cùng, so với các tỉnh kỳ cựu như Mỹ Tho, Cần Thơ, Vĩnh Long.

Hiệu Trưởng đầu tiên là ông Phạm Ngọc Đa, nhà ở xóm đường Hàng Sáo, tu theo phái Thông Thiên Học qua Ấn Độ với nhóm nhà thuốc Võ Văn Vân, thỉnh được cây Bồ Đề con của cây Bồ Đề chỗ Đức Phật thành đạo. Lúc mang về, Nam Kỳ có 21 tỉnh, tỉnh nào cũng giành trồng, nên bắt thăm, rút cuộc cây Bồ Đề về tỉnh Châu Đốc, lúc đó khoảng năm 1949. Cây Bồ Đề được trồng ở Bồ Đề Đạo Tràng, địa điểm gần bến xe ngày nay. Ban đêm, có kẻ lên chặt đứt cây, nên phải đổ sữa sôc nuôi cây và rào lại. Cây bị chặt sát gốc, mọc lên năm nhánh, ngày nay là cây cổ thụ năm gốc, lá xanh che mát cả khu. Ngôi chùa nhỏ đủ vài người đứng lễ Phật. Thỉnh thoảng ông Đốc Châu Văn Đồng thuyết pháp, một vài nhân sĩ trong tỉnh ngâm thơ đạo vang cả tỉnh. Bồ Đề đạo tràng là khu công viên hóng mát, trẻ con chơi đùa. Ông Bày làm Tử, nói chuyện lấp bắp, tịt nguyền. Bọn tôi đứng xa trêu chọc "Bây queo!". Xin lỗi Bác Bày, bọn cháu mất dạy quá.

Sau ông Đốc Đa là ông Tài, gốc Bắc, tóc hớt court, người gầy. Thời đó là năm cuối trước khi phân chia Nam Bắc. Đường Châu Đốc - Long Xuyên thuộc quân đội Cựu Hai Ngaoán (Tuồng Lâm Thành Nguyên). Dinh cậu ở quận Cái Dầu, xe chạy ngang rất cẩn thận, sợ đụng, dù là con chó cũng gây khó khăn. Xe đồ phải ngừng ở các trạm Phước Thiện để "đóng Phước Thiện". Tướng Năm Lửa (Trần Văn Soái) dùng thủy phi hoàn xuống Châu Đốc duyệt binh. Bà vợ ông cũng có một đoàn nữ binh và một nữ binh xách giỏ trâu cho bà đi điều hành trước Nhà Lớn, gần bên nhà trưởng.

Từ niên học 1954 về sau, trường Trung Học Châu Đốc đổi tên thành trường **Trung Học Thủ Khoa Nghĩa**, tên một vị quan Nam triều cuối cùng, tác giả "Kim Thạch Kỳ Duyên" vở tuồng hát bội nổi tiếng thời đó. Cuộc đời hoạn lộ Ngài Thủ Khoa gian truân, hoàn cảnh gia đình bi đát không kém. Quê cụ Bùi Hữu Nghĩa ở Cần Thơ, làm Tri huyện Trà Vang (Trà Vinh), vì bệnh vực dân nghèo không kiêng nể tham quan ô lại Trương Văn Uyên nên bị khép tội tử hình. Vợ là bà Nguyễn Thị Tồn, kiên tâm đắp ghe bầu ra Huế đánh trống kêu oan tại tòa Tam Pháp. Ông được tha tội tử hình, nhưng bị đày đi tiền quân hiệu lực đóng ở Vĩnh Thông, Châu Đốc. Mãi lo việc quân, khi nghe tin bà vợ mất trên đường về, không về chôn cất được, có cảnh nào nát lòng hơn? Ông gởi hai câu phúng điệu vợ:

- "Ngã bần, khanh năng trợ, ngã oan khanh năng minh.

- Triều quận giai xứng khanh thị phụ

- Khanh bệnh, ngã bất dục, khanh tử, ngã bất táng.

- Giang sơn ứng tiểu ngã phi phụ".

Dịch:

- "Ta nghèo khanh giúp đỡ, ta bị oan khanh có thể giải oan.

- Trong triều ngoài quận đều khen khanh đúng là người vợ.

- Khanh bệnh ta không thang thuốc, khanh mất ta không chôn cất.

- Núi sông cười ta không đứng mặt làm chồng".

ngồi". Giò Pháp vẫn thật khó thờ, toàn văn phạm vô bổ, participe présent, analyse logique, grammatiche khô khan. Sau đó lên lớp trên bọn tôi học với thầy Nguyễn Thế Trung và Trần Cao Luận, gốc Bắc. Đệ Tú bắt đầu học thơ văn Pháp, luận văn và dịch.

Thầy Lê Hữu Thời dạy Việt văn, thầy sống nghệ sĩ, vui tánh. Năm 1954 mà dám đọc bài "Bức thư của Hoàng Hoa Thám gửi cho cha" (của Tố Hữu) kể ra rất căng cường. Thầy sống rất mẫu mực, tôi ở nhà bác Hai Khá sát bên nhà thầy, cuối tuần thủ bầy chữa bài từ sắc suốt đêm, thầy bưng tô nước trà qua ngồi góp vui câu chuyện nhưng không bao giờ đụng tới cây bài. Thầy nuôi 8 người con, 5 người cháu đều thành đạt. Gặp thầy ở Caen năm 87, thầy tặng tôi một bài thơ nay còn giữ. Thầy mất năm 1989.

Thầy Trần Sung, gốc Kỹ sư (Bác vật Trần Kim) dạy đại số hình học, lúc giải phương trình, 2x tôi viết thành 2x (2 luyến thừa x) vì chép sai, đáp số đúng mà vẫn bị zéro, tôi không hiểu sao, bây giờ mới vỡ lẽ. Thầy Trần Sung người cao lớn, hình như một trong những giáo sư cao niên nhất, còn ảnh hưởng Pháp sâu đậm, mở miệng là "bon".

Thầy Phan Cao Nhứt, dạy môn gì tôi quên mất, da ngăm ngăm, mặc áo trắng 4 túi, vô cùng gay gắt. Nghe mấy đứa lớp trên kể lại cũng đủ ón lạnh. Bước vào lớp, bọn học trò đứng yên như tượng gỗ, thầy kéo ghế ngồi xuống, mặt tối sầm, mai mĩa "Ngồi xuống đó...!". Thầy đánh dữ quá, bặm môi, nắm đầu học sinh dọng vô báng. Mỗi lần thầy bước vào lớp, lớp lạnh tanh, run đui vì sợ cũng là lý do no đòn.

Thầy Trần Văn Hai, trẻ, mới ra trường, gốc Nguyễn Đình Chiểu, Mỹ Tho, dạy toán rất hay, lớp tú đồng học sinh, có điều thầy hay chửi và khó khăn quá. Thầy có ác cảm với tôi, lý do không rõ, tuy tôi rất trọng thầy, có lẽ vì hai chất hóa học trong người thầy và tôi chống nhau. Tôi sợ thầy như cọp, rất lễ phép, mong thầy nương tay. Tôi học kém, có khi hỏi, bị thầy *nap* nên nin khe, thầy không trả lời mà hỏi lại, làm tôi nghẹn luôn. Sau năm 1956, thôi học với thầy tới giờ, những điều thầy dạy không còn lưu lại dấu vết hay ảnh hưởng chút nào sau này. Em xin phép quên ơn thầy, nhất là câu kết luận sau mỗi bài giảng, "Đứa nào không hiểu ăn ruột chó cùn".

Ông Đốc Phúc dạy Việt văn, chấm câu bằng tiếng "hà", dạy Việt văn lớp Thất A. Thầy Hiệu già mặc complet trắng, đội *nón cối* trắng, khi về hưu, hết luôn môn Hán văn "huyết hồi tâm, máu về tim".

Thầy Ngô Vinh Nghĩa, tú tài toán, dạy toán từ Đệ Lục đến Đệ Tú. Tôi học chậm, các từ ngữ kê bù, đồng dạng... mất căn bản và sợ toán tới giờ. Thầy dạy hay gặp tôi học trò dò tề cái số tôi ít bị kêu lên bảng nên yên thân được bốn năm. Ngày nay tôi dò toán và khoa học, lại dính tới hai môn này, quả là nghiệp dĩ. Một số các giáo sư tôi còn nhớ, thầy Lê Hoàng Tấn (Việt văn), thầy Ánh (Sử-Địa), thầy Thuận, thầy Trần Thiện Hiếu (Việt văn), thầy Vũ Hữu Diện (Lý hóa đệ ngũ), cô Đặng Thị Ngọc (Pháp văn), thầy Thi dạy Nhạc. Thầy Trần Mạnh Cẩm có tài nhớ nét chữ học trò, vẽ bằng hai tay.

Suốt năm Đệ Thất, tôi lơ mơ chưa tỉnh, học chậm, trong sổ điểm hàng tháng, có khi tôi hạng 51 trong 52 đứa, lay hoay copier bọn nó rồi cũng đủ điểm lên lớp, tôi không mong bảng danh dự, dĩ nhiên "không cần" lãnh thưởng làm gì. Miễn có tiếng là học sinh Trung Học đủ rồi. Năm đó có bốn lớp Đệ Thất, ba lớp Đệ Lục, hai lớp Đệ Ngũ và một lớp Đệ Tú.

Năm 1954, tôi quan sát, lúc đó Đệ Tú khoảng chừng 15 học sinh. Tất cả đều chững chạc, nghiêm trang có tư cách và chăm

học. Khi họ nói chuyện hoặc ra sắp hàng chào cô đều xúng đáng bậc đàn anh, chưa hút thuốc, uống rượu, dĩ nhiên có anh chưa biết uống cà-phê. Hôm lãnh thưởng, anh Chung lãnh nhiều, cảm không hết, phải nhờ chú Xuân lao công bưng dùm cái đồng hồ lớn treo tường. Phần thưởng lớp Đệ Ngũ, Lý Hoàn Minh lãnh cái Radio, Chị Lan lãnh cái máy may. Đó là những món rất đắt tiền thời đó, học sinh cả tỉnh ao ước. Mãi đến năm 1957, bác Hai Khá mới mua lại cái Radio cũ cho bọn tôi nghe cái lừng và ban kịch Dân Nam. Gần đây tình cờ liên lạc được với anh Chung, mới khám phá ra là chị Phấn cùng lớp anh vừa là bạn đời của anh. Mỗi ngày hôm qua này anh chị còn học Đệ Tú đây mà! Bây giờ anh chị đã là ông bà nội.

Thời điểm năm 1954 chỉ có 4 dãy lớp, chừng 16 phòng học, tổng số học sinh chừng trên năm trăm. Tôi nhớ gần hết tên bạn học lớp Đệ Thất C, vì học chung nhau bốn năm, chỉ có vài thay đổi nhỏ. Năm đầu Lâm Ngọc Châu làm *Major* (Trưởng lớp), Tân làm phó, mỗi lần tôi phiên lớp chào cờ, Tân ra đánh nhịp. Năm 1961 gặp lại Lâm Ngọc Châu ở Rạch Giá, hẳn đang bận bán vé xe đò, tôi ăn tô bún xào và uống ly nước ngọt, họ nhứt định không chịu lấy tiền, vì tôi là bạn Châu. Oai dữ vậy ta!

Nửa năm đầu chưa có đồng phục, cần mặc áo sơ-mi trắng, mặc quần dài, bỏ áo ra ngoài, mang guốc, đó là tối thiểu. Nửa năm sau, áo trắng, quần tay dài, bỏ áo vô trong, mang giày hay sandale hoặc mặc bà ba trắng, mang sandale hay guốc vòng (mau môn). Tấm hình chụp năm Đệ Ngũ (1957) không còn thấy đứa nào mặc áo bà ba.

Nữ sinh mặc áo bà ba trắng, quần đen, mang guốc vòng, guốc cao gót chưa thịnh hành. Nữ sinh còn kẹp tóc dài, nhưng độ vài năm sau, ít thấy ai để tóc dài. Những mái tóc quấn xoắn thay thế mái tóc dài tha thướt, mọc mọc với gương mặt thật, không điểm phấn tô son.

Buổi sáng đọc theo đường Hàng Sáo, tiếng guốc rộn rã, học sinh tối sớm ăn sáng trước trường, xe bánh mì pâté, cháo đậu, xôi, bèn xe nước đá chú Bảy Đuộc.

*Insigne* (phủ hiệu) màu xanh dương, giữa là mặt trời trắng có nhiều tia. Thầy Tông mang *insigne* Trung Học, xách ly đi mua cà-phê đá tại Bar Nam Hiệp, lúc trả tiền cho cô Nhung nhúc nhác, nó lắt lắt túi trên như móc tiền cốt ý cho cái *insigne* "chóp chóp", "ta là học sinh Trung Học đây". Không biết cô Nhung có nể nang gì nó không.

Giáo sư giai đoạn đầu, hầu hết gốc Giáo viên Tiểu Học, lên dạy Trung Học, các vị thường là Đốc Học (Hiệu Trưởng) xuất thân từ trường École Normale (gần Sở Thú ngày nay), cũng có vị có Diplôme hay Brevet (tương đương 9 năm học, nhưng thời đó trình độ cao và thi cử khó khăn hơn ngày nay nhiều), Đức Dục nặng như Trí dục. Học École Normale được trả học bổng nội trú, không tốn kém cho cha mẹ

"*Dứa leo chấm với cá kèo*

*Cha mẹ tôi nghèo, tôi học Normal*"

Trình độ Pháp văn đáng bậc thầy Tú Tài sau này, không hiểu sao bọn tôi được dạy:

"*Je mange du riz, je bois de l'eau*"

"Tôi ăn cơm, tôi uống nước" loại tiếng Pháp "bầy tôi". Cũng giống như một bà Việt Nam trách bà chủ nhà Đức lòng gặt tiền điện "*Sie sehen ich dummm, ich nicht dummm!*" (bà thấy tôi ngu hả, tôi không ngu đâu!).

Sau Hiệp định Genève năm 1954, cuối năm có một số giáo sư gốc Bắc đổi vào, các vị này đều có Tú Tài nên dạy các môn

ngồi!". Giở Pháp văn thật khó thở, toàn văn phạm vô bổ, participe présent, analyse logique, grammatiche khô khan. Sau đó lên lớp trên bọn tôi học với thầy Nguyễn Thế Trung và Trần Cao Luận, gốc Bắc. Đề Tú bắt đầu học thơ văn Pháp, luận văn và dịch.

Thầy Lê Hữu Thời dạy Việt văn, thầy sống nghệ sĩ, vui tánh. Năm 1954 mà dám đọc bài "Bức thư của Hoàng Hoa Thám gửi cho cha" (của Tố Hữu) kể ra rất cang cường. Thầy sống rất mầu mực, tôi ở nhà bác Hai Khá sát bên nhà thầy, cuối tuần thứ bảy chúa bài tử sắc suốt đêm, thầy búng tô nước trà qua ngồi góp vui câu chuyện nhưng không bao giờ đụng tới cây bài. Thầy nuôi 8 người con, 5 người cháu đều thành đạt. Gặp thầy ở Caen năm 87, thầy tặng tôi một bài thơ nay còn giữ. Thầy mất năm 1989.

Thầy Trần Sung, gốc Kỹ sư (Bác vật Trần Kim) dạy đại số hình học, lúc giải phương trình, 2x tôi viết thành 2x (2 lũy thừa x) vì chép sai, đáp số đúng mà vẫn bị zéro, tôi không hiểu sao, bây giờ mới vỡ lẽ. Thầy Trần Sung người cao lớn, hình như một trong những giáo sư cao niên nhất, còn ảnh hưởng Pháp sâu đậm, mở miệng là "bon".

Thầy Phan Cao Nhứt, dạy môn gì tôi quên mất, da ngâm ngâm, mặc áo trắng 4 túi, vô cùng gay gắt. Nghe mấy đứa lớp trên kể lại cũng đủ ớn lạnh. Bước vào lớp, bọn học trò đứng yên như tượng gỗ, thầy kéo ghế ngồi xuống, mặt tối sầm, mai mĩa "Ngồi xuống đó...!". Thầy đánh dữ quá, bậm môi, nắm đầu học sinh dọng vô báng. Mỗi lần thầy bước vào lớp, lớp lạnh tanh, run đui vì sợ cũng là lý do no đòn.

Thầy Trần Văn Hai, trẻ, mới ra trường, gốc Nguyễn Đình Chiểu, Mỹ Tho, dạy toán rất hay, lớp tú đồng học sinh, có điều thầy hay chửi và khó khăn quá. Thầy có ác cảm với tôi, lý do không rõ, tuy tôi rất trọng thầy, có lẽ vì hai chất hóa học trong người thầy và tôi chống nhau. Tôi sợ thầy như cọp, rất lễ phép, mong thầy nương tay. Tôi học kém, có khi hỏi, bị thầy *nạp* nên nín khe, thầy không trả lời mà hỏi lại, làm tôi nghẹn luôn. Sau năm 1956, thôi học với thầy tôi giờ, những điều thầy dạy không còn lưu lại dấu vết hay ảnh hưởng chút nào sau này. Em xin phép quên ơn thầy, nhứt là câu kết luận sau mỗi bài giảng, "Đứa nào không hiểu ăn ruột chó cùn".

Ông Đốc Phúc dạy Việt văn, chấm câu bằng tiếng "hà", dạy Việt văn lớp Thất A. Thầy Hiệu già mặc complet trắng, đội *nón cối* trắng, khi về hưu, hết luôn môn Hán văn "huyết hời tâm, máu về tim".

Thầy Ngô Vĩnh Nghĩa, tú tài toán, dạy toán từ Đề Lục đến Đề Tú. Tôi học chậm, các từ ngữ kê bù, đồng dạng... mất căn bản và sợ toán tới giờ. Thầy dạy hay gặp tôi học trò dở tệ cái số tôi ít bị kêu lên bảng nên yên thân được bốn năm. Ngày nay tôi dở toán và khoa học, lại dính tới hai môn này, quả là nghiệp dĩ. Một số các giáo sư tôi còn nhớ, thầy Lê Hoàng Tấn (Việt văn), thầy Ánh (Sử-Địa), thầy Thuận, thầy Trần Thiện Hiếu (Việt văn), thầy Vũ Hữu Diện (Lý hóa đệ ngũ), cô Đặng Thị Ngọc (Pháp văn), thầy Thi dạy Nhạc. Thầy Trần Mạnh Cẩm có tài nhớ nét chữ học trò, vẽ bằng hai tay.

Suốt năm Đề Thất, tôi lơ mơ chưa tỉnh, học chậm, trong sổ điểm hàng tháng, có khi tôi hạng 51 trong 52 đứa, lay hoay copier bọn nó rồi cũng đủ điểm lên lớp, tôi không mong bảng danh dự, dĩ nhiên "không cần" lãnh thưởng làm gì. Miễn có tiếng là học sinh Trung Học đủ rồi. Năm đó có bốn lớp Đề Thất, ba lớp Đề Lục, hai lớp Đề Ngũ và một lớp Đề Tú.

Năm 1954, tôi quan sát, lúc đó Đề Tú khoảng chừng 15 học sinh. Tất cả đều chững chạc, nghiêm trang có tư cách và chăm

học. Khi họ nói chuyện hoặc ra sắp hàng chào cô đều xúng đáng bậc đàn anh, chưa hút thuốc, uống rượu, dĩ nhiên có anh chưa biết uống cà-phê. Hôm lãnh thưởng, anh Chung lãnh nhiều, cảm không hết, phải nhờ chú Xuân lao công búng dùm cái đồng hồ lớn treo tường. Phần thưởng lớp Đề Ngũ, Lý Hoàn Minh lãnh cái Radio, Chị Lan lãnh cái máy may. Đó là những món rất đắt tiền thời đó, học sinh cả tỉnh ao ước. Mãi đến năm 1957, bác Hai Khá mới mua lại cái Radio cũ cho bọn tôi nghe cái lướng và ban kịch Dân Nam. Gần đây tình cờ liên lạc được với anh Chung, mới khám phá ra là chị Phần cùng lớp anh vừa là bạn đời của anh. Mỗi ngày hôm qua này anh chị còn học Đề Tú đây mà! Bây giờ anh chị đã là ông bà nội.

Thời điểm năm 1954 chỉ có 4 dãy lớp, chừng 16 phòng học, tổng số học sinh chừng trên năm trăm. Tôi nhớ gần hết tên bạn học lớp Đề Thất C, vì học chung nhau bốn năm, chỉ có vài thay đổi nhỏ. Năm đầu Lâm Ngọc Châu làm *Major* (Trưởng lớp), Tân làm phó, mỗi lần tới phiên lớp chào cô, Tân ra đánh nhịp. Năm 1961 gặp lại Lâm Ngọc Châu ở Rạch Giá, hần đang bán vé xe đò, tôi ăn tô bún xào và uống ly nước ngọt, họ nhứt định không chịu lấy tiền, vì tôi là bạn Châu. Oai dữ vậy ta!

Nửa năm đầu chưa có đồng phục, cần mặc áo sơ-mi trắng, mặc quần dài, bỏ áo ra ngoài, mang guốc, đó là tối thiểu. Nửa năm sau, áo trắng, quần tay dài, bỏ áo vô trong, mang giày hay sandale hoặc mặc bà ba trắng, mang sandale hay guốc vòng (mau mòn). Tấm hình chụp năm Đề Ngũ (1957) không còn thấy đứa nào mặc áo bà ba.

Nữ sinh mặc áo bà ba trắng, quần đen, mang guốc vòng, guốc cao gót chưa thịnh hành. Nữ sinh còn kẹp tóc dài, nhưng độ vài năm sau, ít thấy ai để tóc dài. Những mái tóc quấn xoắn thay thế mái tóc dài tha thướt, mọc mọc với gương mặt thật, không điểm phấn tô son.

Buổi sáng đọc theo đường Hàng Sáo, tiếng guốc rộn rã, học sinh tôi sớm ăn sáng trước trường, xe bánh mì pâté, cháo đậu, xôi, bèn xe nước đá chú Bảy Được.

*Insigne* (phủ hiệu) màu xanh dương, giữa là mặt trời trắng có nhiều tia. Thầy Tông mang *insigne* Trung Học, xách ly đi mua cà-phê đá tại Bar Nam Hiệp, lúc trả tiền cho cô Nhung nhúc nhác, nó lắt lắt túi trên như móc tiền cốt ý cho cái *insigne* "chóp chóp", "ta là học sinh Trung Học đây". Không biết cô Nhung có nể nang gì nó không.

Giáo sư giai đoạn đầu, hầu hết gốc Giáo viên Tiểu Học, lên dạy Trung Học, các vị thường là Đốc Học (Hiệu Trưởng) xuất thân từ trường École Normale (gần Sở Thú ngày nay), cũng có vị có Diplôme hay Brevet (tương đương 9 năm học, nhưng thời đó trình độ cao và thi cử khó khăn hơn ngày nay nhiều), Đức Dục nặng như Trí dục. Học École Normale được trả học bổng nội trú, không tốn kém cho cha mẹ

"*Dứa leo chắm với cá kèo*

*Cha mẹ tôi nghèo, tôi học Norma!*"

Trình độ Pháp văn đáng bậc thầy Tú Tài sau này, không hiểu sao bọn tôi được dạy:

"*Je mange du riz, je bois de l'eau*"

"Tôi ăn cơm, tôi uống nước" loại tiếng Pháp "bầy tôi". Cũng giống như một bà Việt Nam trách bà chủ nhà Đức lướng gạt tiền điện "*Sie sehen ich dummm, ich nicht dummm!*" (bà thấy tôi ngu hả, tôi không ngu đâu!).

Sau Hiệp định Genève năm 1954, cuối năm có một số giáo sư gốc Bắc đổi vào, các vị này đều có Tú Tài nên dạy các môn

chánh như Toán, Lý Hóa, Pháp Văn, không khí học tập thêm hứng khởi. Chiến tranh vừa chấm dứt, phụ huynh nức lòng cho con đi học, trường sở mở rộng thêm, các lớp đêm đông học sinh, tôi cũng đi học, dở toán mà trốn học toán.

Không khí chánh trị thay đổi đầu ở Sài Gòn ảnh hưởng đến nếp sống thường nhật khá nhiều. Trận đánh cuối cùng ở Cái Dầu làm đường Châu Đốc - Long Xuyên gián đoạn mấy ngày. Quân đội cậu Hai Ngoán tan rã, cậu Hai và cậu Ba (Ba Bô) thôi lái xe Cadillac và Traction quinze qua Châu Đốc ăn nhậu nữa. Chiếc Cadillac là kỳ quan cho bọn tôi như chiếc xe Xi-gà của tướng cướp Hiệp Liệt trong chuyện *Châu Về Hợp Phố* đăng trên nhật báo Thần Chung. Suốt mấy năm liền, mỗi tuần có những cuốn tiểu thuyết mỏng loại định kỳ, giá một đồng một cuốn, trọn bộ dường như hai chục cuốn. Tiểu thuyết in trên giấy thường như *Đàng Đầu Lâu Máu*, *Kinh Thiên Đại Khách*, *Hiệp Sĩ Què*, *Đàng Huỳnh Long* v.v... Mỗi tuần mua để dành, sau thành bộ, đọc đi đọc lại. Tôi để dành được 8 bộ, mang về quê cất, ông già tôi lại xé từng tờ để gói đinh bán ráo. Tờ nhật báo mỗi tờ một đồng, giao tận nhà như *Tiếng Chuông*, *Thần Chung* v.v...

Tôi không nhớ ra, khoảng giữa những năm từ 1952 - 1954 một biển cổ hải hùng xảy ra làm cả tỉnh rúng động. Biển cổ Bar Thanh Đạm. Trên đường vô Núi Sam, cách tỉnh lỵ Châu Đốc chừng 2 cây số, lúc đó chưa có nhà cửa nhiều, dân cư còn thưa thớt, Bar Thanh Đạm nằm bên đường, trước sau là đồng trống mát mẻ, chung quanh không có nhà gần. Dân thầy chú chiều chiều thích ra ăn uống hóng gió. Một buổi chiều, có một toán võ trang bắt thực khách ra xếp hàng bắn chết, chỉ có một Thiếu Úy chạy thoát. Trong số nạn nhân có anh Phong, con thầy Trần Sung. Thầy thương nhỏ con, đêm đêm đi thất thểu ngoài phố một mình. Miếu cô hồn Bar Thanh Đạm ghi dấu cuộc thảm sát thời thanh bình có còn không?

Về sinh hoạt, mỗi tháng đều có một buổi sáng "Tổ Cộng" tại sân trường. Các giáo sư gốc Bắc thay phiên thuyết trình đề tài chống Cộng, hai giáo sư chủ động là Trần Thiện Hiếu (hiện ở Sydney) và Vũ Hữu Diên (đã mất). Sinh hoạt cho giáo viên Tiểu Học bắt đầu bằng những cuộc họp hành, rồi Phong Trào Công Chức Cách Mạng Quốc Gia. Bác Hai Khá, sáng dậy dượt bài "Suy tôn Ngô Thủ Tướng", bác thờ phỉ phỏ, bàn tay xoa qua xoa lại mặt mũi vừa hát òm òm "Ngô Thủ Tướng Ngô Thủ Tướng muôn năm...". Thăng Cấn đối lời "Tô hủ tiểu tô hủ tiểu ăn ngon". Hôm Thủ Tướng Diệm đến Châu Đốc, bọn tôi phải tập dượt cả tuần để đón ông.

Mùa nước năm 55, hai nữ sinh tên Odette và Apoline theo bạn đi chèo xuồng bị chết đuối, gây xôn xao. Hồn hai nữ sinh này thỉnh thoảng hiện về, nghe nói chỗ tôi chưa gặp. Thêm ông trọng tài Tuổi, tiếng nói như chuông, bắt cá bằng điện bị tai nạn mất, làm rúng động tỉnh Châu Đốc, có báo đăng hình ông.

Ngoài việc học chúng tôi giải trí tại hai rạp Lạc Thanh và Tân Việt. Rạp Tân Việt cất năm 1956 bên bờ hồ (sau này hồ bị lấp) trên đường Báo Hộ Thoại. Rạp Lạc Thanh ở đầu chợ, phía trái nếu nhìn từ bờ sông Hậu Giang, chủ người Chà, thường chiếu phim Ấn Độ. Trong "*Xuôi Dòng Cửu Long*" có nhắc tới rạp Tân Kiểng bên hông chợ Châu Đốc (Gạo Chợ, Nước Sông, trang 116). Tôi hỏi tú tung mà không ai biết, Châu Đốc đâu có rạp Tân Kiểng. Gặp người bạn Vĩnh Long mới biết rạp đó ở Vĩnh Long. Phạm Thăng nhân huynh thương Vĩnh Long hơn Châu Đốc, nên đến Châu Đốc mà lòng còn vương vấn quê mình!

Còn nấng Miền Tây và hơi nước bạc Hậu Giang hong chín vài quả tim, như già Thiêm Bù T. và chị H.; già Trình Minh H. với chị L. lớp 7A.

Trường lớp Đệ Lục là anh Đình Văn Giồng, lớn tuổi, một loại *ami protecteur*, rất sốt sắng tranh đấu, có điều *giả* học tệ quá, lớn tuổi học không vô, sau đi Nghĩa Quân, bạn bè là Đại Úy, Thiếu Tá vẫn xứng hô mây tao, sau 75 bị hành dữ vì quen với sĩ quan.

Năm đó cũng có tổ chức cuộc thi ca nhạc toàn tỉnh, tại Nhà Việc. Chị Xinh hạng nhứt, chị người Bắc (không biết tên) hạng nhì, chị Phạm Thị Hiếu hạng ba. Chị Hiếu nổi tiếng văn nghệ của trường, chị là cháu thầy Thờ bên cạnh nhà tôi trọ, mỗi buổi trưa nghe chị đưa võng hát ru em, "Kìa ào ào, chiến xa Việt Nam tiến thẳng lên đường". Dịp này có 3 phần thưởng cho học sinh toàn trường. Phần thưởng Trí Dục (học giỏi) về Chị Lại, 100 đồng. Phần thưởng Đức Dục (hạnh kiểm) thăng Chung Kinh lớp tôi, 150 đồng. Phần thưởng Thể Dục về Anh Giàu, 200 đồng (tương đương 40 tờ hủ tiểu hoặc 240 dollars Úc thời giá bấy giờ).

Vừa lãnh phần thưởng Đức Dục xong, lớp thầy Đào Công Kỳ cũng vào giờ Đức Dục, thăng Châu mang cuốn *Sept Nuits merveilleuses* (Bảy đêm khoáng lạ) vô lớp, chuyên tay khoe, lúi húi bị thầy Kỳ bắt đem lên xem. Chung Kinh khai sách của Châu với Tổng Giám Thị, ra Hội Đồng Kỳ Luật, Châu lãnh *zéro conduite*, bị đuổi. Chung Kinh hết lãnh *Tableaux d'Honneur* (Bảng Danh Dự), từ đó về sau Châu buồn và bỏ học luôn.

Năm 1954 học sinh Châu Đốc, Long Xuyên phải xuống Cần Thơ thi Trung Học Đệ Nhứt Cấp. Anh Chung là ngôi sao sáng, năm đó tỷ số đậu khá cao, vào trường chuyên môn như Quốc Gia Sư Phạm, Thương Mại... ra trường là tốt đỉnh, lương bổng mỗi tháng mua trên 2 lượng vàng. Nhớ Chị Ba trọ nhà thầy Rốt, học sau tôi một năm, vừa đậu Tiểu Học (1955) mừng quýnh, về quê sắm áo dài, xin được chân *Giảng Tập Viên*, lương bổng khoảng 1.800 đồng, ăn cơm nhà đi dạy khá thành thời. Cá mắm rẻ rẻ, chưa kể cha mẹ học trò biểu xén mùa nào thức nấy phù phê, thời đó chưa có nhiều nhu cầu.

Bốn năm Trung Học, tôi như cái bóng ma, không có đứa bạn thân, chơi quanh quẩn xóm, chưa có tú cách khả năng làm đàn em *già* Giồng, chưa thăm ai và chưa mời ai về nhà chơi, vì tôi ở trọ. Bạn bè cãi vã tranh luận, tôi trở mắt nhìn, một ám ảnh mặc cảm ẩn tiềm trong lòng, ngày nay mới tìm ra căn bệnh đó. Tôi sợ ông già tôi như gà thấy cáo. Mỗi lần về quê, thấy bạn bè quen ở tỉnh đi ngang, tôi đều lẩn mất, sợ cái sợ mình, sợ thầy sợ bạn, sợ người. Thăng Nguyễn Văn Nghĩa, bạn cùng lớp, ngồi kế bên tôi, nó giận dữ chuyện gì đó, nhào tới đánh tôi cho được, tôi đội ra sau, ù lì không phản ứng. Thầy Sơn dạy vẽ, lấy sổ biên phạt *consigne* Chủ nhật, không hỏi một lời. Tôi sợ cuống cuống chạy lên xin lỗi thầy; mặt nó vẫn sừng xò - Thưa Thầy Sơn, thầy không được công bình, không chịu tìm hiểu ngọn ngành. Lâu lắm mới gặp nhau trên bến đò Vàm Cống mùa nghỉ hè, hai đứa vẫy tay cười chào nhau, vừa vội vã theo xe chạy, đồ lui, nó là *giáo lá bèo nhèo* vì thời thế.

Năm tôi học Đệ Lục, trường đã có Đệ Tam (lớp 10) từ 1955, đáng lẽ nên học thêm Toán, Lý Hóa, tôi sợ hai môn này, chạy trời không khỏi nắng, vì đi thi đó là hai môn chánh. Tôi mãi mê mơ mộng viễn vông, mỗi lần giải Toán trong lớp, đầu óc tôi u tối, bây giờ mới biết đó là loại bệnh tâm lý ADS (*Attention Deficit Syndrom*) không thể tập trung tư tưởng lâu, nói theo đạo là "tâm viên ý mã". Bị bạn học bỏ xa, tôi buông xuôi tôi đâu thì tới, muốn lấy lại căn bản cũng không được, chỉ bám lấy cái hy vọng, nhờ *piston* của

ông già đẩy, "xài chi" (xài tiền) như kỳ thi vào Đệ Thất. Mãi đến ngày nay vẫn chưa biết giải phương trình bậc 2 và định luật Ohm, điện trở. Mà biết làm gì ba cái đồ ma đó, kêu thợ điện tôi là nó ráp cho đây đủ.

Nhỏ năm Đệ Tú, chưa thi, thằng Phát bỏ ra đời, thằng Đồi có vợ giữa năm. Già Trinh Minh H. trách chị L. "ham villa", chị L. kêu gào (chị Chanti kể lại). So với bạn bè, tôi vẫn trẻ con, mỗi khi tan trường, đứng sắp hàng, thấy Châu Thị Marie, tóc dài, ngây thơ, đứng đầu hàng suốt mấy năm, ra khỏi cổng trường tôi quên hết.

Một chiều mưa ẩm ướt, vừa mới đọc xong bài báo về Công chúa Mãn Châu cùng một thanh niên Nhật tự tử, tâm trí tôi lơ mơ theo câu chuyện các cô Nhật và Mãn Châu. Vừa rồi, xem nhật ký của Hoàng đế Phổ Nghi mới biết đó là cháu ông ta, con Hoàng tử Phổ Trị.

Cuối niên khóa 1958, bốn lớp Đệ tú A, B, C, D khăn gói xuống An Giang thi Trung Học Đệ Nhứt Cấp. Trung tâm thi đặt ở trường Thoại Ngọc Hầu, cho các trường Châu Đốc, Rạch Giá và Long Xuyên. Xe đồ đầy ắp, tiền xe lên giá ngang xuống.

Tôi chưa tự tin, chắc sẽ rớt, nhưng còn chút hy vọng hão huyền, nhứt là trông cậy ông già tôi, lần này không phải rẻ như kỳ thi Đệ Thất, mà là mười ngàn, sau đó tăng lên mười lăm ngàn (viết ra sao không biết mắc cỡ?). Bác Hai Khá (lúc đó đã đổi xuống Long Xuyên, vì nhập tịch) dặn tôi làm dấu trong các bài thi để giám khảo dễ nhận ra. Ông già tôi quyết đánh trận để đời, ông tưởng Trung Học Đệ Nhứt Cấp giống như *Brevet* hay *Diplôme* ngày trước, làm Thầy kỳ, Cò-mi rồi leo dần lên ngòi quận.

Ngày đầu thi Việt Văn, bình luận bài thơ "Vịnh Côn Sơn" của cụ Phan Châu Trinh, bài đó tôi chưa học. Toán được nửa bài, Lý Hóa được vài câu. Anh Văn lấy bài trong Cổ Học Tinh Hoa ra dịch và một bài dịch Anh Việt. Pháp Văn còn là sinh ngữ một, bài dịch Pháp Việt (*L'heure de repos* = Giờ nghỉ ngơi) và bài *Rédaction* (Luận văn), đề tài viết về một dự định du ngoạn khi nghỉ hè. Đó là dự định thôi, tôi lại tả cuộc nghỉ hè, *hors de sujet* (lạc đề). Ngặt quá, Pháp văn đâu có học chân truyền, *modes* và *temps* chưa vững, làm sao *conjuguer verbes* ở *conditional passé*? Chế độ thi quá nghiêm ngặt, Giám thị lớp rất sợ cấp trên, im lặng và căng thẳng. Thầy giáo Khải có hai người con gái thi, đứng ngay phòng ông gác, cũng đành làm ngơ, và ông chưa đủ trình độ nhắc toán Trung Học. Qua cửa sổ, thỉnh thoảng thấy ông Phạm Văn Lược, Chánh chủ khảo, đi chầm chậm nhìn vào, đôi mắt nghiêm khắc và cảnh cáo. Thí sinh ít ai dám *đánh phép* như thời nhiều nhường sau này. Trường hợp thằng Bì, nổi tiếng trong Ban Văn Nghệ trường vào dịp phát thưởng, thần tượng của các nữ sinh. Bì giỏi văn nghệ, có số đào hoa, suốt năm ôm đôn hát những bản nhạc thịnh hành thời đó "*Chiều nay bên láng cũ, cô thôn nữ yêu kiều...*" Tôi nhớ nó ôm đôn, đầu gật gật, lim dim như bị xi-ke hành; "*Chim ơi cho ta nhân đôi lời, một lời mà thôi, về phía xa xôi, thăm người chiến sĩ giùm tôi*". Nó lẫn lộn âm nhạc và toán đại số hình học. Vào giờ thi toán, nó chép bài nhạc "*Kiếp Nghèo*" nhạc và lời của Lam Phương, bị cấm thi kỳ hai (lại lạc đề).

Ngày có kết quả, thi sinh mấy tỉnh, thêm phụ huynh, ngồi âu lo chờ kết quả, rất nhiều phụ huynh gốc nông dân, còn mặc bà ba đen, quần khăn, đứng bên con cháu mặc âu phục tân thời. Lúc kêu kết quả, có tiếng hét reo mừng, có cô cậu tiu nghiu đứng dậy ra về, phụ huynh quần áo xốc xếch theo sau. Thằng Múi cùng quê tôi, tên văn M kêu trước. Chết tôi rồi, nó đậu "vớt" vô Đệ Thất, học lớp D, củ đinh ninh tôi giỏi hơn nó, nó đậu rồi, còn tôi thì chưa biết, hồi hộp chờ đợi. Tôi văn N thằng cha Giám khảo đọc sót tên tôi, dĩ

đời. Xách túi áo quần theo ông già đi ra, xe đồ đậu dài dài chờ kẻ *bần nhân lạc đê*, tụi lơ xe kêu nghe phát ghét: "lên xe này đi ông bác, cậu hai". Xe đồ ngày đó *bỏ tài*, chỉ cần rước học sinh thì rớt là đủ đầy xe. Lần đầu nếm mùi thi rớt, còn nũa!

Tôi lủi thủi lên xe, ai nấy im lìm, thi rớt buồn đã đành, trước sau gì tin thằng Múi đậu sẽ tới tai ông già tôi, khổn khổ hơn. Ông sẽ so sánh, chê khen. (Múi hiền lành, đẹp trai, chăm học mà tôi ganh ghét nó mấy năm. Múi vào Quốc Gia Sư Phạm, đối về Sa Đéc, có vợ con sống cuộc đời bình thân hạnh phúc, hết bị bầm giập thi cú như tôi).

Thi kỳ hai, tôi bay luôn. Tệ hơn, lúc đầu làm đơn xin lên lớp Đệ Tam, điểm trung bình tôi quá thấp "*dưới moyen*", chờ đợi từ tuần này sang tuần khác, ông già tôi nổi quạu, thêm ông cậu tôi buồn bán ở Sài Gòn thôi thúc, tôi phải miễn cưỡng rời trường Thủ Khoa Nghĩa, nhờ bạn bè, nhờ trúa támm Cầu Quan, nhờ sân vận động. May hay rùi phải chịu, vì sinh vào thời chiến tranh và cuộc đời năm 75.

Qua bao nhiêu nhục nhằn, đầu tư tất cả cho cấp bằng công danh của con để nhẹ bớt áp lực chánh quyền (Thầy thông, Thầy ký, ông Cò v.v...) ông già tôi xất bắt xang bang vì sự thất bại ê chề của tôi. Cuộc khủng hoảng triển miên dè nặng gia đình đã đành, tin con cháu người khác đỗ đạt càng làm làn sóng khủng hoảng nổi lên cuồng cuồng. Suốt mùa thi, việc buôn bán chỉ có bà già tôi lo, ngưng trệ nhiều. Chú thằng Múi, rít điều thuốc bao xanh hơi rình, mặt nghiêm trọng, "Thằng Múi cái mặt nó thiệt là buồn à (ý nói mặt không sáng sủa) vậy mà thi một keo được liền". Mặt chú thằng Múi càng thích thú, mặt ông già tôi càng dài và xám thêm. Ông đi sai sai về nhà đổ thêm dầu lên đồng than đang âm i cháy. Ông Kiểm mập, được dịp tỏ ra sành về chuyện thi cử, đem khoe người em gái vợ, "toán nó hay lắm à!, đậu viết kỳ hai", khoe ai không khoe, củ chiều chiều lê lét nhà tôi, mụ vợ đứng bên kia cười toe toét. May quá, cô em vợ ông rớt *oral* kỳ hai, cũng như không. Cám ơn! Cám ơn!

Đêm đêm nằm nghe ông già rên rì, kiệt sức buông xuôi sau khi tôi rớt kỳ thi Trung Học Đệ Nhứt Cấp cuối cùng năm 61, "Phải nó đậu Trung Học, vô được Sư Phạm như thầy Định, thầy Chói, tao chết cũng vừa lòng". Ông già tôi mệt mỏi lắm rồi. Bà già tôi gan góc hơn, "Năm tôi đậu à, tao cho đậu", nói như mê sáng. Năm sau đã dẹp Trung Học, đậu nổi gì. Giấc mơ ông già tầm thường quá, đi dạy học, "cuối con chủ tiệm vải, mở tiệm vải măng ăn". Tôi trốn trong giấc mơ cao sang hơn (cuối Công chúa Mãn Châu hay làm Phò mã Nhật). Tôi "tim bạn bốn phương" với cô gái Nhật, Mai Mộc Hòa (Kazuko Umekei), liên lạc đến năm 1978, ngày nay nhìn mấy mười tám ảnh cô tú nhỏ tôi có gia đình mau quá. (lạc đề xa quá).

Đậu xong Trung Học Đệ Nhứt Cấp, năm đó có nhiều trường Quốc Gia Sư Phạm mở thêm khóa cấp tốc một năm để đáp ứng nhu cầu gia tăng sĩ số học sinh Tiểu Học các quận. Lương tháng 4.200 đồng, cơm tháng chừng năm trăm đồng, chiếc xe Mobylette chừng chưa tới sáu ngàn đồng. Một loạt học sinh học giỏi yên phận, thi vô Quốc Gia Sư Phạm tỉnh và về quận dạy an nhân đến năm 1965. Lớp Đệ Tú C năm 58, tôi biết trên 10 đứa làm nghề giáo, vài đứa đi ngành nghề cao hơn, đa số vào quân đội, *nhứt xanh cỏ, nhì đỏ ngục*. Ít gặp, nếu có gặp chẳng trong quán cóc bên đường, đoàn xe nhà binh ngập bụi, mặt rần ròi, lỏn tiếng, uống nước đá và kỳ nước ngọt.

Song song với trường Trung Học Châu Đốc, Thủ Khoa Nghĩa, khoảng năm 1953 có trường Nguyễn Đình. Trước đó (theo lời anh Chung kể) có trường Tú Thục Phan Bội Châu, không phải tên nhà



cách mạng lão thành. Nguyên có một giáo sư Anh văn họ Phan hợp tác với ông Đốc Châu Văn Đồng, rồi bỏ về Sài Gòn. Ông Đốc Đồng đặt tên trường "Phan Bội Châu", họ Phan bội ước họ Châu. Nghe sao viết vậy.

Năm 1955, Châu Đốc thành lập thêm bốn trường Bán Công Nguyễn Hữu Cảnh, kế bên trường Thủ Khoa Nghĩa, học phí nhẹ và lớp Tiếp Liên không còn.

Xa trường cũ, bố vợ giữa đám học sinh đồng học xa lạ Sài Gòn, tôi nhỏ ray rút trường chừng vài tháng, rồi cũng quên.

Năm 1959, có Đại Hội Thể Thao Học Sinh Toàn Quốc tại sân Tao Đàn. Học sinh Thủ Khoa Nghĩa năm đó đoạt rất nhiều giải điền kinh. Hôm cuối có trận bóng đá chung kết giữa Quốc Gia Sư Phạm và Trung Học Thủ Khoa Nghĩa. Bốn cánh khán đài gồm mấy trường Trung Học lớn thủ đô chiếm cứ (Pétrus Ký, Gia Long, Chu Văn An, Trưng Vương). Tôi may mắn chen vào, ngồi khép nép giữa học sinh Pétrus Ký. Dĩ nhiên học sinh thủ đô ủng hộ Quốc Gia Sư Phạm Sài Gòn. Đội Thủ Khoa Nghĩa nhỏ tuổi hơn, bị dẫn 0-2 hiệp đầu, tôi thấy tổn thương. Tên thủ môn Quốc Gia Sư Phạm lớn con, giữa hay quá, anh cũng gốc Thủ Khoa Nghĩa, trên tôi hai lớp. Hiệp sau Thủ Khoa Nghĩa gỡ huề. Thắng học sinh Pétrus Ký ngồi bên tôi la óm tôi, nó la như "huấn luyện viên thượng hạng", "Tao chỉ *jeux* cho đá... Tụi Thủ Khoa Nghĩa uống nước mạch chạy mau lắm". Thủ Khoa Nghĩa thắng điểm đoạt giải Túc Cầu Học Sinh Toàn Quốc năm 1959. Dân Sài Gòn uống nước ống ri sét chó sang trọng gì đó. Từ đó tôi ác cảm với dân gốc Pétrus Ký, mỗi lần gác thi, không nhắc thì chó, tôi tìm cách đi bọn nó. Xin lỗi! Tôi lớn mà quá tiểu tâm, thù vật. Vô lý.

Năm 1958, tôi rời trường, hay bị đuổi kỹ thuật, ông Hiệu Trưởng Ngô Văn Dư cũng đổi về Sài Gòn. Gặp ông ở chợ Bến Thành, vẫn bộ veston trắng, đội nón ni trắng. Sáng Sài Gòn ông đi mà chịu nóng. Mấy vị Hiệu Trưởng kế tiếp, hình như ông Lịnh, Trịnh Văn Mười Hai, Nguyễn Văn Hộ. Sau 1962 thành trường Trung Học Đệ Nhị Cấp. Tôi mất liên lạc từ năm rời trường. Mỗi lần về quê ăn Tết, qua khỏi Long Xuyên, tôi đi ngả Lộ Tè nên ít có dịp qua Châu Đốc. Trường đã xô tôi ra, suy lại thấy may nhiều hơn rủi. Nếu tôi được nhận, lại vào học Ban A (Khoa Học) làm sao tôi theo nổi môn Lý Hóa, Vạn Vật? Lại ù lì vô ích thêm vài năm nữa, chắc gia đình tôi điên mất. Năm ra trường, danh sách không có nhiệm sở Châu Đốc. Tôi lang bang ở Sài Gòn, rồi năm 1974 xin về Quốc Gia Sư Phạm An Giang cho gần, Bộ Giáo Dục lại đẩy tôi về Sư Phạm Ba Xuyên.

Năm 1971, Hội Cựu Học Sinh tổ chức họp mặt tại trường vào sáng mùng hai Tết. Tôi từ Tri Tôn ra trễ, được đón tiếp đưa đến chỗ ngồi, thế hệ cấp lớp tôi không có ai, lớp theo đơn vị quân đội, lớp như bèo trôi giạt bờ bến nào?

Lớp trẻ, sau tôi độ năm, sáu năm, chuẩn bị dàn âm thanh đàn hát giúp vui ngày họp mặt. Bố vợ không gặp được một người đồng lứa mình chia sẻ, tôi ngồi ngơ ngáo cả buổi. Trường Thủ Khoa Nghĩa không muốn dung chứa, tôi ngồi lơ đãng, Ban Tiếp Tân quên cho tôi ly nước, khát nước mà không dám xin, muốn lấy miếng bánh trên đĩa mà còn ngại ngừng, lạc lỏng.

*Năm xưa chim hót vang rừng*

*Ăn chung trái ngọt, uống chung suối ngàn*

*Năm nao chim đã vỡ đàn*

*Lặng im tiếng hót, ngỡ ngàng cuộc vui* ●

## Thơ Dư Thị Diễm Buồn

### Buổi trưa quê

Trên đường mòn trở về thăm chốn cũ  
Trời tháng Giêng, trong nắng ngát hương xuân  
Cỏ nội, hoa đồng, màu sắc tưng bừng  
Bèo cánh nhỏ bập bênh trôi theo sóng

Vườn nhà ai mạn hồng đào chín mộng  
Cây sầu riêng hoa trắng rọi ao sâu  
Khóm xương rồng gai sắc lẩn chòm ngâu  
Bên vòm rạch, ngỗng rĩa lông phơi nắng

Vịt đập cánh, nước đầm vung bọt trắng  
Cá lìm kìm, mang rổ lặn xa xa  
Chim chìa vôi riu rít lướt quanh nhà  
Cau đuôi phượng, bẹ mo già nắng xạm

Bầy heo con lẩn chen giành ăn cám  
Chú mèo mun nằm cạnh đóng rom vàng  
Trời ban mai, nắng ấm đẹp thôn trang  
Thấp rục rờ trên ngọn xoài, nhánh ổi

Đồng ruộng sâu, hây hây cơn gió thổi  
Càng về trưa gay gắt nắng chang chang  
Cuối xóm xa vắng vắng giọng khàn khàn  
Bà ru cháu, lời ca buồn dịu vợi...

Nông phu tạm dừng nghỉ ngơi giữa buổi  
Dưới bóng đa hay dưới bóng líp dừa  
Cô gái quê gánh đến thức ăn trưa  
Cơm nếp dẻo, cá kho tương nồng mặn

Thôn nữ quần vò, chân bùn rậm nắng  
Nón bung vành, khăn sọc, áo sờn vai  
Má ửng hồng, mồ hôi trắng nhỏ dài  
Cười rạng rỡ làm ai quên nóng bức

Nước trà Huế tỏa khói thơm phưng phức  
Bữa ăn xong, nằng quẩy gánh ra về  
Chàng say tình cất giọng hát đê mê  
Cầu Vọng Cổ ngọt ý tình, tiết điệu

Buổi trưa cũ, sáng trưng thời niên thiếu  
Và bây giờ đã ngăn cách đôi nơi  
Lệ xót xa thấm mặn nửa cuộc đời  
Một chút thôi! cả khung trời kỷ niệm...

# Lá thư Bắc Mỹ

Tôi phân vân mãi khi đặt bút viết Bức Thư Bắc Mỹ kỳ này, mà mở đầu thư là lời thông báo những tin buồn phát xuất từ vùng trời Gia Nã Đại. Điều này thật tình tôi ngần ngại quá, nhưng nghĩ đi rồi lại nghĩ lại, tôi cảm thấy có bốn phận tuồng trình và thông báo đến quý bạn đọc thân mến của tờ báo Viên Giác chúng ta biết rằng thật là một điều mất mát lớn lao và khá buồn đau khi Viên Giác mất đi một cộng sự viên nổi tiếng và được yêu mến lâu nay trên văn đàn hải ngoại.

Đó là sự ra đi vĩnh viễn của Giáo sư Nguyễn Văn Ba tại Saskatoon - Canada. Anh mất vào ngày 14.8.1998 lúc 1 giờ 45 sáng và được an táng vào sáng Thứ Hai, ngày 17.8.1998. Anh thọ được 50 tuổi.

Mỗi đây, trong số báo 100 Viên Giác, trang 112, tôi nhìn hình anh oai phong lẫm liệt chụp vào năm 1992, lúc anh tốt nghiệp Mater ở Đại Học Saskatchewan - Canada, kèm theo bức hình là một tiểu sử cũng không kém oai phong lẫm liệt, dài lẽ thê. Hôm đó, trong số báo đặc biệt này, anh góp mặt với bài viết về *Bán phòng tôm Sa Giang*, từ lâu anh vẫn nổi tiếng là một cây bút miền Sông Cửu cùng với Huỳnh Hữu Cửu, Hồ Trường An, Nguyễn Tấn Hưng, Vũ Nam, v.v...

Chuyện ngoài đời, địa vị, danh vọng, hào quang tầm tiếng lừng lẫy của một đời người, quá thật, đối với tôi, với chúng này tuổi đời, tôi chẳng quan tâm.

Quả vậy, ví dụ bất cứ một cá nhân nào có thông minh, có may mắn được đi học đến nơi đến chốn, tại quê nhà có địa vị vững vàng, ưu đãi, khi qua đến nước ngoài, với tài sức sẵn có, thêm một chút cố gắng, thuận duyên đều có thể học hành lại, đạt được một địa vị cao trọng trên xứ này, được người bản xứ quý nể, khâm phục và đem lại cho cộng đồng người Việt Nam sự hãnh diện, tự hào.

Đó là trường hợp của nhà văn Nguyễn Văn Ba Thái Minh Kiệt, nhưng đó cũng là chuyện thường tình của rất nhiều người Việt Nam trên xứ người, không ích gì để nói đi nói lại. Điều đáng nói và rất đáng quý ở con người cầm bút đó là anh đã có một tấm lòng tha thiết hướng về quê cha đất tổ. Anh là người miền Nam, còn được mệnh danh là người của miền Cửu Long Sông Hậu. Anh viết rất nhiều, rất đều tay trong

khoảng 10 năm sau này, góp mặt trên khắp các báo Việt Nam trên khắp thế giới và gần đây anh hợp tác với báo Viên Giác. Trong số 100, Thầy nhắc đến Anh, Bác Phạm Thăng và Cụ Bảo Văn là 3 cây viết lớn hiện đang hợp tác với Viên Giác cùng với Vũ Thị Dạ Thảo, Nguyễn Minh Khánh và vợ chồng chúng tôi. Than ôi, đời ngũ Canada không nhiều mà đầu năm 1998 đến nay, chúng tôi đã mất đi Cụ Bảo Văn và Giáo sư Nguyễn Văn Ba.

Tôi làm quen với nhà văn Nguyễn Văn Ba vào khoảng 1991-1992 với quyển *Thành Đô Gió Bụi* và bốn cái ngụ của người đời (*Làm Mai, Lành Nợ, Gác Cu, Cầm Chầu*), và sau đó tôi đọc đều đặn văn anh trên các báo hải ngoại.

Cũng như hầu hết các độc giả thường tình, rất mến mộ văn anh, trong cõi văn chương của Nguyễn Văn Ba, ngoài tính cách chân thật có khi quá thật thà, bộc trực của người miền Nam đặc sệt đem lại cho người đọc những nụ cười thoải mái, tôi còn tìm thấy man mác một tấm lòng nhân hậu, đôn sơ và cởi mở. Anh đề cập đến những vấn đề rắc rối của cuộc đời này, những vui buồn, thương ghét, tội lỗi và tình yêu bằng một lối hành văn không gút mắc đôi khi nhuộm nét khôi hài và hòa hoãn, vị tha.

Gần đây, anh lại cùng chị Nguyễn Bạch Mai, phu nhân hiền nội yêu quý của anh, viết ra quyển *Phận Đàn Bà*, quyển này gồm 10 truyện ngắn, khuôn mặt của 10 phụ nữ Việt Nam hiện đại với đủ màu sắc vui buồn, hồn giặm, yêu thương, ghen tuông ...

Tôi chưa đọc đến tác phẩm này nhưng chắc là có nhiều đặc biệt, đặc biệt nhất là chị Nguyễn Văn Ba đã bằng lòng cầm bút, tiếp sức hợp tác cùng phu quân để cùng ra những tác phẩm, đem lại niềm vui và niềm hãnh diện cho độc giả Việt Nam tại hải ngoại.

Những tưởng niềm vui sẽ còn lâu dài, những tưởng văn nghiệp của anh (và của chị Bạch Mai) sẽ còn lừng lẫy, nhưng rồi giữa tháng 8 vừa qua, trời đất nổi cơn gió bụi, anh xuôi tay nhắm mắt đi về miền vĩnh cửu. Thật đáng tiếc và đau buồn, đáng tiếc và đau buồn cho chị Bạch Mai, cho 2 con trẻ và cho tất cả chúng ta, những người yêu văn anh và quý mến anh về tài cũng như về tấm lòng thuần hậu của anh.

Anh mất ngày 14.8.1998 và được an táng tại nghĩa trang Sarkatoon, nơi thành phố gia đình anh cư ngụ vào ngày 17.8.1998. Theo tuồng thuật của báo chí Việt ngữ tại Gia Nã Đại, đám tang của anh được gia đình, thân hữu và cộng đồng tổ chức rất trọng thể và ấm cúng, mọi người đến phúng điếu, từ già anh, mang theo một tấm lòng thương tiếc mến yêu và quý trọng.

Trong tấm hình trên báo chí, tôi nhìn ra tấm hình đặt trước bài vị cũng là tấm hình anh gởi về in trong báo Viên Giác số đặc biệt 100, tôi còn nhận ra hình của Dược sĩ Lê Văn Hai (trong Ban Biên Tập báo Viên Giác thuở 1977-1980) đứng cùng với gia đình anh Nguyễn Văn Ba trước linh cữu và hình bác Phạm Thăng đang đọc điếu tang trước phần mộ người quá cố.

Phần nghi lễ Phật Giáo được sự chủ trì của Thượng Tọa Thích Phước Hạnh.

Như vậy, rồi cuối cùng nhà văn Nguyễn Văn Ba, tức Giáo sư Thái Minh Kiệt, đã rời bỏ tất cả, mọi thứ trên cõi đời này kể cả gia đình, vợ con, văn chương sự nghiệp, bạn bè, đất nước, quê hương để đi về miền vĩnh cửu. Rõ ràng như vậy rồi, thật sự như vậy rồi, chắc chắn như vậy rồi dù anh muốn hay không, dù vợ con anh muốn hay không, dù chúng ta, các độc giả của anh muốn hay không.

Nhưng anh không đi một mình, anh đi với đầy nghiệp của anh, đầy nghiệp anh vác lên lưng đi về miền vĩnh cửu to hay nhỏ, nặng hay nhẹ thì với một chút lắng tâm suy nghĩ, nhìn lại quãng đời 50 năm sống trên cõi ta bà này của anh, cách sống, cách suy nghĩ, cách hành động bằng bạc trong cõi văn Nguyễn Văn Ba, trong tinh thần Phật tử Nguyễn Văn Ba, có lẽ ta sẽ nhận ra rằng đầy nghiệp này không nặng, ít cồng kềnh, ít vướng bận cho nên tôi cũng cảm thấy nhẹ nhàng thanh thoát cầu nguyện cho linh hồn của anh được an vui và xin thay mặt gia đình Viên Giác phân ưu cùng chị Nguyễn Bạch Mai và 2 cháu. Cầu mong rằng sự đau đớn mất mát của người thân yêu được nhẹ nhàng hơn nếu được xoa dịu bằng niềm hãnh diện mà anh đã để lại cho đời qua văn học, và hơn nữa tôi thầm cầu nguyện cho chị, vì tình thương mến phu quân, mà cầm bút lên, tiếp tục làm cánh tay nối dài của anh, mà viết cho chúng tôi đọc những dòng chữ quen thuộc của anh chị như anh chị đã làm. Xin cầu nguyện như vậy, từ nay cho đến nhiều năm nữa, về sau.

Trước đó mấy tháng, vào đầu năm, Canada chúng tôi lại mất đi cụ Bảo Văn. Cụ đã trọng tuổi đời, và đã thành cây cổ thụ trong nền văn học hải ngoại từ bao nhiêu năm nay, bộ Văn Quốc Ngữ của cụ đã được 3 thế hệ già trẻ, măng tre trúc của hải ngoại đón nhận và áp dụng, học hỏi, nay cụ mất đi cũng là một mất mát lớn cho mọi người.

Năm nay mùa Thu về sớm, mới đầu tháng 9, hàng phong trước cửa đã chớm vàng và gió chiều rất lạnh. Tôi cũng cảm thấy buồn với những tin buồn mất mát nói trên, nhìn trời, đất thay đổi tôi cảm nhận sự mau chóng và nghiệt ngã của vô thường.

Hoa nở rồi tàn, vạn vật biến hóa, hiện ra rồi biến mất, con người, sinh vật đổi thay, sinh ra rồi chết, còn có chăng như Thầy dạy ngày nào, chỉ có đóa hoa tâm nở thành đóa hoa giác ngộ sẽ không bao giờ tàn, may ra nhờ đó mà sẽ giúp cho những ngày sống ngắn ngủi trên cõi đời này có một ý nghĩa cao đẹp và vui tươi.

Thôi thì với lòng thương tiếc và rất nhiều lời cầu nguyện, cầu nguyện cho kẻ còn sống và cho kẻ đã rời xa, tôi xin dừng bút nơi đây, xin kính chào bạn đọc thân mến và hẹn gặp lại vào Lá Thư Bắc Mỹ kỳ tới vào mùa tuyết trắng. Hy vọng là tuyết lạnh nhưng tình người nồng ấm hơn.

Kính bút  
Lê Thị Bạch Nga

# Chiếc áo đi kỳ

Nguyên tác: La Giacca Stregata  
của : Dino Buzzati (Ý)

**D**ino Buzzati sinh năm 1906 tại Belluno (Ý) và mất ở Milano năm 1972, là tác giả của tiểu thuyết nổi tiếng *Sa Mạc Tartari* đã được dựng thành phim và được dịch ra nhiều thứ tiếng. Nhiều tác phẩm của ông đã được chuyển thành kịch bản để trình diễn trên sân khấu, qua đài phát thanh và vô tuyến truyền hình. *Truyện Con Chó Gặp Chúa* đã được trình diễn trên đài truyền hình Pháp.

Ông viết khá nhiều tiểu thuyết nhưng hình như thể loại yêu thích nhất của ông là truyện ngắn. Đề tài là những ảm ảnh và nỗi bất an của kiếp người.

Bằng bút pháp độc đáo ông dắt người đọc đi ra khỏi đời sống thường ngày để bước vào một thế giới khác lạ kỳ, rồi đẩy họ đối mặt với những sự kiện nghịch lý đầy bí ẩn. Bí ẩn vì nằm ngoài cánh cửa của đời sống thường nhật nhưng cũng có thể đồng hiện hữu với diễn biến thường ngày mà chúng ta vô tình không nhận thấy để cuối cùng phải kinh ngạc, và suy nghĩ, trong niềm xúc động sâu xa...

Mặc dù thích ăn mặc nhưng ít khi tôi quan tâm đến cách phục sức và áo quần kẻ khác.

Thế nhưng trong dạ hội tại nhà một người bạn ở Milano tôi đã gặp một người đàn ông, khoảng 40 tuổi, lịch sự, trong một bộ quần áo thời trang. Tôi chưa biết ông ấy là ai vì gặp mặt lần đầu; và điều thường xảy ra là rất khó nhớ tên người lạ mặt trong khi giới thiệu. Tuy thế cũng có lúc chúng tôi tình cờ ngồi gần nhau rồi bắt đầu câu chuyện. Ông ta là một người hiểu biết, ăn nói bất thiệp nhưng trên mặt sao có vẻ buồn buồn. Rồi có lẽ trong một lúc thân mật quá đáng, phải chi Chúa đã cản ngăn để tôi khỏi khen lối cắt may tuyệt hảo về bộ đồ ông ta đang mặc và còn dám hỏi thêm ai là thợ may của ông ta.

Gã đàn ông nở một nụ cười rất lạ; dường như gã đang chờ tôi hỏi câu hỏi đó:

- Không ai biết lão đâu, nhưng lão ta đáng là một bậc thầy. Lão rất kén khách và làm việc rất tùy tiện.

- Nghĩa là tôi...?

- Ồ dào, ông cứ hỏi thử xem. Tên lão ta Corticella, Alfonso Corticella, phố Ferrara số 17.

- Chắc đắt tiền lắm phải không?

- Có lẽ vậy, nhưng thật tình thì tôi không biết. Bộ đồ này lão ấy may cho tôi đã ba năm nhưng đến nay vẫn chưa gởi phiếu tính tiền.

- Tên ông ta là Corticella? phố Ferrara số 17 phải không?

- Đúng đấy, gã đàn ông lạ mặt trả lời rồi bỏ đi nhập bọn với một nhóm khác.

Ở phố Ferrara số 17 tôi thấy một căn nhà bình thường như những căn nhà khác và chỗ ở của Alfonso Corticella không khác gì chỗ ở của những người thợ may bình thường. Chính ông ta bước ra mở cửa cho tôi. Đó là một lão già, tóc hầy còn đen nhưng chắc là được nhuộm.

Tôi hơi bất ngờ vì lão ta không hề làm khó dễ. Ngược lại, hình như lão ta đang phấp phỏng muốn tôi trở thành một khách hàng. Tôi giải thích đã biết được địa chỉ của lão ta như thế nào, ngợi khen tài may cắt rồi yêu cầu may cho tôi một bộ đồ. Chúng tôi chọn một xấp vải màu xám tro, lão ta lấy số đo và bảo rằng sẽ cho người mang đến nhà để thử. Tôi có hỏi giá, nhưng lão bảo là không vội gì, trước sau gì mình cũng sẽ thỏa thuận. Thật là một người dễ thương, ban đầu tôi nghĩ thế, nhưng lúc sau, trên đường trở về nhà, tôi mới nhận ra rằng lão già ấy đã để lại trong tôi một nỗi bứt rứt lạ lùng, có lẽ vì nụ cười nhóm nhóp và quái dị của lão. Đột nhiên tôi không còn ý định gặp lại lão ta. Nhưng đã quá trễ, tôi đã đặt may rồi và chừng hai mươi ngày nữa thì xong.

Khi người ta mang đồ đến thử, tôi đứng ngắm mình vài phút trước gương. Đúng là một kiệt tác. Nhưng không hiểu vì sao tôi không muốn mặc nó nữa; có lẽ vì chợt nhớ đến lão thợ may quái đản. Thế rồi nhiều tuần lễ trôi qua trước khi tôi chọn mặc.

Tôi còn nhớ cái ngày hôm ấy. Đó là một ngày thứ ba, vào tháng tư và trời đang đổ cơn mưa. Khi mặc xong bộ đồ - áo vest, quần và gilet - tôi vui mừng nhận ra là không có chỗ nào chật hay căng cứng như vẫn thường xảy ra với những quần áo mới. Bộ đồ ôm chần lấy người tôi một cách tuyệt vời.

Thường thường thì tôi không bỏ gì cả vào túi phải, tất cả các giấy tờ tôi đều cho vào túi bên trái. Tôi nói thế để giải thích vì sao sau vài giờ ở sở tình cờ thợ tay vào túi phải, tôi chợt nhận ra bên trong có một tấm giấy. Có lẽ đó là phiếu tính tiền của lão thợ may?

Nhưng không. Đó là tấm giấy bạc 10 nghìn Lia (tiền Ý: 10 nghìn Lia trị giá (1996) khoảng 7 USD: Lúc tác giả viết trị giá lớn hơn nhiều).

Tôi giật nảy người. Chắc chắn không phải tôi bỏ vào nhưng cũng thật vô lý nếu nghĩ đó là trò đùa của lão thợ may. Chẳng lẽ lại là món quà của bà làm phòng, người duy nhất sau lão Corticella có cơ hội đến gần chiếc áo? Hay là bạc giả? Tôi đưa ra ánh sáng để nhìn cho kỹ và

đối chiếu với những tờ giấy bạc khác. Đúng là bạc thật và không còn gì để nghi ngờ.

Chỉ còn một cách giải thích có thể tin được: sự sợ hãi của Corticella. Một người khách nào đó đến trả tiền lúc lão ta không có sẵn bóp, để tránh cất bừa lão đã tạm cho vào túi áo của tôi đang móc vào một hình nhân gỗ nằm gần đó. Trường hợp tương tự như vậy vẫn thường xảy ra luôn.

Tôi nhấn chuông gọi cô thư ký với ý định nhờ viết một bức thư cho lão Corticella để trả lại số tiền không phải của tôi. Nhưng không hiểu sao, tôi lại cho tay vào túi áo một lần nữa.

- Thưa ông cần chuyện gì?... Ông không được khỏe à? Cô thư ký vừa bước vào cửa hỏi, chắc cũng vừa nhìn thấy khuôn mặt tôi tái lên như một xác chết. Trong túi áo, những ngón tay của tôi vừa đụng phải cạnh của một tấm giấy khác, trước đó mấy phút chưa hề có.

- Không, cũng chẳng có gì nghiêm trọng. Tôi nói. Tôi hơi chóng mặt một tí nhưng dạo này vẫn hay xảy ra luôn. Có lẽ do quá mệt mỏi. Có thể ra ngoài, tôi định đọc cho cô đánh máy một bức thư nhưng không gấp lắm, để khi khác làm cũng được.

Cho đến khi cô gái bước hẳn ra khỏi phòng tôi mới dám rút tấm giấy từ túi áo ra. Đó cũng là một tấm giấy bạc 10 nghìn Lia. Tôi làm thử một lần thứ ba nữa, và lần này tờ giấy bạc thứ ba lại xuất hiện.

Trống ngực tôi đánh liên hồi. Tôi có cảm tưởng là mình đang bị lôi cuốn, vì những lý do bí ẩn, vào một chuyện cổ tích mà người ta vẫn kể cho con nít nhưng chưa ai tin là có thật.

Viện có là không được khỏe, tôi bỏ sở trở về nhà. Tôi cần suy nghĩ một mình. May thay bà lão làm phòng cũng đã đi rồi. Tôi đóng cửa, hạ màn sáo xuống. Tôi bắt đầu nhanh nhẹn rút những tấm giấy bạc, tấm này đến tấm khác, từ chiếc túi thần kỳ tưởng chừng như bất tận.

Tôi làm công việc đó với một sự căng thẳng thần kinh ghê gớm, phấp phỏng lo là đến một lúc nào đó phép lạ sẽ ngừng hiệu nghiệm. Tôi muốn làm đến chiều, suốt buổi tối cho đến khi tích trữ thành bạc tỷ. Nhưng sức của tôi có hạn và đến một lúc cũng yếu dần.

Trước mặt tôi là một đồng bạc cao ngất. Điều quan trọng là làm sao cất giấu để không ai có thể nghi ngờ. Tôi dỡ cái rường đựng thảm và sắp xếp những tờ giấy bạc thành từng đồng nhỏ, vừa đặt vào đáy rường vừa đếm nhẩm. Tất cả vừa đúng 58 triệu Lia.

Sáng hôm sau bà lão làm phòng đánh thức tôi dậy, ngạc nhiên thấy tôi ngủ mà vẫn còn mặc nguyên quần áo. Tôi gượng cười giải thích là tối qua đã hơi quá chén rồi cơn buồn ngủ kéo đến bất ngờ.

Một nỗi lo: bà lão yêu cầu tôi cởi áo để đem đi giặt.

Tôi đáp vội vàng là đã đến giờ phải đi và không còn có thể thay đồ kịp nữa. Sau đó tôi hỏi hà đến một tiệm y phục để mua một bộ đồ mới, cũng loại vải tương tự; tôi sẽ đưa nó cho bà dọn phòng; còn chiếc áo kia, chiếc áo mà chỉ trong vài ngày sẽ làm tôi trở thành một trong những người đầy quyền lực trên thế giới, tôi sẽ cất giấu vào một nơi an toàn nhất.

Tôi không hiểu là tôi đang sống trong một giấc mơ, có hạnh phúc không hay đang bị ngạt thở dưới sức nặng quá lớn của định mệnh. Ngoài đường phố, qua lớp áo choàng, tôi luôn luôn sờ soạng nơi có cái túi thần kỳ. Mỗi lần như thế tôi lại thở phào nhẹ nhõm. Dưới làn vại tiếng rào rạo của những tờ giấy bạc chạm nhau đã mang lại cho tôi câu trả lời đầy khích lệ.

Những một sự trùng hợp ngẫu nhiên đã làm nguội lạnh niềm vui mê hoàng của tôi. Sáng hôm sau các nhật báo đều tường thuật đầy đủ chi tiết về vụ cướp xảy ra ngày hôm trước. Một chiếc xe tải bọc thép của ngân hàng, sau khi thu tiền ở các chi nhánh để mang về trụ sở đã bị bốn tên cướp tấn công và hốt trọn trên phố Palmanova. Khi mọi người đổ xô chạy đến, bọn chúng đã phải bắn để thoát thân; và có một khách bộ hành bị chết. Những điều làm tôi vô cùng kích động là số tiền bị cướp: 58 triệu (như số tiền của tôi).

Lẽ nào có một mối liên quan về sự giàu có bất ngờ của tôi và số tiền do bọn cướp chiếm đoạt, vì hai việc đã xảy ra đồng thời? Thật vô lý nếu có ai nghĩ thế. Còn tôi, tôi không phải là một kẻ mê tín. Nhưng sự việc cũng làm cho lòng tôi dao động.

Chuyện đời thì các bạn cũng thừa biết: càng có nhiều bao nhiêu, người ta càng ham muốn bấy nhiêu. Tôi đã giàu rồi, nếu xét đến thói quen khiêm tốn của tôi. Nhưng cái bóng mờ của cuộc sống giàu sang không giới hạn củi thôi thúc mãi. Ngay tối hôm ấy tôi lại bắt tay vào việc. Giò thì tôi tiến hành một cách bình tĩnh và ít căng thẳng hơn. 135 triệu khác lại được cất chõng bên đồng tiền hôm trước.

Đêm hôm đó tôi không chợp mắt được. Linh tính đang báo hiệu một điều gì nguy hiểm? Hay là nỗi dằn vặt của lương tâm của kẻ nhận may mắn mà không hề có sự xứng đáng nào? Hoặc một nỗi ân hận mơ hồ? Ngày hôm sau khi trời chưa kịp sáng tôi đã nhảy xuống giường, mặc quần áo và vội vã chạy ra ngoài để tìm mua tờ báo.

Vừa đọc xong tôi như bị ngộp. Một trận hỏa hoạn ở kho xăng đã thiêu hủy toàn bộ khu nhà trên phố San Cloro. Ngọn lửa đã lan ra và đốt cháy kết sắt của một cơ quan bất động sản, biến ra tro số tiền 135 triệu. Trong lúc cứu chữa, hai nhân viên cứu hỏa bị thiệt mạng.

Giờ tôi phải kể khai ra đây từng tội ác của tôi chẳng? Phải, bởi vì lúc này tôi thừa biết là số tiền mà chiếc áo kỳ lạ đã cho tôi tìm thấy đã đến từ tội ác, từ máu, từ những tuyệt vọng, từ chết chóc; nó đến từ địa ngục. Nhưng trong tôi vẫn còn ngự lại sự dối lừa của lý trí, đang chối từ mọi thứ nhận về bất kỳ một trách nhiệm nào. Và cứ thế những cảm dỗ cứ tiếp tục tái diễn - để quá mà - và cái bàn tay củi thọc vào túi rồi những ngón tay tham lam củi nắm chặt những tờ bạc mới. Tiền. Những đồng bạc tuyệt vời.

Không cần bỏ căn nhà cũ (để tránh bị dòm ngó) nhưng trong một thời gian ngắn tôi đã mua được một căn biệt thự, sắm nhiều bức tranh đắt giá, di chuyển bằng xe hơi sang trọng và bỏ việc làm ở sở vì lý do sức khỏe; tôi đi du lịch khắp nơi trên thế giới bên cạnh những người đàn bà đẹp đẽ.

Tôi vẫn biết cứ mỗi lần tôi rút tiền từ chiếc áo thì ở một nơi nào đó lại xảy ra một biến cố đau thương và bi thảm. Nhưng đó chỉ là một ý thức rất mơ hồ vì không có bằng chứng gì rõ rệt. Rồi dần dần sau những lần lấy thêm tiền, lương tâm tôi bắt đầu thoái hóa, trở nên đốn mạt. Còn lão thợ may? Tôi đã gọi điện thoại cho lão ta để hỏi phiếu tính tiền nhưng chẳng có ai trả lời. Tôi có đi tìm lão ở phố Ferrara, nhưng người ta bảo lão đã đi cư ra nước ngoài mà không ai biết chính xác là đâu. Tất cả những điều này dường như đều có ngụ ý chúng tôi, dù tôi vẫn chưa hề hay biết, rằng tôi đã thỏa hiệp với quỷ.

Cho đến một hôm, trong ngôi nhà mà tôi đã sống từ nhiều năm, một buổi người ta tìm thấy một bà lão 60 tuổi chết ngạt vì gaz; Bà ta đã tự tử vì đánh mất 30 nghìn Lia tiền hưu bổng lãnh ra từ bữa trước (và đã lọt vào tay tôi).

Đù rồi. Đù rồi. Tôi phải hủy bỏ chiếc áo quỷ quái này để không thể mãi mãi rơi vào đáy vực. Tôi không thể nhượng lại cho ai vì trò chơi đốn mạt này sẽ tiếp diễn (Ai mà có thể cưỡng lại được sức cám dỗ của nó?). Cần phải hủy nó thôi.

Tôi lái xe đến một thung lũng vắng vẻ trên dãy núi Alpe. Dừng xe trên một bãi cỏ, tôi đi về hướng khu rừng. Không có ai theo. Vượt qua khu rừng, tôi đến một vách núi lởm chởm đá. Nơi đây, giữa hai tảng đá khổng lồ nằm bên lòng núi, tôi đặt chiếc áo khốn nạn lên, chế xăng và châm lửa. Sau ít phút nó chỉ còn là một đồng tro.

Nhưng khi tia lửa cuối cùng vừa đảo lên và sắp tắt, từ phía sau lưng tôi vang lên một giọng người như chỉ cách chừng vài ba bước: "Trẻ quá rồi, trẻ quá rồi!". Hoàng hồn, tôi quay đầu như con rún. Nhưng không có ai cả. Tôi chăm chú nhìn xung quanh, nháy từ mòm đá này sang mòm đá khác để tìm kẻ khốn nạn nào vừa lên tiếng. Nhưng chẳng thấy gì. Chỉ có đá và đá.

Dù vừa trải qua một trận đứng tim nhưng khi xuống thung lũng lòng tôi cũng nhẹ nhõm phần nào. Rốt cuộc tôi đã được tự do. Và giàu nữa, thật may.

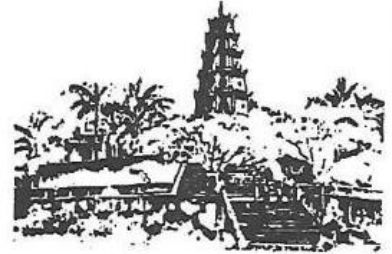
Nhưng khi đến bãi cỏ thì chiếc xe hơi của tôi không còn nữa. Và khi trở về thành phố thì cái biệt thự lộng lẫy của tôi cũng biến đâu mất; thay vào đó là một mảnh đất hoang có mấy cọc gỗ dựng tám báng: "Đất để bán của thị xã". Rồi những trường mục ở ngân hàng, tôi cũng chả biết giải thích ra sao, đã hoàn toàn trống rỗng. Những bó cổ phần cất trong các học an toàn cũng biến đi đâu mất. Và bụi, chỉ toàn là bụi nằm trong đáy của chiếc rương đựng thảm.

Giờ thì tôi lại bắt đầu làm việc một cách khó khăn, tôi phấn đấu với nhiều cay đắng và điều lạ nhất là hình như chả mấy ai ngạc nhiên về sự thất bại bất chợt của tôi.

Nhưng tôi thừa hiểu rằng nó vẫn chưa chấm dứt. Tôi biết là một ngày nào đó chuông của sẽ reo, tôi sẽ ra mở cửa và trước mắt sẽ xuất hiện nụ cười quái đản của lão thợ may khốn nạn, đến để đòi thanh toán món nợ năm xưa ●



# Danh lam Viên Giác



*(Kính tặng Thượng Tọa Thích Như Điển,  
Trụ Trì Chùa Viên Giác)*

*Đức Quốc trời Tây sáng ánh gương  
Danh lam Viên Giác cõi thiên  
đường*

*Từ Bi hiện tượng nơi thanh tịnh  
Đẹp đóa Ưu Đàm bát ngát hương*

*Thầy tạo tình thường với mọi loài  
Hoa thơm cỏ lạ cảnh xanh tươi  
Thung dung an lạc thanh bình cảnh  
Vui bước tu hành dắt chúng sanh*

*Thầy quý môn đồ thật thiết tha  
Cống lao khó nhọc giữa ta bà  
Thầy dành dào luyện cho tăng  
chúng*

*Ôi tấm lòng vàng dệt gấm hoa*

*Tánh Thầy đôn hậu lại bình dân  
Tiếp khách phương xa thật ân cần  
Sách báo Thầy cho con nguyện quý  
Quý tài quý đức quý tử tâm*

*Con đến thăm chùa quá một lần  
Ra về lưu luyến bước băng khuâng  
Nhỏ chùa nhỏ chúng còm trúa bữa  
Nhỏ cả đài sen vọng tiếng chuông*

**Trần Thị Túy Thanh  
(Nguyễn Minh)**

*(Dan Mạch)*

# Các đàn thờ tại Bắc Kinh

**T**ự xưng là Thiên-Tử, thế Thiên hành đạo, các Hoàng-Đế Trung-Hoa đường Thượng-Đế và có bốn phận thiết-lập các đàn thờ cúng tế trời đất, cũng như cử-hành những nghi lễ phụng thờ các quyền lực thiên nhiên để cầu cho quốc thái dân an. Nhà Minh từ thế kỷ 15 cũng đã dựng lên các đàn thờ trời đất, mặt trời, mặt trăng bên ngoài Hoàng thành, nhưng vẫn còn nằm trong vòng tường Kinh thành Bắc Kinh. Vị trí kiến tạo những đàn thờ này đã được quy định theo tín ngưỡng cổ xưa, mang ý nghĩa về bốn phương trời, chu kỳ bốn mùa và các màu sắc liên hệ. Theo cách nhìn Á Đông, hướng về phía Nam:

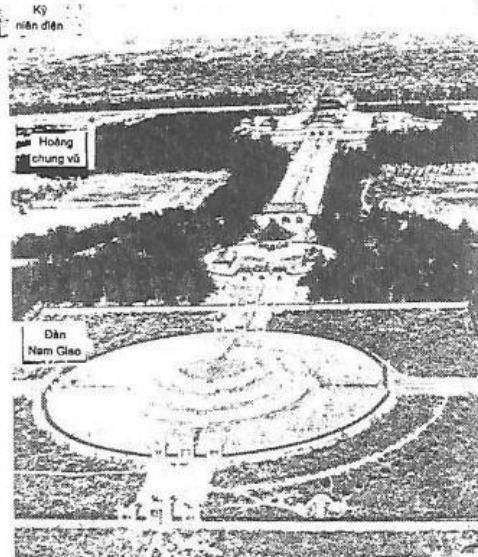
- Phương Đông bên trái, thuộc mùa xuân, mang màu xanh cây cỏ.
- Phương Tây bên phải, thuộc mùa thu, màu trắng.
- Phương Nam trước mặt, mùa hạ, đỏ.
- Phương Bắc sau lưng, mùa đông, đen.

Dưới hai triều đại Minh - Thanh, hai ngôi đền thờ do các Hoàng Đế thiết lập, gây nhiều ấn tượng nhất ở phía Nam tiền thành Bắc Kinh là Thiên-Đàn và đền Canh Tác, tọa lạc trong công viên rộng lớn, ở hai bên phải và trái của Khải-Hoàn đạo. Như vậy còn lại Địa-Đàn ở phía Bắc kinh thành, Nhật-Đàn ở hướng Đông và Nguyệt-Đàn ở hướng Tây. Mỗi đàn thờ lại được trang-trí một màu đặc biệt: Thiên-Đàn màu xanh, Địa-Đàn màu vàng, Nhật-Đàn màu đỏ và Nguyệt-Đàn màu trắng. Những thành phần cơ bản của một đàn thờ gồm:

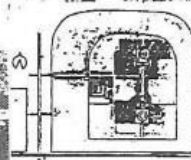
- 1- **ĐÀN** là sân thượng cao một hay nhiều tầng, đắp đất cần đá hay nền đúc, xây gạch, mặt bằng vuông hay tròn, được dùng quanh lan can đá hoa và nằm chính giữa khoảng đất rào kín bởi tường vây.
- 2- **ĐỀN**, nơi Hoàng Đế thờ bài vị các đấng tiên vương, luôn được duy trì chung với các đồ tế lễ.
- 3- **CUNG** là nơi nhà vua lui về tĩnh tâm và ăn chay nằm đất (thực ra nằm trên nền gạch xây cao hơn sân cung, lại được trải thảm, nệm dày) trước hôm hành lễ.
- 4- **Võ số** toà nhà được xử dụng như các phòng báu vật để tàng trữ những lộ bộ, nghi trượng tế lễ và nhà bếp để sửa soạn phẩm vật cúng tế.

**Thiên-Đàn:** Hàng năm vào ngày Đông Chí (20 tháng chạp dương lịch), dưới hai triều

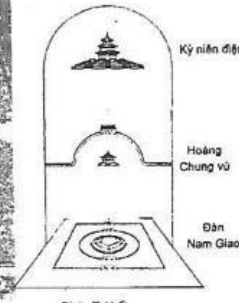
Minh - Thanh công Chính Dương (đổi tên Tiên Môn dưới triều Thanh) mới được mở ra dành riêng cho Hoàng Đế xuất thành, với đám rước long trọng, đầy đủ nghi-lễ vua chúa, cờ xí rợp trời mang nhiều màu sắc rực rỡ, để đi tới Thiên-Đàn, chay tịnh và ngủ lại đêm ở Trai cung, trước ngày dâng đàn làm lễ tế cáo Trời Đất, cầu cho quốc thái dân an và bá tánh được mùa. Thiên-Đàn của Bắc Kinh được xem là đàn thờ Trời duy nhất và to lớn nhất ở Trung Quốc, còn được bảo trì tốt đến ngày nay, dù đã được xây từ năm 1420 và được trùng tu lại nhiều lần, mỗi lần cách nhau từ một đến hai thế kỷ. Quần thể kiến trúc này được bố trí trên một khoảnh đất hình gần như chữ nhật, vì hai góc phía Bắc được vẽ tròn; cạnh dài 1700 thước, ngang 1600 thước và nằm trong hai vòng rào song song bao quanh. Vòng tường rào ngoài dăng ra rất rộng, chu-vi gần 6 km 5 và cũng vẽ tròn vòng cung hai góc phía Bắc. Hai vòng tường thành giới hạn một dãy công viên rộng, bị gián đoạn bởi mấy khoảng đồng cỏ nuôi súc vật, sẽ bị hy sinh làm phẩm vật cúng tế. Phía Tây mở hai cổng tam quan hướng về Khải-Hoàn đạo, nằm trên trục Bắc-Nam của Kinh thành. Vòng tường rào trong dài 4



QUẦN THỂ THIÊN ĐÀN (THẾ KỶ THỨ 14)



Bình đồ tổng thể



Bình đồ khối

km, bao quanh các đàn, đền, điện... Khoảng không gian đóng kín này lại phân làm hai khoảnh mang chức năng khác nhau:

- 1- Khoảnh đất phía Nam bao quanh đàn thờ tròn ba tầng, nơi Hoàng Đế dâng cúng lễ vật lên trời.
  - 2- Khoảnh đất phía Bắc bao quanh Kỳ-Niên điện, đền thờ mà mỗi năm Hoàng Đế đều đến cầu trời, xin cho đất nước được mùa.
- Hai công trình này được nối liền bởi con đường lát gạch đá, rộng tới 30 thước, gồm 5 tuyến đường mà tuyến giữa lát đá hoa trắng không ai được dẫm lên gọi là thần lộ, như để dành riêng cho thiên tướng cung nghinh Thượng-Đế giáng-lâm. Chính nhà vua là Thiên-Tử cũng chỉ được đi tuyến đường cập bên trái.

1- **Đàn Nam-Giao:** tức đàn tế Trời, là hình thức thừa kế của "Đài", mô đất cứng tế để phụng thờ Trời Đất và Nhật thần đã xuất hiện từ thời thượng cổ theo ảnh hưởng của kinh Dịch. Đàn Nam Giao xây theo hình tròn rộng thênh thang, đắp lên cao ba tầng

sân thượng đều lát đá hoa trắng. Chiều cao cả ba tầng là 4 thước 8. Bốn cầu thang đặt thẳng hàng trên hai trục thẳng góc hướng ra bốn phương trời, dẫn lên mỗi tầng sân thượng, đều được dùng lan can bài văn bằng Hán bạch ngọc bao quanh. Cả đàn tế trời này được rào tường vây tròn theo đàn, cao 1 thước 8, phía trên cần ngói men xanh. Bốn cổng Tam Quan mở ở bốn phía tường vây này, vào đúng hướng bốn cầu thang dẫn lên ba tầng đàn thờ. Bên ngoài lại rào thêm một vòng tường hình vuông, cũng mở bốn cổng tam quan ra bốn phương trời. Nhìn không ảnh đàn Nam-Giao, ta thấy ngay ý niệm "Trời tròn, Đất vuông" trong vũ trụ quan Á Đông.

2- **Hoàng-Chung-Vũ:** Về phía Bắc đàn Nam Giao, ngay trên trục chính, trong một vòng tường rào khác, vào năm 1530, một tòa nhà tròn được dựng lên trên nền sân thượng dùng lan can bài văn, được xem là sảnh vom trời mang tên Hoàng Chung Vũ, cao 19 thước rưỡi với đường kính độ được 15 thước 6 tấc. Bên trong thờ bài vị Ngọc-Hoàng Thượng Đế ở bàn trên và bài vị chư Đại-Hành Hoàng-Đế, tức các đấng tiên vương của đường kim Hoàng Đế, ở các bàn thấp châu quanh. Nóc tòa vũ này ngụy vưng

chắc trên hai vòng đà nổi hàng 8 cột. Các trụ cột ở vòng ngoài bắt kê chuyền uốn cong, còn các cột ở vòng trong liên kết với vì kèo thẳng, để chịu mái vũ hình nón, lợp ngói tráng men xanh thẫm. Hai mặt Đông và Tây Hoàng Chung Vũ còn dựng hai tòa nhà năm gian để bảo quản các bộ nghi trượng tế lễ.

Tường rào bao quanh tòa sảnh vom trời hình tròn này cũng là bức tường che mái nhờ cần ngói, xây vây tròn, được mọi người gọi là Hồi Âm Bích. Các du khách viếng thăm Thiên-Đàn, thế nào cũng vòng ra đây để vỗ tay hay cất tiếng nói để lắng nghe âm thanh mình vừa phát động vang xa và khuếch âm rõ hơn. Đây là nguyên tắc cơ bản của âm

học mà các nhà xây dựng La-Hy cổ đã áp dụng trong lúc kiến tạo các đại hí viện, hí trường lộ thiên. Dù tất cả đã được xây trên sườn đồi, dốc núi đá thoai thoải, thành những bậc ngói vòng cung. Nhưng nhờ hình thể vây tròn, nên khán giả ngồi ở bất cứ góc bãng đá nào trong hí trường rộng lớn này cũng đều nghe rõ tiếng ca hát, diễn ngâm các bài cổ thi của diễn viên đứng trên sân khấu xa tít dưới chân đồi, mà không cần đến máy vì âm khuếch đại và cũng không bị khó chịu vì những tiếng vang rền đi vọng lại nhiều lần, như khi đi vào vùng núi hay thung lũng sâu. Cho đến ngày nay tuy vẫn minh tiến bộ đã cung cấp đầy đủ các máy móc khuếch âm, các vật liệu hút âm, lọc âm để bọc tường vây, ghế ngồi và đóng trần, nhưng các kiến trúc sư vẫn tiếp tục chọn các hình tròn, bầu dục, rẻ quạt với các hàng ghế xếp vòng cung và cả trần rạp cũng ghép thành vòm cầu, vòm nổi, để thiết kế các đại hí viện, các nhạc viện và các thỉnh đường, hầu mọi khán giả ngồi ở

hạng nào cũng đều được nghe âm thanh êm dịu ấm cúng truyền thẳng đến tai một cách đồng bộ. Hồ Ấm Bích không bị vang rền như vách núi đá, lại được xây tròn, trơn láng, nên tiếng dội lại được mọi người thích nghe hơn.

**3- Kỳ-Niên điện:** điện cầu được mùa hàng năm. Cũng là một ngôi đền thờ tròn nhưng rất đồ sộ, lợp ba lớp nóc, xây trên ba tầng sân thượng, càng lên cao càng thu nhỏ lại. Mỗi tầng đều dùng lan can bài vắn bằng Hán bạch ngọc. Tám cầu thang nối liền ba tầng sân này, quay ra tám hướng, mà bốn cầu thang chính hướng đi bốn phương trời như ở đền Nam Giao. Theo đúng kinh Dịch, tám cầu thang này đã chia các mặt sân thượng thành tám vòng cung Bát Quái: Kiền, Khảm, Cấn, Chấn, Tốn, Ly, Khôn, Đoài. Đuồng kính mặt bằng Kỳ-Niên điện đo được 26 thước. Ba tầng nóc tòa điện này, nguyên thủy dưới triều Minh, lợp ba màu ngói khác nhau: Trên cùng màu xanh biếc, giữa màu vàng và dưới màu xanh lục. Dưới triều vua Càn-Long, 1751 tất cả các mái của điện này đều được lợp mới lại, bằng ngói trắng men xanh biếc cho hợp với màu da trời. Chỉ phía dưới bờ viền mái cần các đầu ngói trắng men xanh lục, pha chút xanh biếc. Hàng cột tròn ở vòng ngoài vừa chịu niềm mái, vừa chống đỡ, qua kẻ chuyển, 12 cột của vòng trong cao hơn, tượng trưng 12 tháng trong năm. Chúng lại chia từng nhóm 4 cột, liên kết nhau qua các đà ngang dầy mạnh. Tất cả dồn sức chống vào vòng đai trong cùng ở trên cao, niên bốn cột lớn và cao nhất (19,2m) tượng trưng cho bốn mùa, được sơn son, khắc vẽ và thếp vàng từng hàng dọc hoa hướng dương và các dây lá. Đà kiềng vòng cung này tựa lên các đà ngang để đỡ thêm hai cột nhỏ nằm cách đều giữa khoảng từng đôi cột lớn. Nên nhìn từ ngoài, đếm chung với 4 đầu cột cao vừa đủ 12 cột nhỏ chống đỡ mái trên cùng, được xem là 12 canh giờ trong cả ngày theo cách chia thời gian thuở xưa. Nhưng người đời nay lại đếm cả 12 cột nhỏ ở từng nóc thủ nhi để tính ra 24 giờ cho hợp với đồng-hồ hiện tại. Hàng hàng lớp lớp những đầu cung bắt giàn trên các đầu cột và đà kiềng gác dần ra từng vòng ô vuông vòm trần dưới nóc, lấp lánh màu sơn ngũ sắc như các vì sao trên vòm trời, nên được biểu tượng cho các tinh tú. Dưới mái điện lợp ngói màu xanh biếc, in bóng lên nền trời, toàn bộ công trình kiến trúc gỗ đồ sộ này, không sử dụng một cây đinh, chỉ toàn lắp ráp những lỗ, mộng liên lạc thành một khối. Cho nên bên trong lớp màu sắc lộng lẫy trang trí nên tòa điện nguy nga, với sự chọn lựa chu đáo những vật liệu, bố trí từng thành phần kết cấu, sao cho xứng hợp với bầu trời, tượng hình cho sự vận hành của thời tiết, dần dựng những hàng trụ của lan can các lớp nền, các vòng cột ngoài thấp trong cao, các tầng mái càng lên càng nhỏ dần, đến các hàng ngói trúc chên đầu vào để tất cả cùng hướng Thiên, khách thường ngoạn còn ngưỡng mộ kỹ thuật xây dựng khó khăn thời nhà Minh: Bốn cây cột to cao hơn 19 thước tây phải được đốn cửa, đeo gọt từ những súc gỗ lim to lớn hơn gấp mấy lần, tại chốn rừng sâu núi thẳm rậm rạp thuộc vùng nhiệt đới từ Vân-Nam xuống miền thượng du Bắc Việt, mà phải chọn trong đám cây cối um tùm, dây leo chẳng chịt, mấy thân cây nào suông đuột, hoàn

hào, không mất gỗ, tỉ vết, rồi còn khâu vác cẩn thận, chuyển vận khéo léo qua hàng nghìn dặm về đến tận Bắc Kinh, để có thể bào lạng nhẵn nhụi và dựng lên sơn bóng như những cây nến cao! Vì tại miền Hoa Bắc chẳng có rừng già cây cao. Kể đến phải lựa tiếp những kèo đà tưởng xứng, đục lỗ, đeo mộng thật chính xác, để buộc kéo nâng lên cao mười mấy thước trên đầu cột, và ráp nối thật khít khao.

Cũng theo ảnh hưởng của Lạc thư, ngay trên trục Bắc Nam, phía sau Kỳ-Niên điện, còn xây tòa nhà Huyền Đường tại phương Huyền Vũ, ở mặt Bắc, làm tòa Hoàng-Thiên và mặt Nam xây tòa Minh Đường ngay sau Kỳ-Niên môn, làm Tiên-Đường. Lại kết hợp hai mặt Đông Tây với hai tòa nhà 9 gian, đứng số 9 cung: Tòa Đông Đường làm nhà Thanh-Dương, tòa Tây Đường làm nhà Tống Chương. Các tòa nhà phụ cũng đều lợp ngói màu xanh biếc da trời.

**4- Trai cung:** Cung trai giới nằm biệt lập về phía Tây trục công trình, bên trong hai vòng tường thành cấp theo hào, chạy thành hình chữ nhật. Bên trên vòng tường thành ngoài lại xây thêm dãy trụ lang lợp mái bao giáp kín, càng cách biệt với thế giới bên ngoài. Trước ngày lễ tế Trời, Hoàng Đế sẽ lui về cung Thánh tẩy này để ăn chay, tịnh tâm. Trai cung gồm một tòa sảnh lớn 5 gian với gian giữa rộng, trong đặt ngai vua, thêm hai gian phụ vây tường kín. Hai bên cũng xây hai tòa nhà nhỏ tả phũ hữu bặt, đúng quy cách vương giả. Tất cả tường xây, cột trụ đều sơn đỏ, chống đỡ các lớp mái trắng men xanh lục.

Lễ tế Trời được cử-hành vào tháng đầu mùa xuân để cầu cho trúng mùa, gặt hái được dồi dào, phong-phú. Rồi đến đầu mùa hạ, lại cúng tế cầu cho mùa thuận gió hòa, cần thiết cho cây cối đơm hoa kết quả, ruộng đồng tốt tươi và vào những thời kỳ đặc biệt như hạn hán kéo dài, hay làm lễ tạ ơn trời đã giúp cho thiên hạ qua cơn dịch-tễ hay thoát nạn binh đao... Đền cúng tế gồm nhiều loại như: trâu bò, heo dê, gà vịt, thức ăn nhiều món, trái cây nhiều loại và cả những vật phẩm tượng-trưng nữa.

Quần-thể công-trình tuyệt vời này với những đường cong uốn lượn trên các mái ngói xanh, mô phỏng theo những cây bách hướng và trác bá tất-nhiên là đỉnh cao của kiến-trúc Bắc-Kinh và là một sáng-tạo hoàn-mỹ nhứt của nghệ-thuật xây-dựng đền đài Trung-Hoa. Mặc dầu đã qua nhiều đợt trùng tu, những vẻ đờng bệ trong phối-hợp, nét đôn giản trong kết cấu và dáng phong nhã trong xây dựng nguyên thủy vẫn còn được tồn trọng.

**Biểu tượng trong không gian xây dựng:** Lồng trong hệ thống quy chiếu tượng trưng của tín ngưỡng Trung Hoa, Kiến trúc, một thành phần tượng hình vũng chãi của văn hoá, chuyên ảnh hưởng nhiều khía cạnh mỹ thuật, đã phân ảnh những tôn ti trật tự từ muôn đời và các mối liên hệ luôn luôn được giữ gìn trong một vũ trụ không phục vụ cho con người, mà được thành lập theo Thần tượng của con người, để dễ dàng thích nghi với những quy luật thiên-nhiên. Những đờng ruộng, công trình xây dựng và các thành thị phải được trình bày từ hình thể mặt đất vương, mà mỗi cạnh của chúng phải hướng đúng về một phương trời. Như khi định hướng các cung điện, thành quách và ngay cả các khu lăng mộ, phải đạt được mối liên

hệ giữa xã hội con người và vũ trụ, một mối tương quan chẳng những ảnh hưởng trên đời sống hiện hữu mà còn kéo dài tới lúc chết và trải qua nhiều đời con cháu về sau. Mối liên quan ấy đã được nhấn mạnh từ thời Tây Hán qua các biểu tượng của bốn phương trời: Thanh Long về phương Đông, Bạch Hổ về phương Tây, còn Chu Tước (chim đỏ) ở phương Nam và Huyền Vũ (rùa đen) ở phương Bắc, những biểu tượng đã được đặt định theo tín tưởng như những trụ phân ranh hình thức trong không gian xây dựng. Vì thế những điều kiện xây dựng từ kinh thành, cung điện cho đến đền thờ, lăng mộ đại cường đều:

- Phải dựng Bình phong che chắn phía Nam, bảo vệ cho kinh thành nhứt là Hoàng cung, để ngăn chặn tà khí ma quỷ xâm nhập. Nếu không có sẵn dòng nước hay ao hồ thủy tụ, hoặc vòm cây, gò nổi thấp làm tiền án thì phải xây thêm nhà Minh Đường như ở trước tòa Kỳ Niên điện, dù ngay trên đường trục chính dẫn đến từ đằng xa đã đặt sành vòm trời Hoàng Chung Vũ như tiền án.

- Phải bố trí Thanh Long (rồng xanh), Bạch Hổ (cọp trắng) hai bên để được Long bản Hồ cứu ứng phó cấp thời. Trong 4 biểu tượng, Thanh Long quan trọng nhứt, hành mộc, tượng trưng cho sự tăng trưởng của mùa xuân, nên phải ở thế chế ngự. Đứng cho Bạch Hổ, hành kim, hàm nghĩa khí giới chiến tranh, lẩn áp.

- Phải có Phong thủy thích hợp, thuận lợi cho công trình xây dựng như sông hồ để luôn tưới tắm tử trường. Như quảng trường sau cổ cung phải khai sông Kim thủy uốn khúc.

- Phải tựa lưng vào núi đồi, bảo bọc sau lưng phương Huyền Vũ.

Khi nào trong thiên nhiên hay vùng địa lý thiếu một trong những yếu tố trên, con người phải bù đắp vào bằng cách dựng thêm bình phong hay thay dòng đối hướng sông, đào thêm hào nước rộng như Bắc Kinh, để cung điện và kinh thành tránh được những ảnh hưởng tai hại.

Sở dĩ người Trung Hoa xem trọng vấn đề phong thủy khi xây dựng lâu đài cung điện và cả đền thờ miếu mạo là muốn duy trì thiên thời, địa lợi, nhân hòa và bảo tồn sự Khang lạc và kiện toàn cho vua cùng dân chúng. Vì triết học Trung Hoa quan niệm: Con người là một tiểu vũ trụ, vì thế cũng chịu sự tác động và chi phối của quy luật âm dương ngũ hành giống như vũ trụ thiên nhiên vậy. Cho nên con người phải sống và xây dựng sao cho hợp với các quy luật của tự nhiên, để thiên nhiên hòa hợp lại với chính mình. Âm dương mặc dầu là hai mặt đối lập, nhưng lại luôn luôn cần có nhau, bổ túc chuyển hóa cho nhau để phát sinh và phát triển mọi vật. Ngũ hành, kim, mộc, thủy, hỏa, thổ là năm nguyên tố chính trong vũ trụ, sẽ hợp lại, phân ra và hiện hữu cùng khắp trong thiên nhiên. Cũng từ đó mà phát sinh ra bốn mùa Xuân, Hạ, Thu, Đông, với mục đích cân bằng và tác động qua lại trong môi trường thiên nhiên. Chính sự hợp tan, tác động liên quan lẫn nhau của ngũ hành, đã giúp xúc tiến các quá trình sinh và diệt trong vũ trụ tự nhiên. Đam nhiệm vai trò tổ chức, con người phải đặt mình vào nhịp điệu biến thiên, các công trình của con người phải nằm vào thế ổn định trong vòng sinh diệt tiếp diễn mãi không ngừng này ●

## Bàn về học thuyết

# TRI - HÀNH

**T**rước tình trạng khẩn trương của đất nước, chúng ta hãy đem học thuyết "Tri-Hành" ra mà thảo luận, để tìm lấy một phương châm hành động thích hợp cho giai đoạn hiện tại và cho cả tương lai nữa. Học thuyết "Tri-Hành" bắt nguồn từ một thời xa xưa, kể đã hơn ba nghìn năm, và đã biến hóa theo sự tiến triển của xã hội Á Đông nói chung và Trung Hoa nói riêng. Thoạt tiên, học thuyết "Tri-Hành" khởi đầu bằng quan niệm "tri dị hành nan", tức là "Biết dễ làm khó".

### I. Tri dị hành nan

Hai chữ "Tri-Hành" bắt đầu thấy ở trong Kinh Thư, do lời ông Phó Duyệt nói với vua Cao Tông nhà Thương. Trong thiên Duyệt-Mạng Thượng, ta thấy chép: "*Duyệt kể thủ viết: Phi tri chi gian, hành chi duy gian*", nghĩa là: ông Duyệt cúi đầu nói rằng: Không phải biết đó là khó, mà duy làm việc đó mới là khó. Theo lời chú thích trong Kinh Thư, đại ý ông Duyệt muốn nói là: phạm các lễ, các việc do tai được nghe mà biết, thì không phải là một sự khó, mà duy có điều chính thân mình phải thực hành thì mới là khó. Lời nói ấy không ngoài mục đích là mong cho vua Cao Tông phải thực hành những điều đã học, để trở nên một bậc thánh quân như vua Thành Thang ngày trước.

Trước đó, ông Phó Duyệt có tâu với vua Cao Tông rằng: "*Phàm những việc gì phải có phòng bị trước, có phòng bị trước mới khỏi hậu họa (lo về sau); đừng đem lòng nịnh ái người nào, rồi phải bị người ấy lợi dụng, khi trá; mình có điều làm lỗi, đừng có hổ thẹn mà cần phải bần chuốt cho ra lễ phải; cứ an nhiên giữ làm theo việc có nghĩa lý, thì chính sự mới tốt đẹp; việc tế tự không nên bày đặt nhiều lần, làm nhiều lần mà bất kính. Và lại lễ nghi phiền tiết thì lòng phải rối loạn, rối loạn thì thất lễ, khó trọn đạo thờ thần*".

Vua Cao Tông phán rằng: "*Lời nói của người có ý vị lắm thay! Ta phải ghi nhớ thi hành, nếu như người nói không phải, thì ta chẳng nghe theo mà cũng chẳng làm theo*".

Phó Duyệt là người ấp Phó-Nham (1) đời nhà Thương (1766-1122 tr. TL) thường thay thế cho kẻ tù-mị (người bị tù-đồ) đắp bờ ngăn nước ở đồng nội Phó-Nam. Bữa nọ, vua Cao Tông mộng thấy Thượng Đế ban cho một người lưng-bật (người hiền phụ bật). Vua Cao Tông bèn sai họa hình tượng người trong giấc mộng, nhìn xem quần thần và bách quan ở trong triều ngoại quận đều không có ai giống hình ấy. Nhà vua lại khiến trăm quan đi tìm khắp thiên hạ, tìm được ông Duyệt ở trong nội Phó-Nham, mời về nhìn xem đúng là người trong giấc mộng. Nhà vua cùng ông Duyệt bàn luận quốc kế dân sinh và nhận thấy ông ta quả thật là bậc Thánh-nhân. Cao Tông cử lên làm tướng, thường ngày ở lại bên tả hữu nhà vua, sớm chiều khuyên nhủ. Ông Duyệt thường khuyên Cao Tông rằng: "Cây theo dây mục thì được ngay thẳng; Vua biết theo lời can gián, thì thành thánh hiền". Cao Tông bảo Duyệt rằng: "Như hòa vị trong canh, thì dùng người làm vị diêm (muối) và quả mai; như qua sông lớn, thì dùng người làm thuyền, chèo; như gặp năm đại hạn, thì dùng người làm trận mưa rào".

Từ khi ông Duyệt về làm tướng, nước Ân được đại trị. Vì ông là người ở Phó-Nham, nên người đương thời lấy chữ Phó làm họ, và thường gọi ông là Phó-Duyệt.

### II. Cùng lý trí tri

Đến đời ông Chu-Hy và ông Trình-Di đời nhà Tống (960-1278) mới xuống lên cái học thuyết "Cùng lý trí tri, phân cung thực tiễn", nghĩa là: Tìm hết lẽ để biết đến nơi đến chốn và xét lại mình mà thực hành cho đúng, tức là tri với hành cùng phải chính xác và thực tiễn thì mới hoàn toàn tư cách làm người. Thuyết "Cùng lý trí tri" cũng như thuyết "Cách vật trí tri" của Đức Khổng Tử, làm cho ta nhớ tới lời than của Virgile trong thi phẩm Géorgiques: "*Felix qui potuit rerum cognoscere causas!*" - Sung sướng thay người nào hiểu thấu mọi sự vật!

Chu-Hy (1130-1200) người đời Tống, ở đất Vụ-Nguyên, tự là Nguyên-Hối sau đổi là Trọng-Hối, Vụ-Nguyên vào đời Lương-Trần gọi là Tân-an Quận; thân phụ của ông tên là Tông làm quan Ủy huyện Chính-Hòa, nhân đó ngụ cư ở Kiến-Châu (Phúc Kiến) trong niên hiệu Thiệu-Hung (1190-1192) được dự kỳ Hương-Cống ở Kiến-Châu, rồi kế đậu Tiến-Sĩ; trải qua bốn triều Cao Tông, Hiếu-Tông, Quang-Tông, Ninh-Tông, ông lần lượt làm chức Chuyển-Vận Phó-Sứ, Thị-Chế Các-Hoán-Chương, Tu-Soạn ở Bí-Các. Khi mất được vua tặng cho chức Bảo-Mô-Các học sĩ; thụy là Văn, vào

niên hiệu Thiệu-Định (1228-1223) được truy phong Huy-Quốc-Công, niên hiệu Thuần-Hựu (1241-1252) được tòng tự Khổng-Miêu. Vào đời Thanh, niên hiệu Khang-Hy (1662-1721) được thăng lên vị-thủ Thập Triết, cho nên gọi là Chu-Tử, hoặc xưng là "Chu-Văn-Công". Khi ban đầu ở huyện Sùng-An, tấm bảng nơi sánh-tự đề là "Tủ-Dương thư-đường" nên xưng là Tủ-Dương. Ông lại dựng thảo đường ở Văn-Cốc, huyện Kiến Dương, bảng đề là Hối Am, và tự xưng là Văn-Cốc Lão-Nhân, cũng xưng là Hối-Ông. Về già ông làm nhà ở Khảo-đình, huyện Kiến Dương và dựng tịnh xá ở Thượng Châu, ông cũng tự xưng là "Thượng Châu bịnh tử" lại đổi hiệu là Độn-Ông. Khảo đình là nơi ông giảng học, nên xưng là "Khảo đình học phái", luận việc hành chính thì lấy mục đích chính quân (can sửa lỗi vua) tuất dân (thường dân) làm chủ yếu, bản việc học hành thì lấy điều "cư kinh" (cư xử cung kính), cùng lý (thông suốt sự lý) làm cốt cán; lý học đời Tống đến thuở Chu-Hy là tập trung cả các bậc đại thành. Ông mất vào niên hiệu Khánh-Nguyên thứ 6 (1200), thọ 71 tuổi.

Trình-Di (1033-1107), tự là Chính-Thúc, hiệu là Y-Xuyên, người đời Tống, ở Lạc Dương, em ông Trình-Hạo, triều vua Triết-Tông, được dùng làm chức Thuyết-Thư trong điện Sùng-Chính, ở trong Kinh Diên. Ông không đồng ý với ông Tô-Thúc, bèn đổi ra Tây-kinh Quốc-Tử-Giám. Trình-Di xin từ chức, vua bèn sai quản-câu ở cung Sùng-Phước. Trong niên hiệu Thiệu-Thanh (1094-1096) xét ông can dự vào các đảng cựu thần trong thời gian Nguyên-Hựu (1086-1091) nên bị giáng chức. Ông thuở nhỏ cùng anh là Trình-Hạo, thụ nghiệp với Chu-Đôn-Di, bình sinh lấy chữ Thành (thành thật) làm gốc, lấy cùng lý (thông suốt sự lý) làm chủ yếu, khi tuổi già có trước tác Dịch Truyện và Xuân-Thu Truyện.

Sách Tống-sử chép thêm: Trình-Di không có sách gì mà ông không đọc; sự học của ông cốt ở chỗ thành ý, lấy sách Đại-Học, Luận-Ngũ, Mạnh-Tử, Trung-Dụng làm tiêu chuẩn, bình sinh dạy người không quyện đái, cho nên người học với ông rất đông đều thành danh-sĩ cả. Ông hưởng thọ 75 tuổi.

### III. Tri-hành hợp nhất

Kể đến khoảng đời nhà Minh, có học giả Vương-Thù-Nhân (1472-1528) tức Dương-Minh, mới xuống lên cái thuyết "Tri hành hợp nhất", nghĩa là: tri với hành hợp làm một (Identité de la connaissance et de l'acte). Ông giải thích: Cổ nhân sở dĩ phân ra tri với hành làm hai, là ý muốn cho

người nhận thấy cho được rõ rệt mà thôi. Nay nếu đem hai cái ý ấy phân tách hẳn ra làm hai ngành để mà học tập, thì tức là đã làm sai lạc hẳn ý nghĩa của cổ nhân. Bởi thế ông lại nói thêm: "Tri là chủ ý của hành, mà hành tức là công-phu của tri", nghĩa là: Tri tức là bắt đầu của sự hành mà hành tức là thành công của tri đó. Người học-già một khi đã hiểu được như thế thì khi nói đến Tri tức là đã có chữ Hành ở trong, mà khi nói tới chữ Hành tức là đã có chữ Tri ở trong vậy.

Vương-Dương-Minh người huyện Du-Điêu, tự là Bá-An, đậu Tiến-sĩ niên hiệu Hoàn-H Trị (1488-1504). Niên hiệu Chính-Đức (1506-1522) làm Tuần-Phủ Nam-Cống, dẹp yên các đảng giặc ở Mạo-Sơn, bình định mối loạn ở Thần-Hào. Văn-thần nhà Minh mà biết dụng binh, chưa có ai bằng Vương-Thù-Nhân. Khi ông mất, được vua tặng tước Tân-Kiến-Hầu, thụy là Văn-Thành. Học thuật của ông thường lấy ba chữ "Trí Lương Tri" (Instrospection de la conscience) làm cốt yếu. Người đương thời gọi là "Học phái Diêu-Giang". Ông làm nhà ở trong động Dương-Minh, cho nên người ta gọi ông là Dương-Minh Tiên-Sinh.

Học thuyết "Tri hành hợp nhất" của Tiên-sinh đã được áp dụng triệt để trong cuộc canh tân nước Nhật-Bản; người Nhật tôn sùng người dưới phướng danh Oyomei. Về phần người Việt chúng ta, Lê-Quý-Đôn là bậc danh-sĩ đã chịu ít nhiều ảnh hưởng của Vương-Dương-Minh, và sự nghiệp của Quế-Đường Tiên-sinh là một minh chứng cho chủ thuyết "tri hành hợp nhất" tại nước Việt ta vậy.

Một trong những đồ-đệ danh tiếng của Vương-Dương-Minh là Chu-Chi-Du tức Chu-Thuấn-Thụy. Người có sang lánh nạn tại Việt Nam và sống khá lâu tại Hội An từ năm 1646 cho tới năm 1658, dưới thời chúa Thượng và chúa Hiền. Chi-Du người huyện Du-diêu, tỉnh Chiết Giang, tên tự Lỗ-Dư, hiệu Thuấn-Thụy, khi quân Thanh hãm kinh Nam-Đô bèn lánh sang Giao-Chi, rồi lại trở về Chu-Sơn (1) để sang Nhật Bản xin quân, được Thủy-Hộ Phiến-Vương Đức-Xuyên tiếp đãi với lễ thượng tân, không không xuất quân, rồi ông mất ở nước Nhật. Ông thọ 82 tuổi, học giả Nhật Bản đặt tên thụy: Văn-Cung Tiên-sinh. Về trước tác, ông có bộ Thuấn-Thụy Văn-Tập và bộ sách An-Nam cũng dịch ký sự. Chi-Du là người nghiên cứu lục Kinh; các môn học đều thông suốt, bổ ích cho học thuật nước Nhật không ít vậy.

#### IV. Tri nan hành dị

Nhưng đến sau này vào khoảng cuối đời nhà Thanh, nhà Cách-mạng Tôn-Văn, tức

Tôn-Trung-Sơn (1866-1925) lại xướng lên cái thuyết khác hẳn với lời đã nói trong Kinh Thư và cả lời nói của Vương-Thù-Nhân nữa. Nguyên khi bắt đầu, họ Tôn cũng chú trọng đến học thuyết "Tri-hành hợp nhất", mong đem ra phổ biến trong nước, để tái tạo quốc gia. Song nấn ná lâu ngày mà thấy mọi việc trong nước vẫn không chấn chỉnh được; ông liền nghĩ ngay rằng những nông nổi ấy không phải do người trong nước không thể làm nổi, mà thực là người trong nước chưa biết mà thôi. Vì thế nên Tôn-Văn mới xướng lên cái thuyết "Tri nan hành dị" (biết khó mà làm dễ) để đả phá những tập tục mê hoặc của người trong nước lúc bấy giờ. Do đó, họ Tôn khi viết cuốn Kiến Quốc Phướng Lược, trong chương Tâm-Lý Kiến-Thiết có nêu lên mười việc giả-thiết để chứng minh cái thuyết "Tri nan hành dị" và cho là nếu khi người trong nước đã thấu hiểu cái nghĩa tri không phải là dễ mà hành cũng không phải là khó, thì việc nước mới có thể tiến hành mau chóng được.

Sách Kiến Quốc Phướng Lược gồm có 3 bộ:

1. Tâm-lý kiến-thiết, lập ra thuyết "Hành dị tri nan" (làm dễ biết khó) để toan chấn khởi nhân tâm.
2. Vật-chất kiến-thiết, tức thực-nghiệp kế-hoạch, phải thực thi ra làm 6 giai đoạn.
3. Xã-hội kiến-thiết, tức dân quyền sơ bộ, bàn rõ nguyên lý phương-thức hội-nghị, phải chiếu theo từng khoản lệ, để suy diễn cho rõ ràng.

Tôn-Văn, người huyện Hương-Sơn, tỉnh Quảng-Đông, tự là Dật-Tiên. Khi ở Nhật Bản, tự-hiệu là Trung-Sơn-Tiêu, nhân đó người ta xưng là Trung-Sơn tiên-sinh. Sinh ngày 6 tháng 10 niên hiệu Đồng-Trị thứ 5 (12-11-1866), trong một gia thế chuyên nghề nông. Tôn-Văn từ thuở nhỏ đã nuôi chí lớn, ông học làm thầy thuốc ở Quảng Châu và Hương Cảng. Gặp lúc Trung-Pháp chiến tranh, quân Thanh bị thua, tiên-sinh giận chính thể nhà Thanh không cương-kỷ, việc nước lại tồi bại, bèn quyết tâm lật đổ chính phủ nhà Thanh, sáng lập Dân-Quốc. Ông giả danh đi làm thuốc, qua lại các chỗ ở Quảng Châu và Úc-Môn để liên lạc hội-đảng, chung lo việc Cách Mạng.

Năm Giáp-Ngo (1894) Nhật Bản khởi chiến, Tiên sinh sang Đản-Hương-Sơn (Honolulu) và Mỹ Châu, cùng các đồng chí sáng lập hội "Hùng Trưng". Khi quân Thanh chiến bại, bèn thừa cơ hội về nước khởi nghĩa đánh Quảng Châu, bị thua chạy sang Nhật Bản. Từ đấy ông du lịch các nước Đông Tây, hiệu triệu đồng chí trong nước và ở Âu-Mỹ, Nhật Bản, tổ chức "Trung Quốc Cách Mạng Đồng Minh Hội", nghị quyết chính thể Dân-Chủ Cộng-Hòa,

đề xướng Tam Dân Chủ Nghĩa, và Ngũ-Quyền hiến pháp; phân phái các đồng chí về nước khởi nghĩa nhiều lần mà đều thất bại, chỉ có việc ở Hoàng-Hoa-Cường là được lòng lấy hơn hết.

Năm Tân-Hợi (1911), ông khởi nghĩa ở Vũ-Xương, sáng tạo Dân Quốc, được cử làm "Lâm Thời Đại Tổng Thống", chưa bao lâu ông xin từ chức, cử Viên-Thế-Khải thay thế, khi ấy Đồng Minh Hội cải tổ làm "Chính đảng" gọi là "Quốc Dân Đảng".

Năm Dân Quốc thứ 6 (1917), Đoàn-Kỳ-Thụy dẹp yên loạn Phục-Bích (toan đem vua Thanh phục chính) cho là Dân Quốc mới tái tạo, nhưng không cần tuân giữ ước-pháp năm đầu, nhân đó không triệu tập Quốc-Hội, vì cơ quan này đã bị Trương-Huân cưỡng bức giải tán. Tôn-Trung-Sơn bèn tự đương trách nhiệm hộ pháp, đem nghị viên cựu Quốc Hội xướng phía Nam, tổ chức Quân-Chính ở Quảng Châu, được tôn làm Đại Nguyên-Soái.

Năm thứ 7 (1918), Tôn-Trung-Sơn cải tổ Quân Chính-phủ, lại được cử làm Tổng-Tài, nhưng Tiên-sinh không tựu chức. Sang năm sau, Tiên-sinh phát biểu Phướng-Lược Kiến-Quốc ở Hộ (tức Thượng-Hải Giang-Tô), sáng kiến ra học thuyết "Tri nan hành dị".

Năm thứ 10 (1921), Tiên-sinh lại được cử làm Đại Tổng-Thống, toan cử binh Bắc phạt, nhưng chưa qua quyết tiến hành.

Tháng Giêng năm thứ 13 (1924), Tiên-sinh triệu tập đảng viên ở trong nước và ngoài nước, mở Đại hội Toàn quốc Đại biểu lần thứ nhất, cải tổ Trung Hoa Cách Mạng Đảng làm "Trung-Quốc Quốc-Dân Đảng" lại được cử làm Tổng-Lý, phát biểu tuyên ngôn và minh định đại cương kiến quốc. Mùa đông năm ấy, Đoàn-Kỳ-Thụy, Chủ tịch Lâm thời chấp chính Chính Phủ Bắc Kinh, mời Tiên-sinh ra Bắc chung bàn đại kế trong nước. Tiên-sinh chủ trương "đổi nội thì phải chú trọng việc chiêu tập Quốc Dân Hội Nghị, đối ngoại thì chú trọng trừ bỏ những điều-ước bất bình đẳng", nhưng họ Đoàn không chấp nhận kiến nghị ấy.

Mùa xuân năm 1925, Tiên-sinh phát bệnh; tạ thế ngày 12 tháng 3, hưởng thọ 60 tuổi. Tiên-sinh có di-chức cho đảng viên rằng "Cách mạng còn chưa thành công, đồng chí nên gắng sức".

Năm thứ 15 (1926), Chính phủ Quân-Dân phái quân Quốc-Dân Cách-Mạng cử đại binh Bắc phạt, ấy là tuân thừa di chúc của Tiên-sinh để hoàn thành sự nghiệp cách mạng vậy.

#### V. Tri lương hành thiện

Nhìn chính tinh Trung Hoa hồi đó, ta thấy chẳng khác gì chính tinh Việt Nam hiện



## Thư tịch Việt, Thư viện Đức

nay; đây đó cũng là "Hoành-sơn tam liệt ngũ phân", đất nước tao loạn, nhân tâm ly tán, chẳng qua cũng vì thiếu sự đồng nhất và tương xứng trong sự hiểu biết và những hành động của mỗi người. Hoặc giả biết mà không chịu làm hoặc là không biết mà cứ làm bừa, chẳng mấy ai chịu "Biết thì thừa thốt, không biết thì dựa cột mà nghe". Đại khái các sự việc xảy ra tại các lân-bang luôn luôn là những bài học đáng cho ta suy ngẫm. Những bài học đó tựu trung cũng chỉ quy tụ chung quanh hai chữ **Biết** và **Làm**: Biết rõ làm hay, không biết làm bậy, biết số làm đối, hoặc làm không đến nói đến chốn, đầu voi đuôi chuột, tiền hậu bất nhất, không mang lại kết quả mong muốn.

Vậy thì đứng trước tình trạng đó, chúng ta nên áp dụng chủ thuyết nào, trong bốn chủ thuyết đã nói rõ trên kia) Theo thiên ý chúng tôi, mỗi nước đều có những điều kiện thủy thổ, sinh hoạt và phát triển khác nhau; tốt hơn là chúng ta nên tìm lấy một chủ thuyết quốc gia (doctrine nationale) riêng biệt, khả dĩ áp dụng thuận lợi cho dân tộc ta, trong giai đoạn hiện tại cũng như về tương lai. Chủ thuyết đó, chúng tôi mạn phép đề nghị ra đây để tham khảo ý kiến của chú độc giả. Đó là chủ thuyết "*Tri lương hành thiện*", nghĩa là: Biết điều lành, làm điều phải, biết những điều đáng biết, làm những điều đáng làm, thế nào cho con người nói riêng và xã hội nói chung càng ngày càng tiến tới toàn Thiện toàn Mỹ.

Con người cả xã hội ngày nay không phải chỉ cần có kiến-văn rộng rãi, bằng cấp cho nhiều, mà còn phải có chí hướng, có lý tưởng, có ý thức rõ rệt về sứ mạng của mình trong một xã hội vừa chậm tiến, vừa bị chiến tranh giao động. Con người này phải biết chọn lấy một con đường, dù chông gai hiểm trở, để gánh vác và chung lo việc dân việc nước, cương quyết đánh dấu sự hiện diện của mình trong mỗi giai đoạn lịch sử và luôn luôn cố gắng thực hiện phương ngôn:

*Làm trai cho đáng nên trai*

*Xuống đồng đồng tinh lên đoàn đoàn yên.*

### Chú thích:

(1) Chu-Sơn: Nay là huyện sở Đình-Hải, thuộc Chiết-Giang, thời Minh đặt sở Chiên-hộ tại đó; chung quanh có các đảo nhỏ la liệt, cho nên đều gọi là Chu-Sơn quần đảo. Nhà Thanh năm Đạo-Quang 21 bị hải-quân nước Anh chiếm cứ. Tổng-binh là Cát-Vân-Phi tử trận. Sau khi nghị hòa đất ấy được trao trả lại nhưng không được cắt nhượng cho nước khác. Đất ấy thực là yếu địa của vùng Đông Hải, để cho các hạm-đội lấy than và lánh bão ●

**F**ranz Kafka (1883-1924) là nhà văn Tiệp Khắc viết tiếng Đức, tác giả nhiều tác phẩm nổi tiếng như *Der Prozess* (Vụ xét xử), *Die Verwandlung* (Hóa thân), *Ein Landarzt* (Thầy thuốc nông thôn), *Das Schloss* (Lâu đài) v.v... qua đó Kafka có hoài bão gửi gắm trọn vẹn tâm tư vào văn chương vì đối với Kafka, văn chương là tất cả, đến nỗi trọn đời Kafka... không dám lấy vợ! Kafka có một câu nói nổi tiếng, được nhiều người biết đến, từ điển dẫn văn nào cũng ưa trích đăng, rút từ *Tagebücher* (Nhật ký):

*Alles, was nicht Literatur ist, langweilt mich und ich hasse es*

(Tôi chán ngán và oán ghét tất cả những cái gì không phải là văn chương).

Văn chương vốn có sức thu hút mãnh liệt. Baudelaire (1821-1867), nhà thơ Pháp, nói chắc như đinh đóng cột: *Tout homme bien portant peut se passer de manger deux jours, - de poésie, jamais.* (*Conseils aux jeunes littérateurs*) nghĩa là: Ai khỏe mạnh cũng có thể nhịn ăn hai ngày, nhưng nhịn thơ thì không bao giờ (Lời khuyên các nhà văn trẻ).

Trong thực tế, mê văn chương đi đôi với mê thư viện. Môi trường thư viện cung cấp cho chúng ta những ngày giờ quyền rũ, hấp dẫn, tạo cơ hội cho chúng ta sống trọn vẹn với văn học.

Năm 1985, mới đến Đức và còn ở giai đoạn theo học lớp Đức ngữ, tôi được nhà trường tổ chức cho đi thăm Berlin, lúc thủ đô nước Đức còn chia hai. Chế độ Honecker qui định là ai qua bên đó cũng phải đổi tiền Tây Đức lấy tiền Đông Đức, mỗi người tối thiểu phải đổi 50 DM theo tỷ lệ hối đoái rất bất công là một Mác Tây Đức ăn một Mác Đông Đức. 50 DM đó phải tiêu cho kỳ hết trên đất Đông Đức, không được mang về Tây Đức một Pfennig. Những học viên cùng đi với tôi tìm cách thanh toán 50 DM bằng cách ăn uống (bên đó, độ đói ăn uống rẻ hơn, chỉ phải cái cảnh sắp hàng, kể cả sắp hàng mua kem, bánh ngọt) hay tìm sắm kỷ vật.

Tôi dùng 50 DM để mua vé thăm bảo tàng và mua sách. Tiệm sách quốc doanh rất lớn, nằm không xa Viện Đại Học Humboldt. Tôi mua được quyển *Kiều* dịch ra tiếng Đức (ở Tây Đức, cho đến nay, chưa có bản dịch *Truyện Kiều* nào sang Đức ngữ cả). Nhà sách vắng khách, nhất là ở khu sách quốc tế, nhưng lại có nhiều nữ nhân viên phục vụ. (Bởi vậy, Bộ Trưởng Lao Động Liên Bang Blum mới có dịp xô xiên các Dân biểu Cộng sản PDS là Đông Đức cũ không có người thất nghiệp nên mới sập tiệm). Thấy tôi là người Á Châu, chắc các nữ đồng chí nghĩ tôi cũng là đồng chí Trung Quốc, Việt Nam hay Bắc Triều Tiên gì đó nên tiếp đón rất niềm nở. Tôi hỏi các cô về sách Việt ngữ và sách liên quan đến văn học Việt Nam. Họ cho biết khu bán sách của họ chỉ có những tác phẩm phổ thông, nếu muốn mua hay xem sách thì phải đến thư viện của trường Đại Học Humboldt. Tôi mừng rỡ cảm ơn và bảo sẽ đến ngay cho kịp trước khi phải trở lại Tây Bá Linh trong cùng ngày. Nhưng một cô nhanh nhẩu nói phải hỏi coi vào ngày đó trong tuần, thư viện có mở cửa không. Rồi cô nhắc điện thoại liên lạc. Tôi tiu nghỉu - và cô hàng bán sách cũng tiu nghỉu không kém - khi được biết thư viện không mở cửa hôm đó. Tôi nói chuyện với họ một hồi rồi mua thêm hai quyển sách văn phạm và một cuốn từ điển Đức ngữ (vì người Cộng sản Đức cũng nói và viết tiếng Đức như người tư bản Đức!).

Từ đó đến nay, tôi lưu tâm tìm hiểu về thư tịch Việt ngữ trong các thư viện Đức. Tôi rất thất vọng thấy rằng tuy một số Đại Học Đức (ví dụ Hamburg, Bonn, Passau v.v...) có giảng dạy môn Việt ngữ nhưng hoạt động thư tịch học tiếng Việt thì lại nghèo nàn và yếu đuối đến mức thảm thiết. Cho đến nay vẫn không có một công trình giá trị nào nhằm giới thiệu nền văn học nói giống chúng ta với người sử dụng ngôn ngữ của Goethe, của Schiller. Cũng chẳng có được bao nhiêu sách chữ quốc ngữ trong các thư viện liên hệ.

Thư viện Bayerische Staatsbibliothek ở München, Ludwigstr.16, là một thư viện khá lớn, tọa lạc ngay trung tâm thủ đô tiểu bang Bayern. Nhân một dịp đến München, tôi đã dùng tàu điện đến thăm thư viện và cũng lò dò đến khu Đông Phương Học trên lầu. Trước đó, tôi đã từng liên lạc với họ để xin chụp phóng ảnh một số tài liệu dịch các tác phẩm văn chương cổ điển Việt Nam sang tiếng Pháp, tiếng Đức, tiếng Anh, ví dụ bản dịch Pháp ngữ nguyên tác *Chinh Phụ Ngâm* của Đặng Trần Côn do

Maurice Durand chấp bút (bản dịch này có in cả phần chữ Hán). Lẽ ra tôi nên xin Thư viện Quốc gia Pháp, Phân bộ Đông Phương Học cung cấp các loại tài liệu Pháp ngữ nhưng tôi đã phát hiện là người Pháp tính các dịch vụ này rất đắt và còn kèm thêm bưu phí trong khi Thư viện München xử sự rất đẹp: nếu chụp phóng ảnh ít thì coi như miễn phí, nếu chụp nhiều thì giá phải chăng và không bao giờ tính phí tổn gửi sách qua đường bưu điện. Đã chuẩn bị nên khi đến Thư viện München, tôi mang theo thư tử trao đổi giữa tôi và nhân viên chuyên trách Đông Phương Học, đồng thời cũng tìm và ghi lại các tài liệu mình muốn tham khảo, căn cứ vào các phiếu phân tích thư tịch của thư viện chứa trong mấy hàng tủ học phiếu đặt ở tầng trệt. Thấy tôi hỏi đúng tên người chuyên trách thư tịch, các nhân viên hiện diện không giấu được vẻ ngạc nhiên. Rồi đến khi tôi đưa mã số tài liệu muốn xem để nhờ tìm thì họ tử ngạc nhiên chuyển sang tự hào. Chà là hôm đó tôi xin xem một bản *Truyện Kiều* mà theo phiếu phân tích thư tịch thì là một bản chữ nôm duy nhất thư viện thu thập được. Cho nên trên phiếu tham khảo ghi: *Kopieren verboten. Nur im Lesesaal benutzbar. Reproduktion nur über den Mikroschnelldienst oder die Fotostelle möglich.* (Cấm chụp phóng ảnh. Chỉ được sử dụng tại phòng đọc. Chỉ có thể in lại qua dịch vụ vi phim nhanh chóng hay qua phòng chụp ảnh). Tôi định ninh đây phải là một bản nôm tác phẩm của Nguyễn Du *München lạc lối đầu mà đến đây*, như bản nôm *Truyện Kiều* mà The British Library (Thư viện Anh Quốc) mua được khoảng năm 1993 với một giá rất đắt. Các nhân viên thư viện chắc cũng nghĩ thế nên trước khi cùng tôi đi tìm tài liệu liên hệ, họ nhấn mạnh với tôi rằng đây là bản gốc, không phải bản in lại hay bản dịch. Nhưng sau một hồi tìm kiếm theo phiếu sách - tất cả ba nhân viên thư viện cùng dốc lòng tìm - họ ngượng ngùng lúng túng cho biết vì kho sách vừa di chuyển đến khu vực mới nên chẳng biết tài liệu muốn tìm hiện nằm ở đâu! Trở về chỗ làm việc, tôi tiếp tục liên lạc thư tử và hỏi thăm về quyển *Truyện Kiều* quý giá. Cuối cùng,, München cho biết đã tìm ra. Vấn đề bây giờ là tôi đang ở Bắc, sách ở Nam, mà sách thì chỉ được đọc tại phòng sách, theo như qui định. Tôi đến thư viện vùng tôi ở tại Detmold để hỏi ý kiến các chuyên viên và yêu cầu họ áp dụng chế độ *Fernleihe* cho trường hợp của tôi. *Fernleihe* là hình thức cho mượn sách

từ xa qua hệ thống các thư viện, với vai trò trung gian của một thư viện địa phương. Điều kiện rất đơn giản và dễ dàng: phải có thẻ đọc giả thường xuyên đóng niên liễm và phải biết mã số sách (*Signatur*). Do sự can thiệp của Thư viện Detmold, cuối cùng rồi tôi cũng mượn được bản *Kiều* chữ nôm vô giá. Sách gửi đến thì ra chỉ là bản *Kiều Chiêm Vân Thị* in tại nhà in Tübingen, đường Võ Tánh - Sài Gòn, Bộ Văn Hóa Giáo Dục và Thanh Niên tái bản năm 1973! Nói cho đúng bản này vốn có hai phần, phần chữ quốc ngữ và phần chữ nôm in cũng rất đẹp, vì thế phiếu lý lịch sách của Thư viện München mới xem là Originaltext và... quý hơn vàng. Dù sao cũng không đến nỗi hoàn toàn phí công đeo đuổi bao nhiêu lâu vì bản *Kiều Chiêm Vân Thị* mà tôi đã mua tại Việt Nam trước 1975 thì trong thời gian ba năm tôi lên rừng phá rẫy ở nhà mới đã xoi mất. Tôi phải năn nỉ mãi nhân viên Thư viện Detmold mới cho mang hai cuốn thượng và hạ ra phổ chụp lại phóng ảnh (vì ở trang bìa đầu có đóng dấu *Kopieren verboten*).

Mối tình dang dở với Thư viện Berlin tôi nhất quyết phải nối lại sau khi nước Đức thống nhất vì tôi suy đoán Thư viện thủ đô CHLB Đức ắt phải tiếp thu toàn bộ kho sách Việt ngữ của Thư viện Đại Học Humboldt thời mỗ ma Đông Đức. Thư viện Berlin có hai trụ sở tầng trũ sách quốc ngữ: Haus 1 ở Unter den Linden 8 và Haus 2 ở Potsdamer Str.33. Người trực tiếp phụ trách là bà Christina Grune qua thư ngày 14.6.96, bảo đảm với tôi rằng kho sách Việt ngữ do bà quản lý là một trong những sưu tập sách tiếng ta lớn nhất trên đất Đức và bà ân cần mời tôi đến viếng Thư viện, chi phí di chuyển có thể do Thư viện đặc cách cáng đáng. Nhưng độ đó tôi còn ngày tám tiếng đều đặn trong bệnh viện, và vào dịp nghỉ thì qua Paris lùng sách nên đành hẹn bà Grune dịp khác. Đến lúc tôi thu xếp đi được Berlin, hỏi lại bà Grune về cái vé tàu bà đã hứa thì được cho biết ngân khoản bị cắt xén nặng nề nên từ *ich versichere* bà chuyển sang *ich bedauere!* Thành ra tôi vẫn chưa viếng được Thư viện Việt học Bá Linh. Dẫu sao, qua chế độ *Fernleihe*, tôi cũng đã được bà Grune gửi cho mượn một số sách thuộc lĩnh vực văn học cổ Việt Nam hoặc các bản dịch sang Anh, Pháp ngữ.

Cho đến nay, theo sự tìm hiểu của tôi, nền văn chương của chúng ta chỉ được giới thiệu với giới thường ngoạn Đức qua các bản dịch sau:

- *Truyện Kiều*, bản dịch của ông bà Irene và Franz Faber (*Das Maedchen Kiéu*), Nhà xuất bản Rütten và Loening, Berlin 1964, 295 trang. Bản dịch không đạt được chất lượng; so với các bản Anh ngữ, Pháp ngữ chuyển dịch *Truyện Kiều* thì kém xa. Tôi đã có dịp bình phẩm dịch phẩm này trên Làng Văn số 159.

- *Cung oán ngâm khúc*, bản dịch của Hubert Hohl (*Das Klage lied der Odalische*). Tiến sĩ Hohl nguyên là Giám đốc Viện Goethe Sài Gòn khoảng những năm 1960-1963, hiện nay là Giám đốc Viện Goethe ở Cairo, Ai Cập. Ông gửi cho tôi phóng ảnh dịch phẩm của ông vì bản chính không còn kiếm được trên thị trường. Tiến sĩ Hohl đã dạy tôi Đức ngữ hồi trước 1975.

- Bản dịch một số bài thơ của Vũ Hoàng Chương do Kosmas Ziegler (*Die Achtundzwanzig Sterne*, Nhị Thập Bát Tú)

Ngoài ra Ursula Lies có một tập chuyên luận mỏng giới thiệu thể loại tiểu thuyết Việt Nam viết theo lập trường chủ nghĩa Mác-Lênin, mà trước đây trên Viên Giác số 85 tôi đã có bài phẩm bình. Giáo sư Wilfried Lulei, chủ trì công trình *25 Jahre Vietnamistik an der Humboldt-Universitaet zu Berlin*, có cho phát hành một bản thông tin về 25 năm Việt học ở Viện Đại Học Humboldt của Đông Bá Linh, từng trình một số phương án hợp tác Đức-Việt giữa Đông Đức và Việt Cộng, chủ yếu là mời một số nhân viên giảng huấn thuộc trường Đại Học Hà Nội sang giảng dạy ở Đông Bá Linh: chương trình này tất nhiên cũng tiêu tùng cùng với chế độ độc tài đảng trị Đông Đức. Qua thư ngày 07.5.96 gửi về địa chỉ ghi nhận theo niên giám điện thoại Berlin, tôi tìm cách bắt liên lạc với ông, nhưng thư bị phát hoàn với ghi chú *unbekannt*. Mong rằng chẳng có gì bất trắc xảy ra cho ông sau ngày thống nhất nước Đức, chẳng đến nỗi phải ra tòa như ông cựu Viện Trưởng Viện Đại Học Humboldt!

Một nhóm chuyên viên Việt-Đức cộng sản, dưới sự chỉ đạo của Jürgen Berndt, góp công biên soạn được một mục sách về văn học Việt Nam (*Vietnamesische Literatur*) đăng trong *BI-Lexikon Ostasiatische Literaturen* (Tự điển yếu lược về văn học Đông Á), xuất bản ở Leipzig năm 1985. Nội dung công trình có năm phần: Phác thảo văn-sử học (*Literaturhistorischer Abriss*), Ngôn ngữ Việt

(Vietnamesische Sprache), Chữ viết Việt (Vietnamesische Schrift), Tài liệu tham khảo (Bibliographie) và Bảng nhất lãm chữ khóa (Stichwortübersicht). Tất cả có chín trang chữ nhỏ.

1) Các tác giả chuyển dịch đầu đề tác phẩm tổ tiên chúng ta nhiều khi không ổn, chẳng hạn *Bạch Vân Am Thi Tập* được dịch thành *Gedichtsammlung im Asyl von Bạch Vân geschrieben*. Tại sao lại *Asyl*? Từ *Asyl* trong Đức ngữ, theo *Duden*, chỉ có hai nghĩa: hoặc là *Obdachlosenasyl* tức là dạ lữ viện, *asile de nuit* theo tiếng Pháp; hoặc là *Asyl* theo nghĩa chúng ta, người tỵ nạn cộng sản, đang nói và nghe hằng ngày. Tuy nhiên *Trạng Trình* đâu có vô gia cư và cũng đâu có xin tỵ nạn! *Am* là chùa nhỏ, miếu nhỏ; nhưng *Trạng Trình* không đi tu và *Bạch Vân* am chỉ là nơi Nguyễn Bình Khiêm di dưỡng tinh thần, nghỉ ngơi nhân nhả, theo tinh thần *Trang Lão*. Vậy lẽ ra phải dịch là *Klausnerei*, tương đương với *ermitage* trong Pháp văn với hàm nghĩa nơi trú ngụ của bậc ẩn sĩ.

2) Theo các soạn giả thì "*Im 11. Jh. spielte eine vom Patriotismus durchdrungene Poesie eine zentrale Rolle in der viet. Literatur*". (Ở thế kỷ XI thi ca thấm đượm tinh thần yêu nước giữ một vai trò trung tâm trong văn học Việt Nam). Thế kỷ XI tương đương với nhà Ngô nhà Lý. Lật chính cuốn *Thơ văn Lý Trần*, Tập I, Nhà xuất bản Khoa học Xã hội, Hà Nội, 1977, ra xem, chúng ta chỉ đọc được ở giai đoạn này thơ của các thiền sư; họa hoàn, rất họa hoàn, mới có một hai sáng tác ái quốc như bài thơ *Nam quốc sơn hà* tương truyền là dính dáng đến Lý Thường Kiệt. Dẫu vậy, thi ca thế kỷ XI - cần chú ý là nhóm biên soạn dùng chữ *Poesie*, như thế là không thể kể các thể loại văn học khác, như tản văn - văn cử phải yêu nước, như Khuất Nguyên ngày xưa của Trung Hoa cũng phải làm một nhà đại ái quốc, tuy rằng vào thời đại tác giả *Ly Tao*, con người chưa có ý niệm về tổ quốc.

3) Về chữ quốc ngữ, tài liệu cho biết "*Missionare (...) schufen damit die Nationalschrift Quốc ngữ, die aber erst ab 1945 vom Staat als offizielle viet. Schrift eingeführt wurde*". (Các giáo sĩ (...) sáng tạo ra chữ quốc ngữ, nhưng chỉ từ năm 1945, chữ quốc ngữ mới được Nhà nước qui định là chữ viết Việt Nam chính thức). Cách hành văn và lối dùng chữ của những

người cộng sản Đức-Việt thiếu tính lương thiện trí thức. Họ lập lòe đánh lộn con đen, tạo cho người nước ngoài không am hiểu lịch sử Việt Nam ấn tượng sai lầm là chính "cách mạng" đã dùng chữ quốc ngữ thay thế cho chữ nôm.

4) Tác phẩm của Vũ Trọng Phụng được ghi tên là *Giông* (Sturm). Ai cũng thấy là thiếu chữ *tổ*.

5) Mục *Biểu nhất lãm chữ khóa*, dưới tiêu đề *Personen- und Werkartikel* (Danh mục nhân vật và tác phẩm) liệt kê tất cả mười tám danh tính: Nguyễn Trãi, Nguyễn Du, Thạch Sanh, Hồ Xuân Hương, Nguyễn Đình Chiểu, Phan Bội Châu, Hồ Chí Minh, Đặng Thái Mai (sai, đúng ra là Đặng Thai Mai, Thai không có dấu sắc), Nguyễn Công Hoan, Nam Cao, Bùi Hiến, Chế Lan Viên, Tô Hoài (sai, dấu huyền thay vì dấu ngã), Tố Hữu, Nguyễn Đình Thi, Vũ Thị Thương (sai, Vũ Thị Thường, có dấu huyền), Nguyễn Ngọc, Anh Đức (Bùi Đức Ai) (sai, Ai thiếu dấu sắc). Trong số mười tám nhân vật và tác phẩm đáng ghi nhớ của nền văn học dân tộc chúng ta, cuốn *Lexikon* dận dò nên ghi tâm khắc cốt mười hai nhân vật "cách mạng"! Chinh phụ ngâm, Cung oán bị xem không đáng là *Stichwort*! Trong khi đó lại đan cù *Thạch Sanh*, chắc tại vì lập trường giai cấp? Đúng là *văn chương vô mệnh lụy phần dư* (\*) như Tố Như từng than thở!

Hơn mười bốn năm ở nước Đức, với rất nhiều công phu tìm tòi dò hỏi, tôi chỉ phát hiện được ba tư liệu giới thiệu nền văn học Việt Nam với độc giả Đức ngữ. Tiếng Đức không chỉ đặc dụng ở Đức mà còn ở Thụy Sĩ, Áo, Tiệp. Chỉ có ba công trình dịch thuật bắc nhịp cầu văn học Việt-Đức, kể ra ít ỏi quá! Đó là chưa kể mức di hại do nọc độc Mác-Lênin qua chuyên luận *Vietnamesische Literatur* trong *BI-Lexikon Ostasienische Literaturen*, vì nền văn học của nòi giống chúng ta đã được trình bày một cách lệch lạc, gian xảo dưới sự khống chế của ý thức hệ Satan-Mephisto. Cuốn *BI-Lexikon* cũng được xem là tài liệu tham khảo tại các Thư viện Tây Đức vì tôi đã đọc nó tại Thư viện thành phố Paderborn.

Trong các trường Đại Học Đức thường có các tiểu phân khoa ngôn ngữ và văn hóa Á Châu gọi là *Seminar*, ví dụ *Sinologisches Seminar* của Đại Học Bonn, *Seminar für Sprache und Kultur Chinas* của Đại Học Hamburg. Chữ *Seminar* được dùng theo nghĩa *Institut*, tức là một viện

nghiên cứu với phòng ốc, thư viện và nhân viên. *Sinologisches Seminar* ở Bonn có nguyên cả một tầng lầu ba chứa sách, chữ Hán có, chữ Nhật có, chữ Anh có, chữ Pháp có, chữ Nga có, chữ Ý có và đương nhiên là chữ Đức cũng có. Sách chữ Hán tập trung thư tịch mấy ngàn năm văn học Trung Hoa, từ những bản chụp các cuốn chép tay thời Đường và thời Ngũ Đại ghi nhận những khúc ca tử, yển nhạc phát hiện được ở hang đá Thiên Phật, Đôn Hoàng (*Đôn Hoàng khúc tử tử*) đến thi ca, biền văn, vận văn, tử khúc Đường, Tống, Nguyên, Thanh và hiện đại. Sách bày hàng hàng lớp lớp, in mộc bản có, in điện tử có, in chữ Hán chân phương có, in chữ Hán giản thể có; in ở Đài Loan có, in ở Hương Cảng có, in ở Nhật Bản có, in ở Hoa Lục có. Bộ *Toàn Đường thi* do người Nhật in trình bày kho tàng thơ Đường một cách hết sức khoa học. Ngoài ra, sách biên khảo về văn học Trung Hoa bằng tiếng Anh, tiếng Pháp cũng rất nhiều, bên cạnh sách biên khảo tiếng Đức, ít hơn. Có những cuốn sách giới thiệu thi loại *tử* với thể giới qua các bản dịch Anh ngữ kèm theo nguyên tác chữ Hán vừa viết tay rất đẹp dễ vừa in bằng chữ khối vuông rất sắc nét. *Japanologisches Seminar* cũng có không biết bao nhiêu là sách ngôn ngữ Tây Phương với đối tượng văn học Phù Tang. Riêng một mình Tùng Vi - Ba Tiêu Thiên Sư (Matsuo Bashō) với thể thơ *hài cú* đã có cả chục cuốn Anh ngữ để cập. Nhưng thấp đước tìm mù mắt cũng chẳng thấy ở đây một tài liệu nào liên quan đến Việt ngữ!

Đại Học là môi trường sáng tạo. Các luận án tốt nghiệp Đại Học để được cấp học vị Tiến Sĩ, theo nguyên tắc, là những công trình đóng góp một điều gì mới mẻ cho văn chương, khoa học. Tại sao bộ môn Việt học ở các trường Đại Học Đức, đến hôm nay, vẫn chưa biên soạn được một cuốn *Anthologie der vietnamesischen Literatur* (Hợp tuyển văn học Việt Nam)? Việc này đâu có quá khó, một khi chúng ta đã có sẵn những sáng tác đồng loại bằng tiếng Pháp, tiếng Anh?

(20.9.1998)

(\*) *Văn chương không có số mệnh mà cũng bị đốt cháy dở* (Độc Tiểu Thanh ký. Đọc tập Tiểu Thanh ký)

## LỜI KHUYẾN CÁO VỚI NHỮNG NGƯỜI ĐI VỀ VIỆT NAM

Có lẽ trường hợp tôi là một trường hợp đặc biệt và đơn lẻ, tuy nhiên cũng xin trình bày lên đây để quý độc giả tham khảo và rút kinh nghiệm cho chính bản thân mình để tránh khỏi những vấn đề động não như tôi đã gặp qua. Việc về thăm quê hương Việt Nam yêu dấu từ nhiều năm qua không còn là một trở ngại lớn lao nữa rồi, nhiều người đã về, những dòng nước mắt mừng vui khi gặp lại người thân đã đổ. Tuy nhiên theo những vui buồn lẫn lộn đó một số người đã gặp những chuyện không kém đau đầu, trong đó đôn củ trường hợp của tôi.

Trong tháng chín vừa qua định về quê hướng đi một chuyến tham quan đất nước thì hay tin Sư Ông tôi là Thượng Tọa Thích thượng Long hạ Trí đau nặng, thế là tôi tức tốc bay máy bay từ Sài Gòn ra Hội An để được thăm viếng người. Nỗi vui gặp lại Sư Ông kèm theo một nỗi niềm bùi ngùi khi thấy Ông nằm trên giường với thân hình tiều tụy, có lẽ đây cũng là một bài học cuối cùng mà Sư Ông tôi muốn truyền đạt lại cho hàng hậu lai. Định mệnh vô thường đã cướp đi nơi Ông một thân thể cường tráng với một sức khỏe làm việc không mệt mỏi, còn lại chẳng là một ý chí kiên cường, đôi khi tôi mục kích ý chí ấy bộc khởi, khi có khách đến thăm. Mặc dầu đã được hạn chế tuổi đa, nhưng những người đến viếng đều muốn vào gặp mặt, nói vài câu, thăm vài phút, âu đó cũng là thường tình mà thôi. Ông tôi cũng đã lịch sự mời ngồi bảo pha trà rót nước và chào hỏi, để rồi sau đó oằn oại với cơn mệt mỏi của xác thật vì đã cố gắng quá mức. Đối với tôi, hàng đệ tử đệ tôn, thì khác, tôi chỉ ngồi bên Ông, nín lặng, thỉnh thoảng xoa bóp cho đỡ mỏi, dứt chút nước cho đỡ khô cổ, hay nói vài câu bằng quơ cho Sư Ông nở một nụ cười.

Những tưởng không có gì xảy ra, bình thân quá, nhẹ nhàng quá. Vì thời gian đi Úc còn chưa cận lắm và cũng chưa nở chia tay với Sư Ông, tôi nhờ một văn phòng du lịch tại Hội An lo thủ tục giấy tờ gia hạn thêm Visa ở lại mười ngày nữa. Văn phòng bảo không có gì trở ngại, thế là tôi yên tâm. Nhưng đến chiều hôm văn phòng hẹn lấy lại Passport thì tôi nhận được cú điện thoại mời ra đồn Công An để làm việc!!! Tôi liền liên lạc với văn phòng du lịch thì họ cho biết không có vấn đề trở ngại chi cả, Công An chỉ muốn "hỏi qua loa vài điều rồi sẽ gia hạn thôi mà". Thật là bé cái làm! Đến giờ hẹn tôi được anh Lai đặc trách văn phòng xuất nhập cảnh mời lên phòng họp làm việc, thầy chỗ tôi đi bị giữ lại không cho theo vào. Trong buổi "làm việc" còn có mặt anh Nhuận, trưởng phòng PA18 (Ban Tôn Giáo) tỉnh Quảng Nam, và một anh nữa mà tôi quên tên và chức vụ. Đại khái, các anh nêu lý do tôi ở chùa không đăng ký tạm trú và trái mục đích xin trong chiếu khán vào nước Việt Nam mà từ chối không cho gia hạn Visa. Vấn đề ở đây, không phải nằm trong đề tài

của buổi làm việc mà trong phong cách làm việc cũng như giờ giấc làm việc. Có lẽ không may cho tôi là ngày lễ 2 tháng 9 lại nằm trong khoảng thời gian tôi cần gia hạn chiếu khán và văn phòng gia hạn chỉ làm việc hai từ sáu trong tuần nên mãi đến chiều tối ngày 4 tháng 9 tôi mới được trả lời dứt khoát là không cho gia hạn sau hơn một tiếng "làm việc", tụi chung cũng nằm trong hai vấn đề trên. Sau khi được trả lời như thế về đến chùa tôi cũng còn tung túc trong bụng, vì sáng ngày 07.09 là chuyến bay của tôi đi từ Hà Nội, thời gian chỉ còn rất ngắn, sẽ không thăm viếng chi được các chùa chiền thắng tích miền Bắc cả. Khi lên đến Đà Nẵng ngày hôm sau, tôi đã nhờ một văn phòng du lịch thuộc nhà nước lo đùm giã hạn thì chiều hôm đó tôi có đóng dấu gia hạn đến ngày 18.09 trong Passport, thế là tôi yên tâm trở về Hội An. Những tưởng mọi việc như thế là xong, tôi có thể ở hầu Sư Ông thêm vài ngày nữa. Tuy biết rằng rồi cũng phải chia tay, nhưng trong hoàn cảnh này sự chia tay rất nặng nề và khó khăn.

Sáng ngày chín tôi có việc đi Đà Nẵng, khi trở về lúc chiều tối thì mới hay trong ngày đã có công an đến viếng vài ba lần, chỉ nhân viên của văn phòng du lịch và cả chủ của chị ấy cũng có đến tìm trong ngày. Nghe tin đó, tôi có dự cảm là - một trận cuồng phong đang kéo đến đây. Sau khi tắm rửa, thì nhân viên văn phòng du lịch đến trước, họ trình bày vấn đề cụ thể là không hỏi rõ ràng các điều kiện trước khi làm giấy tờ giúp tôi, và họ năn nỉ tôi liên lạc với công an tỉnh để giải quyết vấn đề. Không nỡ thấy kẻ làm ơn mà chịu nạn, tôi đồng ý gọi điện thoại cho văn phòng công an cục quản lý xuất nhập cảnh ngay (lúc đó là hơn tám giờ tối). Anh Lai yêu cầu tôi lên đồn ngay và mang theo hộ chiếu.

Sau khi lên đồn thì được anh Dũng và anh Lai tiếp, thủ tục làm biên bản vi phạm hành chính được tiến hành. Anh Lai cho biết, đúng ra thì thủ tục này anh đã làm khi làm việc với tôi lần đầu tiên chiều ngày 04.09. Nhưng anh thông cảm "hoàn cảnh" nên không làm mà chỉ từ chối gia hạn chiếu khán mà thôi. Biên bản đặt loại ghi rằng: "Ngày 15 tháng 9 năm 1998 Ông Lữ Thành Nghĩa có đến tại số nhà 34 Huỳnh Thúc Kháng (Chùa Viên Giác) trong thời gian đó đến nay (09.9.98) Ông Lữ Thành Nghĩa không khai báo tạm trú, tạm vắng đối với chính quyền địa phương sở tại. Bản thân Ông Lữ Thành Nghĩa là một Việt kiều mang quốc tịch Đức nhưng không đăng ký theo quy định của nhà nước, Ông Lữ Thành Nghĩa mang Visa với mục đích nhập cảnh là du lịch, nhưng khi đến Việt Nam thì tạm trú tại chùa Viên Giác để thăm thầy Thích Long Trí đau nặng". Theo tinh thần bản vi phạm hành chính này thì sở cảnh sát đã mặc nhiên xem tờ đôn tưởng trình sự kiện của tôi mà chính họ yêu cầu tôi viết trước đó chỉ mấy ngày như không hiện hữu. Sau đó thì Passport của tôi bị giữ lại cho đến hai ngày sau thì có điện thoại mời lên đồn công an để làm việc lần nữa.

Lần này sự kiện có vẻ trầm trọng hơn, số người tham dự cũng tăng lên. Ngoài anh Lai, người làm việc chánh thức với tôi, còn có anh Dũng, anh Nhuận /của Ban Tôn Giáo), anh Kỳ và hai anh mà tôi không được biết tên. Tôi tự nhiên cảm thấy mình trở nên quan trọng quá đáng và tấn tuồng có vẻ

khôì hài, mặc dầu tôi nghĩ rằng mục đích của những người có mặt là để đàn áp tinh thần chẳng? Trong khi anh Lai bắt đầu đọc biên bản quyết định phạt tiền và buộc tôi phải rời khỏi Hội An trong vòng 24 tiếng thì một anh công an không hỏi han gì cả cứ việc bấm máy chụp hình liên tục có lẽ trên sáu bảy "bô" hình gì đó từ nhiều khía cạnh, trong bụng tôi nghĩ việc làm này có hơi quá đáng, nhất là khi chưa có sự đồng ý của người bị chụp hình. Tuy nhiên tôi cũng mặc nhiên để anh ấy muốn làm gì thì làm, không biết những bức ảnh ấy sẽ được sử dụng vào việc gì? Làm bằng chứng là tôi đã từng có dự hội thảo chung với công an tỉnh Hội An chẳng? Hay để dành dấn gốc me để mọi người có thể thấy nhà nước làm việc có nề nếp và sẵn sàng phạt những ai vi phạm luật lệ chẳng? Tôi thật không hiểu mục đích của việc làm này.

Trước khi bắt đầu, anh Lai lịch sự xin lỗi được phép đổi cách xưng hô để "dễ làm việc", thay vì gọi là "thầy" các anh gọi là "anh" hay "ông" tùy thái độ lúc muốn nêu vấn đề. Đại khái trước tiên các anh kết tội tôi ở mà không đăng ký tạm trú và trái mục tiêu của chiếu khán, ngoài ra các luật và hình phạt cho người ngoại quốc và Việt kiều vi phạm đã được đọc lên. Dĩ nhiên là tôi bắt buộc phải chấp nhận những gì mà nhà nước đã quyết định, có nghĩa là đồng tiền phạt năm trăm ngàn đồng và mua vé máy bay đi Hà Nội trong ngài mai. Ngoài ra các anh cũng răn đe nếu tôi không thực hiện thì nhà nước có biện pháp đưa tôi ra khỏi Hội An và để tăng áp lực các anh đã không quên ngại cất gia hạn Visa của tôi xuống từ 18.9 còn đến 13.9 (mặc dù thừa biết ngày 13 là ngày chủ nhật, các cơ quan nhà nước đều đóng cửa, tôi không thể xoay xò gì được để hợp lệ hóa việc ở thêm vài ngày cho đúng chuyến bay đã đăng ký là ngày 16.9!) nghĩa là chỉ 48 tiếng đồng hồ sau tôi phải ra khỏi nước Việt Nam. Anh Nhuận đã hỏi tôi về ý nghĩ sau khi nghe biên bản phạt, tôi không biết nói gì hơn là mình đã quá chú quan áp dụng những hiểu biết của tôi khi đến những quốc gia khác lên hệ thống hành chính nhà nước Việt Nam, nên chủ quan rằng vấn đề đăng ký tạm trú chỉ là một hình thức! Anh Nhuận liền gắt ngay "ông sanh ra và lớn lên ở đâu? ông phải biết luật lệ nhà nước Việt Nam đã có từ trước!". Tôi liền đáp "xin lỗi anh, anh nên biết là tôi rời khỏi Việt Nam chỉ mới 15 (đây là tôi mới theo tuổi ta, chủ tuổi tây của tôi lúc đó chưa được 14), số năm tôi ở nước ngoài nhiều hơn ở trong nước". Anh liền ngắt lời "ông nên biết luật này có từ năm 1975 (có lẽ anh Nhuận đã quên rằng nhà nước Việt Nam chỉ mới mở cửa đón người nước ngoài và Việt kiều trở về Việt nam khoảng hơn 10 năm trở lại, vì vậy nếu một luật nào có liên quan đến người Việt kiều thì cũng chỉ là một sản phẩm mới của nhà nước Việt Nam mà thôi! Hướng chi các luật tôi vi phạm là thuộc Nghị Định số 49 và số 04 là hai Nghị Định chỉ mới có được từ ngày 15 tháng 8 năm 1993!!! - dù kiện này chính do anh Lai và anh Dũng của văn phòng xuất nhập cảnh cung cấp cho tôi) ông chỉ mới xa quê hương hai mươi năm mà đã quên cội nguồn, quên đất nước của mình rồi!". Thấy anh lý luận không "logic" và giọng nói lại đây gay gắt, tôi nghĩ mình không cần thiết phải tham gia vào một cuộc biện cãi mà không có một thay đổi gì cho hoàn cảnh

của mình và mất đi cái phong cách của người tu, nên tôi chỉ nhìn anh bằng cặp mắt thường hại, có lẽ cái nhìn chăm chú của tôi làm anh nhận ra sự phi lý của mình nên anh ngoảnh mặt đi và thôi không bàn cãi cũng như hạch vấn tôi nữa.

Hôm sau tôi chuẩn bị rời khỏi Hội An. Khoảng 10 giờ sáng có ai đó gọi điện đến chùa hỏi xem thầy Hạnh Tấn đã rời khỏi chùa chưa? Khi được hỏi thì người gọi cho biết là thầy Tuấn ở chùa Bát Nhã Đà Nẵng gọi hỏi thăm, chỉ trở về cho người gọi chính thầy Tuấn đã bắt điện thoại khi máy điện thoại reo. Thật là nực cười cho những trò rình rập, bố ráp!!! Những thủ mà người dân Việt Nam nghĩ rằng đã không còn hiện hữu trên đất nước Việt Nam, nhưng ngày nay đã được sử dụng tinh vi hơn và nghiêm khắc hơn bao giờ hết. Cuối cùng thì giờ khởi hành cũng đã đến, các vị sư chú của tôi thuê một chiếc xe 5 chỗ ngồi (kể cả tài xế) để đưa tôi ra sân bay Đà Nẵng, phút chia tay dĩ nhiên là đầy quyến luyến và những ấn tượng sâu đậm nhất cũng đã thể hiện trong cái vẫy tay hay hình ảnh hai bàn tay chấp lại trước giờ ra đi.

Tinh tị dân tộc của người Việt Nam là thế đó, rất nhiều tình cảm và nhiều quyến luyến, nhưng nhà nước Việt Nam và những người đại diện cho người dân Việt Nam thì lại không xem vấn đề giải quyết các sự kiện trên tinh cảm là quan trọng hơn những điều luật khô khan và đôi khi kém tiên tiến của chính quyền tại vị.

Tôi đến khách sạn khoảng 7 giờ tối ngày 12.9, khi check in thì người tiếp tân đưa tôi một mảnh giấy ghi tên anh Dũng và số điện thoại cùng tin nhắn lại bảo tôi liên lạc cho anh sáng mai lúc 8 giờ sáng. Sáng hôm sau, khi đến chùa Đồng Quan để xem xét pho tượng mà Sư phụ tôi đang đặt tại đó, tôi nhờ điện thoại chùa và gọi hẹn anh Dũng đến chùa để gặp. Anh đến sau khoảng nửa tiếng đồng hồ và giới thiệu là làm việc trong Ban Tôn Giáo Trung Ương. Anh rất lịch sự và nhã nhặn, dùng phong cách con người miền Bắc luôn lịch sự và khách sáo. Anh đã xin lỗi vấn đề xảy ra ở Hội An và bảo rằng nếu anh hay biết sự kiện sớm thì đã không đến nỗi tôi phải gặp những trở ngại như trên và anh cũng cho biết đã có quen biết với Sư ông tôi hay nói cách khác có lẽ Sư ông tôi cũng đã có dịp được các anh làm việc qua! Trong buổi nói chuyện hơn hai tiếng đồng hồ anh đã đưa ra nhiều đề tài mà tôi chỉ xin lược thuật nơi đây:

1. Đầu tiên dĩ nhiên vẫn là vấn đề trần trụi của Ban Tôn Giáo đối với hàng Tăng sĩ ở hải ngoại có những hành động chống lại với chánh quyền Việt Nam, trong đó có cả Sư phụ tôi. Anh khéo léo nói rằng các bậc tôn túc trong Phật Giáo đã có những tâm sự để gởi gắm cho những vị Tu sĩ hải ngoại. Sau khi được hỏi cụ thể thì anh nêu danh Hòa Thượng Minh Châu và Hòa Thượng Thiện Siêu, ngoài ra anh còn nói có một vị tôn túc ở tại Ấn Quang cũng không kém ưu hoai. Khi tôi hỏi có phải Hòa Thượng Trí Quang không, thì anh công nhận. Tôi liền hỏi thẳng là các Hòa Thượng trần trụi như thế nào? Thì anh cho biết là các Ngài mong đợi ở các hàng Tăng Ni tín đồ Phật Giáo hải ngoại một sự ủng hộ tài chánh dồi dào cho các sinh hoạt trong nước và điển hình là các trung tâm đào tạo Tăng Ni. Anh đã tránh không nói gì về vấn đề đấu tranh của các

hàng ngũ Tăng Ni đòi tự do tôn giáo ở Việt Nam, nên tôi cũng không đi vào vấn đề đó. Duy khi được hỏi Sư phụ tôi có về Việt Nam nếu Sư ông tôi thị tịch? Thì tôi đáp thẳng anh nghĩ sao, nếu Thầy tôi về các anh có cho phép không? Mà nếu có cho phép đi chẳng nữa thì chưa chắc Thầy tôi đã về trong khi Việt Nam còn trong tình cảnh như thế này.

2. Kế đến anh đã trách quý Thầy và các Phật tử ở ngoại quốc đã có hành động chống đối những vị Tăng sĩ trong nước ra nước ngoài giảng pháp. Tôi liền đáp, khi tôi về Việt Nam tôi đã được khuyến cáo không được nói chuyện trước công chúng, không được có những sinh hoạt mang tính cách truyền đạo. Ngoài ra tôi cũng bào, không chừng sự phản đối mà lại hay cho quý Thầy đi ra nước ngoài vì giảng đàn nếu nói lợi cho chánh phủ Việt Nam thì sẽ bị những thành phần quá khích đã thường, còn nếu nói nghịch với nhà nước thì khi về lại Việt Nam cũng mềm mình với chánh quyền chứ không chối! Anh Dũng liền bào, cứ gì phải đem chính trị vào trong các bài giảng chứ? Chỉ nói thuần túy đạo thì đã sao? Tôi nghĩ nếu chả sao thì tại sao chánh quyền Việt Nam lại cấm ngặt Tu sĩ nước ngoài về nước truyền giảng? Ngoài ra sự phản đối ở hải ngoại chỉ là ý kiến của người dân, trong khi sự cấm đoán tại Việt Nam chính do nhà nước quy định, thủ hồi trên hai sự kiện vấn đề nào nghiêm trọng hơn? Thêm vào đó nhà nước Việt Nam đã có những hành động đàn áp đối với Giáo Hội Phật Giáo Việt Nam Thống Nhất, thì dĩ nhiên phải có những phản ứng mạnh tướng đứng dậy ra đó chính là luật bù trừ trong các hiện tượng vật lý mà các học sinh lớp 10 trở lên đều biết cả.

3. Thủ đến anh hạch sách tôi Phật Giáo hải ngoại đã làm được gì cho đạo pháp? (Lời nói của anh hết như một Phật tử thuần thành đang suy tư cho tồn vong của đạo) hay chỉ chia rẽ và chống đối lẫn nhau? Khi đó tôi cũng hơi nổi sân si nên liền hỏi lại, thế thì Phật Giáo trong nước đã làm gì cho đạo, đã xây dựng gì cho đoàn kết của Giáo Hội, anh biết quá rõ tình hình Tăng Ni sinh tại Việt Nam đang ở Ấn Độ chỉ hơn một trăm người mà đã có sự phân hóa như thế nào rồi, anh nghĩ sao hay bảo rằng nó không phải là sản phẩm của nền giáo dục Tăng Ni trong nước, không phải là do những gì mà nhà trường cao cấp đã đào tạo nên?

Rất tiếc là khi đó tôi chưa nắm vững những dữ kiện về những vết lưu lại của mỗi vị tôn túc sau một chuyến công du về lại Việt Nam, đầu đầu cũng có sự chia rẽ, đầu đầu cũng có sự phân tán của Phật tử và Tăng Ni, ai mục kích vấn đề đó không sao tránh tự hỏi rằng có phải sứ mạng của các vị Tăng trong nước ra nước ngoài là để đánh bật sự đoàn kết của Tăng Ni hải ngoại? Sự kiện càng trở nên rõ ràng hơn khi những hồ sơ về Đại Đức Thích Thông Kinh hay còn gọi Đại Đức Thích Đồng Điển được đưa ra ánh sáng. Đại Đức là người đã trách nhiệm với nhà nước Việt Nam ra nước ngoài để kinh doanh cho nhà nước và làm phân hóa hàng ngũ Tăng Ni theo hồ sơ hiện có tại hải ngoại; có ghi rõ bí danh của đồng chí... Thì hóa ra việc trách cứ Tăng Ni hải ngoại thiếu đoàn kết là một hành động vừa ăn cướp vừa la làng à! Đúng như lời Hòa Thượng Quảng Độ đã trả lời các tờ báo khi được phỏng vấn

lúc Ngài vừa về đến Thanh Minh Thiên Viện: "Hãy xem chúng bàn tay thủ ba đã và đang nhúng vào để phá tan sự đoàn kết của Tăng Ni chúng ta".

4. Cuối cùng anh đã hỏi tôi nguyên nhân của các sự phân hóa trên, dĩ nhiên vì không nắm các dữ kiện như tôi vừa trình bày bên trên, nên tôi đã không nói những gì đúng ra tôi đã nói bên trên mà tôi nói về vấn đề giáo dục và mục tiêu giáo dục. Tôi đòi hỏi anh là nên xác định lại mục tiêu giáo dục chứ Tăng Ni, để phục vụ cho đạo pháp và chính nghĩa hay để phục vụ một mục tiêu nào khác? Khi mục tiêu đã được khẳng định thì chương trình giáo dục mới được hoạch định ra và theo đó áp dụng vào, anh lịch sự đề nghị tôi làm một bản đề nghị chương trình giáo dục theo như những gì tôi trình bày với anh, nhưng tôi không chắc lắm là anh chỉ lịch sự hay thực muốn có những góp ý hữu lý.

Trước khi chia tay anh còn cầu chúc tôi một chuyến đi vui vẻ và hứa hẹn nếu lần sau gặp khó khăn thì liên lạc với anh để xem có giúp được gì trong khả năng thì anh sẽ sẵn sàng. Tôi cảm ơn và bảo rằng dĩ nhiên tôi sẽ liên lạc với anh nếu nhà nước Việt Nam còn cho tôi Visa, một điều mà tôi nghĩ là không có xảy ra, hơn nữa tôi chỉ mong sao ngày mai ra phi trường không gặp khó khăn, vì Visa của tôi hôm nay là ngày cuối. Anh bảo không sao. Quả nhiên trong khi kiểm tra giấy tờ tôi không gặp khó khăn gì cả, duy chỉ có hành lý là được khám xét rất kỹ, mọi thứ đều phải tháo ra, ngay cả những bức thư mà người ta gửi cho Sư phụ tôi, không biết bên trong nội dung nói gì cũng được đọc đi đọc lại rất kỹ!!! Việc kiểm soát hành lý của tôi đã làm tôi mất hơn nửa tiếng đồng hồ. Ấu tất cả cũng là một bài học đáng giá, trong suốt các buổi làm việc với các anh công an trong đầu tôi câu nói bất hủ của ông Thiệu luôn vang lên "*Đừng nghe những gì cộng sản nói, mà hãy nhìn kỹ những gì cộng sản làm*". Sự kiện bị hạch hỏi, bị trục xuất, thậm chí bị bắt bỏ không chỉ xảy ra nơi chính một mình tôi mà nhiều vị Tu sĩ khác thậm chí những vị mà ngày xưa là Tu sĩ cũng bị nhà nước Việt Nam chiếu cố rất kỹ khi trở về thăm mảnh đất chôn nhau cắt rốn của mình.

#### Một số dữ kiện bên lề

Trong suốt thời gian tôi ở Việt Nam tôi được nghe tin nhà nước đang có dự định triệt hạ lá cờ Phật Giáo, một tiêu biểu duy nhất của Phật Giáo, với lý do bề mặt là vì Giáo Hội Liên Tôn Phật Giáo Thế Giới không chấp nhận Giáo Hội Phật Giáo Việt Nam thì tại sao mình lại phải chấp nhận lá cờ do họ đề ra. Nghe qua thì hữu lý và dường như thật "logic", nhưng nghĩ kỹ mỗi hay âm mưu đồng hóa Phật Giáo của nhà nước thật vô cùng xảo quyết, một khi lá cờ bị hạ thì Phật Giáo Việt Nam sẽ mất đi một biểu tượng hùng hồn mà từ bấy lâu nay các Phật tử đều quy ngưỡng về. Ngờ rằng đây chỉ là một chính sách mới của nhà nước, nhưng qua cuộc hầu chuyện với Hòa Thượng Thích Hộ Giác, tôi được Hòa Thượng cho biết khi nhà nước Việt Nam gạ gẫm Hòa Thượng gia nhập Giáo Hội Phật Giáo Việt Nam năm 1981 thì họ đã cho biết là có kế hoạch triệt hạ lá cờ Phật Giáo rồi. Thì ra, nhà nước Việt Nam không hề thay đổi một chính sách nào đối với Phật Giáo Việt Nam mà chỉ thay đổi cách xã giao bề ngoài để thực thi những gì

họ đã dự tính từ trước đến nay. Khi được hỏi tại sao Hòa Thượng Hộ Giác không ở lại Việt Nam để tham gia Giáo Hội, thì Ngài trả lời, đầu gì đi nữa Ngài cũng không muốn trở thành tội nhân của lịch sử mà ngàn năm sau con người nước Việt vẫn còn nguyên rủa.

Sự kiện thứ hai chính là sự theo dõi rình rập của nhà nước Việt Nam đối với các chùa chiền nói riêng và nhân dân Việt Nam nói chung. Chính chị nhân viên trong công ty du lịch nhà nước đã cho tôi biết là bất cứ người dân nào về Việt Nam cũng được quản lý rất kỹ, nhà nước nghi ngờ tất cả mọi Việt kiều khi về nước, theo chính sách thà giết lầm chứ không để bị sót. Ngoài ra chính điện thoại chùa Viên Giác Hội An cũng bị nghe lén 24 tiếng đồng hồ trong ngày, và đây không phải là một trường hợp đặc biệt mà tất cả các chùa đều bị như thế, bằng chứng là việc tôi đặt phòng ở Hà Nội không ai biết cả ngoại trừ tôi và người được nhờ đặt phòng, khách sạn không thông báo mà nhà nước vẫn biết nơi tôi sẽ đến để lưu lại số điện thoại cho giờ hẹn ngày hôm sau. Theo như tôi được biết thì các chùa có sinh hoạt tâm cổ ở Việt Nam cũng được chính quyền cài người vào với phong cách người tu, điển hình là hai thầy, một ở Thiền viện Trúc Lâm, một ở Tu viện Thường Chiếu, cả hai đều đã lãnh lương trước 30 năm và có trách nhiệm hằng ngày thông báo sinh hoạt chùa lên chính quyền, trong đó một người nguyên là cháu của ông cựu Tổng Bí Thư Đỗ Mười tức là Đỗ Phụng. Thế thì các thủ như là tự do tôn giáo, tự do sinh hoạt tín ngưỡng chỉ là những trò mị dân và ru ngủ của chính quyền không hơn không kém! ●

### ● Cộng Sản Hà Nội phóng thích 5.200 tù nhân không phải là một dấu hiệu đã có cởi mở chính trị ở Việt Nam

C hính quyền Cộng Sản Việt Nam tiến hành một bước tiến nhân quyền khổng lồ khi loan báo họ sẽ trả tự do cho các tù nhân chính trị và tôn giáo nổi tiếng nhất của Việt Nam nhân dịp ăn mừng ngày Quốc Khánh 2.9 của chúng. Khi các giới chức chính quyền công bố vào ngày 28.8.98, một sự ân xá tập thể trên 5.000 tù nhân thường phạm, họ xác nhận hai tù nhân tâm tiếng tranh đấu cho nhân quyền và dân chủ, ông Đoàn Viết Hoạt và Bác sĩ Nguyễn Đan Quế có tên trong danh sách những người được trả tự do. Nhưng phải đợi đến hơn năm ngày sau đó Phòng Thông Tin Phật Giáo Quốc Tế có trụ sở ở Paris mới nhận được tin các nhà sư từ nhân Thích Quảng Độ, Thích Trí Siêu và Thích Tuệ Sỹ cũng có tên trong danh sách những tù nhân được phóng thích. Chính quyền Hà Nội đã không hề chính thức xác nhận việc phóng thích các nhà tu hành này, cũng như nhấn mạnh rằng tất cả các tù nhân được trả tự do đều là thường phạm.

Các nhà quan sát và ngoại giao Tây Phương cũng như khối Cộng Đồng Người Việt Hải Ngoại không nhìn thấy dấu hiệu một sự cải cách hoặc cởi mở chính trị nào của CSVN. Hầu hết đều tin rằng các tù

## ● THAM LUẬN CHÍNH TRỊ

# BỔNG DƯƠNG YÊU CHUỘNG HÒA BÌNH

nhân tâm tiếng được phóng thích bởi vì họ là tiêu điểm của ảnh hưởng áp lực nặng nề của Khối Người Việt hải ngoại, Bộ Ngoại Giao Hoa Kỳ và các Tổ chức Nhân Quyền như Ân Xá Quốc Tế và Giám Sát Nhân Quyền (Human-Rights Watch). Trong khi đó, còn hàng tá những tù nhân ít tiếng tăm hơn vẫn hầy còn nằm trong tù. Thật vậy, Hà Nội đã không hề đề cập gì đến số phận của Hòa Thượng Thích Huyền Quang, Thượng Tọa Thích Không Tánh, cũng như Giáo sư Nguyễn Đình Huy... và nhiều tù nhân lương tâm khác.

Hà Nội luôn luôn phủ nhận không hề giam giữ tù nhân chính trị và tôn giáo. Tuy nhiên, một bản tường trình của Bộ Ngoại Giao Hoa Kỳ trong năm nay ước lượng con số vào khoảng 200 người.

Carlyle Thayer, Giáo sư chính trị học tại Trường Đại Học Quốc Gia Úc Đại Lợi và là một người có thẩm quyền về các vấn đề Việt Nam cũng không nhìn thấy có sự tự do hóa chính trị nào qua việc phóng thích tù nhân lớn lao này của CSVN. Theo ông, Việt Nam (CS) chỉ hành động, bởi lẽ quyền lợi của họ đang bị lâm nguy: Hà Nội muốn tách giới ra khỏi những cánh buồm của người Việt chống cộng, đặc biệt ở Hoa Kỳ, hiện đang dồn nỗ lực vận động chính quyền Clinton từ khước qui chế Tối Huệ Quốc cho CSVN.

Ngoài các nhân vật đấu tranh chính trị và tôn giáo nói trên, Hà Nội cũng phóng thích và tổng xuất trở về Hoa Kỳ hai người Mỹ gốc Việt là ông Lý Hồng, một cựu sĩ quan Không quân VNCH, bị kết án 20 năm tù về tội không tặc năm 1992 khi ông dùng dao uy hiếp phi hành đoàn của chiếc máy bay Hàng Không Việt Nam và thả 50.000 truyền đơn kêu gọi dân chúng Sài Gòn nổi dậy và sau đó nhảy dù ra khỏi phi cơ; và ông Jimmi Trần Mạnh Quỳnh, một cựu quân nhân Biệt Động Quân của QLVNCH, bị kết án "âm mưu phá hủy các biểu tượng của chế độ" khi ông định phá nổ Viện bảo tàng Hồ Chí Minh ở Bến Nhà Rồng - Sài Gòn, hồi năm 1993.

Với việc trả tự do cho các ông Lý Tổng và Jimmy Trần, Hà Nội có vẻ muốn gửi đi một dấu hiệu cho thấy họ muốn có một số liên hệ tốt với Cộng Đồng Người Việt Tỵ Nạn Cộng Sản ở hải ngoại. Tuy nhiên, điều không nghi ngờ là giới lãnh đạo cấp cao của Hà Nội vẫn luôn bị ám ảnh bởi chứng sợ hãi tâm thần, như được thấy qua một bản báo cáo về an ninh do giới quân sự đệ trình trong cuộc họp Đảng CS hồi tháng 7 vừa qua. Bản báo cáo liệt kê những kẻ thù của Việt Nam: Hoa Kỳ được ghi đầu Kê Thủ số 1, tiếp theo là Canada và nhiều nước Âu Châu. Theo *Tạp Chí Kinh Tế Viễn Đông*, bản báo cáo đã không được phân phát ngay cả cho các Ủy viên Trung Ương Đảng. Mỗi Ủy Viên chỉ được phép đọc bản sao duy nhất được phép lưu hành trong phòng họp mà thôi.

Hiện tại, các nhóm Nhân quyền của người Việt hải ngoại và quốc tế đang theo dõi trong những tháng tới đây để biết các tù

nhân được ân xá vô điều kiện hay là họ phải chịu ngồi yên một chỗ để được hít thở không khí tự do.

Ông Đoàn Viết Hoạt đã "bị" chính quyền cộng sản cho phép rời khỏi Việt Nam tức khắc sau khi được trả tự do để lên đường sang Hoa Kỳ đoàn tụ với gia đình và để chữa trị chứng sạn thận và áp huyết cao của ông. Tuy nhiên Bác sĩ Nguyễn Đan Quế đã cương quyết ở lại đất nước mặc dầu cũng bị áp lực của chính quyền buộc phải rời khỏi Việt Nam.

Điều chắc chắn là các tù nhân được phóng thích còn ở lại Việt Nam vẫn sẽ tiếp tục bị quản chế chặt chẽ tại địa phương. Họ vẫn có thể bị bắt trở lại bất cứ lúc nào dưới Nghị Định 31/CP do nguyên Thủ Tướng Võ Văn Kiệt ký, cho phép công an bắt giữ một cách tùy tiện bất cứ ai mà không cần xét xử. Do đó, chắc chắn là các tù nhân chính trị, lương tâm và tôn giáo như Bác sĩ Nguyễn Đan Quế sẽ không tránh khỏi những đòn khủng bố công khai hoặc ngấm ngầm của chính quyền cộng sản.

Mặc dầu có thể coi việc trả tự do cho các nhân vật tiếng tăm chống đối chế độ như là một bước lùi của CS Hà Nội ở thế thụ động phải tạo bộ mặt "nhân đạo" để giảm sức ép nhân quyền và tranh thủ sự đầu tư quốc tế trong tình hình khủng hoảng kinh tế, tài chánh toàn cầu hiện tại, và là một thắng lợi của các tổ chức nhân quyền, giới quan sát người Việt hải ngoại và quốc tế xác định rằng đây chỉ là một đòn tuyên truyền chứ không phải là một dấu hiệu đổi mới chính trị của CSVN. Chánh sách trước sau của CSVN là ổn định để cai trị: bất cứ mọi sự chống đối từ bên trong dù dưới hình thức nào cũng đều không được dung thứ. Hà Nội đánh giá nguy cơ thực sự và tiềm tàng đối với chế độ thống trị của họ là sự bất mãn và nổi dậy của quần chúng trong nước, như các vụ Thái Bình, Xuân Lộc..., cũng như trường hợp Indonesia mới đây. Những chỉ trích và áp lực từ bên ngoài không làm họ bận tâm nhiều lắm. Việc tổng xuất các nhân vật tiếng tăm chống đối chế độ ra ngoài nước - như Võ Đại Tôn, Nguyễn Chí Thiện v.v... trước đây, và Đoàn Viết Hoạt mới đây - giúp cho Hà Nội tạo được bộ mặt nhân đạo trước dư luận quốc tế, đồng thời cũng giúp cho họ loại bỏ được những chiếc gai nằm trong con mắt. Với sự vắng mặt trong nước của các tên tuổi ly khai chính kiến được quốc tế chú ý đến, Hà Nội có thể yên ổn thi hành các biện pháp đàn áp tự do dân chủ và nhân quyền mà không gặp phản ứng bất lợi nào từ bên ngoài.

Hiện tại, không ai biết được điều gì sẽ xảy ra nếu Bác sĩ Quế quyết định ở lại trong nước và bắt đầu trở lại các hoạt động cho dân chủ của ông. Hoặc nếu các nhà lãnh đạo Phật Giáo bắt đầu trở lại những đòi hỏi của họ.

■ Tôn Quang Tuấn  
15.9.1998

# Khoa Việt học ở nước Nga

(1)

Nhiều bạn trẻ Việt Nam cho đến giờ vẫn tưởng rằng người Nga chú ý tìm hiểu, nghiên cứu về Việt Nam chỉ từ khi người cộng sản trẻ tuổi Nguyễn Ái Quốc đặt chân lên nước Nga hồi năm 1924, như tưởng ông là người "mở đầu cho mối quan hệ Việt-Nga". Hoàn toàn không phải thế! Những bài đầu tiên viết về đất nước Việt Nam xa xôi và kỳ lạ (mà hồi đó người ta gọi là Tonkin (2), Cochinchina (3)) đã xuất hiện trên sách báo Nga vào hồi thế kỷ 18, Đến cuối thế kỷ 19 đầu thế kỷ 20, một số nhà du lịch Nga đã đến Việt Nam, họ đã để lại những bút ký đi đường, cũng như những bài miêu tả thiên nhiên, cư dân và phong tục của Việt Nam. Đáng chú ý là hồi thế kỷ 19, tầng lớp quý tộc Nga biết tiếng Pháp giỏi, thích nói tiếng Pháp trong giao tế và được giáo dục trong tinh thần văn hóa Pháp, nên những lãnh thổ gọi là "hải ngoại" của Pháp, như Tonkin, Annam (4), Cochinchina, v.v... dường như đã trở thành gần gũi hơn đối với nước Nga. Những bài trên sách báo Nga về đất nước Việt Nam xa xăm đã thường thấy hơn và được viết khá chi tiết.

Viết về Việt Nam hồi đó thì có các nhà địa lý (như V.I. Venhyukov, năm 1876), các nhà văn (như K.M. Stanhyukovich, năm 1863; V.V. Krestovsky, năm 1904), các tu sĩ, sĩ quan (như V. Nedzvetzky, năm 1884; N.S. Ermolov, năm 1885), các nhà khoa học (như V.A. Tikhomirov, năm 1895; E. Erikson, năm 1901; P.N. Krasnov, năm 1903), các thầy thuốc (như V. Kravchenko, năm 1910), v.v... Như các bạn đã thấy, hồi đầu thế kỷ 20, người Nga nào quan tâm đến đất nước Việt Nam đều có thể sưu tầm được khá nhiều tài liệu đa dạng về Việt Nam trên sách báo Nga.

Cách đây không lâu, nhà Việt học Nga A. A. Sokolov, người đồng thời với chúng ta, trong một bài viết của mình đã đưa ra một sự kiện lý thú, hoàn toàn bất ngờ chẳng những đối với người Nga nói chung, mà tôi tin chắc là cả đối với nhiều nhà Việt học nữa: Hồi năm 1891, Hoàng tử nước Nga, sau này lên ngôi Nga hoàng Nikolai Đệ Nhị (năm 1918, đã bị những người bolshevik Nga bắn chết một cách vô cùng hèn hạ và dã man cùng toàn thể gia đình và gia nhân tại thành phố Ekaterinburg) (5), khi du hành vòng quanh thế giới, đã từng đến thăm Việt Nam. Dựa trên tài liệu của cuộc du lịch kỳ

thứ đó, về sau công tước E. E. Ukhtomsky, một nhà khoa học Nga, đã biên soạn và xuất bản cuốn nhật ký tuyệt vời, nhan đề "Chuyến Du Lịch Đến Phương Đông Của Hoàng Cung Thái Tử. 1890-1891". Trong sách đó có ghi chép về ba ngày vị Hoàng tử Nga ở thăm Sài Gòn.

\*

Dưới thời xô-viết, nhất là sau khi chiến tranh thế giới lần thứ hai kết thúc, việc nghiên cứu Việt Nam - lịch sử, địa lý, ngôn ngữ, kinh tế và văn học - được tiến hành rất tích cực. Nó được tiến hành đều đặn trong một số cơ quan khoa học, chủ yếu thuộc hệ thống Viện Hàn Lâm Khoa Học Liên Xô. Một số sách chuyên khảo nghiêm túc đã được xuất bản. Những sách này, mặc dù có nhược điểm là thiên về định hướng ý thức hệ, nhưng cũng có trình độ khoa học và giá trị khoa học khá cao. Trong số đó có thể kể những cuốn sau đây: "Đông Dương" (1931) của B.M. Dantsig, "Đông Dương" (1947) của nhà kinh tế học V- Ya. Vasilieva, "Việt Nam" (1957) của nhà địa lý học T.N. Sheglova, "Thiên Nhiên Miền Bắc Việt Nam" (1961) của nhà thổ nhưỡng học V.M. Fridland, "Khảo Luận Lịch Sử Nước Việt Nam Phong Kiến" (Dựa theo biên niên sử Việt Nam thế kỷ 18-19) (1967) của nhà sử học M.A. Cheshkov, "Văn Học Việt Nam" (1971) của N.I. Nikulin, v.v...

Nhà văn M.N. Tkachev, nhà nghiên cứu văn học N.I. Nikulin đã dịch ra tiếng Nga và giới thiệu những áng văn chương cổ của Việt Nam, như *Việt Điện U Linh*, *Truyện Kiều*, *Thơ văn Nguyễn Trãi*, v.v... cũng như nhiều tác phẩm hiện đại. Nhờ sự cố gắng của M. Tkachev, N. Nikulin, I. Zimonina, v.v... nên trong bộ ấn phẩm đồ sộ *Tủ Sách Văn Học Toàn Thế Giới* gồm 200 tập xuất bản dưới thời xô-viết, đã có phần riêng giới thiệu những tác phẩm văn học cổ của Việt Nam.

Một sự kiện đáng kể đối với khoa Việt học là việc xuất bản bằng tiếng Nga (từ năm 1979 đến năm 1984 với số lượng in 50.000 bản) 15 tập trong bộ ấn phẩm lớn *Tủ Sách Văn Học Việt Nam* để giới thiệu với bạn đọc Nga về nền văn học Việt Nam, hay nói đúng hơn những tác phẩm của nhiều nhà văn Việt Nam hồi bấy giờ được coi là "tiêu biểu". Tập mở đầu *Tủ Sách Văn Học Việt Nam* là những tác phẩm của Hồ Chí Minh (xuất bản năm 1979) với lời giới thiệu trân trọng của nhà thơ xô-viết K.M. Simonov. Tiếp theo là những tập của Tô Hoài, Nguyễn Tuân, Nguyễn Đình Thi, Nguyễn Quang Sáng, Thu Bồn, Nguyễn Văn Bổng, Nam Cao, Nguyễn Hồng, Nguyễn Ngọc, Nguyễn Minh Châu, Ngô Tất Tố, Nguyễn Công Hoan, Nguyễn Khải... Một tập dành riêng cho kịch và một tập cho các nhà thơ trẻ tuổi. Cố nhiên, vì xuất bản dưới thời xô-viết, nên trong bộ ấn phẩm lớn đó chỉ đưa vào những nhà văn được đảng cầm quyền nước Việt Nam "xã hội chủ nghĩa" công nhận mà thôi, nên những nhà Việt học dù chỉ có hiểu biết chút ít về văn học cũng

thấy vắng bóng rất nhiều tác phẩm có giá trị của những nhà văn nổi tiếng trong văn học Việt Nam, có những người đại diện cho cả một trào lưu văn học và thực sự có công đối với việc canh tân nền văn học Việt Nam, như những người đứng đầu *Tự Lực Văn Đoàn* Nhất Linh, Khải Hưng, Thạch Lam... có những người thực sự đại diện cho cả một khuynh hướng, một phong cách rõ rệt, như Vũ Trọng Phụng, Hàn Mặc Tử, Đoàn Phú Thù, Nguyễn Bính... chỉ vì họ bị coi là nhà văn "tự sản" hay là "kẻ thù tư tưởng" (!) của nước Việt Nam cộng sản! Chuyện dễ hiểu là những nhà văn, nhà thơ nổi tiếng trong nhóm *Nhân Văn - Giai Phẩm*, như Phan Khôi, Hoàng Cầm, Trần Dần, Lê Đạt, Phùng Cung, Phùng Quán... cũng như nhiều nhà văn, nhà thơ nổi tiếng trong chế độ "thủ địch" ở Miền Nam Việt Nam, như Võ Phiến, Đoàn Quốc Sỹ, v.v... thì không thể nào "chen chân" vào đây được. Do đó, người đọc am hiểu và khách quan của nước Nga, nhất là các nhà nghiên cứu, có thể phân vân, tự hỏi: Không biết Làng Văn Việt Nam nói chung có thừa nhận tất cả các tác giả được đưa vào trong ấn phẩm đó là "tiêu biểu" thật sự cho nền văn học Việt Nam hay không? Song, dầu sao chăng nữa thì *Tủ Sách Văn Học Việt Nam* vẫn là một công trình to lớn đáng hoan nghênh của các dịch giả.

Trong lĩnh vực ngôn ngữ, các nhà từ điển học cũng đã có phần đóng góp rất đáng kể, nhờ đó đã ảnh hưởng lớn đến khoa học Việt học nói chung và việc giảng dạy tiếng Việt nói riêng. Trong thời gian qua nhiều từ điển đã ra mắt độc giả, những đáng nêu lên là bộ *Từ Điển Việt-Nga* (xuất bản năm 1961 với số lượng in 40.000 bản) của I.I. Glebova, V.A. Zelentsov, V.V. Ivanov, N.I. Nikulin và A.P. Shintova, bộ *Từ Điển Nga-Việt* (gồm 2 tập, xuất bản ba lần trong những năm 1977, 1978 và 1987 với số lượng in trên 150.000 bản) của K.M. Alikanov (Nguyễn Minh Cầm), V.V. V.V. Ivanov và I.A. Malkhanova, và bộ *Từ Điển Việt-Nga* (xuất bản năm 1992 với số lượng in 10.500 bản) của I.I. Glebova và A.A. Sokolov. Bộ *Từ Điển Nga-Việt* gồm 2 tập được bạn đọc đánh giá cao, cho đến nay nó là bộ từ điển lớn nhất được biên soạn công phu nhất (trong 10 năm), số lượng in nhiều nhất và được thông dụng nhất trong thời gian 20 năm qua.

Việc giảng dạy tiếng Việt cho sinh viên Nga và các nước khác là một khâu quan trọng nhất để phát triển về lâu về dài khoa Việt học. Đã nhiều thập niên qua, một số trường đại học ở Nga đã đào tạo các nhà Việt học với điều kiện bắt buộc phải biết tiếng Việt. Trường đại học quan hệ quốc tế của Bộ Ngoại Giao là trường lớn nhất chăm lo việc đào tạo cán bộ ngoại giao, kinh tế, báo chí, và nói chung là những nhà Việt học tương lai, không những cho nước Nga và những nước trong Liên Xô cũ, bây giờ đã trở thành những nước độc lập (Ukraina, Belarussia, Kazakhstan, các nước cộng hòa ở Baltic, v.v...), mà cho cả các nước Đông Âu nữa. Tôi còn nhớ, trên mười năm trước, khi tôi đến làm giáo sư ở trường này, thì ở các lớp

khác nhau của trường có đến khoảng 40 sinh viên học tiếng Việt (mà mỗi khóa học kéo dài đến sáu năm!), phần nửa số đó là người nước ngoài - họ đến từ Đông Đức, Tiệp Khắc, Ba Lan, Bulgaria, Mông Cổ, v.v... Nhiều nhà ngoại giao của các nước đó đã tốt nghiệp ở trường của chúng tôi. Nhưng hiện nay, ở trường của chúng tôi chỉ có sinh viên Nga học tiếng Việt mà thôi và chỉ học cả thầy trong bốn năm. Số lượng sinh viên học tiếng Việt hiện nay chỉ còn tám người. Những giảng viên chính không thay đổi trong nhiều năm ở trường này là hai giáo sư I.E. Alioshina và I.A. Malkhanova.

Ngoài trường đại học quan hệ quốc tế ra, trường đại học lớn thứ hai lo việc đào tạo các nhà Việt học biết tiếng Việt là Học viện Á-Phi trực thuộc Trường đại học tổng hợp Moskva. Những giảng viên chính ở đây là hai giáo sư A.P. Shintova và T.N. Filimonova.

Các giảng viên của hai trường nói trên đã soạn thảo khá nhiều sách và tài liệu giáo khoa dạy tiếng Việt nhằm đào tạo các nhà chuyên môn cao cấp. Trong nhiều thập niên cả hai trường này đã đào tạo được hàng chục nhà Việt học có trình độ cao, nhiều nhà báo của các hãng thông tấn lớn, như TASS, APN, của đài phát thanh, của ban biên tập các báo và tạp chí, nhiều cán bộ của Bộ Ngoại Giao, của Viện Nghiên Cứu Phương Đông, của các nhà xuất bản, của các học viện và viện nghiên cứu khoa học khác nhau...

Ngoài Trường đại học quan hệ quốc tế và Học viện Á-Phi, còn một vài trường đại học nữa ở Nga cũng lo việc đào tạo các nhà Việt học và dạy tiếng Việt, nhưng với quy mô nhỏ hơn: Trường đại học tổng hợp Sankt Peterburg, với các giáo sư V.S. Panfilov và I.S. Bystrov, Trường đại học tổng hợp Viễn Đông ở thành phố Vladivostok, với giảng viên A.I. Sokolovsky. Ở Moskva, còn có một số trường quân sự đặc biệt có dạy tiếng Việt, nhưng với chương trình rút ngắn và trong những lĩnh vực rất chuyên môn, nên trình độ hiểu biết chung về ngôn ngữ, nhất là hội thoại, thì học viên những trường này khá yếu.

Cho đến nay, đã xuất bản được nhiều công trình biên khảo có giá trị về Việt Nam của hàng chục nhà nghiên cứu - những nhà kinh tế, địa lý, sử gia, nhà nghiên cứu văn học, ngôn ngữ học, dân tộc học, v.v... Không thể kể hết tên của họ, nhưng thiết nghĩ, có thể nêu lên đây dù chỉ là một số mà thôi - I.E. Alioshina, I.I. Glebova, E.P. Glazunov, A.I. Mukhlinov, I.A. Malkhanova, D.V. Deopik, G.F. Murashova, A.A. Sokolov, V.S. Panfilov, V.I. Antoshenko, A.L. Ryabinin, A. Nikitin, E.R. Bogatova... Nhân đây cũng xin nói thêm là trong bộ *Từ Điển Tiếng Sử Các Nhà Đông Phương Học Của Nga* xuất bản năm 1995, đã có 55 nhà Việt học được nêu tên, điều đó cho thấy rằng đội ngũ Việt học ở Nga không nhỏ, tiềm năng khoa học ấy thật đáng quý.

Như chúng ta thấy, nếu hồi thập niên 40 - 50, những sách và bài báo về Việt Nam có thể đếm được trên đầu ngón tay, thì từ thập niên 60 dường như đã xảy ra một sự "nở rộ"

của Việt học: hàng chục nhà Việt học đã viết và xuất bản hàng chục cuốn sách, bài báo, chuyên khảo về những đề tài rất đa dạng. Đó là những năm hợp tác kinh tế năng động nhất giữa Liên Xô và Việt Nam: tăng các trường đại học ở Liên Xô và hàng nghìn chuyên gia tương lai của Việt Nam theo học, đó là những bác sĩ, kỹ sư, kiến trúc sư, những nghệ sĩ, diễn viên, họa sĩ... tương lai của Việt Nam, còn ở Việt Nam thì có hàng nghìn công nhân, chuyên gia Xô Viết xây dựng các nhà máy thủy điện, nhiệt điện, làm việc trong các nhà máy, bệnh viện, nông trường, học viện... Dĩ nhiên, sự hợp tác chặt chẽ hồi đó giữa hai nước có khi không hoàn toàn là do nhu cầu kinh tế, mà chủ yếu là do ý thức hệ cộng sản chung, điều đó phản ánh rõ chẳng những trong những bài đăng trên các báo mà cả trong những công trình nghiên cứu khoa học nghiêm túc nữa.

Trong những năm đó đã diễn ra một "buộc nhảy vọt" mới về chất lượng trong khoa Việt học ở Nga, mà người ngoài cuộc khó nhận thấy: nếu trong những năm sau chiến tranh thế giới lần thứ hai, thế hệ đầu tiên những nhà Việt học thường chỉ biết được một thứ tiếng Châu Âu, thì trong ba thập niên gần đây không có nhà Việt học nào không biết tiếng Việt, đó là chưa kể một hay hai thứ tiếng Châu Âu. Những nhà Việt học thế hệ mới biết tiếng Việt, nên có thể làm việc với các nguyên bản, các tài liệu lưu trữ, cả ở nước Việt Nam cũng như ở nước ngoài, những nơi hiện nay đã tích lũy được nhiều tài liệu rất có giá trị về Việt Nam.

Thứ mục các tác phẩm của các tác giả Nga và Xô-Việt về Việt Nam hiện nay thì rất dài, để nghiên cứu riêng thứ mục đó phải có nhiều thời gian. Dù rằng điều dễ hiểu là dưới thời xô-viết, chỉ có những tác phẩm nào viết theo tinh thần những quan điểm cộng sản "chính thống" thì mới được xuất bản mà thôi. Vì thế, hiện nay khi dừng đến những tác phẩm được xuất bản dưới thời đó thì cần có một sự thận trọng, một tinh thần phê phán đúng mức về nội dung, đồng thời cũng nên có một thái độ "rộng lượng" nào đó đối với các tác giả. Không nên quên là hồi bấy giờ, các tác giả phải viết đúng như những gì "trên" muốn, "trên" cho phép mà thôi! Có lẽ cũng nên nói thêm để bạn đọc hình dung được sự kiểm soát nội dung các ấn phẩm dưới thời xô-viết chặt chẽ, ngặt nghèo đến mức nào: trong Ban Tư Tưởng của Trung Ương Đảng Cộng Sản Liên-Xô có một "ban khoa học", nơi mà mọi tác phẩm, mọi công trình nghiên cứu về các nước ngoài đã được xuất bản phải gửi về đây để người ta nhận xét, mặc dù đã có Glavlit đáng sợ, tức là cơ quan kiểm duyệt toàn Liên Bang (cũng là của Trung Ương Đảng!), đã kiểm duyệt rất kỹ rồi trước khi cho phép xuất bản. Cũ nhỏ lại cái thời đó mà thấy rộng cả người!

\*

Hiện nay, ở nước Nga các nhà khoa học chúng tôi có thể tự do viết bất cứ điều gì

minh thấy là cần thiết. Trong nước Nga mới, không có chế độ kiểm duyệt, không có sự truy bức vì phát biểu tư tưởng, quan điểm của mình, chúng tôi không còn phải sợ ai cả, không còn phải uốn cong ngòi bút để viết trái với nhận thức và lương tâm của mình. Nhưng, đáng tiếc là thời kỳ "nở rộ" của Việt học đã qua rồi! Nếu trước đây các nhà khoa học bình yên làm việc trong các cơ quan nhà nước, lĩnh một mức lương "khiêm tốn" để nghiên cứu các nước ngoài và ngoại giao viết những gì người ta "đặt hàng" cho, thì bây giờ viết xong, họ phải bỏ tiền túi ra xuất bản sách hay chạy đi tìm người tài trợ, mà các sách khoa học thì bao giờ số lượng in cũng ít và thường lỗ vốn. Bây giờ mỗi lần sách về Việt Nam được xuất bản quá là một ngày hội lớn đối với những nhà Việt học chúng tôi, nhưng than ôi, những ngày hội như thế thật hiếm hoi!

Việc thành lập Trung Tâm Việt Học của Học viện Á-Phi trực thuộc Trường đại học tổng hợp Moskva là một sáng kiến rất hay của một số nhà Việt học ở Moskva. Trung tâm này, dưới sự lãnh đạo của D.V. Deopik, hoạt động tích cực và có hiệu quả. Nó tồn tại đã mấy năm nay rồi và trong khoảng thời gian ngắn ngủi đó đã tiến hành được nhiều cuộc hội nghị khoa học bổ ích, trong một vài cuộc có một số nhà Việt học nước ngoài, từ Việt Nam, Hoa Kỳ, Ấn Độ... đến tham dự. Trung tâm đã xuất bản được vài cuốn *"Việt Nam Truyền Thống"*, trong đó in những bài của nhiều nhà Việt học có tên tuổi ở Nga và Việt Nam. Hồi năm ngoái, do sự "nấn nì" nhiều lần của A.A. Sokolov và I.A. Malkhanova, ban lãnh đạo Trung Tâm Việt Học đã mời phái đoàn *Vẻ Vang Dân Việt* do nhà báo Trọng Minh dẫn đầu từ Hoa Kỳ, Pháp... đến Nga để tham gia một cuộc hội thảo thật bổ ích. Các nhà báo, nhà khoa học, nhà văn, doanh gia, ca sĩ Việt Nam hải ngoại đã trình bày tại cuộc hội thảo nhiều vấn đề thiết thực và lý thú hấp dẫn người nghe. Việc mời phái đoàn *Vẻ Vang Dân Việt* đến Nga có thể hứa hẹn một hướng mới trong hoạt động của Trung Tâm, vì từ trước tới nay nó chỉ chú trọng phối hợp hoạt động với những nhà khoa học ở trong nước Việt Nam mà thôi, bây giờ dường như người ta bắt đầu thấy vị trí đáng kể của những nhà khoa học trong cộng đồng người Việt hải ngoại đang đưa khoa Việt học lên cao. Tuy nhiên, cũng nên biết rằng không phải trong Ban lãnh đạo Trung Tâm ai cũng nghĩ như vậy cả.

Hoạt động của Trung Tâm Việt Học khá nổi bật và làm vui lòng mọi nhà Việt học ở Nga trong hoàn cảnh kinh tế mới, khi nền khoa học đang ở trong tình trạng thảm hại vì được tài trợ quá ít ỏi, khi nhiều nhà Việt học buộc phải "đổi nghề" hay phải "bỏ nghề". Cũng có thể là trước đây số lượng các nhà Việt học quá nhiều, còn bây giờ số lượng hiện nay là vừa phải, là "tối ưu" trong điều kiện kinh tế mới. Tuy nhiên, những người đã có trình độ nghiệp vụ cao nhờ nhiều năm học tập và làm việc trong các cơ quan khoa học, nay không làm việc cho Việt học nữa thì cũng mất đi một tiềm năng rất quý, điều đó dù có thể biện minh là do hoàn cảnh kinh tế, nhưng vẫn là rất đáng tiếc, nhất là



khi sự mất mát này lại kèm theo những bất hạnh trong số phận nhiều người. Hiện nay, việc nghiên cứu về Việt Nam và việc giảng dạy tiếng Việt ở Nga bị giảm xuống rõ rệt về quy mô, Có lẽ điều đó phù hợp với nhu cầu hiện nay của môn Việt học và mức độ mối quan hệ chính thức giữa Liên Bang Nga và Việt Nam. Còn quan hệ về thương mại thì được tiến hành chủ yếu ở mức độ tư nhân và không đòi hỏi nhiều sự hiểu biết khoa học hay ngôn ngữ. Mặc dù thể tình hình hiện nay cũng gây cho tôi cũng như cho cả thế hệ già những nhà Việt học một nỗi xót xa và nuối tiếc.

Chúng tôi mơ ước, có khi nào đó, ngay trong cuộc đời này của chúng tôi, sẽ có một sự hưng thịnh mới, một sự "nở rộ" mới của **khoa Việt học mới**, khoa Việt học đã "phí ý thức hệ hóa" rồi, khoa Việt học thật sự khoa học, và những chuyên viên Nga có trình độ chuyên môn cao, biết tiếng Việt rất giỏi mà chúng tôi đào tạo hàng chục năm trời lại sẽ "có đất dụng võ". Tôi mơ ước rằng chẳng bao lâu nữa khoa Việt học ở nước Nga mới lại sẽ có thêm những thành tựu rực rỡ.

(Moskva ngày 9 tháng 9 năm 1997)

(1). Bài này đã đăng trên tạp san **Văn Chương** ở Canada.

(2). Địa danh **Tonkin**, hay **Tonquin**, trong thế kỷ 17, 18 người Âu Châu dùng để chỉ xứ **Đàng Ngoài**, do chữ Đông Kinh mà ra (Đông Kinh đã từng là tên của kinh đô nước Việt Nam). Từ khi thuộc Pháp thì **Tonkin** là **Bắc Kỳ**.

(3). Địa danh **Cochinchina**, hay **Cochinchine**, trong thế kỷ 17, 18 người Âu Châu dùng để chỉ xứ **Đàng Trong**, do chữ Kuchi (phiên âm tiếng Trung Quốc Jiao Kuchi) là Giao Chỉ mà ra. Vì Ấn Độ cũng có địa danh Kuchi, nên người Bồ Đào Nha cho thêm chữ China để dễ phân biệt, Kuchi-China (Kuchi gần Trung Quốc) lâu ngày biến âm thành Cochinchina, Cochinchine. Từ khi thuộc Pháp thì **Cochinchine** là **Nam Kỳ**.

(4). Địa danh **Annam** mà người Âu Châu dùng, vốn là tên gọi của nước Việt Nam từ đời nhà Hán (260 trước TL - 220 sau TL) ở Trung Quốc, về sau qua nhiều triều đại, người Việt Nam vẫn nhận là An Nam; đến đời vua Gia Long chính thức lấy tên là Việt Nam. Từ khi thuộc Pháp thì **Annam** là **Trung Kỳ**, hay cũng gọi là **An Nam**.

(5). **Nikolai Đệ Nhị** (1868-1918), Hoàng đế cuối cùng của Nga, thuộc dòng họ Romanov, trị vì từ 1894-1917; tuyên bố thoái vị sau cách mạng tháng Hai năm 1917. Bị giết năm 1918.

## Nhật Trọng **TRẦN VĂN MINH**

### Những niềm tin vững vàng vào Phật Pháp

**T**rong bản tin Phật sự, Viên Giác số 104, tôi đã nhắc đến niềm tin vững vàng vào Phật Pháp và sự an định của Đạo Hữu Thiện Cửu Nguyễn Mạnh Diệp, thuộc Chi Hội Phật Tử VNTN Mannheim và VPC. Bây giờ, tôi viết tiếp những dòng này, Đạo Hữu Thiện Cửu đã từ trần hơn 7 tuần thất qua rồi và ngày hôm nay, chúng tôi cùng với một số Đạo Hữu về chùa để tiễn đưa di cốt của Đạo Hữu Thiện Cửu đến an táng tại Nghĩa trang của chùa Viên Giác. Từ đây, trên bước đường tu học, Đạo Hữu Thiện Cửu không còn chung bước với chúng ta trong những ngày lễ Phật định kỳ hàng tháng hoặc trong những khóa Tu Bát Quan Trai Giới! Nhưng bên cạnh các mẫu chuyện trong những ngày cuối đời của Đạo Hữu Thiện Cửu, lòng Tín, Nguyện, Hạnh tha thiết của Đạo Hữu đã cho tôi ý tưởng và niềm xúc cảm để viết những dòng này. Sau khi ĐH Thiện Cửu ra đi, tôi muốn tìm về một vài hình ảnh còn lưu niệm. Tôi đã dành thì giờ để xem lại cuốn Video khóa Tu Bát Quan Trai Giới tại Chi Hội Mannheim vào tháng 11 năm 1997 vừa qua. Tôi đã quán chiếu được sâu xa hơn về sự vô thường mà Đức Bổn Sư Thích Ca Mâu Ni Phật đã soi sáng cho thế nhân qua các pháp Tứ Diệu Đế, Tứ Niệm Xứ v.v... và quý Thầy Cô thường ân cần nhắc nhở, chỉ dạy cho Phật tử chúng ta.

Hơn nữa, điều mà trước đây tôi thường nghĩ đến là mỗi dịp chúng ta được gặp nhau, mỗi lần chúng ta có nhân duyên cùng dự một khóa Tu Học Phật Pháp, một chuyến hành hương... thật vô cùng quý báu. Ngày mai, biết đâu một người trong số chúng ta không còn nữa hoặc chỉ vì điều kiện sức khỏe kém hơn, cũng không thể cùng sánh vai nhau trong một Đạo tràng!

Chưa đầy một năm sau, kể từ khóa Tu Bát Quan Trai năm trước, ĐH Thiện Cửu đã vĩnh biệt chúng ta vì căn bệnh tái phát; mặc dù Bác sĩ đã tận tâm cứu chữa! Điều đáng nói là anh đã đi về đâu?

Tôi nghĩ, câu trả lời chắc không sai, nếu chúng ta nhìn vào sự chánh niệm, sự sắp xếp của anh: Anh đã trang trí một bàn thờ Phật thật trang nghiêm, thanh tịnh tại tư gia. Nơi đây, anh đã có những giờ phút nghiên ngẫm về Giáo lý Phật Pháp và thành tâm tưởng Phật. Anh đã tập cho mình giữ vững sự an định, bình thản trước căn bệnh cũng như trước lúc lâm chung! Anh cũng đã soạn và ghi lại tóm tắt cho vợ con của anh những Giáo lý cơ bản, tinh túy của Phật Giáo như Tứ Diệu Đế, Tứ Niệm Xứ, Bát Chánh Đạo, Tu Thập Thiện hoặc Mười Đại Nguyện của Bồ Tát Phổ Hiền và khuyên vợ con hướng tâm về Phật Pháp.

Với lòng thành như vậy, tôi tin là ĐH Thiện Cửu đã được Đức Phật A Di Đà cùng Thánh Chúng tiếp độ ngay lúc lâm chung hay là trong 7 tuần thất, thân Trung-ám của anh, từ cái tâm an định sẵn có và nhờ sự gia trì của Chú Tăng, sự hộ niệm của các Phật tử bạn đạo của anh, nhờ sự thành tâm của vợ con cùng gia đình mà Hương-linh của anh được tốc-xả mê-đờ vàng sanh về Cực Lạc Quốc. Đạo Hữu Thiện Cửu đã yên ổn ra đi, nét mặt tươi tỉnh như trong một giấc ngủ bình an.

Mỗi tuần, chúng tôi, một số Phật tử thuộc Chi Hội PTVNTN Mannheim & VPC đều có đến từ gia cúng thất, hộ niệm cầu siêu cho Đạo Hữu Thiện Cửu. Gần gũi chị Diệp và các cháu, chúng tôi ghi nhận được một vài tâm tình đáng quý: Chị muốn Quy Y Tam Bảo để tu học và sau này chị được nằm bên anh tại Nghĩa trang chùa Viên Giác. Tín nguyện này đã được thể hiện: Nhân dịp đại lễ Vu Lan 2542 tại Chùa Viên Giác, vào ngày 19.9.98, chị Diệp và các con đã nhất tâm Quy Y Tam Bảo. Có thể khác với quý Cô Bác và quý Đạo Hữu đã chứng kiến hoặc hộ giới trong buổi lễ Quy Y Tam Bảo ngày hôm đó; riêng tôi vừa vui mừng, vừa xúc động và có một niềm cảm kính sâu xa. Còn các con của ĐH Thiện Cửu đã tâm tình với chúng tôi:

Tụi con rất ăn năn! Ước gì trước đây, những khi Ba con đọc kinh, tụi con gần gũi Ba nhiều hơn, quan tâm nhiều hơn! Bây giờ nghĩ lại, lúc đó tụi con còn thờ ơ quá! Tụi con chỉ biết thành tâm sám hối, hết lòng niệm Phật cầu nguyện cho Ba và Quy Y Tam Bảo, tu học theo con đường Ba đã chỉ bảo!

Hầu như mỗi người trong chúng ta, ít ai tránh khỏi sự tồn tại ít nhiều niềm hối tiếc ăn năn sau khi có người thân lìa đời! Theo lời Phật dạy, chúng ta hãy cố sống với nhau đầy đủ bốn phận, tình nghĩa, hiếu đạo nhiều hơn và hy vọng niềm hối tiếc sẽ còn rất ít sau khi cha mẹ, vợ chồng, anh chị em hoặc người thân của chúng ta ra đi; hoặc chính tâm mình được an ổn lúc từ bỏ thân xác tử đại này!

Sau hết, tôi muốn nhắc lại câu nói mà trong một dịp lễ Phật anh đã kể với tôi: Trước một ca mổ quan trọng, anh đã nói với các con, Ba chỉ sợ sau khi mổ Ba bị bại liệt nằm một chỗ thì cực khổ cho Mẹ và các con!

Các con của ĐH Thiện Cửu đã nói rằng: "Cho dù Ba bị bại liệt nằm một chỗ, nhưng Ba vẫn còn đó, tụi con vẫn được thấy hình bóng, được nghe tiếng nói của Ba, được chăm sóc cho Ba" ! ...

Tôi muốn kể lại đây một mẫu chuyện thực, một mẫu chuyện nhỏ mà gần gũi với chúng ta để chính bản thân tôi cùng với quý Đạo Hữu thân thương, trên bước đường tu học, tự quay về với bản lai diện mục của mình qua tâm tình của ĐH Thiện Cửu Nguyễn Mạnh Diệp, của chị Diệp, của các con của anh chị và cố gắng vun trồng thêm hiếu đạo của một người con Phật.

Viết nhanh, nhân ngày về Chùa Viên Giác tiễn đưa di cốt của Đạo Hữu Thiện Cửu, 16.10.98.



## Những dẫn đo và khó khăn của người biên khảo bộ sách : "luận cương về văn hóa việt nam" (Trong và ngoài nước)

- Những đồng quan điểm và khác quan điểm với soạn giả bộ sách từ khắp bốn phương độc giả.
- Để trả lời sự gợi ý, góp ý, các vấn nạn, vấn nghĩa và nhiều vấn đề mới nêu ra do độc giả bộ sách và các cơ quan truyền thông báo chí Hoa Kỳ.
- Rút tĩa kinh nghiệm bổ ích đóng góp vào việc hoàn thiện công cuộc biên khảo Văn Hóa Việt Nam trong tương lai.

**B**ộ Luận Cương về Văn Hóa Việt Nam của chúng tôi được ra mắt tại Bắc Mỹ vào năm 1997. Trước ngày ra mắt sách, các cơ quan truyền thông báo chí đã mở những cuộc phỏng vấn, mạn đàm với tác giả để tìm hiểu về nội dung bộ sách hoặc trao đổi đặt thêm nhiều vấn đề văn hóa hầu tường trình cùng độc giả báo chí và thính giả các đài. Thêm vào đó là những đề nghị, đề xuất, chỉ dẫn và khuyến nghị của họ đối với tác giả về nền Văn Hóa lưu vong hiện nay hòng xây dựng hữu hiệu và thành công nền Văn Hóa Dân Tộc trên Đất Nước trong mai hậu.

Bài viết - đúng hơn bài tham luận sau đây của soạn giả bộ **Luận Cương về Văn Hóa Việt Nam** tóm lược và tổng hợp một số các phát biểu của soạn giả trên các đài truyền thông nói trên và nhân đây giải bày ý hướng, chủ đích cùng những khó khăn, những dẫn đo và suy tư của người trong cuộc khi biên khảo bộ sách. Ngoài việc để trả lời một số khá nhiều bạn đọc từ Âu đến Mỹ Châu đã gửi thư đến gợi ý, góp ý, đưa ra thắc mắc hoặc đặt thêm nhiều vấn đề mới về văn hóa khá lợi thú với soạn giả, bài này còn muốn thu góp một số kinh nghiệm cống hiến cho những vị nào trong

tương lai muốn viết về Văn Hóa Việt Nam đó vậy.

Nhất là đối với các bạn độc giả đã ân cần lưu ý đến bộ sách dưới hình thức này hay cách thể khác, soạn giả xin các bạn nhận ở đây sự phát lộ một niềm tri ân tốt vời và tốt độ đầy sự chân thành cao trọng.

Là con người làm văn hóa trong buổi giao thời trước nhiều biến động sôi nổi mà thời sự và hiện trạng thực tại chưa lắng đọng thành sử liệu lại thêm đứng trước độc giả ở nhiều thế hệ ở trong và ngoài nước, chúng tôi trải qua nhiều suy tính dẫn đo kéo dài trong việc xây dựng nội dung bộ sách làm sao cho đáp ứng mọi trình độ, đối tượng hầu soạn phẩm đạt được tác dụng cao như lòng mong muốn. Nhất là biên khảo về nền văn hóa Việt hiện nay bao trùm nhiều phạm trù, nhiều môi trường và mang nhiều sắc thái đa dạng. Và rồi tâm trạng dẫn đo, phân vân của chúng tôi đã nghiệm đúng. Sách ấn hành rồi - đúng như Lão Tử đã nói, *cái mặt tiền của ngôi nhà của chính mình xây nên, mình không còn là sở hữu chủ của nó nữa mà thuộc hẳn về những ai đã nhìn vào nó hay là của người ở những căn nhà đối diện* - chúng tôi tiếp nhận khá nhiều lời phê bình, có khi đồng thuận, có khi nghịch với quan điểm của mình. Có bạn lại nêu ra thêm vài chi tiết và khía cạnh mới hoặc ý kiến là lạ về văn hóa nữa để đặt thành vấn nạn với soạn giả.

Có một số độc giả cho rằng nội dung sách khá cao, nhiều chương, nhiều tiết mục khó lĩnh hội, có bạn lại phê bình rằng nội dung sách quá phổ thông, có bạn lại muốn soạn giả đặc biệt đào sâu, thâm cứu chi tiết, khía cạnh này và lướt qua các điểm nọ. Quả thực là *chín người mười ý*, nhưng cái muôi ý ở đây là điều tuyệt đẹp về ý thức cùng chung xây dựng nền văn hóa nước nhà, vừa là những khích lệ phần khởi cho soạn giả đó vậy.

Có một bạn ở Flacht (Đức) tỏ ý bực dọc qua một bức thư khá dài kính gửi Thượng Tọa Viện chủ chùa Viên Giác nhờ chuyển cho soạn giả. Nội dung bức thư là một thái độ bất bình tại sao chúng tôi luận về văn hóa Việt mà không đã động gì đến nền văn hóa Tày Nùng? trong khi nền văn hóa thiếu số này đã đóng góp một phần lớn - theo ông - chất liệu cho nền văn hóa Kinh là nền văn hóa Việt? Lại có vài độc giả nữa cũng góp ý rất dễ thương tuy đây thiên vị là tại sao chúng tôi không nói nhiều đến văn minh Chăm dù dân Việt đã rút phần lớn tinh hoa của họ để rồi thủ tiêu nói giống ấy đi mất tích (thứ của một độc giả ở Texas). Có ông bạn già ở Pháp đọc xong sách, điện thoại cho tôi trách tôi nói quá ít về các đức tính văn hóa Việt hiện nay

đang phá sản như liêm sĩ và đoàn kết, nhất là liêm sĩ. Quả thực - theo lời ông - 2 tiếng liêm sĩ không còn có trong từ điển Việt Nam hiện đại. Ông cho biết, có một người ở Pháp trước đây nổi tiếng ghét Cộng Sản Việt Nam, rồi viết một cuốn sách điều đóm ca tụng vài nhân vật nổi danh ghê tởm (ông gọi: *tristement célebres*) để rồi cố động xóa bỏ ý thức hệ, hòa hợp với kẻ thù mưu đồ mỗi năm vài lần xin Visa đi về Việt Nam thăm thò, thăm thụt làm ăn với Việt Cộng. Đó, những hiện tượng vô liêm sĩ ấy sao không nêu lên làm một bài học ô danh cho bao kẻ khác? Lại có những kẻ chuyên đánh phá ồn ào đến điếc tai thiên hạ để tạo cho mình một cái tên "hữu danh vô thực". Lại có kẻ chuyên chia rẽ bịa đặt nhiều âm mưu để phá nát sự đoàn kết của Cộng Đồng sao cũng không thấy tôi nhắc đến, xem đó như những tính nết điển hình xấu về văn hóa Việt của thời đại lưu vong chúng ta.

Xin thưa với ông độc giả nói trên:

Tôi, soạn giả, xin được ghi lại những gì thiếu sót phổ quát trong các yếu tố văn hóa mà thôi, xin không đi vào những cá biệt, điển hình vì mình chúng cận kề theo lời ông nói thì giấy mực đâu mà viết cho đủ. Và lại, thưa ông, tôi có nói đại cương về vấn đề này ở trang 183 Tập II đó chứ? Lại hỏi ra mắt sách ở Mỹ, một vị cựu giáo sư đồng nghiệp của tôi ở trường Quốc Học Huế là giáo sư Hà Như Chi đã tâm sự: "*Có lẽ sau này viết sử Việt, mình hết nói đến yếu tố bất khuất nữa rồi anh Kỳ ạ. Vì thời đại khoa học, cao độ này rồi sẽ thay thế mà cũng giết chết tính bất khuất truyền thống dân tộc. Bất khuất không còn hiệu nghiệm nữa trước vũ khí cực kỳ tối tân tàn sát hiện đại*". Ý kiến mới lạ của Hà tiên sinh làm tôi sững sốt. Lúc sang Washington D.C thăm một nhà văn hóa kỳ cựu, ông này cũng lại than thở tính vô liêm sĩ gần thành một cố tật trong xã hội lưu vong: một người được xem là học giả chuyên phiên dịch các tác phẩm nổi tiếng Việt Nam lại mới về Việt Nam chụp hình chung, đứng khúm núm bên cạnh một tên Việt Cộng không ra gì được xem là tri thức VC đang ngồi chễm chệ trên ghế bành. Cả hai đều có mặt trên một tấm hình trang trí cho một bia sách ấn hành ở trong nước, gọi là hợp lưu văn hóa với Cộng Sản. Và nhà văn hóa lão thành này cũng lại phiên trách tôi sao không dẫn chứng cái gương bất khuất tuyệt vời của Luật sư Trần Văn Tuyên ở trong nhà tù Việt Cộng - qua ngôn tử, phong cách xử sự, ứng phó của ông làm nên mẫu người hùng kiệt giữa thời đại chúng ta. Lại một học giả ở Westminster (Nam Cali) góp ý với chúng tôi rằng phải

khai triển thêm nữa về nguồn gốc tạp chủng của tập thể Bách Việt nguyên khai và ảnh hưởng của nền văn hóa Bách Việt liên hệ đến sự thành hình nền văn hóa Trung Hoa như thế nào; nói một cách khác, nền văn hóa Bách Việt đã góp phần lớn xây dựng cái nền tinh thần cho Trung Hoa ra sao không thấy bàn đến. Và ông bạn tôi Giáo sư học giả Nguyễn Thùy lại nêu lên các căn bản tâm lý học, xã hội học, nhân chủng học, các khoa học nhân văn này là những thành phần trọng yếu cấu tạo nên tâm thuật, Việt Nam tính và các truyền thống Việt Nam hơn ở bất kỳ dân tộc nào trên thế giới. Và lại trong tinh thần đại chúng của văn hóa Việt Nam, có quan niệm triết lý nhất nguyên, có nguyên lý vạn vật nhất thể vốn bẩm sinh của dân Việt. Ví dụ: người bình dân Việt không quan niệm khác nhau giữa Thiên Chúa Giáo và Phật Giáo; đạo nào cũng tốt, biểu tượng tối cao của bất kỳ tôn giáo nào cũng dạy làm điều lành, hợp nhân bản và thiên nhiên tính cả. Cho nên, nôm na và giản dị họ xem Phật Bà Quan Âm và Đức Mẹ Maria truy nguyên đến cùng là một - ông Nguyễn Thùy nói tiếp - đều là hình tượng điển hình và tối cao của tinh thần vạn vật nhất thể trong văn hóa Việt Nam đó.

Tóm lại, Ôi! có bao nhiêu điều cao siêu, thông thái mà các bạn đã gợi ý - xin quý vị hiểu cho - hoặc nêu thắc mắc tôi chưa dám bàn đến ở một cuốn sách có mục tiêu đại chúng hóa văn hóa Việt Nam. Ngay đến ý niệm văn hóa, đúng theo tinh thần khảo luận uyên bác hiện nay cũng phải thuyết minh trong một pho sách dày nặng như trong văn học Pháp, Đức, Anh, Mỹ..., nhưng ở đây tôi chỉ bàn đến có 6, 7 trang mà thôi.

Về nội dung và đối tượng của sách, có bạn phiền trách nhẹ rằng chúng tôi cũng chỉ làm như một số soạn phẩm đã có từ trước là nhắc lại, chung chung các truyền thống Con Rồng Cháu Tiên, Âu Lạc, đại cương về nền văn minh Đông Sơn, Văn Lang, rồi nói đến ngôn ngữ Việt, các giá trị văn hóa truyền thống như đạo hiếu trung lễ nghĩa... việc cúng tế gia tiên, thần linh..., các tín ngưỡng lâu đời của dân Việt và các tôn giáo cổ truyền như Phật, Lão, Nho v.v... và v.v..... Và nếu việc bảo tồn và phát huy văn hóa Việt ở trình độ đại chúng trong cộng đồng hải ngoại ta quanh đi quẩn lại cũng chỉ có lễ Giỗ Tổ, cúng tế anh hùng liệt sĩ, trình diễn áo dài, hát vọng cổ v.v... mà thôi thì hơn 4000 năm dựng nước của ông cha luôn luôn chúng ta tự hào, chỉ bao trùm có các ý niệm các chi tiết sơ cấp, phổ thông ấy về văn hóa Việt hay sao?

Sao không thấy đề cập đến những lý thuyết, luận đề cao siêu, điều kiện cơ bản

về nhân chủng học, chủng tộc học Việt Nam v.v... - bao nhiêu kết quả sáng tác tinh thần của các bộ óc lớn uyên bác sung mãn, thông minh của Tổ tiên chúng ta trên con đường giữ nước, cứu nước và dựng nước.

Nếu nội dung văn hóa Việt chỉ có những cơ bản rất cận dụng và phù thai ấy thì làm sao một sáng tác phẩm về văn hóa Việt thỏa mãn được óc thông thái, sự nghiêm cứu nghiêm túc của các độc giả, thức giả kể cả người ngoại quốc, muốn mọi sự việc phải đi đến tận cùng cái nhân và cái quả của nó nhất là ở lĩnh vực phức tạp của văn hóa từ thời huyền sử đến ngày nay của nền văn hóa dân tộc chúng ta.

Đó là bao nhiêu thắc mắc vấn nạn chất chứa trong nội dung của nhiều lá thư độc giả đã thân tình gửi đến cho chúng tôi mà chúng tôi chưa có dịp trả lời hay chưa biết nên trả lời ra làm sao.

Xin mở một ngoặc: Ngay ở một vài vị độc giả, chính ý kiến của họ đối với nội dung của bộ sách trước sau cũng bất nhất. Cái dẫn đo và bối rối của tôi khi viết bộ sách quả đã bất ngờ truyền sang các vị ấy một cách vô hình và màu nhiệm lắm vậy. Đó là trường hợp của cụ Tăng Phát Đậu, một vị nhân sĩ trí thức hiện ở Bỉ. Sau một thời gian bộ sách Văn Hóa của chúng tôi được ấn hành, Cụ gọi điện thoại than thở với chúng tôi: "Anh viết cuốn sách ấy nội dung quá cao, có những điều khó hiểu ít đại chúng. Các con cháu của tôi và nhiều bạn sinh viên của chúng nó than phiền lắm!". Tôi thông cảm với vốn liếng Việt ngữ của họ và trả lời cụ Tăng: "Tôi không muốn định chất văn hóa Việt bằng cách hạ thấp xuống để bằng lòng với những kiến thức thông thường, nông cạn hơn nữa. Tôi viết như vậy là quá phổ thông, đại chúng lắm rồi. Khi viết xong, chính nội dung ấy trong thâm tâm tôi không làm tôi thỏa mãn về những hiểu biết quá sơ cấp tóm lược về văn hóa Việt mà vô tình mình đã phải lặp lại ở các sách văn hóa đã ấn hành từ trước. Và lại chính các điều cơ bản này cũng trái nghịch hoàn toàn với nguyên tắc ban sơ tôi tự đặt ra cho mình trên tiến trình biên soạn toàn bộ các sách khác của tôi: là viết ra những điều rất phổ thông để đại chúng hóa các vấn đề khó hiểu với một trình độ kiến thức sâu rộng hơn hầu nâng cao sự hiểu biết của mọi người nhất là giới trẻ vốn là độc giả của mình. Phải cho họ nhận thức được cái quan yếu, các đặc trưng khác lạ hơn của mọi sự việc, mọi vấn đề khi đọc sách mình. Thâm ý ấy của tôi mới xét qua có vẻ mình mâu thuẫn với mình, nhưng theo tôi, việc soạn sách hay viết tài liệu bất kỳ về loại nào, đứng ra phải

quan niệm theo nguyên lý ấy mới bổ ích cho đối tượng".

Băng đi hơn một năm sau khi ấn hành Tập II của bộ sách văn hóa, cũng chính vị thức giả ấy là cụ Tăng điện đàm với tôi rất lâu và cụ lại chỉ trích ngược lại: "Bây giờ tôi thấy anh viết bộ sách ấy hơi thấp đấy. Mình nên viết cao hơn, sâu hơn nữa về văn hóa Việt. Văn hóa Dân tộc của mình chất chứa bao tinh tuý mới lạ tuyệt vời cao đẹp, thâm hậu hơn cả nền văn hóa Trung Hoa nữa đấy mình nên phát hiện cái đặc sắc ấy. Lần trước, chính tôi đã chê trách anh viết khó vì nó không làm bằng lòng các sinh viên, các bạn trẻ xa xứ lâu năm, không đủ chữ nghĩa về tiếng Việt, không có chút vốn liếng văn hóa Việt để thẩm hiểu tác phẩm thì lần này cũng lại chính tôi đề nghị với anh nên bổ túc, hiệu đính, cải tiến ở lần tái bản sau với những nhận thức, nghiên cứu, thông thái hơn nữa. Và bây giờ, tôi đưa ra quan điểm trái nghịch lần trước là vì nội dung bộ sách chưa làm thỏa mãn chính cá nhân độc giả là tôi đó và cả một số các vị lớn tuổi muốn đào sâu suy tư, nghiên ngẫm tận gốc các vấn đề... anh hãy để việc đại chúng hóa văn hoá Việt cho người khác làm. Phần anh, nên chú tâm nghiên cứu kỹ, phát hiện một cách uyên bác hơn về các luận án văn hóa Việt, đặc sắc và mới lạ. Dù chỉ có một tiểu chúng đọc và chỉ bổ ích cho một thiểu số độc giả, anh vẫn phải đặt mục tiêu và chủ đích của mình cao như thế. Tôi chỉ sợ rồi ra anh không còn thời gian và điều kiện để làm, so với gánh nặng tuổi đời của anh".

Xin đa tạ thịnh tình và tín nhiệm của ông bạn già họ Tăng đã muốn chúng tôi nhận lãnh phần vụ và trọng trách nặng nề mà anh có hào ý giao phó cho tôi một cách đầy chủ quan và thiên vị. Thú thực, tôi không dám nói là tôi hội đủ điều kiện vật chất, tinh thần và trí tuệ để thực hiện nổi công cuộc nghìn thu tập thể ấy như anh mong muốn đâu.

Nhưng mìa mai thay! Ý kiến của cụ Tăng lại trùng hợp với vị Linh mục ở Trung Tâm Văn Hóa Xã Hội Việt Nam Bruxelles là Linh mục Nguyễn Hùng Lân, người cha tinh thần của bộ sách văn hóa của tôi, hiện người đang tham dự khóa Thần học tại Louvain La Neuve ở Vương quốc Bỉ. Ngài nói: "Bác ơi! Lần sau mình có tái bản, mình bổ cứu phong phú hơn về nội dung đào sâu nêu lên thêm nhiều vấn đề, nhiều luận án về văn hóa. Mình phải làm thành một bộ sách "référence" rất qui mô về nghiên cứu thâm hậu hơn nữa về văn hóa

*Việt trước khi mình phiên dịch ra ngoại ngữ, dù chỉ để dựng cho một tiểu chúng". Không dám nói dài dòng, nhưng tôi xin ghi lại đây các quan điểm rộn ràng nói trên để nêu lên các ý kiến dị biệt và một số kinh nghiệm hòng lưu ý các bậc thức giả mai hậu muốn viết về Văn Hóa Việt trong chiều hướng phức hợp (chủ không phải phức tạp) đa dạng và đa diện như hiện nay về văn hóa ở hải ngoại.*

\*

Giữa bao nhiêu phân vân, trăn trở ấy về nội dung bộ sách của tôi, nhắm về các trình độ độc giả, cuối cùng rồi chúng tôi phải đi đến một lựa chọn quyết định là làm sao cho sách đáp ứng được đa số các bạn trẻ hiện muốn tìm hiểu văn hóa Việt hầu làm một công cuộc trở về nguồn hiệu nghiệm cho các bạn ấy để giữ vững lý lịch quốc gia, văn hóa của mình. Một nhà văn hóa Anh quốc đã nói: "Người ta thường nói khủng hoảng chính trị, kinh tế... nhưng có một khủng hoảng trầm trọng, tệ hại hơn cả mà không ai nhắc đến. Đó là khủng hoảng về lý lịch quốc gia, về lý lịch văn hóa làm cho các nước Tây Phương chúng ta suy đồi dần dần vì chỉ chú ý phiến diện đến công cuộc "thế giới hóa" (mondialisation) tinh cầu này về mọi mặt". Và tôi thiết nghĩ, riêng về nước Việt Nam ta, hơn ở các quốc gia nào hết, đây là vấn đề hệ trọng, sinh tử cho bản sắc giống nòi, cho sinh tồn tinh thần của đất nước ngay trong thời điểm này ở hải ngoại. Và rồi sau khi lựa chọn "giải pháp phổ thông hóa", chúng tôi đã minh bạch khẳng định trong lời mở sách: Đây không là công trình nghiên cứu suy tư mới lạ, với những phát hiện uyên bác làm thành những luận án đặc sắc tân kỳ về văn hóa Việt Nam. Soạn phẩm chỉ có yêu cầu rất khiêm nhường là nhập môn văn hóa dân tộc truyền thống cho các bạn trẻ và các thế hệ Việt Nam tương lai. Để từ đó khuếch từ nền mao hóa Mác-xít phản dân tộc, phi nhân bản mà xây dựng nền văn hóa đối kháng Cộng Sản, để rồi trở về nguồn gốc tinh thần của nền văn hóa dân tộc cổ hữu chúng ta. Và lời thổ lộ tâm tư này cũng được chính tôi trình bày trên các đài Việt Nam F.M 96.1 và đài Sài Gòn ở Cali ngày 06.6.97: "Với tất cả trí thức khiêm tốn của mình, xin tự nguyện qua soạn phẩm này đóng góp thiết thực vào lâu đài văn hóa Việt Nam đồ sộ, ở cái phần căn bản của nó mà thôi. Chỉ có thể và được như vậy là chúng tôi cảm thấy mãn nguyện rồi!".

Chủ đích này, chúng tôi cũng có dịp thổ lộ ở Hoa Kỳ với các bậc thức giả lâu nay ưu tư về vấn đề văn hóa Việt Nam, như Giáo sư Nguyễn Thanh Liêm, Giáo sư Nguyễn Đình Hòa, Giáo sư Nguyễn Khắc Kham và Giáo sư Hà Mai Phương, các vị điều hành chuyên san Dòng Việt là một tổ chức văn hóa ở Cali thì các vị này đều nhất điểm đồng thuận với chúng tôi là khẩn cấp soạn thảo một bộ sách Văn Hóa Việt vừa tầm mọi người để đạt được tinh chất thức thời, đặc dụng và hữu hiệu trước hết. Và lại, theo tôi nghĩ, như nhà họa và nhà văn nổi tiếng của Pháp thi: "Sự thành công tốt đẹp nhất của một nhà văn là làm suy tư những kẻ có thể suy tư" (Engène Delacroix), tức là viết, sáng tác là gợi suy tư, làm trối dậy ý thức người đọc.

Chúng tôi đã bắt mạch đúng và trắc nghiệm không sai, qua sự tác động tốt của các cuộc trả lời phỏng vấn của tôi trên các đài truyền thanh ở miền Bắc Cali. Không nói cao xa, chúng tôi chỉ nhấn mạnh trên hết và trước hết về những gì rất đại chúng mà quan yếu đến sinh tồn văn hóa dân tộc ở hải ngoại, điều mà đa số người xem thường và quên lãng. Ví dụ về ngôn ngữ Việt, về sự tác hại lâu dài của nền mao hóa Cộng Sản ở trong nước, về cái khung văn hóa Việt mà hiện nay chúng ta đang đánh mất và hiện đang tách rời, để lồng vào đó và chừa ở đó cái hồn văn hóa Việt mà tất tuổi chúng ta mang ra rất hạn chế ở nước ngoài.

Và rồi chúng tôi cũng không ngờ những luận bàn của chúng tôi về văn hóa Việt trên các đài truyền thanh và báo chí, về các vấn đề rất phổ thông, đại chúng ấy lại được sự biểu đồng tình và nhất trí hưởng ứng của thính giả nhất là vấn đề học Việt ngữ thì đúng là những ưu tú hàng đầu của các bậc phụ huynh đối với các giới trẻ thanh thiếu nhi Việt Nam ta đó vậy. Ngoài ra, chúng tôi cũng quảng diễn về sự ngộ độc tập thể mà Cộng Sản Việt Nam đã cố hết sức tiếm nhuần cho nhân dân ở trong nước hiện nay thực là trầm trọng vô cùng. Chúng ta cần đồng tâm góp sức giải trừ sự độc hại ấy bằng một nền văn hóa đối lập kiên trì vững chắc = nền văn hóa đối kháng cộng sản cụ thể tổ giác tội ác CS dưới các hình thức biểu hiện đặc biệt: văn học, chính trị, quân sự v.v... để hỗ trợ cho sức mạnh phản kháng của đồng bào trong nước.

Lại nữa, các phóng viên các đài như F.M và rồi trên đài VOA (tiếng nói Huê Kỳ) xuống ngôn viên là cô Thanh Phương cũng lại hỏi tôi: Xin ông vui lòng cho thính giả của Đài biết ông đã mất bao nhiêu thời gian để biên soạn bộ sách Văn Hóa Việt Nam đây công phu gồm nhiều tài liệu, văn

liệu, sử liệu như thế, và trong quá trình sáng tác, thưa ông, đã gặp những khó khăn trở ngại và những thuận lợi nào ?

- Thưa các thính giả của Đài, Đài chỉ dành cho tôi một thời gian ngắn mà vấn đề cần trình bày lại quá rộng lớn... Tôi chỉ xin nói đại cương và rất vắn tắt vậy. Có thể nói biên khảo một tác phẩm về Văn Hóa Việt Nam trong hoàn cảnh hiện tại của đất nước và của cá nhân tôi ở hải ngoại thực muôn vàn khó khăn và về thuận lợi lại chẳng có bao nhiêu hết.

Hồi còn ở trong nước, tôi nhờ có đọc nhiều sách về văn hóa Việt bằng tiếng Việt, có chua và chú thích thêm về chữ Hán để thuyết minh về nền văn hóa cổ truyền như Nho, Phật, Lão và nhiều vấn đề khác v.v... và ai có kiến thức về Hán văn thì đọc trong chính bản của các bậc hiền triết ấy nhất là Lão và Khổng để nắm được nghĩa chính các Lối của Thầy.

Ra đây, muốn tra cứu các triết thuyết Đông Phương phải đi vào các thư viện lớn như ở Paris, Londres, Rome v.v... mới có nhiều tài liệu. Tại Vương quốc Bỉ, chúng tôi ở, thư viện không dồi dào lắm về các sách ấy. Buồn cười nhất là tôi phải vào các hiệu sách lớn ở Bruxelles hoặc vào các đại siêu thị có gian hàng trưng bày các sách về triết, về sử, về văn học đủ các nước trên thế giới viết bằng ngoại ngữ nhất là Pháp văn để xem "cọc" hoặc tra cứu, thu thập một số chi tiết nói về văn hóa Đông Dương. Vào thư viện có thể còn mất nhiều thời giờ hơn ở đây, ở các siêu thị và các hiệu sách. Có khi tìm được một sách mới nói về văn hóa Đông Phương, tôi lại phải đứng suốt buổi ở đó hoặc để ghi chép những ý chính hoặc gắng đọc, gắng nhớ, về nhà viết lại ngay tức thì. Có khi theo bản sách tham khảo mà sang Paris tìm ở Bibliothèque Nationale để tra cứu tiếp (Sách ở đây quá đắt, mua không nổi. Làm văn hóa mà nghèo lại ở đất nước lưu vong phải xê dịch tìm tài liệu thì thiệt thời nhiều đó, cô Thanh Phương). Cái vốn văn hóa của tôi sang đây gần như quên đi rất nhiều trải qua bao vật đổi sao dời trong con người tổng thể Việt Nam và của riêng cá nhân tôi. Và oái oăm thay! tôi lại có thành kiến nên tôi đánh giá thấp các sách của người nước ngoài viết về triết học Đông Phương trong đó có Việt Nam ta. Theo tôi, người Tây Phương có thức mà không giác, có tâm mà không ứng, có lý mà không thần, có nghĩa, có chữ mà không nắm được cái hồn chữ nghĩa thì khó mà nhập Đạo và cảm ứng với triết thuyết Đông Phương. Ví dụ riêng về lễ Tết Việt Nam cũng thế, tôi đã nói với các người ngoại quốc: "Ý nghĩa thiêng liêng, siêu hình của ngày đại lễ này của chúng tôi phải có cái

tâm học của Phương Đông mới cảm thông được". Có một chi tiết kỳ thú của việc đọc sách ở đại siêu thị này là có lần tôi vô được của tác giả G. Van Der Lew trong cuốn "*La Religion dans son essence et ses manifestations*" một đặc trưng về Văn Hóa Việt Nam mà tôi khoái chí vô cùng: tác giả ấy viết: "Chính nhờ cái não bộ đạo tâm (sensorum religieux) tức là lòng sùng đạo, trọng tín ngưỡng của dân Việt, cụ thể như cúng lễ ông bà, thần thánh, trọng tín ngưỡng bất biến này mà dân Việt dù ở trong tình huống bi thảm nào, cũng không thể vong bản và bị mất nước được". Điều này rất phù hợp với truyền thống vạn đời của ta đã được cố triết gia Kim Định nhận định về giỗ nhà, giỗ Tổ đó vậy. Nhưng cũng do việc tra cứu qua sự truyền đạt của các vị học giả Âu Mỹ đó mà lắm lúc tôi tự bức mình vì mình phải đọc sách Tây để hiểu về Nho Phật Lão thì còn chi là Nho Phật Lão nữa. Cũng như tôi đã nói với ông Như Hoàng ở đài F.M, về quá trình sáng tác bộ sách thực dài dòng đó, cô. Nếu phải nói như Giáo sư học giả Nguyễn Thùy trong một bài tham luận dài, thì để đi vào hành trình văn hóa Việt Nam, hành trang trước tác của tôi trước hết là những giai đoạn đời có thể khá bi thảm của cá nhân tôi. Cái hồn văn hóa nơi tôi được tích lũy qua nhiều tầng văn hóa: tầng văn hóa thực dân rồi đến tầng mao hóa Cộng Sản mà mình vừa là nạn nhân vừa là chứng nhân căm hờn, phần nộ tử hồi còn nhỏ đến khi là sinh viên ở Hà Nội rồi chạy loạn về quê nhà, sống giữa lòng những biến cố đầu tiên của Việt Minh Cộng Sản cướp chính quyền, rồi phải sống những ray rứt ngậm ngùi trước thực trạng tan hoang, xô bồ nơi hải ngoại ở cái tầng văn hóa lưu vong bây giờ. Cũng như nhiều người nêu tôi có được chút kiến thức nào để luận bàn về văn hóa, phần lớn là do công trình tự học, tích lũy về sự nghiên cứu cá nhân cùng được nhìn ngắm cái "hình hài cổ điển văn hóa" của Đất Nước. Tôi lại nhớ lời nói rất thâm thúy: "Ta không nên nói một câu vô nghĩa: "Đó là một con người có văn hóa" mà phải nói đúng là: "Đó là một con người tự đào tạo để trở nên có văn hóa" (Đại tướng Foch của nước Pháp).

Ký ức, tâm thức văn hóa của tôi được cấu tạo, tích lũy rất phức tạp và đa dạng. Phần nhiều nó còn là những suy tư chín muồi cay đắng, trầm trọng mà náo nức bên kia những chấn song ở các nhà tù dưới nhiều chế độ... thực dân, độc tài và nhất là cộng sản... Tôi không dám tự phô trương nhưng xin nói rõ đó là những chút gì về tiềm thức văn hóa được thăng hoa trong con người tôi đó vậy. Nếu nói theo André Maurois để

khuyên giới thanh niên khi học tập viết văn thì trên chợ đời chúng tôi đã cố vinh dự mua được quá nhiều chất liệu túi cực bất bình thường để làm hành trang trước tác cho mình, nhất là ở phạm trù văn hóa, ở cái tầng cao nhất của suy tưởng và tư duy triết học.

Tôi còn nhớ rõ: Hồi còn là sinh viên ở Hà Nội về nghỉ hè ở Huế trong nhà Cụ Huỳnh Thúc Kháng, vì chúng tôi có liên hệ bà con với Cụ, tôi có xin nhà chí sĩ nói cho nghe về Văn Hóa Việt -điều này soạn giả có thuật số lại ở trang đầu sách- Cụ đã nói: "*Về phương diện văn hóa, tinh thần này, Tây nó nhất định thua xa mình. Mình (có ý nói Đông Phương) là cái khí siêu việt bay bổng lên trời, còn nó là cái chất trì nặng, bay sà sà trên mặt đất đồ chấu. Nhưng rồi không ngờ do cái chất của vật thể ấy, nó hơn mình mà nó xâm chiếm và thống trị mình*".

Tôi nghĩ ý kiến Cụ tuy có chút ít thiên vị nhưng cũng có phần đúng. Để trôi qua và giải trí thời giờ kéo dài trong các nhà tù, bây giờ tôi vẫn nhớ đến các cuộc thảo luận sôi nổi về văn chương, văn hóa với các bạn đồng tù mà hiện nay kẻ mất người còn như với nhà học giả Lam Giang, người Bình Định một vị cường sĩ về chữ nghĩa ở trại giam Liên Khu 5, miền Bình Kiều, giữa rừng thiêng Quế Sơn, Quảng Nam (1953); những tranh cãi về chữ nghĩa, văn hóa với nhà chí sĩ Bình Nam và nhà văn Thiếu Sơn thiên tả ở nhà lao Gia Định hay ngoài trùng dương Phú Quốc (1956); với Bác sĩ đồng chí Bùi Hoành trong nhà biệt giam Biệt Khu Thủ Đô, Sài Gòn (1960); với Ký giả Tô Văn (1955) trong nhà thương của tù ở Chợ Quán. Tôi cũng nhớ suốt buổi nói chuyện về văn hóa giữa học giả Hồ Hữu Tường với tôi và anh Nguyễn Ngu Í ở đường Trần Bình Trọng vào cuối năm 1963. Và khi tôi hỏi học giả họ Hồ về "tuổi văn hóa" của Đất Nước ta, họ Hồ nói: "*Ta thua các nước Tây Phương những nửa thế kỷ văn hóa*"; luận cú ấy của họ Hồ tôi không đồng ý, cho nên không dám phô trương có thể nói những suy tư về văn chương, văn hóa của chúng tôi phần nhiều dùng để biên soạn sách vở, -hành trang tinh thần của tôi- nói như nhà học giả Nguyễn Thùy. Ký ức, tâm thức của tôi về văn hóa Việt là cả một đời người dai dẳng những thời gian thực sự rút ra, lục soát tiềm thức để viết thành sách như trường hợp bộ *Luận Cương Văn Hóa* này thì chỉ có 5, 6 năm thôi. Cái thời gian thai nghén trí thức lâu dài khác xa với hành động là như thế... Về việc dùng tài liệu trong việc biên soạn, đúng theo phương pháp của nhà sử học, như thế tôi có may mắn sử

dụng được tài liệu bậc 1 của chính người trong cuộc là tôi đã sống hơn là tài liệu bậc 2 của những kẻ khác chỉ gián tiếp liên quan đến sự việc, biến cố mà thôi.

Còn về nội dung bộ sách, thực là cả một sự cấu tạo khó khăn xin lặp lại có nhiều thời sự chưa lắng đọng thành sử liệu để cho mình định công luận tội phân minh công bình cho nên nguyên lý phải tuân theo khi viết là làm sao giữ được tinh thần chính trực, vô tư, khách quan để tạo nên một thái độ lương thiện trí thức và một quan niệm về sử học đúng đắn. Về điểm này riêng tôi, xin thận trọng hơn ai hết và phải hết sức dấn dõ, dè dặt vì mình vốn là con người của một chính đảng cách mạng đối diện với địch thù Cộng Sản, nên vô tình hay cố ý mình dễ bị thiên vị và chủ quan. Điều tối kỵ mà soạn giả là chính tôi cố tránh trong mọi sự nhận định và trình bày về chủ thuyết, về thực trạng của chế độ Cộng Sản.

- Bây giờ, xin ông vui lòng cho biết rất vấn tất những vấn đề trọng đại, cấp thiết hiện tại liên hệ đến văn hóa Việt Nam ở trong và ngoài nước.

- Như tôi đã nhiều lần nhắc đến, ai cũng nhận thấy rõ rằng: "Nền văn hóa Mác-xít, nền mao hóa phi nhân bản, phản dân tộc ấy quả thực đang dần mòn tiêu diệt toàn bộ các giai tầng văn hóa khác đã cấu tạo nên nền văn hóa cổ truyền của chúng ta trên dòng lịch sử. Chúng tôi dám khẳng định rằng, đối với nền văn hóa Mác-xít tuy chúng ta hoàn toàn bị choáng ngợp bởi sự tác hại của nó, nhưng thừa hưởng được truyền thống bẩm sinh bất khuất, ông cha chúng ta đã bao phen dựng con bệnh Việt Nam đứng dậy trở thành Thiên Vương Phù Đổng, thì dân tộc Việt Nam chúng ta bây giờ nhất quyết với lương trí, với cái khôn ngoan của dân tộc chúng ta không chịu nằm im để cho nền văn hóa Mác-xít tác hại mà những người có trí tuệ Việt Nam của dân tộc đã vùng dậy để chống đối lại nền văn hóa Mác-xít bằng một nền văn hóa khác, đó là "*Nền Văn Hóa đối kháng CSVN*" rất phong phú và hữu hiệu vô cùng làm cho địch thù Cộng Sản hoảng sợ.

Điều đáng trách là ở hải ngoại, các con em chúng ta và ngay chúng ta nữa chẳng những không sáng tạo được gì gọi là bổ sung phần tích cực của văn hóa mà còn tiêu thụ hồ đồ, bừa bãi nền văn hóa dân tộc. Và rồi nền văn hóa lưu vong thập ghép ngoại lai hỗn tạp không khéo sẽ đưa phần lớn con cháu chúng ta đi trên đường dị chủng dị hóa... Một chủ nghĩa thực dụng vật chất quá trớn dựa trên các tiện nghi hình thức cộng với một tinh thần tự do, một chủ nghĩa cá nhân vô trật tự làm băng hoại con người Việt Nam truyền

thống đến rõ ràng cội nguồn và lý tưởng phục Việt cứu quốc...".

\*

Nhưng dù bộ sách Văn Hóa này có là một soạn phẩm phổ biến những căn bản rất đại chúng về văn hóa Việt, chúng tôi vẫn không quên gợi ý đến những gì siêu việt trong phần bất biến, vĩnh cửu của bản sắc giống nòi, chính vì thế trên Đài Sài Gòn Viên Thao ngày 07/6 và được phỏng vấn trên Đài Á Châu Tự Do ở Hoa Kỳ vào dịp Tết Mậu Dần, chúng tôi đã nói: "Điều đặc biệt và độc đáo về Văn Hóa Việt Nam mà chúng tôi cần nhấn mạnh là: Trên phương diện văn hóa dân tộc thì Việt Nam chúng ta đúng là cái bao lơn của bể Thái Bình, còn quan trọng hơn cả vị thế địa lý chính trị của nó nữa. Nó ghi nhận kết tụ thành công hai phương diện hai chiều ảnh hưởng của văn hóa như Giáo sư T. Féray đã nhận định đúng: *"Chiều dọc của Văn Hóa Việt Nam tức nước Việt Nam nằm trong quỹ đạo văn hóa Trung Hoa và chiều ngang của Văn Hóa Việt Nam tức nước Việt Nam nằm trong sự bang giao với các lân quốc vùng Đông Nam Á"*.

Văn Hóa Việt Nam qua các công trình lâu dài thực sự uyên bác phải làm thế nào phát hiện cho kỳ được cái Hồn Việt, Thần trí Việt, Tâm lực chủng tộc Việt... Đó là ý chí sinh tồn chung của cả một dân tộc, phát sinh từ một cội nguồn tiên tổ thời tiền sử, cùng lên núi, cùng xuống biển, sống chết gắn liền nhau thành một tập đoàn cùng một huyết thống bởi một lịch sử dựng nước, cứu nước hơn bốn ngàn năm lập quốc nổi trôi theo vận nước. Hiện dân tộc ấy cùng mang những ưu tú, khát vọng, hoài niệm bi hùng vinh nhục trên nền quốc sử, cùng tranh đấu giành mảnh đất tạo sinh dọc theo ven biển, trải dài ở một miền Đông Nam Á. Nói làm sao cho đủ ý! Cùng có lý lịch Việt Nam, tâm hồn Việt Nam, những người đứng trong một Cộng Đồng cùng chung xây dựng bản mệnh tinh thần cho dân tộc mình trên dòng văn hóa sử Việt Nam, theo một quan niệm nhân sinh, một triết lý sống còn đặc thù của nòi giống.

Và từ ý niệm triết học đó bao gồm cảm tình, trí thức, ý chí của con người Việt Nam diễn trình từ quá khứ đến hiện tại, chúng tôi đề nghị các nhà văn hóa sử Việt Nam cùng nhau xây dựng trên cơ sở nhận thức nói trên một Chủ nghĩa Nhân Văn Việt Nam (humanisme vietnamien). Về chủ nghĩa này chẳng những gồm nhiều đặc trưng văn hóa của Việt tộc mà còn cô đọng những tinh hoa Đông Tây kim cổ mà

nước Việt ta -do một vị thế địa lý chính trị đặc biệt và còn do những con dân của nhóm "Toàn Cầu Nghĩa Thực" hiện đại hội tụ quốc nữa- đã trở thành điểm hội tụ bất dịch trên các đường kỳ hà Đông Á. Viết và đọc Văn Hóa Việt Nam, nhất thiết phải có cái Tâm Đông Phương và cái Hồn nước Việt. Cái tâm Đông Phương để thâm cảm với các triết thuyết kỳ bí Nho Lão Phật v.v... và cái hồn nước Việt để rung động với các truyền thuyết Tiên Rồng, Âu Lạc nào nỏ thần, nào ngựa sắt Phù Đổng để cảm thức với dòng sử mệnh bi hùng của Việt Nam, một kiểu nung văn hóa trầm luân không ít những quật khởi có thừa mà cuộc đời trôi nổi thăng hoa bởi định cách liên hồi của lý tán rời hợp toàn, của tui nhục, rồi vinh quang, của chừ hầu rồi Đại Đế.

Nền văn hóa Đông Phương trong đó có văn hóa truyền thống Việt Nam được cấu tạo bởi các yếu tố tinh thần, siêu hình đặc thù do nhiều triết thuyết như Nho, Phật, Lão. Tất cả bắt nguồn từ cái Tâm thâm nghiệm của con người Đông Phương. Và đây lên từ cái Tâm vô hình ấy, nhiều ý niệm siêu thực, vô hình mà người Phương Tây không hiểu nổi. Người phương Đông cảm thức, suy nghiệm vạn vật, hiện tượng bằng trực giác (esprit intuitif) nội quan để bắt cho kỳ được tâm linh và bản chất mọi sự vật trong khi học thuật, tư tưởng giới Tây Phương lý giải bản chất sự vật, hiện tượng bằng một trí thức suy lý, phân thân, minh giải (esprit cartésien). Người Tây Phương không cốt bắt cái thần sự vật mà chỉ nắm cho được cái chất của sự vật. Một Omar Khayam, một Rabindranath Tagore, một Phật Thích Ca, một Lão Tử, một Khổng Tử, huyền diệu, trầm mặc, tập trung trong thể thiền vị cao độ hơn nhiều nhân vật Platon, một Aristote, một Socrate bộc lộ, khai phá và khám hiện (= xem xét, quan sát, tra cứu, đối chiếu để tìm ra chân lý).

Về chủ nghĩa Nhân Văn Việt Nam -chúng tôi xin được cái kỳ vọng luận bàn đại cường trong một tác phẩm khác sẽ xuất bản- phải kết tinh và thăng hoa Đạo sống của người dân Việt: **Con Người, Quê Hương, Trời Đất** - dựng trên Dịch Kinh: *Hình nhi hạ dã vị chi khí + Hình nhi thượng dã vị chi đạo* (nghĩa là từ cái hình chất trở xuống gọi là Khí (hữu hình, vật chất), từ cái hình chất trở lên trên gọi là Đạo (vô hình, thiêng liêng, tinh thần, đạo lý).

Bài viết này, thưa các bạn đọc của Bộ **Luận Cường về Văn Hóa Việt Nam**, không dám là những trang phô trương cá nhân vô lối mà xin các bạn đừng khoan

dung xem đây là một bản "Tuyên Ngôn chưa hoàn thành hoặc soạn thảo còn thô vụng" của tác giả bộ sách, cốt giải bày về nội dung và đối tượng của bộ sách cùng những khó khăn, trở ngại, đắn đo mà tác giả đã gặp phải hòng trả lời phần nào các vấn nghĩa và thiện chí góp ý của các bạn đọc, của các thỉnh giả, các cố quan truyền thông, báo chí từ bốn phương đã ân cần tìm hiểu. Chẳng những các thắc mắc, các gợi ý của các bạn rất xác đáng, đầy bổ ích và hiệu nghiệm đối với chúng tôi là tác giả bộ sách mà sẽ còn rất thiết thực và hữu dụng về kinh nghiệm đối với các vị thức giả tương lai muốn thuyết minh biên soạn về Văn Hóa Việt Nam đó vậy.

Thú thực trên quá trình sáng tác các sách về Văn học, Văn hóa của mình, chúng tôi chưa bao giờ được sự góp ý tích cực và dồi dào -kể cả chê lẫn khen- của nhiều bạn đọc như đối với bộ Luận Cường Văn Hóa này. Tôi không dám suy nghĩ rất lập dị để rồi cười thầm qua ý tưởng của nhà văn Anh nổi tiếng, chủ trương thuyết duy mỹ là Oscar Wilde: *"Khi tất cả mọi người đều cùng một ý kiến như tôi, tôi có cảm nghĩ rằng tôi đã sai lầm"*, và một nhà văn Tây phương khác lại nói: *"Khi tất cả thiên hạ đều cùng có một ý kiến như tôi, như thế nghĩa là không một ai đã chịu suy nghĩ nhiều (về vấn đề ấy)"* (Walter Lippman).

Các độc giả thân mến của **Bộ Luận Cường về Văn Hóa Việt Nam** của tôi, chắc hẳn không có ai nằm trong các trường hợp nêu trên.

\*

Và ở Trung Tâm Văn Hóa Xã Hội Việt Nam tại Bruxelles, Linh mục Nguyễn Hùng Lân, người cha tinh thần của bộ sách đã vô cùng phấn khởi đón nhận nhiều nguồn tin thuận lợi về bộ sách từ Âu đến Mỹ quốc và Ngài nói: "Xin hãnh diện được biểu lộ nỗi vui mừng của chúng tôi là đã ấn hành và xuất bản một bộ sách về văn hóa có tầm quan trọng lớn". "Nội dung như một trái pháo lệnh" (lời của nhà văn Nhật Thịnh, Chủ tịch Trung Tâm Văn Bút Việt Nam hải ngoại Bắc Cali đã nói trong buổi ra mắt sách ngày 08.6.97 tại San Jose). Sở dĩ bộ sách - Linh mục Nguyễn Hùng Lân nói tiếp - đã được đón tiếp nồng nhiệt vì đáp ứng đúng nhu cầu đấu tranh văn hóa - đấu tranh trên cơ sở chủ thuyết - về mặt tư duy, lý tưởng với Cộng Sản Việt Nam trong Cộng Đồng Việt Nam hải ngoại".

(Bruxelles 12.12.97)



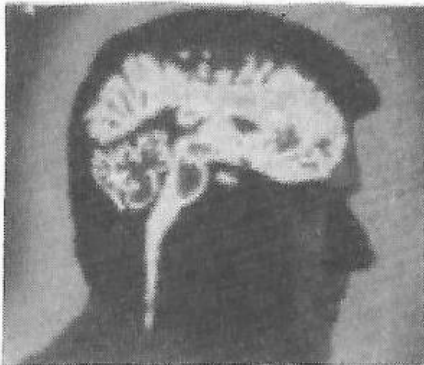
Quỳnh Hoa sưu tầm

## Bạn hãy tập luyện trí nhớ của mình

**S**au đây là vài phương pháp để tập luyện trí nhớ:

Bạn chuẩn bị 2 tờ giấy. Trên một tờ giấy bạn viết danh sách thực phẩm mà bạn muốn mua. Đọc cẩn thận danh sách một lần, lật úp tờ giấy qua mặt sau và thử viết lại trên giấy trắng tất cả tên thực phẩm trên cùng một dòng so với mặt trước. Bạn có thực hiện được không?

Bạn hãy viết trên trang giấy khác một hàng liên tục các số 1, 7, 9, 8, 7, 2, 1, 6, 4. Đọc các số này trong 30 giây. Sau đó lật tờ giấy qua mặt kia và viết trên trang giấy trắng những số mà bạn có thể ghi nhớ được, bạn có thể nhớ tất cả không? Và bạn có thể viết các số theo thứ tự cùng hàng như ở mặt trước tờ giấy không?



Bạn thử nhớ lại hằng ngày những việc làm cá nhân của mình như bạn thức dậy vào lúc nào? Bạn dùng điểm tâm vào khoảng mấy giờ? Bạn đã gặp gỡ trông thấy những người nào khi đi trên đường phố, xe buýt, xe điện? Những ngày nào

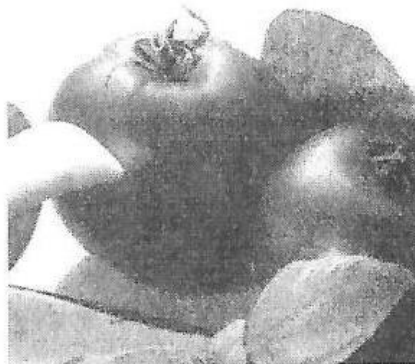
trong cuộc sống của bạn trôi qua tốt đẹp hay tầm thường vô vị?

Kiểm tra vốn nhớ của mình:

Kiểm tra một lần nữa, xem bao nhiêu chữ trí nhớ của bạn có thể gọi ra bằng cách chơi trò nhớ chữ: Vận đồng hồ reo 2 phút, trong vòng 2 phút bạn viết thật nhiều chữ trên trang giấy mà trí nhớ của bạn cho ra. Hoặc vận đồng hồ reo 1 phút, bạn viết trong vòng 1 phút tất cả những chữ bắt đầu bằng A, tập luyện hằng ngày thay đổi với các chữ khác bắt đầu bằng B, C, D... khi bạn lập lại những bài tập này cố gắng làm bài tập mới với từ ngữ mới.

Hằng ngày bạn gặp gỡ những người quen, có thể nào bạn mô tả chính xác những người này không? Bạn có nhớ hết tên của họ không? Hãy viết trên đầu trang giấy 4 tên người kế tiếp nhau mà bạn thường tiếp xúc với họ, phía dưới mỗi tên, bạn hãy ghi những đặc điểm của họ như màu tóc, tính cách, cách ăn mặc, nghề nghiệp, hiệu xe hơi của họ.

## Khả năng chống ung thư của trái cà chua



Lycopin có trong màu đỏ trái cà chua có khả năng làm giảm nguy cơ bệnh ung thư, các chuyên gia nghiên cứu về dinh dưỡng quốc tế đã công bố điều này. Tác dụng của Lycopin không chỉ là tác nhân chống oxy hóa mà còn tăng cường kiểm tra sự tăng trưởng của tế bào. Giáo sư John Bertram trường Đại Học Hawaii ở Mỹ thông báo về tác dụng làm giảm nguy cơ ung thư tuyến tiền liệt của Lycopin.

Bác sĩ Edward Giovannucci, Đại Học Haward Mỹ xác định tác dụng thực sự của việc đưa vào cơ thể hằng ngày 6 milligram Lycopin cùng với việc quan sát theo dõi trên 50.000 người đàn ông về tập quán ăn uống của họ với bệnh ung thư; ông kết luận với chế độ dinh dưỡng giàu cà chua giảm nguy cơ tuyến tiền liệt đến 21%.

Lycopin làm ngưng sự phát triển vô trật tự của tế bào cũng như ngăn chặn sự phát triển của tế bào dạng ung thư.

## Thiếu máu

**Hỏi:** Tôi có làn da xanh xao, bạn bè thường bảo tôi bị thiếu máu, có phải tôi bị thiếu máu không? Tại sao bị thiếu máu?

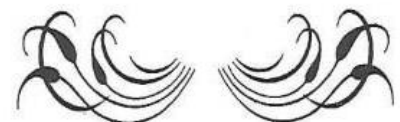
**Đáp:** Thiếu máu là sự giảm lượng huyết cầu tố lưu hành trong hệ tuần hoàn, một người bị coi là thiếu máu khi tỷ lệ huyết cầu tố thấp hơn 120 g/l ở phụ nữ; và 130 g/l ở nam giới. Ở người thiếu máu, da xanh, rõ ràng nhất ở lòng bàn tay tái nhợt. Khi mức độ quá nặng thì da óng ánh vàng, khó thở khi gắng sức. Bình thường có sự cân bằng liên tục giữa số lượng hồng cầu bị chết và số lượng hồng cầu sinh ra vì lý do nào đó hồng cầu được sinh ra quá ít, hồng cầu bị phá hủy quá nhiều nên đưa đến tình trạng thiếu máu. Có nhiều nguyên nhân gây thiếu máu như: chảy máu quá nhiều, do tan máu nghiêm trọng, do sự bất thường trong sản sinh hồng cầu...

Thiếu máu do tan máu có thể do tất cả của hồng cầu: hồng cầu hình cầu di truyền, hồng cầu hình bầu dục, hồng cầu hình gai... hoặc do huyết cầu tố bất thường như hồng cầu hình liềm, huyết cầu tố không ổn định. Sự tan máu cũng có thể do những yếu tố bất thường khác không phải do hồng cầu như thiếu máu tan máu do vi khuẩn, ký sinh trùng, hóa chất, thiếu máu ở những người bị vi mạch, mang van tim, van huyết quản nhân tạo...

Thiếu máu bởi sự bất thường trong sản sinh hồng cầu đó là các trường hợp do tủy xương suy yếu không sản sinh được máu hay sinh máu chất lượng kém hoặc tổng hợp huyết cầu tố không tốt, do thiếu sắt, ngoài ra còn do rối loạn bẩm sinh nguyên hồng cầu và còn nhiều nguyên nhân khác như bệnh nội tiết, suy thận, xơ gan, ung thư...

Thiếu máu do mất máu mãn tính, lượng máu mất mỗi lần chút ít không nhiều do u xơ, trĩ, loét dạ dày, ung thư, ký sinh trùng...

Tóm lại muốn biết có bị thiếu máu hay không bạn nên đến bác sĩ để xét nghiệm máu.



# TIN TỨC THẾ GIỚI



Năm 2000 là cái mốc thời gian để cho nhân loại lật qua một trang sử mới, đánh dấu một bước tiến vĩ đại của loài người về khoa học lẫn vi tính học mà cũng để đánh dấu sự tàn bạo của loài người qua hai trận đại chiến và trên 70 năm dưới sự thống trị phi nhân dã man của chế độ Cộng Sản.

Bước vào thế kỷ 21, một trật tự mới, hy vọng con người sẽ sống trong Hòa Bình, trong Tự Do Dân Chủ, không hận thù để cùng lo bảo vệ thiên nhiên, bảo vệ môi sinh. Vì hiện giờ thiên nhiên đã và đang bị phá hủy, môi sinh thì ô nhiễm v.v..., nên những thiên tai cú dồn dập xảy ra trên địa cầu nhỏ bé này như bão lụt vừa xảy ra ở Honduras và Nicaragua (Trung Mỹ La Tinh) làm trên 15 ngàn người chết, trên 15 ngàn người mất tích, hàng triệu triệu người sống trong cảnh màn trời chiếu đất. Tại Đức trận bão lụt ngày 27/10/98, chỉ có vài người bị nước cuốn trôi mất, nhưng thiệt hại về vật chất thì rất to lớn, mùa màng nhất là khoai tây thì bị hư hại gần hết. Hiện giờ nước vẫn còn dâng lên ở một vài nơi gần biển gần sông v.v...

## TÌNH HÌNH NĂM CHÂU

### ● TRUNG QUỐC

Vào năm 2000, Trung Quốc sẽ kiểm tra dân số. Lần kiểm tra cuối cùng vào năm 1990 là **Một Tỷ Một Trăm Ba Mươi Triệu Người** (1.130.000.000) khi đó chưa kể dân số của Hồng Kông. Lần kiểm tra tới ước tính sẽ đến khoảng **Một Tỷ Ba Trăm Triệu**

**Người** (1.300.000.000). Để hạn chế sinh sản, mỗi cặp vợ chồng ở Trung Quốc chỉ được phép sản xuất một đứa con thôi. Nếu ai có hai đứa, thì đứa thứ hai bị coi như thừa vú, có nghĩa là không có chỗ đứng trong xã hội.

### ● Bắc Kinh

Thành phố cho người giàu, người có xe hơi. Số là nhà cầm quyền Bắc Kinh cấm không cho xe đạp chạy từ 7 giờ sáng đến 20 giờ trên những con đường có những cửa hàng sang trọng mà người ta thường lui tới. Lý do là xe đạp làm tắt nghẽn đường hơn là xe hơi. Tại sao không làm đường dành riêng cho xe đạp, mà chỉ cấm khởi khởi như vậy rồi đám dân vô sản, một thời đã là cột trụ của chế độ, mỗi lần đi phố phải bỏ xe đạp ở nhà, cuốc bộ ra phố, rồi lại cuốc bộ trở về, còn sức đâu để mà sản xuất nuôi chế độ!

Cũng tại Bắc Kinh, ngày 31.7.98, cựu Bí thư Thành ủy Bắc Kinh ông Trần Hy Đồng đã bị xử 16 năm tù về tội tham nhũng. Trần Hy Đồng bị tố cáo về tội tham nhũng cùng với Vương Ngọc Lâm, Phó Đô Trưởng Bắc Kinh, ông này đã tự tử vào tháng 4/95 khi biết công an sắp đến bắt. Đây là cuộc tranh chấp nội bộ đảng, giữa phe Lý Bằng và Giang Trạch Dân. Kết quả là Lý Bằng bị mất chức Thủ Tướng. Trần Hy Đồng là một trong những tên đã chủ mưu dùng xe tăng cán chết sinh viên biểu tình đòi Tự Do - Dân Chủ ở quảng trường Thiên An Môn trước đây.

### Nhật

Cách đây 3 năm rồi, giáo phái AUM đã đặt hơi độc trong đường xe lửa ngầm ở Tokio làm 12 người chết, hàng chục ngàn người bị thương. Vừa rồi tòa án tối cao Nhật đã xử tử hình bằng cách treo cổ Kazuaki Okazaki (38 tuổi), Giáo chủ giáo phái AUM vì tội đã 5 lần ra lệnh cho đàn em đặt hơi độc để giết người. Đúng là **"Gieo Nhân thì Gặt Quả!"**

### ● NAM HÀN

#### ● Séoul

Ngày 26.10.98, Công ty Hàng không Không gian Daimler-Benz (Die Daimler-Benz Aerospace AG (DASA) đã ký hiệp ước cùng với Công ty Hàng không Không gian Hyundai phát triển chế tạo một loại chiến đấu cơ siêu âm loại nhẹ. Ngoài ra các công ty khác trên thế giới, nếu muốn, có thể tham gia dự án này. Theo lời ông Erwin Obermeier, Chủ nhiệm chương trình phát triển cho biết tại Séoul là

chiếc máy bay mẫu đầu tiên tên là "MAKO" sẽ hoàn tất vào năm 2004 hay 2005.

Công ty Hyundai sẽ tham gia trong việc phát triển và chế tạo 20% những bộ phận và cơ phận. Theo dự tính thì đến năm 2008 sẽ bắt đầu giao hàng theo đơn đặt. Chương trình phát triển (Entwicklung) loại máy bay này tốn 2 tỷ Mỹ kim!



Máy Computer vẽ kiểu chiến đấu cơ siêu âm "Mako" có 2 chỗ ngồi. Sẽ bay thử lần đầu tiên vào năm 2003.

### ● CẬN ĐÔNG

#### ● Israel - Palestine

Con chim hòa bình đang đầu nặng sắp được phục hồi. Trong quá khứ và hiện tại Palestine và Do Thái là hai quốc gia, hai kẻ thù không cùng đạp đất, không đội trời chung. Mặc dầu ngược dòng lịch sử hai dân tộc này cũng cùng một tổ sinh ra. Máu đỏ, thịt rơi đã chảy dài từ dãy Gaza đến tận lãnh thổ Libanon - Jordan - Syrie v.v... Nhưng cuối cùng, Tổng Thống Palestine, ông Arafat và Thủ Tướng Do Thái ông Netanjahu tự cảm thấy lời dạy của Đức Phật trong kinh Pháp Cú là chân lý:

**Lấy hận diệt hận thù  
Đời này không có được  
Không hận diệt hận thù  
Là định luật ngàn xưa.**

Từ hai chân lý này mà hai ông đã phải ngồi lại với nhau trên đất Mỹ trong 9 ngày (16 - 24.10.98) dưới sự trung gian hòa giải của Tổng Thống Clinton, để đàm phán hầu đem hai dân tộc, đã từng thù nghịch, sống chung hòa bình. Trong hiệp ước có nhiều điều khoản nhưng hai điều khoản sau đây là quan trọng hơn cả:

- Do Thái rút thêm 13% quân lính đang chiếm đóng tại Tây Jordan

- Palestine sẽ hủy bỏ một đoạn trong pháp điển (Charta) lời: **"Kêu gọi dân Palestine tiêu diệt dân Do Thái"**.

Hiệp ước hòa bình đã được ông Arafat và Netanjahu ký kết dưới sự chứng kiến của vua nước Jordan là ông Hussein và Tổng Thống Clinton trong đêm 24.10.98.

Được biết trong cuộc đàm phán này, Tổng Thống Clinton đã chịu ngồi trong 70 tiếng đồng hồ để thuyết phục hai con sư tử ở Cận Đông chịu bắt tay nhau.

Không biết trong tương lai hai dân tộc Palestine và Do Thái có nhìn thấy con đường bạo động sẽ dẫn đến đường cùng,



chỉ làm cho máu đổ, thịt rơi mà chịu dùng tay lại; hay vẫn tiếp tục "lấy hận để diệt hận thù!" Vì ngay sau khi hiệp ước được ký kết, những người Do Thái có tinh thần quốc gia cực đoan đã tràn ra đường ngời li biểu tình phản đối; Còn những người Palestine cuồng tín thì đốt cò Do Thái và gây bạo động ở khắp mọi nơi!

## ● Ý

Sau đệ nhị thế chiến, từ năm 1945 đến nay, nước Ý đã thay đổi 56 lần nội các! Phá kỷ lục! Lần đầu tiên, nội các lần thứ 56 này có một người Cộng Sản, ông Oliviero Diliberto (42 tuổi) làm Bộ Trưởng Tư Pháp. Không biết nội các này thọ được bao lâu? Sở dĩ có sự thay đổi liên từ ti như vậy vì có quá nhiều đảng trong quốc hội. Đảng cầm quyền chưa bao giờ đạt được đa số tuyệt đối, nên phải liên minh với một hay hai đảng khác, do đó sự bất đồng trong đường lối cai trị đất nước thường xảy ra. Nếu một đảng liên minh nào rút ra thì nội các bị đổ ngay. Qua kinh nghiệm này, chúng ta thấy một đất nước mà có quá nhiều đảng như nước Ý thì cũng thường xuyên gây bất ổn cho đất nước. Còn ngược lại chỉ có một đảng chắc chắn 100% dẫn tới độc tài, đảng trị như trường hợp Việt Nam, Bắc Hàn, Cuba, Trung Quốc.

## ● THỤY ĐIỂN - Stockholm

1998 - Năm nay Ủy Ban của Viện Hàn Lâm Thụy Điển họp để cứu xét, chọn lựa, trao giải thưởng Nobel cho những nhân vật sau đây đã có những phát minh vượt bậc trong những lãnh vực khác nhau nhằm phục vụ lợi ích cho nhân loại.

### • Nobel về Hòa Bình

Giải này được trao tặng cho hai ông có công trong việc thực hiện hòa bình tại Bắc Ái Nhĩ Lan (Nord Irland)

1. Ông David Trimble, lãnh đạo phe đa số Tin Lành.

2. Ông John Hume, lãnh đạo phe Công Giáo ôn hòa.

Về ông D. Trimble, Ủy Ban nhận xét như sau: "Ông đã tỏ ra can đảm trong sự quyết định dứt khoát chọn giải pháp hòa bình".

- Về ông J. Hume, Ủy Ban nhận xét rằng: "Ông là một người sáng suốt và quyết tâm nhất trong giới lãnh đạo tại Bắc Ái Nhĩ Lan trong công cuộc tìm kiếm một giải pháp hòa bình trong ôn hòa".

Giải thưởng cao quý này là niềm hãnh diện của người dân Bắc Ái Nhĩ Lan, không phân biệt Tin Lành hay Công Giáo. Hy vọng hòa

binh sẽ đến trên mảnh đất, một Dân Tộc, hai Tôn Giáo luôn luôn thù nghịch nhau!

**Lời người viết:** Giải thưởng này thường bị mang tai tiếng và bị nhiều người chỉ trích nhất. Vì có lần Ủy Ban đã chọn người không xứng đáng, không thực sự chủ trương mang lại hòa bình. Có lẽ vì bị áp lực tác động từ bên ngoài chăng? Điển hình là việc trao tặng giải Nobel hòa bình cho Lê Đức Thọ, một tên cộng sản đồ tể, một tên giết người không góm tay, giết ngay cả đồng chí của hắn, luôn luôn chủ trương đấu tranh giai cấp. Thế mà hắn được Ủy Ban chọn, thì sự cao quý của giải này mất rất nhiều ý nghĩa.

### • Nobel về Vật Lý

Giải này được trao tặng cho hai khoa học gia người Mỹ, ông Robert Langhlin và ông Daniel Tsui và một nhà vật lý người Đức, ông Horst Stoermer về công trình khám phá mới của họ về: "Chất lỏng nguyên lượng mới".

### • Nobel về Y Khoa

Giải này được trao tặng cho ba chuyên gia Dược Lý người Mỹ, ông Robert, ông Louis Ignarro và ông Ferid Murad. Họ đã tìm và ứng dụng chất Monoxyde dazote (NO) như là chất trung gian hóa học trong hệ tim mạch của con người. Công trình này giúp các nhà y lý hiểu rõ hơn các cơ chế hoạt động của bộ phận sinh dục nam giới, được áp dụng trị liệu các chứng bệnh về tim và nhiễm trùng khác.

### • Nobel về Kinh tế

Giải này được trao tặng cho nhà kinh tế học người Ấn, ông Armartya Sen, Giáo sư Đại Học. Ông đã từng dạy nhiều năm tại Đại Học Harvard, một Đại Học danh tiếng của Mỹ. Vì ông có công đưa ra cơ sở lý thuyết để so sánh cách phân chia phúc lợi và giúp đo lường mức nghèo khổ chính xác hơn trước đây, thông qua những công trình nghiên cứu về nạn đói.

### • Nobel về Văn Chương

Giải này được trao tặng cho nhà văn người Bồ Đào Nha, ông Jose Saramago.

## ● MỸ

Sau vụ tình ái lằng nhằng với cô Lewinsky, dân chúng Mỹ vẫn còn ủng hộ ông Clinton, vị Tổng Thống tài giỏi nhưng có số đào hoa của họ. Trong kỳ bầu cử Thượng Viện vừa qua, đảng Dân Chủ của ông Clinton

vẫn đứng vững mặc dầu ông đang bị đảng Cộng Hòa làm thủ tục để cách chức ông.

Lần đầu tiên kể từ năm 1934, đảng của một vị Tổng Thống đương nhiệm đã thắng trong cuộc bầu cử. Tại Hạ Nghị Viện đảng Dân Chủ đã thắng thêm 5 ghế. Còn ở Thượng Viện số ghế không thay đổi. Đây là một thắng lợi của đảng Dân Chủ và chắc chắn ông Clinton sẽ tiếp tục đảm nhiệm chức vụ Tổng Thống của Hiệp Chúng Quốc cho hết nhiệm kỳ hai. Đây cũng là một gáo nước lạnh tạt vào mặt những tên tai to mặt lớn trong đảng Cộng Hòa, những người tiểu nhân lợi dụng chuyện tình của Clinton - Lewinsky làm đề tài tranh cử, hạ nhục đối thủ bằng những đòn hạ cấp. Các ông có biết tục ngữ Việt Nam có câu: "Ngậm máu phun người, đổ miệng mình" không?

### • Liệt kê vài người thắng và kẻ bại

Riêng gia đình cựu Tổng Thống George Bush (74 tuổi - đảng Cộng Hòa) thì đại thắng.

- Ông George Bush con (52 tuổi), sẽ là một trong những ứng cử viên Tổng Thống đảng Cộng Hòa trong nhiệm kỳ tới, thắng cử chức Thống Đốc Tiểu Bang Texas.

- Ông Jeb Bush (45 tuổi - Cộng Hòa) thắng cử chức Thống Đốc Tiểu Bang Florida.

- Ông Charles Schumer (Dân Chủ) đã đánh bại ông Alfonse d'Amato ở New York giành chiếc ghế Thượng Viện.

- Riêng ở Tiểu Bang California, một Tiểu Bang có dân cư trú phú nhất, đã 16 năm qua do đảng Cộng Hòa thống lãnh, nay phải trao ghế lại cho đảng Dân Chủ.

- Còn Tiểu Bang Minnesota, một cựu đồ vật không đảng phái, ông Jesse Ventura (46 tuổi) đã giành chiếc ghế Thống Đốc Tiểu Bang. Ông đã đánh bại hai đối thủ, một của Dân Chủ và một của Cộng Hòa.

**Ghi chú:** Chức vụ Thống Đốc Tiểu Bang ở Mỹ cũng như chức Thủ Tướng Tiểu Bang của CHLB Đức.

## ● ĐỨC QUỐC

Sau hai tuần thương thảo, hai đảng SPD và B'90/Grüne đã đi đến một thỏa hiệp là mỗi đảng được đưa ra một số chánh sách của đảng mình vào chánh sách chung của

Chánh Phủ Liên Hiệp cầm quyền. Do đó hai đảng đã ký kết vào hợp đồng liên kết vào ngày 20.10.98.

### Một số điểm sau đây hai đảng đã thống nhất

#### • Thuế má

Việc cải tổ chính sách thuế má sẽ được tiến hành trong 3 giai đoạn cho đến hết nhiệm kỳ. Qua sự cải tổ này ngân sách sẽ hụt đi khoảng 10 tỷ Đức Mã. Theo sự dự tính của Liên Minh Đỏ-Xanh thì cần một ngân khoản 16 - 18 tỷ DM để bù đắp vào chỗ thiếu hụt do từ việc giảm 1% thuế lương bổng phụ thu. Vậy để có được 16 - 18 tỷ DM, không còn cách nào khác hơn là tăng thuế nhiên liệu.

#### • Thuế nhiên liệu:

Kể từ 1.1.99, một lít xăng tăng 6 xu (Pfennig), dầu đốt tăng 4 xu, chất đốt (Gas) 0,32 xu, điện 2 xu/Kw. (**Ghi chú:** Chỉ cần tăng 1 xu/lít xăng, mỗi năm nhà nước thu vào được 700 triệu DM).

#### • Tiền con:

Sẽ tăng thêm 30 DM tức là 250 DM cho đứa con thứ nhất và thứ hai.

#### • Chính sách nhập tịch:

Trong tương lai việc nhập tịch Đức sẽ được thay đổi và dễ dàng hơn đối với ngoại kiều sống tại Đức.

- Những trẻ em thuộc thế hệ thứ ba sinh tại Đức sẽ đương nhiên mang quốc tịch Đức.
- Con cái của các ngoại kiều sinh tại Đức (thế hệ thứ 2), mà người cha hay người mẹ đã sinh ra tại Đức (thế hệ thứ 1), sẽ đương nhiên mang quốc tịch Đức.
- Trường hợp người cha hay người mẹ đến Đức trước 14 tuổi, sau này sinh con cái, thì chúng cũng được đương nhiên mang quốc tịch Đức.
- Đối với ngoại kiều lớn tuổi, nếu đã sinh sống tại Đức ít nhất 8 năm (chỗ không phải 15 năm như hiện nay), không có tiền án, có giấy phép cư trú chính thức, họ cũng được phép nhập tịch Đức để dễ dàng và được quyền mang song tịch. (Hiện giờ người Việt Nam tỵ nạn tại Đức muốn xin nhập tịch Đức, trước hết phải xin từ bỏ quốc

tịch Việt Nam. Đây là cái rào cản để Sở quán Việt Cộng làm khó để đủ điều cho những người đấu tranh cho Nhân Quyền và Tự Do - Dân Chủ).

Theo lời bà Herta Daeubler - Gmelin, Bộ Trưởng Tư Pháp thì chính sách nhập tịch này là một quyết định đổi mới trong luật nhập tịch của Đức và phù hợp với tiêu chuẩn chung của Âu Châu.

#### • Bầu Thủ Tướng Liên Bang

Ngày 27.10.98, sau một tháng kể từ ngày bầu cử, theo luật định tân Quốc Hội Liên Bang nhóm Đại Hội lần đầu tiên để bầu vị Thủ Tướng Liên Bang. Kết quả ông Gerhard Schröder được 351/669 phiếu. Như vậy ông được thêm 6 phiếu của đảng đối lập xé rào bầu cho ông. Vì theo sự phân chia số ghế trong Quốc Hội sau cuộc bầu cử thì SPD 298 ghế - B'90+Grüne 47 ghế. Tổng cộng chỉ có 345 ghế hay phiếu mà thôi. Ông Gerhard Schröder là vị Thủ Tướng Liên Bang thứ ba của SPD sau ông Willy Brandt và Helmut Schmidt được bầu tại Quốc Hội Liên Bang.

#### Sau đây là thành phần Nội Các của ông Gerhard Schröder

- Thủ Tướng Liên Bang : Ông Gerhard Schröder (SPD)
- Bộ Ngoại Giao : Ông Joschka Fischer (90+Grüne)
- Bộ Tài Chánh : Ông Oskar Lafontaine (SPD)
- Bộ Quốc Phòng : Ông Rudolf Scharping (SPD)
- Bộ Nội Vụ : Ông Otto Schily (SPD)
- Bộ Kinh Tế : Ông Werner Müller (Không đảng phái)
- Bộ Tư Pháp : Bà Herta Daeubler-Gmelin (SPD)
- Bộ Lao Động : Ông Walter Riester (SPD)
- Bộ Giao Thông/Xây Dựng : Ông Franz Müntefering (SPD)
- Bộ Y Tế : Bà Andrea Fischer (90/Grüne)
- Bộ Môi Sinh : Ông Jürgen Trittin (90/Grüne)
- Bộ Nông Nghiệp : Ông Karl-Heinz Funke (SPD)
- Bộ Đào Tạo : Ông Edelgard Bulmahn (SPD)
- Bộ Gia Đình : Bà Christine Bergmann (SPD)
- Bộ Viện Trợ/Phát Triển : Bà Heidemarie Wieczoreck Zeul (SPD)

Đảng B'90/Grüne nắm 3 Bộ là Ngoại Giao - Y-Tế và Môi Sinh. Ngoài ra còn có thêm 5 chức vụ Thủ Tướng và Vụ Đặc Trách người Ngoại quốc.

Riêng ông Stollmann (không đảng phái) trước ngày bầu cử được ông Schröder chỉ định làm Bộ Trưởng Kinh Tế để vận động trong cuộc bầu cử. Nhưng khi thắng cử xong, ông Lafontaine, Chủ tịch đảng SPD, làm Bộ Trưởng Tài Chánh muốn cắt giảm quyền hạn của Bộ Kinh Tế về mặt đại diện cũng như chính sách đối ngoại tại Âu Châu để giao cho Bộ Tài Chánh do ông nắm giữ. Do đó ông Stollmann tuyên bố không nhận chức vụ này. Mọi khởi đầu đã có lúng túng nội bộ. Nhiệm vụ quan trọng và trước mắt của tân Nội Các của ông Schröder (11 ông - 4 bà) là giải quyết nạn thất nghiệp.

Một lần nữa, thay mặt Ban Biên Tập báo Viên Giác, chúc Tân Nội Các với Liên Minh Đỏ-Xanh luôn luôn đồng tâm nhất trí để hoàn thành nhiệm vụ do cử tri giao phó một cách tốt đẹp.



Từ trái sang phải:

- Thủ Tướng Liên Bang, ông Gerhard Schröder
  - Bộ Trưởng Ngoại Giao, ông Joschka Fischer
  - Bộ Trưởng Tài Chánh, ông Oskar Lafontaine.
- Bộ ba đang nâng ly rượu cười hỷ hả sau khi ký xong hợp đồng liên kết

## ● VIỆT NAM

### • Chống Tham Nhũng

Tham nhũng làm hủ hóa cán bộ, làm mất lòng tin của nhân dân, là đầu mối gây ra tệ nạn xã hội. Do đó ngày 17.8.98, nhà cầm quyền CSVN đã ban hành Nghị Định số 64/1998/NĐ/CP qui định chi tiết và hướng dẫn cách thi hành lệnh chống tham nhũng. Nghị Định có 5 Chương, 38 Điều có hiệu lực từ đầu tháng 9/98.

Theo Nghị Định này, tất cả những người lãnh đạo có đảng tịch hay không đảng tịch, từ cấp Xã, Huyện, Quận, Tỉnh, Thành Phố, Giám Đốc, Bộ... đều phải kê khai tài sản, gồm có động sản và bất động sản. Người nào bị phát hiện có chứng cứ tham nhũng từ 50 triệu trở lên, các tài sản sẽ bị tịch thu. Nhưng Nghị Định không có ấn định loại trừng phạt mà chỉ áp dụng kỷ luật (có lẽ là

kỷ luật nội bộ, tức là đóng cửa dạy nhau chằng?), chủ không có thuyết chuyển, cho nghị việc hay về hữu?

Nghị Định cũng qui định người lãnh đạo không được dùng công quỹ trong việc tặng quà cáp, không được đặt ra các thủ tục riêng ngoài các thủ tục đã được qui định, không được tự vay hay lấy tiền công quỹ cho vay để lấy lời bỏ túi, không được gửi tiền, tư trang vào các ngân hàng ngoại quốc ngoài lãnh thổ Việt Nam v.v... Thân nhân các cán bộ cao cấp không được giữ những nhiệm vụ quan trọng trong các xí nghiệp v.v... và v.v...

Đọc tới đây quý độc giả khoan vội mừng mà cho rằng Nhà nước đã có chính sách chống tham nhũng. Vì theo tinh thần Nghị Định trên thì Nhà nước chỉ chống tham nhũng từ vai trò xuống mà thôi; còn từ cổ trở lên đầu, có nghĩa là từ cấp lãnh đạo chóp bu như Trung Ương Đảng, Bộ Chính Trị, Thủ Tướng, Chủ tịch Nhà Nước, Chủ tịch Đảng, Chủ tịch Quốc Hội v.v..., thì không dám đụng tới.

Khổ nỗi tham nhũng lại xuất phát phần lớn từ những người chóp bu này, họ là những cái ô che chở các ổ tham nhũng. Điển hình trong tháng qua, 11 đảng viên có trên dưới 50 tuổi đảng đã từng đứng tên tố cáo đích danh tên Phạm Thế Duyệt, Ủy viên Thường vụ Thường trực Bộ Chính Trị tham nhũng, lấy của công làm của tư, bao che thuộc hạ làm nhiều chuyện phi pháp v.v... Cho đến nay y vẫn sống phây phây, sống ngoài vòng pháp luật v.v...

Tiếp theo Nghị Định chống tham nhũng nêu trên, ngày 18.8.98 trong báo Nhân Dân, cựu Thủ Tướng Phạm Văn Đồng lại kêu gọi đấu tranh chống tham nhũng như sau:

*"Đã đến lúc đảng phải quan tâm hơn nữa đến việc trong sạch hóa môi trường văn hóa và tăng cường đấu tranh chống tham nhũng không những bằng lời nói (tức bằng Nghị Định) mà còn bằng hành động cụ thể và hữu hiệu. Và cuộc đấu tranh này phải khởi đầu trong các bộ phận của đảng, bộ phận Nhà nước rồi mới tới các tổ chức quần chúng".*

Qua lời kêu gọi của cựu Thủ Tướng Phạm Văn Đồng và qua Nghị Định của Nhà nước, những đảng viên tiến bộ, truyền thông, báo chí và dân chúng còn chờ đợi gì nữa mà không tố cáo đích danh những tên đảng viên đi làm Cách mạng chỉ vì Tiền!

Nhưng thưa quý độc giả, nói nhỏ mà nghe, nếu đem tất cả những người tham nhũng trong đảng ra cho đi cải tạo, tức là đi tù, thì cái đảng **"chuyên chính tư bản"** này sẽ sập tiệm luôn. Khi đó còn ai đầu nữa mà thi hành chính sách **"kinh tế thị trường,"**

*theo định hướng xã hội chủ nghĩa"*. Chùng đó chúng ta **"Bất chiến tự nhiên thành"**. Đến bây giờ, người viết chỉ hoan hô Nghị Định này có một tay thôi. Khi nào có một Nghị Định khác chống tham nhũng từ cổ lên tới đầu, người viết sẽ hoan hô thêm một tay nữa, tức là cả hai tay. Nhưng ban hành Nghị Định thì phải triệt để thực hiện bằng hành động cụ thể và hữu hiệu như lời cựu Thủ Tướng Phạm Văn Đồng nói, chớ còn ban hành Nghị Định cho có hình thức để mị dân, lừa dối thiên hạ thì người viết chẳng hoan hô tay nào cả! Hãy chờ xem.

#### • Dân Đồng Bằng Sông Cửu Long ăn cơm gạo Thái

Vừa đọc xong cái tựa trên, quý độc giả ngạc nhiên tự hỏi tại sao Đồng Bằng Sông Cửu Long (ĐBSCL) là cái vựa lúa của Miền Nam mà dân phải ăn cơm gạo Thái. Tại vì... xin quý vị đọc bài sau đây của Người An Giang đăng trong Thời Báo Kinh Tế Sài Gòn phát hành ngày 22.10.98 trả lời hai chữ **tại vì** nêu trên:

"Nhiều năm nay, hàng hóa Thái Lan nhập lậu vào nước ta rất lớn về số lượng, phong phú về mặt hàng. Từ miếng cước rửa chén, con dao, xà-bông, mỹ phẩm, thuốc lá đến nồi cơm điện, tivi, tủ lạnh, xe gắn máy..., đang chiếm ưu thế thị trường tiêu thụ ở ĐBSCL, bởi giá rẻ do nhập lậu, trốn thuế. Khoảng từ tháng 9/98 đến nay, tại các chợ An Giang xuất hiện một mặt hàng mới và cũng thật bất ngờ là gạo Thái Lan nhập lậu chủ không phải giống gạo Thái Lan do nông dân miền Nam sản xuất. Đây là loại gạo thơm, có mùi thơm của lá dứa. Hột gạo trong suốt (gần như không bạc bụng), hột đều, không có tằm. Cơm gạo Thái dẻo và đặc biệt là để nguội cơm vẫn còn dẻo, còn ngon. Còn về giá cả, mua lẻ tại chợ gạo Thái 5.500đ/kg, trong khi gạo Sóc Việt Nam (do bà con Khmer trồng) là loại gạo ngon giá tới 5.600đ/kg. Do ngon cơm và giá rẻ, gạo Thái đã nhanh chóng có mặt vào bữa ăn của từng gia đình ở thị trấn, thị xã cũng như làng quê.

Trong tình hình Việt Nam đang dư lúa gạo cần xuất khẩu, việc nhập lậu gạo Thái cần sớm được các lực lượng chống buôn lậu ngăn chặn kịp thời. Đồng thời, đây cũng là tiếng chuông nhắc nhở ngành nông nghiệp cần chú ý tạo ra các giống lúa thơm, có chất lượng cao và được trồng trên diện tích lớn ở ĐBSCL để vừa tăng giá trị gạo xuất khẩu vừa đáp ứng nhu cầu tiêu dùng gạo ngon trong nước".

#### ● TÌNH HÌNH KINH TẾ ĐÔNG Á

Trở về sau 3 ngày dự hội nghị Cấp cao Kinh tế Đông Á, ngày 15.10, Phó Thủ Tướng kiêm Bộ Trưởng Ngoại Giao Nguyễn Mạnh Cầm, cho biết hội nghị đánh giá từ nay đến năm 1999 tình hình kinh tế sẽ tồi tệ, khó khăn hơn và hội nghị cũng đưa ra một số giải pháp để khắc phục. Cụ thể như: cơ cấu lại nền kinh tế, các chính sách điều hành kinh tế vĩ mô phải minh bạch, huy động đầu tư... Các chuyên gia kinh tế dự báo tốc độ tăng trưởng kinh tế năm nay của Indonesia là 15% (?) - Thái Lan - Malaysia - Nam Hàn từ 5 - 15% - Nhật 1,8%.

Cũng tại hội nghị, ông Nguyễn Mạnh Cầm đã trình bày những biện pháp ngăn chặn khủng hoảng của Việt Nam, trong đó có phát huy tối đa nội lực và tăng cường hợp tác quốc tế. Ông nói: "Ưu tiên hàng đầu của Việt Nam là đầu tư cho nông, lâm nghiệp và chế biến nông sản để tạo ra dư thừa lương thực và xuất khẩu".

**Lời người viết:** Cuộc khủng hoảng ở Việt Nam sẽ không bao giờ chấm dứt, nếu ngày nào đất nước Việt Nam còn bị đảng Cộng Sản độc tài đảng trị thống trị. Không có con đường nào khác để phát triển đất nước, vượt qua cuộc khủng hoảng như hiện nay bằng con đường Dân Chủ hóa Việt Nam.

#### • Đường song hành xa lộ Hà nội

Cuối tháng 11 này, đoạn đầu tiên của công trình đường song hành xa lộ Hà Nội sẽ được khởi công. Kỹ sư Đặng Vĩnh Trung, Trưởng phòng Điều hành dự án công ty dịch vụ phát triển đô thị, đơn vị chủ đầu tư, cho biết như trên hôm 14.10. Ông Trung cho biết việc chọn đoạn nào để thi công trước sẽ còn phụ thuộc vào tiến độ giải tỏa mặt bằng của các quận có tuyến đường đi qua là Quận 2, Quận 9 và Thủ Đức. Theo một viên chức sở xây dựng thành phố Hồ Chí Minh, công trình sẽ được chỉ định thầu có điều kiện. Theo kế hoạch, đơn vị thi công (nhà thầu) sẽ tạm ứng vốn ra làm trước, một năm sau khi bàn giao công trình, khoản tạm ứng này mới được thành phố hoàn trả với mức lãi dự trữ là 10%.

#### • Đường hầm đèo Hải Vân

Theo nguồn tin từ Bộ Giao Thông Vận Tải, Nhà nước vừa phê duyệt kế hoạch đầu thầu dự án xây dựng đường hầm đèo Hải Vân. Hiện nay, một liên danh gồm các Công ty Nippon Kyohei của Nhật, Louis Barker của Mỹ đang phối hợp với Công Ty

Tư Vấn Thiết Kế Việt Nam để thiết kế và lập hồ sơ đấu thầu cho dự án. Theo kế hoạch, phần thiết kế sẽ hoàn tất để trình duyệt vào tháng 11.1998 và đầu năm 1999 sẽ mở thầu, cung cấp thiết bị và khởi công xây đường hầm. Đường hầm đào Hải Vân nằm trên Quốc lộ 1 ở miền Trung, dài khoảng 5,9 km. Kinh phí dự trù là 251 triệu Mỹ kim với nguồn vốn vay của Chánh phủ Nhật và một phần vốn ngân sách.

• **Lối sống mới xã hội chủ nghĩa**

Theo Nghị Quyết 5, khóa 8 của đảng CS đã khẳng định: "Lối sống là một trong 3 lãnh vực then chốt của văn hóa". Thật vậy, không có lãnh vực nào có liên quan trực tiếp hàng ngày đối với con người như là lối sống. Nói cách khác, lối sống rất gần gũi với con người, với gia đình và xã hội. Lối sống là biểu hiện tập trung của các quan hệ kinh tế, xã hội, chánh trị và tinh thần của một xã hội.

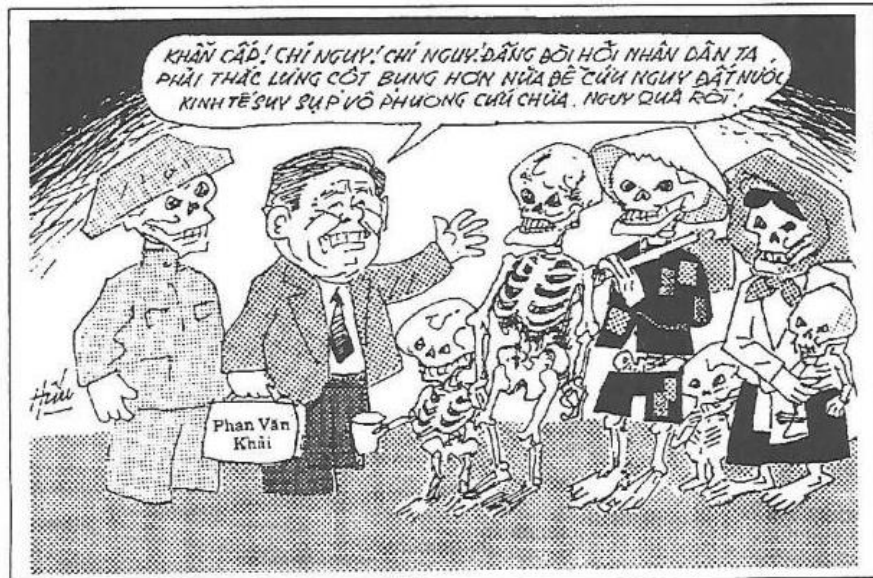
Theo lời ông Trần Hàn Giang thì lối sống mang tính giai cấp. Xã hội phong kiến có lối sống phong kiến. Xã hội tư bản có lối sống tư bản. Xã hội chủ nghĩa có lối sống xã hội chủ nghĩa. Sự nhận định này của ông Giang đúng 100%. Vì nói đến lối sống hay cách sống là nói đến con người sống như thế nào, sống để làm gì, hoạt động ra sao, cuộc sống của họ như thế nào? v.v... Thực chất lối sống không những chỉ bao quát những điều kiện sống mà là toàn bộ những hình thức hoạt động sống của con người cả hai mặt vật chất và tinh thần. Nói đến lối sống là nói đến quan niệm sống của con người, nói đến nhân sinh quan. Vậy xã hội chủ nghĩa hiện nay có lối sống XHCN như thế nào? Ai ai cũng thấy tệ nạn xã hội càng ngày càng phát triển trong nhiều lãnh vực khác nhau như lạm dụng quyền thế, tham nhũng, hối lộ, quan liêu, hách dịch, buôn lậu, xi ke ma túy, mại dâm, trộm cướp v.v... và v.v... Mỗi ngày chỉ cần cầm tờ báo "Công An Thành Hồ" lên đọc là thấy chóng mặt, tá hỏa tam tinh về lối sống XHCN rồi!

Tóm lại, chế độ XHCN hay nói một cách khác là lối sống XHCN không phải là lối sống của dân tộc Việt Nam trải qua mấy ngàn năm dựng nước và giữ nước. Lối sống XHCN được du nhập vào Việt Nam bằng con đường bạo lực, rồi áp đặt lối sống này lên đầu lên cổ người dân nên mới phát sinh ra những hiện tượng nêu trên.

Hãy dẹp bỏ cái lối sống XHCN ngoại lai này đi; trả lại cho người dân Việt lối sống đặc thù của dân tộc Việt đã có từ ngàn xưa. Đó là sự mong mỏi của mọi người ●

# Tranh hí họa

● Hiếu Đệ



# Lá thư tháng 11 từ MOSCOW

**B**ây giờ nước Nga đang ở vào những ngày cuối cùng của mùa thu, nhưng phong cảnh đã thấy lạnh lẽo và buồn bã như một mùa đông đích thực rồi. Nhưng cứ nói đến mùa thu ở nước Nga dù vào những ngày mưa tầm tã hay vào lúc cuối mùa tuyết đã phủ trắng trời, người Nga vẫn nói tới một mùa thu vàng rực rỡ. Mùa thu được gọi là mùa thu vàng không phải vì màu vàng ủa mơn của lá lìa cành, nó vàng vì rực rỡ trong cái nắng trong trẻo của mùa thu như một tấm thảm vàng tinh khiết nhất, hoàn mỹ nhất.

Theo lịch của Nga, mùa thu rơi vào tháng 9, 10 và 11, những mùa thu vàng thực sự chỉ kéo dài khoảng hai tuần cuối tháng 9, khi lá vừa độ vàng, muộn hơn nữa lá sẽ rụng hết, người ta bắt đầu cảm thấy cái ớn lạnh và trở trọi của mùa đông. Olga Bergon đã tả mùa thu Moscow thật gợi cảm:

*Những đàn sếu bay qua, sướng mù và khói tỏa*

*Trên Mạc Tú Khoa lại đã thu rồi*

*Những khu vườn như lửa cháy sáng ngời*

*Vòm lá thẫm, ánh vàng lên rực rỡ*

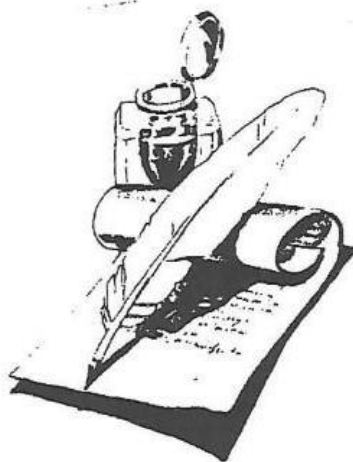
Thật là dễ thương được lặng lẽ dạo gót trong những cánh rừng vào những ngày mùa hè rồi. Những kỷ niệm êm đềm của thời tuổi trẻ, những giận hờn xa xưa, vào những giây phút ấy bỗng nhiên ùa về mạnh mẽ, nhưng êm dịu. Hàng triệu chiếc lá như dồn tất cả sức sống vào những giây phút cuối cùng, cháy sáng để rồi lặng lẽ rơi vào hư không, bình thản, đẹp đẽ. Người Nga thường lấy lá vàng kết thành những chiếc mũ đội lên đầu, chẳng hiểu sao ai đội những chiếc mũ lá ấy cũng dễ thương hơn, hiền lành hơn, trên nền của những chiếc lá vàng, đỏ to nhỏ khác nhau, khuôn mặt họ thật rạng rỡ. Dạo gót trong rừng thu, những con người xa lạ nhìn nhau đầy thiện cảm, cứ như mùa thu là một người bạn chung của tất cả, và ai cũng thường tiếc sắp phải chia tay người bạn chung đầy yêu mến đó. Những ngày nắng ấm mùa thu đẹp bao nhiêu thì những trận mưa thu xối xả, lạnh buốt lại buồn bấy nhiêu.

Năm nay ở Moscow mùa nhiều hơn thường lệ, người ta tính ra lượng nước năm nay rơi xuống nhiều gần gấp đôi bình thường. Nhưng đối với nhà nông thì những trận mưa như vậy lại là điều tốt lành, hứa hẹn một vụ thu hoạch tốt vào năm sau. Như đã thành thông lệ, từ nhiều thập niên người ta quen coi ngày 7 tháng 11 như một cái mốc báo hiệu tuyết bắt đầu phủ trắng đất đai, nhưng

không hiểu sao hai năm nay mọi chuyện xảy ra trái với lệ thường ấy. Đầu tháng 11 bắt đầu bằng một đợt ấm lên, nhiệt độ lên tới 10 độ dương, làm người ta tưởng như thời gian quay lại đầu tháng 10. Những người tin vào Thượng Đế nói rằng, nỗi oan ức của nhiều triệu người bị chết oan trong những năm cộng sản đã buông tha nước Nga, không còn trở về ám ảnh ngày lễ kinh hoàng ấy nữa.

Trong lá thư tháng 10, tôi đã giới thiệu cùng quý vị những số liệu thống kê về số nạn nhân cũng như tình trạng phát triển kinh tế của "thiên đường chủ nghĩa xã hội", nhưng có lẽ những con số trầm mặc ấy cũng chưa đủ diễn tả được tất cả những gì đã diễn ra ngày ấy. Trong lá thư này tôi sẽ viết về những chuyện đời thường, số phận những người vô danh trong những năm tháng ấy, nhưng có lẽ quý vị cũng đồng ý với tôi rằng, nỗi đau của họ không hề vô danh, nó có tên gọi hẳn hoi là: Cộng Sản.

Năm 1925 tại Praha, Ủy ban giáo dục cấp tiểu học và trung học dành cho trẻ em Nga ở nước ngoài đã cho ra đời một cuốn sách mang tên: "Những Đứa Trẻ Lưu Vong", đó là hồi ức của 2400 trẻ em Nga về những ngày sau "Cách Mạng tháng 10 vĩ đại", cho đến ngày chúng phải trốn ra nước ngoài. Tất cả các em ở lứa tuổi từ 6 đến 16 tuổi vào thời gian các em chứng kiến những gì xảy ra ở nước Nga ngày ấy. Tất cả bài viết của các em hết sức chân thật, chúng kể về những gì chúng nhìn thấy bằng đôi mắt trẻ thơ, về cách mạng, về bạo lực người ta áp



dụng cả với con cái "bạch vệ", cả người của họ tức "quân đỏ", số phận của mỗi em một khác, nhưng đều giống nhau ở một điểm: sự cay đắng của số phận. Không thể tìm thấy trong những bài viết ấy sự vô tư, tiếng cười trong trẻo, những trò chơi, những gì cần phải có trong tuổi thơ, thay vào đó là máu, cái chết, đạn, tiếng thét, tra tấn...

Một cậu bé viết rằng: "Buổi tối, người ta mang súng đặt trước cổng trường và bắt đầu bắn vào trường học, chúng tôi (học sinh) lúc đó đang tập trung trong lớp học cố gắng giữ bình tĩnh nhưng nhiều đứa không giữ được bình tĩnh đã chui vào các góc và ngồi khóc, sau đó ít lâu người ta dẫn chúng tôi vào pháo đài, xếp thành hàng để chào những người bôn-sê-ích (những người cộng sản theo Lenin - ND), một thủy thủ tiến lại

phía tôi và hỏi tôi bao nhiêu tuổi, khi nghe tôi nói: 9 tuổi, anh ta văng ra một câu chửi thề và cho tôi một cú đấm vào mặt, tôi lấy lại thăng bằng và chạy ra cửa, trước khi chạy thoát tôi còn bị thêm một cái đập vào lưng ở gần cửa".

Rất nhiều em đã phải chứng kiến những cái chết đau lòng của bố mẹ, người thân, đêm đêm thay vì được gặp các nàng tiên hay những giấc mơ êm ả, các em "nằm dán vào giường lắng nghe những tiếng ô-tô đi ngoài phố, tiếng động cơ ô-tô dừng lại trước của báo hiệu những sự chia lìa: tiếng ô-tô như vậy đã báo trước cái chết của bác, và nhiều người thân yêu khác..."

Nhưng những dòng mô tả về sự trả thù của những người bôn-sê-ích còn khủng khiếp hơn nữa "Ở thành phố của tôi người ta hành quyết người công khai ba lần trong một tuần: thứ 5, thứ 7 và chủ nhật. Buổi sáng khi chúng tôi đi ra chợ để bán đồ, chúng tôi còn nhìn thấy những vũng máu lớn trên bãi xử bắn, những con chó còn gặm gử kiếm chác ở đó. Những người sĩ quan (của chế độ cũ), đã đứng lên nổi loạn, nhưng họ đã bị thất bại, người ta đã mang tất cả bọn họ ra giết trong sân trường: rút móng tay, xẻo tai, rạch thịt...", "trong ngôi nhà của vị bác sĩ, một ủy ban đặc biệt tôi khám xét, bắn giết tất cả, để không ai biết về vụ bắn giết, người ta mở nhạc to hết cỡ..." Khó ai có thể đọc được vài trang sách toàn những điều kinh khủng như vậy, vậy mà 2400 em nhỏ đã viết nên tuyển tập những hồi ức về chiến tranh của mình với 6500 trang miêu tả về những cánh chém giết không thương tiếc ấy. Các em đã thốt lên rằng: "Thật là nhục cười, nhưng tôi cảm thấy chán sống rồi". Một em khác viết rằng: "Tôi tự an ủi mình bằng một ý nghĩ rằng, một khi nào đó tôi sẽ trả thù cho nước Nga, cho bố mẹ và những người thân yêu khác. Họ (là những người bôn-sê-ích-ND), thật là ngốc nghếch khi nghĩ rằng có thể giết được những điều đã ăn sâu vào máu, vào tim của con người". Tiếc rằng cho đến bây giờ người ta chưa mang ra xét xử tội danh: học thuyết chém giết, đường lối bạo lực, đảng đồ tể, nếu không những bài viết trên đây của các em chắc chắn sẽ được mang ra làm bằng chứng kết tội một chế độ vẫn được gọi là "nhân đạo bậc nhất" ấy.

Bây giờ ở nước Nga người ta nhìn ngày 7 tháng 11 đứng đưng hơn, như một ngày nghỉ bình thường. Một năm trước, tháng 11 năm 96 Tổng Thống Yeltsin đã ký sắc lệnh đổi tên ngày 7 tháng 11 thành ngày Hòa Hợp và Lâm Lành, nhưng xem ra ý định ấy của ông không thành công, vì chính những người cần cầu xin dân chúng tha lỗi thì vẫn tiếp tục hô hào xây dựng lại một chế độ "an thịt người ấy", còn chính những người được quyền nói lời tha thứ thì từ lâu họ đã bình tĩnh hơn, quen đi hận thù và chỉ cầu mong để "những ngày khủng khiếp ấy không bao giờ trở lại". Chỉ có một điều mà Tổng Thống Yeltsin nói đúng, hãy để ngày 7 tháng 11 biến thành ngày tưởng niệm những nạn nhân của "cuộc cách mạng vĩ đại ấy", những nạn nhân của cuộc nội chiến đẫm máu, cả phía "Trắng", cả phía "Đỏ", cả những người dân vô tội đã ngã xuống oan

úc trong suốt những năm chủ nghĩa cộng sản tồn tại ở nước Nga này và cầu mong điều đó đừng bao giờ lặp lại.

Trong suốt nhiều năm dưới thời Xã hội chủ nghĩa Việt Nam vẫn coi Liên Xô là hòn đá tảng trong quan hệ đối ngoại, những khi vừa bước vào quan hệ kinh tế thị trường mọi thứ đều được quy ra Mỹ kim thì cả Nga và Việt Nam đều lờ nhau đi, Nga chỉ còn chiếm một vị trí khiêm tốn thứ 20 trong danh sách các nước đầu tư, còn Việt Nam lại còn chiếm một vị trí khiêm tốn hơn nữa trong các nước bạn hàng của Nga.

Nhưng gần đây cả hai nước đã hiểu được rằng cả hai đều thiệt thòi nếu mất nhau, chính vì thế, thời gian cuối đã có nhiều quan chức của Nga được phái sang Việt Nam để hâm nóng mối quan hệ kinh tế giữa hai nước. Sắp tới Thủ Tướng Primakow sẽ sang Việt Nam để tiếp tục bàn về các vấn đề hợp tác này. Chuyến viếng thăm này đã được nói tới từ nửa năm trước, bị hoãn lại rất nhiều lần, lần cuối cùng được chuyển từ ngày 18 sang ngày 24 tháng 11. Hai nước dự định sẽ ký nhiều hiệp ước quan trọng, trong đó có hiệp ước về hợp tác khoa học, kỹ thuật và kinh tế, thương mại, đặc biệt là sự hợp tác tiếp theo trong ngành khai thác dầu khí và năng lượng.

Trong những năm cuối trao đổi ngoại thương của hai nước giảm đi đáng kể, nếu năm 95 tổng kim ngạch ngoại thương là 450 triệu Mỹ kim, thì đến năm 96 chỉ còn 270 triệu đô.

Xuất nhập khẩu giữa Việt Nam và Nga gặp trở ngại đáng kể vì chi phí vận chuyển đắt hơn so với các nước khác, sự hợp tác cũng không có hiệu quả bằng.

Cho đến nay tín dụng của ngân hàng quốc tế đối với Việt Nam đóng một vai trò đáng kể, từ 1993 đến nay Việt Nam đã nhận được 8,5 tỷ đô của ngân hàng quốc tế, quỹ tiền tệ quốc tế cũng như các nước, trong đó nhiều nhất là Nhật Bản. Các chuyên gia của ngân hàng quốc tế cho rằng việc giải quyết món nợ của Việt Nam cho Nga trong thời gian tới sẽ được đánh giá như một điều kiện quan trọng để cho Việt Nam vay thêm tiền. Cho đến nay Việt Nam còn nợ Nga 10,3 tỷ Rúp chuyển đổi (một Mỹ kim chỉ bằng 0,6 Rúp chuyển đổi). Một phần lớn số nợ phát sinh do việc xây dựng các công trình thế kỷ như thủy điện Hòa Bình, vũ khí cho quân đội. Từ năm 92 Việt Nam đã bắt đầu thanh toán số nợ này bằng hàng hóa, nhưng số tiền trả nợ không nhiều, mỗi năm chừng 50 triệu Rúp chuyển đổi, số tiền này chưa đủ để thanh toán tiền phần trăm từ số nợ gốc. Điều đáng nói là mấu chốt trong việc thanh toán nợ không phải Việt Nam không thể trả số nợ này mà hai bên cho đến nay vẫn chưa thể thỏa thuận được cách tính nợ: Việt Nam không muốn số tiền viện trợ vũ khí cho mình trong suốt 30 năm qua là một món nợ, còn Nga thì không muốn cho không, một trở ngại nữa là tỷ giá quy đổi số nợ này, Việt Nam đòi được quy ra đô-la theo tỷ giá hiện tại, nhưng Nga kiên quyết bắt sử dụng tỷ giá của Liên Xô ngày xưa. Cho đến nay sau hơn hai tháng Nga được nhận vào Câu Lạc Bộ Paris, cuối cùng họ đã thắng trong việc đòi thế giới công nhận

tỷ giá này đối với số nợ của họ. Như vậy Việt Nam cũng buộc phải sử dụng tỷ giá này.

Hồi tháng 9 khi Phó Thủ Tướng Xerov đến Việt Nam, hai bên đã bàn đến một kế hoạch đầu tư mới: xây dựng nhà máy lắp ráp xe taxi KAMAZ tại Việt Nam.

Hiện nay Nga chỉ chiếm một vị trí khiêm nhường trong danh sách các nước đầu tư vào Việt Nam: thứ 20 với tổng số tiền đầu tư là 113 triệu đô trong 30 dự án, đó là chưa tính số tiền 1,5 tỷ đô đầu tư vào công ty khai thác dầu lớn nhất Việt Nam hiện nay là "VietXopetro". Cũng cần nói thêm rằng VietXopetro được thành lập vào đầu những năm 80, hồi đó với cương vị Bộ Trưởng Bộ Dầu Khí chính Chemomyrdin là một trong những cha đẻ của công ty khai thác dầu khổng lồ này. Trong mười tháng đầu năm nay VietXopetro là công ty đã khai thác 90% trong tổng số 7156 triệu tấn dầu thô khai thác được ở thềm lục địa Việt Nam. Theo dự kiến trong tương lai sẽ ra đời công ty liên doanh nữa trong lĩnh vực khai thác dầu giữa Việt Nam và Nga.

Mặc dầu vấn đề người Việt sống bất hợp pháp ở Nga đang là vấn đề nan giải cho cả hai nước, nhưng không thấy ai nhắc đến vấn đề này trong những cuộc gặp gỡ cấp cao. Việt Nam không có ý định giảm bớt nỗi thống khổ của hơn 100 ngàn người Việt phải sống chui lủi trong nỗi sợ hãi ở Nga. Còn Nga không muốn động đến vấn đề này vì họ vừa không có khả năng mua về cho hàng trăm ngàn người Việt, vừa không muốn hợp thức hóa cho những người Việt này được sống đàng hoàng trên đất của họ. Người Nga học được bài học này của Đức, nếu đem vấn đề này ra ép buộc Việt Nam nhận về, họ vừa tổn tiền để bồi thường cho nhà nước Việt Nam, mà người Việt vẫn không chịu về đôi khi còn sang nhiều hơn nữa. Trong khi cử để người Việt sống bất hợp pháp họ lại thu được vô khối tiền phạt.

Cách đây không lâu chính phủ Moskva và ngoại ô vừa họp để bàn về vấn đề người nước ngoài trong thành phố, họ cho rằng đã đến lúc cần có một bộ luật nghiêm túc về tổ chức di trú trong Moskva và ngoại ô. Bộ luật này không chỉ tổng kết kinh nghiệm của các cục di trú toàn liên bang mà còn tạo những điều kiện cần thiết để giải quyết vấn đề di trú cho người nước ngoài trong thành phố Moscow. Bộ luật này nhằm quản lý những người đến sinh sống ở Moskva một cách có tổ chức, vừa bảo vệ được dân gốc của thành phố.

Vấn đề di trú của người nước ngoài ở Nga là một vấn đề xã hội đau đầu ở Moskva hiện nay. Duma của Moskva đã dành cho vấn đề này nhiều sự quan tâm, ngay từ năm 1996 trong Duma thành phố đã thành lập một ủy ban đặc biệt để theo dõi hiệu quả việc sử dụng lao động nước ngoài trong thành phố. Vấn đề di trú của Nga không giống với các nước khác, nên cũng cần giải quyết nó một cách đặc biệt, một trong những cách đó là hợp thức hóa những người bất hợp pháp ở Nga. Nhưng trước khi giải quyết vấn đề di trú cần hiểu rõ nguồn gốc của những người nước ngoài đến Nga. Những người nước ngoài bất hợp pháp ở

Nga không phải những người được trang bị đến tận răng để vượt biên trái phép vào Nga. Họ là những sinh viên nước ngoài học xong ở Nga, những không thể tìm được việc làm theo nghề nghiệp ở nước họ, nên cố gắng sử dụng kiến thức của mình ở nước Nga này. Đó là những công nhân Việt Nam sau thời hạn lao động theo hợp đồng trong các nhà máy của Nga không được nhà máy mua vé về nước. Đó là dân các nước láng giềng trong cộng đồng các quốc gia độc lập lợi dụng tình trạng biên giới lỏng lẻo để sang Nga tìm việc làm thêm. Tất cả những người này làm những công việc buôn bán ở các chợ thành phố, làm mọi công việc nặng nhọc như sửa chữa nhà ở, xây dựng, sống trong những khu nhà tồi tàn, nhà kho, con cái không được đến trường, ốm đau không được khám bệnh trong trạm xá, họ không đi đến trình diện ở công an trong vòng ba ngày là đã biến thành những người sinh sống bất hợp pháp ở Moskva. Một lần trong phiên họp của Ủy ban sử dụng người lao động nước ngoài, người ta đã mời đại diện của một số công ty nước ngoài sử dụng lao động từ nước họ, ở Moskva, chính các đại diện công ty này đã đưa ra đề nghị cùng giải quyết vấn đề người nước ngoài sinh sống bất hợp pháp ở Moskva.

Việc bắt người sống bất hợp pháp trong thành phố không khó, việc ấy cảnh sát có thể làm được ngay, việc khó là bắt xong không biết làm gì tiếp theo với họ, nhất họ trong đồn không phải là rề. Theo luật hiện nay của Nga sinh sống bất hợp pháp, làm việc bất hợp pháp ở đây đều không bị coi là tội hình sự. Chỉ có hai cách giải quyết tiếp theo là phạt tiền và đưa về nước. Cả ngân sách thành phố và liên bang đều không đủ tiền để mua vé cho tất cả người nước ngoài về nước của họ. Chỉ có ở các vùng biên giới việc đưa về nước có hiệu quả, chẳng hạn ở biên giới Trung Quốc, củ việc đưa lên ô-tô là xong, còn ở Moskva vé đi Bắc Kinh giá tới 650 đô, vé về Việt Nam một chiều cũng tương tự như vậy. Chính vì vậy có ý kiến đưa ra sẽ thành lập một quỹ đưa người nước ngoài về nước, các công ty nước ngoài phải đóng tiền vào đó, nhưng đổi lại họ được quyền nhận một số người bất hợp pháp về làm việc hợp pháp ở công ty của mình. Các công ty nước ngoài còn được lợi vì tiết kiệm được tiền đưa người mới từ trong nước sang, lại không cần thời gian để người lao động làm quen với nước Nga, đối với các công ty của Việt Nam đó còn là cơ hội "ngàn năm có một" để làm dịch vụ béo bở nhất hiện nay: làm hộ khẩu thuê. Như vậy những người sống lang thang bất hợp pháp sẽ giảm đi tối đa, những ai muốn lao động, họ sẽ được hợp pháp hóa, còn ai không thích lao động, thì về về đã sẵn sàng, như vậy mọi sự đều công bằng. Dùng phương thức kinh tế để giải quyết vấn đề này là hiệu quả nhất. Vấn đề còn lại chỉ là thông qua những cơ sở luật pháp cần thiết. Rất có thể Duma thành phố sẽ thông qua luật di trú trong một thời gian gần đây.

Theo những số liệu thống kê được, hiện nay ở Moskva đã có 150 ngàn người sống bất hợp pháp từ các nước xa, và hơn một triệu người từ các nước thuộc Liên Xô cũ ●



# DIÊN ĐÀN DÂN CHỦ

## THỰC QUYỀN

Cũng ở một nơi trên trái đất này, khi mà tình hữu việt của thể chế tự do, dân chủ, pháp trị, được thể hiện qua vụ án đầy ngoạn mục về vụ bê bối của người có quyền hành cao nhất nước Mỹ, Bill Clinton, nơi đó cho dù anh bất luận là một người như thế nào, có quyền lực ra sao nhưng một khi trong chuyện công hay chuyện tư mà anh phạm vi phạm luật pháp thì cũng đều phải ra hầu tòa như những người dân thường. Đó còn là sự thể hiện Quyền Con Người "Mọi người đều bình đẳng trước pháp luật". Nhưng cũng cùng thời đại này, cũng trên trái đất này lại vẫn còn những nước độc tài thống trị như Trung Quốc, Việt Nam, Miến Điện... Nơi mà không biết đến bao giờ hệ thống Tư Pháp mới được độc lập, công bằng xét xử, không bị chi phối, điều khiển bởi những bàn tay quyền lực đầy chuyên chế ở đảng sau. Nơi mà biết đến thuở nào người dân mới biết được kiện cáo, phán xử một cách danh chính ngôn thuận những vị "tai to, mặt lớn" bằng luật pháp. Chỉ có những nơi mà quyền con người được đặt lên hàng đầu thì mới đem lại được những điều như vậy. Mới đây, Nghị viện Âu Châu đã ra một Quyết Nghị lên án tình trạng vi phạm nhân quyền trầm trọng tại Việt Nam trong phiên họp ngày 17.7.98 tại Bỉ (Quyết Nghị khẩn cấp dựa theo điều 47 của luật Nghị viện Âu Châu về tình hình Việt Nam và trường hợp của các ông Đoàn Viết Hoạt, Nguyễn Đan Quế và Thích Không Tánh), Sự vi phạm nhân quyền này được tạo nên bởi chế độ cộng sản độc tài chuyên chế, thu giữ toàn bộ quyền hành và đàn áp bất cứ những điều gì mà có thể đem lại nguy cơ cho sự nắm quyền đó. Ngày 28.6.98 vừa qua, nhân trả lời một cuộc phỏng vấn, Đức Tổng Giám Mục giáo phận Sài Gòn, Gioan Baotixita Phạm Minh Mẫn đã nói như sau:... Luật pháp tại nước tôi phải thay đổi để có được hoàn toàn tự do tôn giáo, nhưng đó là quyền của kẻ khác, rất tiếc chúng tôi không thể làm gì khác được". Quả thực, không thể làm gì khác được, khi toàn bộ quyền hành đang nằm trọn trong tay Đảng, cũng như những đòi hỏi phải thả tù nhân chính trị tại Việt Nam... của Nghị viện Âu Châu, của những người thiện tâm trên thế giới và của những người Việt Nam đang đấu tranh cho Nhân Quyền, Dân Chủ cho Việt Nam với nhà cầm quyền Việt Nam, "những chuyện các anh đòi là chuyện của các anh, còn thả người hay không là chuyện của chúng tôi...". Đó là "Thực Quyền", quyền lực thực sự đang nằm trong tay họ. Áp lực kinh tế ư! ôi dào! tính ích kỷ từ trước đến nay vốn nằm trong tính Đảng nên kinh tế

của nhà ta vốn có là đủ, còn dân ư? trời vốn sinh voi thì sẽ sinh chó, lo gì. Còn ai muốn hợp tác kinh tế thì hợp tác, đôi bên cùng có lợi chứ đâu phải riêng ai. Người ta cứ nói tôi nào là phải cải tổ hành chính, nào là dân chủ hóa từ trong cải tổ, dân chủ thật thì Đảng sẽ bị lộn tung phèo à. Đâu có ai lại đem thông lọng tự buộc vào cổ mình bao giờ, lỗ rồi quyền lực ra thì biết đâu lại phải ra tòa hết một lũ. Trên thế giới đây đây những tấm gương tày đình đó thôi, nào là phải ra tòa như Pol Pốt, nào là kiểm kê tài sản như gia đình ông Suharto bên Nam Dương..., rồi cả đến riêng tư như Bill Clinton nữa. Rồi còn cả một đồng hồ số ma, tài liệu giả đang được sử dụng để những lạm ngân khổ nhà nước nữa. Nếu quyền lực mà rơi vào tay người khác mà họ lại điều tra ra thì lại càng chết. Nghe đâu, trên thế giới lại còn thành lập Tòa Án Hình Sự Quốc Tế nữa. Những loại Tòa kiểu này thường thì thẳng tay làm, đâu có chuyện hối lộ, bịt miệng được. Nên ta phải bắt chấp tất cả, bằng mọi cách cũng phải giữ lấy quyền lực của Đảng. Dân chủ phức tạp thật, đâu còn tôn ti trật tự gì nữa. Và nguy hiểm của cộng sản vẫn luôn luôn không có bút nào kể hết...

● Mai Hồng Khanh  
Eppellborn

Bài Tham Luận tại Hội Nghị Diên Hồng  
tại chùa Viên Giác ngày 7.11.1998

### Nhân quyền cho Việt Nam - Thế trận đấu tranh mới

● Thiện Ý Nguyễn Chí Thành

Vừa qua nhà cầm quyền Hà Nội đã buộc phải thả một số tù nhân chính trị và tôn giáo, trong đó có một số nhân vật nổi tiếng như Giáo sư Đoàn Viết Hoạt, Bác sĩ Nguyễn Đan Quế, Hòa Thượng Thích Quảng Độ v.v... Đây là một thắng lợi của phong trào đấu tranh vì tự do dân chủ cho Việt Nam, trong đó có sự đóng góp của lực lượng người Việt hải ngoại đã đấu tranh trực diện với chính quyền Cộng Sản cũng như đã góp phần tố cáo trước dư luận quốc tế về tình trạng vi phạm nhân quyền trầm trọng tại Việt Nam.

Với việc thả các tù nhân trên, Hà Nội tuyên bố rằng ở Việt Nam hiện nay không còn có vấn đề gì nữa về nhân quyền, rằng Việt Nam đã có đổi mới thực sự. Thực chất việc làm vừa qua của Hà Nội là thế nào? Tình trạng nhân quyền tại Việt Nam hiện nay ra sao? Trong thời gian tới, những người yêu chuộng tự do dân chủ chúng ta phải làm gì? Sau đây là một số ý kiến đóng góp với tư cách cá nhân.

Chế độ Cộng Sản Việt Nam hiện đang lâm vào một cuộc khủng hoảng hết sức nặng nề trên mọi lãnh vực, đe dọa tới sự sống còn của chế độ. Kinh tế sau một thời gian tăng trưởng nhanh thì nay chững lại. Đầu tư nước ngoài sụt giảm

ngghiêm trọng, nhiều hãng xưởng rút ra khỏi Việt Nam... Để tránh sụp đổ, Hà Nội buộc phải thả một số tù nhân như một bước lùi tạm thời của chế độ hòng làm giảm áp lực của quốc tế về vấn đề nhân quyền, cải thiện hình ảnh của mình nhằm hấp dẫn sự đầu tư nước ngoài, đặc biệt là ve vãn Mỹ hòng nhắm tới việc ký kết Hiệp định Thương mại cũng như Quy chế Tối Huệ Quốc của Mỹ trong quan hệ buôn bán giữa hai nước. Việc thả các tù nhân vừa rồi không phải là kết quả của việc cải cách nổi rộng tự do dân chủ. Tình trạng nhân quyền vẫn chưa được cải thiện một cách căn bản. Rất nhiều tù nhân chính trị và tôn giáo hiện vẫn đang bị giam giữ hoặc quản thúc. Người dân vẫn bị cai trị như tôi mọi bởi một chính thể độc tài đảng trị, không hề đếm xỉa đến nguyện vọng của dân cũng như các Công ước Quốc tế về Nhân quyền và Dân quyền. Tố cáo sự chà đạp nhân quyền của chế độ Cộng Sản Việt Nam, trong bài viết ngắn này tôi chỉ xin nhấn mạnh vào một số điểm chính yếu như sau:

**Thứ nhất:** Đây là một chế độ luôn đặt người dân ra ngoài vòng pháp luật.

Bảng chúng là tháng 6/1961, Ông Trường Chinh, lúc đó là Chủ tịch Quốc Hội đã ra một chỉ thị được gọi là Lệnh Tập Trung Cải Tạo giao quyền cho các cán bộ địa phương được phép ký lệnh bắt đưa đi cải tạo những người mà họ cho là "phản động", "chống đối" v.v... mà không cần xét xử. Chỉ thị này cho đến nay vẫn còn nguyên giá trị.

Qua hàng chục năm thực hiện, số người bị giam giữ trong các trại cải tạo có lúc lên tới hàng trăm ngàn người. Cho tới gần đây, có lẽ không thể giam giữ hết những người đòi hỏi dân chủ nên tháng 4/1997 ông Võ Văn Kiệt nguyên Thủ Tướng chính phủ đã cho ban hành Chỉ Thị 31/CP cho phép cán bộ địa phương được phép ký lệnh quản chế những người mà họ cho là nguy hại cho chế độ không cần xét xử. Bảng Chỉ Thị này chính quyền tăng cường đàn áp những người dám lên tiếng phê phán chế độ, đòi hỏi tự do dân chủ... Nhưng thay vì bằng giam giữ như trước đây thì bây giờ là quản chế họ tại nơi ở hay bất cứ nơi nào mà chính quyền muốn.

Như vậy, với lệnh tập trung cải tạo và Chỉ Thị 31/CP tình mạng, sự an toàn và tự do của người dân bị đặt ra ngoài vòng pháp luật, hoàn toàn tùy thuộc vào nhà cầm quyền, vào các cán bộ địa phương vốn là những người thất học tham nhũng lộng hành.

Cùng với việc thả hết các tù chính trị tôn giáo hiện còn bị giam giữ, phải xóa bỏ các quy định cho phép bắt giam quản chế người trên thì mới chấm dứt được tình trạng bắt bớ giam cầm người tùy tiện.

**Thứ hai:** Cho đến nay người dân vẫn không hề được hưởng những quyền con người cơ bản như nội dung bản Tuyên Ngôn Quốc Tế Nhân Quyền mà chính những người Cộng Sản đã ký kết.

Trong khi tuyên truyền "chế độ CS là chế độ do dân làm chủ" thì người dân lại không có được những quyền tự do tối thiểu như tự do tín ngưỡng, tự do ngôn luận, tự do hội họp và lập hội v.v... Không được tự do thờ phụng, hành lễ, truyền giảng đạo. Không được phê phán chế độ, nói trái với những gì Đảng đã phán quyết. Không được phép mít-tinh biểu tình dù chỉ để bày tỏ những nguyện vọng chính đáng của mình một cách hòa bình. Không được tự do lập hội, việc thành lập các công đoàn tự do và các đảng phái là điều tuyệt đối cấm kỵ. Không có tự do bầu cử và ứng cử, mọi cuộc bầu cử chỉ là trò hề dân chủ.

Như vậy chế độ CSVN không hề thay đổi bản chất là chế độ độc tài của một nhóm người, được dựng lên và duy trì bằng vũ lực và sự lừa dối. Vì vậy nhiệm vụ của những người yêu chuộng tự do dân chủ chúng ta là đẩy mạnh hơn nữa cuộc đấu tranh trực diện với chính quyền CS đòi thực thi dân chủ, đồng thời mở rộng các hình thức tuyên truyền nhằm làm cho nhân dân và chính phủ các nước hiểu rõ bản chất tàn bạo ngoan cố của nhà cầm quyền CSVN. Theo tôi chúng ta nên tập trung tranh đấu đòi chính quyền CS thực hiện các điểm sau:

1. Thả hết ngay và vô điều kiện các tù nhân chính trị và tôn giáo hiện đang còn bị giam giữ hoặc quản chế.
2. Hủy bỏ ngay tất cả các quy định cho phép bắt giam hoặc quản chế người không qua xét xử.
3. Thực hiện tự do ngôn luận, tự do báo chí. Ban hành luật cho phép thành lập các nhà xuất bản, báo chí, phát thanh, truyền hình không trực thuộc chính phủ.
4. Hủy bỏ điều 4 chương I Hiến Pháp - Điều luật quy định vai trò lãnh đạo độc quyền của Đảng Cộng Sản. Tiến tới thực hiện tự do về chính trị.
5. Tổ chức các cuộc thương thảo lấy ý kiến quần chúng, tiến tới Tổng Tuyển Cử tự do và dân chủ.

(Halle, ngày 25.11.1998)

## Lừa đảo là "Bản Chất" của Cộng Sản Việt Nam

Còn hơn một tháng nữa nhân loại trên thế giới sẽ cùng nhau nô nức, hồ hởi chào đón một kỷ niệm công bằng, bác ái. Đó là 50 năm kỷ niệm ngày Nhân Quyền Quốc Tế (10.12.48 - 10.12.98). Cũng vì khởi đầu của ngày này, con người đã sống chung với nhau bằng tình thương mến mông rộng lớn, bỏ đi bao kỳ thị ngoại bang. Đã nửa thế kỷ trôi qua mà nhân dân Việt Nam đâu có được biết thế nào là "nhân quyền", một chữ không được đọc, một từ không được nghe, một câu không được nhìn. Cái bất hạnh hơn "nhân quyền" còn bị chà đạp một cách trắng trợn và dã man. Tập đoàn lãnh đạo CSVN

vẫn tiếp tục lừa bịp thế giới và nhân dân Việt Nam, vẫn dùng cái thủ chủ nghĩa Cộng Sản bằng bạo lực và ngu dân để cai trị đất nước, mà chính bản Tuyên Ngôn Quốc Tế Nhân Quyền này CSVN đã đặt bút ký. Nhưng vì đặc quyền đặc lợi của riêng những người lãnh đạo và đảng CSVN cho nên họ không dám công khai trước nhân dân vì sợ mất cái ngai vàng cai trị. Điều này càng chứng tỏ sự ù lì, ngu tối, lừa đảo của một số thiểu số lãnh đạo đảng CSVN. Còn ông Hồ Chí Minh, ông là ai? Nói một cách công bằng và chính xác, ông chỉ là nhà nho tầm thường như những người tầm thường khác, là một người cộng sản huyền thoại bịp bợm, ông khoác trên người một thủ cộng sản Stalin, Maoít nô lệ ngoại bang, tàn bạo và sứt máu hay nói một cách khác là thủ đồ tể đắc lực cho cái chủ nghĩa cộng sản vô thần. Ông chết rồi mà còn được tập đoàn kẻ vị Duẩn, Linh, Muối, Phiêu; hạng người "ăn cơm quốc gia thờ ma cộng sản" tô son trát phấn cho ông. Ông chết rồi còn được nằm trên đồng vàng trong cái lăng bao nhiêu đá quý, kim cương và hàng trung đoàn ngày đêm canh gác ông. Bên cạnh cái uy nghi lộng lẫy đó là cảnh bất hạnh của dân chúng đói rách tả tơi, tử người già đến trẻ em đói dèp không có đi, áo không đủ ấm, cơm không đủ no.

Một nắng hai sương vẫn không đủ ăn  
Mặt úp xuống đất, móng chống lên trời  
Chân lội bùn, tay bốc phân chằm từng cây lúa  
Để cho độc tài tiếp tục cầm quyền  
Thật là phi lý hồi mẹ Việt Nam  
Hỏi những người con Việt anh hùng  
Hãy đứng lên dẹp bỏ bạo quyền.  
Từ những bất công đó cộng với sưu cao thuế nặng mà sức chịu đựng của người dân không còn nữa, đã đứng lên đòi những quyền căn bản tối thiểu nhất của con người. Những vụ nổi dậy của nhân dân Thái Bình, Xuân Lộc, Trà Cỏ, Đồng Nai... tiếp đó đến sinh viên Văn Lang đã đứng lên đòi quyền được thi cử công bằng và dám ra những tờ báo chui "Thao thủ của tuổi trẻ Việt Nam với hiện tình đất nước"; mà nhân dân Việt Nam 80% dân số sống bằng nghề nông nghiệp lạc hậu, quanh năm lam lũ vất vả mà không đủ ăn. Thi chúng ta thử hỏi xem chúng ta còn cái gì để mà mất! Thái Bình đã đứng lên! Đồng Nai đã đứng lên! Chúng ta hãy đứng lên cùng nhau rửa nhục cho dân tộc, cùng nhau chấm dứt độc tài, canh tân Việt Nam. Chúng ta không nghe Cộng Sản nói mà hãy nhìn Cộng Sản làm, hãy cùng nhau ngoảnh nhìn lại gần một thế kỷ qua Cộng Sản Việt Nam đã làm gì cho đất nước? Hay Cộng Sản chỉ đem lại đau thương, tang tóc, đất nước điêu linh như ngày nay. Chúng ta hãy lấy những tấm gương chói lọi bền bỉ tranh đấu cho dân chủ như Giáo sư Đoàn Viết Hoạt, Bác sĩ Nguyễn Đan Quế, Hòa Thượng Thích Quảng Độ v.v..., đó là những viên thuốc bổ cho lực lượng dân chủ. Còn đối với chế độ Hà Nội thì đó là những viên thuốc đắng cho chế độ mà chế độ này nuốt không trôi, đành phải cay đắng nhả ra. Đó là việc chẳng đặng đừng chủ đầu có phải do nhân đạo. Vì vậy đối với người Việt hải ngoại chúng ta cần tiếp tục duy trì sức mạnh trong

tinh thần và các nguyên tắc dân chủ, tự do chúng ta muốn được áp dụng cho Việt Nam, đồng thời phát triển tinh thần tương thân tương ái, hòa hợp trong chúng ta để tăng cường khả năng trong công cuộc vận động và đấu tranh cho đất nước Việt Nam sớm thoát khỏi ách thống trị độc tài của Cộng Sản Việt Nam.

● Đoàn Thanh Bình

Môhlau, ngày 2.11.98

### PHÂN ƯU

Được tin trẻ

#### Cụ Bà NGUYỄN VĂN BÌNH

vừa thất lạc vào tháng trước ở  
Düsseldorf.

Chúng tôi xin thành kính phân ưu với lão đồng chí Nguyễn Văn Bình và xin nguyện cầu hương hồn Cụ Bà sớm tiêu điều về Miền Cực Lạc.

Thành kính phân ưu:

Vũ Kỳ - Lê Hùng - Nguyễn Tường Bá - Phan Thiệp - Phan Ngô - Trương Bảo Sơn - Bùi Công Hải - Nguyễn Đình Thiệp.

### PHÂN ƯU

Được tin

#### Nhà Thơ BÙI GIẢNG

vừa qua đời tại Sài Gòn-Việt Nam vào tháng 10 năm 1998.

Chúng tôi xin thành kính phân ưu với toàn thể gia tộc họ BÙI và xin cầu nguyện cho hương hồn Nhà Thơ sớm tiêu điều về miền Cực Lạc.

Thành kính phân ưu

Vũ Kỳ - Võ Văn Ái - Nguyễn Thùy - Thái Tú Hạp - Ái Cầm - Vũ Hồi - Võ Thu Tịnh - Nguyễn Thanh Bích (Phượng Hà) - Phan Ngô - Nguyễn Rô.

**NAM MÔ ĐẠI TỬ ĐẠI BI, TÂM THINH  
CỨU KHỔ CỨU NẠN, LINH CẢM  
QUAN THẾ ÂM BỒ TÁT MA HA TÁT.  
NAM MÔ A DI ĐÀ PHẬT**

Đọc lời nguyện này 9 lần 1 ngày  
(đọc hơn càng tốt).

Trong vòng 9 ngày liên tiếp, bạn sẽ  
được toại nguyện với điều kiện là  
bạn hứa sẽ dâng lời nguyện này để  
loan truyền cho người khác

Mme. Tan Chea - 11 Cours Lizard -  
77 186 Noisiel - France



## Tham luận Chính trị

# NHÂN ĐẠO HAY VÔ NHÂN ĐẠO ?

● Đặng Thị Thanh Nguyên

Nhân ngày Quốc Khánh 2.9.1998 bạo quyền Cộng Sản Việt Nam đã quyết định phóng thích 5219 tù nhân. Trong số các tù nhân được phóng thích, chúng tôi ghi nhận có 12 tù nhân chính trị. Đó là Hòa Thượng Thích Quảng Độ, Thượng Tọa Tuệ Sỹ, Thượng Tọa Lê Mạnh Thát. Bốn vị thuộc Phong Trào Thống Nhất Dân Tộc và Xây Dựng Dân Chủ (PTTNDT & XDDC) đó là các ông Đồng Tuy (hiện đang có mặt tại Hòa Lan), Phạm Tửông, Nguyễn Văn Biên và Bùi Kim Định. Ngoài ra người mà Cộng Đồng Việt Nam Hải Ngoại và quốc tế biết nhiều nhất là hai người tù lương tâm, đó là Giáo sư Đoàn Viết Hoạt (đang chữa bệnh tại Hoa Kỳ) và Bác sĩ Nguyễn Đan Quế.

Ngoài các vị kể trên còn có 3 tù nhân chính trị khác là cựu Trung úy Không quân QLVNCH Lý Tống, can tội cướp phi cơ và thả truyền đơn xuống Sài Gòn. Ông Jimmy Trần Mạnh Quỳnh (bị kết tội đặt chất nổ) và sau cùng là ông Phạm Anh Dũng, quốc tịch Pháp, bị kết tội xâm phạm nền an ninh quốc gia. Thế nhưng trong thông báo của Nhà nước và Bộ Ngoại Giao của Cộng Sản Việt Nam chỉ nói 5219 tù nhân đều là tù hình sự. Chúng tuyên bố tại Việt Nam không có tù nhân chính trị nào cả?!

Người ngoại quốc cũng như người Việt hải ngoại nếu không theo dõi tình hình chính trị và theo dõi bản án của từng người thì cho rằng Cộng Sản Việt Nam nhân đạo quá, một lúc thả hơn nửa vạn người. Nhưng theo sự suy nghĩ của chúng tôi Cộng Sản Việt Nam quả là phũ phàng vô nhân đạo.

Trong số 5219 tù nhân được phóng thích thì phần đông đều là đồng chí một thời của chúng. Họ can tội tham nhũng, hối lộ, biển thủ tài sản quốc gia v.v... Những phạm nhân này đều là những con đê té thàn cho bọn cán bộ cao cấp. Nay vì kinh tế khủng hoảng trầm trọng, không đủ lương thực nuôi tù và nhất là chính trị trong nước rối ren, bị áp bức của phe này, nhóm nọ nên chúng thả ra để... huê cả làng. Một số nữa thuộc thành phần bất hảo của xã hội như xi-ke ma-túy, đi điểm, trộm cướp v.v... Cái xô lá và vô nhân đạo là Cộng Sản Việt Nam đã đồng hóa những tù nhân chính trị với bọn tù hình sự kể trên.

Trong số hơn nửa vạn người kể trên, có những vị chỉ có tội gì mà chúng cũng bỏ tù. Hòa Thượng Thích Quảng Độ bị ghép tội vì đã tự ý đứng ra tổ chức cứu trợ nạn lụt miền Trung. Bác sĩ Nguyễn Đan Quế và Giáo sư Đoàn Viết Hoạt bị kết tội vì dám đứng lên đòi Tự Do Dân Chủ.

Các vị trong Phong Trào Thống Nhất Dân Tộc và Xây Dựng Dân Chủ bị ghép tội vì dám đòi đổi lập, đòi đa nguyên, đa đảng.

Những vị khác cũng vậy, chỉ vì lòng yêu nước nhiệt thành mà bị gán cho cái tội "Xâm phạm an ninh quốc gia".

Đọc trong tác phẩm "SỐ ĐỒ" của nhà văn Vũ Trọng Phụng, chúng ta thấy tả một anh ăn mày, không nhà không cửa phải ngủ ngoài đường. Đội xếp (Cảnh sát đời thực dân Pháp) bắt bỏ bót, vài ngày lại thả ra mà không cho biết lý do, vô tư như anh chàng hành khất cũng phải thốt: "Đang ngủ ngoài đường thì bắt vào bót, đang ngủ trong bót thì bắt ra đường..."

Thế đó, dưới chế độ Cộng Sản thì bắt giam rồi thả tùy hứng. Chúng tự phong cho chúng như ông Trời, muốn nắng muốn mưa lúc nào cũng được.

Cộng Sản Việt Nam biết rõ hơn ai hết, với uy tín của những vị tù nhân chính trị nếu còn ở lại trong nước thì rất nguy hiểm. Vì vậy, khi thả ra phần đông đều kèm theo một điều kiện là không được hoạt động chính trị hoặc là phải xuất ngoại (tù biệt xứ). Nhưng có những vị đã quyết liệt chống đối, nhất định không chấp thuận như Bác sĩ Nguyễn Đan Quế. Cũng có vị được trả tự do như ông Nguyễn Văn Châu nhưng đã từ chối rời nhà tù để phản đối việc Cộng Sản Việt Nam vẫn còn giam giữ hai chiến hữu của ông là Giáo sư Nguyễn Đình Huy và ông Phạm Thái, hai vị này lãnh đạo Phong Trào TNDT & XDDC.

Mục đích chính của CSVN phóng thích 5219 tù nhân (và theo nguồn tin thì sẽ thả thêm 2000 người vào cuối năm nay) là để lấy lòng thế giới bên ngoài. Chúng tôi được biết vì tình trạng kinh tế kiệt quệ nên những tháng tới đây, chúng sẽ thành lập một Phái đoàn bị gậy đến nhiều quốc gia trên thế giới để xin viện trợ, và mục đích của chúng còn muốn tổng khổ tất cả những tù nhân chính trị phải lưu vong. Các vị này còn ở trong nước ngày nào thì ngày đó lũ chúng ăn ngủ không yên.

Chúng ta hãy cùng nhau đề cao cảnh giác vì trong thời gian tới đây, CSVN sẽ cho phân gián của chúng xâm nhập vào Cộng Đồng Người Việt Hải Ngoại để bôi xấu những vị bị trục xuất ra khỏi nước Việt Nam. Mục đích của chúng là tạo sự nghi kỵ của chúng ta đối với những người một thời đấn thân vì Tự Do Dân Chủ cho nước Việt Nam.

Ngày 28.9.1998

Hauptstr. 13 - 36419 Bremen/Rhôn

## GIỚI THIỆU TÁC PHẨM MỚI

### ● Cười Chóp Bu Đảng

Tuyển tập 10 truyện châm biếm của Trường Xuân Triệu Quyết Thắng - người đã sinh trưởng và lớn lên từ "cái nôi xã hội chủ nghĩa miền Bắc" và cuối cùng cũng phải từ bỏ "Thiên đàng Cộng Sản" để đi tìm tự do như bao nhiêu người khác.

Trường Xuân TQT đã châm chích không tha thủ, không núng tay cho một ai, từ Bác Hồ "vĩ đại" cho đến các tên già nua u muội trong thành phần chóp bu Đảng CSVN. Âu

đó cũng là một nét đặc thù của TQT, khác biệt với quan niệm của một người còn bị ma đực Mác-Lê quyến rũ cho rằng "Đường lối của Bác và Đảng là tốt là đúng, chỉ có cán bộ làm sai mà thôi!".

Trường Xuân Triệu Quyết Thắng sinh năm 1949 tại Hà Nội, trình độ Trung Cấp, là lính năm 1968 tại Lào và Tây Nguyên, giải ngũ năm 1976, sang Đức xin tỵ nạn chính trị năm 1990, đã có bài đăng trên các báo Việt ngữ như: Viên Giác, Bản Tin Đức Quốc, Thiện Chí, Cánh én, Đất Nước, Diễn đàn Việt Nam, Vietforum, Thông điệp Xanh, Người Việt, Tự Do Nhân Bản, Người Dân, Tia Sáng... Đã in thi tập: Quê Hương và Tình Yêu.

Sách **Cười Chóp Bu Đảng** dày 140 trang, do Nhóm Khởi Hành München - Đức Quốc xuất bản năm 1998, gồm các truyện ngắn như: Bác và bạn hữu đi tắm biển - Khi anh Ba thích - Mắc họng - Báo hiếu cho cha - Mang uy tín đến vay tiền - Ước vọng cuối cùng - Sự tích rượu ôm - Hết Hà Bá lại đến Thiên Lôi - Hạ mã phong - Tự gây nhiều oan trái. Giá 8 Đức Mã kể cả cước phí.

#### Địa chỉ liên lạc:

- Nhóm Khởi Hành - Postfach 810706

81907 München - Germany, hoặc:

- Mr. Triệu Quyết Thắng - Viehhof Str. 154  
42117 Wuppertal - Germany.

### ● Mai vàng đất Việt

Truyện bằng tranh, lời Việt-Anh-Pháp của Hoài Việt, tranh của Ái Liên, do cơ sở Bạn Vãn (Paris-Pháp) xuất bản và VIDİ (Dortmund-Đức) in năm 1998 trên giấy láng với khổ giấy đặc biệt.

Hoài Việt Nguyễn Văn Hưởng là nhà thơ kỳ cựu, sinh năm 1931 tại Huế, du học tại Pháp, Dục Sĩ Tiến Sĩ Quốc Gia Khoa Học Paris, phục vụ tại Viện Nghiên Cứu Pasteur tại Paris (Chercheur à l'Institut Pasteur à Paris), Trưởng Nhóm Bạn Vãn, Chủ trương và biên tập Đặc San Làng Xưa Phố Cũ. Tác phẩm đã xuất bản: Làng Xưa Phố Cũ (1, 2, 3 năm 1990, 91, 92), Ngày Mẹ Về (Thơ, 1962), Tôi Yêu (1962), Quê Người (1987), Hymne à la Liberté (poemes, 1992), Mots d'amour (poemes, 1994), Amour et liberté (poemes, 1997).

#### Địa chỉ liên lạc:

Nguyễn Văn Hưởng (Bạn Vãn) - 4, allée du Beau Site - 91140 Villebon sur Yvette Ó FRANCE ●

## PHÂN ƯU

Đau đớn được tin Thân Mẫu và Bào Đệ  
anh Phan Tấn Dũng là

**Bà Quả Phụ PHAN TẤN LỘC**  
Nhũ danh Nguyễn Thị Bông, 67 tuổi,  
và  
**Anh PHAN TẤN MINH**

đã mệnh chung ở Nha Trang - Việt Nam  
ngày 12.10.1998.

Chúng tôi thành tâm chia buồn cùng gia  
đình anh DŨNG và cầu nguyện cho  
hưởng hồn hai vị được sớm về cõi Phật.  
Gia đình BÚT, TẤN, HIẾU Đức Quốc.

# TIN PHẬT SỰ

✱

## • REUTLINGEN TỔ CHỨC TỐT ĐẸP LỄ THỌ BÁT VÀ CẦU AN

Sau bao ngày bị gió cuồng, bị mây ám, bị mưa rào, nhưng màu nhiệm thay, đến hai ngày 7 và 8.11.98, bầu trời trở nên quang đãng, không bị trở ngại thời tiết, nên bà con Phật Tử đã đến tham dự lễ Thọ Bát Quan Trai và lễ Phật Cầu an rất đông.

Các buổi lễ kỳ này, ngoài được sự chứng minh và chủ trì của Thượng Tọa, Viện chủ chùa Viên Giác, còn có sự hiện diện của Đại Đức Hạnh Tấn và 3 chú Sa Di của Chùa.

Những chi tiết dưới đây nói lên sự thành công tốt đẹp của hai lễ Phật nói trên.

**1. Thuyết Pháp:** 4 thời Pháp Nhủ với đề tài: Kinh Thủy Sám - Pháp Môn Tu và Học - do 3 giảng sư trình bày: Thượng Tọa Thích Như Điển, Đại Đức Hạnh Tấn và chú Sa Di Hạnh Tử.

**II. Tham dự:** 7 Chi Hội PTVNTN: München - Nürnberg - Mannheim - Freiburg - Karlsruhe - Wiesbaden - Röttweil.

**Thọ Bát Quan Trai:** 84 giới tử (49 nữ + 35 nam) chưa kể số bán chính thức trên 10 vị (chỉ được nghe thuyết giảng vì bận lo trai soạn).

**Lễ Phật Cầu An:** trên 200, kể luôn số giới tử.

**Quy Y Tam Bảo:** 7 nữ Phật tử.

### III. Đặc điểm:

1. Ngoài việc được thuận duyên tổ chức lễ truy điệu Sư Ông Cổ Hòa Thượng Thích Long Trí, Viện chủ Viên Giác Tự (Hội An - Quảng Nam), mỗi giới tử được Thầy Viên Giác trao ít hạt gạo đã được Đức Đạt Lai Lạt Ma chú nguyện.

2. Chánh điện được trang trí trang nghiêm với nhiều hoa quả tốt tươi đẹp chưng bày trên bàn thờ Phật.

3. Các thời thuyết giảng được giữ im lặng tối đa.

4. Tổ chức thêm buổi sinh hoạt trước giờ xá giới để các giới tử trao đổi quan điểm tu học (trăm hoa đua nở).

5. Tờ trình Phật sự của ĐH Chi Hội Trưởng, với những dẫn chứng cụ thể và trình bày giáo pháp trong sáng, đã nói lên tinh thần tu theo pháp môn Tịnh Độ là phù hợp với thời mạt pháp.

6. Có hai gia đình đến tạ ơn Tam Bảo vì nhờ nương vào pháp môn niệm Phật mà được cứu độ. Một nữ Phật tử bị đau trong thời kỳ thập tử nhất sinh nhưng nhờ gia đình chí tâm cầu nguyện nên được linh ứng và khỏi bệnh. Một nam Phật tử khác bị bệnh nội tạng trầm trọng, đáng lẽ phải bị mổ theo quyết đoán của Bác sĩ, nhưng đấng sự đã trì chú niệm Phật trên giường bệnh, nên không bị mổ và lành mạnh trở lại.

7. Các bữa thọ trai cũng như hoa quả,

bánh, chè xôi, đường, cà-phê, trà, tàu hủ... đều do các Phật tử cúng dường.

8. Số tịnh tài cúng dường được 5.580 DM (gồm có cúng Tam Bảo 4.450 DM, Ấn tống Kinh 1.050 DM, Báo Viên Giác 80 DM)

9. Tất cả Đạo Hữu, Phật Tử rất hoan hỷ được tu học nhiều hơn các lần trước với những thời pháp nhủ mà họ cho rằng khéo lý, khéo cơ và "hợp thời trang" và rất vui mừng là bá tánh hưởng về chánh pháp ngày càng đông. Ngoài những khuôn mặt quen thuộc còn có nhiều khuôn mặt mới đến từ Kupferzell, Laupheim, Singen, Burrieden Rot, Kunzelsau, Pforzheim... Còn Phật Tử tại địa phương thì đông hơn bao giờ hết.

**IV. Kết luận:** Sự thành công viên mãn của hai ngày lễ Phật là nhờ hội đủ ba yếu tố căn bản: Thiên thời - Địa lợi - Nhân hòa.

(Thiện Hậu ghi)

## • THÔNG BÁO CỦA CHI HỘI REUTLINGEN

Tết Kỷ Mão (1999) Chi Hội sẽ tổ chức Mừng Xuân vào ngày Mồng Năm Tết, nhằm vào ngày 20 tháng 2 năm 1999, bắt đầu lúc 9 giờ sáng, tại nhà thờ Saint Andreas (Nhà thờ chợ nhỏ) Orschel-Hagen - Reutlingen.

Nhân dịp này, Chi Hội có tổ chức lễ Cầu An, Cầu Siêu, Cúng Sao.

Trân trọng kính mời quý đồng hương và quý Phật tử đến tham dự.

## • TUYỆT THỰC ĐÒI TỰ DO TÍN NGƯỞNG - NHÂN QUYỀN CHO VIỆT NAM

Hưởng ứng lời kêu gọi của Giáo Hội Phật Giáo Việt Nam Thống Nhất (GHPGVNTN) về "9 Điểm Yêu Sách" của Hòa Thượng Thích Huyền Quang, Quyền Viện Trưởng Viện Hóa Đạo GHPGVNTN, viết ở Quảng Ngãi ngày 26.6.1992 đến nay vẫn chưa được nhà cầm quyền CSVN giải quyết. Tiểu Ban Giải Trừ Pháp Nạn cho Việt Nam tại Hannover và VPC đã tổ chức 48 tiếng đồng hồ Tuyệt Thực tại trung tâm Thành phố Dessau thuộc Tiểu Bang Sachsen-Anhalt. Cuộc tuyệt thực bắt đầu từ 14 giờ ngày 11.11.98 đến 14 giờ ngày 13.11.1998. Sau hai ngày, cuộc tuyệt thực

đã hội tụ được khoảng 20 người đến từ các nơi khắp nước Đức, trong đó có một số Tổ Chức, Hội Đoàn và báo chí đã đến cùng tham dự như tổ chức Thông Tin Nhân Bản, báo Hy Vọng, Hiệp Hội Trợ Giúp Phong Trào Đấu Tranh Vì Dân Chủ tại Việt Nam và báo Xa Xứ. Mặc dù tiết trời mưa phùn và gió rét, nhưng những anh chị em tuyệt thực viên vẫn kiên nhẫn cố gắng thay phiên nhau phân phát truyền đơn kêu gọi những người dân ở thành phố Dessau ký tên ủng hộ công cuộc đấu tranh đòi Tự Do Tín Ngưỡng và Nhân Quyền cho Việt Nam. Đây là cuộc tuyệt thực đầu tiên được tổ chức tại thành phố Dessau, phần đất của cựu Cộng Sản Đông Đức, sự kiện này đã tạo được rất nhiều sự chú ý của người dân trong thành phố.

Trưa ngày 12.11.98, Đại diện Ban Tổ Chức, anh Thiện Tín Dương Văn Mạnh và anh Thiện Hiền Cáp Trọng Dũng, đã được bà Thư ký của Thị Trưởng thành phố đón tiếp nồng hậu. Trong cuộc gặp gỡ này, hai bên đã trao đổi quan điểm nhau về thực trạng xã hội Việt Nam. Sau đó Đại diện Ban Tổ Chức đã trao cho bà Thư ký một Thỉnh nguyện Thư gửi cho chính quyền Đức và một Kiến Nghị Thư gửi cho nhà cầm quyền CSVN kèm theo hơn 400 chữ ký đã thu được. Nội dung chính của Thỉnh nguyện Thư gồm những điểm như sau:

**1. Bàng uy tín cũng như quyền hạn của quý Ngài. Quý Ngài hãy ủng hộ công cuộc đấu tranh này của chúng tôi, bằng cách lên tiếng trước dư luận nhân dân Đức, trước Cơ quan hữu trách của chính phủ Đức, trước Hiệp Hội Quốc Tế Nhân Quyền và Quốc Hội Âu Châu.**

**2. Với quyền hạn cho phép của các Ngài trong khuôn khổ luật pháp nước Đức, các Ngài hãy vì những nguyện vọng chính đáng của công cuộc đấu tranh mà chúng tôi hiện đang dẫn thân, để thông qua Sĩ Quán Việt Nam tại Bonn, lên tiếng đề nghị nhà chức trách Việt Nam phải ngừng ngay những biện pháp chiếm giữ, đập phá chùa chiền, nhằm bảo vệ nền văn hóa cổ truyền có từ lâu đời của nhân dân Việt Nam, đồng thời cũng trả lại tự do cho người dân trong đó Tín Ngưỡng là khía cạnh vô cùng quan trọng trong đời sống tinh thần của nhân dân Việt Nam.**

**3. Qua đây xin các Ngài hãy lên tiếng bảo vệ những nhà trí thức, những nhà**

**lãnh đạo tinh thần, những văn sĩ tiến bộ và những cựu đảng viên cấp tiến bất đồng chính kiến với Đảng CSVN hiện còn đang bị chính quyền Cộng Sản giam giữ, quản thúc, hoặc gây áp lực đe dọa...**

Bên cạnh sự ủng hộ nhiệt tình của người dân thành phố Dessau. 9 giờ sáng ngày 13.11.98, cuộc tuyệt thực được đài truyền hình Dessau thu hình trực tiếp, quang cảnh cuộc tuyệt



thực đã được phát trên làm sóng của đài truyền hình Dessau (TV Dessau Nachrichten) vào 18 giờ cùng ngày. Thay mặt anh chị em tuyệt thực viên, anh Trưởng ban Thiện Tín Dương Văn Mạnh lên tiếng gửi lời cảm ơn đến các cấp chính quyền thành phố Dessau, các Tổ Chức, Hội Đoàn, Báo chí và Nhân dân thành phố đã nhiệt tình ủng hộ công cuộc đấu tranh của người Việt Nam. Cũng trong lời phát biểu này, anh đã lên tiếng kêu gọi tất cả những anh chị em đồng hương, các Hội đoàn, Tổ chức hãy cùng nhau về tề tựu trước cổng thành Brandenburg vào ngày 10.12.1998, vì đây là ngày kỷ niệm 50 năm ngày Quốc Tế Nhân Quyền.

Trong thời gian mọi người tuyệt thực, đã có rất nhiều dân bản xứ đến thăm hỏi, chia sẻ, động viên và tặng hoa cho mọi người. Cuộc tuyệt thực đã kết thúc vào lúc 14 giờ chiều ngày 13.11, với hơn 1000 tờ truyền đơn được phát cùng hơn 400 chữ ký ủng hộ. Tuy hãy còn mệt vì sau hai ngày tuyệt thực nhưng tất cả anh chị em vẫn nỗ lực, hũa hện cố gắng dấn thân vào sự nghiệp vì tương lai cho Dân Tộc Việt Nam.

Danh sách những người tuyệt thực:

1. Đoàn Thanh Bình. 2. Trưởng Thị Hoa
3. Bùi Thị Hoa. 4. Nguyễn Thị Hải .5. Nguyễn Thị Sơn . 6. Thiện Hiền Cáp Trọng Dũng 7. Thiện Uy Nguyễn ViệtĐức 8. Thạch Minh Hải 9. Nguyễn Thanh Hồng .10. Trần Thị Phượng .11. Hồ Anh Tuấn. 12. Nguyễn Bạch Tuyết. 13. Vũ Huy Thục. 14. Trần Quang Mạnh. 15. Thiện Lai Lê Thanh Tùng. 16. Thiện Tín Dương Văn Mạnh.

**Ban Chấp Hành Tiểu Ban Giải Trừ Pháp Nạn tại Hannover & VPC.**

## THÔNG BÁO

### • Đêm Văn Nghệ Dạ Vũ Tinh Thuởng IV

Kính thưa quý ân nhân và quý tham dự viên!

Với sự hưởng ứng nhiệt tình của quý vị, **Đêm Văn Nghệ Dạ Vũ Tinh Thuởng IV** được tổ chức hôm 05.09.98 vừa qua tại Bürgerhaus Troisdorf-Spich đã được thành công tốt đẹp. Số tiền lời thâu được là **8.625,06 DM** sẽ được Nhóm Trẻ Hy Vọng nhờ chuyển về các trại mồ côi, trại cùi và các lớp học tình thương theo như mục đích tổ chức của Đêm Văn Nghệ. Danh sách các trại nhận được tiền trợ cấp sẽ được thông báo trong lần tổ chức tới.

Thay mặt những người kém may mắn nơi quê nhà, Nhóm Trẻ Hy Vọng xin trân trọng tri ân cùng thông báo đến quý vị.

### ● TÌM BẠN

Nam, cao 1,68 m, tuổi 23, con út trong gia đình, có nhà riêng tại Hà nội, hiện đang sống cùng anh chị và cháu tại Đức, gia đình lễ giáo, chăm chỉ, sống nội tâm, thật thà, biết Đức ngữ và Anh ngữ, muốn tìm bạn gái từ 18, không phân biệt tuổi tác, nếu hợp sẽ đi đến hôn nhân, nói mong thứ :

**Nguyễn Đức A, Thalkirchenstr.9, 80337 München**

# HỘP THƯ VIÊN GIÁC

**T**rong thời gian qua Viên Giác đã nhận được những thư tử, tin tức, tài liệu, bài vở, kinh, sách, báo chí của các Tổ Chức, Hội Đoàn, Tôn Giáo và Văn Thi Hữu khắp nơi gửi đến.

### • THƯ TÍN

Nguyễn Việt Nữ (USA); Lê Thị Bạch Nga (Canada); Dr. Trần Văn Tích (Đức); Ban Mê (Đức); Phạm Thắng (Canada); Lý Đại Nguyên (USA); Đặng Thị Thanh Nguyên (Đức); Ý-Nga (Ý); Đặng Quốc Việt (Đức); Từ Hùng Trần Phong Lưu & Quỳnh Hoa (Đức); Thiện Căn Phạm Hồng Sáu & Hồng Nhiên (Đức); Văn Nướng (Pháp); Minh Trang (Đức); Nguyễn Quang Toàn

(Việt Nam); Ngô Thị Hải Vân (USA); Huy Giang (Đức); Hương Giang Thái Văn Kiểm (Pháp); Viên Định Phạm Hoàn Nguyên (USA); Vi Khuê (USA); Duy Phương (Ý); Ủy Ban Bảo Vệ Quyền Lâm Người Việt Nam (Pháp); Nguyễn Tấn Hưng & Hồng Lan (USA); Nguyễn Chí Thành (Đức); Đoàn Thanh Bình (Đức); Tuệ Nga (USA); Nguyễn Văn Cường (Na Uy); Tôn Quang Tuấn (Đức); Ngô Quốc Phong (USA); Minh Châu (Bi); Người Quan Sát (Đức); Đại Đức Thích Hạnh Tấn (Ấn Độ); Inna Malkhanova (Nga); Nhật Trọng Trần Văn Minh (Đức); Thiện Hậu (Đức); BCH Tiểu Ban Giải Trừ Pháp Nạn Hannover & VPC; Vũ Kỳ (Bi); Nhóm Trẻ Hy Vọng (Đức); Phòng Thông Tin Phát Giáo Quốc Tế (Pháp); T.T. Lê Ngọc (Đức); Quang Tuấn (USA); Trần Thị Lộc Quê (Đức); Từ Nguyên (Pháp); Mai Lý Cang (Pháp); Nguyễn Thiện NT (Pháp); Võ Tá Hân (Singapore).

### • KINH SÁCH & BÁO CHÍ

**ĐỨC:** Đất Nước số 30, 31; Thông Tin VIDI số 5&6; Tạp chí Dân Chủ số 30; Auf zum Marsch in die Institutionen; Hướng Quê số 17; Diễn Đàn Pétrus Kỳ số 7; Đoàn Kết số 25; Tiến Bộ số 15; Dân Chủ & Phát Triển số 13; Cười Chớp Bu Đàng - Triệu Quyết Thắng; Cánh Én số 82, 83; Das kleine Buch vom rechten Leben von Dalai Lama; Tibet & Buddhismus Nr.47; Thiện Chí số 62; Việt Nam Hòa Bình số 17; Bàn Tin Tâm Giác 11/98; Diễn Đàn Việt Nam số 88; Development and Cooperation Nr.6; Développement et Coopération No.6; Entwicklung und Zusammenarbeit 11; Việt Nam Tự Do trên Internet; Nhiệt Huyết số 19; Bàn Tin Phật Sự số 3; Năng Mỏi số 8; Phục Hưng số 20; Informationsmateriel Südostasien Flüchtlingen 11/98; Dân Chủ cho Việt Nam số 24; Dân Văn số 66; Ánh Sáng số 14; Cao Đài Giáo Lý số 48.

**PHÁP:** Nhân Bản số 22; Việt Nam Dân Chủ số 25, 26; Quê Mẹ số 147; Hồ sơ Mạt về Thái Bình; Bốn vị lãnh giải Nobel yêu sách; Mai Vàng Đất Việt - Hoài Việt; Tiếng Nói Người Việt Quốc Gia số 2.

**ANH:** The mural paintings of wat Buddhapadipa.

**THUY SÍ :** Mục Vụ số 172.

**HÒA LAN:** Việt Nam Nguyệt San số 135.

**HOA KỲ:** Chân Trời Mới; Đặc San Phật Báo; Chánh Tín; Phật Giáo Hải Ngoại số 15; Ch'an Magazine; Liên Tông Thập Tam Tổ; Bồ Đề Hải số 40; Phật Giáo và Tâm Lý Học hiện đại; Bước Vào Thiên Cảnh; The four Sublime States - Thích Viên Lý; Phật Quang Thế Kỳ số 38.

**CANADA:** Đi Tới số 13, 15; Từ Ân.

**ÚC CHÂU:** Phước Huệ số 10; Pháp Báo số 51.

**ĐÀI LOAN:** Art News Nr.35; Thiên Phật Sơn số 114; Hiện Đại Phật Giáo số 210.

**SRI LANKA :** Night and Morning with Blükkhu Tissa.

## Mùa thu nhỏ nhưng

*Tinh thu nào có riêng đâu,  
Nửa sầu cố quốc, nửa sầu tha  
hương.*

*Đôi bờ cách mấy trùng dương,  
Nhỏ mùa sen tạ lại tưởng tử nhiều.  
Ngoài hiên thoi thóp dáng chiều,  
Có gì trong gió mà hiu hắt buồn.*

*Gió ơi! Phái gió có hồn  
Từ nơi cố quận chập chờn bay  
sang?*

*Khiến ta nhỏ xóm nhỏ làng,  
Nhỏ mùa thu, nhỏ trăng vàng năm  
xưa,*

*Nhỏ cô duyên dáng lái đò  
Đôi bờ đưa khách, bên bờ bên  
mong.*

*Sông Trà (\*) hạ đục thu trong,  
Nhỏ tôi là khách sang sông thuở  
nào.*

*Cùng nhau ngỡ một lời chào  
Thề mà cũng thể lòng trao nhau  
rời.*

*Thoáng qua mười mấy năm trôi  
Sao tôi nhỏ mãi một người bên  
sông.*

### ● Hoàng Dục

(\*) Sông Trà Lý chảy qua tỉnh Thái Bình.

# THÔNG CÁO BÁO CHÍ

NGÀY 27.10.1998

**Trống xuôi kèn ngược về trường hợp Thượng Tọa Thích Nhật Ban: Bộ Ngoại Giao ở Hà Nội tuyên bố trả tự do; tại Vũng Tàu công an bao vây khống chế**

**B**ản thông cáo báo chí bằng Anh và Pháp ngữ của "Ủy Ban Bảo Vệ Quyền Làm Người Việt Nam" đánh đi chiều 26.10.98 khẩn báo việc công an ngăn chặn không cho Phái đoàn LHQ gặp Đại Đức Thích Trí Tịnh tại Huế ngày 22.10, gặp Hòa Thượng Thích Huyền Quang ngày 24.10, và vào Thanh Minh Thiền Viện gặp Hòa Thượng Thích Quảng Độ lúc 11 giờ sáng 26.10, đã gây bối rối cho nhà cầm quyền Hà Nội. Nhất là nguồn tin trên được Văn phòng Đại diện LHQ ở Hà Nội xác nhận và các hãng thông tấn đánh đi nhiều đợt. Vì bối rối, nên ngày thứ ba hôm nay, phát ngôn viên Bộ Ngoại Giao, bà Phan Thanh Thủy, đã tuyên bố bừa rằng "Không có một hành động nào làm cản trở nhiệm vụ của ông Amor (Báo cáo viên đặc biệt của LHQ)". Và để đánh trống lảng trước một sự thật hiển nhiên đang gây chấn động thế giới, bà cho biết trong số 2630 tù nhân được ân xá đợt 2 có tên Thượng Tọa Thích Nhật Ban. Điều mà từ hơn một tuần lễ qua nhà cầm quyền không chịu tiết lộ.

Theo danh sách những nhân vật lãnh đạo tôn giáo mà Phái đoàn LHQ đề nghị gặp có Thượng Tọa Thích Nhật Ban. Thượng Tọa năm nay 61 tuổi, bị bắt ngày 6.11.94 và bị án tù 4 năm vì tội "phá hoại đoàn kết tôn giáo" do việc tham gia vào Phái đoàn của Giáo Hội Phật Giáo Việt Nam Thống Nhất (GHPGVNTN) đi cứu trợ nạn nhân bị lũ lụt ở đồng bằng sông Cửu Long. Được trả tự do trong đợt ân xá lần thứ hai năm nay, những kỳ thực Thượng Tọa chỉ ra trước hạn tù mười ba (13) ngày. Công an đã đưa thẳng từ trại Z30A ở Xuân Lộc về Tịnh Thất Linh Phong ở Dốc 47 trên đường Sài Gòn đi Vũng Tàu. Công an vây quanh Tịnh Thất và cấm Thượng Tọa không được rời chùa hay gặp gỡ bất cứ ai. Hiện sức khỏe Thượng Tọa rất suy yếu sau thời gian dài biệt giam và rất cần được chăm sóc.

Thượng Tọa Thích Nhật Ban đã bị giam cả thảy 15 năm tù vì tích cực ủng hộ GHPGVNTN do Hòa Thượng Thích Huyền Quang lãnh đạo, trong thời gian này 10 năm khổ sai ở trại Cải Tạo (1975-1985). Sau khi thả về Thượng Tọa liên tục bị công an quấy nhiễu, hành hạ; năm 1993, Thượng

Tọa bị công an đánh đập và bị trói vào gốc cây trong vòng 3 ngày không cho ăn uống, vì không chịu tuân lệnh phá ngôi chùa lá Ba La Mật của Thượng Tọa. Trước đợt ân xá ngày 2.9.98, quân giáo trại Xuân Lộc ra lệnh cho Thượng Tọa viết đơn xin ân xá. Thượng Tọa Nhật Ban từ khước và trả lời rằng: "Tôi có hề làm đơn xin vào tù đày mà nay làm đơn xin ân xá?". Vì vậy mà không được thả.

Ủy Ban Bảo Vệ Quyền Làm Người Việt Nam cực lực lên án chính sách lập lờ đánh lộn con đen của nhà cầm quyền Hà Nội, một mặt tuyên truyền âm ỉ những con số tù nhân ân xá ketchup dù chưa một lần công bố danh sách bảy, tám nghìn người ấy, mặt khác nuôi dưỡng một khí hậu đàn áp chính trị và cấm cản mọi quyền tự do căn bản của những tù nhân vừa được thả. Như trường hợp của Hòa Thượng Thích Quảng Độ, Tổng Thư Ký Viện Hóa Đạo, GHPGVNTN, vừa được trả tự do nhưng lại bị công an vây chùa cấm cản việc gặp Phái đoàn Điều tra của LHQ. Hiện nay Thanh Minh Thiền Viện nơi Hòa Thượng cư trú bị công an bao vây, kiểm soát, khiến Hòa Thượng phải thốt lên rằng: "Người ta đưa tôi từ một nhà tù nhỏ sang một nhà tù lớn". Tuy nhiên, Hòa Thượng cũng nhận định rằng: "Bằng việc cấm cản Phái đoàn LHQ vào gặp tôi, công an đã thay tôi nói lên một cách hùng biện và hữu hiệu rằng không có tự do tôn giáo, không có nhân quyền và dân chủ tại Việt Nam!". Lâm trường hợp tương tự, Đại Đức Thích Trí Tịnh, Giám tự chùa Linh Mục, Huế, từ khi rời trại Ba Sao, tỉnh Nam Hà, ngày 7.3.97 đã bị đưa về quản thúc tại chùa Tây Thiên, một ngôi chùa do Giáo hội Nhà nước quản lý.

Ở Việt Nam ngày nay, bất cứ ai ngộ lời phê phán về chính sách đàn áp tôn giáo hay chính trị đều bị bắt và kết án nặng nề theo các điều luật trong Bộ Luật Hình Sự năm 1986, hoặc bị quản lý hành chính từ 6 tháng đến 2 năm, do công an quyết định mà không cần thông qua Tòa án, theo Chỉ Thị 31/CP ký ngày 14.4.1997.

Làm tại Paris, ngày 27.10.1998  
Ủy Ban Bảo Vệ Quyền  
Làm Người Việt Nam

NGÀY 27.10.1998

**Vi phạm trắng trợn quyền tự do đi lại và tiếp xúc của Phái đoàn LHQ: Hà Nội cấm ông Abdelfattah Amor gặp gỡ Hòa Thượng Thích Huyền Quang, Hòa Thượng Thích Quảng Độ và các Thượng Tọa Tuệ Sỹ, Trí Siêu, Trí Tịnh.**

**N**hân danh Chủ tịch Ủy Ban Bảo Vệ Quyền Làm Người Việt Nam, hôm qua ông Võ Văn Ái đã lên tiếng tố cáo: "Cộng đồng thế giới sẽ chẳng còn ai tin vào những lời tuyên bố giả nhân giả nghĩa của nhà cầm quyền Hà Nội về cái gọi là tự do tôn giáo tại Việt Nam, sau sự kiện ngăn cản một cách trắng trợn và phi giao tế Phái đoàn Liên Hiệp Quốc thi hành nhiệm vụ

điều tra tôn giáo. Dùng bạo lực công an để ngăn chặn các chuyên gia LHQ về vấn đề tôn giáo gặp gỡ các nhà lãnh đạo tôn giáo ở Việt Nam là hành động vi phạm nghiêm trọng các quyền căn bản như tự do ngôn luận, tự do tín ngưỡng, tự do hội họp và tự do đi lại được Tuyên Ngôn Quốc Tế Nhân Quyền bảo đảm".

Ủy Ban Bảo Vệ Quyền Làm Người Việt Nam cực lực phản đối việc ngăn cấm ông Abdelfattah Amor, Trưởng Phái đoàn LHQ điều tra đàn áp tôn giáo, gặp gỡ hàng Giáo phẩm lãnh đạo Giáo Hội Phật Giáo Việt Nam Thống Nhất (GHPGVNTN) trong thời gian Phái đoàn làm việc ở Việt Nam kể từ ngày 19.10.98. Sự việc đã trái ngược với lời cam kết của nhà cầm quyền Hà Nội để cho Phái đoàn LHQ tự do đi lại, tự do gặp gỡ các nhà lãnh đạo tôn giáo kể cả GHPGVNTN là giáo hội đang bị đàn áp.

Chiều hôm qua, thủ hải 26.10.98, Văn Phòng Viện Hóa Đạo GHPGVNTN ở Việt Nam báo động Ủy Ban Bảo Vệ Quyền Làm Người Việt Nam về sự kiện xảy ra lúc 11 giờ sáng tại Thanh Minh Thiền Viện ở Sài Gòn. Nguyên ông Abdelfattah Amor, Trưởng Phái đoàn điều tra LHQ, đã điện thoại đến Thanh Minh Thiền Viện từ tuần trước xin được gặp Hòa Thượng Thích Quảng Độ và hai Thượng Tọa Thích Tuệ Sỹ, Thích Trí Siêu (Lê Mạnh Thát) tại Thiền Viện lúc 11 giờ sáng ngày 26.10.98. Nhưng từ sáng sớm, công an đã đến chùa yêu cầu Hòa Thượng Thích Thanh Minh không được mở cửa chùa tiếp Phái đoàn LHQ. Hòa Thượng Thích Thanh Minh đã đáp: "Ngôi chùa này vốn trước kia do HT. Quảng Độ làm Viện chủ. Nhưng trong thời gian Hòa Thượng bị đi tù, Nhà nước đã bắt tôi thay thế trụ trì. Nay Hòa Thượng được trả tự do, tất nhiên Hòa Thượng có toàn quyền tiếp bất cứ ai Hòa Thượng muốn. Nếu các ông còn ép buộc tôi làm trái lẽ đạo một lần nữa, tôi sẽ tự thiêu ngay tức khắc trước mặt quý vị để phản đối". Thấy không thành công việc bắt Tăng sĩ "tự mình kiểm duyệt mình", nghĩa là tự mình từ chối tiếp Phái đoàn LHQ để Nhà nước rửa tay vô tội, Công an liền rút lui và chuẩn bị kịch bản thứ hai. Đó là bao vây chùa và ngăn cản ông Abdelfattah Amor và Phái đoàn LHQ vào Thanh Minh Thiền Viện gặp HT. Quảng Độ. Sau 15 phút giằng co, ông Amor cùng Phái đoàn đành hướng mặt vào chùa vẫy tay chào từ biệt, ra hiệu tiếu nuối và bất nhẫn, rồi lên xe ra đi.

Đây cũng là kịch bản xảy ra ở Huế ngày 22.10.98 và 24.10.98 tại Đà Nẵng. Theo lộ trình đã được Nhà cầm quyền Hà Nội chấp thuận, thì ngày 22.10.98 Phái đoàn đến Huế gặp Đại Đức Thích Trí Tịnh, Giám tự chùa Linh Mục, bị bắt sau cuộc biểu tình 40.000 Phật tử xuống đường tại Huế đòi hỏi cho tự do tôn giáo và nhân quyền ngày 24.5.93, bị kết án 4 năm tù. Nhưng từ khi rời trại Ba Sao, tỉnh Nam Hà, ngày 7.3.97, Đại Đức bị đem về quản thúc ở chùa Tây Thiên do Giáo hội Nhà nước kiểm soát. Sau đấy Phái đoàn vào Đà Nẵng lấy xe hơi đi Quảng Ngãi gặp Hòa Thượng Thích Huyền Quang, rồi trở lại Huế để vào Sài Gòn vào sáng chủ nhật 25.10.98. Thế nhưng Công an lại dẫn Phái đoàn LHQ đi thăm chùa Từ

Đàm và Trưởng Cao Đẳng Phật Học, mà không cho đi gặp Đại Đức Thích Trí Tịnh, cũng như ngăn cấm Phái đoàn vào Quảng Ngãi gặp Hòa Thượng Thích Huyền Quang tại nơi mà Hòa Thượng bị giam cầm từ 16 năm qua không xét xử, không cho biết lý do. Do đó, Phái đoàn LHQ đã phải rời Huế từ sáng 24.10.98 đi Sài Gòn. Không ngờ rằng tại Sài Gòn họ lại bị xử một cách vũ phu như ở Huế. Và họ chỉ được dẫn đi thăm Thiên Viện Vạn Hạnh của Hòa Thượng Thích Minh Châu và một lớp Phật học ở chùa Vĩnh Nghiêm, hai cơ sở của Giáo hội Nhà nước. Tại chùa Vĩnh Nghiêm, các Tăng sinh trong lớp học đã im phăng phắc trước câu hỏi của ông Amor: "Các vị ở đây có được tự do tu học, tự do hành đạo không?" Sự thực trên đây được làm lộ rõ ý đồ kiểm soát và đàn áp trắng trợn GHPGVNTN nói riêng và các tôn giáo nói chung tại Việt Nam qua Chỉ Thị ngày 2.7.98 của Bộ Chính Trị về "Công tác tôn giáo trong tình hình mới", qua lời tuyên bố của ông Trưởng Ban Tôn Giáo chính phủ, Lê Quang Vịnh, cũng như qua lời tung hứng "Đàng hát con khen" của Sư Thích Thanh Tú, Phó Chủ Tịch Ban Thường Trực Hội Đồng Trị Sự Giáo Hội Phật Giáo Nhà Nước, rằng: phải trừng trị những nhà Sư vi phạm "an ninh quốc gia", phải kiểm soát lý lịch chính trị các Tăng Ni Phật Giáo!

Làm tại Paris, ngày 27.10.1998  
Ủy Ban Bảo Vệ Quyền  
Làm Người Việt Nam

**NGÀY 29.10.1998**

**Lời tuyên bố của Ông Abdelfattah Amor, Trưởng Phái đoàn LHQ, sau chuyến đi điều tra đàn áp tôn giáo tại Việt Nam**

Từ 3 ngày qua, tất cả các Hãng Thông Tấn, Báo, Đài quốc tế đều lên tiếng trách cứ nhà cầm quyền Hà Nội bỏ lỡ dịp may sơn phết lại bộ mặt nhân quyền của chế độ qua cú xử ngăn chặn Phái đoàn LHQ thi hành nhiệm vụ điều tra tại Việt Nam. Cũng chính vì sự vi phạm quyền tự do đi lại, quyền tự do gặp gỡ của Phái đoàn LHQ, cũng hiện trạng đàn áp các tôn giáo, mà ông Trưởng Phái đoàn Abdelfattah Amor hủy bỏ cuộc họp báo dự trù tại Hà Nội chiều hôm qua 28.10.98 trước khi rời khỏi Việt Nam; mà người ta có thể chờ đợi một lời ca ngợi xã giao nào đó với chính quyền cộng sản. Lời ca ngợi xã giao ấy không hề được cất lên, vì sự trạng tiếp đón quá phũ phàng và trắng trợn. Một nhà ngoại giao Tây phương ở Hà Nội thán lên qua một bản tin quốc tế rằng: "Thật xấu hổ! (Chính quyền) Việt Nam đã đánh mất một cơ hội ngàn vàng để cải thiện bộ mặt (nhân quyền) của mình!".

Về đến trụ sở LHQ ở Genève và chuẩn bị lên đường sang LHQ ở New York, sáng nay ông Abdelfattah Amor đã điện thoại thăm ông Võ Văn Ái, Chủ Tịch "Ủy Ban Bảo Vệ Quyền Làm Người Việt Nam" kiêm Phó Chủ Tịch "Liên Đoàn Quốc Tế Nhân Quyền", ở

Paris., và cho biết cảm tưởng về chuyến đi Việt Nam vừa qua. Ông tiếc việc nhà cầm quyền Việt Nam đã không giúp đỡ tích cực cho ông hoàn thành nhiệm vụ điều tra của mình. Ông nói rằng "tôi được họ chính thức mời" chứ có phải khách lạ đâu, mà chỉ được gặp các vị đại diện tôn giáo thuộc các tổ chức của Nhà nước, nhưng không được gặp bất cứ ai nằm trong danh sách lãnh đạo tôn giáo mà ông yêu cầu. Ngoại trừ hai Thượng Tọa Thích Không Tánh và Thích Thiện Minh tại trại Z30A ở Xuân Lộc, tỉnh Đồng Nai. Hai Thượng Tọa là thành viên của Giáo Hội Phật Giáo Việt Nam Thống Nhất. Tuy nhiên, cuộc gặp gỡ phải bỏ dở nửa chừng vì không diện ra trong không khí tự do và khách quan theo tiêu chuẩn LHQ; người quản giáo trại tỏ vẻ hách dịch, can thiệp không ngừng để cắt lời trình bày của hai Thượng Tọa Phật Giáo. Tại trại Xuân Lộc, ông Amor yêu sách gặp thêm Thượng Tọa Thích Huệ Đăng và các Linh Mục Công Giáo, nhưng quản giáo trại phủ nhận sự có mặt của họ ở trại giam, mặc dù một số tù nhân hiện diện xác định sự hiện hữu của các vị này. Ông cũng cho biết: "Tôi đã bị ngăn cản gặp Đại Đức Thích Trí Tịnh, Giám tự chùa Linh Mục, ở Huế, bị cấm đi Đà Nẵng để vào Quảng Ngãi gặp Hòa Thượng Thích Huyền Quang, và tại Thanh Minh Thiền Viện ở TP Hồ Chí Minh tôi thực sự bị xua đuổi (refoulé) không cho gặp Hòa Thượng Thích Quảng Độ và hai Thượng Tọa Thích Tuệ Sỹ, Thích Trí Siêu (Lê Mạnh Thát)". Ông cũng cho biết: "Bây giờ tôi đang lấy lại bình tĩnh, dành thời gian viết bản Phúc Trình đưa ra trước Ủy Ban Nhân Quyền LHQ vào khóa họp tháng ba năm tới. Tôi chưa thể nói hết mọi sự trong lúc này. Và cũng vì vậy mà tôi đã hủy bỏ cuộc họp báo dự trù tại Hà Nội trước khi tôi rời Việt Nam. Nhưng cũng đã giao cho Văn phòng Đại diện Chương trình Phát triển LHQ ở Hà Nội phổ biến bản Thông Cáo Báo Chí của tôi".

Vì tính chất giao tế và tôn trọng sự làm việc khách quan của ông Abdelfattah Amor, Báo cáo viên đặc nhiệm của LHQ về vấn đề đàn áp tôn giáo trong thế giới, chúng tôi chưa tiện phổ biến toàn bộ cuộc điện đàm sáng nay giữa ông Amor với ông Võ Văn Ái. Tạm thời, chúng tôi xin dịch nguyên văn bản Thông Cáo Báo Chí của ông Amor sau đây:

**Thông cáo báo chí của báo cáo viên đặc nhiệm của ủy ban nhân quyền LHQ về vấn đề bất dung tôn giáo, ông Abdelfattah Amor.**

"Từ ngày 19 đến 28.10.1998, Báo cáo viên đặc nhiệm của Ủy Ban Nhân Quyền LHQ về vấn đề Bất dung tôn giáo, ông Abdelfattah Amor, đã thi hành công tác tại Việt Nam, theo yêu cầu của LHQ và lời mời của Chính phủ Việt Nam, trong tư cách Báo cáo viên đặc nhiệm của LHQ, và y theo các nguyên tắc cùng thể lệ điều khiển nhiệm kỳ của ông.

Báo cáo chuyến công tác sẽ được đệ trình trong khóa họp sắp tới của Ủy Ban Nhân

Quyền LHQ ở Genève, vào tháng 3.1999. Những phân tích, đánh giá, kết luận và những khuyến cáo về chuyến viếng thăm sẽ là mục tiêu của bản báo cáo.

Tuy nhiên, Báo cáo viên đặc nhiệm muốn thông báo những tin tức sau đây liên quan đến chuyến đi ở Hà Nội, Huế, TP Hồ Chí Minh, Tây Ninh.

Liên quan đến những hoạt động tại Việt Nam, Báo cáo viên đặc nhiệm đã có những cuộc hội họp với nhà cầm quyền, Hội Phật Giáo Việt Nam, Giáo Hội Công Giáo, những người Hồi Giáo và những người Cao Đài. Các cuộc viếng thăm những nơi thờ tự cũng song hành bổ túc các cuộc hội họp nói trên. Báo cáo viên đặc nhiệm lấy làm tiếc không được xử trí để gặp gỡ một số người phụ trách, những vị đại diện các cộng đồng tôn giáo (Hòa Hào, Lão Giáo, Khổng Giáo, Ấn Độ Giáo). Cũng lấy làm tiếc không được giúp đỡ đến Đà Nẵng và đến quận Nghĩa Hành tỉnh Quảng Ngãi.

Bởi đó mà Báo cáo viên đặc nhiệm không thể điện đàm với Đại Lão Hòa Thượng lãnh đạo Giáo Hội Phật Giáo Việt Nam Thống Nhất (GHPGVNTN), Thích Huyền Quang. Báo cáo viên đặc nhiệm bị ngăn cấm không cho gặp những Tăng sĩ thuộc GHPGVNTN vừa được trả tự do trong dịp ân xá của Chính phủ Việt Nam, Tiến sĩ Thích Quảng Độ, Giáo sư Thích Tuệ Sỹ và Thích Trí Siêu. Nhiều cuộc hội họp riêng với những người Cao Đài, Hòa Hào, Khmer Krom cũng đã không thể thực hiện. Đối với các trường hợp này cần phải được minh giải.

Theo yêu sách, Báo cáo viên đặc nhiệm đã được đến thăm Trại Z30A ở Xuân Lộc, tỉnh Đồng Nai, để có thể điện đàm với ba thành viên của GHPGVNTN, Thích Không Tánh, Thích Nhật Ban và Thích Thiện Minh. Đến nơi, Báo cáo viên đặc nhiệm được cho biết Thượng Tọa Thích Nhật Ban vừa được trả tự do ngày hôm trước, trong đợt ân xá lần thứ hai của Chính phủ Việt Nam. Cuộc gặp gỡ riêng này chỉ được diễn ra theo thể lệ của LHQ sau cuộc thương lượng dài tại chỗ với viên quản giáo trại. Thế nhưng, Báo cáo viên đặc nhiệm đã phải rút ngắn cuộc gặp gỡ vì lý do viên quản giáo trại can thiệp nhiều lần vào cuộc nói chuyện làm xúc phạm tính cách riêng tư của cuộc điện đàm. Mặc khác, sau khi kiểm tra, viên quản giáo trại tuyên bố rằng trong trại không hề có tên Thích Huệ Đăng, thành viên của GHPGVNTN, và ba người Công Giáo, John Bosco Phạm Minh Trí, Bernard Nguyễn Việt Huân, Michael Nguyễn Văn Tính, mặc dù nhiều nguồn tin xác nhận sự hiện hữu của họ, và xác định việc một người trong họ mắc bệnh tâm thần.

Qua lời cảm ơn Chính phủ Việt Nam đã có lời mời. Báo cáo viên đặc nhiệm muốn nhắc lại sự cần thiết phải tôn trọng những quy tắc và bảo đảm có liên hệ đến nhiệm kỳ của Báo cáo viên đặc nhiệm, trong đó có quyền tự do đi lại, tự do gặp gỡ bất cứ ai, ngoài mọi cưỡng bách và tác động".

Làm tại Paris, ngày 29.10.1998  
Ủy Ban Bảo Vệ Quyền  
Làm Người Việt Nam

## Mùa Vu Lan 1998 tại Cali có gì đặc biệt? Người hùng Lý Tống dự lễ Vu Lan

● Phóng sự Phật sự của Thanh Vũ

Có thể nói sinh hoạt chung của gần 40 ngôi Chùa tọa lạc tại khắp nơi trong Tiểu Bang California - Hoa Kỳ, đều rất đặc sắc trong mùa Vu Lan với các Lễ Cầu An, Sám Hối, Lễ Phóng Sanh và Cầu Siêu v.v...

Ở đây chúng tôi chỉ ghi lại hai buổi Lễ Khánh Thành Chùa và Tháp mới, trong đó có sự tham dự của những nhân vật mà ai nghe đến cũng đều ngưỡng mộ.

**Trước hết là Lễ Khánh Thành chùa Phật Quang tại thành phố Fairfield**, một thành phố thuộc miền Tây Bắc Cali, nằm giữa San Francisco và Sacramento, cách trung tâm điện tử San José độ 150 miles về hướng Bắc. Chùa này hoàn toàn do thiện tâm của tu nhân sáng lập, không quyên góp của ai. Đặc biệt tu nhân đó lại là người Hoa Kỳ, ông Ted Branton, là một Kỹ sư hồi hưu. Ông có vợ là bà Nguyễn Tuyết Nhung. Ông từng cùng vợ tổ chức tiếp đón người tỵ nạn cộng sản định cư vào nước Mỹ sau ngày 30 tháng Tư năm 1975.

Trong những dịp tiếp xúc với người Việt bỏ xứ ra đi tìm tự do, ông Branton rất khâm phục ý chí phấn đấu của người Việt. Ông thấy tất cả các nước đều có tổ chức để đoàn kết người đồng hương. Còn tuy người Việt rất giỏi, rất thông minh nhưng thiếu tổ chức vì thiếu đoàn kết? hay ngược lại, vì thiếu đoàn kết nên không có tổ chức để sinh hoạt, để tiến bộ? Không cần biết cái gì là nguyên nhân chính, ông Branton chỉ biết là cần giúp người Việt nơi gia đình ông cư ngụ và vùng phụ cận có một ngôi Chùa để đoàn kết tu học, làm nền tảng cho thế hệ tương lai. Và ông chẳng những khuyến khích vợ mà còn ủng hộ cả công lẫn của để ngôi Phật Quang Tự trang nghiêm được khánh thành vào ngày thứ bảy 12 tháng 9 năm 1998 trước sự chứng giám của Thượng Tọa Thích Nhật Minh thuộc Chùa Hướng Tích và các Đại Đức Tăng, Ni đến từ Los Angeles, San Francisco, San José và đồng bào tại Fairfield cùng các vùng phụ cận.



Ảnh chụp chung tại chánh điện chùa Phật Quang, từ trái sang phải: Phóng viên Thanh Vũ, Nhà văn Nguyễn Việt Nữ và Anh hùng Lý Tống.

Trong hàng Phật tử tham dự, đặc biệt có Anh hùng Lý Tống, vừa về từ ngục tù cộng sản ngày 2 tháng 9. Báo chí thế giới đều ca ngợi Lý Tống, người hùng "không tặc" ngày 4.9.1992 đã uy hiếp máy bay từ Thái Lan về không phận Sài Gòn, thả 50.000 tờ truyền đơn kêu gọi dân chúng nổi dậy lật đổ gông cùm cộng sản.

**Còn chuyện đặc biệt thứ hai là Lễ Khánh Thành Báo Ân Bảo Tháp tại Chùa Tam Bảo**, Fresno vào một tuần sau đó; có Tăng Thống Mã Lai và Tân Gia Ba tham dự mà Đại Đức trụ trì của chùa được tấn phong Thượng Tọa. (Di nhiên người tu hành không muốn nói về mình, Thầy đã dặn không cho viết chi tiết việc "thăng chức" này, nhưng trọn buổi Lễ được hai đài truyền hình số 47 và 30 của Hoa Kỳ thu và phát hình, cho nên không nói lên là một điều thiếu sót nên con xin mang tội cái lời Thầy mà viết bài tường thuật kèm theo hình ảnh sau đây):



Tăng Thống Mã Lai và Tân Gia Ba, Chủ Hòa Thượng, Thượng Tọa Tăng, Ni thuộc hàng giáo phẩm Việt Nam như Hòa Thượng Thích Đức Niệm, Hòa Thượng Thích Giác Lượng đang làm lễ chào quốc kỳ và Phật Giáo kỳ.



Thượng Tọa Thích Tâm Quang và Nhà văn Nguyễn Việt Nữ trước cổng chùa Tam Bảo, bên cạnh Đài Lộ Thiên Quán Thế Âm Bồ Tát và dưới chân Báo Tháp Báo Ân.

**Nhân Mùa Vu Lan Báo Hiếu, Tăng Thống Mã Lai và Tân Gia Ba dự lễ khánh thành bảo tháp đầu tiên tại California**

● Phóng sự của Thanh Vũ

Vào 11 giờ sáng Chủ Nhật ngày 20.9.98, Đại Lễ Tôn Trí Xá Lợi Phật được cử hành tại chùa Tam Bảo thuộc thành phố Fresno (cách Los Angeles gần 300 miles về hướng Bắc, cách San Francisco và thủ phủ Sacramento gần 200 miles về hướng Nam).

Xá Lợi Phật được tôn trí trong tòa Báo Tháp bảy tầng vừa mới xây xong.

Lễ cất bằng khánh thành ngôi Báo Tháp được cử hành dưới sự chủ tọa của Tăng Thống Mã Lai và Tân Gia Ba, tức Đại Lão Hòa Thượng Tiến sĩ K. Sri Dhammananda, Chủ Hòa Thượng, Thượng Tọa, Tăng, Ni thuộc hàng giáo phẩm Việt Nam như Hòa



Thượng Thích Đức Niệm, Hòa Thượng Thích Giác Lượng v.v... và sáu vị Tu sĩ ngoại quốc thuộc Tu Viện Rosemead do Thượng Tọa Viện Trưởng Blante Chao Chu hướng dẫn, và các đại diện dân cư cùng các đoàn thể của thành phố Fresno.

Thường vào mùa Vu Lan, ngày nghỉ cuối tuần chùa nào trên khắp nước Mỹ cũng thay nhau làm lễ, quý chú Tăng Ni phải có mặt để chứng minh Lễ tại mỗi chùa địa phương và các Phật Tử cũng chia nhau ở lại lo Phật sự cho chùa mình, nhưng số đại diện đi Fresno tham dự cũng hơn 500 người. Phái đoàn Phật Tử tham dự thuộc các vùng miền Bắc Cali như San Francisco, Oakland, San José, Sacramento và miền Nam như Los Angeles, Santa Ana, Fresno và vùng phụ cận...; có cả phái đoàn Phật Tử từ tiểu bang Washington do Ni Sư Thích Nữ Giác Hường, tiểu bang Oregon do Sư Cô Thích Nữ Tấn Không hướng dẫn về Cali tham dự.

Được biết ngôi Báo Tháp khung bằng thép, vách bằng xi-măng loại bền bỉ (lifetime warranty), cao trên 10 thước (32 feet), sơn màu vàng cam với mái cong cổ kính, đi trên xa lộ 99, vừa exit vào

Fresno là đã "bắt mắt" du khách ngay, là tác phẩm kiến trúc của Kiến Trúc Sư Nguyễn Phúc Thuyền, được hoàn thành nhờ sự góp công và của trên 70 ngàn Mỹ kim của đồng bào Phật Tử và qua sự đôn đốc kiên trì trong 10 tháng của lão ông năm nay đã 80 tuổi là cụ Phạm Đình Khoát, Trưởng Ban Trị Sự Chùa Tam Bảo.

Sau lễ chào Quốc Kỳ Mỹ, Việt và Phật Giáo Kỳ, Đại Đức Thích Tâm Quang, chủ trì chùa Tam Bảo đọc diễn văn khai mạc chào mừng, cảm ơn sự hiện diện quý báu của quan khách, đặc biệt cảm ơn hai vị này và tất cả đồng bào Phật Tử xa gần, tóm tắt như sau: *"... Nhờ thiện duyên cũng như sự vi diệu của Ch� Phật, tâm nguyện chí thành của Phật Tử trong vùng Central Valley, chùa Tam Bảo có được Xá Lợi của Phật để thờ trong Bảo Tháp... Hôm nay ngày khánh thành ngôi Bảo Tháp, cũng là ngày Vu Lan Báo Hiếu, ngày mà những người con thảo cháu hiền, noi gương hiếu hạnh của đức Mục Kiền Liên, thể hiện lòng hiếu thảo phụng dưỡng cha mẹ khi cha mẹ còn hiện tiền và gắng sức tu tập, làm nhiều phúc thiện, chí thành cầu nguyện hồi hƱởng công đức đến các bậc đĩ từ giĩ cõi đời.*

*"Ly hƱởng vì quốc nạn, người Việt tưởng nhớ công Ơn như trời như biển của cha mẹ, các đấng tổ tiên, thành kính dâng nén tâm nhang... hƱởng vọng về quê hƱởng yêu dấu, cầu nguyện Ch� Phật mỗi phƱờng, hồn thiêng đất nước, anh linh tử sĩ phù hộ cho quê hƱởng dân tộc sớm thoát khỏi cảnh gông cùm xiềng xích, cầu nguyện cho các Thế Lực vô minh sớm thức tỉnh được người dân Việt được tự do hạnh phúc, cơm no áo ấm..."*

Tăng Thống Mã Lai và Tân Gia Ba, tức Đại Lão Hòa Thượng Tiến Sĩ K. Sri Dhammananda, trong đạo từ Ngài cho biết từ lâu nay đã có sự quan hệ khắn khít giữa Đại Đức Thích Tâm Quang và Ngài trong việc phát triển Phật Giáo, Ngài cảm ơn vị Trụ Trì Chùa Tam Bảo đã bỏ công dịch ra tiếng Việt hầu hết những sách do Ngài viết để phổ biến Phật pháp sâu rộng khắp thế giới. Hôm nay Ngài cũng tán thán công đức của Đại Đức Thích Tâm Quang, và Phật Tử Việt Nam đã chọn ngày Vu Lan để khánh thành ngôi Bảo Tháp, vì "Vu Lan là tưởng nhớ đến người đã khuất, là điều quan trọng nhất của con người". Đức Tăng Thống khuyên người Việt hải ngoại tuy phải bỏ xứ ra đi, cũng có thể tìm được an lạc cho chính mình và góp phần kiến tạo hòa bình cho thế giới nếu thực hành lời Phật dạy là luôn luôn trau dồi trí tuệ để biết phân biệt chánh tà, vì trí tuệ nếu sử dụng sai thì thay vì xây đắp lại có thể tàn phá cả thế giới. Ngài Tăng Thống cầu chúc mọi người luôn tinh tấn trong Phật học, một tôn giáo có trên 2.500 năm tại Á Châu xuất phát từ quan niệm rất đốn giản của Đức Phật là "sống và sống thực".



Quang cảnh ngày lễ khánh thành Bảo Tháp Báo Ân tại Fresno 20.9.98

Ngệ viên thành phố Fresno, ông Dan Ronquillo đã tỏ ra rất hiểu biết về ý nghĩa Lễ Vu Lan khi ông nói rằng: *tất cả chúng ta đều cùng nỗ lực xây đắp hòa bình, mà hòa bình chỉ có thể khởi đi từ quá khứ bằng cách kính trọng những bậc sinh thành, những người quá cố và cùng kính trọng lẫn nhau, kính trọng những tôn giáo khác.* Thay mặt dân chúng thành phố Fresno, ông đã bày tỏ lòng khâm phục cộng đồng tỵ nạn Việt Nam, sống trong hoàn cảnh ly hƱởng nhưng không quên nguồn gốc văn hóa của mình. Ông cũng cảm ơn cộng đồng Việt Nam, đã chọn Fresno của ông mà liên tục phát triển văn hóa, khiến con đường Elm của Fresno hơn 10 năm trước đây chỉ là bãi rác hoang phế mà hai năm trước ông đã có dịp dự lễ khánh thành Chùa Tam Bảo khang trang, rồi Lễ An Vị Đài Lộ Thiên Quán Thế Âm Bồ Tát, và hôm nay, được hân hạnh cất bằng khánh thành ngôi Bảo Tháp. Ông Ronquillo cảm ơn các Tăng Ni đã đến Fresno từ các quốc gia và các tiểu bang khác và đặc biệt

ngưỡng mộ Tu sĩ Thích Tâm Quang, người đã dày công trong việc tạo dựng Chùa và tượng Phật quý báu đó, vì theo ông, *nhờ có công tác văn hóa đó mà vũ khí giết người và tội phạm được giảm đi; và sau cùng, nhờ đọc những quyển sách dịch về Phật Giáo có Anh ngữ mà ông hiểu được giáo lý Phật Giáo nhiều hơn.*

Tiếp theo, nhà văn Nguyễn Việt Nữ được mời đại diện giới Phật Tử phát biểu cảm tưởng. (Nhận thấy bài phát biểu này khai thác khá chi tiết về những tư tưởng vừa nói trên đây của Đại Lão Hòa Thượng Tăng Thống Mã Lai, và giúp người ngoại quốc hiểu về Phật Giáo nhiều hơn nên sẽ xin đăng lại nguyên văn ở phần sau).

Cuối cùng là đạo tử của Hòa Thượng Thích Đức Niệm, Viện Chủ Phật Học Viện Quốc Tế, Đại Diện Giáo Hội Phật Giáo Việt Nam Thống Nhất Hải Ngoại tại Hoa Kỳ.

Tóm tắt đạo tử như sau:

*"Hôm nay là ngày vui mừng cho Phật Tử ở Fresno có Ngôi Báo Tháp. Đây là niềm hãnh diện chung cho người Việt tỵ nạn trên xứ Hoa Kỳ này. Vì Báo Tháp là một trong những biểu tượng cho nền văn hóa và tín ngưỡng Việt Nam. Nơi đây trước đây mười mấy năm là một khoảnh đất cỏ rác dỏ dáy, nhưng từ ngày Đại Đức Thích Tâm Quang có một ngôi chùa khánh thành rồi đến Lễ Đài Quan Âm và ngày nay có Báo Tháp, thì điều đó chứng tỏ hãnh diện rằng người Việt Nam chúng ta khi đến xứ Hoa Kỳ không phải để ăn cơm no áo ấm rồi phung phí thì giờ mà chúng ta đã góp phần vào văn hóa của Hoa Kỳ, cho nước Hoa Kỳ được lợi ích của nền văn hóa đa chủng. Rồi ta mang văn hóa Việt Nam chúng ta như ngôi Báo Tháp, cho dân tộc Hoa Kỳ cho xứ sở Hoa Kỳ, đó là điều mà ta cần phải lấy làm hãnh diện. Ngôi Chùa và ngôi Báo Tháp, mà đặc biệt là ngôi Báo Tháp là tại Cali này chưa có một Báo Tháp nào khác, điều đó nói lên công trình của Đại Đức Thích Tâm Quang. Đại Đức Thích Tâm Quang tuy xuất gia chỉ trên mười năm thôi mà liên tục xây dựng cơ sở, đạo hạnh tu hành và dịch thuật kinh sách thì điều đó đáng cho chúng ta ca ngợi và hãnh diện. Và trong tinh Thầy Trò hôm nay, trước quĩ chử Hòa Thượng, Thượng Tọa, Đại Đức Tăng Ni cũng như trước tất cả đồng bào Phật Tử, tôi xin lấy tinh của Sư Phụ mà tấn phong cho Đệ Tử là Đại Đức Thích Tâm Quang đây được lên Thượng Tọa cho xứng đáng với công trạng của Thầy..."* (cử tọa vỗ tay vang dội).

Lúc ấy có hai Phật Tử bước ra quĩ trước các chử Tăng Ni, cung kính dâng bộ Y Hậu, Đại Đức Thích Tâm Quang (vội về phần văn, trụ trụ) tiến tới nhận lễ vật này trong nhiều tràng pháo tay nổ nức của Phật Tử và quan khách.

Chờ cho hội trường im lặng trở lại, Hòa Thượng Thích Đức Niệm mời tiếp tục:

*"Thưa các Phật Tử, tuy thời gian xuất gia chưa đủ để lên Thượng Tọa, nhưng công đức tu hành và hành đạo, tạo dựng chùa chiền tháp tự và công đức dịch thuật kinh sách và nhất là tuổi tác của Đại Đức Thích Tâm Quang đã gần 80 rồi, cũng rất xứng đáng để mà lên Thượng Tọa (cử tọa lại hoan hỉ vỗ tay). Hôm nay cũng là một ngày trong mùa Vu Lan, nên tôi xin đặt tên Tháp này là Báo Ân Báo Tháp. Trước đây 2 năm tôi cũng đặt tên chùa này là chùa Tam Bảo. Vậy thì từ đây tại chùa Tam Bảo này có Tháp Báo Ân, tất cả đều từ bản tay và tâm huyết của Đại Đức Thích Tâm Quang mà giờ đây đã lên Thượng Tọa. Vậy tôi xin cầu chúc cho mọi người được an lành và hƱởng vào đây để mà chiêm bái Phật. Sau này khi tuổi già quý vị có nơi nương tựa là ngôi Báo Tháp. Bây giờ quý vị còn nương tựa nơi nhà quý vị, mai kia một nọ quý vị chỉ còn nắm tro thì quý vị có cái Báo Tháp để vỗ mà ngồi. Được chưa?... (Tiếng vỗ tay vang dội). Vậy thì cầu chúc cho Thầy Tâm Quang cố gắng hơn nữa, sống lâu hơn nữa để giúp cho sự hoằng đạo và mở mang Phật đạo tại Hoa Kỳ này... v.v..."*

Có thể nói trong suốt buổi lễ, lúc nào cũng có sự hiểu biết và đồng thuận hoan hỉ giữa người nói và người nghe bằng những tràng pháo tay vồn vã. Vì diễn giả nào cũng khiến người nghe cảm thấy được sự gắn liền giữa đạo và đời. Như bài diễn văn khai mạc của Thượng Tọa Thích Tâm Quang, sau khi cho rằng những cố gắng của Thầy trong việc xây Chùa, Tháp, Lễ Đài Quán Âm... là biểu tượng để "giúp chúng ta nhớ tận gốc rễ tham sân si, mạn kiến, tà kiến, giúp chúng ta loại bỏ những gì của trần lao ái nhiễm, giúp chúng ta gặp các thiện trí thức hƱởng dẫn chúng ta tới con đường giải thoát giác ngộ..." thì Thầy cho thấy ngay sự giác ngộ để giải thoát đó không phải cho riêng mình mà còn hƱởng về cầu nguyện cho dân tộc sớm thoát khỏi cảnh gông cùm xiềng xích của thế lực vô minh... mà vì không muốn mất thì giờ của quan khách, Thầy không đọc lên hết, nhưng người làm phóng sự này thấy tiếc nên xin chép thêm đoạn bị Thầy cắt bỏ sau đây: *"Làm sao chúng ta có thể quên được Việt Nam, quê hƱởng yêu dấu của chúng ta như một nhà thơ đã viết:*

"Ai quên quê mẹ cho đành  
 Ta còn giữ lấy tấm hình mẹ ta  
 Hiên ngang một giải sơn hà  
 Bốn phương vang dậy khúc ca anh hùng...  
 Mẹ ta sắc áo nâu sồng  
 Mẹ ta đôi mắt dịu lòng Hương Giang  
 Mẹ ta tim sắt gan vàng  
 Vững tâm đại thụ cho đàn bò cày  
 Tình thường vượt núi rừng sâu  
 Áo nâu về tận Cà Mau lấy lừng  
 Tình là núi, nghĩa là sông,  
 Mẹ ta thân thể Lạc Hồng Quang Vinh  
 Ôi nguồn sữa mẹ ái tình  
 Lúa thơm mía ngọt cho mình với ta  
 Tử phòng đồng đội chan hòa  
 Tóc thiêng mẹ kết đóa hoa Ưu Đàm".

Như vậy không phải tu là chỉ riêng tụng kinh, niệm Phật mà không được nói đến tình yêu quê hương dân tộc? Phật Tử ra về lòng phấn khởi trong thái độ tu học mới: **hành đạo cứu đời**.  
 Đến bài cảm tưởng của nhà văn Nguyễn Việt Nữ cũng được người nghe vỗ tay ái mộ vì nó đầy ý nghĩa phục vụ, nhiều người yêu cầu được có nguyên bản nên chúng tôi xin đăng nguyên văn sau đây:

**Cảm tưởng của một Phật tử nhân lễ khánh thành ngôi bảo tháp và lễ tôn trí xá lợi Phật tại chùa Tam Bảo, Fresno, California, ngày 20.9.1998**

● Nguyễn Việt Nữ

**Nam Mô Bốn Sư Thích Ca Mâu Ni Phật**

Kính bạch chư Tôn Đức Hòa Thượng, Quý Thượng Tọa, Đại Đức, Tăng và Ni,  
 Kính thưa quý Đạo hữu và Quan khách,

Thật là một vinh hạnh lớn lao cho tôi được phép phát biểu cảm tưởng trong Đại Lễ Tôn Trí Xá Lợi Phật long trọng và đầy ý nghĩa diễn ra tại chùa Tam Bảo hôm nay. Tên của ngôi chùa nhắc lại ba ngôi quý báu nhất của đạo Từ Bi Cứu Khổ, đó là Phật, Pháp và Tăng.

Cho nên cảm tưởng chung của hàng Phật Tử khi dự lễ này là như đã gặp được ba ngôi báu đó. Vì Xá Lợi Phật chính là Phật, còn Tăng là đoàn thể những người đã xuất gia trọn đời hoằng dương Phật Pháp; Tăng Đoàn đó của Phật chính là quý Chư Tôn Đức Tăng Ni hiện diện trong lễ này; còn Pháp thì xin đón cử bài viết của một vị khách phương xa nhưng đang có mặt trong Tăng Đoàn hôm nay để tìm hiểu vài điều căn bản về Phật Pháp. Vị đó là Tăng Thống Mã Lai, Đại Lão Hòa Thượng Tiến Sĩ K. Sri Dhammananda, người mà chỉ cần hiểu ý nghĩa của Pháp danh Ngài là hiểu được Phật Pháp, vì "Dhammananda", pháp danh mà Ngài thọ lãnh vào năm 12 tuổi, lúc thọ Sa Di, có nghĩa là "*Người Chứng Nghiệm hạnh phúc qua Phật Pháp*".

Từ những điều thực tiễn trong cuộc đời và lời dạy của Đức Phật trên 2.500 năm trước, Ngài Đại Lão Hòa Thượng đã viết những quyển sách giúp cho tất cả loài người, dù chủng tộc nào, đạo giáo nào, thời đại nào cũng có thể áp dụng được để tìm hiểu hạnh phúc.

Lễ Tôn Trí Xá Lợi Phật hôm nay cũng là Lễ Vu Lan Báo Hiếu, là dịp để con cháu tỏ lòng biết ơn cha mẹ tổ tiên, mà cha mẹ tổ tiên của Phật giáo chính là Đức Từ Phụ Thích Ca. Vậy để tỏ lòng biết ơn đáng Từ Phụ, không gì bằng cùng nhau ôn lại sơ lược về giáo pháp của Phật.

Thí dụ trong quyển "*Làm Sao Sống Khỏi Sợ Hãi và Lo Lắng Trong Đời Sống Hiện Đại?*" (trang 21), Đức Phật dạy: "*Tử tham ái nảy mầm đau khổ. Tử tham ái nảy mầm sợ hãi*".

Câu ngắn gọn này nhưng đã gói ghém cả lý nhân quả rất khoa học của Phật Pháp. Hễ ai gieo Nhân tham ái thì sẽ gặt Quả khổ đau. Tham là lòng mong muốn cho có một thứ gì đó. Thường là tham tiền của, danh vọng và tình yêu. Một người chỉ chăm mớ ước có một trong 3 thứ này thì đã phải vất óc suy tư lo lắng kế hoạch để đạt được chúng; mà khi đã thỏa mãn được cả thì tưởng họ sẽ huy hoàng hạnh phúc lắm? Nhưng sự giàu sang, danh vọng và hạnh phúc ái tình thường hễ được cái này thì mất cái kia; niềm vui có của, có danh, có tình sẽ giảm dần mà thế vào bằng sự lo lắng sợ hãi sẽ bị mất những thứ đó. Tiền của càng nhiều, danh vị càng cao thì nỗi lo sợ mất của, mất danh càng hãi hùng.

Những sự việc xảy ra hàng ngày chung quanh ta, trên khắp thế giới, đã chứng minh cho cái chân lý "càng cao danh vọng càng dày

gian nan đó" (như nỗi đau khổ và sợ hãi của Tổng Thống Hoa Kỳ Bill Clinton hiện giờ là một bằng chứng hùng hồn - Phụ chú thêm của người ghi).

Nhưng đã là con người thì ai cũng có lòng tham, nên dù nhiều ít, ai cũng có cảnh lo âu phiền não. Đức Phật rất chí lý khi cho đời là bể khổ. Một số người vì thế cho đạo Phật là đạo của người bị quan yếm thế. Nhưng thừa không, sự thật trái lại, đạo Phật rất lạc quan và nhập thế. Vì Đức Phật nhận định đời người là khổ, chỉ rõ đâu là nguồn gốc của cái khổ như trong Tứ Diệu Đế để mà nhập thế dạy cách Diệt Khổ. Khi con người không còn đau khổ, người ấy sẽ sống lạc quan trong hạnh phúc.



Hòa Thượng Thích Đức Niệm đang làm lễ phóng sanh trong ngày Vu Lan tại Fresno, Calif. ngày 20.9.1998

Trong quyển "*Làm Sao Sống Khỏi Sợ Hãi và Lo Lắng Trong Đời Sống Hiện Đại?*" (trang 45), Tiến Sĩ Dhammananda nhắc lại Giáo Pháp Cứu Khổ đó của Đức Phật như vậy: "*Tài sản của bạn sẽ ở lại khi bạn chết. Bạn bè thân quyến tiễn đưa bạn rạ tôi huyết. Nhưng chỉ có hành động tốt hay xấu do bạn làm trong cuộc sống (tức là NGHIỆP) là theo bạn xuống tận dưới mồ*".

Đoạn này chứng minh về thuyết Nghiệp Báo của nhà Phật là địa vị, tài sản kể cả thân xác của con người chỉ tạm bợ, chỉ có đức hạnh mới vĩnh viễn đeo đẳng suốt đời người, dù người đó đã sang thế giới khác. Điều này đã được dân gian dù thuộc tín ngưỡng nào cũng nhìn nhận trong câu: "*Hùm chết để da, người ta chết để tiếng*".

Để lại tiếng xấu hay tiếng tốt là do hành động của ta làm khi còn sống. Chính hành động làm đi làm lại nhiều lần thành thói quen này nhà Phật gọi là Nghiệp. Khi sống ta làm việc xấu thì là ta đã tạo Nghiệp xấu cho chính ta. Vậy việc xấu đó làm ta đau khổ, khi chết, tiếng xấu ta để lại làm gia đình đau khổ, còn nếu ta có địa vị cao, ta làm xấu thì đoàn thể mà ta đại diện chịu tiếng xấu chung. Ta gây Nghiệp ác thì ác lại ác báo. Không do một quyền lực nào tạo ra cả. Bởi vì Phật hay Chúa đều từ bi bác ái, không nỡ làm đau khổ con cái mình như thế.

Phật chỉ con đường tốt cho chúng sinh đi. Ai đi sai đường thì gánh chịu hình phạt do chính mình làm, Phật không giữ quyền thưởng phạt. Nhờ vậy mà công hay tội đều được báo ứng công bình và bình đẳng giữa mọi người không phân biệt giàu nghèo, chức tước hay chủng tộc.

Đức Phật còn dạy rằng hạnh phúc không phải do cầu nguyện trong những nghi lễ long trọng mà đạt được, phải chính là sự thực hành điều lành, xa lánh việc dữ. Để tránh gây Nghiệp xấu và làm xấu chúng cho xã hội mình sống do thuyết Cộng Nghiệp, Phật dạy rằng chỉ cần mỗi người thực hiện ngũ giới, diệt bỏ tham, sân, si là đã tạo được thiên đàng ngay tại quả địa cầu này. Ai không tự mình thoát ra ba thủ độc Tham, Sân, Si thì không có một quyền lực nào cứu mình ra khỏi khổ đau cả, dù người đó là Quốc Vương, là Tổng Thống đi nữa.

Nhưng vốn biết con người là yếu đuối trước sự cám dỗ của vật chất và tình cảm. Nên Đức Phật dạy về Lý Nhân Duyên, Tử Đại, Ngũ Uẩn, Vô Ngã, Vô Thường, v.v... nghe qua có vẻ trừu tượng và yếm thế nhưng thật ra nó rất thực tế và được kiểm chứng bằng khoa học hẳn hoi; như cho rằng con người là thân tử đại do nhân duyên kết hợp bằng 4 chất: đất, nước, gió, lửa... để con người thấy rõ thân ta, tài sản ta chỉ là sự phối hợp không bền vững; nên có hợp rồi phải có tan, để không nên tham lam tranh giành chiếm hữu, để khi mất nó thì không quá khổ đau; còn pháp vô ngã là để đừng coi cái ta là quan trọng, nhằm để giúp ta để diệt Tham, Sân, Si. Chỉ có cái tâm



là cần phải trau dồi để đừng tạo nghiệp xấu ảnh hưởng đến người chung quanh.

Trong quyển **Vi Sao Tin Phật**, tập 3 (trang 220), tác giả Đại Lão Hòa Thượng Dhammananda viết rằng: *"Thế gian như một tấm gương, nếu bạn nhìn vào gương với nét mặt tươi cười, bạn có thể nhìn thấy rõ bộ mặt vui tươi đẹp đẽ của bạn; nếu bạn nhìn vào gương với bộ mặt dài dàu thườn thượt, bạn chỉ nhìn thấy toàn nét xấu xí. Cũng vậy, nếu bạn đối xử khả ái với đời, chắc chắn đời sẽ đối xử tốt với bạn. Hãy học hỏi cách làm sao có bình an nơi chính bạn, và đời cũng sẽ bình an với bạn".* Phật dạy rằng chính ta tạo nghiệp thì cũng chính ta tự do chuyển nghiệp. Nếu khi làm lỗi mà thành thật nhận lỗi rồi quyết tâm chữa lỗi thì ta cũng chuyển nghiệp xấu thành tốt được.

Trong **Vi Sao Tin Phật** (VSTP), tác giả chép lại lời Phật rằng: *"Của cải không bảo đảm hạnh phúc. Chỉ có tôn giáo mới mong ảnh hưởng được sự chuyển hóa thiết yếu cho con tìm nhân loại... Tất cả tôn giáo đều dạy ta không được giết hại... Bất hạnh thay nhiều người trong nhiều xứ đã mang các nhân hiệu, khẩu hiệu, biểu ngữ tôn giáo vào chiến tranh... Chúng ta có thể sung sướng nói rằng trong 2.500 năm qua chưa bao giờ người con Phật gây ra xích mích hay xung đột trầm trọng dẫn đến chiến tranh dưới danh nghĩa của tôn giáo này (Phật giáo). Đó là kết quả tích cực của đặc tính năng động về quan niệm khoan dung bao hàm trong Phật Pháp... (Trang 218) Hòa bình không thể hiện hữu trên trái đất này nếu không thực hành hạnh khoan dung. Muốn khoan dung, ta không được để lòng sân hận và ganh ghét chế ngự tâm lý ta..."*

Như vậy, tác giả Dhammananda viết: *"Phật giáo là một tôn giáo quảng đại vì Phật giáo giảng dạy một cuộc sống biết kiềm chế. Và giáo lý này bất cứ ai muốn sống hòa bình với chính mình và với xã hội cũng thực hành được dù xu hướng chính trị, tôn giáo, văn hóa khác biệt. Và Phật giáo không bao giờ hành hạ hay ngược đãi những người có niềm tin khác. Phật pháp cho thấy không cần thiết cho bất cứ ai phải tự mang nhân hiệu Phật tử vào mỗi thực hành được những Nguyên Lý Cao Thượng của tôn giáo này"* (VSTP tr. 218)

Kính thưa chú liệt vị,  
Trên đây là trích dẫn một phần nhỏ về Phật Pháp trong sách mà Ngài Tăng Thống Dhammananda viết đã giúp thế giới hiểu về Phật giáo.

Nhờ công đức hồng pháp của Chú Tôn Đức Hòa Thượng, Tăng Ni mà những hiểu lầm về Phật Pháp lần lần được sáng tỏ, ít nhất là khía cạnh bình đẳng của Phật giáo. Vì trong Tăng Đoàn của Ngài đã từng có giai cấp hạ tiện, kể cả tên ẩn cướp nhưng biết thành tâm sám hối và sống vị tha cứu đời thì cũng được thành bồ tát ngang hàng với các vương tôn công tử của hoàng tộc.

Do công đức hồng pháp đó mà đạo Phật ngày nay được thế giới nhìn với tâm tư lạc quan ở một tương lai hưởng thượng chủ không coi là đạo của những người bi quan như trước kia, do lời khuyến khích của Đức Phật: *"Ta là Phật đã thành, chúng sinh là Phật sắp thành"*.

Nhắc đến công đức của chú Tăng Ni, không thể không nhắc đến Đại Đức Thích Tâm Quang trong dịp này, người có công hàng đầu trong việc tổ chức cho chúng con hân hạnh được chứng nghiệm Phật, Pháp, Tăng hôm nay. Tuy sức khỏe bị giới hạn, nhưng Thầy Thích Tâm Quang đã không ngừng nghỉ trên Đàng hoàng dướng Phật Pháp. Tháng 6.1997, ngôi Chùa Tam Bảo này được khánh thành; tháng 3.1998, lễ an vị Đài Lộ Thiên Phật Quán Thế Âm Bồ Tát mà hiện giờ ngồi trong lễ đài này, mắt ta vẫn chiêm ngưỡng được nét Tử Bi của đấng Hiền Mẫu, tai ta đang nghe được tiếng suối chảy tràn miền tử dưới chân Mẹ như thể Mẹ đang ban bố tình thương vô tận và ra công cứu khổ không ngừng nghỉ cho chúng sinh. Và chỉ 6 tháng sau, lại hoàn thành ngôi Bảo Tháp 7 tầng để có lễ Tôn Trí Xá Lợi Phật trong ngày Lễ Vu Lan cùng tại chùa Tam Bảo hôm nay.

Hôn thê nữa, như quý vị đã biết, Thầy Thích Tâm Quang còn giúp Phật Tử Việt Nam thấu hiểu Phật pháp bằng cách dịch lại hàng chục quyển sách do Tiến Sĩ Tăng Thống Dhammananda viết. Như các sách *"Hạnh Phúc Lửa Đốt"* (A Happy Married Life), *"Chết Có Thật Đáng Sợ Không?"*, *"Làm Sao Thực Hành Lời Phật Dạy?"*, *"Nền Tảng Của Đạo Phật"*, *"Phật Giáo và Đời Sống Hiện Đại"*, *"Vi Sao Tin Phật?"* Tập 1, 2 và 3. Chỉ riêng 3 cuốn sau này đã dày cả ngàn trang v.v...

Con xin thay mặt toàn thể Phật Tử Việt Nam, xin thành kính dâng lên Tiến Sĩ tác giả Dhammananda, dịch giả Thích Tâm Quang nói riêng và toàn thể Chú Tôn Đức Hòa Thượng, Thượng Tọa, Tăng Ni khắp thế giới, nói chung, đã không ngừng lo toan Phật sự để nơi đất

khách đi đâu chúng con cũng có mái chùa, tức có được dân tộc Việt Nam, vì:

### **Mái chùa che chở hồn dân tộc Nếp sống muôn đời của tổ tông**

Đi tới đâu trên khắp thế giới, nhất là nước Mỹ mà trước khi có làn sóng tỵ nạn cộng sản sau năm 1975, Phật giáo hầy còn rất xa lạ với đất nước này; nhưng nay đi đâu chúng tôi cũng thấy được mái chùa để làm sống lại nguồn gốc tổ tiên dân tộc. Nhân dịp này chúng tôi cũng xin cảm ơn các nước tỵ do trên thế giới, trong đó chính phủ Hoa Kỳ mà điển hình là chính quyền và dân Mỹ tại Fresno, đã giúp đỡ để Phật giáo được phát triển mạnh như đã trình bày.

Vô hình chung, lời Phật dạy ở đây cũng được chứng nghiệm, vì quý vị chính quyền và dân cư địa phương có thể khác tôn giáo, nhưng vì truyền thống dân chủ, đã giúp tôn giáo bạn được bành trướng.

Buổi Lễ Tôn Trí Xá Lợi Phật và Lễ Vu Lan hôm nay cũng có sự hiện diện quý báu của quý vị ngoại quốc và các cơ quan truyền thông thuộc các tôn giáo khác. Như vậy khi con người không cạnh tranh quyền lực, không kỳ thị chủng tộc mà giúp nhau làm việc công đức thì xã hội và thế giới được hòa bình hạnh phúc như lời Phật dạy.

Kính mong Phật pháp được mọi người đem ra thực hành để cuộc sống hòa bình vẫn tiếp tục mãi sau đại lễ Tôn Trí Xá Lợi Phật này.

Trân trọng cảm ơn và kính chào chú liệt vị.

**Nam Mô Bổn Sư Thích Ca Mâu Ni Phật**

**Nguyễn Việt Nữ**

\*

### **Phụ chú của người ghi:**

Lời Phật dạy trên đây đã hai mươi lăm thế kỷ rồi mà áp dụng vào chuyện thời sự nóng bỏng nhất của nước Mỹ hiện nay cũng rất chính xác:

*Những dòng nước mắt đau khổ của Tổng Thống Clinton trong tháng 8 năm 1998 vừa qua, chứng minh hùng hồn: Trong thiên hạ không thiếu gì người ngoại tình và nói dối như Clinton, mà chỉ có ông hiện đang đau khổ và sợ hãi tột cùng, là vì ông là Tổng Thống, mà là Tổng Thống của một siêu cường quốc nên tiếng xấu mỗi cảng bay xa khắp thế giới.*

*Còn nhớ Tổng Thống Clinton trong khi bị Paula Jones kiện xách nhiễu tình dục thời còn làm Thống Đốc Arkansas, ông phủ nhận điều đó. Khi phủ nhận như vậy là ông Clinton biết ngoại tình là tội lỗi, và tuy ông thắng kiện nhưng ông không tử bỏ hành động sai trái mà cũng chính ngay lúc ấy ông lại tà dâm với Monica Lewinsky, kéo dài 18 tháng ngay tại Tòa Bạch Cung. Và trong 18 tháng ấy cho đến hiện nay có biết bao nhiêu là buổi lễ cầu nguyện tại nhà thờ Foundry United Methodist Church, rất gần Tòa Bạch Cung, nơi Tổng Thống thường đi lễ mỗi tuần? Nhưng vì ông liên tục phạm lỗi rần (Thánh Kinh cũng cấm tà dâm và nói dối) nên nay chẳng những ông mà gia đình và cả nước Mỹ đều chịu vạ lây!*

*Vậy rõ ràng là khi chính ông tử bỏ "nghịệp" xấu tà dâm thì dù Quốc Hội không bãi nhiệm cử để ông tiếp tục làm Tổng Thống cho hết nhiệm kỳ, và phần đông dân chúng Mỹ tỏ ra "thông cảm", tha thứ cho tội nói dối của ông, kèm theo bao nhiêu lễ nghi long trọng cầu nguyện xin tội đang diễn ra cũng không cứu vãn được cái án dâm sử đã ghi vào lịch sử Hoa Kỳ và đã loan đi khắp thế giới!*

*Chỉ khi nào Tổng Thống Clinton tâm tâm bồ tát tham dự thì ông mới tạo lại được hạnh phúc và an lạc cho ông, còn nếu không nhận lỗi chỉ vì không còn cách nào chối quanh được nữa, nhưng trong tâm tâm tự bảo chữa rằng thiếu gì lãnh đạo thế giới còn dám dục dục mình; rồi lòng riêng sân hận Cộng Tố Viên độc lập Kenneth Starr là kẻ vạch lá tìm sâu, phần nộ đảng đối lập Cộng Hòa vì mục tiêu chính trị mà đưa chuyện riêng tư của mình lên internet hạ nhục Tổng Thống v.v... thì chính ông lại tiếp tục gieo thêm nghiệp xấu, vì Phật cũng dạy: "Lấy oán báo oán, oán oán chập chùng". Khi đó thì dù tất cả lãnh đạo các tôn giáo khắp thế giới họp nhau cầu nguyện, Phật hay Chúa cũng không ban được hạnh phúc an lạc cho Tổng Thống Clinton được.*

Vậy mà nỗi đau khổ tột cùng đó của Tổng Thống siêu cường quốc Hoa Kỳ sẽ được Phật pháp chữa lành bằng phương thuốc rất đơn giản là **nghiêm túc thi hành lời Phật dạy: mỗi người chỉ cần tiết chế lòng tham dục của chính mình. Nếu yếu đuối sa vào tham ái thì cần sám hối và quyết tâm chữa bỏ.** Cầu nguyện là chỉ xin trợ lực để có thêm sức mạnh diệt bỏ lực tham ái đó ●

# CHƯƠNG TRÌNH LỄ PHẬT ĐỊNH KỶ

trong năm 1999

của Chùa Viên Giác Hannover

## • Tháng 1 năm 1999

**Ngày 10.1.1999:** Lễ Phật tại chùa Linh Thủ Berlin.

## • Tháng 2 năm 1999

**Ngày 7.2.1999:** Chủ Nhật - Lễ tuần bách nhật của Hòa Thượng Thích Long Trí tại chùa Viên Giác.

**Ngày 13.2.1999:** Thứ Bảy: Tết và cầu an đầu năm tại Frankfurt.

**Ngày 15.2.1999:** Thứ Hai nhằm 30 Tết:

- 19:00 Cơm chiều

- 20:00 Lễ Sám Hối

- Từ 22 đến 24 giờ chương trình Văn Nghệ do GDPT Tâm Minh trình diễn tại Chùa.

- 24:00 Lễ đón Giao Thừa và Lễ Vía Đức Di Lặc, gồm: cầu nguyện, chúc phúc, hái lộc đầu xuân, lì-xì, xin xăm, v.v...

**Ngày 16.2.1999:** Thứ Ba nhằm ngày mồng Một Tết suốt từ sáng đến tối gồm Lễ Phật, chúc Tết đầu năm, lì-xì, xin xăm, hái lộc, v.v...

**Ngày 17 và 18.2.1999:** Thứ Tư và Thứ Năm nhằm ngày mồng 2 và mồng 3 Tết, chương trình giống như ngày mồng Một.

**Ngày 19.2.1999:** Thứ Sáu nhằm ngày mồng 4 Tết từ 6 giờ sáng đến 17 giờ chiều, tri tụng bộ Kinh Đại Thừa Diệu Pháp Liên Hoa để cầu nguyện thế giới hòa bình, nhân sinh an lạc.

**Từ ngày 22.2 đến ngày 6.3.1999:** mỗi tối tại chùa vào lúc 20 giờ đều có tụng Kinh Dược Sư và nhướng tinh giải hạn, cầu an cho bá tánh.

**Ngày 27.2.1999:** Thứ Bảy: Lễ Tết cầu an đầu năm tại Nürnberg.

**Ngày 28.2.1999:** Chủ Nhật: Lễ Tết cầu an đầu năm tại Künzelsau.

## • Tháng 3 năm 1999

**Ngày 2.3.1999:** Thứ Ba nhằm ngày Rằm tháng Giêng chánh lễ, tại chùa suốt từ sáng đến chiều có Lễ Phật, thuyết pháp, hái lộc, xin xăm.

**Ngày 5.3.1999:** Thứ Bảy: Lễ Rằm Tháng Giêng tại chùa Viên Giác (thay vì như Chủ Nhật thường lệ).

**Ngày 7.3.1999:** Chủ Nhật: Lễ Phật đầu năm tại Leipzig.

**Từ ngày 9 đến ngày 31.3.1999:** Phật sự tại Hoa Kỳ.

## • THÁNG 4 NĂM 1999

**Từ ngày 2 đến ngày 5.4.1999:** Thứ Sáu đến Thứ Hai, khóa Giáo Lý của GDPTVN tại Đức, tổ chức tại chùa Viên Giác dưới sự hướng dẫn của Thượng Tọa Thích Như Điển và Thượng Tọa Thích Thiện Huệ.

**Ngày 10 và 11.4.1999:** Thứ Bảy và Chủ Nhật. Lễ Thọ Bát Quan Trai tại Nürnberg.

**Ngày 17 và 18.4.1999:** Thứ Bảy và Chủ Nhật - Lễ Thọ Bát Quan Trai tại Tuttingen - Rottweil.

**Ngày 24 và 25.4.1999:** Thứ Bảy và Chủ Nhật: Thọ Bát Quan Trai tại Berlin.

## • Tháng 5 năm 1999

**Ngày 1.5.1999:** Thứ Bảy: Lễ Phật Đản tại München.

**Ngày 2.5.1999:** Chủ Nhật: Du ngoạn với GDPT Tâm Minh.

**Ngày 3.5.1999:** Thứ Hai: Họp Chi Bộ GHPGVNTN Đức Quốc tại chùa Phật Bảo Bamtrup.

**Ngày 8.5.1999:** Thứ Bảy: Lễ Phật tại Koblenz.

**Ngày 9.5.1999:** Chủ Nhật: Lễ Phật tại Saarland - Trier và Vùng Phụ Cận.

**Từ ngày 13 đến ngày 16.5.1999:** Thứ Năm đến Thứ Hai: Nhân lễ Thăng Thiên, khóa Giáo Lý định kỳ được tổ chức tại miền Trung Đức (địa điểm sẽ thông báo sau) dưới sự hướng dẫn của Thượng Tọa Thích Trí Minh, Thượng Tọa Thích Như Điển, Thượng Tọa Thích Nhứt Chơn và Thượng Tọa Thích Thiện Huệ.

**Ngày 22.5.1999:** Thứ Bảy: Lễ Phật Đản tại chùa Thiện Hòa Mönchengladbach.

**Từ ngày 21 đến ngày 24.5.1999:** Thứ Sáu đến Thứ Hai - Khóa Giáo Lý tại Thụy Điển dưới sự hướng dẫn của Thượng Tọa Thích Trí Minh, Thượng Tọa Thích Như Điển và Đại Đức Thích Tâm Huệ.

**Ngày 28, 29 và 30.5.1999** nhằm ngày 13, 14 và Rằm tháng Tư - Thứ Sáu đến Chủ Nhật. Lễ Phật Đản tại Chùa Viên Giác Hannover.

**Ngày 31.5.1999:** Thứ Hai nhằm ngày 16 tháng Tư âm lịch lễ Nhập Hạ An Cư tại chùa Viên Giác và mỗi tối vào lúc 20 giờ tại chùa trong suốt 3 tháng hạ đều có lễ lay kinh Đại Bát Niết Bàn (mỗi chữ mỗi lạy).

## • Tháng 6 năm 1999

**Những cuối tuần 5+6; 12+13; 19+20 tháng 6 năm 1999** tại Chùa đều có Lễ Thọ Bát Quan Trai.

**Ngày 26 và 27.6.1999:** Thứ Bảy và Chủ Nhật - Họp Ban Chấp Hành Hội Phật Tử cũng như Ban Chấp Hành các Chi Hội, Ban Huỳnh Trưởng các GDPTVN Đức Quốc tại Chùa.

## • Tháng 7 năm 1999

**Từ ngày 1 đến ngày 14.7.1999:** Chủ Tăng Ni Âu Châu vẫn tập về chùa Viên Giác Hannover để An Cư Kiết Hạ trong 2 tuần lễ. Trong thời gian này quý vị Phật Tử nào muốn xuất gia ngắn hạn cũng có thể thực hiện được. Những vị đã thọ Bồ Tát Giới tại gia cũng như quý Đạo Hữu, Phật Tử xa gần muốn tông chúng tu học trong 2 tuần lễ này để hộ đạo, đều được Giáo Hội hoan hỷ tán thán.

**Từ ngày 16 đến ngày 23.7.1999:** Tại Chùa Viên Giác có cuộc họp mặt của các Huỳnh Trưởng GDPTVN Hải Ngoại.

**Từ ngày 24 tháng 7 đến ngày 3 tháng 8 năm 1999:** Khóa Tu Học Phật Pháp Âu Châu kỳ 11 sẽ được tổ chức tại Na Uy, đồng thời Lễ Khánh Thành Chùa Khuông Việt cũng sẽ cử hành vào ngày 1 tháng 8 năm 1999.

## • Tháng 8 năm 1999

**Ngày 7 và 8.8.1999:** Thứ Bảy và Chủ Nhật - Lễ Vu Lan và Thọ Bát Quan Trai tại München.

**Ngày 14.8.1999:** Thứ Bảy: Lễ Vu Lan tại chùa Phật Bảo Bamtrup.

**Ngày 21.8.1999:** Thứ Bảy: Lễ Vu Lan tại chùa Bảo Quang Hamburg.

**Ngày 22.8.1999:** Chủ nhật: Lễ Vu Lan tại chùa Linh Thủ Berlin

**Ngày 25.8.1999:** Thứ Tư nhằm ngày Rằm tháng Bảy.

**Ngày 26.8.1999:** Thứ Năm nhằm ngày 16 tháng Bảy là ngày lễ ra hạ tự tử của chư Tăng.

**Ngày 27, 28 và 29.8.1999:** Thứ Sáu, Thứ Bảy và Chủ Nhật: Đại Lễ Vu Lan tại Chùa Viên Giác.

## • Tháng 9 năm 1999

**Ngày 4.9.1999:** Thứ Bảy: Lễ Vu Lan tại chùa Thiện Hòa Mönchengladbach.

**Ngày 12.9.1999:** Chủ Nhật: Lễ Vu Lan tại chùa Quan Thế Âm Aachen.

**Ngày 18 và 19.9.1999:** Thứ Bảy và Chủ Nhật - Lễ Thọ Bát Quan Trai tại Frankfurt.

**Ngày 25 và 26.9.1999:** Thứ Bảy và Chủ Nhật - Lễ Thọ Bát Quan Trai tại Karlsruhe.

## • Tháng 10 năm 1999

**Từ ngày 1 đến ngày 21.10.1999:** Chùa Bảo Quang tại Hamburg tổ chức đi hành hương Trung Quốc, viếng thăm Nga Mi Sơn nơi Đức Phổ Hiền thị hiện và Cửu Hoa Sơn nơi Đức Địa Tạng Vương Bồ Tát đã hóa thân cũng như những Chùa Viện, danh lam thắng cảnh khác của Trung Quốc.

**Ngày 23 và 24.10.1999:** Thứ Bảy và Chủ Nhật: Lễ Thọ Bát Quan Trai tại Wiesbaden.

**Ngày 30 và 31.10.1999:** Thứ Bảy và Chủ Nhật - Lễ Thọ Bát Quan Trai tại Berlin.

## Tháng 11 năm 1999

**Ngày 6 và 7.11.1999:** Thứ Bảy và Chủ Nhật - Lễ Thọ Bát Quan Trai tại Reutlingen.

**Ngày 13 và 14.11.1999:** Thứ Bảy và Chủ Nhật - Lễ Thọ Bát Quan Trai tại Freiburg.

**Ngày 20 và 21.11.1999:** Thứ Bảy và Chủ Nhật - Lễ Thọ Bát Quan Trai tại Mannheim.

**Ngày 27 và 28.11.1999:** Thứ Bảy và Chủ Nhật - Lễ Thọ Bát Quan Trai tại Nürnberg.

## Tháng 12 năm 1999

**Ngày 4.12.1999:** Thứ Bảy - Lễ Phật tại Münster.

**Ngày 11.12.1999:** Thứ Bảy - Lễ Phật tại Norddeich.

**Ngày 12.12.1999:** Chủ Nhật - Lễ Phật tại Bremen.

**Ngày 18.12.1999:** Thứ Bảy - Họp Ban Biên Tập Báo Viên Giác tại Chùa.

Trên đây là chương trình tổng quát của năm 1999. Xin quý vị hoan hỷ ghi vào chương trình sinh hoạt của cá nhân mình, để tham gia các ngày Lễ Phật bên trên.

Nam Mô A Di Đà Phật

# PHƯƠNG DANH CỨNG DƯỜNG

(Tính đến ngày 14.10.1998)

(Tiếp theo VG 107)

**T**rong thời gian gần đây, Chùa có nhận được tiền của quý Đạo Hữu gửi bằng cách chuyển qua Ngân Hàng hay bằng Bưu Phiếu, nhưng không có ghi rõ mục đích. Thí dụ như Cúng Dường Tam Bảo, Xây Dựng Chùa, Ấn Tống Kinh, Pháp Bào, trả tiền bánh trái v.v....

Ngoài ra có ĐH nhờ người khác đứng tên chuyển tiền nhưng không rõ là chuyển tiền dùm cho ai để Cúng Dường hoặc thanh toán về vấn đề gì. Do đó khi nhận được tiền, Chùa không thể nào ghi vào sổ sách được.

Để tránh những trở ngại nêu trên, kính xin quý ĐH khi chuyển tiền hoặc gửi tiền về Chùa nhớ ghi rõ Họ & Tên, địa chỉ đầy đủ và mục đích, để Chùa tiện ghi vào sổ sách.

Ngoài ra, khi quý vị xem Phương Danh Cúng Dường xin đọc phần trên cùng là tính đến ngày...? tháng...? để biết rằng tiền đã chuyển đi ngày nào và tại sao chưa có tên trong danh sách. Chùa có hai số Konto. Riêng số 870-3449 thì Một Tháng ngân hàng mới báo một lần, nên có sự chậm trễ đăng tải danh sách trên báo. Kính mong quý vị thông cảm cho.

Thành thật cảm ơn quý Đạo Hữu.

Danh sách PDCD của quý Đạo Hữu và Phật Tử, chúng tôi xin phép chỉ đánh máy một lần chữ ĐH (Đạo Hữu) ở bên trên.

## • TAM BẢO

ĐH. Cao Thị Sâm (Hochdorf) 50DM. Quý Phật Tử chùa Đại Bi Tâm (Thụy Điển) 600Kr. Ban Trị Sự chùa Đại Bi Tâm (") 500Kr. ĐH Tỷ (") 500Kr. Nguyễn Thu Hà (Plaidt) 50DM. Trưởng Trần Vũ Phan 100DM. Trần Tấn Tiến 30DM. Bùi Thị Thanh Xuân (Schweinfurt) 100DM. Tiêu Kim Huệ 50DM. Đỗ Minh Dũng 900DM. Minh Thanh (Berlin) 100DM. Kuala Lumpur Rest. (Ahlem) 350DM. Phạm Thị Bình (Garbsen) 10DM. Nguyễn Thị Thu Hà (Bergheimfeld) 20DM. Trần Thị Hồng Cúc (Schweinfurt) 200DM. Phạm Văn Thị Huệ (") 100DM. Trần Quốc Khánh 20DM. Nguyễn Quyết Chiến + Hà + Linh + Hoàng (Halle) 150DM. Nguyễn Thanh Long (Wiesen) 60DM. Nguyễn Viết Bình (München) 50DM. Dương Phạm Thị Dung (") 40DM. GĐĐH họ Trần (Nürnberg) 50DM. Trần Thị Loan 40DM. Trần Văn Năng (Ronnenberg) 10DM. ĐH. Thìn (Việt Nam) 10DM. Thu Dung (Burgwedel) 10DM. Nguyễn Thị Dàn (Bodenweder) 20DM. Đỗ Thị Tuyết Lan (Dresden) 5DM. Tăng Mỹ Trần (Winsten) 100DM. Trần Thị Trường An (Ingolstadt) 20DM. Đỗ Thị Xuyên (München) 50DM. Lê Thị Tuyết Hồng (Krefeld) 20DM. Ton Imbiss (Harz) 700DM. Peter Müller 20DM. Lý Thu Vinh (Trier) 20DM. Bùi Nguyễn Hùng (Stuhr) 20DM. Bùi Hữu Dũng (Bücherburg) 10DM. Nguyễn Quang Hoài (Diepholz) 14DM. Nguyễn Hồng Ân (Nürnberg) 20DM. Nguyễn Thị Hoàng Biền (Freising) 50DM. Trần Thanh Huệ (Coersfeld) 20DM. Cao Minh Hải (Frankenthal) 50DM. Fam. Hồ 50DM. Nguyễn Thu Giang (Dresden) 20DM. Lương Thị Xuân Phượng (Germersheim) 50DM. Hà Đức Minh (") 20DM. Jürgen Schlierker 10DM. Huỳnh Lý Xuân 20DM.

Tạ Đình Quý (Hannover) 20DM. Nguyễn Đình Hùng (") 2DM. Nguyễn Thị Hùng 10DM. Trần Minh Đức (Leipzig) 20DM. Nguyễn Xuân Bình (") 20DM. Nguyễn Thị Đậu (Lüneburg) 20DM. Lê Văn Sơn 20DM. Đặng Hằng Nga 20DM. Nguyễn Thị Hùng 10DM. Phạm Lệ Thủy (Plaidt) 50DM. Trần Thế Toàn (Dresden) 50DM. Lê Thị Đông (") 50DM. Nguyễn Thanh Hải (") 20DM. Ngô Thị Xuân Hòa 20DM. Bùi Thị Mùi, 50DM. Nguyễn Thế Hùng 20DM. Nguyễn Đình Thành (Lehrte) 10DM. Nguyễn Thị Chung 20DM. Thái Lập 30DM. Thái Tú Thanh 50DM. Goh Yoke Chan 20DM. Lý Ngọc Tài 10DM. Nguyễn Hoàng Hải (Aschenstedt) 20DM. Lý Thanh (Oldenburg) 20DM. Lê Hồng Niederdy (") 20DM. Lý Hồng Đức (") 20DM. Lý Thủy Hạnh (") 20DM. Lý Khuôn Phát (Bad Nenndorf) 20DM. Lý Hồng Nguyên (Ludwigshafen) 20DM. Phạm Ngọc Kỳ (Berlin) 20DM. Becker 43DM. Nguyễn Văn Thôi 50DM. Lê Thị Mỹ Lệ 20DM. Fam. Hiến (München) 20DM. Chùa Phật Bảo (Barmtrup) 500DM. Diệp Đức Lành (Canada) 50Can. Trần Văn Trung (Heidelberg) 100DM. Nguyễn Văn Quyền (Ergolding) 50DM. Lương Hoa (Bad Iburg) 600DM. Đặng Thị Kim Hoa (Wahlstedt) 20DM. Nguyễn Thiện Bôi (Berlin) 30DM. Tô Văn Chiêu (") 40DM. Lâm Tiến Phong (Hoya) 10DM. Nguyễn Văn Đức + Ngọc Quỳnh + Kim Chi (Tiếp) 20DM. Trần Thủy Trang (Konz) 50DM. Đặng Chánh Quyền 10DM. Chu Huệ Hường 20DM. Cao Đức Kiên (Lastrup) 20DM. Nguyễn Xuân Trường (Bissendorf) 10DM. Brokamp (Bad Oldesloe) 100DM. Chùa Quan Thế Âm (Aachen) 500DM. Trần Văn Tuấn 50DM. Tâm An (Bi) 500FB. Tạ Thu Hồ (USA) 10US. Lê Trường Sinh (Ellwangen) 50DM. Nguyễn Văn Thành 50DM. Huỳnh Thị Hạnh (Gifhorn) 20DM. Tạ Thị Ngọc Hoa (Wedel) 30DM. Phạm Ngọc Thanh Tuyền (FFM) 50DM. Hà Thị Tú (Fürth) 50DM. Trần Thị Túy Thanh (Đan Mạch) 50DM. Gđ. Nguyễn Mạnh Diệp 400DM, HHL ĐH Nguyễn Mạnh Diệp. Đào Thị Thanh Thủy 50DM. La Hai (Suisse) 50FS. Chung Bạch Yến (") 50FS. Phạm Thị Hằng (Gladbeck) 20DM. Trịnh Xuân Sơn 50DM. Đỗ Thị Duyên 50DM. Jennifer Le 30DM. Minh Thạnh (Berlin) 100DM. Chùa Linh Thủ (") 400DM. Gđ. Nguyễn Thanh Tỷ (Recklinghausen) 150DM. Ngọc Hà (BS) 20DM. Vũ Văn Thỉnh (Leipzig) 30DM. Nguyễn Thị M. Khanh (Hude) 20DM. Phạm Thị Nhung (Pháp) 30DM. Nguyễn Thị Bắc Nam 20DM. Tạ Hồng Sinh (Zwickau) 20DM. Lê Văn Sơn (Erfurt) 20DM. Tạ Thanh Hải 20DM. Cao Kỳ Ngọc (Aschersleben) 50DM. Trần Thanh Hải (Berlin) 100DM. Nguyễn Văn Toàn 50DM. Nguyễn Thị Chuyên 20DM. Phạm Mạnh Trường 20DM. Ngô Văn Tùng (Wilhelmshaven) 30DM. Đặng Văn Chiến 50DM. Lâm Châu Phước (Berlin) 30DM. Đặng Châm (Altbach) 50DM. Hồ Thị Thanh (Meerbusch) 50DM. Nguyễn Khánh Thìn 200DM. Simeonidis Jannis (Mannheim) 10DM. Thanh Thái 50DM. Nguyễn Xuân Nghiên 20DM. Trần Thị Mỹ Hạnh (Zappendorf) 20DM. Ngụy Chí Nghĩa 20DM. Trần Mạnh Hùng (Gardelegen) 50DM. Đỗ Thị M. Tâm 50DM. Nguyễn Quốc Trung (Gladerbach) 10DM. Đoàn Bảo Thái (Berlin) 20DM. Vũ Thị Hương 20DM. Văn Hường (Hameln) 10DM. Trưởng Trần Vũ Phan 100DM. Rüttiger Alfred 100DM. Dương Thị Hôn (FF) 100DM. Lê Văn Ngọc 30DM. Trần Tiến Tiến 20DM. Hoàng Xuân Hùng 20DM. Hoàng Hồng Đức 30DM. Hoàng Bích Nga (Nierstein) 20DM. Michael Trần (Pforzheim) 40DM. Võ Hữu Danh (Essen) 25DM. Lai Hồng Vinh + Nguyễn Thị Song (Neuruppin) 400DM. Huỳnh Chánh Hoa 100DM. Bùi Thị Liễu (Berlin) 20DM. Nguyễn Thanh Thủy Diệu Trưởng Tâm Linh + Nguyễn Hương Giang Diệu Thanh Tâm Linh 100DM, HH Giác linh Tổ Thích Tuệ Trang, Thượng Thủ Tăng Già toàn quốc VN khóa I, Trụ trì chùa Phật Giáo Vọng Cung - Nam Định (Viên tịch ngày 3.4). Trưởng Thị Thủy Nga (Aschersleben) 20DM. Nguyễn Danh Tịnh (") 10DM. Nguyễn Hồng Anh 50DM. Nguyễn Văn

Minh (Dresden) 20DM. Nguyễn Thị Minh Hoa (") 10DM. Trần Thị Quỳnh Hoa (Erfurt) 50DM. Trần Thị Nguyệt (") 40DM. Vũ Thị Chung (") 10DM. Nguyễn Mạnh Can (Halle) 30DM. Trần Thị Hòa Bình (Otterndorf) 10DM. Quách Mỹ Trân (GM. Hütte) 20DM. Quách Mẫn Quế (Osnabrück) 20DM. Nguyễn Thị Thanh Thủy 10DM. Nguyễn Thị Mai Dung + Phan Hiền Mạnh + Nguyễn Mikael + Phan Hiền Linh Mi (Malmö/Sweden) 20DM. Trần Bích Thuận (Hannover) 10DM. Nguyễn Văn Đạt + Nguyễn Thị Duyệt 70DM. Grönder 10DM. Tâm Bình (Meer Busch) 50DM. Lê Văn Sun (M'Gladbach) 50DM. Gunter Schluttk (Burgdorf) 200DM. Lê Thanh Hieu (Zeulenroda) 20DM. Vũ Thị Vân (") 20DM. Dương Văn Vượng 10DM. Gđ. Lê Thanh Bình (Städtim) 20DM. Nguyễn Xuân Minh + Du Thị Mỹ Lan 20DM. Trần Quang Phong (Muhlhausen) 20DM. Võ Kim Thành (Oschersleben) 100DM. Nguyễn Xuân Chiến + Vũ Thị Hường + Nguyễn Xuân Thắng + Đỗ Thị Tuyết Mai + Lê Thanh Bình (Masserberg) 10DM. Nguyễn Thị Búng (Bleicherode) 10DM. Diệu Phụng (Sweden) 50DM. Lê Thị Thanh Trúc + Nguyễn Thị Hoàng Lan (Bramsche) 40DM. Bùi Thị Tuyết 50DM. Gđ. Phạm Xuân Thiệp (Krefeld) 20DM. Trần Thị Thu Hằng (") 10DM. Ngô Ngọc Hạnh (Tönisvorst) 20DM. Trần Thị Thu Liên (Dingelbe) 20DM. Vũ Ngọc Hoa 50DM. Nguyễn Văn Tăng (Gröditz) 50DM. Nguyễn Thị Sơn + Trần Minh Châu + Vũ Thanh Hằng + Trần Mỹ Huyền (Duderstadt) 20DM. Diệu Ngọc Trần Thị Thanh Thủy (Wolfenbüttel) 10DM. Nguyễn Đình Hoàng + Vũ Thị Bo (Hannover) 20DM. Nguyễn Kim Oanh + Nguyễn Hồng Bích (Leipzig) 20DM. Nguyễn Trọng Bình 20DM. Schoch + Thảo + Vũ Thị Bích + Tùng + Hoàng Thục (Berlin) 20DM. Khanh Blassing (Brandenburg) 30DM. Fam. Hiệp Lai Ngô 20DM. Lien Freymann 30DM. Vũ Mạnh Hùng (Grossbodungen) 10DM. Trần Phượng Thảo 20DM. Lan + Hải (Aschersleben) 50DM. Lưu Đức Thuận 50DM. Nguyễn Thanh Tùng (Leipzig) 10DM. Fam. Teickner (Langenhagen) 10DM. Do Nguyễn 20DM. Mỹ Ly Video 500DM. Levy Husakhove (Gelsenkirchen) 100DM. Trưởng Thị Hường (") 50DM. Diệu Khiết Trần Thị Mỹ 100DM. Chùa Thiện Hòa (M'Gladbach) 500DM. Diệu Khánh (") 200DM. Diệu Thảo 50DM. Trưởng Thị Mai 100DM. Bửu Đạt Nguyễn Thanh Tâm (Trier) 500DM, HHLH Thân Mẫu Thiện Nhiên Đặng Thị Tất. Lê Hoa (Na Uy) 20DM. Na Na (") 100DM. Gđ. Hà Ngọc Dú (Krefeld) 50DM. Ấn danh (Berlin) 30DM. Nguyễn Thanh Bình (Đan Mạch) 100Kr. Mr & Mme Tan Chea (Pháp) 50FF. Trần Hữu Hường (Trier) 10DM. Nguyễn Văn Phúc (") 20DM. Tâm Khương (Göttingen) 100DM. Nguyễn Văn Trà (Troisvingen) 30DM, HHLH Thân Mẫu Thái Thị Lý. Nguyễn Thị Quỳnh Trang (Mainz) 30DM. Nguyễn Thị Ánh Tuyết (Hòa Lan) 10DM. Teleworld Porta (West falica) 200DM. Gđ. Lê Thị La (Aschaffenburg) 780DM, HHL PT Thiện Tịnh Trần Văn Khanh, tuần bách nhật). Phạm Tấn Lực (Suisse) 59,63DM. Phạm Thị Sáu (Remscheid) 20DM. Trần Thị Mỹ Linh + Hùng Linh (Berlin) 10DM. Nguyễn Văn Phó (") 30DM. Nguyễn Thị Tâm + Văn Búp (") 20DM. Nguyễn Thị Thế (Münster) 20DM. Đặng Thị Sung (Saarbrücken) 50DM. Dương Thị Ân (") 50DM. Trần Thị Số (Lörrach) 50DM. Trần Thị Nam (Berlin) 20DM. Nguyễn Tài (Wilhelmshaven) 20DM. Võ Văn Thanh (Reutlingen) 20DM. Phạm Thị Kim Loan (Mannheim) 50DM. Nguyễn Hữu Xin (Oberhausen) 20DM. Lê Xuân Cơ (") 50DM. Nguyễn Ngọc Nhơn (Höckinhofen) 20DM. Ung Đức Dương (Bremerhaven) 50DM. Vương Lệ Hoa (Bonn) 30DM. Đặng Văn Liêm (BS) 50DM. Vũ Mạnh Xót (Wismar) 10DM. Dương Nguyễn Bình (Dresden) 10DM. Đỗ Kiều Thanh (") 10DM. Nguyễn Lưu K. Khai (Darmstadt) 10DM. Huỳnh Minh Chánh (Weststedt) 20DM. Nguyễn Thị Ánh Minh (Wismar) 20DM. Huỳnh Hiệp Thủy (Berlin) 20DM. Đỗ Thị Hạ Huyền (") 20DM. Quỳnh (Eitorf)

20DM. F.J. Vöhl (Erfstadt) 30DM. Trần Thị Thập (Nordhorn) 50DM. Lê Thị Hiệp (") 30DM. Nguyễn Thị T. Nga (Stuttgart) 20DM. Lê Văn Ngọc (Neumarkt) 20DM. Đạt (Aalen) 10DM. Chiêu Văn Mũi (Berlin) 20DM. Trường Ngọc Trai (Dresden) 20DM. Nguyễn Bích (Wilhelmshafen) 20DM. Trần Mạnh Tiến (Hildesheim) 50DM. Phan Hồng Khanh (Ulzen) 50DM. Nguyễn Ngọc Triết (Stuhr) 30DM. Nguyễn Văn Hùng (Osnabrück) 20DM. Stefan Nhữ (") 30DM. Hồ Thị P. Dung (Dresden) 50DM. Nguyễn Ngọc Tuyền (Leer) 10DM. Lương Diệu Ba (Eutin) 20DM. Hứa Thị Phượng (Aschaffenburg) 30DM. Huỳnh Thành (Apeldorn) 20DM. Thiện Xuân (Kunzelsau) 20DM. Vũ Thị Thu (Köln) 20DM. Lê Kim Trang (") 20DM. Lê Thị K. Hoàng (") 20DM. Trần Thu Hà (Bochum) 10DM. Nguyễn Minh Sơn (München) 20DM. Thái Đ. Viên (Đan Mạch) 100Kr. Tôn Kim Lang (Berlin) 15DM. Nguyễn Thị Chút (Việt Nam) 50FS. Đặng Phúc Tiến (Bayreuth) 50DM. Nguyễn Văn Chương (Karlsruhe) 100DM. Tạ Quang Thanh (") 100DM. HHHL ĐH Thiện Phổ Tạ Quang Thủy. Lương Bá Thành (München) 100DM. HHHL ĐH Cao Hùng. Trần Lăng Hia (Nürnberg) 20DM. Đàm Tú Hà (") 100DM. Trịnh Thị Thanh (") 30DM. Tấn Như Ân (Ansbach) 30DM. Đào Thụy Chiên (Holzwickede) 80DM. Nguyễn Văn Hùng (N: Anspach) 30DM. Phan Din Lợi (Frankfurt) 20DM. Nguyễn Văn Diện + Dũ Thị Lũu (Krefeld) 20DM. Gđ. Nguyễn Thị Dừa (Kunzelsau) 50DM. Lê Thị X. Diệu (Bruchsal) 50DM. Lê Thị Hoa (Dusslingen) 30DM. Loan + Tâm (Magstadt) 20DM. Võ Văn Ngân (Bremen) 100DM. Nguyễn Văn Sáu (Bayern) 10DM. Ngô Quang Huy (Mannheim) 20DM. Nguyễn Thị Dung (Kiel) 20DM. Triệu Thanh Hà (HH) 100DM. Gđ. Trần (Oberkochen) 100DM. Nguyễn Mai Tuy (HH) 50DM. Nguyễn Quốc Cường (Essen) 50DM. Võ Thị Kim Anh (Kassel) 30DM. Lý Hồng Sơn (Krefeld) 100DM. Lê Đại (Erlangen) 100DM. HHHL ĐH Lê Thị Mệt. Sandra Fraund (Hannover) 20DM. Huỳnh Thái Thuận (BS) 100DM. Nguyễn Thị Hạnh (") 300DM. Phan Văn Hách (St. Augustin) 50DM. Nguyễn Thị Tú (Freiburg) 50DM. Nguyễn Kiều Long (Brackenheim) 40DM. Lê Hồng Tâm (Pháp) 100FF. Nguyễn Văn Hào (Frankfurt) 20DM. Diệp Mỹ Quang 30DM. Tuổi Cẩm Đồng 50DM. Lý Phán Thơ (Göttingen) 30DM. Hà Tú Linh (Frankfurt) 30DM. Mai (Landshut) 10DM. Hà Phượng (") 10DM. Nguyễn Thị K. Oanh (Furth) 20DM. Nguyễn Thị M. Thảo 10DM. Haag Bích Thủy 30DM. Trần Thị Đuối + Vũ (Reutlingen) 70DM. Trần Ngọc Mai 20DM. Nguyễn Thị B. Tuyết + Chánh 100DM. Phùng Hữu Tường (HH) 50DM. Dũng Cảnh (Hòa Lan) 100DM. Diệu Chi 40DM. Nga & Mỹ 20DM. Lê Thị Lan (Hannover) 30DM. Nguyễn Bùi N. Nga 20DM. Trần Văn Trước 50DM. Nguyễn Xuân Chính 20DM. Võ Thị Thảo (Rünthe) 20DM. Phan Trọng Thủy 20DM. Phạm Vũ M. Thanh (Hameln) 20DM. Hà Công Danh 50DM. Nguyễn Văn San (GHütte) 20DM. Ấn danh 100DM. Thiện Lộc (Mannheim) 50DM. Võ Thị Vong (Việt Nam) 20DM. Trường Hạnh (Freisoythe) 50DM. Trường Ngọc Thanh (") 50DM. Nguyễn Ngọc Lâm 10DM. Nguyễn Hồng Thu (Rödermark) 30DM. Kha Hiếu Chí (Bremen) 100DM. Cúc Nguyễn (Kassel) 10DM. Nguyễn Văn Hùng 10DM. Phú Tiến Chuẩn 20DM. Hoàng Tuấn Anh (Berlin) 20DM. Nguyễn Thị Chín 10DM. Nguyễn Thị Việt Anh (Haibach) 20DM. König Dianne (Hof) 30DM. Nguyễn Thị Mộng Thi (München) 50DM. Trần Mạnh Chí 20DM. Bambus Lebensmittel (Kiel) 330DM. Trần Thị Hoa 20DM. Huỳnh Thị Thủy (Ergolding) 50DM. Trịnh Hồng Xuân (HH) 30DM. Gđ. Tuyết (Esslingen) 40DM. Thái Thị Thu (Hameln) 100DM. Trần Ngọc Hải 20DM. Đỗ Ngọc Oanh (Garbsen) 10DM. Bùi Tấn Nhân 20DM. Vũ Văn Cao (Diez) 10DM. Trần Đức Toàn 10DM. Phạm Luyện (Seevetal) 10DM. Phan Văn Lý 20DM. Trần Hoàng Cđ (Lehrte) 20DM. Dương Thị Hoan 30DM. Huỳnh Thị Xuân Hương + Diệu Anh (Wiesbaden) 50DM. Nguyễn Hữu Nguyễn 10DM.

Phạm Anh Sơn (Nienburg) 40DM. Nguyễn Văn Thanh (Kassel) 20DM. Hồng Tan (Wittlich) 20DM. Gđ. Hồng Nhật Quang + T. Hường (Wuppertal) 150DM. Gđ. Trần Văn Công 30DM. Võ Thị Mộng Hoa (Bad Soden) 50DM. Frau Erika (Langenhagen) 200DM. Trịnh Thị Mai Hoa 30DM. Nguyễn Thị Lệ 15DM. Bùi Thị Phúc (Luchow) 20DM. Ky Kinh Chi (Helmstedt) 50DM. Nguyễn Kiến Cường 20DM. Trinh 10DM. Nguyễn Thị H. Hoa (Cham) 10DM. Hoàng Sơn 20DM. Nguyễn Thị K. Thuận 30DM. Thị Liêng Thắng 20DM. Trường Mộng Ngọc (Aschaffenburg) 40DM. Hải Khanh Thu 2DM. Phạm Công Hân (Bad Homburg) 10DM. Phạm Ngọc Tuấn 20DM. Nguyễn Văn Nhung (Laatzgen) 20DM. Dương Lệ Hà (Moers) 50DM. Bùi Huy Thiên 20DM. Từ Lê + Tin Diệp 50DM. Phạm Văn Tuấn (HH) 30DM. Đinh Văn Tuyền 20DM. Hà Tsang 10DM. Phan Thanh Hải (Lehrte) 20DM. Trường Thị Dung 20DM. Lê Thị Bạch Tuyết (B. Kreuznach) 20DM. Bùi Thị De (Nürnberg) 40DM. Đoàn Thị H. Phượng 10DM. Vũ Đức Minh 10DM. Phùng Quang Vinh Sven 100DM. Nguyễn Thị Tý 10DM. Tâm Nguyễn (Bremen) 50DM. Đào Thị Tre (Göttingen) 30DM. Nguyễn Thị Đậu 20DM. Trường Ngọc Hoa (Bielefeld) 10DM. Bùi Thị Phượng (Gutersloh) 50DM. An Nhung (Vechta) 40DM. Trường Minh Hiệp (Saarlouis) 10DM. Chi Chấn (Merzig) 20DM. Nguyễn Thị Nhung (Homburg) 50DM. Vũ Chi Thiện (Arnstadt) 10DM. ĐH. Hạnh (Paderborn) 100DM. Wiriya Trần (Bielefeld) 100DM. Nguyễn Thị Nhiếp (Essen) 30DM. Nguyễn Văn Đức (") 20. Siripon Wonghnanzeng (Vlotho) 50DM. Gđ. Nguyễn Văn Tâm 20DM. Vương Trường Thọ 20DM. Trường Hồng Báo 20DM. Đinh Đức Bạc (Zwickau) 20DM. Quan Long Thanh 20DM. Phạm Thị Dung 10DM. Huỳnh Thanh Hà (Altenau) 10DM. Lê Quý Đông 30DM. Lê Thắng Lợi 3DM. Nguyễn Đình Thường (Hilders) 10DM. Phạm Kim Phượng (MDG) 20DM. Lê Thanh Hà 30DM. Thái Cẩm Huệ 100DM. Nguyễn Thị Yến (Bremen) 20DM. Dương Minh Chiến 20DM. Đặng Thị H. Hạnh (Dresden) 10DM. Vũ Thị Thanh 10DM. Lê Việt Anh 20DM. Nguyễn Thị Hùng (Berlin) 30DM. Trần Đình Bảo 80DM. Lê Đình N. Long (WHV) 10DM. Phạm Lê Thu (MDG) 20DM. Lê Nguyễn A. Tuấn 10DM. Hoàng Thị Phượng 20DM. Chen Yon Hua 20DM. Lâm Hồng Phúc (Giphom) 20DM. Lũ Thủy Nga 30DM. Cao Hoài Anh 20DM. Đinh Quý Liem 20DM. Huỳnh Thị Tân 10DM. Nguyễn Văn Quân 10DM. Phùng Thị Hiền (Hannover) 10DM. Chu Văn Phong (Mainz) 50DM. Đặng Di Phu 20DM. Lê Thanh Thanh 40DM. Mai Văn Du (Osnabrück) 15DM. Thiện Giải (Rotenberg/W) 20DM. T. Hoàn (Bochum) 20DM. Nguyễn Văn Kiem (HH) 50DM. Lâm Đức (") 50DM. Trần Tiến Lâm (Osteel) 10DM. Nguyễn Thanh Hương 20DM. Gđ. Ánh + Hai 20DM. Nguyễn Ngọc Khoa (Cham) 50DM. Nguyễn Hoàng Hiệp 10DM. Đoàn Thoại Uyên 20DM. Đặng Tuyền Anh (HH) 10DM. Nguyễn Thị Thu Dung (Wernech) 50DM. Đinh Thị K. Vân (Dörzbach) 20DM. Đỗ Thu Hà 20DM. Dương Tiên (HH) 20DM. Trần Anh Tuấn (Hannover) 20DM. Nguyễn Thị Hải (H. Oldendorf) 50DM. Mai Nicolaus (Cottbus) 50DM. Nguyễn Thị Mộng Thi (München) 50DM. Phan Thế Mỹ (Schrozberg) 50DM. Bùi Hữu Dũng 20DM. Gđ. Noske Peter (Thale) 30DM. Lê Thị Thuộc 20DM. Lôi Thị Sáu (Meppen) 20DM. Trần Minh Nam 20DM. Phan Hồng Việt (Bergkamen) 20DM. Bùi Thị Dung 10DM. Nguyễn Trọng Mậu 20DM. Nguyễn Đức Thủy Tường (Rodgau) 50DM. Trần Thị Thanh 20DM. Nguyễn Xuân Lộc 5DM. Trường Thu Hương (BS) 50DM. Chánh Tâm Từ - Chơn Tịnh Uy (Canada) 50Can. Vũ Văn Hóa (Emden) 20DM. Huỳnh Văn Khương 20DM. Nguyễn Thị Ngà (Buchholz) 20DM. Trần Văn Đàn 20DM. Ngô Minh Nguyễn (Hannover) 50DM. Nghiêm Xuân Cường (Marienberg) 50DM. Nguyễn Trung Dũng (Eisleben) 20DM. Kim Nhung 20DM. Trường Mỹ Anh (Münster) 20DM. Vũ Thị Dâu (Aachen) 50DM.

Phạm Kim Oanh (Cottbus) 20DM. Bành Minh Thành 20DM. Lý Mỹ Lệ (Holland) 20DM. Gđ. Minh Greiff Phan 10DM. Hà Thị Lan Anh 250DM. Vũ Thị Năm (Salzgitter) 20DM. Lê Thị Hồng Hoa 10DM. Nguyễn Thị Dung 10DM. Nguyễn Văn Phường 10DM. Nguyễn Văn Đông 10DM. Nguyễn Hồng Tâm 20DM. Nguyễn Tiến Dũng 20DM. Gđ. Nguyễn Ngọc Huy (Westhausen) 100DM. Gđ. Lê Đắc Quỳnh (Stuhr) 20DM. Phạm Xuân Phúc 50DM. Nguyễn Văn Tân (Wemigerode) 50DM. Nguyễn Mạnh Hà 20DM. Nguyễn Thị Lâm 20DM. Huỳnh Anh (N. Münster) 20DM. Phan Thị Lan Phượng 10DM. Ngô Văn Quang (Frankenberg) 20DM. Lý Thị Phon (BS) 20DM. Gđ. Chan Juk Wah (St. Augustin) 40DM. Võ Hà 20DM. Trường Chánh (Freisoythe) 70DM. Lê Trung Trực 50DM. Nguyễn Thị Hậu (Gera) 10DM. Đặng Thân Hiếu 50DM. Nguyễn Thanh Long 20DM. Văn Anh (Eisenach) 10DM. Vũ Quang Ngọc 10DM. Lê Thị Bích Loan 10DM. Vũ Tuấn Anh 20DM. Nguyễn Hải Yến 20DM. Nguyễn Thị Hòa (Neustadt/W) 20DM. Lê Bích Thủy 10DM. Nguyễn Ngọc Lâm 20DM. Nguyễn Thị Bích Lợi (Fürth) 50DM. Phạm Thị Thủy 10DM. Nguyễn Thị M. Sáu (Ronnberg) 20DM. Lê Thanh Hà 20DM. Thuận Đạt 40DM. Phan Thị T. Hồng (Mainz) 20DM. Khanh 10DM. Lê Hồng Tâm 40DM. Nguyễn Quốc Nam (Mannheim) 30DM. Cộng Đồng Người Việt Quốc Gia Hải Ngoại 200DM. Huệ Tường 10DM. Lê Tuấn Sơn (Berlin) 20DM. Nguyễn Tiến Vinh (Stadtallendorf) 20DM. Đỗ Thị Hồng Lan (Dresden) 20DM. Vũ Quốc Kỳ (Berlin) 40DM. Hoàng Thị Thuận (Aschaffenburg) 50DM. Việt Châu (Uppgant-Schott) 10DM. Nguyễn Thị Dung 20DM. Nguyễn Thị Nụ (Bad Kreuznach) 50DM. Chùa Phật Bảo Bartrup) 1000DM. Hoàng Tuấn 10DM. Nguyễn Thanh Thủy (BS) 10DM. Liễu Thị Hà (") 10DM. Phạm Văn Tuấn (Speyer) 20DM. Lê Thị Tam 50DM. Trinh Lương Nghĩa 50DM. Trần Đức Xuân 350DM. Chi Hội PTVNTN Freiburg 200DM. Huỳnh Thiên Diệu 30DM. Nguyễn Thu Ba (Regensburg) 200DM. Đặng Thị Kim Yến (Đan Mạch) 25DM. Trần Thị Thoa (") 30DM. Đào Thị Nguyễn (") 50DM. Gđ. Chung Vinh Hiếu (Trier) 100DM và các Gđ. & bạn bè thân hữu ở Trier, Konz, Schweich, Saarburg, München, Hermeskeil 200DM, HHHL ĐH Thiện Nhiên Đặng Thị Tát. Trần Thị Tú (Sindelfingen) 500DM. Trần Thị Năng (") 150DM. Kim's Boutique (HH) 100DM. Dương Xiao Ying (Essen) 30DM. Dương Thị Phượng (") 30DM. Dương Thị Quy (") 50DM. Đặng Ngọc Hải (Speyer) 50DM. Châu Thị Cúc (Hannover) 50DM. Mai Nguyễn Thị T. Vân (Aachen) 100DM. Trần Thu Hằng (HH) 20DM. Gđ. Giác Mỹ 100DM. Gđ. Đào Thiện Mẫn (Empelde) 20DM. Hà Thu Dung (FS) 40DM. Trường Hải (Hòa Lan) 50Guld. Nguyễn Hồng Tú 10DM. Ấn danh 50DM. Ấn Danh 50DM. Trần Thế Toàn (Lahnstein) 20DM. Chu Thị Ngan (Montabaur) 20DM. Thủy Kết (Köln) 20DM. Phan Thị Lan (Y) 300DM. Lưu Anh (Helmstedt) 50DM. Huỳnh Tú Dung (") 20DM. Hào Ngọc (HH) 50DM. Nguyễn Thị T. Hạnh + Trần Tú Vân 200DM. Trần Thanh Phó (Hannover) 20DM. Lê Thị Bích Lan (") 30DM. Ban Bảo Trợ ĐGPT Tâm Minh 100DM. Chu Nguyễn (Langenhagen) 20DM. Đào Đức Định (") 40DM. Lê Thanh Thanh (") 20DM. Đỗ Văn Nhân (Windhagen) 20DM. Nguyễn Thị Hạnh (Hannover) 10DM. Ngụy Nhật Thủy (") 100DM, HHHL ĐH Huệ Ngọc và Huỳnh Thị Xuân. Von Stevan & Ricky 80DM. Vũ Thị Thơm (Lanigen) 10DM. Christian Lange (Osnabrück) 50DM. Phạm Văn Lý (Rinteln) 20DM. Nguyễn Ngọc Thắng 20DM. Lưu Anh 300DM, HHHL Huỳnh Gia Khánh, sinh 21.5.33 mất 29.9.98, cầu siêu trong 7 tháng. Phan Thị Ngọc (Wolfenbüttel) 20DM. Nguyễn Đức Hùng 20DM. Vương Vũ + Đặng Phước 10DM. Trịnh Văn Cón 20DM. Nguyễn Thị Tâm 20DM. Horst + Apon 10DM. Trần Văn Phan 50DM. Nguyễn Đường Ngọc 30DM. Nguyễn Đường Minh + Thúy 40DM. Thái Lan 20DM. Tùng (Berlin) 20DM. Birgra Janz (") 10DM. Võ Kim Thành 50DM. Nguyễn Thu Hằng (Weißenthurm) 20DM. Đặng Thị Tuyết Hoa 40DM.

Chế Kim Anh (D'dorf) 50DM. Tuấn Phong (Burgdorf) 16DM. Annette Hoi, Yin Chan (Hannover) 10DM. Trần Thanh Pháp (") 20DM. Đinh Xuân Lâm (Senftenberg) 20DM. Trần Văn Sơn 10DM. Nguyễn Ngọc Hải (Leipzig) 40DM. Huỳnh Thị Trang 10DM. Gđ. Phạm Văn Hải (Giesen) 30DM. Đoàn Phượng Linh (Erfurt) 10DM. Nguyễn Thanh Chương (") 30DM. Bùi Kim Huệ (Aerzen) 100DM. Anh Trung (VN) 20DM. Trí Thanh + Phước + Nghĩa + Thđ + Ngọc 250DM. Nguyễn Hữu Hiền (Rosenthal) 30DM. Sarg Wei (Poland) 10DM. Trần Tý (Hessen) 50DM. Nguyễn Sĩ Anh (Dresden) 50DM. Nguyễn Thị Kim Trâm (Minden) 50DM. Nguyễn Văn Đông (Seelze) 20DM. Nguyễn Thị Mỹ 10DM. Trần Bích Thuận (Hannover) 10DM. Phùng Quốc Trung (") 20DM. Dương Quốc Hùng 40DM. Trần Thị Minh (Leipzig) 20DM. Manuel Stumpf + Thanh Hằng 130DM. Gđ. Ung (Bremerhaven) 100DM. Teickner 10DM. Vũ Văn Hòa (Canada) 20Can. Đào Thị Chuyển (Vallendar) 20DM. Nguyễn Quang Chánh (Wurzen) 100DM. Nguyễn Văn Tân (Giessen) 50DM. Giang Thái An (Neustadt) 140DM. Nguyễn Việc Tạo (Kornw.) 20DM. Nguyễn Thị Kim Chi (Lindenberg) 300DM. Lê Thị Bích Ninh (München) 30DM. Trần Hữu Trâm 20DM. Lý Thúy Phượng (Pforzheim) 50DM. Fam. Nguyễn 180DM. Nguyễn Thị Nhị + Liễu Thị Thà (BS) 50DM. HHHL ĐH Huỳnh Gia Khánh. Huy Giang Trần Ngọc Nam (Schramberg) 40DM. Ngô Ngọc Trinh (Úc) 100Úc kim. Ngô Thị Kiều (") 25Úc kim. Chùa Pháp Bảo (Úc) 2.200DM. Hoàng Thị Thủy (Köln) 20DM. Ngô Quế 50DM. Nguyễn Thu Phước 130DM. Hà Thị Lan Anh (Stuttgart) 100DM. HHHL ĐHH Trần Thị Ân. Dương Ngọc Liên (Duisburg) 20DM. Diệp Kim Huệ (Sweden) 100Kr. Nguyễn Mạnh Vũ (Mannheim) 50DM. Lý Thị Kim Huệ (Pháp) 100FF. Bùi Paulette (") 145,77DM. Nguyễn Thị Nữ (Bamberg) 13DM. Trần Ngọc Phượng (Berlin) 10DM. Đặng Văn Minh Neuburg 20DM. Nguyễn Thị Xuân (Würzburg) 2 bao gạo. Nguyễn Văn Bông (Karlsruhe) 1 nôi hấp nhôm. Gđ. Diệu Nữ (Laatzten) 102 miếng xôi vj. Lê Thị Hoa (Dusslingen) 10 đén cây lớn Nguyễn Thị Ánh (Karlsruhe) 10 đén cây lớn. Gđ. Lê Văn Trường (") 10 khăn lông + 10 hộp trà. Đoàn Văn Chung (Heppenheim) 3 nôi Edelstahl. Tạ Nguyệt Trinh (Heilbronn) 1 hộp thuốc tây. Nguyễn Ngọc Đường (HH) 8 chần để bao rác có bánh xe + 1 thùng bao rác. GĐPT VNTN Chánh Tín 1 bao tài khăn lau nhà. Từ Thu Muối (Laatzten) 10 thùng dầu. Nguyễn Văn Năm (Springe) 2 bao gạo + 10 thùng dầu. Nguyễn Văn Hồng (Bennigen) 10 bao gạo. Nguyễn Phú Đức (Oldendorf) 20 thùng dầu. Nguyễn Thị Liễu (Aschaffenburg) 50 bánh dẻo. Nguyễn Thị Hạnh (BS) 200 chà giò. Nguyễn Văn Trung (Bremerhaven) 10 bao gạo + 5 thùng dầu. Nguyễn Văn Trúc (Hildesheim) 10 bao gạo + 5 thùng dầu.

## • VU LAN

ĐH. Cao Thị Sâm (Hochdorf) 50DM. Nguyễn Thị Hiền (") 30DM. Lâm Thủy Nguyễn (Pforzheim) 20DM. Nguyễn Thị Bầy (Đan Mạch) 100Kr. Quan Gia An (Erkrath) 20DM. Nguyễn Văn Lượng (D'dorf) 300DM. Hoàng Ngọc Minh (Pháp) 500FF. Thiện Duyên, Thiện Hồng, Quách Tân, Quách Hồng (Münster) 210DM. Trần Văn Quang (Hannover) 50DM. Hà Phước Nhuận (") 50DM. Nguyễn Thu Hằng (Rheinau) 50DM. Cindy Le Fuller (USA) 100US. Bùi Như Sơn (Krefeld) 20DM. Nguyễn Cao Lũy (Trier) 10DM. Nguyễn Thu Thủy (Wittlich) 20DM. Nguyễn Thị Kim Liên (Rengensburg) 10DM. Võ Bá Tông (Zweibrücken) 10DM. Tạ Thị Kim Lan (Nordhorn) 100DM. Trịnh Văn (Idar Oberstein) 20DM. Trần Thị Kim Loan (Neustadt) 10DM. Vũ Thị Minh (Ausburg) 20DM. Tạ Nguyệt Trinh (Heilbronn) 50DM. Bàn Thẩm Cường (Wiesbaden) 100DM. Trần Thị Đức (München) 30DM. Đỗ Hữu Ai (Oberhausen) 20DM.

Nguyễn Thị Kim (Münster) 20DM. Phạm Trọng Tuyến (Einbeck) 50DM. Lý Hướng (Bad Iburg) 100DM. Trần Sang (Würzburg) 100DM. Nguyễn Phương Danh (M'Gladbach) 20DM. Nguyễn Thị Minh Tâm (Köln) 20DM. Hoàng Khánh Duy (Aachen) 20DM. Nguyễn Hữu Hiền (Rosendahl) 50DM. Phan Ngọc Minh (Reutlingen) 100DM. Hồ Thị Di (Bad Soden) 50DM. Hoàng Đôn Trinh (Tübingen) 20DM. Nguyễn Văn Cửu (Wiesbaden) 50DM. Đỗ Trinh (Aalen) 40DM. Nguyễn Thị Chung (Ludwigshafen) 20DM. Nguyễn Tấn Lộc (Barntrup) 30DM. Châu Thế Mưu (Frankfurt/M) 30DM. Phạm Muội (Bad Iburg) 50DM. Lương Ngọc Phách (Bielefeld) 30DM. Đỗ Thị Út (Hòa Lan) 20Guld. Nguyễn Thanh Nguyệt (") 25Guld. Đặng Muội + Quan Long Thành (Celle) 200DM. Nguyễn Thị Kim Loan (Berlin) 20DM. Trần Thị Hiền (Köln) 50DM. Bàn Quốc Hòa (Sweden) 100Kr. Trần Khải Đức (Ulm-Wiblingen) 50DM. Ngô Quang Diễm Phi (Emmering) 50DM. Nguyễn Đình Thủy (Pháp) 100FF. Phùng Ngọc Minh (") 200FF. Mme Lâm Võ Hồ Jeanne (") 300FF. Hồ Thị Lâm (Bietenheim Bissingen) 50DM. Đặng Thị Liên (Pháp) 20DM. Trương Văn Ty (Ý) 20.000Lire. Viên Kim Huy (Sindelfingen) 50DM. Nguyễn Thế Việt (K'lautern) 20DM. Phạm Văn Go + Lâm Thị Hôn (Augsburg) 100DM. Quan Bảo Cầu (Anh) 10Anh kim. Vũ Viết Tân (M'Gladbach) 50DM. Đỗ Ngọc Thanh (Kiel) 20DM. Lý Thanh Hương + Nguyễn Phước (Pforzheim) 50DM. Fam. Vũ Âu (Karlsruhe) 50DM. Nguyễn Văn Chương (") 50DM. Hà Văn Hôn (Rosenheim) 50DM. Bùi Duy Nguyễn (Erbach) 100DM. Trần Anh Tuấn (Mannheim) 20DM. Lê Kim Hùng (Heilbronn) 100DM. Huỳnh Phong Nguyễn (Wiesbaden) 50DM. Võ Thị Ngọc Thanh (Essen Steele) 20DM. Đặng Thị Kim Hoa (Wahlstedt) 20DM. Hồ Tu Đức (Recklinghausen) 20DM. Vũ Thị Dung (Neuburg-Donau) 20DM. Nguyễn Thị Ngọc Kim (Mühlheim a M.) 50DM. Nguyễn Thị Lữ M (M'Gladbach) 50DM. Bùi Văn Mai (Reutlingen) 100DM. Vũ Thị Hồng (Laupheim) 50DM. Nguyễn Thị Thu Hương (Emden) 20DM. Nguyễn Danh Thắng (Mannheim) 50DM. Lương Hồng Hạc (Frankfurt) 100DM. Trần Thị Nguyệt (Konz) 20DM. Lê Thị Thu (") 20DM. Tiểu Tô Nữ (Niedernhalle) 30DM. Phạm Thị Hiệp (Chemnitz) 50DM. Cao Thị Chi (Parsberg) 50DM. Mme Trần Thị Vân (Pháp) 20DM. Lê Thị Hân (") 200FF. Nguyễn Thị Mạnh Hà (") 100FF. Võ Hữu Đờm (") 100FF. Trần Kim Lai (Sweden) 500Kr. Ngụy Huệ Lang (") 100Kr. Đặng Quốc + Trần Thị Bông (Đan Mạch) 50Kr. Huỳnh Thị Tâm (Bi) 500FB. Nguyễn Thị Leo (Ireland) 100DM. Nguyễn Thị Hạnh (Ansbach) 20DM. Trần Đức Long (Pháp) 100FF. Mme Lê Ngọc Chấn (") 100FF. Mme Nguyễn Danh Đan (") 100FF. Trần Thị Nhiều (Hòa Lan) 25Guld. Lâm Thu Thinh (Papenburg) 50DM. Vũ Văn Cường (Bellingen) 20DM. Mã Dũng (München) 20DM. Ngô Trung Thu (Essen) 20DM. Hồ Kim Lang (Rosendahl) 100DM. Chong Tac Vo (Osnabrück) 120DM. Phi Thị Lan Hương (Berlin) 50DM. Nguyễn Trần (Bielefeld) 20DM. Võ Đình Ái Tú (Nürnberg) 50DM. Phạm Doãn Dũng (Mannheim) 100DM. Hứa Tích Chương (Metzingen) 20DM. Nguyễn Thanh Long (Hannover) 20DM. Tô Khải Đức (Schweinfurt) 40DM. Lê Thị Vân (Velpke) 20DM. Trương Cam Minh (Darmstadt) 20DM. Vũ Thị Thành (Neusatdt) 50DM. Giang Thái An (") 20DM. Hà Văn Tú 30DM. Ngô Lãnh Yên (Pháp) 200FF. Mme Nguyễn Văn Kiều (") 200FF. Mme Trần Quối Thiên (") 200FF. Nguyễn Lệ Xuân 50DM. Gđ. Nguyễn Ngọc Sơn (Heilbronn) 50DM. Ngô Văn Kỳ (Pháp) 29,15DM. Trương Triệu Bắc (Albstadt) 50DM. Gđ. Lê Ha + Trần Lê Văn (Mühlacker) 150DM. Nguyễn Đam (Köln) 20DM. Nguyễn Thị Hồng Nhung (Kleve) 100DM. Nguyễn Roanh (Lünen) 20DM. Đào Thị Chúc (Großrosseln) 50DM. Nguyễn Ngọc Văn (Pforzheim) 20DM. Lâm Kỳ Thạch (Papenburg) 30DM. An Hahn (Limburg) 50DM. Hồ Thị Hiếu (Erlangen) 100DM. Braun Thị Dung (Altenstadt)

30DM. Hoàng Ngọc Thụ (Pháp) 200FF. Nguyễn Phúc Lộc (") 200FF. Lê Văn Quối (") 100FF. Mme Hạng Văn Luồng (") 200FF. Cao Thị Yến (") 500FF. Vương Văn Rạng (") 200FF. Naeng Kim Liên (Sweden) 100Kr. Trần Ngọc Mỹ (Tübingen) 300DM. Trịnh Thị Rành (Ý) 20.000Lire. Mai Văn Thu (") 50.000Lire. Gđ. Quảng Ngô (Laatzten) 50DM. Vũ Tất Bằng (Hannover) 30DM. Lây Bằng Póng (Moers) 30DM. Võ Thị Kim Hoa (Ulm) 40DM. Lưu Giới + Trần Huệ (Nordhorn) 30DM. Bùi Ngọc Huệ (Hofgeismar) 10DM. Trần Văn Đức (Burgrieden Rot) 30DM. Võ Thị Hoa (Frankfurt/M) 30DM. Trần Thị Hương (Ludwigshafen) 20DM. Quách Thu Anh (Freiburg) 50DM. Nguyễn Thị Ngọc Gehrden) 50DM. Nguyễn Phường Tâm (Mannheim) 20DM. Triệu Cẩm Nguyên (Haßloch) 100DM. Nguyễn Văn Trung 50DM. Trương Thị Ngọc (Sweden) 500Kr. Phùng Kim Liễu (Na Uy) 100Kr. Thích Nữ Đàm Thiện (Bi) 500FB. Nguyễn Thu Ba (Rengensburg) 50DM. Vũ Chí Thiện (Arnstadt) 20DM. Trần Thị Phú (Stuttgart) 50DM. Hà Thị Lan Anh (") 50DM. Châu, Lương, Mỹ, Oanh (Steinbach) 20DM. Huỳnh Phú + Châu Bích Nguyệt (Burghausen) 50DM. Thị Hữu Phú + Châu Bích Nga (Sindelfingen) 50DM. Nguyễn Thị Thế Phượng (Hof) 10DM. Châu Nam + Bàn Thang (Spaichingen) 50DM. Phạm Thị Ngừng (Irrel) 50DM. Quách Hải Quang (FF/M-Sossenheim) 20DM. Nguyễn Thanh Thủy (Uelzen) 20DM. Nguyễn Thị Chiêu (Neuss) 20DM. Lâm Chan Can (HH) 30DM. Huỳnh Ngọc Châu (D'dorf) 20DM. Trần Huỳnh (Frankfurt) 20DM. Tống Phan Hùng (München) 50DM. Ngô Văn Thu (Mannheim) 50DM. Chiếu Hoàng Nguyễn Thị Phượng (Krefeld) 50DM. Quan Chí Nhân (Kempten) 50DM. Nguyễn Mạnh Hùng (Konz) 20DM. Thâm Chu Hải Thanh (Bochum) 50DM. Mai Hồng Khanh (Eppelborn) 20DM. Trần Minh Giang (Graefenhainichen) 20DM. Đinh Nam Hà (Bamberg) 10DM. Nguyễn Minh Sơn + Tuyết Lê (München) 10DM. Nguyễn Thị Kim Xuân (D'dorf) 10DM. Nguyễn Tấn Hồ (Konstanz) 30DM. Hoàng Thanh An (Dresden) 100DM. Trần Thị Liên (Langeoog) 20DM. Võ Thị Huệ (Bi) 500FB. Nguyễn Kim Anh (") 500FB. Lê Chánh Trjông Tấn Lộc (Laatzten) 50DM. Lê Trường Sinh (Ellwangen) 50DM. Huỳnh Văn Kỳ (Bad Sobernheim) 50DM. Quách Thị Mùi (Krefeld) 50DM. Bùi Thị Bích Thuận (Hannover) 20DM. Thanh Hiền Heuser (Berghausen) 10DM. Tạ Thị Ngọc Hoa (Wedel) 50DM. Lê Thị Tú (Burgwedel) 50DM. Vũ Ngọc Tuấn (Reutlingen) 20DM. Đoàn Thanh Bình (Möhlau) 10DM. Lưu Hồng Xuân (Göttingen) 20DM. Lâm Bửu Trần (Albstadt-Ebingen) 100DM. Nguyễn Cảnh Liên Vinh (Trébur-Asheim) 20DM. Gđ. Hà Lâm (M'Gladbach) 50DM. Kujawski Thị Nhiều (Esens) 20DM. Trương Kim Học (Landstuhl) 20DM. Đào Ngọc Bảo (Chemnitz) 50DM. Mạc Thanh Mai (") 50DM. Trần Phong Lưu (") 50DM. Đào Duy Anh (") 200DM. Cao Văn Hòa (Eggenfelden) 50DM. Nguyễn Thị Bích Hương (Bi) 1.000FB. Huỳnh Khôn Biếu (") 1.000FB. Phạm Thị Hiền (Áo) 1.000Schil. Phạm Thị Đông (") 600Schil. Bùi Thị Ddi (Houston/USA) 50US. Nguyễn Ngọc Thành (Mannheim) 50DM. Phạm Ngọc Đánh (Berlin) 100DM. Phạm Kim Oanh (Cottbus) 40DM. Bàn Chúc Quân (Ludwigshafen) 200DM. Bàn Vinh Ái (") 50DM. Tiểu Chí Chung (Saarland) 50DM. Ngô Đức Tâm (Remseck 4) 30DM. Gđ. Trịnh Văn Bo (Kastellaum) 10DM. Gđ. Nguyễn Ngọc Diệp (Seltmans) 100DM. Nguyễn Văn Lồ (Neu-Ullm) 100DM. Trần Đức Phát (GM.Hütte) 50DM. Phạm Thị Kim Anh (Saarbrücken) 20DM. Lâm Văn Yến (") 20DM. Nguyễn Văn Mười (") 20DM. Nguyễn Thanh Lũng (Mannheim) 50DM. Tả Nhuận (Frankfurt/M) 20DM. Bùi Thị Trường (Stuttgart) 30DM. Phạm Thị Ngọc Hoa (Kiel) 20DM. Nguyễn Thị Diệu Hoa (Leutenbach) 20DM. Trần Thị Kim Loan (Breberg-Neustadt) 20DM. Đào Lan Chi (Edewecht) 40DM. Nguyễn Đăng Dung (Suisse) 50DM. Trần Thị Liên (Đan Mạch) 100Kr. Trương Thị Ngọc (Sweden) 1.000Kr. Fam.

Alberter Mỹ Linh (Hòa Lan) 20Guld. Bửu Quang, Diệu Trí, Bửu Thường, Bửu Lạc, Bửu Đức (\*) 150Guld. Đặng Hữu Mỏ (Bỉ) 1.000FB. Trương Cao Thị Ứng (Pháp) 50FF. Dương Anh Tuấn 50DM. Li, Trần Thủy Phượng (Pforzheim) 50DM. Lý Trường Kim Châu (Otterbach) 25DM. Trương Quan Phúc + Phan Thị Mai (Moschheim) 30DM. Ngô Kim Liên (Neumünster) 50DM. Lê Hồng Quân (Weingarten) 15DM. Lê Quan Liêm (Pháp) 200FF. Bà Lê Khắc Phượng Lan (\*) 100FF. Mme Songo Rukmany (\*) 100FF. Tuệ Hạnh Trương Thị Xí (Hòa Lan) 25Guld. Bành Vinh Hoa (Ludwigshafen) 30DM. Trần Thị Hồng Châu (Ý) 25.000Lire. Lê Thọ Hạng (Reutlingen) 100DM. Hồ Thị Thanh Đàm (Gomaringen) 50DM. Nguyễn Thị Sơn (Tübingen) 50DM. Lê Thị Ngọc (K'lautern) 30DM. Phan Thị Lan 50DM. Quan Thanh Lê (München) 50DM. Đồng Thị Gái (Ulm-Wiblingen) 20DM. Đặng Hồng Sơn (Leipzig) 10DM. Nguyễn Ngọc Thanh (\*) 10DM. Nguyễn Thăng Long (\*) 10DM. Gđ. Viên Văn Hiệp (Koblenz) 100DM. Lê Thị Mẹo (München) 20DM. Bùi Đăng Khoa (Wiesloch) 20DM. Phạm Quang Bào (Leezdorf) 50DM. Trần Thị Hồng (Herten) 20DM. Trần Thị Út (\*) 10DM. Lê Văn Hiến (Arnstadt) 20DM. Nguyễn Thị Hằng (Weißenthurn) 20DM. La Hai (Suisse) 20FS, HHHH Thân phụ Cao Triều Trục. Phan Thị Kim Chung (Troisdorf) 20DM. Trương Thị Mỹ Phượng (Đan Mạch) 50DM. Võ Thị Dạ Lan (Hòa Lan) 50Guld. Tăng Phát Đậu (Bỉ) 1.000FB. Nguyễn Thị Khang (Ý) 20.000Lire. Trịnh Bạch Tuyết (Áo) 200Schil. Bà Lưu Thị Oanh (Pháp) 200FF. Nguyễn Ngọc Hường + Davant Henri (\*) 200FF. Tsang (Rietberg) 100DM. Trần Phú Bình (\*) 20DM. Nguyễn Thị Huệ (Berlin) 100DM. Trần Kim Cúc (Schwetzingen) 40DM. Huỳnh Tấn Mười (\*) 40DM. Nguyễn Văn Minh (Kaarst) 20DM. Nguyễn Ngọc Mỹ (Stuttgart) 50DM. Kim Liên (Gifhorn) 50DM. Lê Ngọc Đức (Vilsbiburg) 30DM. Trần Quang Hiếu (Hòa Lan) 25Guld. Cao Thị Chi (Ý) 100.000Lire. Trần Việt Oanh (Neuss) 20DM. Đỗ Thị Phải (Recklinghausen) 50DM. Gđ. Nguyễn Thanh Tý (\*) 130DM. Trần Kim Sương (Emmendingen) 60DM. Hòa A Trí (Wilhelmshaven) 50DM. Hồ Châu (Neustadt) 50DM. Đặng Thanh Toan (Esens) 10DM. Nguyễn Thị Ngọc Minh (Ludwigshafen) 20DM. Nguyễn Hữu Nghĩa (Wesseling) 50DM. Nguyễn Thị Mai (Hamm) 20DM. Lê Thủy Diệp (Evensen) 20DM. Trần Ngọc Hà (Saarbrücken) 20DM. La Nam Tường (HH) 20DM. Trần Khải Hoàn (Kerpen) 20DM. Nguyễn Thị Hoàng Liên (Köln) 20DM. Đỗ Thị Thu Hường (Pforzheim) 20DM. Vũ Văn Hải (Trier) 20DM. Nguyễn Thị Viễn Phượng (Koblenz) 200DM. Gđ. Nguyễn Việt Dũng (Leipzig) 20DM. Lý Anh Hằng 20DM. Nguyễn Thanh Minh (Dresden) 10DM. Tô Hồng Sơn 10DM. Trần Bích Hằng 10DM. Nguyễn Thị Nhiên (Dresden) 10DM. Nguyễn Đức Tiến (\*) 10DM. Nguyễn Thị Tâm (\*) 10DM. Nguyễn Đăng Minh (Rötha) 20DM. Yeung Sai Kan 20DM. Nguyễn Thúy Lan (MDG) 20DM. Hồ Minh Hoàn (Hamel) 20DM. Lê Thị Hậu 10DM. Phạm Thị Thảo 10DM. Hà Thị Minh Lý (Berlin) 20DM. Phạm Thị Mỹ 10DM. Lê Bá Phú 10DM. Tô Hồng Liên (Erfurt) 20DM. Nguyễn Văn Minh (Hare) 50DM. Nguyễn Tuấn Phượng (Schwerin) 20DM. Nguyễn Trung Kiên 3US. Chompho O Langer (Hannover) 10DM. Trần Thị Thu Loan (Wallau) 80DM. Vũ Duy Thọ 10DM. Mười, Sơn, Nga 10DM. Nguyễn Thị Thẩm (Berlin) 10DM. Họ Biển 20DM. Khổng Thị Thanh (Zwickau) 20DM. Tạ Xuân Mai (Berlin) 10DM. Nguyễn Ánh Hồng 40DM. Nguyễn Công Trí (MDG) 30DM. Đặng Thị H. Yến 10DM. Nguyễn Trung Tín 50DM. Phạm Văn Hiếu 10DM. Nguyễn Đình Thọ (Leipzig) 10DM. Đinh Thị K. Oanh 20DM. Nguyễn Thị Lệ Hằng 10DM. Lê Han Chương (Berlin) 20DM. Trần Hà 10DM. Lan Việt 20DM. Nguyễn Khắc Hường (Leipzig) 20DM. Gđ. Mai Xuân Tỏi (Sangerhausen) 20DM. Phượng Tuấn 20DM. Phan Anh Hùng 20DM. Nguyễn Thanh Vinh (Würzburg) 20DM. Nguyễn Thị Định

20DM. Trần Kim Hoa 30DM. Gđ. Nguyễn Đường Minh (Hettstedt) 50DM. Nguyễn Song Tùng (Chemnitz) 100DM. Đoàn Văn Thành (\*) 20DM. Đào Thị Tinh 10DM. Trần Văn Chinh 10DM. Nguyễn Văn Quân (Wolfen) 50DM. Lê Thị Thanh (Plauen) 10DM. Đặng Văn Thịnh (Leipzig) 10DM. Nguyễn Thủy Quỳnh 10DM. Nguyễn Đình Ban (Rötha) 40DM. Trần Xuân Trường 20DM. Trần Thị Thuồng (Bautzen) 20DM. Đào Thị Muôn 20DM. Nguyễn Bích Hiền (Berlin) 20DM. Lương Trường Giang (\*) 50DM. Trần Diên Hường (\*) 20DM. Gđ. Bùi Đình Liên (\*) 50DM. Tăng Quốc Việt 20DM. Đỗ Nguyễn Khánh 20DM. Nguyễn Vinh Thảo 20DM. Lê Thị Thành 10DM. Nguyễn Thị Thoa 20DM. Nguyễn Thị P. Lan 20DM. Nguyễn Đường Ngọc (Hettstedt) 30DM. Nguyễn Thị Xuyên 5DM. Nguyễn Huyền Nga 50DM. Nguyễn Xuân Khanh 50DM. Đào Thị Dung (VN) 20DM. Trịnh Thị Ngọc Hân 20DM. Đoàn Mạnh (Berlin) 20DM. Nguyễn Văn Thi (\*) 20DM. Ngọc Chiêu 20DM. Hà Kim Giang (Schwerin) 20DM. Đỗ Phú Hà 10DM. Đỗ Ngọc Hà 20DM. Đinh Xuân Cường 30DM. Đoàn Mạnh Hồng (VN) 2US. Ngô Chí Trung (Dresden) 40DM. Lan 20DM. Nguyễn Thu Hằng 30DM. Nguyễn Hữu Trác (Wazawa) 20DM. Đoàn Văn Tuấn (Ellwangen) 20DM. Phạm Thị H. Mai (Göppingen) 30DM. Nguyễn Văn Pháp 20DM. Lê Thúy Hằng 10DM. Bùi Thị K. Hoa (Berlin) 10DM. Phan Thị Bình (Thale) 20DM. Trịnh Bích Hằng 20DM. Hồ Thị B. Hạnh 20DM. Trần Vũ (Chemnitz) 10DM. Vũ Thị Hiến (\*) 20DM. Hà Thu Hường (\*) 20DM. Nguyễn Tin Chiến 20DM. Trần Thị Ngọc 20DM. Lê Minh Đức (München) 20DM. Phan Xuân Phong 50DM. Lê Thị K. Phượng (Ludwigshafen) 10DM. Lê Thị Bích Tuyền (Hannover) 50DM. Nguyễn Lộc (Berlin) 20DM. Phạm Thị Hoa 10DM. Gđ. Trần Văn Hà (Dresden) 100DM. Nguyễn Thị V. Yến 20DM. Đỗ Nam Thanh 20DM. Trần Thị Minh 40DM. Nguyễn Văn Thịnh (Zwickau) 20DM. Đào Quý Duy 20DM. Bùi Trọng Đức 50DM. Trần Ngọc Lan (Meisburg) 50DM. Nguyễn Đình Thọ 20DM. Trần Thanh Pháp (Hannover) 20DM. Dương Khánh Nam 20DM. Trần Thị Tuyết (Berlin) 10DM. Bùi Văn Quân (Chemnitz) 30DM. Phan Văn Bình 30DM. Hat Martin (Arnstadt) 10DM. Nguyễn Ngọc Trung (Baden) 10DM. Lý Tú Lệ (Darmstadt) 20DM. Lý Tú Liên (\*) 20DM. Tăng Bá Luận (Erfurt) 20DM. Trĩng Thúy Oanh 20DM. Nguyễn Văn Hỷ + Hiền 100DM. Langkawi 10DM. Tống Mai Hoa (Berlin) 10DM. Lương Văn Đông (\*) 10DM. Phạm Thị Hằng 10DM. Trịnh Hữu Huy (Wassmannsdorf) 50DM. Phạm Thị Thu (Leipzig) 50DM. Hoàng Văn Quyết 20DM. Trần Hữu Thịnh (Gardelegen) 20DM. Phạm Văn Quý (\*) 50DM. Nguyễn Như Nghĩa (Wolgast) 20DM. Nguyễn Văn Hùng 10DM. Trần Quang Cường (Bremen) 30DM. Nguyễn Tiến Đức 10DM. Đỗ Chiến Thắng (Mainhausen) 10DM. Mai Hồng Tuấn 50DM. Nguyễn Ngọc Anh 20DM. Nguyễn Xuân Ánh 10DM. Nhân, Phượng, Minh 20DM. Đỗ Viết Vương (Möhlau) 50DM. Hồ Phước An 20DM. Đặng Mạnh Cường (Altlandsberg) 50DM. Nguyễn Xuân Trường (Leipzig) 30DM. Nguyễn Văn Lai (Dessau) 40DM. Nguyễn Văn Tôn (Leipzig) 50DM. Phạm Văn Dũng 30DM. Quan Hữu Chí (Peine) 10DM. Nguyễn Thị B. Tuyết (Strassfurt) 40DM. Nguyễn Quốc Tuấn (MDG) 50DM. Hoàng Văn Nhiên 50DM. Phan Văn Dũng (Leipzig) 100DM. Nguyễn Đình Hùng 20DM. Phạm Thị Nga 80DM. Trịnh Thị Lan Hiền (Görlitz) 50DM. Vũ Quang Hùng (Sondershausen) 50DM. Vũ Văn Kiếm 20DM. Hoan Trang (Chemnitz) 200DM. Chu Thị K. Dung 20DM. Hoàng Thị Lan 10DM. Đinh Công Sang 50DM. Hà Đức Dũng (Potsdam) 20DM. Nguyễn Thị Lan (\*) 10DM. Tiến + Thanh (HH) 30DM. Thanh Tuyền Ngo (Hoya) 10DM. Mai - Mo 20DM. Hoàng Phi 20DM. Peter Lim 3DM. Nguyễn Thị Yến (Görlitz) 20DM. Phan Thanh Van 40DM. Trịnh Ngọc Hiệp (Garbsen) 10DM. Lê Quang Thịnh (Laatzen) 20DM. Thủy, Phượng (Engen) 20DM. Kiệt 40DM. Vương Thành Chung (Dresden) 20DM. Hà Văn Tiến (Peine) 10DM.

Nguyễn Công Minh (\*) 10DM. Dương (Celle) 20DM. Nguyễn Văn Thuận (Speyer) 30DM. Phạm Ngọc Công (HH) 100DM. Phạm Minh Đức (Potsdam) 20DM. Lương Bá Nhón (Paderborn) 50DM. Nguyễn Kim Cường (Heidesheim) 40DM. Phan Quang Hợp 20DM. Chu Thị M. Hằng 50DM. Nguyễn Đình Mạnh (Löwenstein) 10DM. Nguyễn Đắc Thiện 10DM. Dương Xuân Tuấn (Berlin) 20DM. Lê Văn Lý Ngọc (\*) 20DM. Phan Kim Thủy 10DM. Trần Thị Thảo 10DM. Bình Văn Hai 10DM. Phạm Thị Hường (Radeberg) 50DM. China Rest. Kam Long (MDG) 100DM. Trương Văn Hùng (Plauen) 30DM. Lê Bích Lan (Hannover) 20DM. Nguyễn Thu Hà 10DM. Gđ. Trương Việt Tuấn 50DM. Bùi Văn Vinh (MDG) 20DM. Phạm Thị Dung (Bamberg) 20DM. Đỗ Thị H. Hiền 10DM. Nguyễn Thị Chông 10DM. Phạm Thị Thu (Köthen) 20DM. Nguyễn Hữu Phước (Kemnath) 40DM. Vũ Mạnh Hùng 10DM. Vũ Thị Huyền 20DM. Len Thị Huế (Germersheim) 20DM. Lê Quang Hiệp (Berlin) 50DM. Trần Thanh Văn 20DM. Trần Sỹ Cường (Altenburg) 10DM. Đào Văn Đắc 10DM. Phan Thị Hằng 20DM. Phạm Quốc Hùng 40DM. Meixmer Dương 20DM. Đặng Văn Thịnh 10DM. Phan Hồng Thắng (Oberhausen) 20DM. Lương Huỳnh Tô Nữ (Paderborn) 50DM. Vũ Thị Mai Trang 20DM. Phạm + Trần (Hannover) 20DM. Bùi Tường Linh (Berlin) 10DM. Nguyễn Thị T. Loan (\*) 10DM. Hoàng + Mai (Langenhagen) 20DM. Phạm Trung Kiên (Chemnitz) 20DM. Nguyễn Minh Tân 10DM. Hoàng Thị T. Hường (Mainz) 10DM. Lê Khánh Hòa (Hoya) 10DM. China Rest. SAN HAN (Offenbach) 50DM. Nguyễn Văn Văn (Berlin) 10DM. Trần Quang Nghi 10DM. Nguyễn Thị B. Ngọc (Berlin) 40DM. Nguyễn Thị Tý 20DM. Nguyễn Văn Chuẩn 10DM. Phạm Thị M. Luyến (Peine) 10DM. Phan Phú Đức 30DM. Trần Thị Hường 10DM. Gđ. Mạnh (Wuppertal) 20DM. Trần Thị Chi 60DM. Nguyễn Việt Tuấn (Chemnitz) 15DM. Nguyễn Tất Thanh (Dessau) 20DM. Nguyễn Thị Ngo (Freiburg) 20DM. Nguyễn Thái An (Salzwedel) 55DM. Vinh Hường (Leipzig) 20DM. Hòa - Nguyễn Ba (Chemnitz) 50DM. Trần Duy Tuấn 10DM. Nguyễn Tiến Dũng 20DM. Đinh Thị Thanh Thủy 10DM. Lê Thị T. Minh (Dresden) 20DM. Trần Thị T. Hường (\*) 20DM. Lê Thị X. Phượng (\*) 50DM. Trần Minh Hào (\*) 10DM. Đỗ Bích Hà (\*) 20DM. Vũ Thị Định (Leipzig) 40DM. Đinh Quân Khánh (Erfurt) 20DM. Đoàn Quốc Tuấn (\*) 10DM. Phan Anh Dũng (VN) 30DM. Nguyễn Ngọc Quang (Berlin) 20DM. Nguyễn Thị Gái 30DM. Nguyễn Thị K. Thoa 50DM. Vũ Thanh Quyên 10DM. Đinh Thị T. Trinh 40DM. Nguyễn Thị Hiền (Erfurt) 20DM. Đặng Tuấn (\*) 20DM. Vũ Bằng Tuy (\*) 30DM. Thanh Bình (Chemnitz) 30DM. Hoàng Thị Yến 10DM. Nguyễn Công Hùng (Berlin) 10DM. Bùi Thị Ánh Tuyết (\*) 10DM. Lục Tân An 20DM. Nguyễn Văn Hiến (Grossvaeschen) 20DM. Lê Đình Trung 50DM. Phạm Đình Thanh 20DM. Đặng Thị K. Thoa 20DM. Lê Văn Lợi (VN) 20DM. Phan Thị Phượng 20DM. Phạm Đức Phú (Erfurt) 50DM. Nguyễn Huân 20DM. Đinh Đặng Vinh (Brandenburg) 100DM. Tô Thỏ Huyền 20DM. Minh Hùng 10DM. Đỗ Thị Thuận (Erfurt) 20DM. Nguyễn Tú Diên 10DM. Lê Thị Lan 10DM. Nguyễn Thị Hạo (VN) 10DM. Nguyễn Thanh Huyền (\*) 10DM. Lê Đình Thắng (Herborn) 20DM. Đặng Thị H. Phượng (Hamel) 10DM. Nguyễn Minh Tuấn (Garbsen) 10DM. Vũ Thị Mỹ 20DM. Nguyễn Thị Phượng 20DM. Nguyễn Thúy Nghĩa 10DM. Đỗ Bích Hạnh (München) 20DM. Đinh Thanh Hiếu (Berlin) 20DM. Phan Thị Văn Anh (\*) 10DM. Hoàng Xuân Tường (\*) 20DM. Nguyễn Văn Hoài (\*) 40DM. Đặng Ngọc Hà 10DM. Lê Thu Lệ (\*) 20DM. Nguyễn Thị T. Hà (\*) 20DM. Đinh Văn Phán 10DM. Vương Đình Hoàn 5DM. Đinh Thị T. Xuân 20DM. Phạm Thị Lam (Berlin) 10DM. Nguyễn Thị Phảng (Erfurt) 50DM. Nguyễn Xuân Bai 10DM. Nguyễn Công Trung 20DM. Bùi Thị Hạnh 10DM. Nghiêm Tiến Nhất 50DM. Trần Trọng Chí (Leinefelde) 50DM. Phan Huy Chiến (Oberhausen) 50DM. Nguyễn

Hồng Thủy (Dresden) 20DM. Quảng Định 150DM. Đỗ Thị Dung 10DM. Nguyễn Hương Giang 50DM. Bùi Đức Hào (Erfurt) 50DM. Trần Minh Giang 10DM. Vương (Leipzig) 10DM. Hà Quốc Dũng (Thale) 20DM. Nguyễn Anh Trung 20DM. Quang Vinh Chương 20DM. Nguyễn Ngọc Quảng (Dessau) 20DM. Hoàng Lê 10DM. Nguyễn Thị Chí Yến (Chemnitz) 100DM. Phan Hữu Khánh (") 100DM. Nguyễn Văn Đông 60DM. Vũ Phương Đông 20DM. Đỗ Đăng Hải 20DM. Trần Văn Hiền 10DM. Lương Hữu Lành 20DM. Nguyễn Ngọc Lam (Hamel) 20DM. Phan Văn Bai (Thale) 20DM. Hoàng Anh 20DM. Bùi Thị Tuyết 10DM. Cao Thu Hương (Berlin) 20DM. Trương Minh Quang 30DM. Nguyễn Thị K. Sinh (Möhlau) 10DM. Phan Thị Mai (Borna) 10DM. Nguyễn Quang Nam 20DM. Phan Thị Tuyết (Leipzig) 40DM. Nguyễn Thị Yến (Berlin) 20DM. Phạm Thị B. Ngọc (") 30DM. Nguyễn Ngọc Thủy (") 30DM. Nguyễn Đông Đức 10DM. Đoàn Văn Phú 20DM. Đinh Công Thành 10DM. Nguyễn Thị K. Ngọc (Aschersleben) 50DM. Trần Quang Hùng 10DM. Phan Hữu Tiếp 10DM. Nguyễn Văn Thái 20DM. Đinh Văn Hồng 30DM. Thủy Schatz 20DM. Hoàng Thị Thành (Berlin) 20DM. Lê Văn Ruồng (Flöha) 10DM. Vương Trí Thủ (MDG) 20DM. Nguyễn Hữu Đình 50DM. Bùi Thu Hằng (Gera) 30DM. Hoàng Văn Thắng 20DM. Nguyễn Thị Thu Hà (Koblenz) 50DM. Gđ. Giang Lệ Kiên (HH) 50DM. Gđ. Đỗ Việt Hào (Ermlichheim) 40DM. Võ Thị Ngọc Em (Regensburg) 30DM. Phạm Thị Ngọc Phương (Künzelsau) 30DM. Đỗ Thị Kim Hai (Berlin) 20DM. Nguyễn Thị Tiến (Hannover) 50DM. Trương Chánh 30DM. Lê Huế + Trần Thị Diệu Hoa (Ravensburg) 100DM. Nguyễn Văn Tăng (Aachen) 50DM. Lý Thị Hoa (Pforzheim) 40DM. Thái Kim Huệ (Duisburg) Đỗ Văn Thanh (Waldkappel) 50DM. Nguyễn Anh Dũng (Burgdorf) 10DM. Nguyễn Chí Phong (Clausthal-Zellerfeld) 10DM. Trần Phong Lưu (Saarburg) 30DM. Lâm Xuân Anh (Nürnberg) 100DM. Trương Thị Lang (Pforzheim) 50DM. Trần Văn Nam 30DM. Lâm Minh Landau 100DM. Phạm Bình (Bad Iburg) 50DM. Nguyễn Thị Sê (Krefeld) 50DM. Hồ Thị Kim Oanh (") 30DM. Lâm Bung Hoàng (Kempten) 20DM. Nguyễn Thị Thu Hồng (Donaueschingen) 100DM. Nguyễn Thanh Tùng + Nguyễn Thị Mỹ Lệ (") 150DM. Trương Hồng Hiếu (Wahlstedt) 20DM. Bùi Thị Xuân (Potsdam) 10DM. Gđ. Dương Xuân Trường (Leipzig) 200DM. Nguyễn Thị Bén (Plauen) 20DM. Nguyễn Thị Tâm (Gera) 50DM. Phạm Quang Thanh (VN) 20DM. Trần Đình Chiêu (Berlin) 10DM. Nguyễn Thị Thơm (Möhlau) 20DM. Huỳnh Ngọc Hùng (Brandenburg) 50DM. Vương Thanh Thủy (Berlin) 10DM. Nguyễn Thị T. Loan 10DM. Nguyễn Văn Hiếu 20DM. Bùi Văn Thanh 10DM. Phạm Thị B. Kiêm (Coswig) 50DM. Nguyễn Đăng Thế (Berlin) 20DM. Nguyễn Thị Bình (") 20DM. Tạ Thị Sánh 20DM. Nguyễn Duy Hùng (Salzgitter) 20DM. Tống Mạnh Dũng (Crivitz) 100DM. Vũ Trọng Thủy (HH) 100DM. Vũ Đức Hải (Hilders) 20DM. Dương Thị T. Tần 10DM. Konstantin Kurz + Hoa (Berlin) 20DM. Trần Anh Dũng 20DM. Lương Văn Nhật (Freiberg) 10DM. Nguyễn Quyết Thắng (Neuruppin) 10DM. Nguyễn Thanh Hường (") 20DM. Trần Thị T. Hường (Chemnitz) 20DM. Lê Thị Ánh Tuyết (Dresden) 50DM. Hoàng Thị Hạnh 20DM. Mai Thị Trung 20DM. Nguyễn Thị T. Thủy (Gera) 20DM. Thu Dung (Burwedel) 10DM. Nguyễn Thủy (Weißerfeld) 100DM. Nguyễn Hồ Ngọc Thạch 20DM. SCMK 10DM. Đào Hữu Chí 50DM. Nguyễn Thanh Hải (Berlin) 20DM. Nghiêm Hồng Linh 50DM. Lê Hữu Cán 20DM. Đinh Thị Lý (MDG) 10DM. Nguyễn Minh Việt 20DM. Ngô Văn Cửu 10DM. Lê Thanh Hải (Chemnitz) 50DM. Phan Thanh Hải (Lehrte) 20DM. Ngô Thị Phương (VN) 20DM. Nguyễn Cam Lai (Gera) 10DM. Đinh Kim Phương 20DM. Nguyễn Văn Hùng (Schwarzheide) 100DM. Vũ Minh Khai (MDG) 20DM. Nguyễn Công Thành (Hamel) 10DM. Nguyễn Thị Đăng (Brandenburg) 100DM. Vũ Thị Thủy (Gera) 20DM.

Lê Phạm M. Tâm 10DM. Thép + Trinh 20DM. Nguyễn Thị Hiền (VN) 5US. Đỗ Thị Minh (Gera) 100DM. Nguyễn Thị Mỹ 10DM. Đoàn Thị T. Hải 30DM. Nguyễn Thanh Xuân 20DM. Trần Thị Thủy (Wallau) 20DM. Ngô Quang Nam (Norden) 20DM. Nguyễn Hồng Long 10DM. Nghĩa + Thị Loan 20DM. Lê Anh Sơn (Leipzig) 10DM. Nguyễn Văn Ông (Freital) 10DM. Nguyễn Thị Hữu (") 10DM. Tạ Ngọc Diệp 3US. Hà Thị Thuần (") 3US. Lê Thanh Châu (Berlin) 10DM. Võ Anh Bùi 20DM. Dang-On Richter (Hannover) 10DM. Phạm Quốc Thành 30DM. Vương Đại Kim 10DM. Nguyễn Trần (Bielefeld) 10DM. Nguyễn Kha 20DM. Nguyễn Ngọc Lan 10DM. Dương Ngọc Sơn 10DM. Đỗ Hải Yến 10DM. Gđ. Đặng Sĩ Linh (Berlin) 100DM. Đinh Văn Hai 10DM. Tu Phan Thị Ho (Nelben) 50DM. Phạm Thị Đoàn Trang (Halle) 20DM. Lê Thu Hà 20DM. Phạm Thị Hằng 10DM. Hoài Anh + Mai K. (Stassfurt) 20DM. Đinh Quang Thao (Jena) 100DM. Hoàng Việt Thắng 10DM. Phi Văn Canh (Frankfurt) 100DM. Nam Kussat (Schwerin) 20DM. Lý Vi Khôn 10DM. Doan Loan Đình 10DM. Vũ Thị Nga 50DM. Nguyễn Anh Hùng 20DM. Phạm Sỹ Đạt 20DM. Đào Thị Lan (Berlin) 20DM. Phạm Sỹ Đức 10DM. Trần Đình Tùng (Praha) 20DM. Đặng Thị Liên (Jena) 20DM. Nguyễn Mạnh Châu 10DM. Đinh Gia Diệp (Berlin) 20DM. Phan Kim Anh (") 10DM. Lê Trung Tuyến (") 20DM. Nguyễn Thị Thủy (") 10DM. Bùi Thị K. Tuyến (") 10DM. Triệu Văn Khôi (") 10DM. Trần Hoài Thanh (") 20DM. Phạm Duy Đức (Thale) 20DM. Hoàng Văn Chiến 20DM. Phùng Xuân Tiến 20DM. Nguyễn Văn Tiến Toàn 20DM. Trần Công Ve 20DM. Hoàng Văn Hùng 10DM. Nguyễn Văn Sơn 15DM. Nguyễn Thị B. Loan 5DM. Hoàng Thị Mỹ 10DM. Nguyễn Tiến Anh 50DM. Nguyễn Đức Hải 10DM. Nguyễn Quang Chánh (Wurzen) 100DM. Bùi Lê (Hannover) 10DM. Bùi Thị H. Thiên 10DM. Bùi Thị Hồng 10DM. Hans Menzel (Wurzen) 20DM. Nguyễn Thị T. Huyền 10DM. Mai Thế Việt 10DM. Đinh Xuân Tiến + Dung 10DM. Nguyễn Văn Hùng (Wolfen) 20DM. Nguyễn Văn Hội 10DM. Dương Thị Thạnh (Chemnitz) 20DM. Nguyễn Thị T. Loan (Berlin) 10DM. Nguyễn Quốc Minh 20DM. Phương Thị N. Toàn 50DM. Tô Văn Nghiên (Brandenburg) 55DM. Trịnh Thanh Huệ (") 15DM. Đặng Xuân Trường 20DM. Nguyễn Thị Bình 10DM. Lưu Văn Niêm + T. Thủy (Chemnitz) 100DM. Nguyễn Thị T. Ngân (Blaustein) 10DM. Nguyễn Văn Hòa (Lehrte) 10DM. Nguyễn Quang Bằng 30DM. Nguyễn Duy Huân 50DM. Nguyễn Thị Thuởng 10DM. Vũ Ngọc Anh 20DM. Nguyễn Hồng Kim 10DM. Nguyễn Thọ Bảy (Berlin) 100DM. Đặng Chu Dương 10DM. Nguyễn Thị Tĩnh 10DM. Nguyễn Văn Tiến 20DM. Phạm Hồng Văn (Soltau) 20DM. Beck Horst + Beck Tu (Lichtenstein) 40DM. Trần Văn Tùng (Praha) 20DM. Andrea Vu + Phước + Liên 30DM. Vũ Thị A. Đào 20DM. Bùi Ngọc Luyến 10DM. Nguyễn Thị Hồng (Chemnitz) 20DM. Vũ Thị Cai (") 10DM. Đặng Văn Thịnh (Kötha) 20DM. Nguyễn Tấn Thanh 30DM. Nguyễn Thị Yến (Gorlitz) 50DM. Vũ Minh Nghĩa (Chemnitz) 20DM. Trịnh Bang Thủy (") 10DM. Trương Ngọc Minh (") 50DM. Nguyễn Văn Đô 20DM. Nguyễn Văn Sơn (Oberlungwitz) 40DM. Nguyễn Văn Ngự (") 100DM. Ngô Thị Thanh 20DM. Ngô Văn Cần (Wiesbaden) 20DM. Phùng Văn Lan 10DM. Đặng Thị Tho 10DM. Tô Thị Hà (Gera) 50DM. Nguyễn Thị Thủy (Berlin) 10DM. Đoàn Bảo Thái (") 60DM. Nguyễn Kiều Oanh 20DM. Dương Thị Loan (Erfurt) 10DM. Vũ Thị Đậu (Schwabach) 20DM. Trần Thị P. Nhã 20DM. Trần Văn Hâm (Bautzen) 20DM. Nguyễn Thị T. Thủy (Dresden) 5DM. Chu Thị B. Văn 100DM. Lê Thị Hường 10DM. Nguyễn Đình Thị Liên 10DM. Nguyễn Thị Tuyết (Möhlau) 5DM. Lê Thị Dung 20DM. Nguyễn Thế Việt (FF) 20DM. Vũ Dũng (Halle) 10DM. Trần Đình Quế (VN) 20DM. Dương Thị M. Loan (Rostock) 20DM. Hoàng Xuân Hạnh 10DM. Phan Thị Kiên 10DM. Chu Đức Thanh 20DM. Phạm Mạnh Tuấn 10DM. Nguyễn Xuân Quý (Nürnberg) 10DM. Trần Thị K.

Oanh 20DM. Đinh Thị K. Oanh (Dresden) 20DM. Trịnh Thu Hùng (Erfurt) 20DM. Nguyễn Hường (") 20DM. Lâm Văn Mai 20DM. Cù Thị T. Hằng 10DM. Nguyễn Thanh Nga 10DM. Phan Thị Thủy (Muhlhausen) 20DM. Nguyễn Văn Bình 20DM. Trần Thị Út 10DM. Nguyễn Tuấn Hùng (Garden) 20DM. Nguyễn Hoa (FF) 50DM. China Garden (Gotha) 20DM. Nguyễn Đình Vinh 10DM. Phan Thanh Thế 20DM. Nguyễn Thị Hiền 10DM. Phạm Thị Hoa (Gera) 20DM. Nguyễn Thế Vinh (Berlin) 20DM. Nguyễn Thị Dinh (Erfurt) 10DM. Nguyễn Thị Huyền (") 20DM. Lê Thị Châu (Aurich) 20DM. Phạm Thị T. Văn (Berlin) 20DM. Nguyễn Thị Thó (") 40DM. Bùi Thị Mến 10DM. Gđ. Bùi Văn Vinh 80DM. Lương Thị Nhỏ 10DM. Phan Thị Khanh 50DM. Nguyễn Chất Phác (Halle) 50DM. Hoàng Thị M. Tâm 20DM. Hoàng Thị Lan (Berlin) 50DM. Trần Xuân Duy (Rostock) 10DM. Ngô Anh Tài (Potsdam) 50DM. Phạm Thị Ty 20DM. Nguyễn Xuân Kiên 20DM. Vũ Xuân Quang 10DM. Bùi Thị Lương Mỹ 30DM. Nguyễn Quang Lương (Leipzig) 10DM. Ngô Thị Hải (Möhlau) 10DM. Lê Ngọc Long 20DM. Vũ Bích Huyền 10DM. Nguyễn Anh Tuấn (Dessau) 10DM. Nguyễn Cảnh Sơn (Berlin) 30DM. Phạm Thu Thủy (") 20DM. Nguyễn Cao Thắng (Freital) 40DM. Khổng Thị T. Mai 20DM. Nguyễn Thế vinh (Berlin) 20DM. Phan Thị Thuyết (") 10DM. Hà Mạnh Đông (Aurich) 10DM. Trần Công Hoan 10DM. Nguyễn Đức Hiệp 20DM. Vũ Lan Phương 20DM. Phạm Ngọc Phúc (Potsdam) 20DM. Phạm Thị Thắng (Berlin) 10DM. Dương Kim Phương 10DM. Chu Thị Hằng Nga (Chemnitz) 20DM. Tô Thị Hà (Gera) 200DM. Nguyễn Thị Q. Thắng 20DM. Nguyễn Thị Lan (Rostock) 20DM. Jan Thị T. Hường (Cottbus) 10DM. Vũ Thị T. Hồng 10DM. Đỗ Thái Anh 50DM. Nguyễn Thị Thủy 10DM. Lương Hồng Hạnh (Leipzig) 10DM. Lương Thị Hường (Berlin) 10DM. Nguyễn Văn Thanh (D'dorf) 50DM. Trần Tú Nguyệt 50DM. Đoàn Văn Thời (Pforzheim) 100DM. Lâm Thuận Hi (Hagen) 100DM. Phan Ngọc Đức (FF) 50DM. Lê Văn Nhi (Rudersberg) 30DM. Trần Kiệt (Lüneburg) 40DM. Đỗ Văn Kiên (BS) 100DM. Chiền Kiến Mỹ (") 50DM. Phùng Uyên Bình (") 50DM. Huỳnh Thị Khiêm (HH) 50DM. Nguyễn Minh Tuyến + Lê Thị Hoàng Nga (Kassel) 20DM. Nguyễn Thị Bạch Tuyết (Bi) 500FB. La Thủy Hà (") 500FB. Nguyễn Xuân Lang (Pháp) 100FF. Sư Cô Hạnh Châu (Chùa Viên Giác) 100DM. Tạ Thị Nga (Đan Mạch) 200Kr. Trần Khắc Hiếu (Rostock) 50DM. Ngô Đức Thắng (Mainz) 50DM. Lê Thị Liên 100DM. Vũ Thị Đấu (Aachen) 50DM. Tô Than Hoa (Berlin) 50DM. Trần Ngọc Nga (Neumünster) 100DM. Phạm Đỗ Thị Dũng (Aschaffenburg) 100DM. Lê Hoàng Phương (FFM) 20DM. Lâm Thị Bé (Helmstedt) 20DM. Đặng Văn Hòa (Heme) 50DM. Đào Thị Sơn (Ludwigsbu) 10DM. Gđ. Trần Văn Đường (Wittlich) 30DM. Hứa Xa (Wittmund) 20DM. Trần Thị Len (Neu Anspach) 50DM. Gđ. Trịnh Thu An 100DM. Gđ. Huỳnh Quy Toàn + Trinh Thu Huệ + Huỳnh Chí Quân 200DM. Trịnh Lương Kiệt (D'dorf) 500DM. Phạm Thị Bưởi (") 40DM. Đặng Văn Uy (Eisenfeld) 50DM. Đặng Quang Toàn (Boblingen) 20DM. Huỳnh Kim Giang (Syke) 100DM. Gđ. Huỳnh Văn Thân (Na Uy) 300Kr. Vũ Quang Hiền (Seevetal) 30DM. Lâm Chánh Văn (") 20DM. Ni Cô Trí Hào (Bi) 500FB. Dương Sang (Helmstedt) 50DM. Tô Phú Thái (Rheinheim) 20DM. Ô Thị Hai (Haren) 100DM. Trần Thị Xăng (Sindelfingen) 110DM. Võ Thanh Hải (Neuss) 30DM. Trần Ngọc Nga (Neumünster) 100DM. Vương Julien Châu (Pháp) 100FF. Cù Bà Huỳnh Thị Còn (") 100FF. Lâm Ngọc Hồng (Reutlingen) 20DM. Huỳnh Thị Kim Thảo (Ý) 50.000Lire. Trần Thị Mỹ Linh + Hùng Linh (Berlin) 10DM. Nguyễn Văn Phó (") 20DM. Trần Thanh Hoàng + Hùng (") 20DM. Trương Thị Vẹn (Lörrach) 20DM. Lâm Chí Trung (Münster) 20DM. Nguyễn Thị Ánh (") 30DM. Phạm Thị Kim Loan (Mannheim) 50DM. Trần Thị Mỹ Phụng (Ludwigshafen) 50DM. Đoàn Hữu Phước (") 50DM. Nguyễn Thị Chiến (") 50DM. Kling Diệu (") 50DM.

Lê Thị Kim Phượng (\*) 20DM. Trần Hùng Hào (\*) 10DM. Trần Thị Mạnh (Berlin) 10DM. Ngô Ty (\*) 50DM. Vi Trắc (BS) 20DM. Phạm Công T.M. Hà (Göppingen) 20DM. Fam. Chin (BS) 20DM. Đặng Văn Liêm (\*) 50DM. Gđ. Li Quang Hoa (\*) 10DM. Bùi Thị H. Nga (Bad Homburg) 20DM. Nguyễn Thị Tú (Ludwigshafen) 10DM. Mai Văn Ngọc + T. Hưởng (\*) 20DM. Fam. Schmith (Mannheim) 10DM. Châu Á Hưởng (Münster) 100DM. Mạnh Cần (Sande) 20DM. Vũ An Hiến (Liblar) 50DM. Thái Thanh Ngọc (Stuttgart) 50DM. Phạm Văn Lý (Weißburg) 10DM. Ấn danh (Epstadt) 10DM. Đào Minh Cường (Hannover) 10DM. Hải Yến (\*) 10DM. Vũ Mạnh Xót (Wismar) 10DM. Dương Nguyễn Bình (Dresden) 10DM. Đỗ Kiều Thanh (\*) 10DM. Hàng Phúc Nguyễn (Bardowich) 50DM. Tô Lệ Hoa (Ghütte) 50DM. Hà Thị Hai (\*) 30DM. Văn Huy Quang (\*) 50DM. Bùi Kim Nga + Khanh (Neuss) 100DM. Phan Văn Thanh (Aschaff.) 20DM. Trịnh Công Hải (Versen) 10DM. Hoàng Ngọc Phượng (Bad Bentheim) 20DM. Nguyễn Tuấn Cường (Clausthal) 10DM. Diệu Thông (Fürth) 50DM. Nguyễn Văn Minh (Osnabrück) 20DM. Võ Thị H. Linh (HH) 20DM. Ấn danh 20DM. Huỳnh Minh Chánh (Westestede) 20DM. Mã Thành (Winsen) 20DM. Đạt (HH) 10DM. Trần Thị Hải (Hannover) 10DM. Diệu Tâm (Berlin) 10DM. Vũ Thanh Tùng (Halle) 10DM. Khang Trúc (Gießen) 20DM. Phạm Thị Cúc (Diepholz) 10DM. Nguyễn Ngọc Hiệp (Lippstadt) 20DM. Nguyễn Thị K. Nga 20DM. Gđ. Nguyễn (HH) 30DM. Phùng Mạnh Cường (Wolfenbüttel) 10DM. Bùi Tấn Long (Spanien) 25Guld. Huỳnh Quang Đăng (Berlin) 20DM. Phạm Thị Hoa (Marburg) 20DM. Thái Văn Ty (Ludwigshafen) 50DM. Khuu Trùng M. Yến (\*) 20DM. Toàn (Erfurt) 10DM. Trần Hữu Thanh (HH) 20DM. Nguyễn Thị Ánh Minh (Wismar) 10DM. Nguyễn Mạnh Vũ (Mannheim) 20DM. Ấn danh 20DM. Hưởng (Sommersee) 100DM. Nguyễn Thị Tâm (Salzgitter) 20DM. Huỳnh Thị Lý (Osnabrück) 20DM. Nguyễn Văn Hoàng (Münster) 10DM. Nguyễn Thị Mỹ Hạnh (Erlangen) 20DM. Bào Lâm (Nienburg) 10DM. Nguyễn Thị Hà 10DM. Lê Phước Nghĩa (Dresden) 50DM. Quách Ngọc Văn 40DM. Gđ. Lê 20DM. Nguyễn Thị K. Yến (Dillingen) 20DM. Dương Ngóan (Wetzlar) 50DM. Dương Văn Út (B. Bentheim) 50DM. Hoàng Minh Tuấn (\*) 50DM. Hoàng Anh Tuấn (\*) 50DM. Nguyễn Đình Tuấn 2DM. Nguyễn Xuân Thái (Freiburg) 20DM. Trịnh Kim (Cralshheim) 20DM. Thiện Huệ (\*) 20DM. Nguyễn C. Tín (Heilbronn) 20DM. Nguyễn Văn Tú (Berlin) 30DM. Kỳ Chí Trung (\*) 20DM. Tôn Kim Lang (\*) 15DM. Nguyễn Khắc Huy (Münster) 10DM. Ngô Kim Lan (Gießen) 30DM. Nguyễn Thị Bé (Köln) 20DM. Gđ. Đặng Thị Lợi + Bé + Lộc (\*) 50DM. Đặng Văn Trí (Wiesbaden) 50DM. Nguyễn Thị K. Thanh (Nürnberg) 50DM. Nguyễn Thị Tường Nhân (\*) 50DM. Đàm Tú Hà (\*) 50DM. Nguyễn Thị K. Sanh (\*) 10DM. Nguyễn Thị Vân (\*) 10DM. Trịnh Thị Thanh (\*) 30DM. Nguyễn Thị Yến (\*) 20DM. Quách Huỳnh Mai (Ludwigsburg) 100DM. Nguyễn Thị Tân (Berlin) 20DM. Tân Như Ấn (Ansbach) 20DM. Nguyễn Hiệp (Mannheim) 10DM. Võ Thị Mỹ (Wiesbaden) 100DM. Lưu Ngọc Diệp (Ludwigshafen) 20DM. Nguyễn Ngọc Mỹ (Stuttgart) 50DM. Từ Quang Hùng (\*) 50DM. Trần Hữu Lượng (N. Anspach) 50DM. Nguyễn Thị Thanh (FF) 50DM. Thái Thị Ấu (Kunzelsau) 30DM. HHHL ĐH Thái Ngọc Hùng. Nguyễn Đình Hồng (Mannheim) 50DM. Ninh Xuân Quang (\*) 20DM. Huỳnh Thủy Linh (FF) 50DM. Ngô Quốc Dũng (Landau) 20DM. Trần Thủy Linh (\*) 50DM. Lê Đình Sơn (Dresden) 20DM. Võ Quang Châu (Bremen) 100DM. Trần Nguyễn Anh (Bomlitz) 50DM. Châu Tú An (Witten) 100DM. Tuấn + Trần Huỳnh (Dortmund) 100DM. HHHL ĐH Lê Huỳnh Thị Kim Đào. Phạm Hồ Lê (Herten) 30DM. Hồ Thị L. Phượng (Nordhorn) 30DM. Hồ Thị Kim Hoa (Essen) 70DM. Nguyễn Ban (Freiburg) 50DM. Tiểu Thị Thi (Erlangen) 100DM. Tiểu Thị Chánh

(VN) 50DM. HH cầu huyền thất tổ. Thái Quang Minh + Tô Huyền (Erlangen) 100DM. Bé Huỳnh Cathy (Gomaringen) 20DM. Nguyễn Thị Sơn (Tübingen) 100DM. Nguyễn Văn Hùng (Magstadt) 20DM. Huỳnh Khiêm (Aalen) 10DM. Huỳnh Kim Huệ (\*) 10DM. Huỳnh Kim Búp (\*) 10DM. Diệp Thị Sơn (\*) 20DM. Trần Thị Tú (Sindelfingen) 20DM. Đỗ Xuất Lễ (\*) 50DM. Hà Thúc Hiền (\*) 30DM. Hứa Xuân Vinh (\*) 80DM. Bùi Thị Sáu 10DM. Quách Mỹ Cui (Heidenheim) 50DM. Gđ. Quách + Phạm 20DM. Phan Văn Hách (St. Augustin) 50DM. Chung Thế (Wilhelmshafen) 200DM. Lim Boh Sing + Thị Chi 50DM. Nguyễn Minh (HH) 20DM. Đào Trọng Tuấn 20DM. Đỗ Huy Quý (Velpke) 30DM. Âu Lợi Trinh (Vechta) 20DM. Phan Di Doanh 50DM. Trang Ngọc Tùng 20DM. Đinh Thị Thủy (Brockum) 20DM. Nguyễn Đức Trung (Markt) 10DM. Lữ Thị P. Lan 10DM. Nguyễn Việt Cường (Hildesheim) 20DM. Nguyễn Hoàng Cang 20DM. Hồ Phượng Loan 10DM. Nguyễn Văn Ngọc (Recklinghausen) 30DM. La, Khoang Van (Nienburg) 50DM. Wilai Koronwatjana (Hannover) 10DM. Nguyễn Thị Hải Oanh 10DM. Phạm Thanh Tuấn 20DM. Nguyễn Văn Đáng (FF) 20DM. Nguyễn Thị Phan 20DM. Quỳnh Nga (Göttingen) 30DM. Trần Kinh Dương 10DM. Tạ Thị Phi Nga (Ahnsen) 10DM. Ngọc + Stefan (Neuenhaus) 20DM. Lê Thị Kim Thu 20DM. Đoàn Thu Lai (Chemnitz) 50DM. Đoàn Thị Mỹ Duyên (\*) 50DM. Hùng + Thu (Hildesheim) 10DM. Cù Thị Phượng (Berlin) 10DM. Hoàng Minh Ngọc 20DM. Nguyễn Hồng Hải 20DM. Trần Văn Sơn (Meerbusch) 10DM. Trương Su Ha 10DM. Chu Minh Hồng 20DM. Phi Phi Huỳnh 50DM. Trịnh Ngọc Bích (Lehrte) 30DM. Võ Thanh Hùng (Hanau) 20DM. Lê Thị Dương (Mannheim) 20DM. Nguyễn Thị Thu Hiền (Chemnitz) 10DM. Thái Tha Thi 100DM. Ngô Thanh Thủy 10DM. Trần Văn Thuận 10DM. Nguyễn Thu Oanh 50DM. Minh Quan (Nienburg) 50DM. Cao Thị Tâm 10DM. Mai Hưởng Tiên (Wildeshausen) 10DM. Lê Văn Sen (Hannover) 10DM. Nguyễn Thị H. Phượng 20DM. Lee Nhân Khanh (Nienburg) 40DM. Trần Minh Tuấn 20DM. Nguyễn Văn Hào (FF) 30DM. Nguyễn Văn Thái 10DM. Trần Thị K. Quỳnh 20DM. Hải Koopmann (Osteel) 50DM. Đỗ Mạnh Hưởng 10DM. Phùng Văn Sơn (Berlin) 10DM. Nguyễn Thúy Hằng (Aidlingen) 20DM. Đỗ Văn Thanh (Niederholl) 100DM. Đinh Thị Mùi 10DM. Lê Văn Mến (B. Elster) 80DM. Nguyễn Lan Phượng 10DM. Nguyễn Thị T. Mai + Văn Công 45DM. Viên A Nhi 20DM. Ngô Thủy Nhung (Uttenreuth) 50DM. Nguyễn Tam 40DM. Trương Ngọc Sơn 20DM. Nguyễn Ngọc Thanh (Sonderhausen) 20DM. Nguyễn Kim Nhung (Halle) 20DM. Trần Minh Thiện 20DM. Thái Thị Lan 20DM. Trần Văn Hiền (Hamelin) 20DM. Viên Yến Cường 20DM. Phan Thị Hoa 40DM. Nguyễn Đức Quang (Einbeck) 20DM. Bùi Thị Lan (Hasseiteich) 50DM. Trần Thị Bình 10DM. Nguyễn Xuân Nghiêm (Göttingen) 30DM. Mai Lương + K. Toàn (Hildesheim) 10DM. Nguyễn Thị Phi (Münster) 50DM. Tuyết + Năng 20DM. Ernst August + Jench Jamong (Hannover) 100DM. Kim Liên (Gifhorn) 30DM. Vũ Thị Yến 20DM. Trần Thị Lang (Bergkamen) 100DM. Ấn danh 50DM. Trương Kim Thủy (Wolfsburg) 50DM. Giang Ái + Văn Kiên 20DM. Quách Thị Huệ (Krefeld) 100DM. Khắc Trung 20DM. Lâm Đam (Berlin) 10DM. Kim Phượng 10DM. Huỳnh Nghiệp Thanh (Spaichingen) 50DM. Lê Lan Anh (Moisburg) 30DM. Đinh Thị Lý (Bochum) 20DM. Lưu Ngọc Sơn (Schwabach) 20DM. Nguyễn Phi Hùng 20DM. Vũ Quốc Hoài (Papenburg) 10DM. Đỗ Xuân Sơn (Berlin) 10DM. Hoàng Công Khanh 10DM. Nguyễn Quốc Kinh (Hannover) 10DM. Huỳnh Kiệt Ngọc (Lüneburg) 50DM. Diệu Giai 30DM. Giáp Văn Lai (BS) 10DM. Lê Văn Hai (\*) 20DM. Hiền + Hằng (Schwedtloder) 50DM. Tô Vi Kiệt 20DM. Lương Thị Đan (FF) 50DM. Trần Lưu Hưởng 10DM. Lê Văn Anh (Salzgitter) 10DM. Phùng Tuấn Anh (\*) 20DM. Nguyễn Thành Vinh 10DM. David Kiên Nguyễn

10DM. Hoàng Phượng + N. Minh (Viersen) 20DM. Hà Trần M. Hạnh 20DM. Nguyễn Tuấn Nhật 30DM. Trần Duyệt Khanh (Gifhorn) 50DM. Đỗ Ngọc Linh 20DM. Đinh Văn Hiền 20DM. Đặng Thị K. Dung (Leipzig) 20DM. Trần Thị Tú 20DM. Bùi Thị B. Liên 10DM. Huỳnh Văn Tuấn 20DM. Lê Vinh Thuận (Göttingen) 50DM. Cao Mạnh Hùng 10DM. Dương Văn Bình 20DM. Vũ Thị Nga (Burgdorf) 10DM. Lê Bích Lan (Hannover) 20DM. Nguyễn Văn Chúc (\*) 10DM. Nguyễn Văn Sơn (München) 30DM. Tiểu Chi Hùng (Krefeld) 20DM. Nguyễn Thị Thanh 20DM. Trần Quang Thành 10DM. Nguyễn Thị Mai - Blössner (Bonn) 100DM. Trần Thị Phượng (Aschaff.) 100DM. Vương Tuyết Chánh 20DM. Đỗ Thị Đạt (Heede) 20DM. Hà - Ngu (Leer) 30DM. Phạm Thị Cho 20DM. Can Bích Dung 20DM. Trần Quốc Việt 20DM. Hà Văn Trung 10DM. Bùi Hữu Long (Nürnberg) 50DM. Thái - Nga - Tân (Neuenhaus) 20DM. Vi Amphore 10DM. Hoàng Văn Hai 10DM. Nguyễn Thị Lan Anh (Schweinfurt) 20DM. Nguyễn Tuyết Minh 10DM. Phan Thị Hồng (Mainaschaff.) 20DM. Đỗ Thị Quê 30DM. Nguyễn Thị Phòng (Papenburg) 20DM. Hoàng Thị Tuyết 20DM. Nguyễn Ngọc Hùng 20DM. Lê Như Thái (Meerbusch) 20DM. Dương Văn Lương 20DM. Nguyễn Văn Quyền (Cremlingen) 10DM. Khuu Nhân (Nürnberg) 100DM. Đoàn Tường Khánh (Bielefeld) 50DM. Vũ Minh Hợp 20DM. Nguyễn Thị Liên (Salzgitter) 20DM. Nguyễn Xuân Cảnh (M'Gladbach) 20DM. Nguyễn Huệ Lan 20DM. Hải + Hồng Nguyễn (BS) 20DM. Nguyễn Quang Lộc (\*) 10DM. Nguyễn Thị Sánh (Norden) 60DM. Nguyễn Thị K. Oanh 20DM. Nguyễn Thị Tuấn (FF) 50DM. Nguyễn Nhung Chưởng (HH) 20DM. Bùi Thủy Bay 20DM. Nguyễn Thị Mùi (VN) 20DM. Lê Thị H. Vân (Trier) 20DM. Nguyễn Văn Đông (Eltmann) 20DM. Khuu Lâm 20DM. Lê Minh Bình 30DM. Nguyễn Thị K. Oanh (Köln) 10DM. Trần Thị Chiến 10DM. Trần K. Lê (Berlin) 40DM. Trịnh Thị Mai Hoa (Lippstadt) 100DM. Đào Công Cần (D'dorf) 50DM. Gđ. Lưu Tiên 50DM. Gđ. Phạm + Khuu (Unna) 50DM. Nguyễn Thị Tuyến 5DM. Nguyễn Đức Phú 50DM. Ngô Văn Quang 10DM. Hứa Mai (HH) 20DM. Phạm Văn Huy (Cloppenburg) 20DM. Ting Quan Long 20DM. Thiện Lợi (Hannover) 20DM. Tô Quang Vinh (\*) 20DM. Lê Thị Tân (Aschaff.) 50DM. Phan Mạnh Hùng 100DM. Nguyễn Minh Tuấn (Garbsen) 10DM. Lê Diệu Hồng (Goslar) 20DM. Võ Trúc Hiền (HH) 50DM. Chu Đức Thắng 20DM. Ngô Đào Sơn (Fulda) 40DM. Nguyễn Thị K. Lý 10DM. Dương Thị Minh Phượng (Rodenberg) 20DM. Triệu Thành 200DM. Phan Thị Huệ (Karlsruhe) 20DM. Nguyễn Thị K. Vân (Emden) 20DM. Hồ Hùng (\*) 20DM. Nguyễn Hồng An (\*) 10DM. Ngụy Tú Linh 20DM. Tony + Liễu (D'dorf) 40DM. Anton Lý (Vechta) 50DM. Lê Quang Định (\*) 10DM. Đặng Thị K. Oanh 10DM. Mai Thị Tâm (HH) 15DM. Gđ. Nguyễn 20DM. Vũ Thế Hà 10DM. Nguyễn Thị T. Hưởng (St. Augustin) 20DM. Nguyễn Thanh Hoài (Clausthal) 10DM. Nguyễn Minh Hằng (Bonn) 20DM. Vũ Văn Khiêm 20DM. Chương Lâm Huệ - Yến (Landshut) 20DM. Nguyễn Anh Đức 50DM. Phạm Thị Hà Khánh 10DM. Nguyễn Ngọc Hào (Beuthem) 50DM. Nguyễn Tài 10DM. Pet Hac Tan (Münster) 20DM. Nguyễn Hòa T. Ngọc (Oldenburg) 40DM. Nguyễn Thế Minh (Bremen) 10DM. Nguyễn Thị Hoa (Trier) 10DM. Nguyễn Đức Trung (Marke) 10DM. Nguyễn Thị K. Nga 50DM. Lưu, Ying Sing (Bielefeld) 20DM. Gđ. Lam 20DM. Tống Thị Nam (Vechta) 100DM. Nguyễn Thị B. Tuyết + Chánh 20DM. Nguyễn Chí Thành (Halle) 20DM. Lang Thiên Đông (WHV) 50DM. Vũ Thị Ngân (Eberswalder) 50DM. Trần Ngọc Thanh (HH) 20DM. Phạm Thị Hằng 20DM. Lê Ái Hạnh 20DM. Nguyệt Schramm 30DM. Đặng Vũ Lực (Seevetal) 10DM. Tan Chung Kiệt 20DM. Nguyễn Văn Sơn (Bad Iburg) 10DM. Nguyễn Văn Chấn 20DM. Nguyễn Văn Thắng (HH) 10DM. Võ Thị Tam (Wuppertal) 100DM. Nguyễn Hồng Hoa 20DM. Lý Ngọc Mạnh 100DM. Lê Lam Giang



(Salzbergen) 30DM. Phan Lê M. Hương 10DM. Trần Thị Nở (Erfurt) 40DM. Xuân Sang 20DM. Nguyễn Hồng Hạnh (Aschendorf) 20DM. Nguyễn Thị Vân (Senftenberg) 10DM. Nguyễn Sỹ Toàn 5DM. Hứa Đỡ (Monheim) 100DM. Lương Thị Duệ (D'dorf) 50DM. Trần Chương Phu (Watenhüttel) 50DM. Đỗ Văn Hải (BS) 50DM. La Quý Tuấn (Trier) 10DM. Trần Văn Minh 20DM. Tạ Thị Lam Hạnh 30DM. Đặng Phúc Tiến (Bayreuth) 20DM. Bùi Việt Anh 20DM. Thu Hạnh (Berlin) 20DM. Trần Lê Minh Đức 20DM. Trần Thủy Liên 20DM. Chung Văn Tấn 50DM. Đoàn Thị Hội 20DM. Lưu Văn Liên 10DM. Nguyễn Hoàng Dũng 10DM. Trần Thị Ngọc Trinh (Wuppertal) 50DM. Phạm Đình Hiệp (Dresden) 20DM. Châu Văn Thị (WHV) 20DM. Vương Thế Anh 30DM. Chu Thị Chung 10DM. Phan Thị Hòa 10DM. Trần Hiếu Cường 40DM. Châu Lan 10DM. Vũ Đình Tiếp 20DM. Trần Trọng Tôn (Nürnberg) 40DM. Nguyễn Thị Hà 20DM. Mạch Cường Tâm (Delmenhorst) 50DM. Trần Thủy Hằng 10DM. Lisa Diệp 50DM. Trần Văn Các 50DM. Nhuận + Hương 20DM. Lê Thị Hồng 20DM. Vũ Văn Hải (Trier) 20DM. Phạm Thị Hằng 5DM. Thiện Phẩm + Thiện Như 30DM. Phạm Xuân Kiệt 20DM. Dương Huy Tuấn 10DM. Nguyễn Thị Nga (Dau) 10DM. Nguyễn Thị Lụa 30DM. Teickner 5DM. Bùi Thị Kim Huệ 10DM. Ngô Quang Quê (Görlitz) 50DM. Gđ. Phan Hồng 100DM. Châu Ly 50DM. Đặng Bảo Quân 20DM. Nguyễn Thanh Thuý 10DM. Trần Thị Hương (Garbsen) 20DM. Đào Huy Ninh (Sinzig) 20DM. Ngô Thị Lan (Zwickau) 20DM. Nguyễn Văn Hiếu (Harzgerode) 50DM. Trần Thị Mến (Hagen) 20DM. Lương Văn Hoàng 10DM. Phạm Thị Thủy 10DM. Võ Huỳnh Đức (Zenlenrode) 50DM. Viên Phước 50DM. Lý Thị B. Tuyết (HH) 10DM. Nguyễn Trần Hiệp (Gardelegen) 20DM. Đặng Thị N. Lan (Aschaff.) 40DM. Hoàng Bình Minh 10DM. Lý Nghiêu Cường 20DM. Nguyễn Ánh Hồng 20DM. Gđ. Ngọc Hà 20DM. Lê Văn Thanh (FF) 20DM. Bùi Hữu Thòa (Ahnsen) 20DM. Kim Dung Ứng 20DM. Lê Bích Thủy 10DM. Quách Thị Mến 20DM. Nguyễn Thị Diệp (Regensburg) 50DM. Nghiêm Xuân Hưởng (Künzelsau) 10DM. Trần Thị T. Mai 20DM. Mỹ Sau Liên (Bielefeld) 30DM. Trần Văn Đức (Wuppertal) 50DM. Đặng Thị Hà 20DM. Gđ. Lam (Leer) 10DM. Lai Thanh Tùng (Halle) 20DM. Bùi Quang Tuấn 20DM. La Quốc Dũng (Nordhorn) 20DM. Cao Văn Dũng 20DM. Võ Văn Hằng (WHV) 20DM. Lê Duy Sơn (Westhausen) 50DM. Nguyễn Ngọc Huy (") 100DM. Vương Việt Dũng 20DM. Xú Sich Lương (Stadthagen) 50DM. Trần Thanh 20DM. Phùng Tuấn Anh (Salzgitter) 10DM. Huỳnh Thị T. Diễm 10DM. Nguyễn Thị Thuận 30DM. Dương Thị Hoàng (Laningen) 50DM. Gđ. Hoàng Đức (Hannover) 20DM. Nguyễn Hữu Thái 10DM. Bùi TuyếtLan 20DM. Tô Thanh Đa (Clausthal) 20DM. Kim Văn Minh 10DM. Nghiêm Xuân Hưởng (Künzelsau) 10DM. Phạm Thị M. Thu 40DM. Hoàng Văn Thủy (Heme) 10DM. Nguyễn Thị Nga 20DM. Ngô Văn Thanh (Gardelegen) 20DM. Trịnh Thị N. Hân (") 20DM. Ngô Thị Nam 20DM. Giang Thế Bảo (Flensburg) 20DM. Trần Đáng Túc 20DM. Phan Thị Ánh Tuyết 20DM. Huỳnh Kim (Syke) 30DM. Vũ Thị Ngọc Hoa (Detern) 50DM. Vương Ái Phương 10DM. Võ Văn Giu 20DM. Đào Thị Hương (Leipzig) 20DM. Nguyễn Thị Hai (Ludwigshafen) 50DM. Nguyễn Văn Khoa (R.hausen) 20DM. Nguyễn Văn Báo (") 20DM. Thái Mười 10DM. Phạm Cường Hai (Heide) 30DM. Nguyễn Quốc Định (Neuss) 50DM. Nguyễn Văn Thái 20DM. Trịnh Minh (Göttingen) 50DM. Ngô Thị Hải (Potsdam) 20DM. Nguyễn Sỹ Hoài 20DM. Lê Thành Trung (Zittau) 20DM. Trần Xó (Helmstedt) 50DM. Trần Hố (Malmö) 50DM. Lê Văn Khoa (Usiar) 20DM. Đặng Gia Kỳ 10DM. Nguyễn Trung Kiên (Duisburg) 50DM. Nguyễn Thái Tam (MDG) 40DM. Lê Hoàng Linh (Berlin) 20DM. Hồ Đắc Văn Khanh (Pháp) 20DM. Trịnh Thị Lệ Hoa 10DM. Việt Hùng 10DM. Liên Tuyết Hoa (Krefeld) 20DM. Nguyễn Phạm (München) 50DM. Đông Văn Hao

10DM. Phan Thị Thu 10DM. Gđ. Mai Văn Cẩm (Aachen) 100DM. Vũ Ngọc Minh 20DM. Lê Thị Hồng + Phong (Hannover) 10DM. Lê Kiên Trang 5DM. Đỗ Chiêu Cang (Herford) 30DM. Đỗ Bằng Sĩ (Seelze) 20DM. Văn Mỹ Hoa 50DM. Vương Thị X. Loan 20DM. Bùi Thị T. Hà (Chemnitz) 11DM. Ngô Tuyết Tri (BS) 20DM. Nguyễn Thị Lê Trinh (Salzbergen) 30DM. Ngô Mỹ Châu (Hannover) 50DM. Gđ. Goh Ngô (") 200DM. Bùi Hồng Mạnh 30DM. Võ Thị Lập (Hòa Lan) 50DM. Nguyễn Thị T. Nhung (Lippstadt) 40DM. Phạm Thị Bích Vân (Lilienthal) 40DM. Lê Thị Thanh (Zwickau) 20DM. Bùi Thị Hào 20DM. Dương Việt Long 30DM. Lương Văn Khoa (Bielefeld) 20DM. Nguyễn Thị Gái (Rengensburg) 50DM. Trần Thanh Pháp (Hannover) 20DM. Nguyễn Thị T. Mai 10DM. Hoàng Kim Tuấn (Lehrte) 10DM. Phan Hinh Xó 20DM. Gđ. Hoàng Quốc Hùng (Harzgerode) 100DM. Nguyễn Minh Thuận (Wolfen) 40DM. Phan Bốn 20DM. Gđ. Huỳnh 20DM. Đặng Văn Cửa 10DM. Phạm Thị Toàn (Bahnsdorf) 10DM. Daniel Trần 50DM. Lâm Chí Tài (Speyer) 20DM. Vương Đức Cường 20DM. Đào Thị Phú 10DM. Gđ. Trung (Freisoythe) 30DM. Gđ. Lê Thị Duyên 20DM. Lê Công Viễn 20DM. Ngô Quý Dương (Moisburg) 10DM. Trương Hoan 10DM. Hà Diệu Lương 20DM. Trần Văn Hai 20DM. Vũ Văn Phú 50DM. Nguyễn Việt Hào (Hanau) 20DM. Phạm Tiến Dư 40DM. Vũ Quốc Anh 10DM. Lê Thanh Hoàng (Ahlhorn) 20DM. Gđ. Nguyễn (Mannheim) 150DM. HHLH ĐH Thiện Cửu Nguyễn Mạnh Diệp. Lê Thị Đan Khanh 10DM. Nguyễn Thế Huy (Cottbus) 50DM. NGUYỄN QUỐC ANH (") 50DM. Gđ. Trịnh 50DM. Nguyễn Bích Liên 20DM. Trần Thị N. Lan 20DM. Thái Dũng + M. Phùng (Alsfeld) 10DM. Ngô Tấn Phát (Ludwigshafen) 20DM. Gđ. Võ Trần Cường 20DM. Gđ. Lê Quý Đường (MDG) 20DM. Gđ. Giang Thế, Tấn, Phùng, Đệ 100DM. Nguyễn Thị Tây (Kleinostheim) 50DM. Trần Thị Tâm + Anh Thù (München) 100DM. Hồ Thị Chính (D'dorf) 20DM. Fam. Bernd Strohan + Hiền (Isernhagen) 20DM. Lê Mạnh Hiền (Garbsen) 22DM. Nguyễn Thị K. Loan 10DM. Nguyễn Văn Cúc 30DM. Diệu Thường (HH) 20DM. Nguyễn Thị Tinh (Diepholz) 10DM. Vương Tuấn Vũ + Phước (") 20DM. Bà Tư (Burgdorf) 20DM. Trần Quốc Dũng (Werda) 50DM. Ngô Minh Đức (FF) 20DM. Lê Hồng Sơn 10DM. Thị Duyên Schaefer (Herolz) 35DM. Đinh Công Thành 10DM. Kieu (Nordhorn) 10DM. Võ Toàn Trung + Tố Nga (HH) 50DM. Hoàng Thị Cúc (Chemnitz) 10DM. Lâm Chí Minh 10DM. Nguyễn Tiến Vinh (Altenau) 10DM. Trần Kiên 20DM. Vũ Kim Lan (Dresden) 20DM. Lương Huệ Linh (BS) 20DM. Đoàn Quốc Huy 20DM. Lâm Minh Bót (Speyer) 200DM. Nguyễn Văn Nam + Lương 50DM. Thạch Loan 20DM. Bùi Thị Thu Hiền 20DM. Dieter Blum 4DM. Trần Lam Thi (Wiesbaden) 50DM. Nguyễn Thị Ngọc Huyền (Haibach) 50DM. Phạm Thị Kim Tiên (Bergkamen) 30DM. Mai Thanh Hưởng 20DM. Cao Văn Trường 10DM. Lân (MDG) 10DM. Trịnh Thị Mai Hoa 30DM. Nguyễn Thị T. Huyền 20DM. Phan Gia Can 20DM. Nguyễn Thị Ánh Nguyệt 20DM. Nguyễn Thị Hà (Berlin) 20DM. Nguyễn Thị Dung (Bremen) 20DM. Dương Chánh Quân (Cloppenburg) 50DM. Bùi Thanh Hải 10DM. Đặng Thị Long (Münster) 100DM. Lê Công Đức (Regensburg) 50DM. Phoulivong Bounchanh 40DM. Nguyễn (Würzburg) 50DM. Bế Kim Lương 20DM. Trần Văn Tuấn 20DM. Văn Trần Hoa 20DM. Nguyễn Văn Lực 20DM. Lê Thị Nhung 20DM. Trần Kinh Dũng (Ubstadt) 20DM. Hứa Trường Hưng 50DM. Nguyễn Thị Sê (Bochum) 100DM. Đầu Đinh Sơn (Speyer) 20DM. Huỳnh Thanh (Helmstedt) 50DM. Nguyễn Thị Nhi (") 50DM. Trương Siêu Dung 10DM. Trần Thị Mai 10DM. Ngô Quê Chấn 20DM. Phan Bo Tho (G'hütte) 20DM. Nguyễn Thị H. Yến (München) 20DM. Phạm Ngọc Anh (Northeim) 10DM. Từ Cẩm Vinh 10DM. Thái Thuận Dũng 50DM. Fam. Phoulivong Mouk 40DM. Trịnh Mạnh Hùng 10DM. Nguyễn Văn Phướng (Delmenhorst)

100DM. Nguyễn Phú Tiến 10DM. Nguyễn Đức Thịnh (Meerbusch) 50DM. Cao Thị T. Thủy (") 20DM. Đỗ Viết Hùng (Salzgitter) 10DM. Trịnh Minh Thắng (Emden) 10DM. Tăng Khanh 10DM. Đoàn Thị Hà 50DM. Gđ. Lim Yoon Thiam (Usiar) 50DM. Nguyễn Dung 20DM. Phạm Văn Uyên (Northeim) 10DM. Hoàng Thành Lâm (Hannover) 10DM. Đoàn Quốc Huy 20DM. Vũ Thị Kim Dung (MDG) 20DM. Lục Tố Hà 20DM. Fam. Teickner (Langenhagen) 10DM. Bùi Đức Trí 10DM. Nguyễn Văn Dũng 40DM. Trịnh Đức Vương 20DM. Nguyễn Thị Phụng 10DM. Gđ. Nguyễn Văn Nam 30DM. Nguyễn Thị K. Thu 10DM. Lê Thị Kim 20DM. Nguyễn Sơn (Buxtehude) 10DM. Nguyễn Thị Khánh 30DM. Nguyễn Mạnh Cầm 20DM. Thái Minh Lưu 50DM. Ngô Hồng Hà (Eisenade) 20DM. Hoàng Ngọc Tường (Stuttgart) 50DM. Thái Văn Quang (Bückeburg) 20DM. Trịnh Thanh Liêng 50DM. Đức Thông (Hannover) 10DM. Tiến, Hải, Anjite (Dresden) 10DM. Nguyễn Văn Sinh 20DM. Dương Văn Quang (Peine) 10DM. Thái Kim Dú 100DM. Nguyễn Thị Ninh 20DM. Vũ Thị K. Dung (Heubach) 50DM. Lý Cường 80DM. Tăng Mỹ Trân (Winsen) 100DM. Tạ Thị Kim Lan (Nordhorn) 50DM. Nguyễn Thị Ngọc Lan 20DM. Phạm Trọng Thủy 50DM. Nguyễn Thị Mân 10DM. Nguyễn Thị Sinh (Marburg) 10DM. Trịnh Kim Phượng (Nürnberg) 50DM. Phạm Tuyết Dung 30DM. Dương Quý Lâm (Chemnitz) 60DM. Lý Kiến Cường (Saarbrücken) 50DM. Diệu Nguyệt 50DM. An Văn Hùng (MDG) 20DM. Trần Thị Lan (Berlin) 20DM. Bùi Mỹ Phúc 10DM. Nguyễn Thị Kiều Liên 100DM. Dũng Tuấn (Meppen) 30DM. Nguyễn Duy Mai (Rostock) 10DM. Huỳnh Thị Thảo (Köln) 20DM. Gđ. Siemon 10DM. Hoàng Thị Thân 20DM. Nguyễn Khắc Tuấn (G'hütte) 20DM. Nguyễn Thị T. Hà 20DM. Nguyễn Thị Hạnh (Emden) 10DM. Nguyễn Hùng Gy (Zwickau) 20DM. Trương Nguyệt Thuý, Nga, Cúc, Đức 60DM. Nguyễn Quang Huy 10DM. Nguyễn Văn Quang (Neustadt) 50DM. Hoàng Thị Hán 30DM. Mai Thị Hoa (Bielefeld) 20DM. Lê Phương 10DM. Nguyễn Thị B. Phượng 50DM. Cao Minh Đức (Lindern) 20DM. Gđ. Trang Cao (Oldenburg) 50DM. Báo Thông Tin (Aschaffenburg) 50DM. Trần Thị B. Hồng (Einbeck) 20DM. Nguyễn Anh Dũng (Neumarkt) 10DM. Huan 10DM. Lok 20DM. Lê Văn Quang 50DM. Trần Văn Chánh (Flensburg) 50DM. Trần Thành Nhân 20DM. Đinh Thế Khải 10DM. Lâm Chí Bình 20DM. Thúc 8DM. Bùi Thu Lý (Achim) 5DM. Nguyễn Văn Lưu (Neusatz/W) 100DM. Tôn Hoàng Anh 20DM. Nguyễn Khuyết 30DM. Bùi Văn Tùng (Speyer) 20DM. Đinh Tuyết Trinh 10DM. Nguyễn Xuân Bai 10DM. Nguyễn Huệ Hoa 20DM. Việt Hoa 20DM. Gđ. Huỳnh (Delmenhorst) 50DM. Vương Thế Anh (Bielefeld) 100DM. Gđ. Huỳnh Thanh Tùng 30DM. Đỗ Thủy Liên (Zwickau) 20DM. Trần Việt H. Hoa (Stuttgart) 50DM. Phan Tú Anh 20DM. Đào Thị Thu (Neustadt/W) 50DM. Nguyễn Minh Huế (D'dorf) 30DM. Đào Thị Phượng 10DM. Lại Văn Phòng 20DM. Tú, Vũ Ngân (Lüneburg) 20DM. Ngọc Hà Theopold 20DM. Nguyễn Thị N. Mỹ (Hannover) 20DM. Lương Anh 10DM. Trần Ngọc Thanh 10DM. Nguyễn Thị Tâm (Lehrte) 10DM. Trần Ngọc Đường (Usiar) 15DM. Lay Din Tac (Aschaffenburg) 50DM. Công Khôi + Hồng Thủy 20DM. Phan Thị Châm 30DM. Long + Bé (Heme) 50DM. Ngọc Nga Liễu (Hagen) 100DM. Hạng Chiêu Quang (FF) 50DM. Võ Thanh Hà (Werne) 5DM. Anitauw 20DM. Trịnh Đức Thông (Hannover) 10DM. Phan Thị Phượng (Einbeck) 20DM. Diệu Bình (Berlin) 30DM. Kong Huon + Thu Hưởng (Nürnberg) 50DM. Nguyễn Huỳnh Nga 20DM. Phạm Thị Bích (Garbsen) 10DM. Phan Văn Thành (Schnaittach) 50DM. Nguyễn Văn Bình 20DM. Vũ Tuấn Anh (Clausthal) 20DM. Nguyễn Thị Thu Hằng (Fürth) 50DM. HHLH ĐH Nguyễn Hữu Hậu. Lê Đức Lương 20DM. Lê Dũng 20DM. Hoàng + Thanh Lan (Aschaffenburg) 10DM. Đông Hà 20DM. Nguyễn Ngọc Tuấn + Nga (Schweinfurt)

50DM. Trịnh Quốc Phong (Duisburg) 20DM. Nguyễn Thanh Quân (Heidelberg) 20DM. Phạm Thị Tiếp 10DM. Ngô Hồng Thăng 2DM. Hà Ngọc Thịnh (Hamel) 20DM. Nguyễn Khắc Toàn (Zwickau) 40DM. Lê Ngọc Dung 10DM. Nguyễn Đông Sơn 10DM. Nguyễn Thanh Tài (Badenhausen) 30DM. Lê Văn + Thu Hường 20DM. Nguyễn Phương Thảo + Tân (München) 50DM. Nguyễn Xuân Phú (Dortmund) 20DM. Lê Bích Hường (Sundhausen) 40DM. Bùi Ngọc Xanh (Praha) 50DM. Phan Nguyễn (Bad Kreuznach) 20DM. Huỳnh Thế Mỹ (HH) 20DM. Bùi Văn Văn 20DM. Nguyễn Cao Đăng (Krefeld) 10DM. Huỳnh Ái Nhân 20DM. Đặng Văn Đức (Aschaffenburg) 50DM. Hoàng Biên Thủy (Dresden) 30DM. Trần Thọ Tuấn 10DM. Nguyễn Thị N. Thủy (Homburg) 20DM. Nguyễn Ngọc Linh (FF) 20DM. Nguyễn Đắc Nghiệp (Thale) 50DM. Nguyễn Thị Liên (Celle) 5DM. Vũ Thị Chiến 10DM. Cao Thị Thuyet 10DM. Nguyễn Thái Thanh (Papenburg) 20DM. Trần Tú Ngọc (Gifhorn) 20DM. Mai Viên - Hoàng Hiền 50DM. Nguyễn Thị M. Hạnh (Peine) 20DM. Lê Thị Thoa (\*) 50DM. Nguyễn Ngọc Vũ (\*) 10DM. Trần Trọng Nghĩa (Dresden) 30DM. Minh Hiếu (Gießen) 50DM. Nguyễn Cao Tường 30DM. Mai Ngọc Đức (Hamel) 40DM. Nguyễn Văn Ngô (Fürth) 30DM. Huỳnh Lệ Thu 20DM. Trịnh Thị Thao 40DM. Nguyễn Ngọc Tâm (Leipzig) 30DM. Nguyễn Hữu Diên (Stuttgart) 20DM. Nguyễn Hồng Minh (Berlin) 40DM. Trần Ngọc Thành 20DM. Trần Xuân + Thiện Quang 30DM. Hồ Xuân Anh 50DM. Vũ Thanh Xuân (Bücker) 10DM. Hoàng Phương + Minh (Viersen) 10DM. Nguyễn Ngọc Diệp 20DM. Nguyễn Anh Phương (Hannover) 20DM. Đỗ Đình Vinh 20DM. Lê Thị Lệ Thu (Linden) 20DM. Phạm Thị Cúc (Diepholz) 10DM. Nguyễn Thị P. Lan (Gardelegen) 20DM. Kha Quốc Hùng (HH) 20DM. Kha Hiếu Chí (Bremen) 100DM. Trần Hồng Hoa 40DM. Lý Mọc Han (Saarbrücken) 100DM. Nguyễn Ngọc Mai (Leipzig) 20DM. Nguyễn Phú Tuấn 10DM. Thứ 20DM. Nguyễn Hiền (Dresden) 10DM. Nguyễn Tiến Đức 10DM. Nguyễn Đức Thắng 10DM. Nguyễn Thanh Tân (Hamel) 20DM. Gđ. Lam Rensdorf 50DM. Nguyễn Thị Mỹ Dung (München) 50DM. Lê Thị P. Hoàng (Garbsen) 10DM. Bùi Thị Xuân (Potsdam) 20DM. Lưu Hường (HH) 20DM. Trần Văn Tường 50DM. Nguyễn Thị Trường 30DM. Hoàng Hồng Nhung 10DM. Nguyễn Ngọc Hùng (Speyer) 20DM. Huỳnh Thiện Tâm 20DM. Nguyễn Văn Mỹ (Berlin) 30DM. Ngô Đoàn Tiếp 20DM. Liên Tuyết Hồng (Krefeld) 20DM. Trường Phúc (Neustadt) 10DM. Mai Thị Oanh 10DM. Tâm Nghĩa (Berlin) 50DM. Lê Xuân Phước (Weener) 20DM. Nguyễn Đức Thành (Dresden) 20DM. Võ Thị T. Thủy 50DM. Nguyễn Công Lý (Vechta) 100DM. Hoàng Thị Thuận (Aschaffenburg) 50DM. Chu Quỳnh Sơn (Gera) 50DM. Nguyễn Văn Nhiệm (Garbsen) 20DM. Nguyễn Thị K. Thanh 20DM. Đỗ Quốc Anh (Cottbus) 50DM. Ngô Thành Cát (WI) 50DM. Lê Anh Dũng 20DM. Quân + Minh 10DM. Hường + Thành (Schwedt) 50DM. Lâm Quốc Kiếm 10DM. Bùi Thị Mạnh (Königsutter) 20DM. Giang Võ 40DM. Nguyễn Ngọc Hùng (Schweinfurt) 20DM. Gđ. Nhan Manoly (HH) 20DM. Vũ Quốc Anh 10DM. Phan Ngọc Thanh (Göttingen) 20DM. Nguyễn Thu Hà 7DM. Ngô Thị Dương (Holgeimar) 40DM. Bùi Thị Nữ 30DM. Trần Nhật Quang (Ibbenbüren) 20DM. Nguyễn Văn Tân 50DM. Nguyễn Thị Thủy (Winsen) 10DM. Bùi Thị T. Thủy 10DM. Đặng Thị Tuyết (Döbeln) 50DM. Phan Ngọc Lâm 20DM. Vũ Thường (HH) 10DM. Phương Thị Đại (Kleinostheim) 50DM. Bùi Đình Huấn (Sögel) 20DM. Nguyễn Văn Thuận (Köln) 100DM. Tiêu Đức Quyền 50DM. Lê Hồ Nam (Papenburg) 20DM. Nguyễn Tuấn Tú 20DM. Nguyễn Đức Lượng (D'dorf) 20DM. Nguyễn Thị Tèo (\*) 20DM. Nguyễn Đức Long (\*) 20DM. Nguyễn Đức Kim (Willich) 50DM. Nguyễn Thị Lan (Essen) 20DM. Gđ. Lê Anh Hùng (Czech.) 50DM. Lưu Tiến Tùng 10DM. Tăng Quốc Cơ (Laatzten) 100DM. Khiêm

(Bremen) 10DM. Nguyễn Thị Nường (\*) 30DM. Nguyễn Hữu Mừng Chi (Oberhausen) 50DM. Nguyễn Đức Thắng 10DM. Lê Thị La (Kleinrinderfeld) 50DM. Giang Tiên Kinh (Speyer) 20DM. Huỳnh Thị T. Văn (Trier) 20DM. Nguyễn Hưng + Tử Đường (Nürberg) 100DM. Kim Hạnh (HH) 50DM. Nguyễn Tuấn Dũng (Wiesbaden) 50DM. Gđ. Loan Nguyễn Schulz (Willingen) 20DM. Ngô Thị Thủy (Igensdorf) 50DM. Lê Thị Xem 20DM. Gđ. Nguyễn (Halle) 20DM. Nguyễn Nhân Hằng 20DM. Vũ Minh Thoa (Salzgitter) 10DM. Phan Thị Lan (Leibfing) 50DM. Hồ Thị Thanh Thủy 20DM. Thanh Otte (Uslar) 10DM. Châu Ngọc Lan (BS) 30DM. Nguyễn Phúc Hùng 10DM. Hàn Hân Trang (Garbsen) 20DM. Phan Ngọc Anh (USA) 200US. Kiều Ngọc Hường (Osteel) 10DM. Vũ Ngọc Toàn 50DM. Lương Xuân Hiền 20DM. Lê Quang 20DM. Đỗ Văn Bình (MDG) 20DM. Lưu Phước Lai (Nordhorn) 20DM. Trần Lưu Linh (Mainz) 30DM. Nguyễn Văn Thọ 30DM. Gđ. Tang 20DM. Lê Hồng Thu 20DM. Nguyễn Anh Tu (Mannheim) 20DM. Lý Ất (Seevetal) 20DM. Ấn danh 30DM. Nguyễn Thị T. Trang (Nordhorn) 20DM. Phạm Đình Huy 10DM. Nguyễn Phương 20DM. Trang Mỹ Huân (Oldenburg) 50DM. Cao Minh Tiên (Wildeshausen) 10DM. Vũ Thị Ánh 20DM. Lê Tiến Dũng 20DM. Trần Vinh (Marl) 50DM. Âu Tử Đức Lữ (G'hütte) 10DM. Lưu Thị Trinh 20DM. Nguyễn Thị K. Anh 10DM. Trần Thế Ngưu (WHV) 50DM. Lê Thị Các 10DM. Tôn Quốc Vinh (Saarbrücken) 180DM. HHHL ĐH Tôn Dị Hiến. Trần Hải Hòa (Spaichingen) 50DM. Hồ Thị Hào (Dortmund) 30DM. Trường Thanh Tùng + Hà 20DM. Nguyễn Xuân Trường 20DM.

#### • TRAI TẶNG

ĐH. Cao Thị Sâm (Hochdorf) 50DM. Nguyễn Phương Danh (M'Gladbach) 20DM. Lý Thanh Hường + Nguyễn Phước (Pforzheim) 50DM. Đặng Thị Kim Hoa (Wahlstedt) 10DM. Bùi Văn Mai (Reutlingen) 200DM. Nguyễn Danh Thắng (Mannheim) 20DM. Mme Hạnh Văn Lương (Pháp) 100FF. Bửu Quang + Diêu Tri + Bửu Thường + Bửu Lạc + Bửu Đức (Hòa Lan) 50Guld. Trần Thị Hồng Châu (Ý) 25.000Lire. Phan Văn Hữu (Tuttlingen) 50DM. Gđ. Nguyễn Thanh Tý (Recklinghausen) 50DM. Võ Thanh Hải (Neuss) 30DM. Nguyễn Văn Phó (Berlin) 50DM. Trần Thị Mỹ Hạnh (\*) 40DM. Nguyễn Thị Viễn Phương (Koblenz) 50DM. Tô Thành Quang (Bayreuth) 30DM. Vương Lệ Hoa (Bonn) 100DM. Hùng & Văn (Remscheid) 50DM. Trần Hoàng Minh (Liederbach) 50DM. Diêu Thông (Fürth) 50DM. Nguyễn Cảnh L. Vinh (Freiburg) 20DM. Ấn danh 10DM. Quảng Thọ (Kunzelsau) 20DM. Thiện Hữu (Cralshheim) 30DM. Vũ Thị Thu (Köln) 20DM. Nguyễn Thị Hường (\*) 20DM. Nguyễn Thị Toàn 20DM. Tâm Cừ (Gießen) 20DM. Trần Lăng Hía (Nürberg) 10DM. Trịnh Thị Thanh (\*) 20DM. Nguyễn Thị Yến (\*) 10DM. Lưu Ngọc Diệp (Ludwigshafen) 20DM. Trần Thị Phú (Stuttgart) 20DM. Nguyễn Văn Diên + Dư Thị Lưu (Krefeld) 50DM. Nguyễn Đình Hồng (Mannheim) 10DM. Lê Thị Hoa (Dusslingen) 30DM. Lê Văn Mỹ (Landau) 100DM. Lê Văn Trường (Karlsruhe) 50DM. Hồ Thị Kim Hoa (Essen) 30DM. Nguyễn Quốc Cường (\*) 20DM. Nguyễn Ban (Freiburg) 30DM. Lương Ngọc Phách (Bielefeld) 20DM. Phạm Công Hoàng (Bremen) 30DM. Nguyễn Hữu Mừng Chi (Oberhausen) 20DM. Âu Mau Hưng 10DM. Đặng H. Hao 10DM. Diêu Hạnh 10DM. Nguyễn Thị Thành (Langenhagen) 20DM. Đỗ Thuận Phát (Hannover) 100DM. Phạm Văn Sáu 10DM. Đặng Thị Xứng 30DM. Nguyễn Thị Kim Loan 20DM. Đặng Văn Uy 20DM. Trần Tấn Lộc 20DM. Đặng Văn Hòa 10DM. Hồ Văn Long 10DM. Đặng Thị Lang 20DM. Graven Thị Thơ 10DM. Nguyễn Thị Kim Phụng 10DM. Nguyễn Khắc Hùng 20DM. Quảng Tín + Đức Huệ 30DM. Dương 10DM. Ngô Văn Thuận 10DM. Nguyễn Văn Quyền 10DM.

Trần Xuân Hiền 20DM. Ton 10DM. Sinh 10DM. Chung 10DM. Điều Cao 10DM. Điều Thanh 10DM. Lâm Khắc Nga 10DM. Châu 10DM. Mạnh 10DM. Ngọc Thanh 50DM. Phạm Hoàng 50DM. Việc 10DM. Quý 30DM. Hoa 10DM. Tinh 10DM. Hồng Diêu 20DM. Mỹ Ly 20DM. Tâm 20DM. Nguyễn Công Tinh 20DM. Nguyễn Việt Đức 10DM. Nguyễn Văn Mến 20DM. Thanh 10DM. Phùng Ngọc Tuấn 10DM. Chu Toàn Vinh 10DM. Nguyễn Duy Hải 10DM. Ấn danh 20DM. Ấn danh 20DM. Nguyễn Thị H. Tân 10DM. Nguyễn Châu Bình 10DM. Nguyễn Quang Bình 10DM. Châu Lệ Anh 20DM. Tăng Kim Huệ 20DM. Tô Tú 20DM. Nguyễn Quang Hùng 15DM. Nhật Tăng 10DM. Ngô X. Duyên 10DM. Phan Minh Trung 10DM. Hùng 10DM. Dương Hùng 20DM. Diêu Cam 100DM. Thiện Ý (Hannover) 100DM. Diêu Nhụy (Laatzten) 20DM. Viên Tuyết (\*) 50DM. Bác Sáu Lâu (\*) 20DM. Tâm Thành 20DM. Diệu Anh 20DM. Minh Tôn 20DM. Thị Thẩm 20DM. Diêu Tịnh (Nürberg) 30DM. Tâm Lượng (Frankfurt) 30DM. Thiện Xuân (\*) 30DM. Bathke Diêu Minh (Gießen) 100DM. Xuân 10DM. Diêu Cần (Hannover) 10DM. Quảng Niệm (\*) 20DM. Diêu Đạo 20DM. Lê Thị K. Thu 20DM. Đoàn Thị Lai 20DM. Huỳnh Trung Hiệp (Köln) 50DM. Hà Tú Linh 20DM. Trường Thị T. Hà 10DM. Vũ Hồng Cách (Burg) 10DM. Quảng Thành (Pháp) 100FF. Diêu Chân (\*) 100FF. Mai Bá Phước 20DM. Thị Nhơn (Hannover) 20DM. Tăng Bích Phần 20DM. Lý Cao K. Phương 20DM. Quảng Ngô 30DM. Ngô Thị Cẩm Tý 20DM. Thu Yến 10DM. Pan Gast 20DM. Thiện An (München) 100DM. Trường Thị Ngọc (Sweden) 500Kr. Thawin Yokraya (\*) 100Kr. Mayuree Phatanachinda (\*) 100Kr. Nguyễn Bạch Yến 20DM. Nguyễn Phú Đức 10DM. Như Xuân (Linden) 40DM. Thiện Thanh + Thị Tân 150DM + 300FF. Kim Chi 20DM. Diêu Phầm 10DM. Kỳ Chi Trung 10DM. Kỳ Chi Nghĩa 10DM. Quảng Thái 10DM. Nguyễn Ngọc Trà My 20DM. Nguyễn Hùng Gy (Zwickau) 20DM. Nguyễn K. Thị Lan 20DM. Nguyễn Khánh Thìn 50DM. Nguyễn Sơn Kim (Bielefeld) 30DM. Nguyễn Tiến Dũng 20DM. Lê Thanh Tâm 50DM. Lê Thị Ngọc Diệp 50DM. Haag Bích Thủy 20DM. Nguyễn Hùng 10DM. Lê Thị K. Thanh 10DM. Nguyễn Thị M. Thị 10DM. Thiện Nguyễn 50DM. Đoàn Thị Mỹ Chi 50DM. Ông Tấn Thái 50DM. Phan Thị Nhỏ 10DM. Thiện Lương (Nürberg) 20DM. Trịnh Văn Phi (Pháp) 100FF. Lương Văn Xinh (Pforzheim) 20DM. Nguyễn Văn Bông (Karlsruhe) 20DM. Mẫn + Hào (\*) 20DM. Nguyễn Ngọc Mỹ (\*) 10DM. Diêu Kim (HH) 50DM. Trần Ngọc Xuân 20DM. Lê Thị Tâm 20DM. Huỳnh Kim Trọng 20DM. Thiện Tiên 50DM. Thái Thị Thi 10DM. Hùng Thực Kim 40DM. Nguyễn Văn Thái 10DM. Thiện Lương 20DM. Thiện Pháp 10DM. Nguyễn Ngọc Mai (Leipzig) 10DM. Nguyễn Kim Oanh (\*) 10DM. Đoàn Huỳnh Hường 10DM. Nguyễn Thị Thuận 10DM. Nguyễn Tấn Pha 10DM. Phan Thị Thủ 10DM. Thiện Danh 30DM. Diêu Nữ 50DM. Thiện Hải 20DM. Tăng Lê Nga 50DM. Ấn danh 20DM. Mạch Xuân My 50DM. Tạ Ngọc Hoa 20DM. Nguyễn Tăng Lộc 20DM. Thiện Hiện 10DM. Diêu Hoàng 20DM. Sơn 10DM. Diêu Thiện (HH) 20DM. Thiện Hào (\*) 20DM. Thiện Nghĩa 20DM. Hoa Ngọc (Lörrach) 50DM. Nguyễn Thị Hoa 20DM. Nguyễn Văn Vinh 10DM. Phạm Văn Hai 10DM. Nguyễn Văn Hưng 20DM. Hoàng Thị Tân 50DM. Trần Thị Sang 20DM. Ấn danh 20DM. Ấn danh 20DM. Đào Trọng Nghĩa 20DM. Nguyễn Hào Toàn 20DM. Thiện Thanh 30DM. Ấn danh 10DM. Vũ Thị Hòa 20DM. Bành Trúc Hoàng 20DM. Diệp Mỹ Quang 10DM. Minh Hiếu 30DM. Văn Ngọc Xuân 10DM. Trần Minh Hùng 10DM. Mai Hữu Phong 10DM. Lê Thị Nga 50DM. Nguyễn Huy 30DM. Nguyễn Thị Mai 20DM. Phan Hồng Việt 10DM. Diêu Ngọc 30DM. Becker 10DM. Trần Kinh Dương 30DM. Hoàng Ngọc Thạch 20DM. Nguyễn Văn Thành 20DM. Thành (Berlin) 20DM. Thiện Đức 100DM. Nguyễn Văn Tân 50DM. Diêu Hường 10DM. Nguyễn Kiều Đông 10DM. Nguyễn Thị nhị 20DM. Trần Bá 50DM.

Quách T. Quang 20DM. Gđ. Trinh 20DM. Diệu Hộ 50DM. Lưu An 20DM. Lưu Thế Mai (Nordhorn) 20DM. Lưu Thế Nhân (") 100DM. Phạm Lưu (") 30DM. Nguyễn Văn Tú 20DM. Ngô Huy Nhật 10DM. Thiện Đạo 10DM. Lâm Thành Lợi 10DM. Nguyễn Thị Tiếng 20DM. Đoàn Thị N. Mai 10DM. Diệu Nhân 50DM. Tạ Việt Tiến 20DM. Đặng Thị Hằng (Langenhagen) 20DM. Hằng Teickner (") 7DM. Phạm Công Tâm 10DM. Lê Trinh Cđ 10DM. Nguyễn Thị Lụa 10DM. Thương 20DM. Nguyễn Thị K. Nga 10DM. Mai Văn Bọc 10DM. Schmith 5DM. Võ Thị Tám 10DM. Lê Thái 10DM. Mai Thị Hoa 10DM. Phượng 10DM. Hiếu 10DM. Phùng Quốc Trung 20DM. Nguyễn Minh Công 20DM. Ấn danh 10DM. Phạm Ngọc Tuấn 10DM. Hoàng Chí Thuận 10DM. Thiện An 10DM. Phạm Thị Ôn 10DM. Hồ Thị Chung 20DM. Diệu Thở 20DM. Nguyễn Thu 20DM. Thiện Giới 20DM. Nguyễn Thị Hạnh 20DM. Nguyễn 20DM. Nguyễn Tấn Phát 30DM. Phạm Ngọc Thương 20DM. Nguyễn Việt Cường 10DM. Lê Đình Khôi 10DM. Nguyễn Hữu Pháp 5DM. Trần Quế Phong 50DM. Đỗ Thị Sang 20DM. Nguyễn Lê Xuân (Ludwigshafen) 10DM. Thiện Tâm + Thị Chánh 50DM. Dương Văn Bưởi 30DM. Diệu Hiền (HH) 50DM. Tôn Quốc Vinh (Saarbrücken) 20DM. Gđ. Thiện Pháp (Hannover) 100DM (Lê Tự Tử). Gđ. Quan Kim Khoan 100DM (Lê Tự Tử). Nguyễn Văn Thắm (D'dorf) 150DM.

**MỘT TƯỢNG PHẬT**

ĐH. Gđ. Quan Cảnh Nha (Celle) 150DM + 240DM, HL Đặng Lê Thuần & Lâm Lê Tiến. HLĐH Viên Mãn Nguyễn Thị Viên (Hannover) 120DM. Đặng Sai Kinh (USA) 120DM. Đặng Văn (Sweden) 120DM. Tăng Kim Huế 120DM. Hà Đại Đệ 120DM. Nguyễn Phi Long (Münster) 130DM.

**HƯỞNG LINH KÝ TỰ**

ĐH. Gđ. Quan Cảnh Nha (Celle) 150DM, HLĐH Đặng Lê. Nguyễn Quốc Thái & Hà Thị Minh Tý (Berlin) 150DM, HLĐH Phúc Thọ Hà Văn Thực. Cơ Chiệp (Berlin) 150DM, HLĐH Tong Se Do, Kim Lang Se Ngo + Khot-Sathon + Yun Sathon, Tiêu Chí Chung (Stingbert) 150DM, HLĐH Hà Đại Đệ. Lê Văn Tài (Salzgitter) 150DM, HLĐH Lê Văn Cây. Nguyễn Ngọc Mỹ (Stuttgart) 150DM, HLĐH Nguyễn Khắc Nhân. Gđ. Lưu Anh (Helmstedt) 150DM, HLĐH Huỳnh Gia Khánh. Nguyễn Thị Kim Chi (Lindenberg) 300DM.

**QUẦY HÀNG TÌNH THƯƠNG**

ĐH. Bác Sáu Lầu (Laatzen) 50DM. Hồ Đệ 50DM. Bùi Quang Liên (FF) 15DM. Trần Như Sơn (Hannover) 10DM. Thị Chơn (") 20DM. Lê Văn Tý (") 10DM. Nguyễn Tài Kim Thanh (") 10DM. Nguyễn Lê Nghĩa (") 100DM. Phượng Nguyễn (") 10DM. Phạm Đăng Anh Tuấn (Kassel) 100DM. Thiện Thạnh (") 10DM. Bùi Văn Địch (Berlin) 50DM. Huỳnh Ngọc Đường (") 50DM. Diệu Bào 10DM. Tố Hương (Fürth) 50DM. Bé Dung (Laatzen) 5DM. Quan Long (Oberhausen) 5DM. Huỳnh Vĩnh Khanh (Hildesheim) 5DM. Lê Tuấn Anh (Velpke) 20DM. Nguyễn Ban (Freiburg) 50DM. ChiHội Phật Tử VNTN Hannover 200DM. Lê Văn Trường (Karlsruhe) 50DM. Chùa Quán Thế Âm (Aachen) 100DM. Huỳnh Thị T. Thủy (Berlin) 20DM. Hạnh Trí 30DM. Hồ Minh Hoàng (Oberhausen) 106 bánh tét + bao bao + bánh quí + xu xuê. Nguyễn K. Thanh Mai (") 60 bánh giò. Diệu Nữ (Hannover) 90 miếng xôi vị. Gđ. Lương Văn Xinh (Pforzheim) 110 bánh ít trần + 13 bọc quần lót. Gđ. Như Thân (Hannover) 150 bánh in. Ban Nhà Bếp Chùa Viên Giác 60 bánh xanh. Cúc + Hoa + Châu 315 bánh xu xuê + mấm thái. Gđ. Lê Văn Trường (Karlsruhe) 23 bánh bía. Nguyễn Quế (Hannover) 10 phong kẹo Schokolade. Bác Hải (Neusadt) 50 bánh xanh. Nguyễn Thị Hạnh

(BS) 200 chà giò. Gđ. Hoàng Tôn Long (FF) Bánh xu xuê + mấm + xu xoa v.v....

**CÔ NHI VIỆN , CÙI, MÙ, DUỒNG LÃO**

ĐH. Bùi Văn Thi 50DM. Lâm Thúy Nguyễn (Pforzheim) 40DM. Ngô Quang Diễm Phi 50DM. Nguyễn Thị Bảy (Đan Mạch) 400Kr. Liễu Ngân (Hòa Lan) 50Guld. Nguyễn Thu Thủy (Wittlich) 20DM. Lê Thị Ngọc Diệp 50DM. Trần Văn Tuấn 50DM. Diễm Thủy (USA) 30US. Đặng Văn Chiến 50DM. Biện Thị Mai (HH) 150DM. Sự Cổ Hạnh Châu (Chùa Viên Giác) 100DM. Trịnh Quốc Trọng 50DM. Gđ. Nguyễn Thanh Tý (Recklinghausen) 150DM. Nguyễn Văn Thuộc (Mari) 20DM. Nguyễn Đức Sơn (Ludwigshafen) 50DM. Nguyễn Minh Tâm (Ý) 20.000Lire. Gđ. Trần Văn Công 10DM. Trần Minh Nhật (Nürnberg) 50DM. Gđ. Trịnh Minh Tân (Bad Pymont) 40DM. Dường Thị Quy (Essen) 25DM. Trần Thu Hằng (HH) 30DM. Lưu Phước Lợi (Nordhorn) 20DM. Liễu Thị Thà (BS) 10DM. Ấn danh 50DM. Nguyễn Văn Anh (Hòa Lan) 50Guld. Phan Phước (") 25Guld. Phạm Gia Hiền 50DM. Lê Thị Ngọc Diệp (Erlangen) 50DM. Nguyễn Ngọc Tuấn (FF) 20DM. Nguyễn, Thái Lan (Suisse) 40FS.

**CHÙA VIỆT NAM**

ĐH. Lâm Thúy Nguyễn (Pforzheim) 20DM. Liễu Ngân (Hòa Lan) 50Guld. Lê Thị Ngọc Diệp 50DM. Gđ. Nguyễn Thanh Tý (Recklinghausen) 50DM.

**CHỮ TẶNG Ồ VIỆT NAM**

ĐH. Phạm Ngô Kim Ánh (Pháp) 200FF. Đặng Văn Nghiêmm (Meerseburg) 50DM. Võ Thanh Hải (Neuss) 40DM.

**HỌC BỔNG TẶNG NI TRONG VÀ NGOÀI NƯỚC**

● **ĐH.** Trần Thị 50DM. Bửu Quang + Diệu Trí, Bửu Thường, Bửu Lạc, Bửu Đức (Hòa Lan) 50Guld. Gđ. Nguyễn Thanh Tý (Recklinghausen) 100DM. Lê Thị Mỹ (Landau) 100DM. Trần Thị 50DM. Thị Thở Graven (Veitschheim) 500US. (**Chùa Viên Giác**)

● Thiện Văn Nguyễn Văn Chương (Karlsruhe) 500DM. Hoa Phước Đỗ Thị Thu Hà (Eppelheim) 250DM. Ấn danh (Mannheim) 30DM. Ấn danh (Rottweil) 20DM. Ấn danh (Suisse) 10FS. Diệu Tường (Đan Mạch) 40DM. = Tổng Cộng 840DM + 10FS. Phan Thị Diệu (Việt Nam) 1.280DM (cho vay trong 5 năm)

**Số tịnh tài 840DM + 10FS và 1.280DM đã chuyển vào Konto 0344 630 Deutsche Bank Heidelberg, BLZ 672 700 03.**

Danh sách những ĐH cúng dường Quỹ Học Bổng cho Tăng Ni trong và ngoài nước trong tháng 12/97 - 2/98. (Đang Lại)

Thiện Tĩnh Lê Phượng Chi (Darmstadt) 112,50DM. Hoa Phước Đỗ Thị Thu Hà (Eppelheim) 200DM. Tâm Vũ Lê Thị Phượng (Mannheim) 30DM. Lê Tường Vi & Lê Nguyễn (Mannheim) 40DM. Ấn danh 50DM. Thiện Văn Nguyễn Văn Chương (Karlsruhe) 300DM. Phạm Hữu Phước 50DM. Ấn danh (Heilbronn) 20DM. Tâm Đồng Trần Hải Hòa (Tuttlingen-Rottweil & VPC) 50DM. Ngô Văn Thọ 50DM. Trần Thị Thu Dung (") 25DM. Thái Dũng (") 25DM. Trần Trung Hiệp (") 10DM. Thiện Liễu Huỳnh Nghiệp Thanh (") 50DM. Huỳnh Thị Hoàng (") 50DM. Thiện Phát Nguyễn Văn Nhiệm 20DM. Châu Nam 50DM. Trần Ngọc Mai 30DM. Phạm Văn Hoi (") 20DM. Châu Hiến Anh (") 20DM. Lê Văn Mười (") 20DM. Du Huế Bình (") 20DM. Lâm Phi (") 50DM. Trần Hùng Tâm (") 70DM. = Tổng cộng 1.362DM.

**Số tịnh tài 1.362,50DM đã được chuyển vào Konto 0344 630 Deutsche Bank Heidelberg, BLZ 672 700 03.**

**NGƯỜI NGHÈO + ĐÓI + NẠN LỤT TẠI VIỆT NAM**

ĐH. Liễu Ngân (Hòa Lan) 50Guld. Nguyễn Thu Thủy (Wittlich) 40DM. Nguyễn Đức Sơn (Ludwigshafen) 50DM.

**TRẺ EM NGHÈO Ở ẤN ĐỘ**

ĐH. Nguyễn Thanh Tý (Recklinghausen) 120DM. Nguyễn, Thái Lan (Suisse) 40FS. Gđ. Ton (Saarbrücken) 100Guld.

**QUỸ ỦNG HỘ MÁY IN**

ĐH. Gđ. Nguyễn Thanh Tý (Recklinghausen) 50DM. Đỗ Thị Bảo Trân (Duisburg) 20DM. Nguyễn Văn Trà (Troisingen) 20DM.

**QUỸ ỦY BAN GIẢI TRỪ PHÁP NẠN**

ĐH. Nguyễn Quốc Cường (Essen) 10DM.

**ĐỊNH KỶ HÀNG THÁNG XÂY CHÙA VIÊN GIÁC**

Chúng tôi thành tâm kêu gọi quý Đạo Hữu và Phật Tử xa gần hỗ trợ Chùa bằng cách đóng góp Định Kỳ Hàng Tháng qua Ngân Hàng bằng lối **Dauerauftrag** để việc thực hiện trả nợ xây chùa có khả quan hơn.

Khi chuyển tịnh tài cúng Chùa, xin quý vị vui lòng ghi vào nơi (*Verwendungszweck = mục đích cho việc gì*) để văn phòng dễ làm việc. Quý vị ở xa ngoài nước Đức cũng có thể gửi tiền mặt hoặc Check trong thư, có thể gửi thường hoặc bảo đảm về Chùa. Xin thành thật cảm ơn quý vị.

Tất cả mọi sự Cúng Dường định kỳ hoặc những lễ lạc khác cho Chùa, quý vị đều có thể lấy Giấy Khai Thuê Lại (*bằng tiếng Đức*) để cuối năm quý vị có thể khai khấu trừ thuế với Chính Phủ. Quý vị nào cần, xin liên lạc về Chùa bằng thư hoặc bằng điện thoại, chúng tôi sẽ gửi giấy đến quý vị.

Quý vị chuyển tịnh tài về Chùa, xin chuyển vào một trong hai số Konto như sau:

**1. Congr.d.Verein Vietn. Buddh. Kirche e.V.**  
Konto Nr. 870 1633  
BLZ 256 700 70  
Deutsche Bank Hannover  
(Mỗi ngày ngân hàng báo một lần)

**2. Pagode Vien Giac**  
Konto Nr. 870 3449  
BLZ 250 700 70  
Deutsche Bank Hannover  
(Một tháng ngân hàng báo một lần)

Ngôi Chùa thành tựu và phát triển được hay không là nhờ vào sự hỗ trợ từ vật lực cũng như tinh thần của quý Đạo Hữu và Phật Tử xa gần. Vì thế chúng tôi xin kêu gọi quý vị hoan hỉ đóng góp phần mình vào việc chung trên để ước nguyện của chúng ta thành tựu viên mãn.

**Nam Mô Công Đức Lâm Bồ Tát Ma Ha Tát**



# TRI ÂN VÀ CẢM TẠ



Vào ngày 3 tháng 11 năm 1998 vừa qua tại chùa Viên Giác Hannover - Đức Quốc đã làm lễ thọ tang và truy niệm Giác Linh Cố Hòa Thượng Bốn Sư của chúng con (chúng tôi) là:

## Thượng CHƠN hạ NGỌC - tự ĐẠO BẢO - hiệu LONG TRÍ

SINH NĂM 1927 VÀ VIÊN TỊCH VÀO NGÀY 1 THÁNG 11 NĂM 1998 NHĂM NGÀY 13 THÁNG 9 NĂM MẬU DẦN.  
THỂ THỌ 72 TUỔI VÀ 42 HẠ LẠP, THUỘC ĐỜI THỨ 40 DÒNG THIỀN LÂM TẾ CHÚC THÁNH.

Chúng con (chúng tôi) vô cùng cảm kích tấm thành tình của chư tôn đức Hòa Thượng, chư Thượng Tọa, Đại Đức Tăng Ni Văn Phòng II Viện Hóa Đạo tại Hoa Kỳ, tại Úc Châu và đặc biệt chư tôn Hòa Thượng, Thượng Tọa, Đại Đức Tăng Ni và đồng bào Phật Tử tại Âu Châu cũng như Chi Bộ Đức Quốc, Hội Phật Tử Việt Nam Tỵ Nạn và các Chi Hội cũng như các Gia Đình Phật Tử đã chia buồn, điện thư, điện thoại, thăm hỏi, phúng điếu, cầu nguyện Giác Linh Tôn Sư của chúng con (chúng tôi).

Đồng thời chúng con (chúng tôi) cũng xin đại diện cho môn đồ pháp quyến tại quê hương Hội An, Quảng Nam, xin chân thành cảm niệm công đức của chư vị Hòa Thượng, chư vị Thượng Tọa, Đại Đức Tăng Ni cũng như Phật Tử đại diện Hội Đồng Lương Viện Giáo Hội Phật Giáo Việt Nam Thống Nhất đã đến viếng thăm kim quan, đi vòng hoa và lễ vật cho Hòa Thượng Bốn Sư của chúng con (chúng tôi). Cũng như Hòa Thượng Trưởng Ban Tang Lễ, chư Hòa Thượng chứng minh và toàn thể Ban Tang Lễ gồm hơn 50 vị Thượng Tọa, Đại Đức Tăng Ni các chùa tại Quảng Nam - Đà Nẵng, Huế, Đà Lạt, Đại Ninh, Sài Gòn đã về tận Hội An trong suốt một tuần lễ từ ngày 1 tháng 11 năm 1998 đến ngày lễ nhập tháp vào lúc 11 giờ ngày 8 tháng 11 năm 1998.

Chúng con (chúng tôi) không biết diễn tả bằng ngôn từ nào để cảm tạ ơn đức sâu dày này của chư Tôn Đức và quý Phật Tử; nên tại Việt Nam sẽ thiết lập một Đại Lễ Trai Tăng vào lúc 11 giờ ngày 19 tháng 12 năm 1998 tại chùa Viên Giác Hội An và tại Hannover-Đức Quốc cũng sẽ tổ chức một Đại Lễ Trai Tăng như thế vào lúc 11 giờ trưa ngày 20 tháng 12 năm 1998 (Chủ Nhật) tại Chùa Viên Giác.

Vậy kính mong chư Tôn Đức và chư vị Phật Tử xa gần hoan hỷ về 2 nơi đã ghi trên để chúng mình cũng như tham dự lễ tuần chung thất của Hòa Thượng Bốn Sư của chúng con (chúng tôi).

Kính nguyện Tam Bảo gia hộ cho chư Tôn Đức và quý Đạo Hữu, Phật Tử được kiết tường như ý.

Thay mặt môn đồ pháp quyến tại Việt Nam cũng như Hải Ngoại.

Thích Tâm Thanh, Viện chủ Tự Viện Vĩnh Minh - Đại Ninh  
Thích Như Điển, Viện chủ Chùa Viên Giác Hannover - Đức Quốc

ĐỒNG CẢM TẠ



## VIÊN GIÁC

TẠP CHÍ CỦA KIỆU BÀO VÀ  
PHẬT TỬ VIỆT NAM TỶ NẠN TẠI  
CỘNG HÒA LIÊN BANG ĐỨC

Zeitschrift der Vietnamesen und Buddhistischen Vietnam-  
Flüchtlinge in der Bundesrepublik Deutschland

### CHỦ TRƯỞNG (HERAUSGEBER & DRUCK)

Congr. d. Verein Vietn. Buddh. Kirche e.V  
Karlsruher Str.6 - 30519 Hannover - Deutschland

### CHỦ BUIT

Đạo hữu Nguyễn Trí

### QUẢN LÝ TOA SOẠN

Đạo Hữu Thị Tâm

### BAN BIÊN TẬP & CÔNG SỰ VIÊN

Thượng Tọa Thích Như Điển - Huy Giang - Đan Hà - Quỳnh  
Hoa - Từ Hùng Trần Phong Lưu - Thiện Nghĩa - Phan Ngọc -  
Hồng Nhiên - Thiện Căn Phạm Hồng Sáu - Thị Tâm - Phú  
Vân

Hồ Trường An (Pháp) - Tỳ Anh (Đức) - Nguyễn Văn Ba  
(Canada) - Từ Xứng Roland Berthold (Đức) - Thanh Bình  
(Thụy Sĩ) - Người Giám Biên (Đức) - Đông Phương Mai Lý  
Cang (Pháp) - Hà Huyền Chi (Hoa Kỳ) - S.H. Hà Đậu Đồng  
(Đức) -- Phương Hà (Bi) - Thái Tú Hạp (Hoa Kỳ) - Nguyễn  
Đình Hùng (Hòa Lan) - Nguyễn Tấn Hùng (Mỹ) - Trần Thị  
Nhật Hùng (Thụy Sĩ) - Dr. Thái Văn Kiểm (Pháp) - Nguyễn  
Minh Khánh (Canada) - G.S. Vũ Kỳ (Bi) - Thiện Hữu Trần  
Hữu Lộc (Đức) - Huyền Thanh Lữ (Đức) - Thiện Mẫn (Nga) -  
Thiện Xuân - Inna Malkhanova (Nga) - Vũ Nam (Đức) - Lê Thị  
Bạch Nga (Canada) - Tuệ Nga (Hoa Kỳ) - Phong Hùng Lưu  
Nhơn Nghĩa (Úc) - Hạnh Nguyễn (Ấn Độ) - Hoàng Phi Lưu  
Hoàng Nguyễn (Úc) - Phan Hùng Nhơn (Đức) - Nguyễn Việt  
Nữ (Hoa Kỳ) - Văn Nường LNC (Pháp) - G.S. Lê Văn Quối  
(Hòa Lan) - Giang Phúc Đông Sơn (Đức) - T.S. Lâm Như  
Tạng (Úc) - Phạm Thăng (Canada) - Đoàn Văn Thông (Hoa  
Kỳ) - Nguyễn Thùy (Pháp) - Võ Thúc (Ấn Độ) - Hoài Việt  
(Pháp) - Yên Tú Cử Sĩ Trần Đại Sỹ (Pháp). Võ Thu Tịnh  
(Pháp).

### KY THUẬT AN LOÁT (Layout)

Trung Tâm V.H.X.H. P.G Việt Nam tại Đức Quốc

### CUNG SỰ CÔNG TÁC CỦA :

Mitwirkung von :

Hội Phật Tử Việt Nam Tỵ Nạn tại Cộng Hòa Liên bang Đức  
Vereinigung der Buddhistische-Vietnamflüchtlinge i. d. BRD

### TÒA SOẠN & AN QUÂN

Trung Tâm Văn Hóa Xã Hội Phật Giáo Việt Nam tại Đức  
Vietnamesisch-Buddhistisches  
Sozio-Kulturzentrum i. d. BRD  
c/o Chùa Viên Giác

Karlsruher Str.6 - 30519 Hannover

Tel. 0511 - 87 96 30 . Fax : 0511 - 87 90 963

E-Mail pagode-vien-giac @oln.comlink.apc.org

### VIEN GIAC erscheint 6 mal Jährlich

- Viên Giác phát hành mỗi 2 tháng vào những tháng chẵn. Nhằm mục đích phục vụ lợi ích cộng đồng người Việt tỵ nạn tại Đức Quốc trên mọi mặt.
- Viên Giác bảo tồn và phát huy truyền thống Văn Hóa Phật Giáo và Dân Tộc Việt bên cạnh những sinh hoạt Tôn Giáo, Xã Hội hoàn toàn không có tính cách thương mại, tuy nhiên mọi ủng hộ qua hình thức cúng dường. Viên Giác xin chân thành cảm tạ.
- Ủng hộ hiện kim cho Viên Giác. Quý vị sẽ nhận được biên nhận theo sự yêu cầu để làm đơn xin quân bình thuế lương bổng hoặc lợi tức hằng năm.

Congr. d. Verein Vietn. Buddh. Kirche e.V  
Konto Nr. 870 16 33 - BLZ 250 700 70  
Deutsche Bank Hannover

## MỤC LỤC

## Trang

Thư tòa soạn	1
<b>● TÔN GIÁO</b>	
Bí ẩn về tiền kiếp và hậu kiếp - Đoàn Văn Thông	2 - 5
Kề cận tử quang - Hoàng Phi Lưu Hoàng Nguyễn dịch	6 - 8
An lạc và hạnh phúc - Cử sĩ Chánh Trực	9 - 12
<b>● AUF DEUTSCH</b>	
Der Buddhismus und die Menschen - Thích Nhu Dien	13 - 16
<b>● VĂN HỌC PHẬT GIÁO</b>	
Trang Hoa Phượng : Hồng Nhiên phụ trách	17 - 21
Con chó, con mèo và anh chàng nghèo khổ - Hồng Nhiên	
Vùng hạ - Ban Mê	
Gia Đình Phật Tử - Phạm Hồ ng Sáu	
Vườn thơ Viên Giác : Những dòng thơ mới - Phú Vân	22 - 26
<b>● SÁNG TÁC, VĂN NGHỆ, BIÊN KHẢO, THAM LUẬN CHÍNH TRỊ</b>	
Phong trào thơ mới trong cuộc cách mệnh ... Võ Thu Tịnh	27 - 29
Đường Thi tuyển dịch - Phan Nam Giang	30 - 34
Mối tình Hồ Xuân Hương & Nguyễn Du - Nhất Uyên Phạm Trọng Chánh	35 - 38
Qua những mùa đông - Nguyễn Tấn Hùng	39 - 42
Bốn năm vôi trường trung học Thủ Khoa Nghĩa - Lưu Nhơn Nghĩa	43 - 48
Lá thư Bắc Mỹ - Lê Thị Bạch Nga	49
Chiếc áo kỳ dị - Duy Phương	50 - 51
Các đàn thờ tại Bắc Kinh - Trần Phong Lưu	52 - 53
Bàn về học thuyết tri hành - Thái Văn Kiểm	54 - 56
Thư tịch Việt, Thư viện Đức - Trần Văn Tích	56 - 58
Lời khuyến cáo với những người đi về VN - Thích Hạnh Tấn	59 - 61
Bổ sung yêu chuộng hòa bình - Tôn Quang Tuấn	61
Khoa Việt học ở nước Nga - Inna Malkhanova	62 - 64
Những niềm tin vững vàng vào Phật Pháp - Nhật Trọng Trần Văn Minh	64
Những dẫn đo khó khăn của người biên khảo sách .... Vũ Kỳ	65 - 69
<b>Y HỌC THƯỜNG THỨC</b> : Quỳnh Hoa sưu tầm	70
Tin tức thế giới - Người Quan Sát	71 - 75
Lá thư tháng 11 từ Moscow - Hoàng Dung	76 - 77
Diễn đàn dân chủ : Mai Hồng Khanh, Thiện ý Nguyễn Chí Thành, Đoàn Thanh Bình	78 - 79
Nhân đạo hay vô nhân đạo - Đặng Thị Thanh Nguyên	80
Tin Phật Sự - Thông Báo Báo Chí	81 - 84
Mùa Vu Lan 1998 tại Cali có gì đặc biệt - Thanh Vũ	85 - 88
Chương trình Lễ Phật đản kỷ của năm 1999	89
Phướng danh cúng dường, Phần ưu	90 - 99

### ● THƠ :

12. *Nghĩ đến quê hương (Ý Nga)*. 19. *Tuổi thơ (Hồng Lan)*. *Phật Tử thủ nếm Lục Hoà (Nguyễn Văn Cường)*. 21. *Tiếng vọng hồng chung (Tuệ Nga)*. 34. *Về quê cũ (Quang Tuấn)*. 48. *Buổi trưa quê (Dữ thị Diễm Buồn)*. 51. *Danh lam Viên Giác (Trần Thị Túy Thanh)*.

### CÁO LỖI

Vi số trang báo có giới hạn nên các bài của quý văn thi hữu gửi đến, cũng như mục phướng danh cúng dường không thể đăng hết trong kỳ báo này được. Chúng tôi sẽ tiếp tục đăng trong các kỳ báo tới. Xin thành thật cáo lỗi cùng quý vị

● Ban Biên Tập Viên Giác

## BÁN VÀ CHO THUÊ TRANG PHỤC CÔ DÂU

XUÂN CÚC, IN LAISEN 26, 72764 REUTLINGEN. TEL. 07121 - 33 42 69



☐ Áo Soirée đủ màu, đuôi dài hoặc ngắn đồng bộ với găng tay, vương miện, bông cài tóc, vòng cổ, bông tai v.v... Áo dài gấm Thượng Hải đủ màu đồng bộ với khăn đóng áo choàng. Áo xuyến xám, quần áo rộng phụng (theo phong tục người Hoa). Quần áo dự tiệc (Abendkleid) cho mọi lứa tuổi. Tất cả là sản phẩm của Úc Châu (Australia), kích thước phù hợp với người Á Châu.

- ☐ Mâm quả, khay rượu, đủ loại giấy kiếng để gói trà rượu cũng như trang trí cho hội trường hay trong nhà trong ngày cưới. Nhận trang điểm, Massage da mặt, làm tóc cho cô dâu với 12 năm kinh nghiệm.
- ☐ Nhận quay phim và chụp hình đám cưới.
- ☐ Nhận xăm mắt, miệng chân mày v.v... với kỹ thuật mới (Tốt nghiệp khóa tu nghiệp thẩm mỹ tại Úc Châu 1996).

## LPC ~ FILM ~ VIDEO ~ FOTO



**NHẬN QUAY VIDEO - CHỤP HÌNH Đám CƯỚI VÀ PHIM TÀI LIỆU NGHỆ THUẬT VỚI CÁC ĐẢM BẢO SAU ĐÂY:**

1. Người thực hiện là Quay phim và Đạo diễn điện ảnh nhà nghề đã 22 năm kinh nghiệm với nhiều tác phẩm đã được thẩm định qua các cuộc thi phim (Festival) lớn của quốc gia và quốc tế.
2. Tại CHLB Đức những năm gần đây chúng tôi đã thực hiện thành công 1 số phim tài liệu đặc sắc như: ■ "Tình xuân quê hương" (1994) ■ "Dalai Lama thăm chùa Viên Giác" (1995) ■ "Đất lành và An lạc" (1998): là 2 tập phim được làm một cách rất công phu về lịch sử chùa Viên Giác - Hannover.
3. Dùng 2 máy Camera S-VHS để quay và cắt băng, làm chủ tiêu đề, ráp nhạc v.v... với các máy đời mới đạt tiêu chuẩn chất lượng cao.

Xin quý vị liên lạc với chúng tôi qua 2 địa chỉ:

1. Phạm Luyện - Alte Bahnhofstr.81  
21220 Seevetal - Tel. 04105 - 981142
2. Lưu Phạm - Bocholder Str. 266 - 45356 Essen.  
Tel & Fax : 0201- 610703

## Tin Mỏi Nhất Thẩm Mỹ Viện Mùa Xuân

Phát triển thành bệnh viện tư nhân Riefenbach Institut (với sự cộng tác của giáo sư y học sửa sang về sắc đẹp, bác sĩ phẫu thuật người Đức, thợ cạo xoa bóp, nữ thợ xăm lành nghề người Việt)

- ♥ Hút mỡ bụng, đùi, cằm, làm cho thân hình cân đối.
- ♥ Cắt mí mắt chữa sụp mí. Cắt mí mắt một mí thành hai mí
- ♥ Làm hết các nếp nhăn trên mặt, vết xạm do tuổi già.
- ♥ Xóa các vết sẹo trên da.
- ♥ Làm căng da mặt bị nhăn bằng phẫu thuật.
- ♥ Làm bay hết các loại nốt ruồi bằng tia hồng ngoại (Laser)
- ♥ Xoa bóp y học, châm cứu chữa bệnh đau lưng, khớp mãn tính.
- ♥ Phục hồi sức khỏe sau khi sanh đẻ, ốm đau lâu ngày bằng máy điều Oxy.
- ♥ Xăm mí mắt, môi, lông mày không đau, có đảm bảo.
- ♥ Xăm trên người với nhiều hình đẹp nghệ thuật
- ♥ Chữa bệnh liệt dương (bán thuốc cường dương Viagra)
- ♥ Xóa các vết xăm bị hỏng

### ĐẶC ĐIỂM CỦA VIỆN :

Làm không đau. Phục vụ tận tình.

Đối với những người ở xa hoặc có con nhỏ, viện có phòng khách sạn với bể bơi, phòng tắm hơi phục vụ.

Xin mời liên lạc : Tel. : 05322 - 70 95 (buổi sáng và buổi tối)

05321 - 18708 (buổi chiều).

Địa chỉ : Kurhaus Strasse 18 - 38667 Bad Harzburg

VIEN GIAC, KARLSRUHER STRASSE 6, 30519 HANNOVER  
PSdg, Deutsche Post AG, Entgelt bezahlt H 46298



➔ Bán vé máy bay đi, về và ngược lại các nước ở CHÂU ÂU, CHÂU MỸ, CHÂU ÚC & CHÂU Á

- ➔ Hướng dẫn và lo thủ tục Visa
- ➔ Chọn lựa những chuyến bay thuận lợi, thích hợp và giá rẻ.

Xin quý vị liên lạc qua :

**Kim Hoa Doba - KIMADO**

Uhandstr.9  
73249 Wernau a. N.

Tel. 07153 / 36 890

Fax. 07153 / 37132

Montag - Freitag : 10h - 16 h

## NHẬN QUAY VIDEO & CHỤP HÌNH

Lễ cưới - Đính hôn - Sinh nhật và Tài liệu Nghệ Thuật v.v...

Video & Foto Professional



# Phạm Bình

Langes Kreuz 14 - 31785 Hameln

Tel. 05151 - 458 20

0171 - 4617162

- Ghép CẢNH - CHỮ - NHẠC các phim Video. Quý khách sẽ hài lòng khi băng được dựng lại thêm tư liệu cảnh, chữ đẹp, nhạc hay.
- Chuyển hệ băng Video các hệ PAL ↔ NTSC ↔ SECAM bằng Computer. Bảo đảm chất lượng hình ảnh và âm thanh tốt nhất.
- Phóng to hình các cỡ bằng giấy ảnh "siêu bền", lồng với cảnh đẹp, các vật tượng trưng lễ cưới, sinh nhật như: lá trầu, nhẫn cưới, bánh v.v... Chắc chắn chắn dung quý khách sẽ đẹp hơn với "Thẩm mỹ Computer".
- Chúng tôi được sự khen ngợi và tin nhiệm của Cộng đồng người Việt tại nước Đức và các nước Châu Âu nhiều năm qua vì :
- ➔ Người thực hiện công việc đã tốt nghiệp Đại học ngành quay phim truyền và trên 15 năm trong nghề quay phim và chụp ảnh nghệ thuật.

### Làm việc nhiệt tình - uy tín - cẩn thận

- ➔ Quay với hai Kamera Super VHS và dựng phim bằng Studio Video - Computer tiêu chuẩn Professional
- ➔ Hình ảnh chụp và quay có nhiều Fantasy - Effekten đẹp và lạ.
- ➔ Thu thanh và lồng nhạc bằng phương pháp Audio-Mix và HiFi-Stereo
- ➔ Có đầy đủ nhạc về lễ cưới tiếng Việt, Hồng Kông, Ngoại quốc.
- ➔ Băng Video được quay với sự đạo diễn và dàn dựng để thành phim "Kino" có giá trị nghệ thuật và kỹ thuật với nhiều sáng tạo độc đáo.

➔ Những việc "trọng đại" trong đời người xin hãy tin tưởng và giao trách nhiệm cho : **VIDEO & FOTO PROFESSIONAL PHẠM BÌNH**